100 TRUYỆN NGẮN HAY

TRUNG QUỐC



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

100 TRUYỆN NGẮN HAY TRUNG QUỐC

TẬP II

Nhóm tuyển chọn: NGÔ VĂN PHÚ
VŨ ĐÌNH BÌNH
PHẠM SÔNG HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN - 1998

LỜI NÓI ĐẦU

Truyện ngắn Trung Quốc là một thể loại đặc sắc, có nhiều thành tựu. Từ thời cổ cận đại, những truyện truyền kỳ, truyền thuyết, những câu truyện của những bậc thuyết khách đã để lại những áng danh văn.

Các tác giả nối tiếp thời cận hiện đại lại có nhiều truyện ngắn nổi tiếng, đa dạng cả về nội dung lẫn phong cách thể hiện.

Đặc biệt những năm gần dây, truyện ngắn hiện dại Trung Quốc đang được mùa nở rộ. Nhiều tác giả mới xuất hiện. Có những tác giả đã trở thành những cây bút lão luyện trong thể loại này như Giả Bình Ao, Trương Thừa Chí, Sử Thiết Sinh, v.v...

Chúng tôi lựa chọn 100 truyện ngắn Trung Quốc, chính là nhằm để giới thiệu mùa truyện ngắn hiện đại với thành tựu nổi bật ấy. Để bạn dọc thấy dược truyền thống của thể loại này, nhóm biên soạn có tuyển thêm một số truyện ngắn của những tác giả tiền bối tiêu biểu như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Băng Tâm, Lâm Ngữ Đường, v.v..

Tập sách đã tập hợp được các bản dịch của các dịch giả Hán văn quen thuộc ở Việt Nam như Tản Đà, Cao Xuân Huy, Trương Chính, Phan Văn Các, Trần Đình Sử, Phạm Tú Châu, Lê Bầu, Hà Phạm Phú, Vũ Công Hoan, Xuân Du, Trinh Bảo, v.v..

Chúng tôi sắp xếp theo trình tự alphabet của âm Hán Việt. Riêng phần truyện truyền kỳ, truyền thuyết, thì xếp theo trình tự niên biểu.

Hi vọng rằng "100 truyện ngắn hay Trung Quốc" sẽ là một tập sách bổ ích cho những bạn đọc say mê truyện ngắn Trung Quốc và những nhà nghiên cứu...

Trong lúc tuyển chọn, biên soạn chắc không thể tránh được những khiếm khuyết. Mong bạn đọc thể tình lượng thứ.

NHÓM BIÊN SOẠN

TAM MAO

THIÊN THẦN TÌNH NGUYỆN

Trước đêm lễ Giáng sinh mấy hôm, đứa bé láng giềng đã mang đến tặng tôi một hình nộm thiên thần làm bằng giấy bồi.

Nó đứng ngoài cổng, tựa người lên hàng rào, nói với tôi:

- Đây là hình giả làm bằng giấy, chứ trên đời này làm gì có thiên thần phải không cô?

Tôi nhìn vào mắt nó rồi nói:

- Có chứ? Thiên thần có thật. Và cô đây đã có những hai thiên thần.

Thằng bé tò mò nhìn tôi:

- Ở đâu?

- Phải con quen biết cô sớm một chút, thì con sẽ thấy họ còn ở chung với cô. Nhưng tiếc quá. Bây giờ thì không còn.

(*) TAM MAO (1943 - 1991) là một trong số những nữ văn sĩ nổi tiếng của Đài Loan từ những năm 1970. Bà đã viết và dịch nhiều tác phẩm với một văn phong mới mẻ, thấm đượm tình nhân ái và sự cảm thông sâu sắc đặc biệt của người phụ nữ Á Đông.

Thằng bé tròn mắt nhìn tôi.

- Thế bây giờ họ đi đâu rồi?

- Đi đâu à? - Tôi hướng về chân trời xa. - Đấy, họ ở phía dưới cái cánh sao đó một chút.

- Cô nói thật, chứ không gạt con chứ?

- Thật mà.

- Con không tin, nếu thật sự có thiên thần, chẳng ai dại gì bỏ đi.

- Tại con không biết, chứ lúc đó... cô cũng không biết, cô dại lắm. Hai thiên thần kia lúc nào cũng chăm sóc che chở cô...

- Làm gì có người ngày ngày sống chung với thiên thần mà lại không biết?

- Vậy mới lạ, mà không phải chỉ một mình cô, nhiều người như vậy lắm...

- Thiên thần họ thường sống với trẻ con. Vậy lúc đó cô còn nhỏ?

- Ừ.

- Nhưng tại sao họ lại thương trẻ con như vậy?

- Bởi vì trước khi giao trẻ con cho họ chăm sóc, Thượng đế đã lén lấy một phần trái tim của thiên thần đặt vào lồng ngực đứa bé. Vì vậy chỉ cần nghe tiếng đập của trái

tim đứa bé, là thiên thần đã cảm động đến độ muốn khóc òa lên ngay.

- Thiên thần thích khóc lắm à? Hẳn họ chẳng vui gì lắm?

- Ừ, họ hay khóc, nhưng đó là vì quá thương những đứa trẻ mà họ che chở bảo vệ. Có khi họ phải rơi lệ suốt một đời. Nhưng vì họ bận lắm, có lúc họ phải nuốt cả nước mắt vì không có thời gian sử dụng khăn tay, họ cũng sợ nước mắt làm ướt đứa bé, rồi nó lại ngã bệnh...

- Cô nói ngoa rồi, làm gì có thiên thần nào lại ngu như thế?

Thằng bé cười lớn góp ý, khi nghe tôi nói vậy. Nhưng tôi mặc, tiếp tục nói:

- Và rồi, có một ngày nào đó, đứa bé được chăm sóc kia cũng sẽ trưởng thành, lúc đó nó nói với vị thiên thần: Bây giờ tôi đi đây. Xin quý vị đừng lẩn quẩn bên chân làm quấy rầy tôi nữa.

Thằng bé ngạc nhiên.

- Thế thiên thần trả lời sao?

- Thiên thần ư? Họ chỉ lặng lẽ nhìn nhau rồi mang hết bửu bối trên người ra, trao cho đứa bé. Và đứa bé kia thật vô tình. Nó quẩy hành lý trên vai, rồi đi thẳng, không màng cả chuyện quay đầu lại.

Thằng bé hàng xóm có vẻ cảm động.

- Rồi thiên thần kia đã vào nhà, đóng kín cửa lại và khóc?

- Họ làm gì có thời gian đó? Họ vội vã giương cánh bay cao lên bầu trời, nhìn theo hướng đứa bé đi. Đứa bé còn trẻ. Xin lỗi. Bây giờ nó đã là người trưởng thành nên nó đi rất xa... Còn thiên thần thì bây giờ già quá rồi. Mặc dù đã mệt mỏi, nhưng họ vẫn cố gắng theo dõi. Cho đến lúc nó chỉ còn là một chấm đen rồi mất hẳn họ mới chịu quay về nhà. Bấy giờ mới khép cửa lại, tắt đèn, rồi yên lặng ngồi bên nhau, và họ mới rảnh rỗi mà khóc.

- Thế người trưởng thành kia đi đâu?

- Chuyện đó thì cũng không có gì quan trọng. Chỉ tội cho hai thiên thần kia. Họ đã mất đứa bé, có nghĩa là đã mất một phần trái tim... Họ cảm thấy trống trải, vì dưới đôi cánh của họ chẳng còn cái gì để họ che chở. Đúng ra thì họ có quyền nghỉ ngơi, nhưng mà... Con biết không? Vì đôi cánh đó sử dụng lâu ngày quá, nên cơ bắp gần như bị chai cứng đi, bây giờ có muốn khép lại cũng không được.

Thế còn... Người đã ra đi đó? Không lẽ anh ta chẳng nhớ gì tới những vị thiên thần đã chăm sóc che chở cho mình?

- Ồ. Có chứ? Những lúc trời trở gió hoặc mưa bão, chắc chắn anh ta cũng nhớ đến đôi cánh đã che chở cho mình. Có thể là anh ta cũng đã khóc một trận cho đã nư, cho quên...

- Ý cô muốn nói là... cái con người kia chỉ nhớ đến sự ích lợi của đôi cánh, chứ không thật sự thương nhớ đến bản thân của hai vị thiên thần kia?

Câu hỏi của cậu bé hàng xóm làm cho tôi ngẩn ra hồi lâu. Tôi run rẩy cầm hình nộm thiên thần trong tay, mắt hướng về phía biển xa trong hoàng hôn và không nói được lời nào.

Mãi đến lúc có một cơn gió thổi qua, tôi mới nói:

- Sau đó, thì anh ta cũng có nghĩ đến chứ...

- Lúc nào?

- Lúc mà anh ta hiểu ra là... mãi mãi mình sẽ không còn quay lại với thời gian đã mất. Và anh ta nhớ...

- Tại sao không quay lại?

- Bởi vì... anh chàng ấy, một buổi sáng giật mình tỉnh dậy, chợt phát hiện là dưới nách mình lại mọc ra đôi cánh. Có nghĩa là anh ta cũng đã biến thành thiên thần.

- Ồ, vậy thì hay biết mấy? Có cánh không phải là có thể bay về nơi cũ sao?

- Tại con không biết, cái đôi cánh mới mọc ra đó không

phải là để bay, mà nó chỉ được sử dụng như một dụng cụ để che chở mưa nắng thôi.

- Sao kỳ vậy? Đôi cánh đó mọc ra để che chở cho cái gì? Công việc của vị thiên thần mới này với những thiên thần cũ có khác nhau không?

- Chẳng khác nhau. Lúc đó dưới đôi cánh có một mái nhà nhỏ. Một gia đình. Có những đứa bé Thượng đế mới giao lại. Có tình yêu mà cũng có nước mắt.

Thằng bé hàng xóm của tôi nghe vậy, kết luận:

- Vậy thì làm thiên thần cũng khổ quá chứ đâu sướng gì?

- Ừ, khổ lắm chứ! Nhưng họ lại lấy cái khổ đó làm hạnh phúc.

Nghe tôi nói, thằng bé hàng xóm chăm chú nhìn tôi, một lúc rồi nó hỏi:

- Cô nói... cô thật sự có những hai thiên thần như vậy à?

Tôi gật đầu.

- Đúng vậy!

- Thế sao cô không về ở chung với họ?

- Cô đã nói với con rồi. Không làm sao quay về được. Khi mà ta đã giác ngộ ra thì mọi thứ đã muộn màng...

Thằng bé hàng xóm lắc đầu.

- Thật tình con không hiểu cô định nói gì...

- Một ngày nào đó lớn lên rồi con sẽ hiểu. Bây giờ thì con chưa biết, cho đến lúc, cha con, mẹ con...

Tôi chưa nói dứt câu, thì thằng bé đã cắt ngang:

- Cha con à? Suốt ngày ông ấy đi làm, tối còn phải đi dạy thêm, không có lúc nào ông ấy ở nhà để chơi với con... Còn mẹ con ư? Bà ấy chỉ biết cơm nước, giặt giũ, lau nhà, quét dọn rồi cằu nhằu... Rõ chán!

Thằng bé đang nói đến đấy thì bên kia nhà mẹ cậu xuất hiện trước cửa, lớn tiếng nói vọng qua:

- Minh ơi! Con làm gì đó? Về ăn cơm đi con!

- Đấy, cô thấy không? Thằng bé có vẻ bực dọc - Mẹ con lúc nào cũng vậy, cằu nhằu mãi! Suốt ngày cứ bắt con cơm với nước! Chán chết!

Và thằng bé đứng thẳng người lại, gật đầu chào tôi rồi quay lưng chạy về nhà. Vừa chạy vừa nói:

- Nếu con mà có hai thiên thần giống như cô, thì con đã không phải sống trong cảnh địa ngục thế này.

Minh ơi! Bây giờ thì con chưa biết. Và sau này khi con hiểu ra... thì mọi sự e rằng cũng đã muộn màng rồi con ạ!

LIÊU QUỐC NHĨ *dịch*

THÀNH HÁN TIÊU

XƯƠNG CÁ

Ông Đức Hưng có vóc người rất đẹp: lưng hổ, mình gấu, mặt vuông, vai rộng. Hồi còn trẻ ông Đức Hưng có sức khỏe siêu phàm cả làng không ai sánh nổi. Có lần đi biển đánh cá, thuyền Đức Hưng bị bọn cướp biển chặn đường, Đức Hưng múa tít chiếc neo sắt nặng hơn hai trăm cân1 khiến bọn cướp biển sợ xanh mắt. Một lần khác thuyền Đức Hưng đang vượt qua bãi đá ngầm bỗng gặp cơn lốc lớn, đai thép gắn mái chèo với cạp thuyền gãy rời , mái chèo mất điểm tựa, thuyền bị gió cuốn xoay tròn như chong chóng. Bảy thanh niên trai tráng trên thuyền gào khóc tuyệt vọng. Đức Hưng điên tiết gầm lên: "Khóc mẹ chúng mày à!" - Dứt lời, Đức Hưng dùng hai đầu gối kẹp chặt mái chèo làm điểm tựa, hai tay ghì chắc cọc chèo rồi quát hai thanh niên khác gò lưng quạt sóng đưa thuyền về bến an toàn. Lên đến bờ mọi người mới biết hai đầu gối Đức Hưng toạc da trơ xương trắng hếu, nhưng Đức Hưng chỉ lấy giẻ buộc lại cho cầm máu và chỉ hai ngày sau lại đi biển như thường.

1 Một cân Trung Quốc bằng 500 gram.

Là người đi biển giỏi nhất làng, nhà lại có thuyền riêng, Đức Hưng vừa giỏi cầm lái vừa thạo luồng lạch cộng với sức khỏe phi thường nên Đức Hưng nghiễm nhiên trở thành biểu tượng yêng hùng nhất đám ngư dân làng chài. Thường ngày trong làng nếu ai có ý hợm mình khoe tài đi biển liền bị mọi người hỏi vặn ngay: "Liệu đã bằng Đức Hưng chưa? Dám so với Đức Hưng à?" Tựa hồ như Đức Hưng là vị thần tiên của biển cả.

Tất nhiên đó là chuyện trước kia.

Năm nay ông Đức Hưng đã bảy mươi tuổi. Mười năm nay ông không đi biển nữa bởi lẽ chân ông mắc chứng tê thấp không chịu được nước lạnh. Việc đi biển kiếm ăn đã có con cháu làm thay. Ông Đức Hưng ở nhà trông coi đàn cháu và thường kể cho chúng nó nghe những sự tích phi thường trên biển mà ông đã trải qua hồi trai trẻ, ông cũng không quên truyền lại cho chúng kinh nghiệm cầm lái, kinh nghiệm phân biệt luồng nước trên biển khơi bao la...

Hàng ngày vào lúc rỗi rãi ông Đức Hưng thường ngồi uống rượu một mình. Sau một lúc khề khà độc ẩm, ông nhắm mắt mơ màng hồi tưởng lại chuyện đi biển năm xưa, cảnh sóng to gió lớn và những chuyện hiểm nguy ông đã trải qua. Nhớ lại đoạn nào đắc ý, ông bất ngờ hét lên mấy tiếng rồi thở phì phì khiến mấy cô con dâu thường giật

thót người sợ hãi.

Đêm nằm ngủ, ông Đức Hưng hay mê sảng. Ông toàn mơ thấy biển sóng, cá và thuyền... Ông thường mơ gặp và đánh nhau với một con cá to lớn kỳ lạ, con cá đó màu xanh biếc hung hăng quẫy mình tung lên những đợt sóng bạc đầu cao ngất... Kết thúc giấc mơ thường là cảnh ông bắt sống hoặc giết chết con cá khổng lồ đó khiến lòng ông lại tràn ngập niềm vinh quang tự hào của quá khứ. Cũng có hôm ông Đức Hưng mơ thấy cảnh ông quay cuồng vật lộn với sóng dữ từ chiếc thuyền con ông đã dùng nó suốt bốn mươi sáu năm, trong đó có hăm nhăm năm ông sung công cho tập thể. Chiếc thuyền con như có linh hồn đầy tình nghĩa luôn gắn bó với ông. Mỗi năm Tết đến, ông Đức Hưng đều dán lên nóc thuyền tờ giấy điều ghi đôi câu đối tốt lành mở đầu một năm mới lênh đênh sóng nước. Trong giấc mơ không bao giờ ông Đức Hưng gặp cảnh cô đơn và phiền não. Bởi vậy những khi cảm thấy cô đơn phiền não, ông thường đi ngủ để sống lại những giây phút huy hoàng trong giấc mơ oanh liệt.

Tuổi tác mỗi năm một già, nỗi phiền não trong lòng ông Đức Hưng ngày càng tăng thêm. Hầu như ngày nào ông Đức Hưng cũng hồi tưởng lại thời oanh liệt năm xưa. Bởi lẽ đó mỗi khi thấy ai có vóc người khỏe mạnh, ông

Đức Hưng lại nhớ đến tuổi trẻ của ông và càng thêm sầu não vì sức trai tráng phi thường của ông không còn nữa. Ông Đức Hưng đâm ra ghen tị với tất cả những người khỏe mạnh.

Ông Đức Hưng thường nằm lì ở nhà và hay cáu bẳn vô cớ.

Mỗi khi tức giận, ông Đức Hưng thấy tất cả mọi người, mọi việc đều chướng mắt ông.

- Thằng ranh con kia! Mày đã biết thế nào là sóng to gió cả chưa? Đã sờ được mấy cái vảy cá mà đã đòi lên mặt?

Sau mỗi lần mắng mấy đứa hậu sinh lếu láo, ông Đức Hưng lại thủng thỉnh đi ra bờ biển ngắm cảnh đất trời. Bãi biển quen thuộc từng chứng kiến bao quá khứ huy hoàng thời trai trẻ của ông. Ông chọn một mô đá ngồi xuống suy nghĩ vẩn vơ và lẩm bẩm nói chuyện hàng giờ với mấy con dã tràng đang lăng xăng xe cát.

Đợi khi trời sẩm tối ông Đức Hưng mới đủng đỉnh về nhà. Vào tầm đó ông thường gặp lão Thọt cũng trên đường về nhà với dáng đi cà nhắc. Mỗi lần gặp lão Thọt, ông Đức Hưng đều cố ý tránh mặt đi vòng đường khác.

Xưa nay ông Đức Hưng rất coi khinh lão Thọt - sự coi khinh pha lẫn lòng thương hại kẻ yếu đuối. Hôm nay lão Thọt xem chừng có chuyện gì vui lắm. Từ xa nhìn thấy

nét mặt hớn hở của lão Thọt, cơn bực bội trong lòng ông Đức Hưng càng tăng thêm gấp bội.

*

* *

Ông Đức Hưng và lão Thọt cùng đẻ năm Canh Dần, năm nay đều đến tuổi bảy mươi. Lão Thọt gầy còm thoạt nhìn chẳng khác gì con vượn. Vì chân lão có tật đi cà nhắc nên dân làng gọi là "lão Thọt", gọi mãi quen mồm thành tên. Đến nay cũng chẳng ai biết tên thật của lão Thọt là gì.

Thời trai trẻ lão Thọt chỉ ham chơi, không chí thú với nghề nông cũng chẳng ham mê nghề cá, quanh năm lười biếng không chịu làm ăn. Nhưng trong làng hễ nhà ai có việc gì động dao động thớt là lão có mặt làm giúp ngay, từ việc cưới xin, giỗ chạp đến việc ma chay, bốc mộ... việc gì lão cũng làm rất tận tình. Lão Thọt rất thạo việc khâm liệm người chết và bao giờ cũng làm chu đáo theo yêu cầu của chủ nhà từ việc tắm rửa cho người quá cố mặc quần áo liệm rồi đặt vào quan tài... khi cần thiết lão cũng có thể tham gia một chân thổi kèn trong ban tang nhạc. Tuy lão chỉ thuộc vài đoạn trong hai bài nhạc đưa đám "Tiểu vân sơn" và "Xếp mái chèo", nhưng tiếng kèn của lão nghe khá thảm thương rất hợp với cảnh khiêng linh

cũu ra đồng.

Lão Thọt có một nghề thông thạo nhất khó ai sánh nổi, đó là nghề bốc mộ.

Dân chúng trong vùng thường có nhu cầu di chuyển mồ mả tổ tiên đến nơi đất tốt. Mỗi lần di chuyển như vậy, do quan tài chôn dưới đất lâu ngày mục nát nên phải bốc hài cốt sang tiểu sành. Các bậc dâu hiền hiếu tử không nỡ để xương cốt ông bà, tổ tiên bị thất lạc đều phải thuê mướn những người thông thạo công việc bốc mộ đến giúp việc. Gặp những dịp đó, lão Thọt đều trổ hết sở trường bốc mộ và cũng chỉ trong những dịp đó lão mới được hưởng quyền uy sai khiến người khác mà thường ngày không bao giờ lão được hưởng. Thoạt đầu lão Thọt xăng xái chỉ huy việc đào mộ, khi đào đến tấm ván thiên, lão mới lớn tiếng quát mắng mọi người nhẹ tay kẻo bùn đất lọt vào quan tài ô uế hài cốt. Tiếp đó lão tự tay mở nắp quan tài rồi thản nhiên xua đuổi đám chuột chũi, rắn rết bao lâu nay kết bạn với xương cốt các cụ trong quan tài rồi kiên trì tỉ mỉ nhặt từng mẩu xương xếp sang tiểu sành cho đến khi đếm đủ hai trăm linh sáu đốt xương, lão Thọt không nề hà tẩn mẩn bới từng hòn đất, bóp từng nắm bùn cho đến khi chủ nhà sốt ruột quá bảo thôi, lúc đó lão mới chịu dừng tay kèm theo câu giao giá: " Tìm hết rồi nhé!".

Nghề bốc mộ của lão Thọt bận rộn nhất là thời kỳ cả

nước học tập Đại Trại[1], khắp nơi san bằng gò đống làm ruộng trồng lương thực. Hồi đó nhà nào cũng phải dời mộ ông bà, tổ tiên và đều phải nhờ cậy lão Thọt.

Sau mấy năm liền chuyên nghề bốc xếp hài cốt, lão Thọt hiểu rõ từng chi tiết cấu trúc bộ xương người chẳng kém gì một nhà phẫu thuật xương cốt chuyên nghiệp. Đêm nằm trên giường lão Thọt thường ôn lại công việc đã làm trong ngày, dự tính ngày mai bốc mộ cho nhà nào, người nằm dưới mộ là ai... Những lúc đó lão Thọt thường nhớ lại những người trước kia lão quen biết giờ đây chỉ còn là nắm xương trắng dưới mồ, những người đó khi còn sống ai hiền lành, ai độc ác... Nghĩ chán bất giác lão Thọt lấy tay sờ nắn xương xẩu trên người rồi tưởng tượng bộ xương lão sau này ở dưới mồ ra sao... Thích thú với ý nghĩ đó, lão Thọt chẳng thấy lo âu gì về sự vô công rồi nghề của lão.

Việc bốc mộ không vất vả lắm lại được trả công sòng phẳng, nhưng không ai cạnh tranh với lão Thọt vì công việc này thất thường lúc có lúc không, hơn nữa mồ mả di chuyển mãi cũng hết, mỗi nhà chỉ nhờ lão Thọt giúp một lần, chẳng nhà nào nhờ đến lần thứ hai. Bởi vậy trong con mắt của dân làng, sở trường bốc mộ của lão Thọt chẳng

1. Đại trại: Một công xã thuộc tỉnh Sơn Tây - Trung Quốc, được mệnh danh là lá cờ đầu của nông nghiệp Trung Quốc trong thời kỳ Cách mạng văn hóa.

qua chỉ là việc quen tay hay mắt mà thôi. Xuất phát từ quan niệm đó, mỗi lần hoàn thành xong việc bốc mộ, chủ nhà thường chi trả lão Thọt chút tiền công gọi là và mời lão đánh chén một bữa rượu không lấy gì làm thịnh soạn lắm. Đồ nhắm rượu tùy theo hảo tâm từng gia chủ nhưng không thể thiếu bát canh cá.

Lão Thọt thích ăn cá và rất sành ăn cá...

*

* *

Đối với dân làng chài, ông Đức Hưng là vị anh hùng, là ông thần biển. Từng vượt qua bao cơn sóng to gió cả ngoài biển khơi, đánh được đủ loại cá lớn cá bé, bởi vậy khi đi ngoài đường ông Đức Hưng luôn ưỡn thẳng lưng, ngẩng cao đầu, chân sải những bước dài oai vệ. Ông Đức Hưng rất khinh thường những kẻ mang danh là đàn ông nhưng hèn yếu. Bởi lẽ đó đi biển với ông Đức Hưng toàn là số thanh niên trai tráng khỏe mạnh luôn răm rắp làm theo lệnh ông, không ít người khao khát được cùng đi biển với ông Đức Hưng và coi đó là niềm tự hào vinh dự nhất.

Trong làng chỉ có lão Thọt được ông Đức Hưng đối xử khác hẳn mọi người. Túp nhà tranh của lão Thọt kề ngay sát nhà ông Đức Hưng, hễ nhà ông Đức Hưng có công việc gì lão Thọt đều sang làm giúp. Ông Đức Hưng hay

vì lão Thọt thính mũi chẳng kém gì chó mèo, luôn ngửi thấy mọi động tĩnh lớn nhỏ trong nhà ông. Lão Thọt rất tận tình trong chuyện giúp việc nhà Đức Hưng, đôi khi cần thiết lão còn kiêm luôn công việc nội trợ của đám đàn bà con gái nhà Đức Hưng nữa. Lão Thọt biết rõ cả chỗ nào để chai rượu, chỗ nào để chai dấm, lọ hồ tiêu, biết được ý thích của từng người trong nhà ông Đức Hưng, đôi khi lão làm giúp cả việc giặt giũ, cọ rửa nữa. Chiều chiều lão Thọt thường ôm đống lưới cá và quần áo bẩn của ông Đức Hưng ra bờ sông rồi đứng trên bờ ngắm nhìn vợ Đức Hưng sắn cao ống quần lộ rõ cặp đùi trắng lội xuống nước giặt giũ. Đã có người trêu ông Đức Hưng là lão Thọt mê vợ ông, nhưng ông Đức Hưng tỏ ra rất độ lượng, chỉ cười ha hả cho rằng đàn bà con gái thích ai kệ họ. Miệng nói vậy nhưng ông Đức Hưng không bao giờ tin rằng vợ ông lại phải lòng loại đàn ông còm nhom đáng thương như lão Thọt.

Ông Đức Hưng thương hại và cảm thông với địa vị hèn kém của Lão Thọt, ông đối xử với lão như người anh hùng đối với kẻ nhược phu, người giàu sang đối với kẻ nghèo hèn, kẻ mạnh đối với kẻ yếu.

Thường ngày gặp khi đánh được cá biển loại quý và sẵn rượu ngon trong nhà, ông Đức Hưng không quên gọi lão Thọt với giọng của ông chủ gọi chó mèo.

- Lão Thọt đâu rồi! Rờ rẫm mãi gì ngoài đấy! Muốn uống rượu thì vào mà uống!

Lão Thọt ngoan ngoãn ngồi vào mâm hầu rượu ông Đức Hưng. Tửu lượng của lão có thể cạn được vài chén để góp vui với chủ nhà. Trong các bữa rượu như vậy, dễ chừng đến già nửa những mẩu chuyện vui thường do chủ nhà bịa ra, nửa còn lại do những người hầu rượu góp đặt thêm.

- Nghe nói nước Mỹ làm được loại tàu đánh cá rất lạ, chỉ cần mở máy đi trên biển là bao nhiêu cá chui hết vào lưới. Nhưng sau đó Liên Xô làm ra loại tàu còn tài hơn thế, chỉ cần đi gần tàu Mỹ là bao nhiêu cá trong lưới tàu Mỹ bị hút hết sang lưới tàu Liên Xô. Mẹ kiếp! Xem ra bọn người Tây lợi hại thật, lưới đánh cá của họ chẳng khác gì túi càn khôn của phật Di Lặc!

Nghe những chuyện như vậy từ cửa miệng lão Thọt, ông Đức Hưng thường chạnh lòng, ông chợt nghĩ đến loại thuyền gắn máy mới xuất hiện năng suất đánh cá hơn hẳn loại thuyền buồm chèo tay của ông. Nghĩ vậy, ông thở dài ca cẩm:

- Khoa học của bọn Tây đúng là lợi hại thật! Thời buổi bây giờ có khoa học sinh ra lắm chuyện lạ lùng...

Lão Thọt tiếp lời:

- Khoa học của bọn quỷ Tây biến cái gì cũng thành của quý cả! Những thứ của nước ta từ vàng bạc châu báu đến cứt đái rác rưởi... Mẹ kiếp! Hễ vào tay chúng đều biến thành của quý hết!

Rượu vào lời ra, lão Thọt được thể ba hoa đủ chuyện, chuyện lão Thọt tìm được viên đá mã não to bằng quả trứng gà ở mộ tổ nhà này, tìm được vàng thoi Ngũ Định ở mộ tổ nhà kia, rồi chuyện quan tài mộ tổ nhà nào có Sâm A[1]... Kể xong, lão vỗ bình bịch vào bộ ngực lép kẹp của lão thề sống thề chết với mọi người là lão thuộc loại chính nhân quân tử không mờ mắt trước vàng bạc, của quý nhà nào trả đủ cho nhà đó...

Cứ thế chủ khách vừa ăn vừa nói đủ mọi chuyện trên trời dưới biển. Chuyện trò đang rôm rả, chủ nhà chợt phát hiện ra đống xương cá, vỏ tôm ở góc mâm trước mặt lão Thọt nom chẳng khác gì những đồ mỹ nghệ tinh xảo: con cá biển nguyên vẹn được răng lưỡi lão Thọt khéo léo gõ hết thịt còn lại chiếc vỏ và bộ râu nguyên vẹn. Thấy lạ quá, ông Đức Hưng thốt lên:

- Lão Thọt! Lão Thọt! Ta thật không ngờ lão có tài lẻ này!

Lão Thọt cười đắc ý đoạn gắp tiếp một con tôm hùm

1 Sâm A: Chú thích của tác giả: tương truyền người nào khi còn sống ăn nhiều nhân sâm, sau khi chết trong miệng mọc ra loại nấm gọi là Sâm A, Sâm A rất quý dùng chữa bệnh lao phổi rất hiệu nghiệm.

béo ngậy biểu diễn cho chủ nhà xem. Lưỡi lão thoăn thoắt đưa ra đưa vào, loáng một cái con tôm chỉ còn trơ lại chiếc vỏ rỗng.

Ông Đức Hưng thán phục:

- Này lão Thọt! Lão ăn của ta bao nhiêu tôm cá mới luyện được tài lẻ này! Lão nói cho ta nghe?

- Tôi... không nhớ hết được!

Ông Đức Hưng giơ tay véo tai lão Thọt, giọng kẻ cả:

- Ăn bao nhiêu mà không nhớ hả? Không bằng cho chó ăn! Chó nó ăn còn biết vẫy đuôi mừng!

Lão Thọt vội lảng sang chuyện khác nịnh ông Đức Hưng. Thủ thuật của lão là vậy, không bao giờ khiến chủ nhà phiền lòng để còn được mời ăn bữa sau. Được nịnh, ông Đức Hưng khoái chí cũng bắt chước lão Thọt dùng lưỡi gỡ thịt tôm, nhưng lưỡi ông thô quá không làm được.

Cũng như những ngư dân khác, ông Đức Hưng chưa bao giờ hà tiện trong việc ăn cá. Mỗi lần đi biển về, ông thường chọn những con cá tươi ngon nhất để đánh chén và lần nào cũng vậy đều không quên gọi lão Thọt mà ông luôn coi như loại mèo chó sang cùng nhắm rượu. Việc này đã thành thói quen và qua những lần được đánh chén thoải mái như vậy, chiếc lưỡi của lão Thọt càng thêm điêu luyện.

Một bữa đang ăn cá, ông Đức Hưng đột nhiên hỏi lão Thọt.

- Này lão Thọt! Lão là con yêu tinh ăn cá, lão có biết loài cá hồng có bao nhiêu đốt xương sống không?

- Hai mươi sáu đốt!

- Thế cá be be?

- Bốn mươi sáu đốt!

Ông Đức Hưng bới đống xương cá đếm kỹ, quả đúng vậy. Ông vỗ vai lão Thọt cười ha hả:

- Giỏi! Giỏi thật! Lão đúng là loài yêu tinh ăn cá! Giỏi! Đúng là yêu tinh! Không chê được!

Từ hôm đó, mỗi lần ăn tôm cá ông Đức Hưng đều chăm chú thưởng thức lão Thọt biểu diễn tài nghệ. Lão Thọt càng được dịp trổ hết tài năng vốn có. Cứ như vậy hết tháng này sang tháng khác, hai người ăn hết không biết bao nhiêu tôm cá biển. Sự việc trên đời hình như đã thành định luật, thời thế sinh anh hùng, khi anh hùng đã sinh ra thì khó có thể thay đổi được. Như ông Đức Hưng đây, tuy bây giờ ông không đi biển nữa nhưng vẫn là ông Đức Hưng vang bóng một thời. Còn lão Thọt dù có tài dùng lưỡi lọc xương tôm cá đến mức điêu luyện cũng chẳng được ai coi trọng; hơn nữa lão Thọt chỉ quen ăn chực làm mướn nên càng không có danh giá gì. Nhưng oái oăm thay,

định luật cũng có khi thay đổi mà đã thay đổi thì đảo lộn tất cả. Cuộc đời lão Thọt cũng nằm trong sự đổi thay duyên thiên kỳ lạ đó.

*

*   *

Kẻ từ khi dân chúng trong vùng thực hiện hỏa táng thay cho thổ táng, nghề bốc mộ của lão Thọt đâm ra ế ẩm; mặt khác mộ tổ tiên của dân làng đều đã di chuyển hết đến nghĩa địa công cộng và vĩnh viễn nằm ở đó nên chẳng nhà nào vời đến lão Thọt nữa. Không còn việc gì làm, lão Thọt nhàn quá đâm buồn, lão lang thang đi chơi hết chỗ này đến chỗ nọ, chơi chán vẫn buồn, lão muốn kiếm việc gì đó làm cho đỡ ngứa chân ngứa tay thậm chí làm muốn không công cũng được. Khốn nỗi lão Thọt đã già, chân tay không nhanh nhẹn như trước nên chẳng ai dám nhờ lão làm giúp, họ sợ lão già yếu không may sảy chân lỡ tay vấp ngã nằm ra đấy thêm mang tiếng. Ngay như ông Đức Hưng anh hùng hảo hán một thời là thế, nay già yếu cũng phải trông cậy vào con cháu, chính vì lẽ đó mà lão Thọt rất ít có dịp như loài mèo chó được sang ăn chực nhà ông Đức Hưng như trước nữa. Đoạn đời còn lại của lão Thọt xem chừng sẽ thầm lặng trôi qua vô vị...

Vốn bản tính thích ồn ào, từ hôm dân làng đào mương nuôi tôm ở bãi biển, suốt ngày lão Thọt có mặt góp vui

ở đó. Lão đứng chầu rìa nghe đám thanh niên nam nữ vừa đào đất vừa hò hét chòng ghẹo trêu chọc nhau. Được xem cảnh ồn ào vui vẻ đó, lão Thọt như trẻ lại. Lão thường đứng trên bờ cười thích thú.

Thấy lão Thọt cười, một cậu thanh niên cất tiếng gọi:

- Này lão Thọt! Cười cái gì đấy! Mau lại đây xem có cái gì này!

- Cái gì hử! Có phải cái ấy của mẹ chúng mày không?

- Không phải! Có cái gì cứng lắm ở dưới bùn đây này! Lão mau đến mà xem!

Quả nhiên lưỡi xẻng ấn mạnh chạm vào vật gì cứng phát ra tiếng kình kịch.

Lão Thọt vội bước đến xem. Tiếng một người nào đó vang lên: "Chắc là quan tài cụ tổ nhà nào!".

Đám đông tạm ngừng tay xúm lại xem và đều khẳng định đào trúng mộ tổ gia đình nào. Lão Thọt lặng im không nói gì. Trong giây phút đó, lòng lão chợt trào lên cảm giác quyền uy thiêng liêng chỉ riêng lão mới có. Lão hấp tấp lách tấm thân gầy gò lội xuống vũng bùn, dùng xẻng rồi sục cả hai tay bới móc vật cứng dưới lớp bùn đặc sệt. Hì hục một hồi lâu mặt mũi nhễ nhại mồ hôi, lão bê lên một vật gì to tướng nom giống như chiếc trống đồng.

Lão Thọt khẳng định đó là khúc xương cá, đám đông

cười ồ và mắng lão nói bừa, làm gì có loại xương cá nào to như vậy.

Ban quản lý văn vật huyện biết tin lập tức cử người xuống giám định, quả nhiên là một đốt xương sống của loài cá khổng lồ. Nếu con cá khổng lồ đó vùi xác ở bãi biển này thì nhất định hãy còn nhiều đốt xương sống nữa. Công việc đào mương nuôi tôm tạm hoãn lại chuyển sang đào xương cá. Đúng như dự đoán, chẳng mấy chốc mọi người đào được vài chục đốt xương cá nằm rải rác xung quanh.

Ông cán bộ văn vật mời ông thần biển Đức Hưng đến xem xương cá gì. Sau khi ngắm nghía hồi lâu, ông Đức Hưng mới trịnh trọng phán: đó là xương cá U-cha.

Ông cán bộ văn vật hỏi:

- Cá U-cha thuộc loại cá gì?

Ông Đức Hưng đáp thản nhiên:

- Ucha là thần cá, là quân cầm cờ của Đông hải long vương. Thuyền đi biển mà gặp thần U-cha thì phải thắp hương khấn vái. Nếu không, thần chỉ khẽ quẫy đuôi thì thuyền nào cũng bị lật chìm!

- Thần cá mà cũng chết à? - Tiếng người nào đó hỏi.

- Phạm vào mệnh trời thì phải chết chứ sao! - Ông Đức Hưng đáp gọn lỏn.

Ông cán bộ văn vật giải thích:

- Có lẽ cá quá già hoặc bị thương ốm đau gì đó mới chết chứ làm gì có mệnh trời mệnh đất!

Ông Đức Hưng không chịu thua:

- Thần cá Ucha không bao giờ chết, chỉ khi nào bị Long vương khoét mắt chặt đuôi thần mới chết!

Ông Đức Hưng nghiêm sắc mặt cố giải thích cho mọi người tin ông nói đúng. Ông nhớ hồi xưa có lần đi biển ông nhìn thấy một con cá to bị mất mắt cụt đuôi; hơn nữa ông là người đánh bắt được rất nhiều loại cá và là người hiểu biết nhất mọi vật dưới biển.

Đang đứng chầu rìa lắng nghe, bỗng lão Thọt xen vào:

- Con cá U-cha này hình như không thiếu đuôi!

Nghe lão Thọt nói vậy, ông Đức Hưng lừ mắt quay lại mát mẻ:

- Lão Thọt xem ra biết hơn tôi nhiều đấy!

Lão Thọt thật thà đáp:

- Vâng ! Hình như không thiếu đuôi!

Nói dứt lời, lão Thọt rẽ đám đông hì hục bê từng đốt xương cá chắp lại. Loay hoay một hồi lâu, đống xương được chắp thành hình một con cá có đủ đầu đuôi. Đám người đứng xem vỗ tay hò reo khen ngợi lão Thọt.

Chứng kiến cảnh đó, ông Đức Hưng quay phắt người bỏ đi thẳng. Ông giận lão Thọt làm mất mặt ông trước dân làng, dám chấp thành bộ xương cá không thiếu đầu đuôi như ông đã nói. Nhớ lại quá khứ mấy chục năm qua, hễ ông đã mở miệng nói ra điều gì thì ai cũng phải nghe răm rắp, nay bỗng nhiên ông bị mất mặt trước ông cán bộ huyện và đám con nít hậu sinh, kẻ làm ông mất mặt không phải ai xa lại chính là lão Thọt xưa nay ông coi như loài mèo chó chuyên ăn chực nhà ông, loài mèo chó đã ăn không biết bao nhiêu tôm cá của ông... Nghĩ đến đây, đầu ông Đức Hưng nóng ran như đống lửa tưới thêm dầu, cơn tự ái trào lên, ông ấm ức chửi thầm: "Thằng Thọt chó chết kia! Bao năm nay mày ăn no chán tôm cá của tao mà mày đã quên rồi à? Con chó ăn xong còn biết vẫy đuôi mừng, mày ăn rồi còn làm mất mặt tao! Mày hốc đầy bụng cá của tao nên mày mới thông thạo xương cá đến thế chứ...!

Ông cán bộ văn vật huyện không biết chuyện này, lão Thọt cũng chẳng để ý việc ông Đức Hưng giận lão. Mấy hôm sau lão Thọt được huyện mời lên giúp phục hồi bộ xương cá cổ. Lão Thọt hì hục bê đắp lắp ghép đúng vị trí từng đốt xương cá rồi bảo các nhân viên ban văn vật huyện dùng keo dính gắn lại. Lão Thọt hoàn thành công việc phục hồi bộ xương cá cổ rất nhanh gọn trước con mắt ngạc nhiên của đám người đứng xem.

Bộ xương cá cổ được bày triển lãm ở thị trấn huyện gây tiếng vang lớn. Chẳng mấy chốc dân chúng trong vùng đều biết bộ xương cá cổ do lão Thọt góp công phục hồi. Ngay chính lão Thọt cũng không hiểu vì sao lão lại trở thành nhân viên kỹ thuật phục hồi văn vật cổ.

Lão Thọt được lưu lại ở huyện lỵ chơi mấy ngày và được hưởng đủ mọi chế độ ưu đãi của huyện. Một lão già còm nhom như con khỉ mà có tài chắp được bộ xương cá cổ phức tạp có một không hai quả là chuyện lạ. Tiếng lành đồn xa, ai biết chuyện cũng lắc đầu thán phục bởi lẽ kỹ thuật phục cổ đâu phải ai cũng học được, rõ ràng là cả một đống nhân viên kỹ thuật văn vật huyện phải làm theo sự chỉ bảo của lão Thọt cơ mà. Những người không biết rõ đầu đuôi sự việc đều tưởng lão Thọt là chuyên gia khảo cổ cấp trên được huyện mời về giúp sức. Thích thú trước việc phát hiện ra văn vật cổ trong huyện nhà, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện đều lần lượt đến xem bộ xương cá cổ và đều phục tài lão Thọt. Có lẽ bởi lý do đó nên trước khi lão Thọt ra về, ngoài khoản tiền thù lao hậu hĩ được hưởng, lão còn được huyện mời dự bữa tiệc cám ơn do Ban văn vật huyện đứng ra tổ chức. Danh tiếng lão Thọt nhờ đó càng thêm rạng rỡ.

Trong bữa tiệc, Ban văn vật huyện thỏa thuận với lão Thọt từ nay hễ phát hiện được xương cốt cổ các loại động

vật dưới biển, huyện sẽ mời lão giúp phục hồi nguyên dạng. Lão Thọt cảm kích nhận lời liền.

Đang đà hứng thú, lão Thọt được dịp biểu diễn tiếp tài nghệ của lão ngay tại bàn tiệc. Đợi nhân viên phục vụ bưng món cá be be hấp ra, lão Thọt hăm hở đứng dậy:

- Xin các đồng chí dành cho tôi khúc đầu cá này, tôi sẽ biểu diễn cho các đồng chí xem!

Miệng nói, lão Thọt gắp luôn khúc đầu cá to tướng vào bát mình, lão vừa gỡ xương cá vừa giảng giải cho mọi người biết thế nào là sành ăn cá. Sau hai đợt thay món ăn và uống cạn hai tuần rượu, chiếc đầu cá be be đã được lão Thọt nhằn hết thịt chỉ còn lại bộ xương sáng bóng. Tiếp đó lão Thọt chọn ra một nắm xương và chỉ một loáng sau nắm xương cá đã biến thành một con hạc trắng đứng xòe cánh tuyệt đẹp. Cả bàn tiệc đều trố mắt ngạc nhiên trước con hạc trắng ghép bằng xương cá và đều tấm tắc khen phát minh của lão Thọt đúng là có một không hai. Ai cũng lấy làm lạ xương đầu cá be be có thể ghép thành chim hạc. Đề tài câu chuyện trong bàn tiệc được chuyển từ duy vật sang duy tâm rồi được đề cập tới "đấng thiêng liêng tạo hóa ra mọi vật"... Từ đó suy ra còn vô số sự vật bí hiểm khác con người chưa khám phá ra. Cuối cùng câu chuyện chuyển sang lĩnh vực tinh xảo của nghệ thuật dân gian.

Cuối bữa tiệc, mấy ông cán bộ văn vật tranh nhau xin "con hạc" của lão Thọt đem về trang trí trong tủ kính nhà mình. Tiếng ồn ào của phòng tiệc không ngờ làm kinh động đến văn phòng Hội nghệ thuật dân gian huyện. Mấy nhân viên Hội nghệ thuật dân gian chạy sang xem và đều quả quyết rằng "con hạc" - tác phẩm nghệ thuật của lão Thọt có thể xếp vào loại hàng mĩ nghệ xuất khẩu lấy ngoại tệ mạnh. Thấy vậy, hai ông đầu bếp khách sạn vội bưng tiếp ra năm con cá be bc hấp nài ni lão Thọt làm giúp cho đôi chim hạc...

*

* *

Tài nghệ điêu luyện của Lão Thọt khẳng định qua việc phục hồi bộ xương cá cổ U-cha và việc tạo hình nghệ thuật bằng vỏ tôm, xương cá. Kể cũng lạ, xưa nay dân làng chài chẳng ai thèm để ý đến tài vặt đó của lão Thọt, nay bỗng dưng ngón tài vặt của lão Thọt lại gây chấn động lớn trong hầu hết các phòng, ban liên quan của huyện. Những người có trách nhiệm trong huyện ủy đều cho rằng tài nghệ đặc biệt của lão Thọt có một không hai, cần có kế hoạch tổng kết, phát triển và kế thừa.

Trong bài viết của Ban văn vật huyện gửi đăng báo tỉnh giới thiệu bộ xương cá cổ U-cha có dành riêng một đoạn giới thiệu lão Thọt. Bởi lão Thọt không có học vị

bằng cấp gì nên người viết chỉ giới thiệu lão là "một nhân viên kỹ thuật dân gian" của huyện. Địa vị xã hội của lão Thọt được chính thức khẳng định từ đó.

Hội nghệ thuật dân gian huyện ký hợp đồng với lão Thọt làm một số chim hạc bằng xương cá để đem đi chào hàng ở tỉnh bạn. Hợp đồng quy định rõ: tiền mua cá be be do Hội chi phí, lão Thọt chỉ việc ở nhà ăn cá rồi dùng xương đầu cá chắp thành chim hạc. Lão Thọt bỗng dưng có nghề kiếm sống vừa nhàn hạ vừa sướng miệng, cuộc sống nhàn tản hưởng thụ của lão chẳng kém gì các vị thần tiên của biển cả trong truyền thuyết...

Sau hôm lão Thọt từ huyện trở về, không khí làng chài thay đổi hẳn. Trong làng thường xuyên xuất hiện những người diện âu phục, đi giầy da bóng lộn ra vào nhà lão Thọt, túp lều tranh của lão Thọt ồn ào suốt ngày. Thoạt đầu dân làng rất ngạc nhiên, một số người tò mò đến thập thò ngoài cổng nhà lão Thọt xem có chuyện gì lạ, nhưng chỉ nghe thấy chủ khách nói toàn chuyện ăn cá, gỡ xương... họ bấm bụng cười kéo nhau về và chê cười người thành phố no cơm rửng mỡ mò về tận làng quê học cách ăn cá của lão Thọt. Mãi đến hôm có chiếc ô tô con trắng bóng lộn đỗ trên bờ đê đầu làng, một ông cán bộ tóc bạc trắng từ trên xe oai vệ bước xuống rồi đến thẳng nhà lão Thọt, lúc đó dân làng chài mới cảm thấy sự việc quan trọng và

mới biết lão Thọt đúng là có tài nghệ siêu phàm. Làng trên xóm dưới bàn tán rôm rả về lão Thọt và đều tự hào làng mình có lão Thọt.

Kể từ ngày đó dân làng chài đối xử với lão Thọt trọng vọng hẳn lên. Các cụ già cố dẫn ra vài việc khác thường thủa hàn vi của lão Thọt để minh họa đó là điềm báo trước tài nghệ của lão Thọt. Hàng ngày hễ trông thấy lão Thọt từ xa, mọi người đều đon đả chào hỏi, không ai dám coi thường lão Thọt nữa.

Trong làng duy nhất chỉ còn có một người nhìn nhận sự đổi đời của lão Thọt với thái độ khác hẳn.

Thấy lão Thọt đổi đời, uy tín lên như diều gặp gió, ông Đức Hưng suốt ngày ngồi lì ở nhà uống rượu. Ông thấy trời đất thật oái oăm, đạo lý sự đời đảo điên hết rồi. Đều bảy mươi tuổi như nhau mà một người từ vị trí yêng hùng chuyển sang hèn kém, một kẻ từ địa vị hèn kém bỗng chốc trở nên yêng hùng. Mấy chục năm qua ông Đức Hưng luôn ngự trị ở vị trí kẻ mạnh nay ông bị hạ xuống thành kẻ yếu, trong khi lão Thọt thân phận vốn hèn kém như loài mèo chó bỗng chốc biến thành đấng trượng phu đầy uy tín, thậm chí còn vượt xa uy tín của ông thời trai trẻ. Nhớ lại chuyện đống xương cá ở bãi biển hôm nào, nỗi buồn bực ấm ức lại trào lên đầy cổ, ông Đức Hưng cảm thấy công đức của các vị anh hùng cứu thế từ xưa đến nay

hình như đều uổng phí cả... Tuổi già của ông phải chứng kiến nhiều việc quái dị: kẻ không biết cầm lái thì phát tài bằng tôm cá, đống xương cá vứt đi lại đẻ ra anh hùng, thời buổi bây giờ khó hiểu quá, tam giáo cửu lưu[1] mạnh ai kẻ ấy phất...

Ông Đức Hưng thấy đời ông chẳng khác gì thân phận con cá, lúc ở dưới biển thì vượt sóng tung hoành, nay cá bị mắc lưới phải lên thớt chẳng còn được vùng vẫy giữa biển khơi. Nghĩ đến đây, cơn giận hờn ngấm cùng men rượu dồn lên mặt, ông uống cạn liền ba bát rượu trắng rồi quát gọi con dâu lấy thêm rượu.

Cô con dâu trưởng đón chiếc bát không, khép nép thưa:

- Bố đừng uống nữa! Để bữa sau!

Ông Đức Hưng quay phắt lại, trợn tròn hai mắt vằn những tia máu đỏ nhìn thẳng vào mặt cô con dâu dễ đến mấy phút rồi gầm lên:

- Mày khinh tao già rồi phải không? Mả cha chúng mày! Thấy cua cắp, tôm cũng muốn cắp hả?

Dứt lời, ông vung tay đập tan chiếc bát sành, đứng phắt dậy hầm hầm bỏ đi.

1. Tam giáo cửu lưu: Chỉ các trường phái trong tôn giáo, học thuật và các nghề chủ yếu trong xã hội phong kiến TQ trước kia. Tam giáo: nho giáo, phật giáo, đạo giáo, Cửu lưu: nho gia, đạo gia, âm dương gia, pháp gia, danh gia, mặc gia, tung hoành gia, tạp gia, nông gia.

*

* *

Ông Đức Hưng lầm lũi bước lên bờ đê. Trước mắt ông là bãi biển rộng mênh mông, thủy triều đã rút ra xa. Ông chọn một tảng đá to ngồi xuống, tảng đá bị nắng hun cả ngày nóng rực khiến ông vừa đặt đít một lát phải đứng ngay dậy đi tiếp.

Đang thơ thẩn đi, ông Đức Hưng chợt nhìn thấy lão Thọt cùng hai người lạ đi ngược chiều đến. Lão Thọt có điều gì phấn khởi lắm vừa đi vừa giơ tay chỉ trỏ, miệng nói liến thoắng. Ông Đức Hưng muốn tránh mặt nhưng ba người đã đến gần, ông đành khẽ gật đầu chào lão Thọt. Lão Thọt cũng gật đầu đáp lại rồi tiếp tục nói chuyện với hai người khách.

Đêm hôm đó trời bỗng nổi cơn dông rồi mưa như trút nước, những thia chớp sáng rực, ngoằn ngoèo như xé rách màn trời đen kịt. Nửa đêm có hai tiếng sét nổ đinh tai rung chuyển nóc nhà làm văng cả mấy hòn ngói xuống sân. Nằm trên giường nghĩ đến người nào đó không may bị sét đánh, nghĩ đến cảnh nước biển tràn qua bờ đê vào đồng ruộng, ông Đức Hưng bồn chồn không ngủ được. Trời chưa sáng ông đã trở dậy sửa soạn ra thăm đồng xem nước ngập đến đâu. Khi trời sáng hẳn, ông đã có mặt trên bờ đê, đêm qua sóng biển dâng đến nửa thân đê vẫn còn

hẳn lại ngấn nước. Ông Đức Hưng đang ngồi ngắm cảnh mặt trời mọc ngoài góc biển phía xa, chợt một người tất tả chạy về phía ông, vừa chạy vừa hốt hải gọi:

- Bác Đức Hưng ơi! Bác... Đức Hưng! Bác Thọt... gọi bác đến... có việc khẩn cấp! Bác đến... ngay đi!

Ông Đức Hưng liếc mắt nhìn người gọi mình, tưởng ai hóa ra cậu thanh niên làm giúp việc lão Thọt mấy tuần nay. Biết không phải ai trêu chọc mình, ông Đức Hưng định đáp nhưng máu tự ái lại nổi lên. "Lão Thọt là cái thá gì mà sai người đi gọi ông, đã thế ông đếch thèm đi". Nghĩ vậy, ông Đức Hưng vẫn ngồi im, mặt tỉnh khô.

Thấy vậy, cậu thanh niên cuống lên cố trình bày cho ông Đức Hưng rõ là lão Thọt đang nguy kịch phải nhờ cậu gọi ông đến. Nhìn bộ mặt tái mét của cậu thanh niên, biết có chuyện chẳng lành xảy ra với lão Thọt, trong đầu ông Đức Hưng chợt lóe lên ý nghĩ tò mò thử đến xem lão Thọt bị tai nạn gì. Ông thủng thẳng hỏi:

- Có việc gì mà phải gọi đến tôi?

- Bác Thọt đang nằm liệt giường nguy kịch lắm! Bác dứt khoát phải đến!

Ông Đức Hưng cố ngồi rán thêm chút nữa rồi mới dằn giọng: "Ừ thì đi!", đoạn ông uể oải đứng dậy phủi đít quần rồi thủng thẳng đi theo cậu thanh niên xuống chân đê.

Vừa bước vào cửa, quả nhiên ông Đức Hưng thấy lão Thọt đang nằm bất tỉnh nhân sự trên giường.

Đêm qua đúng lúc có tiếng sét to, lão Thọt đang khoan khoái nhấm rượu với con cá be be to tướng luộc béo ngậy. Lão Thọt vừa rung đùi nhằm rượu vừa ước lượng bộ xương đầu con cá be be ấy có thể ghép thành con hạc cực đẹp. Có lẽ do quá say sưa với những dự định trong đầu, cũng có lẽ do tuổi bảy mươi phản ứng không nhanh nhạy nữa nên một chiếc xương đầu cá sắc nhọn như lưỡi kiếm trôi tuột vào họng lão và cắm sâu ở đó. Do quá đau và khó thở lão Thọt ngất xỉu đi lúc nào không biết. Sáng sớm nay khi cậu thanh niên giúp việc phát hiện ra, lão Thọt mới hơi tỉnh đôi chút. Lão phều phào bảo cậu thanh niên nọ đi gọi ông Đức Hưng.

Ông Đức Hưng quá quen thuộc với các loại sự cố về xương cá. Dân đi biển như ông bị xương cá đâm toạc chân thủng tay là chuyện thường tình. Mặc dù đang bực lão Thọt, nhưng trước cơn nguy khốn của lão, ông Đức Hưng không thể làm ngơ. Ông vội quát bảo cậu thanh niên mau tìm dấm thanh, nhưng nhà lão Thọt không có loại dấm ấy. Sực nhớ trong trạn nhà ông còn dấm thanh, ông sai cậu thanh niên chạy đi lấy. Có dấm rồi, ông hì hục dùng ống sậy đổ dấm vào họng lão Thọt. Xưa nay dân đi biển quen chữa hóc xương cá bằng dấm thanh, xương cá ngấm

dấm thanh sẽ mềm nhũn rồi trôi luôn vào dạ dày. Nhưng thật oái oăm, chiếc xương cá cắm quá sâu trong họng lão Thọt và cũng không biết chính xác hóc ở vị trí nào, nên đổ hết nửa chai dấm vẫn chẳng thấy kết quả gì.

Thử chữa mấy cách khác cũng không được, ông Đức Hưng bắt đầu cuống lên. Ông lầu bầu trách lão Thọt "tôi tưởng ông đã đổi tính đổi nết rồi đâu ngờ ông vẫn chứng nào tật ấy. Ăn uống vội vàng thế nào mà đến nông nỗi này! Ông sợ chó nó ăn hết phần của ông à! Khốn khổ thân ông!". Thấy lão Thọt vẫn nằm im không động đậy, ông Đức Hưng hốt hoảng vội quát bảo cậu thanh niên đi gọi hàng xóm đến khiêng lão Thọt đi bệnh viện cấp cứu.

Ông Đức Hưng cùng đưa lão Thọt đến bệnh viện rồi ở luôn đó chăm sóc lão Thọt ba ngày liền. Các bác sĩ phải rạch cổ họng lão Thọt mới lấy ra được chiếc xương cá to tướng. Sau ca tiểu phẫu thuật đó, lão Thọt bị biến chứng tê liệt thần kinh phải nằm thêm nửa tháng nữa mới xuất viện. Từ hôm về nhà, chân tay lão Thọt lúc nào cũng run rẩy, lão thường ngồi thần người nhìn đống xương cá, nước mắt chảy dài...

*

* *

Trước kia ông Đức Hưng rất ít khi sang chơi nhà lão Thọt, nhưng từ khi lão Thọt mắc chứng tê người, hầu như

ngày nào ông cũng sang chơi với lão.

Hai ông già thường ngồi rủ rỉ chuyện trò cả buổi. Ông Đức Hưng nói nhiều hơn, lão Thọt chỉ ngồi nghe vì mỗi lần lão mở miệng, nước dãi lại chảy ra, giọng lão cũng khàn hẳn so với trước khi mổ.

- Chà chà! Tôi với ông thế là đã qua hơn sáu chục năm sóng gió luân hồi rồi đấy ông nhỉ! Sống ở đời ai cũng có đoạn vẻ vang oanh liệt, sống phải có lúc vẻ vang oanh liệt thì chết mới sướng phải không ông? - Ông Đức Hưng rủ rỉ.

- Vâng!... Đúng vậy! - Giọng lão Thọt khàn khàn.

Ông Đức Hưng nói tiếp:

- Hôm kia thuyền máy của đội đánh cá đang đi bỗng gặp cá U-cha đấy! Mấy đứa con nít dám dùng súng bắn cá U-cha đấy ông ạ! Thế có liều không chứ! Sớm muộn rồi sẽ xảy ra tai họa cho mà xem.

- Vâng...! - Lão Thọt gật gù.

- Mấy hôm nay đêm nào tôi cũng nằm mơ...

Ông Đức Hưng bỗng im bặt.

Ánh mắt hai ông già hướng ra sân, ngoài đó có đôi chim chích chòe hoa đang hót. Trời nắng gắt, cảnh vật bên ngoài như được nhuộm một màu vàng rực. Mấy đám mây trắng trên trời lững lờ trôi in hình xuống mặt đất lúc

mờ lúc tỏ. Xa xa, cánh đồng lúa xanh ngắt một màu. Hai con chim chích chòe chí chóe một hồi trên mái nhà rồi xòe cánh lao vút ra cánh đồng.

Cảnh vật lại yên tĩnh.

Lão Thọt khẽ cựa người rồi giơ tay làm hiệu, miệng lắp bắp.

Ông Đức Hưng... hò thuyền...

Hiểu ý lão Thọt muốn nghe điệu hò mái đẩy, ông Đức Hưng gật đầu rồi hắng giọng khẽ hò hai đoạn mái đẩy theo nhịp chèo thuyền...

Một lúc sau chợt nhớ ra điều gì, ông Đức Hưng nhìn lão Thọt hỏi:

- Ông đã ngồi thuyền ra biển chơi lần nào chưa? Lão thọt lắc đầu.

- Đợi ông khỏe hẳn, tôi sẽ đưa ông đi biển chơi một chuyến nhé!

Lão Thọt gật đầu.

- Tôi vẫn muốn ôm mái chèo! Trước khi chết nhất định tôi phải chèo thuyền ra chơi biển lần nữa!

Lão Thọt im lặng nhìn ông Đức Hưng, chân tay lão run run.

- Con người ta cũng như chiếc thuyền ông ạ! Có lúc thuận buồm, có khi ngược gió, có lúc cưỡi lên đỉnh sóng,

cũng có lúc chìm xuống đáy sâu... - Vừa nói ông Đức Hưng vừa vén ông quần nhìn đầu gối - Nhưng dù thế nào cũng phải vượt lên sóng mà đi! Có phải vậy không ông?

Sự đồng cảm ánh lên trên hai khuôn mặt già nua, ánh mắt họ lại hướng ra sân nơi có bóng đám mây đang lướt nhanh trên mặt đất.

Viết xong tại Trại sáng tác văn
học Lỗ Tấn Bắc Kinh tháng 5/1985
CHU VÂN LONG *dịch*

THI BẮC VIÊN

TỜ THÔNG BÁO THẦN KỲ

Đại lộ Dung Thành nam mới mở một quán ăn. Chủ quán là hai vợ chồng trẻ ở nhà quê lên. Hôm khai trương hai vợ chồng trang trí cửa hàng sáng sủa lắm. Bánh bao, mằn thắn làm sạch sẽ ngon miệng. Lễ khai trương cũng khá rôm rả. Song không biết làm thế nào, chắc là vừa mới đến chưa quen người quen khách, nên bánh bao, mằn thắn làm ngay trong đêm trắng tinh thơm phức bày ra trông như trái núi nhỏ vẫn y nguyên, mặc dù đã quá buổi. Chuyện này làm ông chủ sốt ruột và bà chủ mặt mày ủ rũ. Tục ngữ có câu "khai nghiệp đại cát". Ngờ đâu ngày đầu mở quán đã bị giội gáo nước lạnh.

Giữa lúc ông bà chủ đứng ngồi không yên thì xa xa có một chàng trai đi đến, trông mặt biết ngay là một thư sinh dài lưng tốn vải. Chàng trai một tay cầm mấy đồng tiền, một tay cầm quyển sách, vừa đi vừa đọc, bước dần tới quán ăn của họ. Thấy có khách đến, hai vợ chồng chủ quán hớn hở chạy ra mời vào. Một người tươi cười rối rít, một người mặt nở như hoa cùng cất tiếng:

- Ngài là vị khách đầu tiên từ khi chúng tôi khai trương.

Để may mắn, chúng tôi xin được đã ngài, ngài cứ ăn thật no!

Nói rồi, bà chủ còn pha trà bưng ra để chàng trai ăn cho trôi miệng. Chàng trai này ít nói, vừa ăn vừa uống, ăn no uống đủ, bèn đứng lên lấy tiền trả. Hai ông bà chủ cứ khăng khăng không chịu nhận tiền, hai bên đưa đẩy mãi làm chàng trai đỏ mặt tía tai ngượng nghịu. Chẳng biết làm thế nào, chàng trai đành nhận lại tiền, nhìn lướt qua bộ mặt quán ăn, chàng trai nói:

- Ông bà chủ nhiệt tình như vậy, tôi cũng không khách sáo nữa. Song thường nghe nói: "Vô công bất thụ lộc" (Không có công thì đừng nhận lộc). Ông bà xem, tôi có thể giúp được gì?

Nghe vậy, ông chủ quán cảm thấy buồn cười,nghĩ bụng: cậu chỉ là thư sinh nghèo, vai không thể gánh, tay không thể xách, kê thì bảo hẹ, lúa thì bảo mạ, giúp được gì cơ chứ! Song lại nghĩ: không đúng. Tục ngữ có câu: "Hữu trí ngật trí, vô trí ngật lực" (có tri thức dùng tri thức, không có tri thức thì dùng sức) không nên coi thường người ta, có lẽ anh chàng sẽ giúp được mình một tay đây! Nhìn đống bánh bao to đùng, ông chủ nháy mắt ra hiệu cho bà chủ, bà chủ hiểu ý ngay, liền bảo chàng trai:

- Anh ơi! Anh đã có lòng nhiệt tình như vậy, chúng tôi cũng chẳng sợ xấu mặt. Vợ chồng tôi mới vào thành mở

quán, chưa quen người quen việc, không ai giúp đỡ...

Ông chủ đỡ lời ngay: "Hàng thật giá thực, lời mỏng song bán được nhiều là tôn chỉ đứng chân của quán ăn chúng tôi, song ngài xem, hôm nay khai trương từ sáng đến giờ ngài là vị khách duy nhất của chúng tôi. Ngài ở thành phố này, giao du rộng, quen biết nhiều, có thể giúp chúng tôi mời một số khách hàng đến ăn để lấy tín nhiệm. Hôm nay có khách đến ăn uống, ngày mai chúng tôi không còn lo chẳng có ai quảng cáo hộ mình.

- Anh ơi, mọi sự gửi gắm ở anh...

Nói đi nói lại, hai vợ chồng chủ quán suýt nữa rơi nước mắt. Nghe vậy, chàng trai chau mày suy nghĩ rồi bảo:

- Đó chẳng qua là chuyện vặt, tôi sẽ giúp anh chị, đề nghị đưa giấy bút ra đây, tô sẽ viết hộ một tờ thông báo.

Được chàng trai bằng lòng giúp đỡ, hai vợ chồng chủ quán sung sướng lắm, sau được biết chỉ là viết giúp bản thông báo liền cụt hứng, nghĩ bụng, quảng cáo mở quán mình đã dán, đốt pháo khai trương cũng đã làm, người qua lại cứ dửng dưng, có mắt chẳng thấy, có tai chẳng nghe, cậu có viết thêm bảng thông báo chẳng khác gì mèo giúp chó đớp mặt trăng, phí công vô ích. Song đã mở mồm cầu xin người ta, người ta bằng lòng giúp đỡ thì cứ để người ta làm. Vậy là ông chủ phải lấy giấy đỏ bút lông ra,

thằng chết cái thằng khiêng vậy. Không hy vọng gì, hai vợ chồng chủ quán cũng tỏ ra lạnh nhạt, bỏ mặc chàng trai, bận mải với công việc của mình. Viết xong thông báo, chàng trai dán lên chiếc ghế dài, dựng bên cạnh quán rồi đi.

Nào ngờ, sau khi chàng trai bỏ đi, khách hàng tới tấp vào quán. Mới đầu còn lèo tèo vài mống, về sau xếp thành một hàng dài, chẳng khác nào đàn kiến tha xương.

Không đầy hai tiếng đồng hồ, đống bánh bao to đùng đã hết sạch. Vợ chồng chủ quán tươi cười hớn hở, tưởng như vừa nãy gặp được một vị thần tiên trẻ.

Bán hết đống bánh bao, vợ chồng chủ quán rảnh tay, tò mò đến trước cửa xem rốt cuộc chàng trai đã viết thông báo thần kỳ như thế nào. Lần đọc từng câu từng chữ, vợ chồng chủ quán bỗng cười lên hơ hớ.

Thì ra, tờ thông báo viết:

"Thưa quý khách!

Hôm nay tốt ngày, nhà hàng chúng tôi khai trương. Đêm qua, do căng thẳng bận mải, bà chủ sơ ý để lẫn một chiếc nhẫn vàng 24K vào đống bột mì, tìm mãi vẫn không thấy. Kính mong quý khách khi dùng bánh bao của cửa hàng hãy chú ý cẩn thận. Nếu ai nuốt vào bụng gây ra tai nạn, nhà hàng chúng tôi xin chịu mọi phí tổn. Nếu vị nào

phát hiện ra nhẫn vàng, chưa nuốt vào bụng gây phiền hà, chúng tôi xin biếu, không phải hoàn lại.

Vậy thông báo để quý khách biết.

Cửa hàng ăn
Ngày... tháng... năm...
VŨ CÔNG HOAN *dịch*
(Theo Hội kể chuyện Nxb Thượng Hải tháng 7 - 1992.)

THIẾT NGƯNG

CÂU CHUYỆN THÁNG SÁU

Ngày hai tháng Năm năm một chín tám ba, trên góc phải phía dưới trang nhất tờ báo tỉnh có đăng một bức thư bạn đọc kèm lời tòa soạn. Thư tố cáo bốn vị giám đốc, phó giám đốc Sở Văn hóa thành phố S đã lợi dụng đợt công diễn kịch hiện đại mà làm chuyện bất chính. Vấn đề bức thư đề cập không có gì ghê gớm nhưng khẩu khí tòa soạn thì lại nghiêm trọng, có ý muốn làm cho ra nhẽ. Người gửi thư là Mạc Vũ, ở ngay Sở Văn hóa thành phố S.

Khi bác Đạt ở phòng phát thư của Sở Văn hóa thành phố S phân phát báo cho các phòng ban xong, trong Sở không khỏi có đôi chút xì xào.

Sở văn hóa thành phố S chẳng có ai tên là Mạc Vũ cả. Giờ đây không có mà trước kia cũng không. Điều ấy bác Đạt rõ hơn ai hết. Có điều, người viết thư ký tên Mạc Vũ ấy lại hầu như hiểu rõ chân tơ kẽ tóc tình hình trong Sở. Thư kể rằng, giám đốc Sở mang cả phu nhân, con cái đến khách sạn ăn ở bao nhiêu ngày, rằng phó giám đốc đã lợi dụng những chiếc vé cơ động mà trục lợi ra sao, rồi một

phó giám đốc lấy xe con đi chơi đây đó, còn một phó giám đốc nữa thì không nộp tiền ăn mấy ngày... Tất cả đều được nêu rõ ràng, chi tiết. Lập tức trên tỉnh cử một tổ điều tra xuống. Các vị trưởng phó giám đốc đứng trước "sự thật sắt thép" không thể không viết kiểm điểm, rồi móc túi hoàn trả lại cái phần gọi là "lấy cắp" của công.

Sự việc kết thúc, bề ngoài tình hình trong Sở có vẻ lắng xuống. Nhưng nếu bạn chịu khó đi dọc hành lang, lên cầu thang, xuống nhà ăn, nơi rửa ráy... nghĩa là tất cả những nơi có người thì đều cảm thấy hầu như có một sự kích động đang bị đè nén, thậm chí mỗi cái ghế, mỗi cái phích đều như đang thầm thì, đang nghe ngóng: Ai là Mạc Vũ? Mạc Vũ là ai?

Tất nhiên Mạc Vũ chỉ là tên giả. Về điểm này bác Đạt rõ hơn ai hết. Trước giải phóng bác thường làm giao liên cho tổ chức bí mật của Đảng trong thành phố, bác hiểu hơn mọi người ý nghĩa quan trọng của việc dùng tên giả trong những thời kỳ không bình thường.

Ngày hai tháng sáu năm một chín tám ba bác Đạt nhận được một giấy báo lĩnh tiền do Tòa soạn gửi cho Mạc Vũ. Người gửi chỉ ghi một dòng ngắn nói rõ đó là tiền nhuận bút một nghìn chữ mười hai đồng, cộng hăm bốn đồng - bằng nửa tháng lương bác Đạt. Theo lệ thường nhận được giấy báo, bác ghi lên bảng đen: "Đồng chí X... có giấy lĩnh

tiền". Sau đó bác lại dán giấy lĩnh tiền vào khung kính trước cửa sổ phòng phát thư chờ người lĩnh đến nhận. Lần này, nhận giấy lĩnh tiền từ tay người đưa thư, bác chững lại một lát, rồi nhanh chóng đút vào ngăn kéo có khóa. Ổ khóa đánh rắc một cái, bác Đạt liếc nhìn xung quanh, không một ai trong phòng. Thật là cơ hội nghìn năm có một - bác Đạt đang mong thế.

Đêm ấy, bác Đạt trằn trọc mãi. Trở mình lần đầu, Mạc Vũ xuất hiện: chính là anh chàng Lưu lái xe. Cậu ta vào Sở làm tạm tuyển một năm, lời nói việc làm thường bỗ bã, cộc lốc, chẳng hề có cái thuần phục, thận trọng của loại công nhân tạm tuyển. Cậu ta thường chê vợ là chỉ khoác lác về kỹ thuật, rằng cậu ta là lái xe có trình độ, như thể cậu ta là người chồng bất hạnh nhất trên thế gian. Cách đây không lâu cậu ta đã bị thải hồi. Cả năm, cậu ta là lái xe của giám đốc, phó giám đốc. Con mắt và lỗ tai của người lái xe, người thường không bì được. Chỉ tính những chuyện nghe được từ miệng các thủ trưởng sau bữa tiệc, khi tan họp ngồi lên xe, cũng có thể coi là những tài liệu số một không hơn không kém.

Bác Đạt trở mình lần thứ hai, trước mắt lại xuất hiện một Mạc Vũ khác: đó là trưởng phòng tài vụ Đỗ Nghiên Nhan, một người đàn bà vừa mới đẩy ra, tuổi trung niên tính tình mềm mỏng. Bà ta biết hơn ai hết những việc ghi

trên hóa đơn. Cũng có thể vì tiền nong không rõ ràng mà gần đây bà ta bị điều về đoàn kịch nói làm kế toán. Thu chi cho đợt công diễn, có việc nào mà không ghi trên hóa đơn?

Bác Đạt lại trở mình, trước mắt lại xuất hiện một Mạc Vũ: bác sĩ Lỗ ở phòng y tế cơ quan. Dịp ấy ông ta cũng được điều về phục vụ hội nghị. Đừng coi thường ông ta. Ông ta không những biết tiêm thuốc, biết kê đơn mà còn biết vô vàn những chuyện thú vị.

Bác Đạt cứ trằn trọc mãi, trước mắt xuất hiện không biết bao nhiêu Mạc Vũ. Bác ngước cặp mắt già nua, bình thản nhận mặt Mạc Vũ, rồi lặng lẽ trao giấy báo lĩnh tiền cho ông ta (hay bà ta). Cũng giống như hồi hoạt động bí mật những năm ấy, nhiệm vụ của bác chỉ là đưa, là trao, một ánh mắt tình cảm cũng không được phép. Mạc Vũ chắc hẳn sẽ cảm kích về bác, bởi vì bác cũng đang cảm kích về Mạc Vũ.

Hôm sau, đến giờ làm việc, không một hình bóng Mạc Vũ nào xuất hiện nữa, phó giám đốc văn vật Sử Chính Bàn bỗng đột nhiên đến phòng phát thư. Ông ta hững hờ đưa mắt nhìn một lượt thư từ đặt trong khung kính rồi nói: "Bác Đạt à, hình như thư báo hôm nay đến sớm hơ hôm qua phải không?"

- Đó là thư báo hôm qua, hôm nay chưa đến. Phải chín giờ cơ.

- Còn buổi chiều thì sao? Buổi chiều thì mấy giờ? Phó giám đốc họ Sử lại hỏi.

- Bốn giờ rưỡi.

Phó giám đốc đi rồi, bác Đạt sực nhớ khi ra cửa ông ta có lướt mắt qua ngăn kéo có khóa. Ông ta phát hiện ra rồi sao? Ông ta biết lão Đạt đã mang cái giấy dán ngoài khung kính khóa vào ngăn kéo sao? Nếu vậy thì trong con mắt phó giám đốc họ Sử, lão Đạt hẳn là Mạc Vũ?

Bác Đạt không phải Mạc Vũ, xưa nay cũng chưa hề có ý định làm một người kiểu Mạc Vũ. Ở nhà, thằng con trai đang chờ việc, đang chuẩn bị thế chân bác. Nếu lãnh đạo quả thật đã chú ý cái ngăn kéo có khóa của bác thì cũng tức là đã nghi ngờ, bảy lần ngờ thì bát cơm của thằng con trai bị dập vỡ mất. Nghĩ đến đó, bác lại móc thắt lưng tìm chiếc chìa khóa mở ngăn kéo.

Chín giờ, sau khi thư báo trong ngày được đưa đến phòng phát thư treo lên chiếc bảng đen nhỏ ai cũng quen thuộc. Trong dòng người đến nhận giấy báo lĩnh bưu phẩm, lĩnh tiền kia cũng có Mạc Vũ.

Rồi năm mươi chín ngày qua đi, tên họ ghi trên bảng đen đã thay đổi năm mươi chín lần, chỉ có hai chữ Mạc Vũ là còn đứng đó. Giấy lĩnh tiền của Mạc Vũ cũng đứng

sừng sững trong khung kính bác Đạt. Nắng tháng sáu đã hun nó vừa khô vừa vàng.

Phòng phát thư vốn là nơi dừng chân của mọi người, nhưng trong năm mươi chín ngày qua, nó bỗng trở nên lạnh lẽo. Ông chủ nhiệm phòng nghiên cứu trước kia vẫn thường tìm bác Đạt ù vài ván, thì nay không thấy đến. Con người hay la cà phòng phát thư nhất là cô gái cắt tóc ngắn ở phòng đánh máy, cũng như cố tình lánh mặt. Cuộc sống cô ta không thể thiếu bác Đạt, cô đang yêu mà. Bác Đạt chỉ còn cách mang những bức thư dày cộp lên tầng hai. Định bụng chẳng ồn ào làm gì, Khổng Linh Lan chỉ cười cười, nói câu xin lỗi, bác cũng không thèm chấp.

Năm mươi chín ngày ròng rã, bao nhiêu người đi ngang phòng phát thư đều làm ra bộ không nghiêng ngó, thùng kính trước cửa sổ dường như trở thành một cái lô cốt ngầm khiến mọi người kinh sợ. Chỉ có mấy vị giám đốc phó giám đốc là tỏ ra quang minh chính đại, không những họ không hề sợ sệt đi sát qua tờ giấy lĩnh tiền mà còn đưa mắt ý nhị với bác Đạt. Những lúc ấy, bác Đạt thường nhớ lại hồi còn làm giao liên, hầu như họ đang chờ mật hiệu của Bác. Họ đứng trước cửa sổ rồi phải nói: "Bánh vừng đây". Bác phải trả lời ngay lập tức: "Chỉ có chạo quẩy thôi!". Họ lại nói: "Có đủ mười bốn cuộn lụa Hàng Châu không?" Bác phải trả lời: "Không có. Chỉ có dao thường"...

Nhưng đã trọn năm mươi chín ngày, không ai đối chiếu mật hiệu với bác cả, ngoài cửa sổ cũng không hề xuất hiện ánh mắt bác tưởng tượng. Mấy vị giám đốc phó giám đốc trong con mắt bác hầu như trở thành những đồng chí giả tên giả họ cả. Bác Đạt tưởng tượng ra các mật hiệu nhưng cũng chỉ còn cách lẩm nhẩm đối đáp trong bụng mà thôi.

Trong năm mươi chín ngày ấy Sử Chính Bân đến phòng phát thư nhiều nhất. Kẻ đến là không lương thiện, người lương thiện thì không đến. Mỗi lần ông ta vừa bước vào cửa, bác Đạt liền mở đài bán dẫn rồi sau đó bắt đầu vặn nút tìm sóng. Âm thanh t... ti... ti... rộn lên làm cho Sử Chính Bân mấy phen muốn nói mà phải dừng lại, chỉ còn cách len lén bỏ đi. Bác Đạt cười thầm dò đài tức là không cho hắn có dịp mở miệng. Trên báo mặc dù không ghi tên mày, nhưng cái sự việc hôm ấy mày cũng có mặt. Không điểm tên mày vì mày chân chưa dấn sâu, vì mày còn trẻ. Thế nhưng mày lại muốn đến tao để tìm đường thoát, để tìm xem ai là Mạc Vũ, thì chỉ là ảo tưởng.

Thế rồi lại phải chờ đợi. Cứ nghĩ đến con người sẽ phải đến gặp mình, bác Đạt bất giác ngước lên nhìn lịch. Thời gian như con thoi, ngày mai là đúng hai tháng kể từ lúc giấy báo lĩnh tiền gửi đến. Trên giấy ghi rõ, hai tháng không người nhận, bưu cục sẽ trả lại người gửi. Vừa nghĩ đến ngày mai, bác Đạt bỗng thấy nóng ruột không yên.

Bác tất đài, nhìn chăm chắm tờ giấy trong khung kính. Bác thấy ân hận. Hai tháng qua đã xa lánh nó, sợ hãi nó, lạnh nhạt với nó.

....

Sáng hôm sau đúng tám giờ, mọi người lục tục kéo vào cổng và ai cũng phát hiện khung kính trước cửa sổ phòng phát thư bỗng sáng sủa hẳn lên. Người tinh ý lập tức hiểu rằng, đó là vì tờ giấy lĩnh tiền ố vàng kia đã không cánh mà bay. Sự biến mất của một tờ giấy mỏng đã làm mọi người không hẹn thở phào, cũng không hẹn mà cùng ùa vào phòng phát thư, như thể cùng một lúc nhận được lệnh hết giờ giới nghiêm, như thể vừa nhảy đại qua một cái hào không rộng cũng chẳng hẹp... như thể... Mỗi người còn cảm giác riêng, giờ đây điều họ quan tâm nhất là tìm bác Đạt, hỏi cho ra ai đã nhận tờ giấy lĩnh tiền kia.

Cô Khổng Linh Lan nhanh tay nhanh mắt, như người vừa được giải phóng, gạt tất cả ra, nói: "Nhưng mà cửa vẫn khóa?"

- Cái bác Đạt này, mình đang định tìm bác ta để ù một ván - Ông chủ nhiệm phòng nghiên cứu bắt đầu hưng phấn lên.

- Lão Đạt à? Tôi biết, lão ấy về nhà giúp vợ mua than quả bàng rồi. - Đó là bác sĩ Lỗ, mắt kính cận loang loáng trước mọi người.

- Sao bác Đạt lại đi mua than trong giờ làm? - Té ra phó giám đốc họ Sử cũng trong đám ấy.

Sự xuất hiện của phó giám đốc họ Sử như đã quét sạch niềm hưng phấn của mọi người. Mọi người định bỏ đi, bác Đạt liền xuất hiện. Bác đứng trên một xe ba bánh đang đi vào cổng. Trên xe không phải than quả bàng mà là giẻ rách, giẻ rách để lau nhà. Bác cho xe dừng lại trước phòng phát thư, nhìn lướt qua mọi người đã biết ngay họ tụ tập ở đây để làm gì. Bác rời ghế, chậm rãi lôi ra một cái khăn mặt đã ố vàng lau mồ hôi, chờ mọi người lên tiếng.

- Bác Đạt à, giấy lĩnh tiền có ai lấy mất rồi? - Vẫn là phó giám đốc họ Sử mở mồm trước, ông ta nói rành rọt từng chữ một...

- Phải, lĩnh rồi.

- Vậy thì, Mạc Vũ...

- Mạc Vũ chính là tôi, tôi chính là Mạc Vũ - Bác Đạt nói, rồi ngồi xuống, dựa vào đống rẻ rách sau lưng.

Đám người xôn xao, mọi ánh mắt dồn về phía bác Đạt. Sử Chính Bân cũng trân trân nhìn bác, nhưng không một ai phát hiện ra ánh mắt không bình thường của ông ta.

Khi mọi người tản hết, phó giám đốc họ Sử mới khe khẽ hỏi bác Đạt. "Như vậy, bức thư là bác viết?".

- Không phải tôi viết thì sao dám nhận tiền, còn dám

đi mua giẻ rách? Các phòng làm việc giẻ lau đều nát hết rồi, phải thay thế.

- Vậy là... thư là bác viết? - phó giám đốc nhấn mạnh vào chữ "là".

- Anh không tin à, cho tôi văn hóa thấp chứ gì, nói thật cho anh biết, cái thằng tiểu đội trưởng dạy văn hóa cho tôi hồi ấy nay đã là bộ trưởng.

- Là bác viết, sao nét chữ...

- Thế ra anh đọc rồi à? Thư gửi đăng báo, ai ngờ lại rơi vào tay anh, thật là quái gở.

Bác Đạt móc trong xe ra một nắm giẻ rách nhét vào tay phó giám đốc họ Sử. Sử Chính Bân chẳng nói gì, cầm lấy nắm giẻ, đi thẳng về phòng làm việc. Thật ra mấy hôm nay ông ta rất kỵ mọi người nhắc đến nét chữ.

Tháng mười năm một chín tám ba, mấy vị giám đốc phó giám đốc thôi chức, chờ bố trí. Sử Chính Bân được cử làm giám đốc Sở văn hóa thành phố S. Mỗi lần đi ngang phòng phát thư, ông ta bất giác lại liếc nhìn khung kính như thể tờ giấy ố vàng kia vẫn còn nằm đó. Từ ngày nhận chức, ông ta định tìm bác Đạt nói chuyện một hôm, nhưng rồi những việc quan trọng lại cứ ùn đến làm nhõ hết cả. Ông ta gặp bác Đạt là có ý muốn nhân tiện sẽ nói rõ, người viết thư không phải là bác Đạt mà là ... là ai? Ông

ta lại cảm thấy không cần thiết phơi bày sự thực về việc ấy nữa, giờ đây ông ta đã là giám đốc.

Trên người dũng sĩ thường có chỗ yếu của kẻ hèn nhát. Sử Chính Bân không tin vào cái logic không đáng gọi là lôgic ấy, nhưng mỗi ngày đi qua cửa sổ phòng phát thư, trong lòng ông ta lại thường trỗi dậy cái logic đốn mạt kia.

Viết ở Bảo Định tháng 11 - 1983
Đăng trên Suối Hoa số 2 - 1984
LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

THIẾT NGƯNG

BÀI CA BỐN MÙA

I

Một chàng trai và một cô gái cùng đi dạo trong công viên. Lúc ấy đang là buổi hoàng hôn của mùa xuân. Hoàng hôn mùa xuân khiến cho công viên phương Bắc này càng thêm quyến rũ. Đất dưới chân có màu vàng và bốc lên một mùi thơm hăng hắc.

Cô gái để ý thấy ở những chiếc ghế dài ven đường đều có các đôi thanh niên nam nữ ngồi.

Hồi nhỏ cô hay đến đây. Khi học phổ thông cũng thường đến. Những khi ấy cô chẳng để ý tới dãy ghế và người ngồi trên ấy mà thích xem cá, hoa, cây, chim, khỉ. Hôm nay là lần đầu tiên cô muốn ngồi xuống ghế, một chiếc ghế trống đặt ở một góc yên tĩnh. Và cô chợt hiểu: Mình bắt đầu yêu.

Chàng trai bỗng bỏ cô chạy vọt lên phía trước, hóa ra ở đằng xa kia có một chiếc ghế trống. Anh đã dành được chỗ trước đôi thanh niên chậm hơn một bước, rồi ngoắc tay vẫy cô. Cô chạy tới, thầm khen sự nhanh nhẹn của

anh. Chiếc ghế này đặt ở vị trí rất tuyệt trên khúc quặt bị che lấp ở ven đường, ngồi đó có thể nhìn thấy người đi đường, sau lưng ghế có một cây liễu, tán liễu rủ xuống che kín người ngồi ghế.

Họ cùng ngồi.

Chàng trai lấy ra một túi ô mai đưa cho cô gái. Khuôn mặt cô chợt ửng lên:

- Làm sao mà anh biết em thích ăn thứ này.

- Cái gì anh cũng biết hết!

- Chúng ta mới quen nhau có mười ngày.

- Mười ngày? À phải. Nhưng mà giữa "biết" và "mười ngày" không nhất thiết phải có quan hệ với nhau.

- Nhưng mà mười ngày cũng chỉ một thời gian nhất định đấy chứ.

- Thời gian chẳng nói lên cái gì cả. Với một số người mà em quen biết họ thì điều đó cũng chả nói được vấn đề gì. Các bạn chỉ có thể nói chuyện theo một tầng thứ nhất định. Còn với một kiểu người khác, thì chỉ cần liếc mắt là đã hiểu cả. Ví như khi biết em anh cảm thấy mười ngày đã là quá lâu. Thậm chí anh còn nhận thấy thượng đế đã tạo ra em chính là bởi vì trên đời này có anh, dù cho thế gian mênh mông chúng ta nhất định sẽ gặp nhau.

- Đúng rồi... đúng rồi... cuối cùng cũng gặp nhau. Cô

gái khẽ thốt lên.

Dường như cô không nghe rõ anh nói những gì, cũng chẳng hiểu mình đang thốt ra điều gì. Cô chỉ cảm thấy rất xúc động. Giọng nói trầm nhẹ của anh như một luồng hơi ấm vây bọc cô. Cô thấy ấm lòng nhưng bề ngoài thì lại run run. Cô cắn chặt răng để giữ xúc động, sờ sợ chờ đợi giây phút tới. Nhưng giây phút ấy không tới. Chàng trai lại tiếp tục nói chuyện.

Cô gái dường như muốn khóc.

Ánh sáng khi ấy đã che khuất ánh nhìn của họ. Cô phải quay đầu lại nhìn anh. Khuôn mặt sáng của anh làm cô xúc động.

- Có nhìn thấy anh không?

- Có thấy.

Anh ghì chặt tay cô. Cô đọc câu thơ:

"Tháng năm khơi dậy mùa hạ của nàng".

Và không ôm anh.

II

Chàng trai cùng cô gái đi dạo trong công viên.

Đang là buổi hoàng hôn của mùa hạ

Bốn bề vắng lặng. Chỉ có bóng một người công nhân

trồng hoa đang lúi húi phía xa.

Họ lại ngồi vào chỗ cũ. Chẳng có gì đặc biệt, họ giống như phần lớn các đôi thanh niên đã quen biết nhau.

Nắng chiều loãng dần làm cho mọi vật trở nên mơ hồ che khuất đi cả ánh mắt của họ.

Cô gái cầm tay anh:

- Em phải nói với anh một chuyện.

Anh rút tay ra xoa nhẹ bờ vai cô.

- Em đã yêu một người - Cô nói.

- Ồ - Anh thốt lên - bao giờ vậy?

- Hồi em mười hai tuổi.

Anh mỉm cười trong bóng tối.

- Anh ấy là lớp trưởng, có lần anh ấy bị ốm mất ba ngày không đi học, em đã viết thư cho anh ấy.

- Em viết những gì? - Anh dường như thích thú.

- À, đại khái là mong cho chóng khỏi bệnh. Kỳ thực là em nhớ anh ấy.

- Hiện giờ anh ấy làm gì?

- Lái xe hỏa. Và đã cưới một chị cùng lớp.

Chàng trai vòng tay ôm cô, ôm thật chặt, thật tình cảm.

- Đau em! - Cô thốt lên.

- Anh yêu em! - Anh ghé vào tai cô.

- Vì sao, vì sao? - Cô bối rối.

- Vì cái này - Anh hôn âu yếm vào vai cô, lòng anh tràn ngập hạnh phúc. Trên đời này chẳng có người đàn ông nào lại không mong có được một người vợ như vậy. Thậm chí anh còn cảm thấy bực mình vì đã không nói trước với cô một chuyện. Anh cũng có chuyện cần nói với cô.

- Anh cũng phải kể cho em một chuyện - Anh bắt đầu.

- Đừng nói. Em biết rồi - Cô lấy tay bịt miệng anh lại.

- Em biết gì? - Anh buông cô ra.

- Cái gì em cũng biết cả - Cô trầm tĩnh nói.

III

Chàng trai cùng cô gái đi dạo trong công viên.

Hoàng hôn đầu thu.

Họ lại đến ngồi vào chỗ cũ.

Anh kể cho cô nghe chuyện của mình, kể về người bạn gái trước. Anh muốn kể hết cho cô nghe mọi chuyện là vì muốn cô tin tưởng rằng anh coi thường và chán ghét mọi chuyện ấy, anh thực sự chỉ yêu có một mình cô.

- Khi ấy anh vào bộ đội, cảm thấy buồn chán nên mới

yêu. Hơn nữa cô ấy rất nhiệt tình, chủ động đến chỗ anh thì làm sao anh có thể từ chối được chứ. Anh rất cảm kích vì những gì cô ấy dành cho anh. Có cô ấy anh thấy mọi thứ đều đẹp đẽ. Đến bây giờ anh mới rõ, sự cảm kích chẳng phải là đáng tin tưởng nhất.

- Vâng, không đáng tin tưởng lắm - Cô gái phụ họa.

- Về sau cô ấy bỏ anh trước, một mình trở về thành phố xin việc và đã lấy con ông phó chủ tịch - người đã xin việc cho cô. Hồi ấy sức hấp dẫn của công việc còn lớn hơn cả tình yêu.

- Đúng, lớn hơn nhiều - Cô nói.

- Giờ nghĩ lại mới thấy mừng. May mà cô ấy bỏ anh, nếu không làm sao anh lại được gặp em. Em không thể biết cô ấy thuộc kiểu người gì đâu, lúc nào cũng yêu cầu nọ kia... với bạn trai. Khi còn ở làng ấy, lúc nào cô ấy cũng muốn anh hôn, rồi lại còn đòi anh mua các thứ để ăn nữa: nào lạc, bánh quy, nhiều khi đến cả bia cũng uống nữa. Tính cách thế mà chẳng biết tự trọng gì cả.

- Vâng, chẳng biết gì cả. - Bất giác tự lúc nào cô đã tách ra khỏi anh, ngồi bên đầu kia của chiếc ghế.

- Tóm lại, không thể nào so sánh cô ta với em được. Chân thì ngắn, mà chân trái lại bị cong nữa chứ. Chân em thì thon dài, thẳng tắp, hiếm có đôi chân nào đẹp thế.

Thật hiếm có, em hiểu không?

- Hiểu không? - Cô gái khe khẽ lặp lại.

Trước mắt cô mờ ảo một bông hoa, hóa ra cô đã rời ghế và đến bên bồn hoa.

Chàng trai cũng đi tới.

Cô gái tiến lên trước, dừng lại trước một bông hoa có hình dạng như một người đang khóc.

Chàng trai tiếp tục nói từ phía sau cô.

Anh phải nhận rằng anh đã ôm cô ta. Nhưng cô ấy... Anh muốn nói với em rằng, mỗi lần ôm nhau, anh đều có nghĩ tới bộ ngực quá đầy đặn của cô ấy. Một cô gái mà... Anh thật sự hoài nghi... Những cô gái kiểu ấy bất luận thế nào đều đáng sợ cả. Sau này nghĩ lại, anh thấy đáng ghét quá.

- Phải, đáng ghét quá - Cô gái chăm chăm nhìn bông hoa hình mặt người. Ở đó, những bông hoa bé nhỏ trông từa tựa như khuôn mặt nhăn nhúm già nua khiến cả hai tưởng tượng tới những hình dạng của ma quỷ.

Cô gái bứt ánh mắt khỏi nơi đó.

Chàng trai vòng lên phía trước cô:

- Xin em hãy tin rằng anh chỉ yêu em. Vì thật sự yêu nên anh mới kể hết mọi điều.

- Vâng, tất cả - Cô gái nói.

Anh cảm thấy giọng của cô rất kỳ lạ, nghe như có cái gì đó phẫn uất.

IV

Họ cùng nhau đi dạo trong công viên.

Khi ấy là một trưa mùa đông.

Không có nắng, chỉ có tuyết.

Chỗ cũ của họ chẳng có ai.

Chàng trai chạy tới, phủi tuyết trên ghế bằng chiếc bao tay của mình, rồi vẫy cô gái. Nhưng cô gái không chạy đến, chỉ chậm rãi bước từng bước trên tuyết.

Chàng trai đứng lên đón cô:

- Anh không hiểu thế là thế nào?

- Em đang nghĩ về anh trai. - Cô đáp.

Rồi cô kể: Hồi cách mạng văn hóa anh cô bị liệt vào hàng phản cách mạng. Để tỏ rõ sự kiên quyết, chị dâu đã nộp hai quyển nhật ký của anh cho công an. Và để khẳng định thêm sự "tiến bộ" của chị, người ta còn thử thách nhiều lần nữa. Ví dụ: Khi ngủ với nhau, chị ta phải khơi gợi để chồng nói ra những bất mãn về cuộc đại cách mạng, hoặc khi họ đánh đập anh lại bắt chị chặt cả tay chồng.

- Chị ấy có chặt không?

- Có chặt. Trước đám đông, chị ta đã chặt đứt ngón giữa bàn tay trái của anh ấy, rồi sau đó bỏ anh.

- Tàn nhẫn quá, thật không thể tưởng tượng - Chàng trai khẽ thốt lên.

- Bây giờ em đã có chị dâu khác. Nhưng trước mặt chị, anh trai em không cho phép ai được nhắc lại mọi chuyện quá khứ.

- Thế chính anh ấy thì sao?

- Anh ấy chưa từng nói với ai về nỗi đau đớn ấy.

Em bực thay cho anh ấy, hỏi tại sao lại làm như vậy. Anh ấy bảo với em rằng, bởi vì chị ấy còn cuộc sống và... tiền đồ của bản thân - Cô gái đứng lại - Từ đó trở đi em mới biết thế nào là đàn ông.

Chàng trai sững sờ nhìn cô. Anh nhận ra đôi vai bé nhỏ kia không chỉ khiến người ta thấy nhỏ bé đáng yêu mà còn chứa đựng một sức mạnh mà anh chưa từng thấy.

Cô gái tiếp tục đi lên phía trước.

Chàng trai đứng im.

Cô gái vẫn cứ đi, bỏ lại những điều mà chàng trai đã biết về mình và có thể kể lại với người khác.

TRINH BẢO *dịch*

THƯƠNG HÀ

NĂM DO DỰ

Nóng bức quá, chúng tôi lấy mùi xoa ra lau mồ hôi, rồi dùng đến cuốn giấy vệ sinh mà anh ấy đưa cho.

- Em có thấy hương dạ lan ở đây quá nồng không? - Anh hỏi.

- Ờ, phụ nữ ở đây nhiều thật! - Tôi đáp.

- Không, ý anh là mùi dạ lan ở đây quá đậm đặc, tức cả mũi, nó phảng phất như tiếng mèo kêu đêm ấy.

- Vì sao lại bảo nó giống mèo?

- Là nói tiếng mèo kêu... khiến người ta cảm thấy bồn chồn.

Đương nhiên tôi khẳng định là anh đã gọi điện cho tôi trước. Tôi nghe tiếng anh ấp úng gọi tên tôi trong ống. Tôi cố mãi mới lôi trong ký ức ra cái tên phủ đầy bụi của anh. Khi ấy anh đột nhiên cười và nói: "Nếu anh gần em thêm chút nữa, chắc em sẽ ngửi thấy mùi nước hoa rẻ tiền trên tóc anh thì sẽ chẳng ra sao cả". Anh nói cái chuyện kỳ cục này chẳng qua vì xúc động. Đôi mắt kính lấp loáng.

Tôi cầm bàn tay lạnh giá của anh, nhìn rõ những giọt mồ hôi lấm tấm trên khuôn mặt hao gầy ấy. Tôi bảo: "Này, anh không được khỏe phải không?". Tay anh bỗng run rẩy, anh bảo: "Anh không có bệnh tật gì, em biết là anh vốn khỏe mạnh".

Tất nhiên, tôi biết là từ xưa anh ít ốm đau. Mấy bữa nay quả là trời quá ngột ngạt. Tôi thấy chiếc nhiệt kế trên bàn chỉ ba bảy độ.

- Chiếc nhiệt kế của anh chắc cũng không bệnh tật gì đấy chứ?

- Nó rất tốt, anh đáp.

- Nhưng có lẽ không chỉ có ba bẩy độ!

- Anh nghĩ chắc trên dưới một chút.

Trên khoảng tường trước mặt tôi, giữa hai giá sách có treo một tấm lịch in khá sắc nét. Trên nền rực rỡ của khung phông là, thân hình tuyệt mỹ của các cô gái. Bên trên khung cửa sổ là một quả cầu tiên nhân xinh xắn và tinh xảo. Dưới ánh đèn ảm đạm trông nó như một bông hoa màu xanh đang hé nở. Không, đó chính là một bông hoa. Dưới mép bậu cửa sổ có một cái bóng mờ dần, luôn dịch chuyển. Chắc chắn đó phải là một bông hoa mầu xanh. Khi đọc truyện cổ tích, đôi khi tôi cũng gặp những loài hoa đầy không khí mộ phần và hơi đất như thế, luôn

cảm thấy thích thú một cách sợ hãi và không ngừng toát mồ hôi lạnh. Từ xưa tới nay tôi chưa hề nghĩ là nói chuyện lại tiêu hao nhiều năng lượng như thế này.

- Anh thấy cô gái kia thế nào? - Tôi chỉ bức ảnh.

- Cô nào? À, cô kia á? Tuyệt lắm. Rõ là rất đẹp. - Anh đáp.

- Xem này, cái nhiệt kế chỉ bốn mươi độ kia đấy! - Tôi nói.

- Anh vẫn thấy nó bốn mươi độ mà!

- Đâu, vừa rồi có ba bảy mà!

- Thật ba bảy độ ư?

Anh chầm chậm đứng lên, bước tới bên cửa sổ nơi có quả cầu, nâng cái đồ sứ xinh xắn ấy lên ngắm nghía rồi lại đặt nó xuống bậu cửa. Anh chống hai tay lên cửa sổ, động tác giống như cưỡi ngựa chồm người lên, vươn người vào khoảng không của bóng đêm. Phút giây thả mình trong không trung ấy, anh cố mỉm cười nói với tôi rằng bên ngoài rất mát. Dường như hương đêm đậm đà và mát dịu đang bao lấy cơ thể ốm yếu của anh. Một lát sau, dường như đã thỏa mãn, anh mới tụt xuống. Tôi cũng cảm thấy mãn nguyện, mát dịu cả người. Cột chỉ đỏ trên nhiệt kế cũng giảm dần rồi dừng hẳn.

- Em có thấy hương đêm rất nồng không?

- Vâng, hơi quá nồng thật. Giống như màn sương mù ngày mưa vậy, - Tôi đáp.

- Nếu bây giờ ném một con mèo ra ngoài, chắc nó cũng bay được trong bầu không khí đặc sánh này. - Anh nói.

- Có lẽ thế! - Tôi đáp.

Tôi nhấc quả cầu tiên trên bậu cửa lên, giữa đám mầu xanh thẫm quả có một bông hoa nhỏ màu xanh trắng chừng to hơn hạt gạo một chút, phảng phất như có như không. Gió bắt đầu nổi. Trong những đêm tối thế này, mùi hương của dạ lan quả thật đậm đặc. Nó làm quả cầu đung đưa trong không khí như một chiếc thuyền giấy.

- Em xem, trong lúc yên tĩnh này, bụi cây dưới kia dường như thật xa xôi - Anh bảo.

- Đúng thật, đám dạ hương ấy cách mình bảy tầng lầu kia mà! - Tôi đáp.

Anh tháo chiếc sơ mi đã ướt sũng mồ hôi. Tôi với anh cùng lúc nhìn thấy bộ xương gầy trơ xương phập phồng đập. Trông giống như một con vật đang sợ hãi. Anh cứ cúi đầu như thế, nhìn mãi bộ ngực của mình rồi lau đi lau lại bằng khăn ướt.

- Hừ, quả thật rất nóng! - Anh nói.

- Vâng, nóng thật! - Tôi nói rồi hớp một ngụm nước lọc. Anh bước vào phòng tắm chật hẹp mở vòi nước rào

rào miệng không ngớt hà hà khoái trá. Mấy phút sau anh bước ra, người ướt đẫm. Đôi mắt kính màu đầy hơi nước. Trong quầng sáng mờ mờ vàng vọt của ngọn đèn, khuôn mặt nhợt nhạt hom hem một cách dị thường. Bộ ngực càng ọp ẹp, cái cổ họng và cục yết hầu to một cách kỳ lạ. Như thường lệ, anh ngồi vào chỗ mọi khi bên cửa sổ, hút thuốc với một dáng vẻ hoàn toàn thư thái.

Tôi thấy dường như anh đang bay bổng trong những làn sóng dậm đặc của hương hoa. Người anh nghiêng về phía cửa sổ. Trông tinh khiết như một bông hoa sắc trắng. Khuôn mặt hướng về tôi mang một nụ cười khao khát đầy khổ đau. Rồi anh cũng từ từ dịu dần theo màn đêm của bầu trời. Mãi tới khi hoàn toàn không thấy cái bóng trắng của anh nữa tôi mới nặng nề buông một hơi dài, tu hết chỗ nước máy còn lại trong cốc. Khi ấy anh chậm rãi bước tới bên cửa sổ, đứng đó ngưng thần nhìn tôi. Đôi kính như biến mất, vì thế tôi cảm thấy anh như một người xa lạ, hay như một cái bóng. Đến khi nhìn thấy cái yết hầu của anh tôi mới tin là thật. Khi anh định nói cái cục yết hầu to tướng ấy động dậy liên tục. Giống như một cái động cơ vừa được phát động lại chuyển động quá nhanh, ngược lại với những lời mà anh định nói ra, vì lọt ra bên ngoài chỉ là một chuỗi những từ ngữ lộn xộn, vấp váp.

- Hôm nay dạ hương thật đậm, thật nồng nặc - Cuối

cùng anh cũng lúng búng nói được.

Chúng tôi lại ngồi đến nửa tiếng nữa mà chẳng ai nói câu nào. Chỉ nghe thấy tiếng quẹt lửa, tiếng rít thuốc, tiếng thở khè khè của bộ ngực và tiếng mồ hôi lăn. Một lúc sau, dường như dưới chân có gì là lạ, tôi cúi xuống nhìn, té ra anh lấy một chiếc cành có nhiều lá trông như một lũ tiểu quỷ láu linh nghịch ngợm đùa dùa vào chân tôi. Hình như chúng phát ra những tiếng cười khē khē mà kỳ lạ. Nhưng khi ngẩng lên, tôi lại thấy anh đang dụi điếu thuốc vào chiếc gạt tàn màu xám, khuôn mặt gầy lộ một nét cười xảo quyệt hiếm thấy.

- Em cưới rồi phải không? - Anh hỏi.

- Vâng, đúng thế. Em đã cưới - Tôi đáp.

- Hình như em còn có con nữa?

- Vâng, em có con rồi.

- Anh cũng nghe thấy thế. Mà con gái thì phải?

- Đúng, con gái.

Trong khi nói anh cứ chầm chậm giở từng trang của một cuốn sách tiếng Đức dầy cộp và tôi lập tức ngửi thấy một mùi thum thủm của thực vật rữa nát, mùi đá sỏi và mùi cỏ dại. Anh nghiêng người ra một phía và tôi nhìn thấy những con mọt giấy cũ mềm yếu và ươn ướt dường như vừa ngoi lên từ cái ao sách. Nó làm thức dậy sự hiếu

cùng anh cũng lúng búng nói được.

Chúng tôi lại ngồi đến nửa tiếng nữa mà chẳng ai nói câu nào. Chỉ nghe thấy tiếng quẹt lửa, tiếng rít thuốc, tiếng thở khè khè của bộ ngực và tiếng mồ hôi lăn. Một lúc sau, dường như dưới chân có gì là lạ, tôi cúi xuống nhìn, té ra anh lấy một chiếc cành có nhiều lá trông như một lũ tiểu quỷ láu lỉnh nghịch ngợm đùa đùa vào chân tôi. Hình như chúng phát ra những tiếng cười khẽ khẽ mà kỳ lạ. Nhưng khi ngẩng lên, tôi lại thấy anh đang dụi điếu thuốc vào chiếc gạt tàn màu xám, khuôn mặt gầy lộ một nét cười xảo quyệt hiếm thấy.

- Em cưới rồi phải không? - Anh hỏi.

- Vâng, đúng thế. Em đã cưới - Tôi đáp.

- Hình như em còn có con nữa?

- Vâng, em có con rồi.

- Anh cũng nghe thấy thế. Mà con gái thì phải?

- Đúng, con gái.

Trong khi nói anh cứ chầm chậm giở từng trang của một cuốn sách tiếng Đức dầy cộp và tôi lập tức ngửi thấy một mùi thum thủm của thực vật rữa nát, mùi đá sỏi và mùi cỏ dại. Anh nghiêng người ra một phía và tôi nhìn thấy những con mọt giấy cũ mềm yếu và ươn ướt dường như vừa ngoi lên từ cái ao sách. Nó làm thức dậy sự hiếu

kỳ trong tôi và khiến cho chân tay cảm thấy bứt dứt không yên. Sau đó anh lại dở tiếp một cuốn sách khác có bìa màu xanh sắt, với một hàng chữ tiếng Đức mạ bạc và một chiếc ảnh in nổi. Lúc đầu tôi ngửi thấy mùi thơm hăng hăng của cam thảo để mốc lâu ngày thường thấy trong các cuốn sách cũ. Nhưng khi dở sách ra thì rõ là một mùi khác hẳn với thứ mùi thơm thanh thoát của dạ hương, mà nó đậm như mùi của nhài hay bách hợp. Vì vậy tôi đoán đây là cuốn sách viết về thực vật học. Trong trạng thái mơ màng tôi vẫn còn thấy anh chăm chú vào cuốn sách. Mồ hôi từ trên người nhỏ xuống ướt đẫm cả cái ghế gỗ đang ngồi rồi chảy xuống chân thành một vũng. Trong cái ánh đèn màu vàng làm tiêu hao sức lực và căng thẳng thần kinh ấy, cuốn sách của anh dần dần biến thành một bông bách hợp dại trắng muốt. Một, hai, ba, rồi vô vàn bông, rồi lại biến thành một cành lá xanh nõn với những bông hoa trắng muốt.

- Em thấy không, mùa hè năm nay thật mát dịu biết bao! - Hình như anh quay đầu lại nói với tôi.

Cuốn sách của anh vẫn tiếp tục biến hóa, nó rũa ra, và biến mất như một miếng bơ trong bếp lò cao áp.

- Này, em đang ngủ thật đấy à? - Anh nói to.

- Vâng, em đang ngủ - Tôi đáp.

- Này em ngủ thật á? - Anh nói.

- Vâng, em ngủ - Tôi đáp.

Dường như anh gọi tôi từ một nơi thật xa:

- Này em vẫn ngủ à?

Tiếng nói thật nhẹ thật khẽ, tựa như những làn sóng lăn tăn đang rút dần ra khơi xa. Tôi nhìn xuống dưới cửa sổ, những quầng sáng thưa thớt của đèn đường chùm lên những tán cây ẩm ướt, tối sẫm. Tôi không thể phân biệt nổi từng vị mỗi loại hoa trong cái đám hương hoa đậm đặc ấy.

- Em xem, bên ngoài mát biết bao!

Cái bụi hoa ấy thật đen thật sâu, và những tiếng động thật mơ hồ nhưng rõ ràng chúng vọng ra từ dưới gốc hoa.

- Thực ra lâu lắm rồi chúng mình không nói chuyện với nhau - Anh nói.

- Lâu rồi chúng ta không nói chuyện kiểu thế này!- Tôi đáp.

Hình như anh lay nhẹ cành dạ hương ẩm ướt. Từ tay anh và cành cây rớt nhẹ những giọt nước, hương hoa càng nồng, càng keo lại như một đám mù. Ô, hình như ngoài kia trời mưa? Ồ không, đâu có mưa. Bên ngoài thực sự không có mưa, không hề mưa!

Tôi làm một hơi cốc nước máy, đốt điếu thuốc thơm. Tiếng nói của anh lướt qua mặt bàn, đến bên tôi. Anh ở

trần như thế, như mùi của dạ hương, ngực và vai anh đen thẫm đi, các đốt xương dường như chiếm hết phần của da thịt, từ đôi mắt trũng sâu như tỏa ra các đốm dạ hương nồng đậm.

- Này, chúng ta xem lại lần nữa nhé!

Tôi thấy tất cả các cuốn sách tiếng Trung và tiếng Đức nhẩy múa trước ánh lửa mầu xanh, không phát ra tiếng động và tỏa ra mùi hương bách hợp. Tất cả đã cháy hết, chỉ còn lại bốn bức tường đã tinh khiết. Tôi thấy như có gì đó ngọ nguậy dưới chân và hình như có một tấm lưới vô hình nào đó. Té ra đó là ngọn lửa nóng ấm màu xanh, những ngọn lửa tuyệt đẹp. Lúc này chúng tuyệt nhiên không nóng bỏng và dũ dội như những ngọn lửa bình thường khác. Vì thế khi thấy chúng leo lên những mép cuốn sách nằm ngay ngăn kia, tôi mê mẩn đi và tưởng như đó là dòng nước hiền hòa.

Trong phòng chỉ còn có tôi và chiếc ghế anh ngồi, với quả cầu tiên nhân trên cửa sổ.

- Thực ra anh cũng chẳng cần gì cả! - Anh nói.

Anh lại lặp lại những hành động làm cho tôi mê mẩn. Đầu tiên anh cởi trần, cơ thể đẫm mồ hôi ấy dần dần bay lượn như một chiếc lông vũ, rồi đầu vai và toàn thân anh chìm trong khoảng không yên tĩnh của đêm. Khi anh hoàn toàn bay lượn trong không trung, quả cầu trên cửa sổ và

chiếc ghế gỗ anh ngồi từ từ biến mất. Anh mỉm cười và bảo không khí bên ngoài thực thoáng mát và đó dường như là khí hậu của mùa thu chứ không phải đang là mùa hè oi bức. Tôi đứng lên và thấy chiếc ghế mình ngồi cũng biến mất. Nhưng tôi không thể nào bay lượn trong làn hương thuần khiết vô biên như anh được. Tôi đến bên cửa sổ và lại thấy cái cơ thể ở trần của anh nghiêng ra cửa sổ như một bông hoa. Cái cơ thể sẫm mầu ấy dường như được tẩy sạch trong làn không khí đầy mù và hương thơm ấy. Trời đêm hình như có dăm vì sao và cả trăng. Quả thực một vật đều chìm trong giấc ngủ.

- Này, em có công nhận là em gọi điện cho anh trước không? - Anh khe khẽ nói.

- Vâng, em gọi điện cho anh trước - Tôi nói.

Nhưng vạn vật vẫn chìm trong giấc ngủ và muôn vàn tuyến điện thoại vẫn im lìm. Tôi có cảm giác trì trệ. Tất cả đã xảy ra. Tất cả đều chìm lắng. Tất cả đều không trở lại. Cái gì đó dinh dính lăn theo mắt chảy xuống má. Nước sao mà nặng, mù sao mà to, như mưa dầm vậy. Ngoài trời đang mưa à? Đâu có mưa, bên ngoài kia thật mát mẻ và thoáng đãng. Đúng là một đêm mùa hạ điển hình. Tôi đứng bên cửa sổ và nghĩ có thể anh lại bay lên trong hương dạ lan đậm đặc. Và quả cầu xinh xắn cùng với những chiếc bàn ghế giường tủ lại lăn tuột vào thế giới

vô hình của chúng. Chúng tôi vẫn nói chuyện và vẫn mặc những chiếc áo đẫm mồ hôi, rồi lật từng cuốn sách. Nhưng căn phòng bây giờ trống rỗng, chỉ có mỗi cái cơ thể tôi là vật chất duy nhất còn sót lại trong ánh mờ leo lét của bóng đêm, và tôi luôn cảm thấy bất ổn và hoang mang khác thường.

Tôi nhè nhẹ leo lên cánh cửa, rồi xuống cầu thang, chỉ thấy hình như có những con chuột sợ hãi bỏ chạy, những con mắt chúng loang loáng. Cuối cùng tôi cũng chui ra được cái giếng tối tăm ấy và đến bên một đám hoa dạ hương lớn. Tôi chợt nhận ra ở chỗ ấy có biết bao đám dạ hương. Lại gần nhìn thì thấy trên các cành có chi chít những hoa trắng. Gió nhè nhẹ lay những bụi hoa rậm rạp và từng đợt hương dạ lan như sóng biển trào ra cuộn về, dâng lên hạ xuống, tỏa ra nhiều sắc màu rực rỡ, tôi lượn lờ trong đó, cố gắng phân biệt rõ các mùi hương. Nhưng tất cả cứ bập bềnh. Mỗi bụi hoa có những hình dạng khác nhau nhưng có những đám lá và ... hoa như nhau.

Hương đêm đậm đà và không khí thật mát mẻ! Tôi lẩm nhẩm - Mà em lại gọi điện cho anh trước. Hơn nữa có thể anh là vĩnh hằng.

Tôi chầm chậm bước ra khỏi ngõ nhỏ. Tôi chống chếnh trong làn hương đằm đậm. Như một con thuyền bồng bềnh trên mặt nước tĩnh lặng, tối đen, quả thực tôi không còn

sức nữa mà như có một sức mạnh nào đó từ sau đẩy tôi ra khỏi ngõ nhỏ. Bên ngoài, ánh đèn màu lấp lánh nhiều màu sắc, quyến rũ cái thế giới im lìm của chúng tôi, càng lúc càng gần, càng lúc càng thực, tựa như có thể nắm bắt sờ mó được. Và ký ức của tôi còn nhắc nhở rằng đó là một đêm mùa hạ điển hình...

TRỊNH BẢO *dịch*

TRÁT TÂY ĐẠT OA

TÒA LÂU ĐÀI CŨ

Dưới chân núi, đó đây, những cánh đồng rạn ra bởi những đường nứt của núi. Người ta ví như miếng da bò dùng lâu năm. Đất rắn chẳng kém gì đá. Trên những con đường vàng ánh khi mặt trời lặn, đám nông dân lê bước. Họ vác cày, cuốc hoặc rong trâu với những chiếc thùng bện bằng da. Những dấu chân của họ ngoằn ngoèo, đám quạ đến mổ hoặc nhảy lên trên những đống phân trâu. Đàn bà, từng người đeo một cái gùi đáy thót. Chiếc dây to bản bằng da thít ngang trán. Đầu cúi xuống, họ vừa đi vừa tết lanh. Ngồi trong gùi, những em bé, chẳng kêu cũng chẳng khóc, như thể đã quen với cuộc sống đơn điệu. Rồi, ngồi suốt ngày trên bờ ruộng được những bóng các tảng đá che phủ, chúng quan sát các bà mẹ đang làm lụng dưới bầu trời xanh lam.

Mặt trời lặng lẽ và chầm chậm lặn phía sau đám nông dân mà những cái bóng của họ đã hắt thật dài, đang đi về làng.

Những nông dân ấy, gọi theo thời đó, là thành viên công xã nhân dân, làm ăn tập thể, tự nguyện. Chẳng biết

quái gì ở nơi có những dãy núi tuyết phủ, họ láng máng nghe được một thứ "Công xã Paris chìm trong máu", cái kỷ niệm ấy cũng mơ hồ trong ý thức của họ như thể là thiên đường mà vị đạt-ma của họ đôi khi nhắc đến.

Với chiếc chậu đồng sứt, một ông già đang múc nước ở trong chiếc hố ông vừa đào ở lối đi của làng bằng xẻng. Ông muốn lấy từ một núi dòng nước ngầm không dứt. Thứ công việc buồn bã và khó nhọc này, hình như chẳng bao giờ chấm dứt, nước sẽ tuôn cho ông ấy một nguồn vô tận từ xa xưa để mà sống.

Ông tên là Lăng Khâm, trước đây là chủ nhiệm công xã đầu tiên. Ông đã phải lao động cải tạo với lý do để "cải hối", một tiếng nhập ngoại hơi lạ tai với những người ở làng. Từ đó, ông vừa phải làm nền kho từ sáng đến chiều mà vẫn không được rời việc múc nước và đào hố.

Khi đám đàn bà vây quanh ông, tất cả đàn bà mắt đều long lanh lên và gương mặt thì luôn mỉm cười, nụ cười dấu ấn của sự dịu dàng, nụ cười thương hại, nụ cười của sự duyên dáng, một nụ cười tỏ ra từng mê đắm, từng chật vật, từng bị cám dỗ. Họ đã từng yêu ông. Trai một cho đến lúc 47 tuổi, ông đã từng có mười năm có lẻ, từng "sở hữu" những người đàn bà trong làng, cưới hoặc không, đẹp hoặc xấu, thông minh hay ngờ nghệch, khỏe mạnh hay ốm yếu, lanh lợi hoặc lì xì. Họ đã đem cho ông trên

trần thế này một trăm ba mươi bảy bé gái, hầu hết đều chết trẻ, do bệnh tật hoặc tai nạn. Những đứa còn sống đều có một dấu hiệu đỏ hình con mắt ở cánh tay trái. Những dấu hiệu ấy khiến ông có thể nhận ra con gái mình sau này ở La-Xa. Cái mà có lẽ cái đám đàn bà kia, có thể tự hào chăng, những xã viên công xã, đó chính là cái bụng như thể một cây xanh vĩnh cửu, đeo lên đâu chi nào hoa, nào quả cho chồng của họ, mà cả cho Lăng Khâm, người tình của họ, ngay cả khi ông trong thời gian bị ruồng bỏ, thất sủng.

Đám nông dân đi qua trước ông; hai người đàn bà, nháy mắt, vuốt vuốt cái bụng to với một nụ cười câm như muốn bảo lão: "Thêm một đứa nữa, của ông đấy!"

Lạnh nhạt với những nụ cười của họ, Lăng Khâm tiếp tục công việc nặng nhọc. Chân dầm nước, bắt đầu tím tái, những chỗ nào còn trắng bởi đó có xương và móng chân, thì bệch ra như pho mát.

Vầng trăng vàng nhạt đã mọc, lạnh lẽo, sau núi. Tròn và lớn, trăng ngự trị bầu trời đen ngòm. Như một chiếc đĩa thần, trong và quánh vỗ lên những bóng tối trùng trùng và hất ra những ánh sáng lạnh. Những bóng nhà, bóng cây trập trùng hiện lên dưới ánh trăng, trong khi những hòn cuội nhẵn và tròn, lấp lánh ở bên đường. Ánh trăng đẩy xa thêm con đường và núi non.

Sau bữa cơm chiều, dàn ông và dàn bà đi xem phim ở đầu ô thị trấn. Thường là những phim cũ, có phim đã xem liên tiếp nhiều năm. Đám người già và trẻ con thì ở nhà, không có gan đi bộ hàng ba, bốn giờ. Họ đi ngủ sớm. Những ngôi nhà đá thấp với cửa sổ hẹp và thấp như cũng chìm trong giấc ngủ.

Không một chút ánh sáng, không một tiếng thở dài, làng như một chiếc nghĩa trang kín, rơi tõm vào quên lãng.

Một đống máy móc nông nghiệp đã ri nát dãi dưới trăng, bởi không có điện, không có dầu nhờn, máy gặt đập, máy gieo hạt, máy bơm trơ một đống gỉ nát.

Lăng Khâm, lão già ấy, nằm dài tên một ổ rơm, gần máy gặt đập. Tựa vào lão là một người đàn bà chẳng rõ bao nhiêu tuổi. Mụ tên là Lạp Mộc Khúc Trinh. Trước đây mụ là qúi tộc, quanh vùng hàng trăm dặm, nổi tiếng về đẹp và quyền hành. Cuộc tình bất hạnh đã khiến mụ phải dứt bỏ La-xa và cuộc sống xa hoa; mụ từng ở một trong những tòa lâu dài của gia đình. Năm này qua năm khác, mụ vẫn chưa lấy chồng. Trên gương mặt mụ, năm tháng dữ dần đã hằn lên, đối nghịch hẳn những điều mà mụ đã đối xử với những người đàn bà trước đây vốn là con hầu của mụ, ở thời kỳ giầu có. Họa chăng chỉ còn trên tấm hình khi được ban phép Phật, khắc trên đá, bất chấp thời gian làm mòn đi vẫn giữ đẹp vẻ đẹp trẻ. Mụ có

lẽ đã gần bảy mươi, mà cái vẻ duyên dáng còn làm khối người chú ý.

Giờ lâm vào nghiệp ăn mày, mụ cố xóa đi những vẻ kiêu hãnh của những người chủ mới trên đất này đang ở trước mặt. Mụ cúi mình khiêm tốn.

Từ ngày mụ bị xua đuổi ra khỏi lâu đài, mụ trở thành thứ đồ chơi của đám đàn ông. Khốn thay, mỗi lần bước ra khỏi ngôi nhà nhỏ của mụ, những người tình một đêm, tay chân lại lạnh cóng và lại cất thứ giọng kinh tởm. Họ vẫn có một thứ hèn cố hữu, như một thứ bệnh thông thường thường mắc và không bao giờ rũ bỏ nổi. Người này thì bảo, mụ là một con rắn độc. Người kia thì bảo, đó là một con quỷ đội lốt người. Rồi từ đó, chẳng có ai dám đụng đến cái thân thể lạnh lẽo ấy nữa.

Trong bóng tối, Lăng Khâm lấy thuốc lá và hút. Rồi những cơn ho xù xụ đều đặn thốt ra. Lúc đó, họ quay lại nhau, cùng một lúc, nhìn thẳng vào nhau.

Trong bóng những ngôi nhà nhỏ ở làng sừng sững một cái tháp của một công trình ngạo nghễ. Đó là tòa lâu đài cổ, từ nhiều thế kỷ nay, tượng trưng cho quyền lợi quý tộc. Cho đến nay bị ruồng bỏ, cũng trở nên trơ trọi và thảm hại.

Lăng Khâm rì rầm:

- Lâu đài ấy của ta đấy !

- Của ta, Lạp Mộc Khúc Trinh ngắt lời, mắt mụ sáng lên dằn dữ.

- Nhưng ta đã chiếm căn phòng của mụ để ngủ, Lăng Khâm thốt lên với nụ cười khô khốc.

- Ta sẽ trở về một ngày nào đó, đó là ý nguyện của Thượng đế.

"Lũ người ấy chỉ mơ trở lại thiên đường đã mất của chúng, Lăng Khâm nghĩ. Người đứng đầu về Đảng ở khu vực đã nhiều lần nói thế! Đó là một sự thật dữ dằn!"

Trong thời trẻ, Lăng Khâm là một trong những người hầu của Lạp Mộc Khúc Trinh. Anh là một nô lệ trẻ sống trong cái hang tối của lâu đài, một cậu trai đẹp trời phú cho, ban ngày, bị hút hồn bởi sắc đẹp của cô chủ trẻ, còn ban đêm là những khát khao chưa được thỏa mãn. Vì thế lão được coi như là người tình cũ vụng trộm của Lạp Mộc Khúc Trinh. Mụ nghe nói rằng Lăng Khâm là một nô lệ đặc biệt của mụ để hầu hạ ban đêm, song mụ không hề cho gã đụng tay đến thân thể của mụ. Ban đêm, nằm ườn trên chiếc giường êm, thơm phức, mụ để gã trông thấy cái thân hình đẹp để trần một nửa để khuấy lên ngọn lửa ham muốn của gã. Còn bàn ngày thì mụ giành cho đám con gái chăm sóc. Rồi mụ đi thật xa hơn trong những phút nhàn rỗi, mụ đến một hang tối và giam mình trong đó. Lăng Khâm yêu đến phát rồ, song cũng căm thù bà chủ.

Lăng Khâm đã nhắm mắt khi bị ánh sáng lọt vào từ một lỗ hổng hình tam giác của bức tường lâu đài làm chói mắt. Gã ngủ trong hành lang tầng hầm của lâu đài. Luồng sáng mang theo cả quầng bụi vàng chóe quay cuồng. Cứ mỗi lần bị ánh sáng chiếu rọi qua cái lỗ thủng đó cũng là lúc bà chủ thức dậy sau giấc ngủ trưa, trong căn phòng ở tầng trên, gác hai. Thế là gã đứng dậy ra khỏi chiếc cửa thấp rồi trèo lên cầu thang bằng đá tràn ngập ánh nắng. Những cửa kính lấp lánh mặt trời lóa mắt. Gã vội vào bếp rửa tay, trước khi cầm chiếc chậu bạc trạm khắc. Gã đổ nước nóng vào, đặt vào chiếc khăn trắng, rồi leo lên cầu thang gỗ cẩn đồng bước vào phòng đợi ở tầng hai. Gã đứng chờ ở trước rèm chiếc cửa trắng có vệt chéo xanh. Theo tiếng chuông gã vào bên trong, bước những bước dụt dè. Không dám ngước cặp mắt đang chằm chằm nhìn vào chậu nước, gã tiến dần đến chiếc giường lớn của bà chủ. Mụ chủ bị quỷ ám và dữ dần, nhõng nhẽo không biết thẹn. Tim đập thình thịch, Lăng Khâm khẽ ngước cặp mắt dụt dè và khẽ nhìn trộm: tóc mụ xổ rối, ngực nửa hở phồng lên, mắt đắm đuối, vai tròn, đùi trắng, cả thân hình phơi bày trước mặt gã. Gã cắn chặt răng, nhắm mắt lại, người run lên. Cơ bắp của gã như muốn vỡ tung, cuối cùng cơn điên của lão nén lại được sau những trận rên ngầm đau đớn. Chính cái phút ấy gã đã tạo ra những khoái lạc cho mụ chủ.

Địa ngục của chàng trai chấm dứt vào những năm năm mươi. Một hôm, bầu trời vang lên tiếng súng phá tan sự im lặng của những ngọn núi tuyết phủ. Rồi đại bác và súng máy nổ vang dưới thung lung trơ trụi. Đám người hầu trong lâu đài nào có biết gì xảy ra ở phía ngoài. Duy gã quản gia và vài người tin cẩn của bà chủ, sắm vũ khí và đặt những chiếc túi lớn bằng da lên lưng ngựa. Cuối cùng, mọi cuộc chuẩn bị đã xong, bà chủ xuất hiện ở lối đi của lâu đài. Mặc một chiếc áo quý, bà luôn có gương mặt kiêu căng và bất cần, nhưng không dấu được vẻ nuối tiếc và sự thù hận. Mụ bước lên cái lưng cúi gập của Lăng Khâm để nhảy lên yên. Trước khi phóng ngựa đi, mụ quay lại, nói với cái giọng trầm lặng:

- Từ giờ, ngươi được tự do.

Đoàn người vội vã phi ngựa như bay. Những đám bụi vàng tung lên, mụ mất hút sau những dãy núi.

Đứng trước thềm lâu đài, Lăng Khâm ngó xung quanh dáng hốt hoảng, gã cảm thấy trống rỗng. Sự tự do của bà chủ vừa trả lại khiến cho ngã ngỡ ngàng đến không nhận ra mình nữa. Hắn giang tay, giậm chân. Mọi cảm giác mạnh mẽ chỉ đem đến sự tê cóng. Rồi, như chợt tỉnh, hắn lao vào bên trong lâu đài như một thằng điên. Trong phòng khách, phòng ngủ của bà chủ, rối tung mọi trật tự. Sự hỗn loạn khiến người ta nghĩ đến sự phá phách cuồng

dại, thú tính, phá sạch những gì hiện có. Gã rên như một con sư tử, trước khi lao vào chiếc giường lớn, với gã như thể một giáo đường. Gã cuốn vào mình chiếc chăn lụa, gã hít hà hương thơm và mùi da thịt nồng ấm của bà chủ. Gã vùi đầu vào chiếc gối mềm với bộ tóc bẩn và rối bời. Áo gối bị xé ra rồi tung lên trời như những đám tuyết. Drap trải giường trắng đầy những vết bẩn bị vò nhàu và hất tung ra mọi chỗ. Khi gã nghĩ đến sự trả thù đá đời, gã nhảy bốn bậc thang gác, lao đến nhà kho chứa vũ khí và cầm lấy một thanh gươm. Ra khỏi lâu đài, gã đến chuồng ngựa và chọn lấy một con ngựa dữ. Bị quất mạnh bất ngờ, con ngựa lồng lên phi rất nhanh và hí ran.

Năm ngày sau, như từ trời đi xuống, một đoàn người xa lạ về làng. Kiến tạo lấy một kỷ nguyên mới, những đồng chí trong đoàn phân phát cho các nô lệ vui đến điên cuồng, những gia súc, nông cụ, tiền, quần áo, đồ đạc, v.v... Trước sự ngạc nhiên của mọi người Lăng Khâm, người đẫm máu trên mình ngựa. Gã mang theo lưng ngựa một người đàn bà tiều tụy. Đó là Lạp Mộc Khúc Trinh, bà chủ của lâu đài, tay bị trói, rên rỉ, vận chiếc áo dài mỏng. Đám nô lệ kêu lên kinh ngạc.

Lăng Khâm không muốn kể lại gã ta đã tự cuỗm được ra khỏi những người đầy tớ trung thành và đội bảo vệ, thì hành động của gã dã khiến cho đám đông coi như một

người hùng đã bắt được một mụ quý phái, một con mẹ đã đày đọa họ ghê gớm. Khi những đồng chí hỏi anh cần được trao tặng thứ gì mà anh cần, anh trả lời ngay tắp lự: "Tôi muốn ngủ với Lạp Mộc Khúc Trinh".

Tiếng thét gây ấn tượng mạnh cho những đồng chí. Nói thực ra, họ rất thích thú thú tính hoang dã táo tợn có từ đám nô lệ bị qui phục, nhưng họ do dự để anh thực thi ý đồ đó.

Đêm ấy, trên nền trời màu thiếc, vầng trăng thật tươi tắn, phả ánh bạc hiền hòa lên khắp mọi nơi, chiếu cả vào căn phòng ngủ lộn tung lên của Lạp Mộc Khúc Trinh. Lăng Khâm, như một gã điên, với những vết nứt máu bám đen, đau dữ dội ở cánh vai bị thương. Máu vẫn rỉ ra ở thái dương không phải là máu nữa, mà là dòng chảy của thứ kim khí trong mạch máu và réo nhẹ lên lỗ tai. Không kiên nhẫn và bất chấp, gã đâm xầm vào chiếc thân mềm của Lạp Mộc Khúc Trinh. Hoàng sợ trước khối thịt của con quỷ dữ, người đàn bà trẻ mềm yếu xụp đổ. Mặc mụ, gương mặt gã thật kinh tởm. Mụ thở dốc đành để cho gã trai trả thù. Mụ không còn biết gì nữa.

Đó là những điều kiện để Lăng Khâm được bầu lần đầu tiên làm đội trưởng đội đổi công, rồi trở thành chủ tịch Hội nông dân nghèo, cuối cùng là chủ nhiệm công xã nhân dân. Thế là gã trở thành vị chúa tể tối cao nhiều

vụ của họ, và đám đàn bà có được chút đỉnh giành cho chồng. Đám đàn bà này, vui vẻ nhận lấy sự phân phát ấy, còn vì gã là một thằng đàn ông đẹp và khỏe. Thật may mắn cho ai hưởng được ân huệ của gã, khi gã cho phép khỏi phải làm lụng ngoài đồng để cho lũ trẻ con bú.

Và vinh dự cho họ là có nhiều bé gái với cái dấu đỏ ở cánh tay.

Cũng thời gian ấy Lạp Mộc Khúc Trinh ngủ tại một gian nhà kho, làm bạn với lũ chuột và chấy. Và một hôm, chiếc gùi trên lưng, mụ đi làm lao công, cố giữ sự im lặng, như bóng ma, chịu những trận mưa chửi rủa và đá ném theo. Rách rưới, tóc rối bẩn, mặt mũi mụ nguệch ngoạc. Nhưng đêm đến, dưới ánh trăng mụ tắm suối, lại đẹp như tiên.

Một lần, bên bờ suối, một bàn tay mạnh tóm lấy và đè xấn mụ xuống đất. Đó chính là "đấng tối cao" Lăng Khâm. Dưới cái nhìn kẻ cướp của gã, mụ quỳ xuống hôn chân gã và nói: "Lạy ông, ông tha cho tôi".

Mặt trăng tròn tỏa sáng.

Lăng Khâm lột quần áo mụ, gã choàng lấy mụ trong yên lặng. Từ đó, cứ đến khi nào trăng tròn Lăng Khâm lại tìm mụ, mà chẳng cho ai biết. Như thể có một sức huyền bí của tạo hóa, gã cũng không hay, đã điều hòa nỗi đam mê cháy bỏng của gã và luồng máu nóng của người

đàn bà trong đêm trăng sáng, đã cho người đàn ông tận hưởng thân thể ngà ngọc của mình. Suốt mười hai năm, gã tận hưởng nhờ dựa vào quyền lực, về sự giàu có và sự "ngưỡng mộ". Gã, từ những kinh nghiệm rút ra kết luận như sau: đó là ngôi thứ của một kẻ chúa tể không những là kết quả của những cám dỗ, mà còn có thể sắp đặt được những lực lượng ma qui, không tưởng tượng được. Một ranh giới đã được vạch ra, một bên là những người bàn tay đẫm máu, đời này qua đời khác, nắng cháy lưng tay cầm những công cụ nguyên thủy, đổ mồ hôi ra làm lụng; một bên là kẻ, phè phỡn trong rượu vang và các thức ăn ngon, từ trên bao lơn ngắm ra cảnh bình yên của đồng áng. Một lần bước tới ngai vàng, vị chúa tể tìm thấy vô số cuộc đời của núi, sông, cây cỏ, đồng áng. Tất cả thuộc về gã, gã có thể chỉ huy bằng hết. Chúa tể càng sung sướng và khôn lường nổi, về quyền lực có thể từ ý muốn của mình, tất cả những sinh linh có đủ mắt mũi, chân tay, hình hài giống như gã.

Cũng như tất cả nông dân Tây Tạng, Lăng Khâm không bao giờ hiểu nổi ý nghĩa của cơn bão táp đỏ từ phương đông năm 1966 và tràn đến Tây Tạng năm 1968. Trong cơn lốc mạnh của trận bão khôn lường trước ấy, gã mất luôn ngai vàng và chiếc bao lơn. Và trong khoảng đêm, gã trở thành người láng giềng của Lạp Mộc Khúc Trinh.

Một buổi gã bị lôi đi đấu trên một diễn đàn dựng ở trước làng, bị coi là "tầng lớp trên", "phần tử xấu" "bọn giầu có". Tuy bị trói ở sau lưng, gã bị giữ bởi hai hồng vệ binh, bắt cúi gập mình ở giữa họ. Cuồng lên, gã cãi lại luôn miệng, ra hiệu rằng nguồn gốc của gã chẳng khác gì những người đang đấu tố ở trên diễn đàn.

Đám người đồng thanh hét vang lên:

- Mày là một phần tử thoái hóa, ngụy tạo.

- Sao? Sao? Hãy nói những tội mà tôi phạm phải đi.

Gã ngẩng đầu kêu to.

- Mày ngủ với tất cả đàn bà ở công xã, thế không phải là thoái hóa ư?

Lăng Khâm lịm đi trong cáu kỉnh. Ngủ với đàn bà là một cái tội ư? Nhưng tổ tiên ta từ đời này nối với đời kia đều ngủ với nhiều đàn bà. Luật ngày xưa đâu có cấm họ. Gã muốn phát rồ, muốn chứng minh rằng, gã đâu có chiếm đoạt họ, họ chẳng xếp hàng dài để ngủ với gã, họ yêu gã điên cuồng, và đã sinh ra rất nhiều cô gái xinh đẹp, để đến lượt chúng sau này sẽ sinh ra hàng ngàn đứa trẻ. Đó chẳng là một đóng góp cho công xã cho dân tộc ư?

Thế là gã phóng tầm mắt lên những người đàn bà ấy, ở giữa đám đông đang nức nở và lấy tay che mặt.

Có ai đó thét lên trên diễn đàn:

- Hãy cùng tôi nhìn những người đàn bà kia. Những dòng nước mắt của họ chứng tỏ rõ rằng nỗi đau đớn và ý chí cách mạng chống lại gã đàn ông thoái hóa này. Họ đều là nạn nhân của những khát khao bỉ ổi của Lăng Khâm!

Chợt, dưới chân diễn đàn bị vây kín bởi những cô bé lau nhau. Một đàn bé gái nhẩy lên và xô về phía Lăng Khâm và gọi: "Cha! Cha ơi!" Chỉ ít giây sau, diễn đàn của đám người lảm nhảm. Đám trẻ đứa này nhào vào cha của chúng, đứa kia nhào vào ông chủ tịch cuộc họp. Ông này kinh hãi bỗng trở lui, không biết làm sao ngăn nổi những miếng cắn của đám trẻ gái đang cáu kỉnh. Lão vắt chân lên cổ mà chạy, kêu toáng lên: Trời ơi, tai họa nào thế này, lũ trẻ gái làm gì thế này. Phi lý quá! Ngổ ngáo quá!

Lăng Khâm được cởi trói, gã âu yếm đàn trẻ, họ đứng bên nhau, những cô con gái của gã vây lấy gã. Gã cười hớn hở ôm lấy chúng trong vòng tay.

Lâu đài hầu như bỏ không, bởi vị chủ nhiệm công xã, một nông dân hầu như mù chữ, và hơi chút kiêu căng, đã từ chối không ở đó, sau khi nghe đồn của nhiều người rằng ở đó thường hay xúi quẩy. Thế là lâu đài trở thành văn phòng của công xã và cũng dùng làm kho. Khi đêm xuống, nó có dáng một công trình bỏ quên.

Thời gian trôi qua với những sự kiện chính trị dựng lên bởi các chương trình khôn ngoan hoặc với những tham vọng rủi ro. Nhưng trước thiên nhiên vĩnh cửu và bí ẩn, nó chỉ tạo nên một bông hoa chưa kịp nở đã tàn. Những ngọn núi tuyết phủ, những dòng sông hung dữ, bầu trời xanh lam, những đám mây trắng, ánh nắng chói chang luôn giữ chúng lại, cho dù thời gian đã qua đi.

Làng của Lăng Khâm luôn bám lấy thung lũng, treo trên đỉnh một con đèo qua nhiều cánh đồng, im lặng đơn điệu, lọt vào những đỉnh núi thẫm, cao ngất. Xa xa là những đỉnh núi đầy tuyết. Con sông ở dưới chân làng luôn vỗ sóng. Dải cát trắng trải dài, ở phía bờ bên, cũng buồn như đời sống của dân làng. Thỉnh thoảng Lăng Khâm trèo lên núi, ngắm bầu trời mênh mông vô tận, ngắm những chiếc mào tuyết phủ trên đỉnh núi chồng chất, không lường nổi. Chợt gã, có cảm tưởng như thế giới đã băng giá, thiên nhiên đầy những nỗi kinh hãi như thể hắn có những nỗi đau và thương nhớ chẳng nguôi ngoai.

Im lặng đến thẳm sâu, bên tai không một tiếng động. Đó là một thế giới trong suốt. Không màu, không ham muốn, chẳng hề bị ai quấy quả. Xa xa, một sinh linh, đó là cánh chim ưng lượn trên cái làng chết trong đau đớn. Cái sức lực ngang tàng, hoàn toàn tự do, đem đến một chút sự sống cho cái thế giới ngưng trệ. Con chim ưng

lượn vòng rồi xải cánh bay.

Lăng Khâm thèm được bay với nó. Gã cầu khấn một vị thần đến ban phép, an ủi con tim tan nát, lạnh cóng. Bỗng chốc một bài hát vang lên trong hồn gã, một bài hát êm đềm, say đắm, đầy sức sống mà giai điệu hiếm thấy cho phép gã có thể vượt những núi non tưởng không vượt nổi... Gã hát với tất cả sức lực dồn lại, bài hát cũ để nghe lại được chính cái giọng thuần chất của gã, để tạo dựng sự tồn tại của gã, để tìm thấy tâm hồn phiêu bạt của gã. Bài hát ngân lên trên núi non vang vọng tạo thành một làn dân ca trang trọng và tuôn trào... Nhịp điệu trì trệ bị phá vỡ và bắt đầu động chuyển. Dòng chảy mang theo những làn sóng mạnh mẽ húc vào những núi đá, khiến đá phải lở. Những làn sương mù trắng thoát ra từ những đỉnh núi lan ra khắp trời. Đám tuyết ngàn năm tan ra, tạo ra những tiếng dội của sóng tràn vào thung lũng. Trong nháy mắt, một chiếc đèo tuyết mênh mông hơi dốc đứng hiện ra. Thế là hết nhưng thung lũng khôn dò. Chỉ còn lại những tiếng gầm chói tai từ cõi hư vô truyền đến tai Lăng Khâm.

Mười năm nữa lại mới trôi qua. Trong một đêm buồn, ông già Lăng Khâm buồn bã và tiếc nuối từ biệt làng. Trong không khí trong lành buổi mai, khuấy lên mùi hôi của những mồ hôi trên thân xác người ấm nóng và máu

người nhóp nháp còn mãi với làng, bay lên hương đất tươi và hoa dại thoát ra từ những vuông nhà và những hốc đá. Lão đi đến bờ cát ven sông, nơi một ông lái già nua đang đậu thuyền chờ. Họ đẩy con thuyền ra mặt nước và nhảy vào trong. Con thuyền xoay ngang rồi bơi theo làn nước thẫm, sang ngang. Lăng Khâm ngồi trên khoang thuyền quay nhìn lại làng đang khắc lên trong suy tưởng. Thung lũng núi đang lan ra giải sương mù xám. Vầng trăng non xanh xao còn treo trên lâu đài cổ. Phía làng bên kia, những con lừa đang thồ nặng bước chậm chạp trên con đường sỏi, ngoằn ngoèo, dưới chân núi. Những tiếng chuông sớm vang lên trước bình minh, không khí còn êm đềm trong ánh trăng xanh.

Nhìn bóng chiếc lâu đài cổ, Lăng Khâm lòng tan nát. Trong đáy lòng, Lăng Khâm từ biệt quãng thời gian đã thâu tóm gần như cả đời lão, lão nói lời từ giã với ngôi làng trơ trọi mà lão đã gắn bó. Lão gửi lời chào lặng lẽ đến những người xã viên nữ đang ngủ từng rất yêu lão, đến Lạp Mộc Khúc Trinh, như một bóng ma, từng gửi những nét tươi trẻ của gã trong thời con gái. Giờ đây, Lạp Mộc Khúc Trinh đang mơ gì?

Lão sang bờ bên kia và sau khi đã vượt những ngọn núi tuyết phủ, thẳng đường đến La-xa, thành phố thần thánh trong sắc màu huyền thoại, bỏ lại ngôi làng ảm đạm,

đầy chuyện xao động và toan tính.

Thời gian đã lặng lẽ trôi theo dòng đời lão, lão dường như bị lãng quên. Họ nói về lão, bảo rằng lão đã trở thành lạt - ma trong ngôi đền Xơ la hoặc đang đi ăn xin ở Ba lãng hoặc thành người làm vườn trong khách sạn hiện đại ở La-xa.

Tuy nhiên, ngay cả lúc hấp hối, Lãng Khâm cũng không biết chính mình ở đâu nữa. Những tiếng ồn ào vây quanh làm lão tỉnh giấc. Lão nhìn thấy những cô gái trẻ bỗng nhiên xa lạ, xô đẩy vây quanh. Khéo léo hoặc vụng về, họ lộ cho lão thấy tầng tầng những cánh tay trái có ghi một dấu đỏ, hình con mắt. Ngắm những cô gái, cô thì xấu, cô thì đẹp, cô đang vẫn những thời trang người thành phố, cô thì vẫn hoàn toàn cục mịch nhà quê, làm cho lão nhớ được những kỷ niệm, là lão có nhiều đứa con gái đích. Vui sướng, lão nhìn họ trong nỗi âu yếm của người cha. Không thốt nổi một lời, lão chăm chú nghe những lời của họ dịu dàng, ríu rít như họa mi. Lão nhận được thêm hàng ngàn tin tức mới. Công xã nhân dân đã biến mất. Ngôi đền ở trên núi đã được dựng lại và suốt ngày đón những khách hành hương. Còn về Lạp Mộc Khúc Trinh bà đã xóa đi những vết xước trong tim, bà đã khôn ngoan trở lại và được bầu vào Ủy viên thường trực hội đồng tư vấn chính trị của khu. Nỗi đau đã chỉ một đêm, làm bà mất

sạch những nét son trẻ, tóc bà bạc trắng trên đầu, chứng tích thời gian còn ghi trên gương mặt. Những bước chân run rẩy, chập choạng khiến mọi người nghĩ bà chẳng còn sống được bao lâu. Như sự tàn héo của bà chủ, tòa lâu đài lâm vào cảnh hư nát, một góc mái đã xụt, ván, cửa, trần ngày một hỏng dần. Rồi đây nó sẽ còn bị hủy hoại nữa với thời gian và có lẽ chỉ còn lại dấu vết của đống hoang tàn.

Lãng Khâm chầm chậm nhắm mắt. Thân xác cứng lại, lão lộ trên khuôn mặt những biểu hiện khó hiểu, người ta cho rằng đó là những vẻ buồn hoặc những vẻ lo toan...

Lão đã ra đi vĩnh viễn.

NGÔ VĂN PHÚ *dịch*

TRÁT TÂY ĐẠT OA (TASHI DAWA)

SỰ IM LẶNG CỦA NHÀ THÔNG THÁI

Cứ mỗi lần những chiếc xe máy phun khói ầm ĩ đi qua, ngôi nhà lại rơi tõm vào sự im lặng bí ẩn.

Người gác cổng đưa mắt nhìn xung quanh. Không có gì xảy ra. Không một tên trộm nào dám bén mảng đến ngôi nhà này. Ngay cả một con chó cũng vậy. Lũ chó đánh hơi rất giỏi, nếu như lũ trộm trèo qua lỗ hổng của bức tường phình ra, chúng sẽ lao đến tấp lự. hết sức mình.

Người gác cổng già nua chỉ còn độc một chiếc răng. Là người đầy tớ trung thành, lão lau kỹ càng những viên gạch lát trong sân và gìn giữ cẩn thận vườn táo đang đầy những quả nhỏ, giống như những núm vú của các thiếu nữ. Ngôi nhà lầu có một bậc tam cấp rộng trước cửa một phòng lớn. Hai cánh cửa lớn mở hé ở gian giữa có một chiếc búa đồng đã rỉ. Những chiếc cửa sổ khung đen luôn đóng im im. Những bức tường đá hoa trắng phản chiếu ánh mặt trời lấp lóa.

Người gác cổng già như có điều gì đó bất thường. Sáng nào, một hồi chuông điện thoại ngắn khiến lão phải leo

lên gác hai ở bên trái. Nhưng bữa nay, chuông không thấy réo, lão ngước nhìn lo lắng.

Một qúi ngài trẻ với chiếc mũ cát chụp lên đầu, vừa cưỡi chiếc mô tô màu đỏ vừa đi ra. Khi lão mở cái cổng lớn, lão thấy có bảy tám chiếc xe máy, mặt tối xầm, đang chờ ở đó. Những chiếc mũ cát nhiều màu lấp loáng cùng với tiếng máy nổ ầm ĩ.

- Thưa cậu chủ!

Vừa thốt được một tiếng thì những chiếc xe máy đã biến mất, tung lên một cơn lốc bụi và gió.

Ngôi nhà lại rơi tõm vào yên lặng.

Lão gác cổng biết rằng cậu chủ trẻ của lão là một người tốt bụng, một nhà báo, một nhà thể thao tài tử. Ngoài những thứ đó, cậu coi thường mọi chuyện. Ngôi nhà đẹp thêm vì mới lắp một chiếc ăng ten nhận, câm lặng suốt ngày. Cậu chủ không nghe nhạc, không nói, ngay cả những buổi tối. Cậu sống trong cô quạnh, nhiệm vụ làm báo của cậu luôn đi về theo sự khép mở của chiếc cổng, hoặc lững thững dạo trong sân. Tiếng rung nhẹ của tiếng những chiếc mô tô hay là tiếng còi của ô tô báo là cậu chủ đang gọi. Cậu chủ là ủy viên hội đồng tư vấn chính trị ở địa phương, trở về sau những cuộc họp với chiếc ô tô có những ô kính ám khói. Qua tiếng còi xe, người gác cổng vội chạy ra mở hai cánh cổng lớn.

Điện thoại ở trên lầu vẫn chưa réo. Đã một tiếng rưỡi đồng hồ trôi qua người gác cổng mở chiếc cửa nhỏ. Phía sau vòm cửa một cụ già vận áo rách đang ngồi, đến nổi, cạnh cụ là một con cừu ủ rũ luôn toát ra thứ mùi khó chịu.

- Ông có biết ông ngồi đây đã đến hai mươi năm rồi không? Người lão bộc luôn cất tiếng hỏi đầu tiên như thế mỗi lần đến.

Cụ già mở hé một con mắt.

Người lão bộc hỏi:

- Chẳng hiểu sao ngài lại không tịch, khi mỗi lần ăn xin được một ít xôi và chút nước trà!

Cụ già đáp lại giọng run run, lần đầu tiên lão bộc nghe thấy:

- Ta là một nhà thông thái.

Lão Bộc dọa:

- Tôi đi gọi cảnh sát nhé!

Cụ già nhắm mắt lại bảo.

- Ông chờ người gọi điện thoại phải không?

Lão bộc giật nảy mình: "Cụ ấy là nhà thông thái thật ư?"

Có một tiếng cừu vang lên.

Lão bộc nhắc:

- Cụ phải tống khứ nó đi!

- Nó theo ta suốt. Nó hiểu hết đấy!

Người lão bộc chỉ vào xó cửa bảo: "Bình ga của cậu chủ đấy, khéo mà nó nổ đấy!"

Nhưng cụ già chẳng chú ý gì đến lời khuyên của lão bộc, lại mải bắt rận.

Lão bộc ngượng ngùng bảo:

- Tôi cũng chẳng cần nói làm gì nữa, hai mươi năm nay tôi có bao giờ nói gì đâu. Chắc hẳn hôm nay là một ngày xấu.

Nhà thông thái hỏi:

- Lão chờ điện thoại của ai thế?

- Không phải điện thoại của tôi. Mà là chị gái của cậu chủ, một cô gái luống tuổi, nhỡ thì!

- Và cô ta chờ ai? Nhà thông thái hỏi chăm chú.

Lão bộc lúc lắc đầu.

- Chà... Tôi không thể nói được với cụ đâu!

Nhà thông thái ngắt lời, dáng tự thị:

- Lão nên nói sớm với ta.

Nhìn xéo một cái như chế diễu, người gác cổng bảo:

- Cụ là một ngôi sao xấu!

Nhà thông thái trầm ngâm có vẻ sững sờ.

Thật tâm, lão bộc cũng lo lo. Sau buổi trưa, ông lớn trẻ được đưa về nhà, mình dẫm máu. Cậu bị bắn hai phát vào đầu. Theo báo cáo đầu tiên của cảnh sát, cậu được thoát ra từ một cuộc gian lận ở chợ đen. Cậu đã móc ngoặc với một người dắt mối khác, trong một vụ bất hợp pháp, số tiền lên tới hai mươi ngàn nhân dân tệ. Hò hẹn nhau ở một thung lũng, hai bên đều muốn chiếm đoạt phần của phía kia, dẫn đến một cuộc đánh lộn bằng tay, sau đó dùng đến súng. Rút cục, ông lớn trẻ nhận đủ, còn vệ sĩ của cậu sống sót, nhận một viên đạn vào chân.

Sân nhà rối cả lên, người xô đến, cảnh sát cũng ập vào. Lão gác cổng cũng bị xét hỏi. Phải sau nhiều giờ ngôi nhà mới rơi vào im lặng.

Sau khi dẫn viên cảnh sát cuối cùng ra cổng, lão bộc đóng cổng lại, đã thấy nhà thông thái đang ngồi bệt dưới đất.

Lão lạnh lùng bảo.

- Cậu chủ bị nạn. Cụ đúng là một ngôi sao xấu. Nhà thông thái chỉ gật đầu.

Con cừu thì lại cất tiếng kêu như xúc động, đầu ngẩng lên, phá tan sự im lặng.

Một sự im lặng ngột ngạt, như chết trùm lên chiếc sân bí ẩn? Lão bộc không dám trở vào, lão muốn nhập bọn với lão già gần kề miệng lỗ và chú cừu.

Nhưng lão thật xúc động khi thấy con vật đâu chỉ nhìn lão, nó đang nhìn với đôi mắt như là người vậy, mí mắt nó chớp chớp, con ngươi đen thì long lanh, ánh lên sự khôn ngoan và đau đớn và như muốn nói một điều gì...

Lão gác cổng nhảy lùi lại, kinh ngạc kêu lên:

- Con cừu này làm gì thế?

Ôm lấy con cừu trong tay, nhà thông thái nói:

- Ta quên không nói với ông. Đây là người anh của ta đấy!

Mắt trợn tròn, lão bộc kêu to lên một tiếng rồi ba chân bốn cẳng chạy mất. Lão trở lại sau đó một phút, tay cầm gậy.

Nhà thông thái vội vàng giảng giải:

- Khi ta 12 tuổi, một hôm, ta nhảy phốc lên con ngựa nhà láng giềng phóng chơi bên bờ sông. Khi ta trở về, anh trai ta giáng cho một trận roi đến nỗi ba hôm ta không bò ra khỏi giường. Anh ấy gục xuống ít ngày sau đó. Và đây này, trong vài năm gần đây, anh ấy lại xuất hiện dưới chân ta. Ta đã nhận ra anh ngay từ cái nhìn đầu tiên. Anh ấy đã có cái kết thúc buồn này, còn ta, ta là một vị phật

sống thác sinh. Thế ngươi chưa bao giờ nghe thấy ai mà đánh phật sống thì bị trừng phạt ư?

Chuyện ông cụ già này nhận là phật sống tái sinh, bất chợt gợi nhớ ở người gác cổng câu chuyện một vị phật sống xưa đã sinh ra ở ngôi nhà này. Và nhiều năm, cha lão gác cổng làm việc ở đây như lão gác cổng bây giờ. Chủ ông ta là đại tá. Một hôm một bà ăn mày đến ngồi ở chỗ mà cụ già vẫn ngồi ở vòm cửa, bế hai đứa bé ở trong tay. Cha lão đem thức ăn thừa của ông chủ cho để mụ đi, nhưng mụ ăn mày cứ ngồi lỳ ra đấy, lấy có rằng đứa bé không muốn đi. Bởi hễ mụ định bước đi y như là nó khóc.

Cũng lúc ấy thì các vị quan chức cưỡi ngựa đến. Họ nói họ đi từ phía tây tới để tìm một đứ trẻ nhà trời đã sinh ra quanh ngôi nhà này và nó sẽ trở thành phật sống ở Tây Tạng. Họ cho rằng họ đã tìm thấy đứa bé nhà trời ấy, chính là thằng út trong tay mụ ăn mày, ngay sau bà đại tá ẵm con bà ra khỏi nhà. Thế là họ quyết đem hai đứa bé để những vị cao niên xác minh phật sống là đứa nào. Sau những cuộc tranh cãi đến tỉ mỉ, họ công bố con trai viên đại tá chính là vị phật sống thác sinh.

Vậy lão có phải là đứa bé út của bà lão ăn mày không? Hôm đó, tôi ngủ trong căn buồng cho người gác cổng của cha tôi. Ông không dám chỉ tôi cho đám quan chức.

Nhà thông thái liếm nhẹ môi với dáng bí ẩn. Lão vuốt

đầu chú cừu ngoan ngoãn.

Chợt lão gác cổng nhìn con cừu bảo:

- Lão gọi nó đi!

Nhà thông thái gọi giọng run run như tiếng cừu:

- Anh của em.

Con cừu kêu lên đáp lại.

- Anh thấy đấy, anh nhỉ, em có nói dối đâu!

Con cừu gật gật đầu như thỏa thuận. Những giọt nước mắt trong hố mắt buồn thảm lăn xuống.

Ông già thông thái quay sang lão gác cổng hỏi:

- Bây giờ, nói với ta đi, cái người gọi cú điện thoại buổi sáng ấy là ai? Có phải là của cô gái già không?

- Hai mươi năm nay, cứ mỗi buổi sáng, đều gọi một lần... Ồ, không!

Người gác cổng nuốt nước bọt rồi im lặng.

- Cậu chủ trẻ chết mất rồi - Lão gác cổng bần thần nói rồi thò đầu ra cho cửa hé mở, liệu đó có phải là chuyện thưởng phạt dữ dằn? Tôi biết, đôi khi những kẻ bất tử lại biến thành một người hẩm hiu.

Vòm cửa nghiến ken két rồi đóng lại.

Sáng sớm mai, lão gác cổng lại mở cái vòm cửa đó ra.

Chẳng có ai cả! Ở chỗ nhà thông thái vẫn thường ngồi hai mươi năm nay, có chăng chậu nước tiểu khai khú.

Sở dĩ lão vội vã mở cửa chỉ là để báo tin về cái chết của cô gái già. Nói thực, lão gác cổng biết rất ít về cô, lão nào có nhìn thấy cô sống ra sao. cô ốm yếu lắm, chẳng bao giờ bước ra khỏi tầng gác hai. Hai mươi năm nay, người ta biết cô còn sống chỉ là qua tiếng điện thoại hàng ngày. Vậy mà sáng sớm nay, điện thoại không rēo nữa, ban đêm cô gái nhõ thì thôi không kêu tên người yêu của mình, trong cơn hấp hối, và đã qua đời sớm nay. Lão gác cổng vừa phát hiện ra trong xúc động là, sợi dây điện thoại nối với cuộc sống của cô, đã bị chuột cắn đứt từ đêm trước.

Lão gác cổng trở ra và muốn đi hỏi nhà thông thái có phải đó chỉ là giấc mộng.

Còn bây giờ thì như tất cả đều thấy, chẳng có quái gì, trừ cái chậu chứa nước tiểu cho nhà thông thái và cũng có thể cho cả chú cừu.

Thế là lão gác cổng, quay cuồng tại chỗ, nhổ ba lần xuống đất, với ý nghĩ xúi đen, rồi đóng vòm cửa với đôi bàn tay run rẩy. Lão khóa đến hai lần như muốn chẳng bao giờ mở ra nữa.

NGÔ VĂN PHÚ *dịch*

TRẦN ĐAN YẾN

THIẾU NỮ TRUNG QUỐC

Một đêm hè oi bức, tôi dẫn đoàn nữ sinh trung học Mỹ thăm Trung Quốc đến dự buổi dạ hội tại ngôi trường mà tôi đã từng học. Tuy xa trường đã lâu năm nhưng vừa trông thấy bức tường màu hồng mà chúng tôi đã từng dán đầy báo chữ to, những kỷ niệm thời thiếu nữ lại ào ạt hiện về...

Các cô gái Mỹ thích nêu vấn đề đua nhau hỏi tôi: "Thiếu nữ Trung Quốc thế nào?"

"Trong trí tưởng tượng của các em thì như thế nào?" Tôi hỏi lại.

Quen ngẫm nghĩ một lúc rồi nói: "Ít nói, không cười, rất thần bí, luôn có người quản chặt, phải như vậy không?".

"Đây đúng là một bí mật, bí mật thế nào các em tự tìm hiểu lấy". Tôi cười nói.

"Ôi! chị thật là thú vị!" Các em đều cười, cho rằng tôi đánh đố họ. Các em rất hay cười để lộ ra những chiếc răng trắng bóng.

Dạ hội bắt đầu, vỗ tay, phát biểu. Ban nhạc của trường

đuọc bố trí ở sân khấu mãi paía cuối sân trường. Bốn phía trang trí hoa và đèn màu, lại quét vôi vàng, suýt nữa không nhận ra. Đó vốn là cửa ra vào của hầm phòng không do chúng tôi đào từ hồi còn là học sinh, đầy không khí chiến tranh. Truớc đây mỗi lần trường đại hội thuờng dùng làm đài chủ tịch gì đó.

Một em gái nhỏ lên sân khấu mỉm cười nhìn chúng tôi, tóc cắt ngắn xõa ngang vai. Em bắt đầu hát:

"Có một câu nói

Về mưa

Có phải muốn cùng tôi

Dạo bước trong mưa bụi".

Tiếng hát nhỏ mà thanh, đúng là giọng của một thiếu nữ. Má em hồng hào, đầu nghiêng nghiêng, đứng ngay ngắn,hai vai hơi thõng xuống, có vẻ thẹn thùng, các ngón tay đan vào nhau. Đôi mắt mơ màng, như vừa chợt tỉnh, bất chợt mơ uớc cái gì đó, huóng về nơi nào đó, êm ái nhẹ nhàng. Xung quanh chúng tôi, trong mắt của rất nhiều em gái đều biểu lộ thứ tình cảm này, dáng vẻ xuất thần. Ở giữa đám các em, tôi trông thấy một khuôn mặt không thể nào quên tuy có già hơn truớc, rắn rỏi, tím hồng và chiếc cằm trắng xanh - chủ nhiệm lớp chúng tôi. Bụng tôi lại nôn nao khó chịu. Ông lặng lẽ ngồi đó, hơi cười cười.

Thời thiếu nữ, khi còn đang là học sinh ở đây, tôi từng cảm thấy trong tôi có cái gì đó vừa bừng tỉnh, trái tim xốn xang, không hiểu vì sao cứ ngây người ra.

Lúc đó, tôi rất muốn hát lên, các bạn gái khác cũng muốn hát lên. Sự xao động trong trái tim luôn buộc chúng tôi phải cất lên tiếng hát, hát những bài tươi sáng, trữ tình, tha thiết... và thật dễ dàng đắm chìm trong sự tưởng tượng của lời ca. Nhưng thời đó không có loại bài hát này. Từ nhỏ tôi chưa từng được nghe những bài hát như vậy. Thời đó mọi người đua nhau học bài hát "cô gái bán hoa" nhưng trong lòng vẫn không thấy thỏa mãn.

Có một lần tôi tìm được bài hát "Tổ quốc tôi".

Một dòng sông rộng sóng to

Gió đưa thoang thoảng đôi bờ lúa thơm...

Lời hát thiết tha khiến ta cảm thấy vừa ấm áp vừa man mác mênh mông nên ngay lập tức đã cuốn hút chúng tôi, tất cả nữ sinh trong lớp như bắt được vàng.

Tan học, mọi người đều tự nguyện ở lại, đợi các bạn nam về hết chúng tôi lấy bàn học chèn cửa rồi bắt đầu tập hát. Hồi đó chẳng có mấy người biết đọc các nốt nhạc, nhưng rồi cũng nhanh chóng cụm lại, chẳng bao lâu mọi người đều đã hát được. Đúng là chẳng ai học hát nhanh bằng thời thiếu nữ.

Lúc ấy, chúng tôi cứ hai ba đứa một, ngồi trên bàn học, ôm gối kề vai. Mây trắng muốt, còn trời thì thật là xanh, gió thổi nhè nhẹ, bồ câu vỗ cánh bay trên cao, đẹp tuyệt vời, lại còn bài hát của chúng tôi nữa chứ. Chúng tôi như lạc vào thế giới mênh mông mà huyền bí, ở đó chúng tôi đẹp lạ lùng, chúng tôi ngừng thở chờ đợi sự xuất hiện xán lạn và diệu kỳ nào đó.

Vài ngày sau, vào giờ thể dục buổi sáng, trên sân khấu ấy (lúc đó chưa quét vôi, màu xám ngoét, trông rất xấu) thầy chủ nhiệm nói với học sinh nam nữ toàn khối rằng: "Hiện giờ trong chúng ta có một số nữ sinh tư tưởng tiểu tư sản rất nặng, tan lớp không về nhà, trốn trong lớp hát những bài hát cũ, cứ như là mèo kêu đêm xuân...". Những câu tiếp theo tôi chẳng còn nghe thấy nữa, chỉ nghĩ tới lúc tỉnh dậy trong đêm xuân nghe tiếng mèo hoang gào thê thảm bên ngoài, gào đến chối tai. Tôi lại thấy lợm giọng, bụng nôn nao, miệng ứa nước chua loét.

Từ đấy nữ sinh lớp tôi chẳng còn ai hát nữa. Tôi cũng chẳng thiết hát, cái cảm giác mông lung trong lòng cũng không còn thấy xuất hiện. Mỗi khi cảm thấy có cái gì đó muốn trỗi dậy tôi cũng chẳng còn hoang mang hoặc vui mừng chờ đợi nữa mà thấy ghê tởm, cố đè nó xuống, cứ như là đang nghe thấy câu: "mèo kêu đêm xuân" của thầy giáo. Thậm chí luôn cảm thấy mình cũng tội lỗi như mèo

kêu đêm xuân vậy.

Bên tai tôi vang lên một tràng vỗ tay, em gái đã hát xong, mọi người vỗ tay nhiệt liệt, em gái mỉm miệng cười tươi, cúi đầu chào e lệ. Em mặc áo trắng, váy in hoa xanh dài quá gối giống như một lá cờ mới tinh.

Sau này tôi hình như không còn cười thật sự và dịu dàng nữa, mà nghênh ngang trước mặt đám đông. Tôi luôn cảm thấy mình rất khó coi, không được trong sạch cho lắm, có lúc thấy khổ tâm, có lúc lại rất thô bạo, to tiếng cãi cọ, đỏ mặt vung tay, cũng thường cảm thấy vô vị, không biết dùng sức lực tràn trề vào đâu nữa. Có một lần thầy giáo bảo tôi thay mặt các bạn trong lớp phát biểu ý kiến, chỉ vẻn vẹn có một trang giấy thôi mà tôi cứ lắp ba lắp bắp mãi, đến nỗi chính mình cũng không hiểu nổi. Cuối cùng còn đem câu: "Theo con đường lớn xã hội chủ nghĩa, tiến lên!" đọc thành "theo con đường lớn xã hội chủ nghĩa vừa chạy, vừa đi". Tôi đi xuống trong tiếng cười và tiếng huýt sáo ầm ĩ, khóc toáng lên.

Nhưng rồi cái cảm giác xao động nhẹ nhàng trong lòng ấy vẫn không mất đi, đè nén mãi rồi cũng bùng lên. Cho đến một ngày đông năm ấy, tôi cùng hai bạn gái nữa phải ở lại trường phục vụ cho cuộc họp phụ huynh học sinh. Chúng tôi vào quán trước cổng trường ăn cơm và rất đắc chí vì mình đã ra dáng người lớn, bèn viết thư về nhà báo

tin có việc phải ở lại trường không về nhà ăn cơm được. Cơm nước xong trở lại trường. Nhà trường lúc hoàng hôn vô cùng yên tĩnh, hàng cây rì rào lay động trong bóng chiều bảng lảng, ráng chiều đỏ rực không trung khiến lòng người ấm áp lạ kỳ. Tôi chợt thấy một cái gì đó xốn xang vui vẻ, không thể kiềm chế được lướt qua trong đầu, không thể nào hình dung được. Nó nhanh chóng tràn đầy lồng ngực. Tôi nói: "Nào! Chúng ta múa đi, được không?"

Các bạn đều cười phấn khởi pha một chút ngượng nghịu, mắt sáng lên. Nhưng chúng tôi có biết múa điệu nào đâu.

"Chúng ta tập kiểu bước những bước dài của Bạch Mao Nữ khi trốn khỏi nhà họ Hoàng". Tôi bảo. Thế là chúng tôi dìu nhau trên con đường nhỏ rụng đầy lá ngô đồng ở phía ngoài giảng đường, cố duỗi thẳng chân, nhấc cao, rồi lại đổi sang chân khác. Lúc bắt đầu chúng tôi còn cười ầm ĩ, cố sức làm cho động tác được đẹp hơn. Bỗng chúng tôi trông thấy mình qua khung cửa kính, mỗi động tác đều rất khó coi, quả thật là rất khó coi, cứng nhắc, chân cong, lưng còng. Chúng tôi rất buồn, tại sao lại đến nỗi này? Chẳng biết nổi một điệu múa nào hết!

Cả thời thiếu nữ của tôi đã trôi qua trong ngôi trường này. Ức chế! Đằng đẵng chịu đựng cảnh không múa, không hát trong khi lại muốn múa, muốn hát!

Một chiếc váy ngắn màu xanh da trời lướt qua trước mặt tôi. Các em gái múa điệu tập thể trong tiếng nhạc nhẹ nhàng êm dịu. Nghe nói đây là tiết mục của bài thể dục nhịp điệu. Phần lớn các em đều cắt tóc ngắn tề chỉnh, có một em kẹp trên đầu chiếc cặp màu xanh nho chín rất tao nhã. Các em đều uyển chuyển, nhiệt tình, sôi động và vui tươi. Lúc chuyển động váy không ngừng xoay tròn để lộ những đôi chân thon dài chắc nịch mà đẹp đẽ, bước đi mềm mại.

Tôi nghĩ đến những hàng bạch dương non tơ của mùa xuân, những cô hươu sao xinh xắn thoăn thoắt vọt qua bờ nước. Đây là vẻ đẹp đầy sức sống chỉ có ở các thiếu nữ, vẻ đẹp sơ khai của tuổi xuân! Những cái xoay mình nhã nhặn, những bước chân nhẹ nhàng nhiệt tình mà phóng khoáng, những khuôn mặt vui tươi ngẩng cao như những ngôi sao sớm chói ngời.

Xung quanh tôi, các em gái Mỹ phấn khởi vỗ tay rộn ràng, chân nhịp nhịp.

Bỗng nhiên, các thiếu nữ em nọ tiếp em kia tiến ra sân trường, không biết làm thế nào mà rất nhanh cả sân đầy chật những người đang vui vẻ nhảy múa, váy áo muôn màu, vẻ mặt rạng rỡ. Đây thật là một buổi kiêu vũ diệu kỳ, múa tập thể nhi đồng, quốc tế vũ, disco lẫn lộn. Mọi người tự do nhảy múa điệu múa nào mà mình ưa thích.

Tôi nghĩ, cảnh tượng trước mắt mới thực sự là những tháng năm đẹp đẽ nhất của tuổi thanh xuân.

Những giọt mồ hôi long lanh chảy trên má của em gái đang hát, em di chuyển đến trước mặt tôi và giơ tay rất điệu: "Xin mời!". "Không" - tôi lùi lại, "chị không biết múa, chị bận việc khác!". Em khẽ gật đầu và di chuyển đến trước Queen , người đứng cạnh tôi, người đang rất muốn thi thố tài năng. Queen cười vang cùng em gái nhanh chóng hòa lẫn vào trong dòng người vui nhộn. Đến khi họ di chuyển ra xa tôi mới thấy thất vọng và ân hận. Quả thật tôi rất muốn nhảy múa, bởi đây là nguyện vong ấp ủ từ lâu của những người mà tuổi trẻ đã trôi qua như chúng tôi. Tôi nhớ tới một bức tranh đã xem từ lâu. Một phụ nữ quỳ dưới lòng sông, người chìm trong nước nhưng hai tay vẫn nâng cao một cháu nhỏ, cháu nhỏ giơ hai tay hướng về quả chín trên cành cây bên bờ sông. Tôi cảm thấy run lên.

Queen kéo em gái nhỏ đến chỗ tôi và nói lớn: "Chị Trần! Thật tuyệt vời! Thiếu nữ Trung Quốc. Dịch hộ em với!".

"Được thôi" - tôi trả lời, bối rối nhìn khuôn mặt đỏ hồng của các em.

"Ôi! các bạn thật đáng yêu!" Queen nói.

"Cám ơn! Bạn cũng rất đáng yêu!" Em gái cười, vuốt má Queen .

"Khi còn ở Mỹ tôi nghe người ta nói Trung Quốc không thuộc thế giới tự do, bị khống chế rất chặt chẽ, không được nói năng tùy ý, thậm chí người Trung Quốc rất ít khi cười". Queen nhón vai làm điệu bộ không đáng nói.

Em gái nọ cười vang: "Ngày nào tôi cũng cười, còn hát nữa" - Em nhìn tôi.

Tôi hỏi: "Đúng là không bị cấm chứ? Nếu có người cấm thì sao?"

Em gái nhanh nhẹn đáp ngay: "Tuần trước bọn em học lịch sử thế giới, đi xem Lênin trong những ngày tháng Mười, Stalin nói: Chúng tôi không cần để ý đến họ!".

Queen chạm vào vai tôi: "How open!" Open (công khai, rõ ràng, cởi mở, thật tình) thật là một sự kỳ diệu!

Tôi cười, nói lại với em gái lời của Queen mà lòng thấy bồn chồn.

Tôi đã từng là thiếu nữ Trung Quốc, các em đang là thiếu nữ Trung Quốc. Tôi thấy đau khổ và hâm mộ.

TRƯƠNG TƯ HIỀN *dịch*

TRẦN TRUNG KHÁNH

SẬP BẪY TÌNH

Trong cả vùng Sơn Đông này, ai cũng biết Trạm trưởng Trạm thuế Công thương thị trấn họ Bao tên Cương, da ngăm đen, tính tình cương trực được mọi người đặt cho cái tên là "Bao công mặt sắt". Anh vào quân đội từ năm 15 tuổi, sau bị thương ở mặt trận, chuyển ngành về làm Trạm trưởng ở đây. Anh là một cán bộ liêm khiết, chính trực, nghiêm minh, cẩn thận, sống không hề buông thả, lấy nhiệm vụ làm đầu, tác phong kiến quyết, thẳng thắn, việc làm được là làm ngay, việc không tốt thì dù bố mẹ hoặc vợ bảo cũng không làm. Anh không thích ăn nhậu, tiệc tùng, không nhận quà cáp biếu xén, không hề để lợi dụng. Anh vừa bắt được một xe ô tô thuốc lá ba số lậu của một công ty tư nhân do Vương Thông làm giám đốc.

Và cả vùng này ai cũng biết Vương Thông là một tay buôn lậu lừng danh, có thâm niên, cực gian, cực xảo, cực khôn lỏi. Những năm gần đây, hắn buôn lậu đã kiếm được hàng triệu nhân dân tệ (một nhân dân tệ khoảng trên một nghìn đồng Việt Nam - ND). Xe thuốc lá lậu lần này có

giá trị bằng nửa gia tài của hắn, nếu trốn được thuế chắc kiếm được khoản tiền lớn. Nhưng giờ đây đã bị Bao trạm trưởng bắt giữ, nghe nói sẽ bị tịch thu toàn bộ hàng hóa, còn phải nộp phạt năm vạn đồng mới được nhận lại ô tô. Tuy nhiên hắn không chịu khoanh tay ngồi chờ để cho hàng đống tiền kia (nhất là trong lốp xe của y còn có hêroin mà hiện Bao Cương chưa biết) tan tành mây khói. Hắn vốn là tay bợm già, nhiều mưu xảo, hắn đã tìm ra chỗ yếu của Bao trạm trưởng là rất thích khiêu vũ, nói nôm na là nhảy, nhưng lại không có bạn gái nên thường đến vũ trường ngồi xem chán mắt rồi về. Nghĩ ra mẹo đểu xong, lập tức Vương Thông lấy xe chạy khắp các vũ trường để tìm cho được một cô tiếp viên làm việc cho hắn với chức danh Trưởng Phòng Giao tiếp. Và hắn đã tìm được một cô gái thướt tha, yểu điệu đang đứng trước mặt hắn. Cô gái xinh ơi là xinh, khuôn mặt thanh tú hồng hào, đôi má hây hây như hai trái đào chín, đôi mắt đen láy long lanh hấp dẫn tình tứ. Cô gái mặc chiếc váy siêu mini bó sát vào người, làm lộ lên những đường cong cuốn hút, cùng với bộ đùi trắng tựa ngó sen và đôi giày cao gót màu hồng nhạt, ai nhìn thấy có lẽ cũng phải mê tít.

Vừa ngắm, Giám đốc Vương Thông vừa cười tình, rồi lịch sự hỏi:

- Xin hỏi quý danh, cô gái xinh đẹp?

- Em họ Cam tên Lộ.

Vừa trả lời cô vừa mỉm cười hồn nhiên, để lộ hai hàm răng trắng bóng nằm ẩn giữa hai làn môi đỏ mọng.

- Em gái Cam Lộ, hay lắm, tuyệt vời! Hôm nay anh như nắng hạn gặp mưa rào, được tưới mát bằng dòng nước Cam Lộ, đúng như người đã chết được sống lại, đây là "điềm" báo hiệu tốt đẹp! - Giám đốc Vương Thông không nén nổi niềm vui sướng hân hoan, chìa hai tay mọc đầy lông đen hoắc, thô kệch nắm chặt lấy hai bàn tay mềm mại trắng ngần của Cam Lộ, lấy ngón trỏ ngoáy nhẹ vào giữa bàn tay Cam Lộ cười nham nhở nói tiếp - Anh quyết định mời em về làm Trưởng Phòng Giao tiếp ở công ty anh, lương tháng năm ngàn... à không, một vạn đồng nhân dân tệ (khoảng trên mười triệu ở ta - ND), nếu hoàn thành nhiệm vụ, tiền thưởng càng hậu hơn, OK? Em đồng ý chứ? Anh là Vương Thông, Giám đốc công ty.

Cam Lộ ngạc nhiên, hỏi khẽ:"Giám đốc Vương nói đùa hay thật đấy?". Vương Thông vội vàng trả lời:"Thật, tất nhiên là thật, thật 100% đây này"- Vương Thông rút trong cặp ra hai bản hợp đồng đã in và đóng dấu sẵn, điền vào các mục: Họ tên, nội dung hợp đồng, thời hạn hợp đồng và lập tức ký cả hai bản.

Sau đó, lợi dụng không khí vui vẻ của bữa tiệc tối, Vương Thông yêu cầu Cam Lộ trong hai ngày tới phải

đột phá cho được cái lô cốt sắt Bao Cương - Trạm trưởng Trạm thuế công thương, thành công sẽ thưởng thêm cho cô hai vạn đồng.

Đắn đo một lúc, Cam Lộ thấy món tiền quá hấp dẫn bèn nhận lời nhưng chưa biết làm ra sao. Vương Thông ghé tai cô thì thầm một hồi, cô nghe xong, mặt bừng đỏ vì ngượng. Nhưng, đứng trước món tiền thưởng quá lớn ấy, cô đành nhận. Đó là mưu kế: "Đặt bẫy hố sâu bắt hổ dữ, thả mồi ngon thơm câu cá voi".

Lại nói, sau khi bắt được xe thuốc lá lậu, Bao Trạm trưởng rất bực về những áp phe chạy chọt cấp trên, áp đặt cách làm sai trái và đưa hối lộ của Vương Thông. Anh đã báo cáo lên Cục Công thương về ý kiến xử lý, nhưng vì mấy hôm nay Cục trưởng các cấp đều lên tỉnh họp, nên việc xử lý đành tạm dừng, xe thuốc lá lậu vẫn giữ để trong sân của Trạm.

Và theo lệ thường, tối nay Bao Cương lại lái xe mô tô vào thị trấn khiêu vũ. Trước cửa vũ trường đèn màu rực rỡ, các nữ tiếp viên trang điểm gọn gàng đứng sẵn đón khách. Tiếng nhạc du dương trầm bổng say mê lòng người. Bao Trạm trưởng dựng xe bên hè và đứng đợi bạn nhảy ở cạnh quầy bán vé. Vừa đúng lúc ấy, một cô gái trẻ đẹp, mặc bộ quần áo lụa Thượng Hải màu trắng tuyệt vời, nhẹ nhàng bước tới trước mặt anh, đầy sức quyến rũ, nét mặt

thanh tú, đôi má ửng hồng, mỉm cười kín đáo e lệ thủ thỉ:"Thưa anh, hiện nay em còn thừa một vé, bạn trai em có việc không đến được, em xin để lại cho anh chiếc vé này, được chứ anh".

Và Bao Trạm trưởng bị bất ngờ vì vẻ đẹp cực của cô gái. Anh chăm chú nhìn không chớp mắt, khiến cô phát ngượng. Cô gái ấy chính là Cam Lộ, lúc này cúi xuống đôi mắt liếc tình tứ rồi đưa vé cho anh. Bao Trạm trưởng lúng túng trước mặt người đẹp, anh mất hết tự nhiên cầm lấy chiếc vé ấp úng:

- Tôi có hẹn với cô bạn, nhưng cô ấy chưa đến. Tôi tạm cầm lấy vé này nếu cô ấy đến tôi sẽ trả lại vé cho cô.

Bao Trưởng đỏ mặt vì lời nói dối ấy, nhưng cô gái hình như không nhận thấy điều đó. Cô gái ngước mắt nhìn mỉm cười:

- Thế là vừa vặn phải không anh. Chúng mình là bạn nhảy của nhau anh nhé.

- Có thật không? - Bao Cương tỏ vẻ vui mừng vì nó vượt sức tưởng tượng của anh.

- Tất nhiên là thật rồi, chúng ta vào nhảy đi anh.

Còn Bao Cương tuy là tay nghiện nhảy như nghiện thuốc phiện, nhưng nhảy rất vụng, thô, bước đi lạch bạch như vịt bầu, khệnh khạng trông rất buồn cười. Thật may,

cô gái đã khéo dẫn bước cho anh, làm cho bước nhảy giữa hai người dần dần ăn khớp, nhịp nhàng hơn.

Tiếp theo vũ khúc là đến tình khúc. Vang lên điệu nhạc Lương - Chúc du dương trầm bổng đến mê hồn. Đèn màu trong phòng từ từ tắt, chỉ còn lại chút ánh sáng mờ mờ ảo ảo của ngọn đèn tường, cùng với tiếng nước róc rách ở hòn non bộ và tiếng rì rào của lá cây bài trí quanh sàn nhẩy.

Để biểu lộ tình cảm, anh mời cô ăn nhẹ và thân mật nói:

- Đêm nay là đêm sung sướng nhất của anh, anh không biết phải cảm ơn em thế nào cho xứng đáng. Từ nay về sau nếu em cần gì cứ phôn cho anh một tiếng - Rồi anh đưa cho cô tấm thiếp của mình.

- Ôi! Anh chính là Bao Trạm trưởng, đại danh lừng lẫy đó sao. Bất kính! Bất kính! - Cô gái cầm danh thiếp, cất cao giọng vui sướng nói và cô thầm bảo:"Thật là tuyệt vời, đã bắt đúng người đúng của". Cô đưa cặp mắt tình tứ nhìn anh thăm dò xong, cất tiếng thở dài nói tiếp:

- Hôm nay em vốn gặp chuyện không may; khá gay go, nhưng đi xem bói, thầy bói bảo không sao, đêm nay em sẽ được quý nhân phù trợ!

- Việc gì thế? - Bao Cương hỏi vội - Liệu anh có giúp

em được không?

- Đừng vội, anh! Việc này đối với anh chỉ là chuyện nhỏ. Song trước hết anh phải coi em là bạn thân thiết cái đã. Bây giờ anh lấy mô tô đưa em đến khách sạn, anh sẽ biết ngay lập tức! Cam Lộ đưa mắt cười tình với Bao Cương.

Bao Cường bèn lấy mô tô chở cô đến khách sạn Long Tuyền.

Trước mắt anh, một căn phòng sang trọng đầy đủ tiện nghi, máy điều hòa tỏa ra luồng hơi mát lạnh, phảng phất có mùi hương thơm dễ chịu, tạo ra cảm giác thực êm ái, thảnh thơi, thư thái. Cô gái mời Bao Cương ngồi xuống bộ xa lông bằng da thật, mở lon nước dừa đặt vào tận tay Bao Cương.

Anh cầm lấy vừa uống vừa hỏi.

- Việc gì vậy? Chỉ cần không vi phạm pháp luật, anh sẽ hết sức giúp đỡ, anh giúp ngay bây giờ nếu cần.

Cô gái tự mang chiếc cặp khóa số ra, mở lấy một phong bì đưa cho Bao Cương và nói dịu dàng:"Anh cứ xem phong thư này rồi em sẽ nói". Bao Cương cầm lấy phong bì, cảm thấy nặng, vừa mở ra đã thấy một tập giấy bạc loại một trăm đồng mới toanh. Anh kinh ngạc thốt lên:"Sao lại thế này?". Cô ấn nhẹ vai anh ngồi xuống, vẻ làm nũng:"Anh

giúp em một chút thôi mà!" Cô ta đưa cho anh tấm danh thiếp giọng khẩn khoản:"Xe thuốc lá lậu là của công ty em đó! Em là Trưởng Phòng Giao tiếp của công ty. Em tên là Cam Lộ. Mong anh giúp thả nó ngay cho, em xin gửi anh một vạn nhân dân tệ thù lao, sau đấy sẽ gửi anh thêm một vạn đồng nữa!

Nhưng Bao Cương vất lại phong bì ra bàn và lạnh lùng: "Tôi không thiếu tiền!". "Thế anh thiếu gì?" - Cô ta cười tự nhiên thoải mái - "Anh thiếu gì em cho anh tất, em nhất định làm anh mãn nguyện" - Nói đoạn cô ta liền dịch sát người vào ngay lòng anh, mặt áp mặt.

Bao Cương mê lịm người bủn rủn, đầu óc cứ mơ màng. Cô gái cười tình với anh. Anh đang say sưa thì bỗng nghĩ đến một người bạn thân ngày trước. Sau khi được thăng chức, anh ta đã đến khách sạn mua dâm, anh ta đã bị kỷ luật của Đảng và chính quyền, còn bị giam 10 ngày ở công an và phải nộp năm ngàn đồng tiền phạt, tiếng xấu để đời. Anh vội vươn thẳng người lên, đẩy nhẹ cô gái ra xa và hấp tấp chối từ: "Đừng, đừng làm vậy! Không được đâu".

Tuy bị từ chối đẩy ra, nhưng cô gái vẫn không chịu rời anh, cứ dính sát như cặp bánh dẻo, cô kéo đôi tay to khỏe của anh xiết chặt vào mình, mắt cô mở to long lanh và nũng nịu, nhìn chằm chằm vào mắt anh.

Bao Trạm trưởng sau phút dao động đã trở lại bình tĩnh, anh đã kiên quyết từ chối, lạnh lùng rút ra tờ năm mươi đồng đưa cho cô gái dịu dàng:

- Tối nay em đã cùng anh khiêu vũ và rất mệt. Đây là chút thù lao mong em nhận cho anh.

- Thôi được, anh quả là người đàn ông thép. Người không tham tiền, không háo sắc như anh quả là hiếm gặp. Em rất phục anh! - Nói đoạn cô bèn rút ra một chiếc khăn tay trong túi xách ra bất ngờ lau lên má Bao Cương. Chiếc khăn tỏa ra một mùi thơm đặc biệt. Bao Cương ngửi thấy mùi thơm này, cảm thấy sảng khoái, hít mạnh một hơi thật sâu và khen:

"Chà, nước hoa gì mà thơm quá nhỉ?" - Vừa dứt lời, anh có cảm giác mơ mơ màng màng, hai mắt từ từ nhắm lại.

Cô gái bảo anh ngồi xuống, như cái xác không hồn anh nghe lời một cách ngoan ngoãn. Cô rót một cốc rượu đưa cho Bao Cương. Anh cầm lấy uống một hơi. Lát sau anh đã mê man không còn biết gì nữa, người nhũn ra, nằm vật xuống xa-lông da.

Sau cơn mơ màng, Bao Cương đã dần dần tỉnh lại, cảm thấy người sảng khoái, tưởng mình đang nằm ở nhà. Nhưng rồi cảm thấy lạ, anh định thần quan sát thì thấy trên vai trên cổ có đôi cánh tay trần của cô gái. Anh vội vàng ngồi

dậy, cô gái sát cạnh anh, thân thể trần như nhộng. Anh nhìn lại bộ dạng mình cũng không một mảnh vải.

Và anh nhớ lại toàn bộ màn kịch đêm qua. Anh đã hiểu người con gái bi ổi này. Đồ yêu tinh ác độc! Anh căm giận, nghiến răng run bắn người lên, muốn bóp chết ngay cô ta nhưng rồi lại hạ bàn tay xuống. Giờ đây anh nhận rõ nơi này là chốn hiểm ác, cạm bẫy. Anh phải nhanh chóng thoát khỏi chốn này. Anh vội xuống giường tìm quần áo mặc nhanh vào và mở cửa thoát nhanh như con cá thoát lưới. Anh thở phào và chạy một mạch về nhà, tắm giặt xong đến ngay cơ quan làm việc.

Cô gái lúc này cũng mở mắt, vội mặc quần áo và sang ngay phòng bên cạnh. Vương Thông đang vui sướng hả hê ngắm nhìn những tấm ảnh trần truồng "nàng tiên giáng trần nằm cạnh anh chàng bán than, cả hai trên trần dưới truồng đang nằm ôm nhau" mà hắn đã dầy công đạo diễn đêm qua. Đây cũng là "kiệt tác" trong mưu kế nham hiểm của hắn.

Thật vậy, đêm qua ngay sau khi dùng thuốc mê đánh đổ Bao Cương, Cam Lộ đã gọi ngay Vương Thông đến. Hai người ì ạch khiêng Bao Cương lên giường nằm, lột hết quần áo, xoa nước hoa vào đầu mình "Bao Công mặt sắt". Cam Lộ cũng nhanh chóng cởi hết quần áo của mình, dùng nước vỏ lựu máu mào gà bôi vào chỗ kín của mình

rồi lật đà lật đật lên giường ôm lấy Bao Cương. Vương Thông đã chụp đến hai cuộn phim đủ các kiểu làm tình. Hai người hì hục vừa khiêng lên, khiêng xuống Bao Cương suốt đêm. Sau khi thỏa mãn ý đồ, hắn đi đến một hiệu ảnh tư nhân thuê in rửa thành ảnh. Lại nói thêm, để khỏi lộ, Vương Thông đã ngồi chờ bên cạnh, được ảnh nào là hắn cho ép plastic ngay rồi cho vào phong bì. Vương Thông đi rồi thì Cam Lộ đổ thuốc giải mê cho Bao Cương, chờ cho anh sắp tỉnh, thấy trở mình thì cô ta lại trèo lên giường nằm ôm chặt lấy anh và giả vờ ngủ. Thật tình lúc này cô ta cũng thích Bao Cương thưởng cho mình một cú nhưng không thành.

Khi Bao Cương hốt hoảng tháo chạy, thì cô vẫn bình thản như chẳng có lỗi gì trong chuyện này. Cô đi gặp Vương Thông đòi tiền thù lao. Vương Thông đã chuẩn bị sẵn, thản nhiên đặt vào tay cô hai vạn nhân dân tệ.

Cam Lộ cả đời mới lần đầu tiên cầm số tiền lớn như thế này, mừng quá nhưng cô vẫn cẩn thận đếm từng tờ, còn soi lên đèn xem bạc thật hay không rồi sau khi thấy không có tiền giả, gật đầu vừa ý, mỉm cười định đi. Nhưng Vương Thông đã kéo lại, đưa cho cô một vạn nhân dân tệ và ôm chặt lấy cô đến ngạt thở.

- Cam Lộ, con bồ câu, con mèo con nhỏ bé của anh ơi! Nhìn thấy tấm hình lõa thể của em, thật tình anh chịu

không nổi - không đợi cô định thần, hắn bế cô lên giường...

Vào khoảng bảy giờ bốn lăm phút sáng, có người gõ cửa phòng làm việc của Bao Cương, anh tưởng người phục vụ mang nước sôi đến nên đứng dậy ra mở cửa. Hóa ra người đứng cửa lúc này không ai khác mà chính là tay Bợm già Vương Thông. Hắn nở nụ cười đểu cáng đắc thắng và hỏi giọng thân mật.

- Xin chào ông anh Bao Trạm trưởng! Rồi hắn tự nhiên như đi chỗ không người, cứ tự nhiên lách qua người Bao Cương vào phòng không thèm xin phép một câu.

Bao Cương nhìn hắn, tay chỉ lên "Tám điều kỷ luật lớn của Sở Công thương" treo trên tường, bực bội gắt:

- Trước pháp luật mọi người đều bình đẳng. Việc công cứ làm theo phép công. Anh không cần tìm tôi nữa, Cục Công thương cho người mang hàng về nhập sung công quỹ.

Vương Thông vẫn mỉm cười, gật đầu, rồi cúi xuống rút trong cặp ra một phong bì dày cộp, nói nham nhở:

- Bao Trạm trưởng! Anh hãy xem cái này đã!

- Chà, anh dám hối lộ mua chuộc Bao Cương hả? Mời anh ra ngay lập tức! Bao Cương mặt hầm hầm, nói rồi phẩy tay một cái cực mạnh làm chiếc phong vì nặng chịch rơi bịch xuống đất. Trong phong bì tung ra không phải là

tiền, mà là những tấm ảnh Bao Cương và Cam Lộ nằm ôm nhau đủ kiểu.

Vương Thông lạnh lùng khô khốc.

- Bao Trạm trưởng! Những tấm ảnh này là quà kỷ niệm của anh ở khách sạn đó mà.

Bao Cương sợ hãi, vội đóng cửa lại, nhặt ảnh lên xem, quả nhiên toàn là ảnh lõa thể của mình, khuôn mặt có vết sẹo to chụp rất rõ, dưới thân mình là một cô gái cũng trần như nhộng nhìn không rõ mặt. Hai tay Bao Cương run lên, vừa thu ảnh lại vừa nói.

- Ngươi, ngươi, ngươi... quá ư độc ác! Người định hãm hại ta bằng cách đánh thuốc mê chụp ảnh.

- Chà, Bao Trạm trưởng, tại sao ông nói vậy Những kỷ vật này nếu không thích thì cứ vất ra cửa hoặc nộp cấp trên!

Vương Thông cười khả ố.

Bao Cương rùng mình, mặt trắng dã, trán vã mồ hôi như vừa đi cày ải về, ấp úng:

- Thôi được, thôi được, ta mở lưới lần này, thả ngươi một lần vậy.

- Có thế chứ, có thế chứ! Vương Thông đắc ý cười hả hê.

- Nhưng ngươi phải giao lại hết phim, ảnh này cho ta,

chỉ một lần này thôi.

Vương Thông lấy ra cuộn phim đặt lên bàn, nói:

- Được, được, được. Thế không có lần sau đâu.

Và Bao Cương thu hết phim ảnh bỏ vào ngăn kéo khóa lại.

Anh cúi đầu vẻ thất vọng, uể oải bước ra sân trạm cùng Vương Thông, gọi người gác cửa cho mở cổng chính, cho xe thuốc lá ra.

Bảo vệ nghi ngờ hỏi, Bao Cương mặt hầm hầm:

- Họ đã có đủ thủ tục hồ sơ, cho họ đi, tôi chịu trách nhiệm!

Bao Cương trừng mắt nhìn tên buôn lậu gian giảo, xảo quyệt đang nhanh nhẹn cho nổ máy ô tô phóng ra khỏi cổng với nét mặt vô cùng hoan hỉ đắc thắng. Thế là hắn đã cướp được xe thuốc lá lậu và heroin do Trạm bắt.

Rồi Bao Cương đóng cửa phòng lại, đem tất cả số phim ảnh kia ra đốt. Cuộc giao dịch bất đắc dĩ đã xong. Bao Cương bỗng đổ bệnh, đầu nhức như búa bổ, người nóng như lửa đốt cả trong lẫn ngoài, tim gan như bị ai chọc dao vào, khó chịu vô cùng, trong đời Bao Cương chưa bao giờ thấy khó chịu như vậy.

Và đúng lúc này có hai người mặc quần áo chỉnh tề, là nếp phẳng phiu, nét mặt phấn chấn, hăng hái bước vào.

Người nhiều tuổi là Trưởng phòng chống buôn lậu, người ít tuổi hơn là Đội trưởng chống buôn lậu của Cục. Trưởng phòng thấy Bao Cương thần sắc bất an, nên quan tâm thân mật:

- Sao đấy hả? Cậu ốm rồi à?

Bao Cương hơi lúng túng, vừa như gật đầu, vừa như lắc, lại gật, lại lắc, trông rất buồn cười.

Sau khi hàn huyên lấy lệ, Trưởng phòng chống buôn lậu hỏi đến xe thuốc lá lậu. Bao Cương đầu hơi cúi xuống, một lúc sau mới thủng thẳng:

- Tôi thả cho đi rồi. Họ có đủ giấy tờ thủ tục, không giữ thêm được nữa.

Trưởng phòng và Đội trưởng đưa mắt nhìn nhau, cùng hỏi:

- Thủ tục đâu?

- Tôi đang tìm, đang vừa để ở bàn này mà tự nhiên biến đi đâu.

Bao Cương cứ cúi xuống tìm kiếm, rồi đến bồ giấy vụn cũng bị lục tung lên, lục cả cặp tài liệu, cả ngăn kéo bàn.

Lúc này, Bao Cương không nói gì, ngây dục ra như kẻ mất hồn, mặc cho 2 người truy hỏi thế nào cũng được tùy thích. Trưởng phòng và Đội trưởng kéo nhau ra ngoài, tìm anh em ở Trạm để hỏi đầu đuôi sự việc. Mọi người

chi nói, vừa tới giờ làm việc, Bao Trạm trưởng đã thân chinh dẫn chủ xe hàng lậu từ văn phòng đi ra, bảo gác cửa mở cửa gấp.

Trưởng phòng chống buôn lậu bực tức, ông khẳng định rằng Bao Cương đã tư thông với chủ hàng lậu, chắc kiếm được khá tiền, một việc mà Bao Cương từ trước tới giờ chưa hề sai phạm.

Và Cục trưởng biết tin đã đích thân đi điều tra. Mọi người cho ông biết là Bao Cương lúc ấy mặt mày cau có, giọng nói khô cứng, nặng chịch, không có tư thế khí phách hăng hái như ngày thường, hình như ông ấy có điều gì đó khó nói ra, coi chừng có cái gì đó rất lạ thường.

Cục trưởng gặp riêng Bao Cương chuyện trò. Anh buồn bã, uể oải, mặt như đưa đám nói:

- Hắn vào phòng, tôi đuổi hắn ra. Hắn quẳng một phong bì tiền dày cộp ra bàn và nói nhỏ: Đây là hai vạn đồng nhân dân tệ, sau này thêm hai vạn nữa. Tôi tức giận quẳng trả lại và chửi hắn là đồ súc vật, đuổi hắn cút đi. Hắn cười và nói:"Tôi đi ngay". Nói đoạn hắn vung tay ra, mùi thơm tỏa ra nhanh nồng nặc, đầu óc tôi mơ mơ màng màng mà không biết mình hành động gì nữa. Lúc trưởng phòng chống buôn lậu đến, tôi vẫn chưa tỉnh hẳn nhưng có mơ hồ hiểu rằng mình đã thả chiếc xe thuốc lá lậu đó đi rồi. Anh đau khổ thở dài rồi tiếp:"Chỉ tại tôi mất cảnh giác,

đã không nhận ra tay buôn lậu kia đánh thuốc mê để khống chế làm theo lệnh hắn. Tôi thật ngu xuẩn đã để hắn gây án thành công, làm tổn thất lớn cho Nhà nước. Đề nghị lãnh đạo Cục cứ xét xử nghiêm minh, tôi xin chịu hình phạt". Vừa nói, nước mắt anh vừa chảy ròng ròng.

Gần đây việc đánh thuốc mê gây án là một hành động khá phổ biến, Cục trưởng đã biết, vì vậy ông không nỡ trách móc thuộc hạ của mình là thiếu kiên cường, chỉ căm giận bọn xấu kia quá nham hiểm xảo quyệt.

Không được để thuộc hạ tâm phúc của mình chịu oan, mang tiếng xấu, ông bảo Bao Cương đi báo Cục Công an giúp đỡ để nhanh chóng tìm ra tên Vương Thông đã gây án bằng thuốc mê.

Sau đó Cục Công an đã lập án điều tra, nhưng vẫn chưa thấy tung tích tên Vương Thông đâu cả. Còn công ty ma kia đã bị xóa tên đăng ký kinh doanh cách đây hai tháng rồi. Vụ việc đến đây bị bế tắc.

Bao Cương vẫn được giữ chức Trạm trưởng, nhưng giờ đây lòng anh đầy nỗi ưu phiền, nặng trĩu tâm tư, chẳng còn thiết đi khiêu vũ nữa.

Và một hôm trạm trưởng ngồi xem công văn ở phòng làm việc. Ngoài cửa có một người mặc đồng phục nhân viên thuế công thương bước vào, tiến thẳng đến trước mặt anh:

- Xin chào Bao Trạm trưởng công việc bận rộn chứ?

Nghe tiếng quen quen, Bao Cương ngẩng lên và bỗng sửng sốt nhận ra Vương Thông! Tên buôn lậu thuốc lá được mình thả đi tháng trước. Anh trừng mắt:

- Anh đến đây làm gì?

- Có việc, mấy hôm nữa, tôi có một xe tải hàng đi qua quý địa phương đây, đề nghị anh, anh... - Hắn nói lấp lửng rồi dừng lại, ra hiệu bằng cách nháy mắt, ý nói là anh hãy tham dự một tay, một lần nữa lại cho hắn được đi tự do.

Nhưng Bao Cương hừ một tiếng và quay số điện thoại, vừa quay xong định nói thì hắn chặn ngay lại và bảo:

- Đó là số máy tổng đài Cục Công an. Tôi biết anh đã đến công an báo án, đã bịa ra tình tiết vụ án đúng không? Anh ngây thơ quá đấy! Tôi đã dám đến đây thì sợ gì anh báo công an. Tôi cho anh xem trước thứ này, rồi tiếp tục gọi điện cũng không muộn. Nói đoạn hắn rút ra một phong bì giả da dày cộp, vất lên bàn - Anh hãy xem kỹ đi!

Bao Cương liếc nhìn hắn cầm phong bì lên xem, bên trong toàn ảnh màu, xem kỹ thì ra toàn ảnh trần truồng như nhộng giữa anh với Cam Lộ. Anh vô cùng hoảng hốt nghiến răng kèn kẹt:

- Anh là thằng quá bỉ ổi, quá bẩn thỉu!

- Không bỉ ổi và bẩn thỉu đâu. Chỉ vì ông quá quan

trọng nên tôi phải giữ lại cho mình một con bài chứ! Tôi nói thẳng cho ông rõ, tôi đã chụp hết tới hai cuộn phim. Lần trước tôi mới đưa ra một cuộn, còn giữ lại một cuộn để sẵn sàng phóng ra thành ảnh khi cần thiết!

- Rút cuộc anh muốn gì? - Bao Cương cố nén lòng hỏi nhỏ.

- Muốn anh hợp tác lâu dài với tôi. Tất nhiên là anh phải làm theo chỉ dẫn của tôi - Vương Thông mỉm cười dắc ý giả bộ thân tình và đưa tay cầm lại phong bì dang để trên bàn.

- Không thể được! - Bao Cương cố kìm phẫn nộ - Ta đi tìm Cam Lộ, bảo cô ấy nói rõ đây là cạm bẫy do anh bày đặt ra ép buộc phải đánh thuốc mê và làm theo như anh đạo diễn. Phải để cô ấy vạch trần âm mưu nham hiểm này của anh ra trước ánh sáng, chỉ cần Cam Lộ nói ra tất cả.

- Cô ấy sẽ không nói! Giờ đây cô ấy là vợ tôi. Tôi có thể bảo cô ấy đến Tòa án tố cáo anh đã cưỡng hiếp cô ấy, còn dùng máy ảnh tự động chụp lại những tấm ảnh truồng kia để uy hiếp và chiếm hữu mãi mãi cô ấy. Nhân chứng, vật chứng dầy đủ, ông không biện hộ nổi. Đến lúc ấy, sổ hưu của ông sẽ không nhận được, lại phải nhận bản án.

Nói xong, hắn lạnh lùng quay người đi ra cửa, đến cửa

còn quay lại dặn thêm:

- Anh cứ suy nghĩ kỹ đi, hai tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ gọi điện.

Lòng Bao Cương vừa lo lắng vừa uất ức, đầy hoang mang, không gian nặng nề đến nghẹt thở. Anh biết rất rõ, cuộn phim và những tấm ảnh lõa thể kia như gói thuốc nổ đeo trên người anh, nhưng dây dẫn lửa kia lại nằm ở tay kẻ xấu. Anh không vào hùa với chúng cũng bị tiêu diệt; bị ép vào cùng hội với chúng thì khác nào chui vào cửa tử. Đằng nào cũng chết, nhưng chết để trừ khử mấy tên phạm tội, chẳng những không mang tiếng xấu để đời là sống buông thả, cầu vinh, được đâu hay đấy, mà còn được coi là cái chết đáng giá. Lòng anh bình thản trở lại. Anh sẽ lấy cái chết anh dũng làm dấu chấm hết cho cuộc đời của mình.

Anh tranh thủ đi mua một con dao găm, buộc vào bắp chân, phủ quần dài lên, rồi về phòng làm việc viết cho vợ con mỗi người vài dòng để vào ngăn kéo. Vừa lúc này chuông điện thoại vang lên. Bao Cương cầm máy lên nghe cái giọng "pê đê" của Vương Thông bảo anh đến ngay khách sạn Dạ Lan Hương ở ngoài thị trấn. Bao Cương giận sôi lên, mắt đỏ ngầu, nhưng anh đành vờ như khuất phục, chấp nhận yêu cầu của hắn. Anh chuẩn bị một trận chiến đấu quyết tử.

Bao Cương quần áo chỉnh tề lấy mô tô ba bánh phóng ngay đến khách sạn. Vương Thông đã đứng đợi sẵn ở cửa, đưa anh vào một phòng kín đáo. Cam Lộ đã ở đấy. Bao Cương chỉ liếc nhìn cô mà không trả lời. Anh thong thả đàng hoàng ngồi xuống ghế xa lông gỗ. Cam Lộ mặt đỏ bừng, miệng ấp úng:"Bao Trạm trưởng" rồi im bặt. Vương Thông lừ mắt nhìn cô và phẩy tay ra hiệu im lặng. Hắn nói:

- Như thế này nhé! - Vương Thông như cấp trên hạ lệnh cho cấp dưới - Tôi và Cam Lộ ngồi mô tô của anh đến trạm kiểm soát. Anh cầm bao thuốc lá này mời nhân viên ở trạm hút, chờ họ mê đi rồi tôi sẽ liên lạc cho ô tô hàng qua trạm ngay, xe qua trạm xong tôi sẽ giao lại cho anh toàn bộ số phim ảnh, sau đó không tìm anh nữa. Đây là một vạn đồng thù lao trước cho anh. Hắn đưa cho Bao Cương một phong bì dày cộp và bao thuốc lá Tháp Sơn Hồng.

Bao Cương cầm bao thuốc, còn tiền thì kiên quyết không nhận và nói:

- Số tiền này chờ xe qua trạm một đoạn hãy giao cho tôi cùng với phim ảnh một thể - Nói rồi anh ra ngay mô tô.

Và Vương Thông ngồi sau Bao Cương, Cam Lộ ngồi vào thùng xe. Mô tô chạy được một đoạn ngắn bỗng dừng

lại. Bao Cương hơi chần chừ. Vương Thông hồi hộp hỏi:

- Gì vậy?

- Cam Lộ không cần đi, tạm ở lại khách sạn. Phim ảnh và tiền đều để Cam Lộ giữ, chờ tôi đưa ô tô qua trạm xong tôi sẽ quay lại khách sạn lấy - Bao Cương nói với thái độ rất nghiêm túc và rất kiên quyết. Vương Thông không nghi ngờ hỏi lại:

- Anh làm như thế có ý gì?

- Tôi sợ anh không giữ lời, qua trạm xong các anh ngồi trên ô tô lớn, tốc độ cao, tôi với chiếc mô tô ba bánh cũ nát này làm sao đuổi kịp.

- Thôi được, Cam Lộ ở lại khách sạn để tiếp anh, còn những nửa ngày, hai người tha hồ tình tứ thoải mái, tối đến lại đi khiêu vũ, được đấy chứ! Sáng mai Cam Lộ không phải đến tìm tôi, cô cứ về nhà trước.

Cam Lộ phục tùng, ra ngay khỏi mô tô. Bao Cương tăng ga, xe rồ máy ầm ầm lao đi.

Và mô tô đến trạm kiểm soát. Ba nhân viên của trạm thấy Bao Cương đến thì vui mừng chạy ra chào hỏi. Bao Cương chỉ vào Vương Thông (lúc này hắn đã thay hình đổi dạng không ai nhận ra) và giới thiệu:"Anh đây là lãnh đạo mới về cục, đến đây quan sát xem xét tình hình công việc". Bao Cương lấy thuốc mời anh em. Cánh trẻ thấy

thuốc ngon hảo hạng thì khoai chí, anh nào cũng lấy thêm một điếu dắt mang tai để dành. Bao Cương phát thêm cho mỗi người một lượt nữa rồi lấy bật lửa tự châm cho anh em. Thuốc ngon, lại thèm, ai nấy đều hút những hơi dài, nuốt sâu vào lại thở ra khoan khoái. Thế rồi, chỉ loáng cái, ba chàng trai ngồi dựa lưng vào ghế mơ mơ màng màng không biết sự thể gì nữa. Vương Thông bèn lấy máy ra phát tín hiệu gọi xe qua trạm ngay. Bao Cương thừa lúc Vương Thông không để ý, anh vội bấm ngay vào chiếc nút bấm báo động được nối thẳng với Đồn Công an thị trấn, do thỏa thuận trước giữa Bao Cương với Đồn Công an.

Sau đó 5 phút đồng hồ, một chiếc xe tải lớn mười bánh từ từ tiến đến Trạm kiểm soát. Vương Thông nhấc cần chắn và ra hiệu cho xe giảm tốc độ qua trạm. Khi xe vừa tới, Vương Thông nhảy ngay lên bệ cửa cabin, lái xe bảo tên mặt rỗ ngồi cạnh mở cửa xe cho Vương Thông vào ngồi. Đúng lúc này, Bao Cương nhảy phắt lên bệ cửa buồng lái, thò tay vào nắm chặt vô lăng đánh mạnh một vòng, chiếc xe ngoặt ngang ra và lao xuống rãnh thoát nước ven đường. Tên lái xe phản ứng cũng rất nhanh gọn, hắn vừa cố sức đánh lại tay lái, vừa dùng qủa đấm thoi mạnh vào mặt Bao Cương làm máu từ mũi chảy ra ròng ròng, nhưng Bao Cương vẫn nắm chặt vô lăng không

buông. Chiếc xe rung lên rồi bất động. Lúc này Bao Cương mới nhảy xuống đất, vén quần lên, rút dao găm ra và dồn sức vào đôi tay đâm mũi dao sắc vào lốp xe, "bộp" một tiếng lốp xe bẹp dí.

Đúng lúc này, ở trên xe có năm tay chân của Vương Thông nhảy xuống, chúng đều có dao găm, côn sắt, chẳng nói một lời, đồng loạt xông tới vây quanh Bao Cương. Anh rút dao và né tránh bọn này để lao thẳng tới Vương Thông. Vương Thông cũng đang trợn mắt hung ác, nắm chắc cán dao lao tới Bao Cương, mũi dao hai bên đều nhằm thẳng tim đối phương đâm tới. Bao Cương đâm trúng ngực trái Vương Thông và mũi dao của Vương Thông cũng đâm trúng ngực trái Bao Cương. Bốn mắt họ trừng trừng nhìn nhau, cố sức vùng lên đâm đối phương.

Dao găm, côn sắt của bọn tay chân Vương Thông liên tục giáng xuống đầu, xuống người Bao Cương. Máu từ các vết thương ở đầu và trên người Bao Cương tuôn ra dữ dội. Nhưng anh vẫn nắm chắc cán dao, dùng hơi sức còn lại cuối cùng của mình xốc mạnh về phía trước.

Vương Thông oặt người đổ xuống, ngựcVương Thông bị 3 mũi dao đâm trúng, máu chảy như suối.

Lúc này, trên con đường của thị trấn đã vọng lại tiếng còi xe hú vang của cảnh sát. Một chiếc mô tô ba bánh rực ánh đèn pha lao tới. Ba cảnh sát từ xe nhảy xuống.

Mấy tên tay chân của Vương Thông thấy vậy hốt hoảng, vất bỏ dao, côn xuống đất, rồi luồn lách theo các bụi cây rậm trên đồi chạy trốn mỗi đứa một phương. Hai chiến sĩ cảnh sát vừa bắn cảnh cáo vừa truy đuổi, còn một cảnh sát ở lại bảo vệ hiện trường và gọi điện về đồn báo cáo tình hình.

Lúc ấy Bao Cương đã trút hơi thở cuối cùng trước lúc xe cấp cứu tới.

Tên Vương Thông cũng đã chết, mắt trợn ngược. Chiếc xe tải cỡ lớn chở đầy thuốc lá ba số lậu, khám dưới bệ ngồi phía sau còn tìm được 2kg heroin.

Và Bao Trạm trưởng chiến đấu chống bọn buôn lậu đã anh dũng hy sinh. Kỳ tích của anh cùng những tấm ảnh, băng ghi hình quay chụp lại hiện trường đã được đăng lên báo và phát trên ti vi. "Bao Công mặt sắt" đã trở thành anh hùng liệt sĩ của thị trấn, được mọi nhà biết đến, mọi người ngưỡng mộ. Toàn nước Trung Hoa biết anh. Tang lễ của anh được cử hành rất trọng thể. Người tiễn biệt anh đến nơi an nghỉ cuối cùng đã xếp thành hàng dài tới nửa cây số.

Còn Cam Lộ lúc này thì sao? Khi Bao Cương yêu cầu cô ở lại khách sạn, cô suy nghĩ và rất lo lắng. Linh tính người phụ nữ cho cô biết là sẽ có việc chẳng lành. Cô lại suy nghĩ rằng, xong việc anh sẽ đến hỏi tội cô. Cô đã tính

chuyện bỏ trốn, nhưng khi biết được tình tiết ở Trạm kiểm soát, cô mới hiểu tấm lòng của Bao Cương muốn giữ an toàn tính mạng cho cô. Cô thầm cảm ơn Bao Trạm trưởng đã bao dung độ lượng.

Hôm nay, Cam Lộ mặc nghiêm trang, tay đeo băng tang, đôi mắt sưng vì khóc, đến trước mộ Bao Cương, cúi đầu tưởng niệm và nước mắt lưng tròng. Cô lấy trong túi xách ra đủ kiểu ảnh lõa lồ đã được Vương Thông chụp cô khi ôm Bao Cương bị đánh thuốc mê, từ từ châm lửa đốt. Cô thì thầm:"Bao Trạm trưởng ơi hãy tha lỗi cho em!". Những giọt nước mắt thật thà hối lỗi từ từ nhỏ xuống nấm mồ của người đã khuất.

Và lửa tắt dần, tàn giấy bay trong gió. Cam Lộ một lần nữa cúi gập người, vái 3 vái trước mộ Bao Cương, lặng lẽ lấy khăn lau nước mắt rồi quay người, từ từ xa dần. Cô đã quyết định đi đến Cục Công an khai báo lại toàn bộ sự việc để chuộc lại một phần tội lỗi của mình và cầu mong sự khoan dung độ lượng của pháp luật.

NGUYỄN ĐÌNH CÁT *dịch*

TÔ THÚC DƯƠNG

SINH VÀ TỬ [1]

Thế là cuối cùng anh đã đến. Mời anh ngồi, ngồi xuống đi anh. Anh uống chè đi, chè hái từ sớm, đang đượm. Anh đến đây với chúng tôi thật quí hóa. Không có một nhà văn nào chịu lên đây thâm nhập đời sống. Nhắc đến đơn vị chúng tôi, người ta sởn tóc gáy: Nhà hỏa táng! Đó là một. Còn cái thứ hai, ai cũng nghĩ, chúng tôi ở đây không có sự sống chỉ có cái chết. Bọn chúng tôi đều là người tục, không nhập được vào cung điện văn chương nghệ thuật. Hình như trong tiểu thuyết mà viết đến chúng tôi thì cái mùi xác chết liền lập tức xông héo trăm hoa, thần nghệ thuật đều bỏ chạy, cả cây đàn của nàng cũng vứt lại trong lò thiêu của chúng tôi. Họ cảm thấy ở đây đều là người tục việc tục, không ăn nhập gì với dòng đời, thích hợp với chúng tôi chỉ có bọn chúng tôi. Họ thường viết về bệnh viện, về thầy thuốc - tôi không hề phản đối viết những cái ấy, nhưng bệnh viện như thần thánh mà khinh rẻ chúng tôi đến mức không

1. Nguyên văn: Sinh tử chi gian. Nghĩa là khoảng giữa cuộc sống và cái chết (N.D).

đáng một đồng xu? Bảo rằng cuộc sống chúng tôi không liên quan đến triết học hoặc bảo rằng không có tiết học văn học nghệ thuật sẽ không có linh hồn thì cũng được cả, chẳng sai. Có điều, người nói câu ấy cũng hồ đồ, sống và chết xưa nay vẫn hấp dẫn cái thần bí, mọi tôn giáo đều có liên quan đến cõi âm, đến thế giới bên kia. Tôn giáo có phải là triết học không? Thế thì ở nhà hỏa táng không có triết học sao? Họ đúng là người ngoài cuộc trăm phần trăm rồi. Nói thẳng ra, những người coi khinh chúng tôi, coi chúng tôi cả ngày chỉ đánh bạn với xác chết, thì họ cũng chẳng khác gì xác chết. Xã hội cũ gọi chúng tôi là phu nhà táng, bậc thấp nhất trong chín bậc hạ lưu. Tư tưởng đó bây giờ vẫn còn phổ biến. Mặc dù các nhà văn sớm hay muộn rồi cũng sẽ trở thành món hàng của chúng tôi. Nhưng giờ đây họ lại muốn càng xa chúng tôi càng hay. Sự thực thì chúng tôi cũng đã tiếp đón không ít nhà văn, nhà nghệ thuật. Ở bên kia, họ đủ để thành lập một xưởng phim, một đoàn giao hưởng, một đoàn ca múa, một đoàn kịch nói. Nếu có lập một hội nhà văn thì chất lượng cũng không hề kém bên này, anh có tin như vậy không? Thôi, đã quá nhiều lời hàm hồ, giờ lại trở về vấn đề chính vậy. Anh muốn hỏi tôi về gia đình, về người yêu, phải vậy không?

Biết nói từ đâu nhỉ?

Thôi thì từ cha tôi vậy. Ông già một đời hầu hạ người chết. Nhưng không hề chán nản. Ông nói: "Một đời người rồi cũng có lúc đến đây. Đối xử tốt với người khác cũng tức là đối xử tốt với mình vậy. Lúc sống, con người có sự phân biệt vương hầu khanh tướng, thằng ở, đứa ăn xin. Nhưng hễ nhắm mắt lại, thì mọi người đều bình đẳng tất. Ở bên kia người ta không thích diễu võ giương oai. Hoặc giả còn có người thân chết mà lòng chưa chết còn muốn đè đầu đạp cổ người khác, thì ở bên ấy cũng có các nhà cách mạng của chúng ta, họ sẽ đứng lên tập hợp tay chân, đó là việc chắc chắn, rồi làm cách mạng, xây dựng một xã hội bình đẳng còn dễ hơn bên này nhiều.

Anh xem, lời lẽ ông già, có triết lý không, có lãng mạn không, có ý thơ không? Ông già còn nói: "Chúng mình đối xử tốt với người chết tức là giúp người còn sống có được tí chút an ủi, để họ càng làm tốt công việc của họ. Chúng mình cũng là vì nước vì dân mà làm việc ấy chứ!".

Như vậy là kém giác ngộ sao? Tất nhiên, ông già có tí chút mê tín. Khi lâm chung, cũng ở chỗ chúng tôi đây, ông già nói: "Đừng buồn, người chết như ngọn đèn tắt, ở bên kia cha có nhiều bạn. Đừng nghĩ cha đi một mình, đến bên kia, bạn bè mỗi người một tay thì đèn lại sáng lên thôi". Ông già nói thế rồi mỉm cười ra đi.

Ông già có gì chưa yên tâm đâu. Ông không có việc gì

phải nghĩ cả. Cứ mỗi lần hỏa táng, thấy người chết ăn mặc quá sang trọng, tay đeo đồng hồ, ngực bút máy, ông già liền khuyên người nhà họ: "Giữ lại cái áo khoác ngoài đi, bên ấy không lạnh, cũng không chú ý ăn mặc lắm đâu. Còn đồng hồ bút máy cũng giữ lại hết. Bên ấy không cần, tất cả đều tự động, báo giờ tự động, viết lách bằng máy chữ. Giữ lại đi, trước là làm kỷ niệm, sau là để dùng. Đốt đi cũng vô ích."

Hồi mười năm động loạn(1) nhà hỏa táng nhận người chết, có kẻ chết oan, kẻ bất đắc kỳ tử, ông già đều đối xử như nhau. Như thường lệ, rửa ráy mặt mũi, lau chùi những vết thương vô lý. Không phải không ai can thiệp đâu. Có dạo, lão thủ trưởng dữ như ôn thần đến trách ông già: "Lão già, lão có lập trường giai cấp không đấy?". Ông già nhấp nháy mắt, thầm thì: "Đừng gào lên thế, hồn anh ta chưa lìa xác đâu. Gắt gỏng như vậy hồn ấy sẽ ngày đêm quấn lấy ông, ông chịu nổi không? Mà lại, đây là công việc của chúng tôi, có chế độ và yêu cầu của chúng tôi. Nếu không nghe thì xin ông tự vác hộ cái xác này vào lò. Khổ sở như vậy mà làm gì? Nếu ông chết, không lẽ lại vác cái bộ mặt đỏ gay kia mà đi sang thế giới bên kia?".

Tôi không biết nhà văn các anh nhìn loại người như cha con tôi ra sao, có được coi là lương thiện không, có

1. Chỉ cách mạng văn hóa và ảnh hưởng của nó 1966 - 1976 N.D.

được coi là có tâm hồn không, có đáng viết không?

Lại còn một lần, ông già tranh luận với một cây bút "nổi tiếng" hồi ấy. Nhà "đại lý luận" ấy đến để giám sát việc hỏa táng "Một phần tử cơ hội chủ nghĩa" bị ngược đãi mà chết.

Ông già nói "con người và xác chết không khác mấy, cũng chỉ là một thôi. Nhưng những kẻ sống mà hết hơi còn đông hơn những xác chết còn hơi, đếm không xuể".

Câu nói đó chọc tức nhà "đại lý luận" lập tức ông ta hạ lệnh thủ trưởng nhà hỏa táng điều tra lý lịch ba đời ông già. Thủ trưởng giậm chân nói:

"Hầy, ba đời là công nhân khâm niệm, moi ra nữa thì cũng chỉ là phu đốt xác thôi. Chẳng phải điều tra làm gì".

Đó chính là "cách mạng" hồi ấy, đến triết lý của ông già cũng cách không nổi. Anh xem có đúng không. Cứ xem xem cái thế giới chúng ta sắp đến, lời ông già chả phải là sự thực sao? Bên kia, có khá nhiều người chết mà sống vĩnh viễn, bên này có những người sống mà đã chết rồi, cũng không phải là ít.

Còn tôi! Chẳng có gì để nói cả.

Tôi tốt nghiệp cao trung[1], thi hỏng đại học. Cha tôi

1. Ở Trung Quốc bậc trung học có 2 cấp: sơ trung và cao trung, tương đương phổ thông cơ sở và phổ thông trung học của ta. (N.D)

nói: "Thôi thì làm nghề của cha vậy. Đơn vị còn thiếu thanh niên không ai muốn làm. Cứ thế này thì người chết sẽ chất đầy giá. Chủ nghĩa xã hội không thể để con người khi sống thì sung sướng chết đi lại xếp hàng dài dằng dặc. Ở đây không phải là phòng cất giữ của ngân hàng, chuyên bảo quản xác chết. Sớm đưa tiễn họ, kẻ sống người chết đều yên tâm. Con vào làm đi. Việc này không phải không có tiền đồ. Con là đoàn viên, hãy đi đầu". Lúc ấy tôi đấu tranh tư tưởng dữ lắm, trong lòng thật cay đắng. Tôi có một người bạn gái, tốt nghiệp sơ trung, nghèo rớt mùng tơi. Cô ta đẹp, nhanh nhẹn, môi lúc nào cũng cười. Tôi cũng nói một câu Tây cho sang trọng lên một tí, ở đây đang mốt như thế. Khuôn mặt tươi cười của bạn gái tôi giống in đúc nàng Mônna Liza của Đờ Vanhxi. Đó là nụ cười vĩnh hằng, thần bí. Chúng tôi gần nhau từ tấm bé, tình cảm rất mặn mà. Mặc dù chưa ai nói với ai một lời rõ ràng, nhưng trong câu trong chữ, đầu mày cuối mắt, cái ý vị toát ra thì cả hai đều rõ. Tôi yêu cô ta, cô ta cũng thích tôi. Anh hãy nhớ lại thời trẻ, anh sẽ biết cái hương vị mối tình đầu. Than đỏ lửa rực, đó chỉ là những hình dung từ vô vị nhạt nhẽo. Vừa đắng vừa ngọt mới đúng thực tế. Trong tim như có vật gì đè nặng, chỉ nhấp nhổm muốn nhìn cho được hình bóng, nghe được bước chân đi. Cứ thích lúc trời trở gió, mưa phùn lắc rắc mà nhẹ bước bên nhau không nói năng gì. Trong lòng thì như có vô

vàn lời nói không hết, nhưng vừa gặp lại câm như hến, chỉ có mắt nhìn mắt, mặt đối mặt ngây dại. Có một bài ca Nhật Bản tên là "trên bờ biển" lời rằng: "Nghĩ đến quả mơ và ngựa trúc, lòng anh càng ngẩn ngơ!" Chao ôi! Ngẩn ngơ, đúng vậy. Anh nghĩ xem, có một người bạn gái vừa xinh đẹp lại vừa hiền hòa, lòng tôi không ngẩn ngơ sao được, làm sao mà yên tĩnh được? Nhưng tôi tin tưởng ở người yêu, tin cô ta không phải hạng con gái vụ lợi. Tôi tin cô ta biết con người rồi thế nào cũng chết, khi sắp bước sang thế giới bên kia thế nào cũng phải có người giúp thu vén cho thật yên ổn, thật dễ coi, thế nào cũng phải có người khênh họ ra khỏi vương quốc người sống. Cô ta cũng sẽ có một ngày như thế và sẽ không bao giờ coi thường những người sẽ giúp cô ta thu vén vào giờ cuối cùng. Bởi thế, tôi hạ quyết tâm, trong việc lựa chọn giữa tình yêu và công tác, tôi đã đặt công tác lên trên, tôi còn lý luận rằng tình yêu và việc hỏa táng không có gì gọi là mâu thuẫn không giải quyết được.

Thế nhưng, tôi đã nhầm.

Cái hôm tôi nói với cô ta tôi sẽ đến làm việc ở nhà hỏa táng, cô ta mách tôi xưởng phim đã mời cô ta đóng phim. Cô ta không chịu nổi sự phán quyết của cuộc đời. Đến tưởng tượng, cô ta cũng không thể nghĩ ra được một ngôi sao màn bạc lại có thể sánh vai với một công nhân

hỏa táng đi chơi phố, chơi công viên, ngắm hoa hồng và mẫu đơn hoặc bơi thuyền dưới bóng râm rặng liễu. Gió xuân, mưa phùn, hoa tươi, cỏ xanh, thơ và âm nhạc, những cái đó hầu như gắn chặt với sự sống, nhưng dành cho người chết lại chỉ có bóng đen. Tôi ngày ngày làm bạn với người chết, cho nên bị phán quyết là người phải chết, người nửa chết, hết duyên với cái đẹp. Bởi vậy cô ta không nói gì, cũng là lẽ đương nhiên. Cô ta rơi nước mắt, nhưng cũng không ngăn được cô ta vĩnh biệt tôi, từ bấy hai chúng tôi "bai bai"[1].

Anh xem, cái vinh cái nhục của con người khác nhau chỉ trong tích tắc. Trong giây lát nghe công bố được mời đóng phim cô ta đã thay đổi. Từ một đứa con gái tầm thường rách rưới, biến hành một ngôi sao điện ảnh chói ngời. Còn tôi, tôi chỉ ớn lạnh chốc lát, một chốc lát thôi, rồi liền quyết tâm đi làm công nhân hỏa táng, quyết tâm từ một thanh niên trí thức không thể gọi là hèn mạt rơi xuống hàng chót của chín loại hạ đẳng, rơi xuống loại người hèn hạ không xứng với văn học nghệ thuật, cũng không xứng với các nhà lý luận cao sang. Có điều, trong giây lát ngắn ngủi ấy, bất kỳ ai trong hai chúng tôi, bất kỳ xét về học vấn hay là mức độ xinh đẹp, càng không

1. Tiếng Anh nghĩa là chia tay. Khi tạm biệt người Anh nói "Good bye" (N.D)

cần nói đến chiều cao thân thể, độ dài lông mày... Không ai thèm được một phân một ly nào cả. Thế nhưng, trước dư luận xã hội, cái vinh cái nhục, cả các giá trị thân xác hầu như đã có sự thay đổi đảo điên trời đất. Trước cái giây lát ấy, hai chúng tôi là tình nhân. Sau giây lát ấy hai chúng tôi là vật tuyệt giao. Như thế gọi là gì nhỉ? Giờ đây ảnh cô ta in trên lịch treo, một năm được mọi người ngắm một tháng, còn tôi cả tháng ấy tôi xua đuổi biết bao người đi về một vương quốc khác. Nhà văn các anh thường nói đến cuộc sống, anh thử phân tích xem, trong một tích tắc hai chúng tôi đã thuộc hai cuộc sống phân ranh giới rõ ràng.

Không, tôi không hẹp hòi như thế, không hề thấy người ta thành đạt thì bực tức, chỉ mong sao kéo chân họ xuống. Tôi không hề chủ trương xé cái ảnh trên tờ lịch, thay ảnh khác. Dù sao thì ảnh một cô gái xinh đẹp cũng đẹp mắt hơn ảnh tôi đem treo lên lịch. Ai người ta chịu bỏ tiền để ngày ngày nhìn một thằng ngốc? Tôi muốn nói, số phận con người khác nhau, thậm chí nhân cách cao thấp, cái sống và cái chết... chỉ trong giây lát là được quyết định. Dân gian thường nói: đã tới số rồi. Cũng giống như chỗ bẻ ghi trong ga xe lửa, đoàn tàu này đi về đông, đoàn tàu kia đi sang tây, không thể thiếu đoàn nào. Đó là sự phân công của xã hội, không có bọn công nhân khâm liệm chúng

tôi, người chết sẽ không biết đi đâu. Ai không nghe thì cứ chết thử một lần xem.

Mà đúng thế, hãy cứ nói anh vậy, giả thử lúc ấy anh vào làm ở nhà hỏa táng mà lại gặp một người lãnh đạo chì chiết, bất kể những áng văn chương của anh viết ra lung linh gấm vóc như thế nào ông ta đều cho là vớ vẩn, người chết là hết, rồi giữ riệt không cho anh đi đâu, thử hỏi giờ đây anh sẽ ra sao? Được hoan nghênh và vỗ tay khắp nơi chăng? Hay lại như tôi bây giờ, gặp từ xa người ta đã bịt mũi, sợ mùi xác chết xốc vào tim phổi. Bản thân anh cho dù làm công nhân hay làm nhà văn ở nhà hỏa táng thì giá trị cá nhân có thay đổi không? Không. Anh vẫn cao như thế, có điều có thể không béo như thế thôi. Ôi, cuộc sống, nó có quy luật riêng của nó, bất kỳ loại khoa học xã hội nào cũng đều chưa thể nói cho thật rõ ràng, thế thì việc quái gì phải cãi nhau về vinh về nhục, ai cao ai thấp? Cũng hà tất phải tìm cái chết khi thất bại, phải trèo lên giá thắt cổ, sợ xanh mắt, tâm trí rối loạn? Điều quan trọng là tự nhận thức mình, tự tôn trọng mình, thế là đủ.

Đấy, tôi lại tuôn ra một thôi một hồi bực dọc. Lại nói cô ta, cô bạn trước kia của tôi, giờ đây đã là diễn viên điện ảnh. Mỗi lần gặp tôi, không có ai thì cách ba thước cô hỏi vài câu, nếu có người thì cái cổ xinh xinh của cô

gật gật, ra ý chào. Tôi không thèm chấp, không cần biết có người hay không. Nghe đâu cô ta tìm hiểu đến bốn năm đối tượng, cũng chẳng khác gì mua gà ngoài chợ, người ta sờ nắn luôn con gà để chọn. Hai năm trước, cuối cùng cô ta đã lấy chồng. Đó là anh chàng dự tuyển thứ sáu. Cũng không đến nỗi tồi. Hôm cưới, có gửi cho tôi một thiếp mời. Ban đầu tôi không định đi, nhưng mẹ tôi lại trách:

"Thụ Nhân à, con đi đi! Nói cho phải thì con nhỏ cũng chưa quên tình cảm chúng mày lúc đầu, vẫn còn nhớ cái thằng công nhân hỏa táng như mày. Đi mà mừng cho nó, đừng để người ta nói mình nhỏ nhen, cũng đừng để người ta nghĩ mình thấp hơn họ. Đi đi, lấy bộ đồ len mà mặc, để mọi người nhìn xem thằng đốt xác cũng không kém bọn trẻ trên màn ảnh. Mua cho nó cái gì đáng giá, đừng để họ nghĩ mình không có tiền".

Đó là cái cứng cỏi khí phách của người già. Tôi không cãi lời mẹ mà nghe lời bà dặn, đến chúc mừng A Nhi.

Lễ cưới tổ chức tại một phòng không rộng nhưng khang trang. Khách đều đẹp như tiên, chẳng khác cuộc thi sắc đẹp ở nước ngoài. Thú thực, tôi tự nghĩ, thân cao chưa được mét bảy lăm, mặt lại lang ben, mắt nhỏ, mày rậm, nhẽ ra không nên đến. Tôi vừa bước vào, cô dâu A Nhi - tôi quen gọi tên hồi nhỏ, gọi tên mới cô không thích -

liên cười ngặt nghẽo giới thiệu tôi với anh chàng Lục, chồng cô ta. Anh ta vai to lưng tròn, lông mày rậm, mắt to và sáng, tóc để dài thuớc như các kỵ sĩ thời nay. Chàng rể nắm chặt tay tôi, rồi hỏi với cái giọng nam cao: "Anh bạn, anh công tác ở đoàn nào?". Tôi ngó ra, trong bụng nghĩ, tôi không đi bộ đội, sao lại hỏi đoàn nào. Ồ, phải rồi, anh ta nói đoàn nào là đoàn văn công. Trong mắt anh ta đó hẳn là cái nghề cao quý nhất.

- Anh ta làm thơ đó, - A Nhi vội đỡ lời

- Ồ, nhà thơ! - Chàng rể tấm tắc.

- Không, tôi không phải nhà thơ, - tôi nói, - Tôi là công nhân hỏa táng, chuyên việc đốt xác.

- Thật à? - Chàng rể ngó ra một lúc rồi rút khỏi tay tôi.

- Đúng thế, ngày ngày làm việc với xác chết, - tôi nói, cố ý tỉnh bơ, - Kỳ thực, ai mà chẳng có liên hệ với xác chết, những gà vịt... trên mâm tiệc kia cũng là xác chết động vật cả thôi. Thôi chào anh, chúc anh chị hạnh phúc!

Tôi ra đi, bụng những mong các thứ gọi là cao lương mỹ vị kia sẽ vì lời nói của tôi mà trở thành ngán ngẩm dưới con mắt họ. Thế là tôi đã ích kỷ, đem đến cho người ta sự phiền muộn, để trả thù.

A Nhi bảo tôi làm thơ cũng đâu phải nói dối. Làm thơ,

viết lời cho bài hát là hứng thú tay trái của tôi. Tất nhiên, tôi không viết bài ca công nhân hỏa táng, cho dù công việc của chúng tôi rất có ý nghĩa. Nhưng nếu cứ đem sự thật là tô vẽ hình tượng hóa ra, rồi viết các xác người đã hóa thành tro bụi trong lò thiêu ra sao thì chắc cũng chẳng đem lại thú vị gì cho người đọc. Hay là miêu tả cảnh tượng chúng tôi trang điểm lại cho người chết ra sao? Trong thơ ca chưa hề thấy điều đó, chắc là cấm kỵ. Chúng tôi làm việc ở nơi tiễn người chết, nhưng chúng tôi ca ngợi cuộc sống, ca ngợi mùa xuân, ca ngợi thế giới sống động, ấm áp ánh mặt trời. Một cây cỏ non, một đóa cúc dại, tôi đều ca ngợi. Hàng ngày tôi nhìn thấy nước mắt, thấy vải liệm thấy vòng hoa trắng, thấy cái chết trang nghiêm, bi ai và nghiêm túc. Nhưng tôi không viết về những cái ấy, tôi viết về sự vui tươi, về nụ cười, về trẻ em tập đi trên bãi cỏ, về người đang yêu ôm hôn nhau dưới bóng cây. Tôi viết về tình yêu, về trẻ sơ sinh, về bà mẹ, về chân lý, cái chết không ngăn nổi sự sống.

Chúng tôi tổ chức cho các công nhân trẻ học làm thơ, tập vẽ điêu khắc, học trồng hoa, đánh đàn, chơi cờ. Tất nhiên còn cả đánh bóng, bơi lội. Chỗ chúng tôi đây là cái cửa quan cuối cùng tiễn người chết rời khỏi thế giới. Nhưng chúng tôi lại muốn tô điểm thành cánh cửa thứ nhất đưa con người đến với cuộc đời. Chúng tôi ở đây là

biên giới giữa cuộc sống và cái chết. Giả dụ còn tin rằng bên kia cũng có một thế giới thì bên này là tử tất bên kia phải là sinh. Tất nhiên đó là duy tâm, rốt cục chắc hẳn chẳng có địa ngục thiên đàng nào cả. Nhưng cân nhắc cho kỹ, đối với người sống, sinh và tử, chính là một dấu hỏi thú vị làm cho người ta vừa sợ lại vừa thích. Trên đời này, vốn làm gì có Trương Tam Lý Tứ, rồi bỗng nhiên anh ta hay chị ta lại có tri giác, có sinh mệnh rồi giáng xuống trần gian, sống vui vẻ, rồi bỗng nhiên lại mất tri giác biến thành vật vô sinh, rồi chết. Các triết gia, các nhà văn bao đời nay nghiền ngẫm điều ấy - sinh và tử. Đó là đề tài viết không cạn của văn học nghệ thuật, nhưng xưa nay chưa ai viết về đội ngũ chúng tôi, những người đang biến các thể xác hữu hình thành đội danh dự vô hình. Họ nói chúng tôi là người tục, việc tục, anh xem có quái đản không?

Thời gian anh đến đây với chúng tôi, anh có định đi một vòng xem xem không? Chúng tôi ở đây quả thật giống một công viên sao? Hàng ngày chúng tôi liên hệ với người chết, nhưng chi đoàn thanh niên lại yêu cầu mọi người trân trọng giá trị cuộc sống. Chúng tôi phải làm sao để người sống sau khi tống tiễn người chết lại còn thêm nghị lực để sống tiếp. Chí ít, ở đây chúng tôi không được làm cho người ta buồn phiền, chán nản để người ta yên tâm

mà nghĩ rằng, bước qua cửa quan cuối cùng của cuộc đời con người cũng có được sự an ủi.

Tôi nói những điều này không nhằm động viên anh trở về đây công tác. Tôi chỉ muốn anh hiểu cho, chúng tôi ở đây cũng như mọi đơn vị khác, đều là một phần của cuộc sống, chúng tôi không muốn người khác coi thường.

Anh hỏi về vợ tôi ư? Ồ, chúng tôi gặp nhau trong Cung văn hóa. Tôi tham gia tổ văn chương, cô ấy tham gia tổ âm nhạc. Tôi viết một lời ca, được cô ấy thích đem phổ nhạc rồi biểu diễn trong hội diễn nghiệp dư. Cô ấy kéo đàn, tôi hát, được thưởng, rồi cùng đi chơi, cùng ăn cơm chúc mừng thắng lợi. Cứ như vậy chúng tôi quen nhau.

Cô ấy bảo lời ca tôi viết tràn trề lòng yêu cuộc sống. Tôi viết về một đóa hoa dại, mùa xuân đâm chồi rồi nở hoa. Người xe qua lại chà đạp, nhưng hoa vẫn vươn dậy, vẫn đưa đến cho con người biết bao hương sắc.

Cô ấy hỏi, anh quan sát tinh tế, ngòi bút dạt dào tình cảm, vì sao thế?

Tôi nói, bởi vì ngày ngày tôi trông thấy cái chết.

Cô ấy sững ra, cô không hề biết tôi là công nhân hỏa táng.

Còn tôi thì biết cô ấy, là sinh viên vừa tốt nghiệp, là bác sĩ sản khoa. Kể từ hôm ấy, mấy tháng liền cô không

nói năng gì với tôi. Những dịp cung văn hóa luyện tập tiết mục, cô chỉ trân trân nhìn tôi.

Tôi yêu cô, nhưng cố gắng nén nỗi xúc động. Trong con mắt người đời, công nhân hỏa táng chúng tôi là suốt đời độc thân như một định mệnh. Tôi không dám thổ lộ thẳng thắn vì sợ không tôn trọng. Vi Thuyết, đúng, cô ấy tên là Lý Vi Tuyết, không muốn bắt cô ấy phải khổ sở. Cứ để cô ấy tự mình suy nghĩ. Nếu cô ấy không yêu, tôi cũng chẳng oán giận. Cái gánh nặng dư luận đặt trên vai một cô thiếu nữ chẳng phải là nhẹ nhàng mà ngược lại có thể làm chết người. Còn tôi cũng phải biết tự trọng chứ, cái đòn mà A Nhi tặng tôi đến nay vẫn còn đau, tôi không muốn lại nhận từ một cô gái khác. Tôi phải giữ gìn quả tim to bằng nắm tay của tôi để dành cho nước nhà, cho xã hội, cho muôn hộ gia đình, để làm tốt việc đưa tiễn người thân của họ, gửi đến mọi người chút ít an ủi cuối cùng. Trái tim tôi không lớn, không thể chia ra nhiều phần được.

Rốt cục, một hôm Vi Tuyết hẹn tôi đến Viện Tử Trúc[1]. Dưới cổng Viện mới được tu sửa lại, nhìn mặt trời sắp lặn, cô khẽ nói:

- Anh ở đấy làm việc gì?

1. Tử trúc là tre màu tím. (N.D).

- Trang điểm cho người chết.

- Anh không sợ à?

- Ban đầu cũng sợ. Không những sợ, còn buồn nôn, thường ăn cơm không nuốt nổi.

Tôi không miêu tả lại bộ mặt người chết, không cần thiết làm Vi Tuyết ngán ngẩm. Lâu rồi cũng quen. Tôi coi cái xác chết chỉ như bản vẽ... rồi dần dần cũng quen cả.

- Công việc ấy có thù lao không?

- Không, tiền lương như mọi người. Anh kiếm được ít hơn em.

- Công việc ấy có ý nghĩa gì, anh không thấy chán sao?

- Anh không cần nói cao xa, chẳng qua cũng chỉ vì bắt buộc. Nhưng những người thân nhìn thấy người nhà của mình nằm ở đó, rất yên lành, giống như ngủ, thì cảm thấy như là không hề vật vã đau đớn khi chết, lòng dạ yên ổn hơn. Không ít người đã chảy nước mắt cám ơn anh.

Cô ấy không nói gì nữa, chỉ đăm đăm nhìn ráng chiều.

- Anh có cái tài năng ấy, sao không tô điểm cho người sống? - Cô ấy hỏi.

- Nhưng mà phải có người để tô điểm chứ? - Tôi trả lời - Tôi trang điểm cũng khá. Còn làm cả việc hóa trang nữa. Người sụn xương mũi, tôi làm cho cái mũi giả, hai

má hóp, tôi độn cho đầy lên. Tôi đắp kín vết thương, vá cho đôi môi rách, vuốt lại cặp mắt... Phải làm sao cho mọi người chết, đi khỏi cuộc đời thanh thản như khi họ sống.

- Nhưng làm như vậy được gì? Trước sau rồi cũng chết. - Cô ấy lại thở dài.

- Đúng thế, tác phẩm nghệ thuật của tôi, nhiều nhất trưng bày ba hôm. Sau đó đưa vào lò thiêu. Em biết không? Ba hôm ấy, lòng anh tràn ngập tình yêu và lòng cảm kịch của người sống. Tình cảm ấy, trái tim anh chứa không nổi. Có lúc anh cảm thấy người chết cũng ngồi dậy, mắt ngấn lệ gật đầu cám ơn anh.

- Thôi anh đừng nói nữa, ghê cả người. - Cô ta kêu lên khe khẽ.

- Chẳng phải em cũng vật lộn với cái chết là gì? - Tôi hỏi cô.

- Đúng thế - Cô ta thở dài, - có lúc em nghĩ trong cuộc đời cái mà khoa học không vượt nổi chính là y học, thắng lợi cuối cùng vẫn thuộc về cái chết.

- Như vậy là hơi bi quan đó - Tôi khuyên cô ta, - cả ngày em tiếp đón trẻ sơ sinh, bất kỳ cái chết nào cũng không ngăn trở được bọn trẻ ra đời. Y học là khoa học giành giật thời gian. - Cô ấy nghiêng đầu nhìn tôi, lạnh lùng cười, nói: - Nếu hai ta kết bạn, người đời sẽ nói sao

nhỉ? Em đón tiếp cuộc sống, anh tống tiễn cái chết. Tôi cũng bật cười. - Ở chỗ anh mọi người đều nói chúng mình có liên quan với bệnh viện, cùng một trận tuyến cả, bọn em ở tuyến trên, bọn anh ở tuyến dưới. Tôi lại nói: - Em đón tiếp cuộc sống, anh đưa cái chết, chúng mình đóng chốt hai đầu cuộc đời. Con người ta khi mới sinh ra đều bình đẳng, chết đi cũng lại bình đẳng. Kỳ thực, công việc của chúng mình là tôn trọng giá trị con người vào bậc nhất.

Cô ta bỗng khóc rưng rức, nước mắt lưng tròng,nức nở: - Lòng em rối bời, rối bời bời... Vì đâu em gặp anh, vì sao em lại gặp anh? Rồi cô sụt sùi: - Anh thử nói dối em xem, anh nói anh là nhà thơ đi, anh làm thơ thực ư? Chả phải anh đã đăng bao nhiêu bài thơ là gì? - Nhưng mà anh là công nhân trang điểm cho người chết, anh không thể dối em. Công việc này không mâu thuẫn với việc làm thơ, giá trị của nhà thơ và của người công nhân khâm liệm cũng chẳng khác nhau là mấy.

Tôi ôm lấy đôi vai cô, cảm kích mà nói: - Em hãy nghĩ kỹ đi, anh không oán trách em đâu.

Tôi ra về, mặt trời kéo dài bóng tôi trên mặt đất. Tôi nghĩ, nhà thơ là cái bóng kia, anh công nhân khâm liệm mới chính là tôi. Có điều, trong mắt mọi người, cái bóng của tôi lại có giá trị hơn bản thân tôi. Anh cứ thử đặt

mình dưới ánh mặt trời xem, thế nào cũng có cái bóng, có lúc còn rất uy nghiêm, đường hoàng như một hảo hán. Nhưng mà nó không có sự sống. Cái bóng không có sự sống được sự cảm thán của mọi người, còn cái thể xác có sự sống này của tôi thì lại làm cho người ta rối bời lòng dạ. Anh xem, thế là vì sao? Vì quan niệm ư? Đúng, vì quan niệm. Những quan niệm chẳng có ích cho ai cả, nhưng ai cũng bảo vệ nó. Anh không tin sao, anh cứ ra đứng ngoài đường phố làm một cuộc thử nghiệm ý dân. Hỏi: Một cô bác sĩ xinh đẹp có thể lấy một anh công nhân hỏa táng không? Trả lời: Không được; chắc chắn sẽ chiếm trên chín mươi phần trăm. Nếu không như thế thì ta đánh cuộc nào?

Mùa xuân qua đi, mùa hạ đã tiếp gót. Thấm thoát người ta đã lên núi Hương Sơn ngắm lá đỏ rồi.

Vi Tuyết hẹn tôi đi Hương Sơn.

Chúng tôi đứng trên mỏm Qủy Kiến sầu, nhìn xuống chân song, biển đầy lá đỏ, cô ấy lại buồn rười rượi.

Cô thở dài, "Sao anh lại không làm việc khác? Em không phải là người tham vàng bỏ ngãi. Em cũng không nhất thiết tìm người học đại học, một chàng sinh viên nông cạn không bằng một công nhân có đời sống tinh thần phong phú. Nhưng anh, người trang điểm xác chết...?"

- Thì còn tệ hơn chú gì?

- Thật khó cho em quá, nghĩ lại...

Tôi không nói gì, cũng chẳng có gì để nói. Gió thổi tung lá đỏ dưới chân nghe xào xạc... Ngẩn ngơ hồi lâu, tôi nói: - Em nhìn những ngọn núi kia, những rừng cây kia. Chúng mình chết đi, chúng vẫn còn. Nhưng chúng vẫn tuần hoàn, thay cũ đổi mới, ngày ngày chuyển động giữa cuộc sống và cái chết.

- Anh triết lý nhiều quá đấy, - Cô thở dài.

- Vậy thì chúng mình chia tay nhé, - Tôi nói. - Đừng gặp nhau làm gì nữa.

- Không, không, - cô nói to, - Em không chịu nổi.

Anh không thể động viên em tí chút sao? Sao lại để em một mình chống chọi với dư luận xã hội? Sao anh không nói đi? Anh chẳng phải cũng ích kỷ là gì?

Trong đầu tôi có cái gì ùng ùng như bung ra. Cô ấy yêu mình, chẳng sai đâu. Nhưng trước dư luận xã hội, cô ấy suýt đứng không vững. Cô ấy nói đúng, để cô ấy một mình xung trận, cái thằng nam nhi hảo hán như mình lại tránh mặt, đó là ích kỷ, là ngồi mát bát vàng, là đòi bạn gái dâng tình yêu? Không. Tình yêu là cả đôi bên, Muốn có tình yêu thì phải biết giành lấy, phải đoạt lấy từ tay những kẻ chống lại tình yêu, miễn là chính đáng.

Tôi ôm chặt cô, xúc động: "Anh yêu em. Trên đời này

không ai thay thế em được. Công việc của anh là qua lại với người chết, nhưng anh không phải người chết. Anh có nhiệt tình, có sức sống chẳng kém bất kỳ người sống nào. Anh không để cho bất kỳ kẻ nào cướp mất em. Anh sẽ đem lại hạnh phúc cho em. Tiền, anh kiếm được tuy ít, nhưng hạnh phúc đâu phải do tiền nhiều ít. Em hãy nhìn anh. Vi Tuyết ạ, khuôn ngực anh đủ để bảo vệ em".

Cô ấy lao vào lòng tôi, mắt đầy nước mắt rồi nói: "Em yêu anh. Em lấy anh... để cho người đón cuộc sống cùng người tiễn cái chết tổ chức một gia đình giữa cuộc sống và cái chết".

- Đừng nói bậy, chúng mình sẽ sống cuộc sống vĩnh cửu, bởi vì ngày ngày anh đã đuổi cái chết đi rồi!.

Mùa xuân năm ấy, chúng tôi tổ chức lễ cưới. Toàn thể anh chị em, người già cũng như trẻ con trong nhà hỏa táng đều đến dự. Cung văn hóa, tòa báo, bệnh viện đều đến cả. Họ đều cười, cười chảy nước mắt.

Vợ tôi đối xử với tôi rất tốt. Chỉ có một điều quy định: Mỗi ngày phải tắm rửa xong mới về nhà. Về đến nhà lại phải rửa tay hai lần. Ý của cô ta tôi biết, cô ta nghi ngờ, cho là tay tôi nhiễm phải hơi người chết. Kỳ thực, trên người cô ta cũng có mùi thuốc sát trùng, nhưng tôi cứ bảo mùi ấy dễ chịu.

Anh đến thật đúng lúc. Hôm trước, cô ta sinh cháu đầu, một cô bé cũng xinh đẹp như mẹ nó - con gái của công nhân khâm liệm cũng chẳng kém ai.

Hôm ấy, thật kỳ lạ, chồng A Nhi lại bị chết, thi hài đưa về chỗ chúng tôi. Anh ta uống rượu say lái xe giữa gió, xe lật nhào mà chết. Khuôn mặt anh ta ra sao, không nói cũng tưởng tượng được. Đặt bên cạnh anh ta còn có một chàng thanh niên. Nghe nói anh này vốn đã từng đi lao động cải tạo, nhưng lần này vì cứu một đứa bé rơi xuống sông mà chết.

Tôi lại trang điểm cho cả hai. Lúc sống chồng A Nhi cao sang biết mấy, hạnh phúc biết mấy. Anh ta chết trong sự thái quá đó. Còn cậu thanh niên đã từng là kẻ hèn hạ, nhưng chết đi lại hóa thành cao quý. Tôi đang nghiền ngẫm những ý thơ, một bài thơ về cậu thanh niên. Nghe nói một họa sĩ đã vẽ chân dung anh ta, một nhà điêu khắc đang nặn tượng anh ta, định dựng ở chỗ anh ta hy sinh.

Hai cái xác cùng tôi trong căn phòng nhỏ. Tôi nhìn họ, rất đau lòng. Cái anh chàng Lục kia coi thường tôi, khinh rẻ tôi, thế mà giờ đang chờ đợi tôi rửa ráy cho sạch sẽ những vết hoang đường. Còn anh chàng trẻ tuổi này, tôi không hề biết mặt, lúc sống chịu biết bao bạc đãi, đi trên con đường quanh co, nhưng anh ta đã lấy cái chết để

chứng minh cho giá trị của mình. Anh ta vẫn sống. Anh chàng Lục thì có lẽ nên chết từ lâu rồi. Anh ta sống cũng chẳng khác xác chết là bao. Còn tôi, hãy để cho họ bình đẳng. Với anh chàng Lục thì cẩn thận hơn vì bộ mặt anh ta rất khó coi.

A Nhi đến. Nhìn bộ mặt rách nát của chồng đã được sửa sang lại cô ta nhìn tôi cảm kích, đôi mắt đỏ ngầu. Tôi khuyên cô hãy đến gần hơn nhìn lần cuối, từ biệt anh ta. Cô khóc rồi bỏ chạy. Cô sợ người chồng đã chết, còn khi sống thì sao? Thủy chung cô yêu anh ta chăng? Chưa chắc. Anh xem. Cô ta gặp rồi lấy anh chàng Lục nhanh lắm.

Công việc của tôi vừa hoàn tất. Ở nhà gọi điện thoại đến: Con gái tôi đã ra đời. Anh xem. Tôi vừa tiễn đưa cái chết thì một cuộc sống đã đến rồi.

Tôi đi giữa đường phố lớn, nhìn ánh điện, nhìn người xe qua lại. Tôi nghĩ, hôm nay đây có bao nhiêu người biến thành hư vô, điều đó chỉ một mình tôi biết; có bao nhiêu sinh mệnh sinh thành, tôi không rõ cho dù là cái chết hoang đường, cái chết cao cả, tất cả đều không tách khỏi dòng đời. Người ta sẽ nhớ kỹ công lao những người chết dũng cảm, truyền cho mai sau. Còn cái chết bỉ ổi, cũng chỉ để trò chuyện với những cái xác lắm lời, giữa họ với nhau không có gì khác biệt lắm đâu. Trong khoảnh khắc họ không thể lớn lên, nháy mắt đã chuyển hóa. Ôi những

kẻ còn sống, hãy biết tôn trọng chính mình, nếu không những kẻ sắp ra đời sẽ đẩy anh đến trước lò thiêu.

Ái dà, sao anh không uống chè đi? Tất cả những điều tôi vừa kể, vạn lần mong anh chớ đăng lên báo.

Đăng trên tạp chí Phương Thảo
số 8, 1984
LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

TÔN HỮU ĐIỀN

HỎI ĐƯỜNG

Ông Lý ra thành phố tìm việc, định đến đồn công an khu Đông Đơn ở phía đông thành hỏi thăm nhà bạn. Đến Đông Đơn rồi lại chẳng biết địa chỉ đồn công an ở đâu. Ông tạt vào chỗ một người bên đường để hỏi. Nào ngờ ông hỏi liền mấy câu mà người kia không đáp. Lại hỏi. Người ấy chỉ vào tấm biển gỗ bên cạnh, có viết:

"Hỏi đường trả 2 hào"

Ông ngó người. Chỗ nào cũng có dịch vụ. Hỏi đường cũng phải trả tiền. Ông đành lấy 2 hào ra đưa.

Nhận tiền rồi, người ấy chậm rãi chỉ tay vào con đường cái trước mặt:

- Nhìn thấy chưa?

TRINH BẢO *dịch*

TIỀN ÂM PHỦ

Tiết thanh minh mọi người thường ra đồng thăm mộ. Thấy người coi mộ đốt tiền giấy cho người khuất. Tiền giấy thường làm bằng loại giấy thô, trên in "Tiền âm phủ", có loại 1 triệu, loại 10 triệu v.v...

Người qua đường thấy vậy nhủ rằng:

- Chậc, ở dưới ấy phát hành những loại ngân phiếu lớn như vậy mà hàng hóa buôn bán không sầm uất mới kỳ chứ!

TRINH BẢO *dịch*

TÔN THẮNG LỢI

MỘT NGÀY TRỌN VẸN

Nền xi măng phòng làm việc đang còn những vệt ẩm của chiếc giẻ cọ sàn. Như thường lệ mọi buổi sáng, tôi tự dọn dẹp lấy phòng làm việc. Một lối sống giản dị, có phần khắc khổ. Mà không cần phải phô trương, cuộc cách mạng văn hóa đã kết thúc. Là một cán bộ, muốn tồn tại trước mưa gió, tôi phải làm quen với một vài công việc bình thường, để khi cần nó sẽ chứng tỏ sự gắn bó vô tư của mình đối với cách mạng.

Trên bàn làm việc, một cái phích nước nóng, một hộp chè hoa nhài và chiếc chén uống nước làm bằng một lọ mứt thủy tinh. Hôm nọ cô bé Mộc Hà có nhận xét về tình trạng đồ dùng thảm hại của tôi và đã đề nghị mua một cái tách bằng sứ lấy ở qũy "phúc lợi" của cơ quan. Tôi từ chối ngay. Làm sao tôi lại có thể để cho Nhà nước phải tiêu tốn vào những việc vặt trong khi toàn Trung Quốc đang bắt tay vào sự nghiệp vĩ đại của công cuộc "bốn hiện đại"? Vả lại tôi cũng có lý do khác để giữ cái lọ mứt khiêm tốn của mình.

Những cái tách... tôi đã giữ lại tất cả. Chúng là bằng

chúng của những giai đoạn khác nhau trong cách mạng văn hóa, và một nhà sử học có thể đọc thấy rõ ràng.

Năm 1966, lúc mới bước chân vào con đường sự nghiệp, không may cho tôi là đã mua một cái tách trang trí hoa văn cổ truyền, những hoa phong lan. Bọn Hồng vệ binh coi đó là dấu hiệu chứng tỏ tôi còn luyến tiếc văn hóa phong kiến cổ. Tôi bèn mua một cái khác in bật câu nói nổi tiếng của Lâm Bưu:"Ra khơi nhờ tay lái vững. Làm cách mạng phải dựa vào tư tưởng Mao Trạch Đông!". Nhưng sau tháng chín 1971[1] thì không thể uống nước bằng cái tách đó nữa. Tôi lại đổi một cái khác, tráng men một dòng chữ vô hại:"Hãy luôn luôn nghĩ đến đấu tranh giai cấp". Tôi đã dùng nó một thời gian cụ thể là ở trường Bảy tháng Năm mà tôi theo học ít lâu. Sau năm 1978, tôi cảm thấy lời nhắc nhở đến đấu tranh giai cấp đó không còn hợp thời nữa. Từ đấy tôi dùng cái lọ mứt bền chắc này được đậy kín bằng một cái nắp sắt. Mọi màu sắc nhất định là có một nội dung chính trị. Màu đỏ là hiển nhiên rồi, màu xanh có vẻ Trung Quốc cũ, màu trắng gợi lên sự phục hưng. Nhưng thủy tinh, thứ thủy tinh đơn giản, hoàn toàn thích hợp với người cán bộ, giống như người cán bộ, nó không có màu sắc, nó trong suốt như cuộc đời chính trị mà người cán bộ phải có. Cái gì trong suốt thì có nghĩa

(1) Tháng chín 1971 Lâm Bưu bị hạ bệ.

là trung thực, và tôi không hề giấu giếm gì đối với Đảng. Tất nhiên một cái lọ không quai thì có thể làm bỏng tay. Nhưng không ai cấm tôi bọc hai phần ba chiều cao của lọ bằng một cái lưới đan bằng sợi ni lông đủ các màu - như vậy không có ai ghen tị cả! Tôi đã nhờ con gái tôi mua một cái lưới do những phần tử tiểu trí thức[1] làm và bán ngoài phố. Cái lưới cách nhiệt đó lại còn bảo đảm cầm không bị tuột. Vả lại thật là thuận tiện: được báo phải đi họp lập tức tôi đậy chặt nắp, nhét cả cái lọ đầy nước nóng vào chiếc túi rộng của áo ngoài, túi bên kia để bao thuốc lá. Những cái đó giúp cho tôi giết thời gian: một hơi thuốc "Công Nông Binh", một ngụm trà, thế là tôi có thể chịu đựng được những cuộc mít tinh dài nhất. Không quên cái bút máy, dấu hiệu rõ rệt của người cán bộ, hiển nhiên là cài lên túi trên của chiếc áo ngoài màu xám.

Trên mặt bàn, báo chí xếp thành chồng: Nhân dân nhật báo, Hồng Kỳ, Bắc Ninh nhật báo, Quang Minh. Đây là thời khắc tế nhị thu hút mọi sự tập trung của tôi. Ngày trước mỗi khi vùi đầu vào báo chí, tôi rót trà, và ngày nào cũng vậy, tôi để cốc nước nóng đầu tiên đó nguội đi mà chưa uống. Quá say sưa với nhiệm vụ phức tạp. Tôi phải

(1) Chỉ những học sinh trung học bị đưa về nông thôn trong thời kỳ cách mạng văn hóa, nay trở về thành thị bị thất nghiệp.

yên trí rằng đường lối không thay đổi, rằng xu hướng lúc này đã được xác nhận hay trái lại đã xuất hiện một bước thụt lùi nhỏ của một giá trị nào đó mà hôm qua còn bền vững. Đấy là không kể những bước ngoặt bất thần, một sự quay ngoặt, một sự rạn vỡ, một sự sụp đổ, hay một sự bốc cháy đột ngột. Vì vậy tôi đọc các bài báo bằng cách lướt chéo qua dòng.

Tất cả đều diễn ra ở các dòng tít, ở các câu trích dẫn bằng chữ đậm, ở những bức ảnh. Lướt qua các cột báo, mắt lim dim, nhưng đầu óc tỉnh táo như một máy tính. Đưa mắt qua các trang, ghi nhận khẩn trương, phân loại và sàng lọc những sự thay đổi và những cái xuống dốc. Trước hết là trang nhất. Hãy nhìn bức ảnh. Nhân vật ở giữa là người quan trọng nhất, thứ đến là người bên trái rồi đến người bên phải, và tiếp đấy là những người xung quanh. Trên những bức ảnh chụp cả nhóm đó, hãy ghi nhớ sự thay đổi vị trí của các nhân vật từ số báo này qua số báo khác, những người được dịch lại gần hay ra xa mặt trời trung tâm. Đối chiếu với những điều ghi chép của tôi. Nhân vật nào xuất hiện một mình càng nhiều thì ngôi sao của y càng lên cao. Hãy quan sát danh sách những người có mặt trong các buổi tiếp tân, trong các hội nghị toàn quốc hay hội nghị cấp tỉnh, ghi nhớ những người vắng mặt - những kẻ đó luôn luôn là sai lầm - ghi nhớ thứ bậc trong

danh sách các tên.

Cuốn sổ tay cá nhân của tôi mở trên mặt bàn, tôi lật từng trang, so sánh các tít ngày hôm nay với những tít ghi chép tuần trước. Kìa hôm nay người ta không "Học tập Đại Trại" trên dòng tít về nông nghiệp nữa. Cũng không nhắc đến Đại đội sản xuất Quang Vinh trong bài. Kỳ lạ thật. Một sự thay đổi chăng? Lập tức phải xem các báo khác. Thật rõ ràng: trong sáu bài viết về nông nghiệp hôm nay không có một bài nào nói về Đại Trại, tôi xem lại sổ tay: tuần trước có nhắc tới 46 lần, hôm nay không còn gì nữa. Biết vậy. Tôi ghi chép sự biến động đó. Đọc tiếp nữa... Và trong khi chờ đợi, hãy thận trọng! Tôi sẽ không bị mắc sai lầm. Tôi mỉm cười và thoải mái nhấp ngụm trà đầu tiên. Tôi đã phát hiện một vật chướng ngại. Tôi biết cách đi vòng để tránh. Đây là điều lo lắng của người cán bộ: bị bất ngờ trước một bước ngoặt không rõ ràng và húc đầu vào tường. Thật khủng khiếp! Phải biết hãm phanh đúng lúc.

Bây giờ tôi có thể rót một chén trà thật nóng. Trong khí lạnh ban mai của văn phòng ảm đạm, chén trà bốc khói và sưởi nóng bàn tay của tôi một cách dễ chịu. Tôi giở ngược lại cuốn sổ tay của tôi. Đây là giai đoạn hai của buổi làm việc sáng. Ở đây tôi ghi hàng ngày thứ bậc của những nhân viên cấp dưới, thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

Tôi có thể dựa chắc chắn vào ai. Ai là kẻ không nên tin cậy? Qua mỗi lần quay ngoắt, tôi phải xem lại các phích, xác định cụ thể việc chọn những ké thí mạng cho mình. Tùy theo những buớc ngoặt truớc mắt, mà có thể phải thay đổi kẻ thí mạng. Kẻ thí mạng sử dụng trong mọi truờng hợp, trong mọi thời gian, chua đuợc phát minh ra. Cách tự vệ tốt nhất là tấn công, luôn luôn phải có sẵn một kẻ thí mạng phòng khi đường cùng, chớ có bị động ngồi chờ kẻ thí mạng có sẵn từ trên trời rơi xuống, mà phải chăm bón nó một cách tích cực.

Các hệ thống thứ bậc riêng tư đó, thường xuyên được rà lại, sẽ trở thành mơ hồ và vô tác dụng, nếu tôi làm như mọi cán bộ khác, là không có trong tầm tay một kho vũ khí khen thưởng và trừng phạt. Trong cái triều đình nhỏ bé của những người ủng hộ tôi, chẳng hạn có ông già Trương đang cần phiếu mua giường tủ. Đó là để cho con gái ông sắp lấy chồng. Là phần tử tiểu trí thức được trở về Bắc Kinh một cách tương đối hợp lệ, con bé chỉ có toàn bộ tài sản là quần áo mặc trên người. Mụ vợ của Lâm muốn có một gian buồng rộng hơn. Chàng Bằng đang muốn chuyển sang bộ phận khác. Những điều đó đều được ghi lại. Tôi vừa nhận được vài cái phiếu phân phối giường, tôi phải để ngay một cái sang bên cho ông Trương. Những cái khác sẽ được phân phối cho người cần nhất theo thứ

tự trong danh sách đăng ký. Hay có thể rút một cái phiếu mua bếp hơi không đưa ra phân phối, đó là vàng ròng đấy. Tôi giữ làm dự trữ phòng khi gây cấn, ví như để vô hiệu hóa một đối thủ chẳng hạn.

Tôi gấp sổ tay lại. Đã đến giờ đi thị sát các phòng làm việc. Một vài câu nói riêng với từng người thân cận để hiểu nhu cầu của họ, những vấn đề của họ. Nói chuyện, tạo nên một không khí cởi mở khiến cho họ kể những chuyện vặt, những chuyện vỉa hè. Biết mọi cái đã nói, đã làm và đang chuẩn bị sau lưng tôi, đấy gọi là "nghe ý kiến quần chúng". Tôi khuyến khích tay chân của tôi tập trung tinh lực vào công việc "điều tra xã hội" đó.

Những kẻ nghi ngờ tôi, chơi con bài khác thì tôi đẩy cho chúng làm việc cật lực vì cách mạng, cống hiến hơn sức mình để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước hết chúng sẽ có ít thời gian để gièm pha mưu đồ chống lại tôi. Vả lại "chỉ những kẻ không rửa bát mới không đánh vỡ chén". Chúng làm việc càng nhiều thì càng có khả năng phạm sai lầm, những sai lầm đó được tôi ghi lại cẩn thận trong sổ tay. Tôi kiên nhẫn chờ đợi sự đổ bể, điều đó không thể tránh được. Và thế là đúng.

Người ta không đoán ra, nhưng trong một nước như nước chúng tôi, cái nghề cán bộ Đảng là một nghề tự do. Đấy là nghề tự do duy nhất. Mỗi cán bộ phải tạo cho

mình một khách hàng riêng, nếu không y sẽ không là cái gì cả vì chỉ tồn tại theo ý muốn của cấp trên mà thôi, không có gốc rễ, y sẽ không nặng đồng cân. Về phần tôi, tôi có sức nặng của 30 người mà tôi nắm được và họ giữ tôi ở chức vị này. Dưới mắt các thủ trưởng của tôi, tôi xứng đáng với sự ổn định mà tôi giữ được trong cơ quan. Được bảo đảm như vậy, tôi không thể bị đá đi do sự thay đổi ý kiến của cấp trên. Trong trường hợp nào người ta cũng phải cân nhắc kỹ. Chứ không phải như cái thứ cán bộ ấm ớ, không bạn bè không chỗ dựa bên dưới, không có kẻ thí mạng. Cấp trên đặt họ lên bàn cờ biết trước có thể hy sinh họ bất cứ lúc nào, cấp dưới cũng biết là họ ấm ớ, và điều đó càng thúc đẩy tham vọng của cấp dưới.

Cuối cùng tôi đã có trong tay một danh sách trừng phạt và khen thưởng tương đối rộng rãi. Một sự biểu dương, một sự thuyên chuyển chẳng hạn, khác với một lời khiển trách, một sự đề bạt, một sự thất sủng, một sự che chở. Tôi có thể thuyên chuyển một người vào một nhiệm vụ khó khăn hay ngược lại vào việc dễ dàng, đưa họ vào một đội công tác với những kẻ thù địch hay ngược lại vào một nhóm bạn bè. Cách đây không lâu, anh chàng Hoàng làm việc rất gắn bó với tôi, đã phê bình Đặng [1] một cách quá hăng, khiến sau khi Đặng trở về tôi buộc phải giáng

(1) Tức Đặng Tiểu Bình.

cấp hắn ta. Tôi điều hắn tới một đơn vị khác làm giảng viên thông thường. Nhưng ở đó không ai biết hắn. Hồ sơ về hắn mà tôi cung cấp hoàn toàn chung chung, với một chút thận trọng hắn có thể làm lại sự nghiệp nhanh chóng. Đấy mới là tình bạn.

Mọi việc đều diễn ra như trong gia đình. Ở chỗ tôi, tình hình yên ổn và cuối cùng mọi người đều biết ơn, ngay cả những kẻ mà tôi phải trừng phạt. Như vậy chúng ta đã tránh được những đổ vỡ nghiêm trọng hơn có thể làm hại cả một đời chúng. Tôi có thể tự hào mà nói rằng trong những năm đen tối của cách mạng văn hóa chỉ có một người dưới quyền tôi là thực sự phải chịu sự khủng bố đang tràn lan. Đây là một phần tử phái hữu cũ từ năm 1957, đã bị tố giác vô khối lần, và không ai có thể làm gì cho y, kể cả tôi. Nếu tôi bao che thì tất cả mọi người đều nguy khốn. Anh ta là kẻ thí mạng lý tưởng, và anh ta biết điều đó. Anh ta đã hợp tác một cách thực sự, vì lợi ích của mọi người, như vậy tránh có thêm nạn nhân vô tội. Ngày nay anh ta đã trở về với chúng tôi, hơi dạn dày một tí vì công việc đồng áng. Tuy không ai nói ra, nhưng thực lòng, mọi người đều cám ơn anh ta. Và vì anh ta tự gánh chịu nên không ai phải gánh vác trách nhiệm về việc đó cả. Tôi không bao giờ trừng phạt vô lối hay chỉ để cho thỏa thích. Chỉ trừng phạt khi không thể làm khác được.

Biểu lộ sự đoàn kết với kẻ đã hỏng, chỉ đem lại hậu quả duy nhất là lôi kéo tôi hỏng theo, và không ai có lợi cả. Khi mà tôi còn có thể che chở cho một người nào thì tôi còn làm, và nếu chỉ còn lại một người thì đó sẽ là tôi.

Người cán bộ tốt chính là người không để nói nhiều về mình. Điều đó tất nhiên đòi hỏi phải biết kìm bớt tham vọng. Về phần tôi, sau tất cả những năm cống hiến phục vụ Đảng, tôi chưa bao giờ hiểu được lý do của những kẻ cơ hội. Chỉ cần nhìn xung quanh cũng đủ thấy rằng không có cái gì nguy hiểm hơn là sự tham lam quyền lực quá đáng. Tôi đã thấy biết bao kẻ trẻ tuổi điên đầu lao vào giành những chức vụ cao trong Đảng, để rồi rơi xuống một cách thảm hại! Biết bao kẻ đã gẫy răng vì tham gặm quả xanh! Tôi không khuyên một đứa con nào của tôi chạy chọt quá nhanh lên các chức vụ cao. Chỉ cần leo từng bước lên các bậc thang vừa tầm mình. Tôi sẵn sàng bằng lòng là một cán bộ nhỏ không có chuyên môn như Đảng đã có hàng triệu người như vậy, và không có những cán bộ đó, tôi chắc rằng Đảng sẽ không là cái gì cả.

Buổi chiều tôi giành cho hội họp. Tôi luôn luôn coi rằng đặc tính chủ yếu, và có thể nói là tự nhiên, của người cán bộ là thích hội họp. Người nào không thích họp, hay tệ hơn là sợ họp. sẽ không bao giờ trở thành người cán bộ tốt. May mắn là tôi lại thích họp. Phải bắt mọi người

hội họp luôn. Hai, ba, bốn cuộc họp một tuần đối với một nhân viên thường không phải là quá đáng. Đối với một cán bộ thấp nhất thì mười cuộc họp. Còn tôi thì phải nuốt khoảng hai mươi cuộc họp. Nhiệm vụ đầu tiên tất nhiên là theo dõi sự truyền đạt chính xác các chỉ thị của Đảng. Nhưng không phải chỉ có truyền đạt, như vậy đơn giản quá. Phải làm sao cho mọi người đều tham gia.

Không được phép để người nào đứng ngoài cuộc thảo luận, trung lập bàng quan hay thụ động. Chủ nghĩa xã hội là nền dân chủ rộng rãi nhất, và mỗi người đều phải phát biểu nhất trí với đường lối của Đảng.

Phát biểu cho Đảng, đúng thế, nhưng cũng là phát biểu để không nói gì cả; đấy là điều mà người cần bộ phải chỉ dẫn cho quần chúng của mình. Phải nhất trí rằng: vai trò của tôi không phải là để tiếp nhận một sự đồng ý chân thành, điều đó đối với tôi là vô nghĩa, quá nồng nhiệt, quá say sưa, quá chính xác trong sự tiếp nhận một đường lối thường hay thay đổi là điều có hại cho mọi người. Không, tôi theo dõi mọi việc diễn ra đúng hình thức một cách tỉ mỉ. Có thể nói là mọi người đều nhúng vào, nhưng chỉ ướt có đầu ngón chân. Như vậy tôi có thể viết một bản báo cáo tốt lên cấp trên: họp bao nhiêu giờ, bao nhiêu người phát biểu, tất cả đều nhất trí, mọi người đều phát biểu để tán thành chỉ thị vừa ra và vận dụng ngay lập tức.

Chọn bất cứ lý do nào để hội họp là cả một nghệ thuật. Chỉ có một vấn đề cần thảo luận, tôi triệu tập một cuộc họp ủy ban hẹp với những người thân cận, một cuộc họp dành cho đảng viên, một cuộc họp mở rộng triệu tập đến quần chúng tích cực và cảm tình Đảng, rồi cuộc họp mở rộng đến cán bộ ngoài Đảng. Cuối cùng là cuộc họp toàn thể. Vừa chấp hành chặt chẽ kỷ luật Đảng, tôi có toàn quyền tổ chức một cách hợp pháp mọi thứ hội nghị mà tôi thấy cần thiết với những ai mà tôi muốn. Những kẻ ác ý có thể cho rằng tôi tổ chức những cuộc họp bè phái. Đấy là những lời công kích chính xác, nhưng hoàn toàn không có cơ sở.

Mọi người đều biết rằng về thực chất, mọi cuộc họp đều mang tính chất bè phái. Họp lại tức là loại trừ !

Hơn nữa, may mắn làm sao, tôi chỉ còn phải lo đến việc theo dõi đạo đức xã hội chủ nghĩa của quần chúng thôi. Trong mười năm vinh quang vừa qua, một trong những đặc quyền quan trọng của tôi là ngăn cản sự thoái hóa tư sản thâm nhập vào cơ quan. Tôi đã thoát khỏi một cách tốt đẹp, vì đấy là thời kỳ Đội công nhân tuyên truyền hoành hành ở Viện. Trong những dịp đó, tôi luôn luôn là người đề cao vai trò ưu việt của giai cấp công nhân và đẩy những đại biểu ưu tú của nó tiến vào các cơ quan của chúng tôi. Chẳng phải đơn vị của giai cấp tiền phong đó

là những người có khả năng nhất để uốn nắn lại tư tưởng lung lay, của tầng lớp trí thức khốn khổ chúng ta đó hay sao?

Các thành viên của đội nói chung hoàn toàn mù chữ, điều đó không cản trở họ trong công tác chỉ đạo giáo dục, vì chủ yếu là họ phải làm tròn chức năng cảnh sát đối với công nhân viên.

Nói chung họ rất thích thú khi người ta mời họ đến để đại diện cho đạo đức vô sản. Ông công nhân lão thành họ Lý đã nắm được tầm quan trọng về vai trò của mình. Trong một cuộc họp phê bình đáng ghi nhớ, ông đã nghiêm khắc phê phán thái độ quá dễ dàng, quá dễ dãi của một số chị em: không được đùa với những việc đó, ngay cả khi vợ chồng ăn nằm trên giường, cũng phải tỏ ra nghiêm chỉnh và có ý thức cách mạng! Tôi thấy như vậy là hơi quá đáng, nhưng từ mồm ông Lý nói ra thì không sao cả.

Bây giờ, trừ những việc nghiêm trọng và hiếm hoi như một vụ cưỡng dâm, những quan hệ thân mật giữa một giáo sư và học sinh, hay một vụ ngoại tình quá lộ liễu và tai tiếng, còn thì tôi không bao giờ can thiệp vào đời tư của nhân viên nữa. Tôi chỉ hạn chế trong sự theo dõi việc giải thích chính sách dân số của Đảng và phân phát các câu hỏi hàng quý về vấn đề hạn chế sinh đẻ. Mỗi người phải ghi câu trả lời vào từng cột và chuyền cho người khác.

Phải trả lời hết mọi câu hỏi: Đồng chí kết hôn từ bao giờ? Khi nào đồng chí định có con? Đồng chí áp dụng phương pháp ngừa thai nào? Mỗi tuần đồng chí có quan hệ tình dục mấy lần? Lần đầu tiên nhận được tờ khai đó, các nhân viên đều lấy làm sung sướng và ngạc nhiên thấy Đảng cho phép có quan hệ tình dục hàng tuần. Rồi tất cả đều chép lại câu trả lời theo con số của người ghi đầu tiên. Nếu người này ghi hai mươi hay ba mươi lần, tôi tin rằng tất cả cũng đều ghi như vậy. May làm sao, tôi đã cẩn thận đưa tờ khai trước tiên cho một người thân cận và khẽ rỉ tai trước con số thích hợp (một hoặc hai lần).

Mỗi tuần tôi có hàng chồng báo cáo phải viết. Báo cáo về mọi mặt nghiệp vụ, về sinh hoạt chính trị, về số đơn xin gia nhập Đảng, xin gia nhập Đoàn, bao nhiêu cuộc họp trong tuần, bao nhiêu quần chúng cảm tình để trình bày bao nhiêu báo cáo chính trị? Có bao nhiêu báo cáo về lòng trung thành với Đảng và với tư tưởng Mao Trạch Đông (họ phải làm mỗi tháng ít nhất là một lần)? Về lĩnh vực này số lượng trọng hơn chất lượng, con số của tôi càng cao thì càng tốt.

Báo cáo về những sự thuyên chuyển. Báo cáo về giáo dục đạo đức và chính trị trong sinh viên, cho cán bộ ngoài Đảng, cho cán bộ trong Đảng. Những báo cáo giao cho cấp dưới làm và tôi tổng hợp lại, báo cáo tự tôi thảo ra,

báo cáo về các báo cáo của tôi. Một khối công việc bề bộn khiến tôi phải thức rất khuya.

Đã sắp đến mười một giờ. Lại thêm một ngày trọn vẹn nữa. Trước khi đi ngủ tôi giở tập giáo trình ra. Làm chủ nhiệm khoa Anh ngữ từ mười năm nay, tôi vẫn không nói và không đọc được thứ tiếng đó. Vì vậy các buổi tối, tôi đều dành mười phút để học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và góp phần nhiều hơn vào thắng lợi của công cuộc "bốn hiện đại hóa".

ĐÀO HÙNG *dịch*

TRIỆU ĐẠI NIÊN

MÀU XANH

Không biết tự hôm nào tôi thường chăm chú nhìn sang ô cửa sổ màu xanh ấy.

Khi dừng bút để nghĩ ngợi xa xôi, lúc giải lao hút thuốc, khi lần tìm trong ký ức hay lúc mở cửa đón gió... bất giác hình thành thói quen đưa mắt nhìn khung cửa sổ màu xanh ở phía xa xa. Như người phát hiện ra ốc đảo giữa sa mạc, tôi cảm thấy kỳ quái, không hiểu vì sao như vậy.

"Nhìn kìa, thật là sáng sủa tươi mát!".

Tôi kéo vợ ra ban công, chỉ sang ô cửa màu xanh kẹp giữa tầng lầu bốn phía đối diện.

"Nhà ai thế không biết? Trồng đến là nhiều hoa!".

"Không phải là hoa. Anh đã nhìn kỹ hàng trăm lần rồi, ngoài màu xanh ra, chẳng còn màu nào khác đâu".

Cô ấy cũng nhìn chăm chú: "Vẫn có những màu khác".

"Màu xanh cũng có đậm, nhạt, non, già, sâu, nông, sáng, tối, rất nhiều gam màu. Em nhìn kỹ xem, có màu xanh nhạt, xanh bóng mượt, xanh mực, xanh biếc, xanh vàng nõn, xanh vàng nhạt...".

Cô ấy cười: "Quả nhiên anh nhìn rất kỹ! Có thể phân biệt nhiều gam màu xanh đến thế!".

Vợ tôi là bác sĩ, cô ấy nhìn khuôn cửa sổ màu xanh nọ, trầm ngâm một lúc rồi quả quyết rằng: "Chủ nhân của ngôi nhà ấy nhất định phải là thầy thuốc nhãn khoa".

"Em biết người ta à?".

"Không. Vì nhìn màu xanh có thể sáng mắt. Thầy thuốc nhãn khoa khuyên nên nhìn màu xanh".

Sau lần trò chuyện ngắn ấy, mỗi khi vợ tôi đi làm về thường cùng tôi ra ban công nhìn màu xanh. Ngoài chiếc cửa sổ màu xanh ấy ra, hai chúng tôi còn thi nhau phát hiện các "miền đất mới". Nhìn kìa, những cây dương liễu, cây hoa mới trồng ven đường; những cây táo, cây du, những giàn nho của khu nhà bên cạnh; những cây thông xanh, cây bách cổ thụ quấn quýt quanh chiếc tháp trắng Bắc hải; những cây hợp hoan, ngân hạnh vây quanh Trung nam hải... Chỉ cần bỏ công tìm tòi, thành phố Bắc Kinh cũng không thiếu gì ốc đảo.

Vợ tôi còn cho biết thêm: Nhìn màu xanh, nhất là đưa mắt nhìn màu xanh um của những ốc đảo có thể chữa bệnh cận thị của tôi, thậm chí còn phòng được chứng mỏi mắt, rèn luyện tính tình, làm chậm lại quá trình lão hóa về tình cảm! Cô ấy có căn cứ để nói rằng: "Màu xanh đại biểu cho hòa bình, cho sứ giả và hy vọng, cây đời chẳng

luôn xanh tốt đó sao?".

Các khu nhà ở Bắc Kinh thường vuông vức, toàn màu xám. Phần lớn các cao ốc mới xây dựng, ngoài những bước tường màu xi măng vốn có ra là màu gạch đỏ, hình dáng bên ngoài trông giống những chiếc hộp diêm, chất phác nhưng không đáng yêu, hoặc có thể nói là đơn điệu, cứng nhắc thật khó coi. Bởi vì tôi ngồi trong căn phòng giống như cái tổ chim câu này, suốt ngày vùi đầu vào viết lách, nhức đầu nhức óc, rất ít khi ra ban công ngắm phong cảnh. Ôi! Cái thành phố Bắc Kinh này, phong thì luôn có nhưng cảnh thì lại không nhiều. Bây giờ không thế nữa rồi, từ khi phát hiện ra rất nhiều ốc đảo, lại hiểu được cái hay cái tốt của việc nhìn màu xanh, đôi mắt tôi đã có mục tiêu, đã có chỗ gửi gắm; luồng suy nghĩ của tôi cũng mọc thêm đôi cánh màu xanh.

Tôi vẫn luôn đoán xem chủ nhân của ô cửa màu xanh kia rút cục là ai? Những chiếc bồn, chiếc chậu bày la liệt trước cửa trồng những loại cây nào? Tôi xem xét kỹ càng, phát huy trí tưởng tượng của văn học mới đi đến phán đoán sơ bộ: mấy cái chậu đẹp đẽ cao vút kia nhất định là tản trúc, những cái đầu người đẹp tóc dài kia, đại khái là phong lan, giống có lá to bản lấp lánh sáng phần lớn là vạn niên thanh; những sợi nhỏ như sương như khói kia chỉ có thể là văn trúc... Nhưng người nuôi trồng chăm sóc

chúng lại như có trái tim bằng sắt, suốt ngày suốt đêm ẩn náu trong căn phòng được tầng tầng lớp lớp lá xanh làm tôn lên vẻ đẹp, không chịu lộ diện. Có thực ông ta là bác sĩ nhãn khoa chăng? Tôi lại muốn ông ta là một họa sĩ. Không, nếu như người ấy là một phụ nữ thêu thùa, ngày ngày tựa cửa thêu nên những tấm gấm đoạn màu xanh lại chẳng có ý thơ hơn hay sao? Hoặc giả người ấy là một cô bưu tá áo xanh, xe xanh, sáng sớm mỗi ngày sau khi đã tưới cho những chậu cây xanh quý báu liền vội vàng đi làm, đưa thư đưa báo đến từng nhà...

Có lẽ do sự gợi ý của ô cửa sổ màu xanh, mà sau giờ làm việc vợ tôi thường mua một hai chậu Tiên nhân chưởng hoặc Tiên nhân cầu mang về nhà, đặt ở trước cửa sổ, bàn làm việc của tôi, để cho tôi, vị thầy tu này, hễ ngước mắt lên là nhìn thấy màu xanh. Tích lũy qua ngày tháng đã bày kín trước cửa sổ, phát triển cả ra ban công. Tôi không nhớ được tên của chúng, đại loại như Bá vương tiên, Lang nha bổn, Thanh đồng trùy... chẳng văn hoa mà cũng không đẹp đẽ, đã thế lại mọc đầy những gai. Tôi dứt khoát gọi chúng chung cái tên là Xương rồng. Tại sao vợ tôi lại chỉ thích Xương rồng? Thì ra tôi vốn rất lười, cầm đến bút viết là quên cả việc nhà, đương nhiên là càng không nhớ đến việc thay nước đúng kỳ cho loại hoa cỏ tươi non đại loại như Thủy tiên được. Thêm vào đó, ban công nhà tôi

lại quay về hướng Bắc, âm u như trong khe núi, quanh năm không có ánh mặt trời. Cho nên, chỉ có thể chơi những loại cây có sức sống thật mạnh mẽ, chịu được gió và khô hạn. Cây Xương rồng tuy tướng mạo xấu xí nhưng vẫn là loại cây xanh. Mục đích là nhìn màu xanh cũng nên coi nó là đồng loại chứ sao!

Cửa sổ màu xanh đối diện lại quay về phía mặt trời khiến tôi phát ghen lên được. Sáng nay gió thu mát rượi, thật là gặp may. Chủ nhân của ô cửa sổ màu xanh đã xuất hiện ngoài ban công! Tôi vội vàng chạy ra ban công nhà mình, từ khoảng cách xa vài chục mét, dùng ánh mắt để chào hỏi. Thì ra đó là một cụ già đầu râu tóc bạc, tuổi lục tuần hay thất thập cổ lai hy? Có lẽ là già hơn một chút. Cụ vịn vào thành lan can bước chuệch choạng một vòng quanh ban công. Nhìn không rõ là cụ thở gấp hay thở dài, nói vào trong nhà vài câu rồi đấm đấm vào ngực ho một tràng dài. Sau đó, liền trong mấy ngày đều trông thấy vài thanh niên nam nữ dựng cột, lắp chấn song và kính vào ban công. Dùng đáy ban công tầng 5 làm trần nhà, lan can ban công tầng 4 làm cột đỡ, tường bao, khéo léo biến cái ban công nhỏ xíu không đến 4 m^2 thành một cái "gác xép kiểu Bắc Kinh" ba bề là cửa. (Xin thứ lỗi cho, tôi thực không biết gọi đúng tên của nó là gì).

Nhất định là vì mùa đông sắp tới mới chuẩn bị trước

cho những sinh vật màu xanh đáng yêu kia một tổ ấm nhỏ! Tôi thật khâm phục tấm lòng yêu quý màu xanh của cụ già.

Quả nhiên, những chậu, những bồn tản trúc, phong lan, vạn niên thanh, văn trúc, giải trảo liên, quân tử lan to nhỏ đều đã được chuyển vào căn phòng ấm cúng bé xíu ấy. Cửa sổ màu xanh đã phát triển thành nhà kính ấm áp màu xanh. Chỗ ấy tốt quá! Ánh sáng càng đầy đủ, trời đất rộng lớn hơn, tưới nước càng dễ dàng hơn, lại che chắn được gió tuyết mùa đông. Không tả hết được cái hay, cái tốt của nó. Mà nếu như, hoa băng lại đóng đầy trên cửa kính thì cái màu xanh của căn phòng ấm đó lại càng trở nên đẹp đẽ biết bao! Nó khiến tôi suy nghĩ miên man, liên tưởng đến rừng chè mờ sương trên sườn núi của vùng chè Lư Sơn; đến những cây dừa chống trời ở vườn bách thảo Quảng Châu; đến thảo nguyên mênh mông ngàn dặm ở Nội Mông; đến cảnh sắc mê hồn "lá sen liền với trời xanh ngọc" bên bờ hồ Động Đình. Những nơi đó đều là vương quốc của màu xanh. Tại sao người Bắc Kinh không chịu chuyển đến những nơi ấy mà lại cứ thích chen chúc trong cái thành phố lớn huyên náo này? Khiến tôi phải thông qua màu xanh để tìm bạn. Tuy rằng so sánh thấy mình kém hơn, tôi vẫn cứ đem tất cả các loại xương rồng ra bày trên bao lơn ban công để đáp lại từ xa, mong được

cụ già ở căn phòng màu xanh ấy đưa mắt nhìn sang chỗ tôi bên này nhiều hơn một chút.

Nhưng mà cụ già coi thường những cây xương rồng của tôi nên chẳng thèm mở cửa ló cái đầu râu tóc bạc ấy ra vài phút. Điều này cũng chẳng làm ảnh hưởng đến tình bạn giữa tôi và cụ. Tôi vẫn có được một số mặt thỏa mãn về tâm lý vì rằng hàng ngày tôi vẫn nhòm thấy cái đầu bạc trắng như cước của cụ thấp thoáng vài lần sau những giò phong lan đẹp như mái tóc người đẹp vậy.

Mấy ngày nay, bỗng nhiên không trông thấy cụ già tóc bạc trong màu xanh um tùm ấy nữa. Lẽ nào cụ sợ lạnh thụt vào trong buồng ngủ được sưởi ấm, nỡ lòng không chịu ra tưới nước, bón phân cho các chậu cây cảnh? Hay là cụ đến nhà con trai, con rể chơi vài ngày nói chuyện vui về luân thường đạo lý? Hay là cụ ốm liệt giường? ... Ôi! Cửa sổ màu xanh, cái gác xép Bắc Kinh màu xanh ấy lại làm nhiễu mạch văn chương của tôi, khiến tôi luôn phải ngừng tay bút.

Tôi năn nỉ vợ: "Em là bác sĩ, lẽ nào lại không thể chủ động đến thăm ông lão ở cái cửa sổ màu xanh của tòa nhà đối diện hay sao? Anh đoán rằng cụ đã ngã bệnh!".

"Thế ra anh còn chưa biết cụ già đầu bạc đã qua đời rồi hay sao?".

"Cái gì? Sao lại như vậy được!". Tôi vội vã đến nỗi nói

năng chẳng còn mạch lạc: "Trong căn gác xép ấy toàn là sinh vật màu xanh, dưỡng khí đầy đủ...".

Vợ tôi cười buồn bã: "Cháu gái cụ sắp kết hôn, cháu dâu cụ lại sắp đẻ, cái căn hộ nhỏ tẹo ấy chứa không hết người, chẳng thể nào mời nhà văn Lão Xá viết về Tứ đại đồng đường một lần nữa. Cho nên bọn trẻ đã đẩy cụ già ra ở ban công".

"Té ra dựng một phòng kín ấm nhỏ... là để cho người ở!".

"Phòng ấm cái quái gì! Chẳng che chẳng đậy, bốn mặt gió lùa, cụ già mắc bệnh viêm phổi".

Tôi chẳng còn muốn hỏi tiếp nữa. Vợ tôi làm sao lại biết được cặn kẽ như vậy? Hay là cô ấy đã từng đến đó khám bệnh, có lẽ là do hàng xóm công khai trách móc con cháu cụ bất hiếu... Hay là, sau khi già lão, nên ra ở ngoài ban công!

Tôi chăm chú nhìn rất lâu vào căn gác xép màu xanh đó. Không rõ cụ già trên cõi tiên kia có còn để lại bà vợ góa bụa? Càng không biết căn gác xép ấy có còn một lần nữa trú ngụ một cụ già tóc bạc hay không?

Sau đó ít lâu tôi không còn muốn nhìn căn gác xép ấy nữa... Làm trai chí ở bốn phương. Những người trai trẻ chúng ta tại sao lại cứ muốn nằm lỳ trong thành phố, giữ

nhà, đến nỗi đẩy cụ già ra ngoài ban công?

Dù sao, tôi vẫn có thói quen nhìn màu xanh. Trước mắt, luôn hiện lên giấc mộng màu xanh: thành phố Bắc Kinh phải khẩn trương lục hoá! Mỗi khi phá đi một khối nhà vuông vức kiểu cũ màu xám xịt để xây nên một tòa nhà mới hãy dành ra một khoảng đất trống để trồng cây cỏ.

Rất nhiều ô cửa sổ nhỏ màu xanh sẽ chìm ngập trong một rừng cây Tang, Du, Hoè, Táo, Dương liễu, Tùng, Bách.

TRƯƠNG TƯ HIỀN *dịch*

TRÌ LỢI

NGUYỆT HẢO

Phía trên sông Tương, một vầng trăng mới mọc, như mỉm cười. Sậy và cát mù mịt dọc triền sông, nhà và thung lũng sương mù thì có một vẻ đẹp lộng lẫy, yên ấm và trong sáng. Vầng trăng quê mẹ mới đẹp làm sao! Tỳ tay vào lan can boong tàu, tôi ngắm phong cảnh tươi xinh, tim tôi rối bời và thắt lại. Mười chín năm trôi đi trong nháy mắt, trán tôi đã hằn những nếp nhăn. Tôi không thể không nhớ đến một câu thơ cổ: *Thiếu tiểu ly già, lão đại hồi, Hương âm vô cải mấn mao tồi*[1].

Chẳng xa mấy, tôi đã nhận ra một chiếc bè nhỏ, có hai mái chèo, rạch nước, hằn lên những làn sóng bạc. Tôi không bao giờ xóa nổi ảnh hình cái bến nước bữa nay, tôi và mẹ tôi đã vượt sông mỗi lần đi thăm bà con thân thuộc. Một chiếc tầu gỗ đang tiến về phía chúng tôi, gió đang thổi lộng cánh buồm lụa trắng, một người đàn bà đang quỳ lau sàn tàu và cất giọng hát:

Đứng xững chần chừ chàng bỗng nhảy, Bước nhảy chùn chùn vài gang tay...

(1) Lúc trẻ rời quê, già trở lại. Tiếng làng còn giữ, tóc hoa râm.

Chị ấy đang hát bài dân ca: Anh chồng tí hon. Tôi bật cười chua chát. Và tự bảo, xuýt nữa tôi cũng là anh chồng tí hon đấy chứ! Năm đó, Nguyệt Hảo còn lớn hơn chị cả của tôi đến ba tuổi, cao hơn tôi hẳn một đầu. Sáng sáng, chị đuổi theo tôi khắp nhà, chỉ để tết bím tóc cho tôi.

Nguyệt Hảo là một cô gái bất hạnh; từ năm tuổi, chị đã đến nhà tôi. Chị là con một của một người bà con xa. Cha mẹ tôi đã nuôi chị để chăm sóc chị tôi, nhưng thực ra là để làm vợ chưa cưới của tôi sau này. Nếu như chị thành vợ thành chồng với tôi, cha mẹ tôi có thể giành dụm thêm và chỉ phải cho chị học sáu năm ở bậc tiểu học. Nhưng Nguyệt Hảo, mặc dù đã được dậy bảo, chị vẫn cứ dụt dè. Chị chẳng bao giờ dám nhìn lên và thường hay lấy tay vân vê tà áo miệng thì lắp bắp: Vâng ạ, thưa mẹ! Chị săn sóc tôi, ngày qua ngày, năm qua năm, theo ý của mẹ tôi. Cho đến lúc đã học trung học, tôi vẫn còn nhờ chị mặc áo cho. Sau này, tôi đỗ vào trường Đại học Sư phạm ở Thượng Hải, lúc ra đi, đầu ngẩng cao, hãnh diện như một con công. Tôi không lấy Nguyệt Hảo. Mười chín năm chị đèo đẽo bên tôi, tôi hầu như quên tiệt.

Lúc học ở đại học, tôi giành các kỳ nghỉ hè để học, mong đạt điểm cao, và tôi chỉ quay lại nhà năm năm sau. Năm 1968, cha mẹ tôi nối tiếp qua đời, tôi cũng không về nổi, vì lúc đó, tôi đắm đuối với một người vợ chưa cưới,

một cô gái Thượng Hải và đang chờ được phân công làm một cán bộ Nhà nước. Rồi tôi làm giáo viên tiểu học ở một ngoại ô thị xã, thuộc tỉnh Giang Tô. Chúng tôi phải sống xa nhau, và để trở lại làm việc ở Thượng Hải, tôi phải dồn hết tinh thần và vật chất suốt mười hai năm với tất cả tiền tôi có. Ở Thượng Hải, tôi xoay sở để chăm chút cho ngôi nhà và mấy đứa con. Những năm gần đây, ở Thượng Hải, ai cũng bị cuốn vào làm cho gia đình hiện đại. Vợ tôi là người chẳng bao giờ thỏa mãn và luôn luôn nổ bùng như núi lửa. Cô ta chẳng để tôi yên phút nào, không ngừng rầy la tôi, miệng sắc lém như dao. Tiền! Tất cả chi chung quanh chuyện tiền! Tôi cố chịu đựng, nhượng bộ, chịu đau khổ nhiều năm, cố để cô ấy lại dịu dàng như trước, và thực ra, là muốn bù đắp cho vợ tôi những năm xa cách. Một cặp vợ chồng không có tình yêu, làm sao sống nổi. Ôi trời, mười chín năm khác nào một gánh nặng, tôi héo hắt, làm gì mà còn tâm trí nghĩ đến người khác. Tôi thư từ rất ít cho các chị tôi, về phần Nguyệt Hảo, chị thứ năm của tôi, nói rất ít về hoàn cảnh của Hảo, trong một những bức thư của chị, gửi sau khi chôn chất cha mẹ tôi về cô ấy, tôi chỉ biết có thế!

Tôi trở về lần này, bởi, trong bức thư của người chị thứ năm cho biết ngôi nhà của cha mẹ tôi đã bán và, theo phong tục, tôi là người con trai phải được hưởng một phần thừa kế.

Vợ tôi có chút nào đó muốn vượt rào, nàng buộc tôi phải đi ngay tức khắc. Nàng nói luôn là tôi phải được hưởng cả gia tài, bởi tôi là con trai duy nhất. Phía các chị tôi, muốn chia làm sáu phần, lời đề xuất muốn tôi chấp nhận. Sau khi gửi cho tôi cái vé đặt trước, đáp tàu thủy, bà chị thứ năm của tôi còn gửi cho tôi thêm một bức thư, gợi ý về Nguyệt Hảo, cho rằng, nên chi cũng chớ quên phần thừa kế cho chị ấy. Cũng lá thư ấy, tôi cũng được biết thêm Nguyệt Hảo đã lấy chồng, sau khi biết tin tôi đã cưới vợ. Chồng chị mất sau một năm cưới vợ, vì một căn bệnh cấp tính. Chị sinh đôi, sau lúc chồng mất, nuôi con với số lương cô giữ trẻ, vốn ít ỏi. Chị góa bụa từ đó. Bất chợt, tôi đâm ra day dứt, dù tôi nào đã có hứa hẹn gì với chị đâu! Tôi không thể theo ý vợ tôi. Tôi quyết ngầm rằng sẽ dành một khoản tiền thừa kế gia tài cho Nguyệt Hảo, gọi là chút tình cảm của tôi đối với chị. Cuộc sống của tôi dư dật so với Nguyệt Hảo. Tôi có một tổ ấm hiện đại, được sống đầy đủ bên vợ con, có căn hộ đáng giá, có máy thu hình, máy giặt... Nghĩ thế, tôi cảm thấy hài lòng, nảy sinh ý nghĩ muốn giúp người nghèo và thiếu thốn.

Tàu đã gần ghé đến cầu bến. Tôi ngắm khu ngoại ô Bến Cá xanh, thấp thoáng con đê và cánh rừng. Lòng tôi bời bời trăm mối, trước giải sông quen, những mảng bè

thân thuộc, những cánh buồm, của ô cũ, ôi cố hương của tôi, người bạn cũ Nguyệt Hảo của tôi. Tôi nhìn từ trái sang phải, trên cầu tầu. Một người đàn bà luống tuổi đến gặp tôi và dịu dàng hỏi:

- Cậu có phải là Thượng Bân?

- Chị là...? Tôi nhận ra chị, nhưng tôi không tin nổi mắt mình để thốt ra: "Nguyệt Hảo".

Chúng tôi nhìn nhau giây lát. Nguyệt Hảo đấy ư? Người đàn bà đứng trước tôi, rất đỗi hiền hậu, tầm vóc chỉ đến vai tôi, mặc bộ quần áo thẫm mầu, không được là phẳng phiu, tóc búi ở phía sau. Đúng chị rồi. Tôi nhận ra chị qua ánh mắt long lanh, cái miệng khẽ cười cười, má rám và da thì hơi nhăn, khó có thể thấy được dáng hình xưa...

Mắt nhòa lệ, chị vừa cười vừa bảo tôi:

- Thế là tôi đã đi đón cậu đấy! Cậu ngạc nhiên hả?

Tôi vẫn còn đang xững người trước sự hiện diện của chị, chẳng nói được câu nào. Tôi lại hồi tưởng đến cảnh chị đến chào tôi khi tôi rời quê đi xa, cách đây mười chín năm.

- Ôi! Chị đấy à? Mừng quá!

Tôi thốt lên. Rồi để khỏi đắm chìm trong quá khứ, tôi hỏi chị:

- Các bà chị của tôi đâu?

- Họ chờ cậu ở nhà. Chiều rồi, họ làm sao mà đi kịp đoạn đường dài để đến đón cậu, họ có tuổi rồi, cậu biết đấy. Cậu vẫn chưa quên chuyện hơn chục năm trước đấy chứ?

Thế là tôi lại xững ra. Chị nói:

- Cậu đã trở thành một người to, khỏe, râu rậm. Khi cậu xa chúng tôi, cậu mới là một thằng nhóc, bữa ấy, cả nhà đi tiễn cậu.

- Nguyệt Hảo, nhắc chuyện cũ làm gì?

- Nhưng, những kỷ niệm đều có ý nghĩa đấy! Này, đừng sợ tôi làm mủi lòng cậu. Chẳng có chuyện gì đâu. Với tôi chỉ là niềm vui lớn. Mười chín năm đã trôi qua, cái buổi chiều cậu xuống thuyền, quên sao được... Thôi được, tôi chẳng nói đến nữa, bởi vì cậu đâu có buồn nghe. Nào, hiện nay, vợ con cậu ra sao?

Tính hồn hậu của Nguyệt Hảo khiến tôi xua được nỗi băn khoăn như khói tan trước gió, tôi trả lời:

- Vợ tôi và các cháu khỏe. Còn chị?

- Thì cậu thấy đấy, tôi rắn rỏi đấy chứ!

Cuộc trao đổi trở nên dễ chịu.

- Chị thay đổi nhiều đấy, Nguyệt Hảo ạ!

- Thật ư?

- Này, mới đặt chân lên bờ, tôi tưởng đây là phố Nam Kinh[1] ở Thượng Hải.

- Này đừng giễu tôi, giễu con mẹ nhà quê ở cái thị trấn nhỏ này, mấy phút nữa, cậu sẽ thấy "Phố Nam Kinh" của cửa ô Bến Cá xanh. Cậu sẽ gặp những phụ nữ với những kiểu tóc khá mốt, chẳng khác gì diễn viên điện ảnh. Thời nay, các bà, các cô luôn luôn làm đẹp. Đó là chuyện thường tình. Tôi ấy u, tôi chọn bộ đồ hợp với công việc của tôi, sao cho các con tôi thấy thế là được, chỉ cần áo quần tươm tất, may đẹp, ưa nhìn.

Tôi ngạc nhiên về ngôn từ của chị, về trang phục tiêu biểu cho một phụ nữ có học, và tôi cũng nhận được từ chị một nét duyên dáng, quả quyết, một người đàn bà tự do, hơi một chút phóng khoáng ở một thị trấn nhỏ - thứ cá tính hơi khác hồi chị còn đang trẻ. Chị bây giờ còn đẹp gấp ngàn lần thời mười tám... Tôi thầm nghĩ.

Chúng tôi đã đến "Phố Nam Kinh", tôi không khỏi thốt lên một tiếng kinh ngạc.

Đó là một đại lộ trải dài, hai bên đều là những công trình mới, xây dựng theo một phong cách giữ lấy nguồn cội, giữ lấy vẻ truyền thống. Tầng trệt là những cửa hàng trang trí nhiều mầu sắc sang trọng, còn mở cửa. Đàn ông

(1) Khu buôn bán nhộn nhịp ở thành phố Thượng Hải.

tấp nập qua lại, phụ nữ làm tóc với nhiều kiểu mới, đẹp và duyên dáng...

- Chúng ta đang ở đâu? Tôi không thể nhận ra nổi chỗ nào của một cửa ô xưa - Tôi hỏi chị.

- Bến Cá xanh đấy - chị nói với cái dáng láu lỉnh, rồi đưa mắt nhìn "Phố Nam Kinh" của chị.

Khi qua cửa hàng Bánh phồng Khoai nghiền của họ Vương, thứ bánh phồng tôi thích ăn thuở nhỏ, khiến tôi cảm động.

Nguyệt Hảo nói:

- Này, lúc cậu đi đường chắc không thể tưởng cái thị trấn cũ quê mình như thế này đâu nhỉ! Cậu đâu có thấy những con tầu buôn, tấp nập trên sông Tương! Cần phải có thêm nhiều thì giờ để đi đến các ngóc ngách trong thị trấn và mua một số sản phẩm địa phương. Nếu có thời gian, cậu hãy ghé qua vườn trẻ, chúng tôi có cả đàn dương cầm kia đấy!

Tôi nhận lời ngay lời đề nghị của chị.

Gần đến nhà, Nguyệt Hảo, nói với tôi rất nghiêm chỉnh:

- Thượng Bân, về chuyện bán nhà, cậu có muốn nghe lời khuyên của tôi không?

Tội vội nói với chị điều tôi quyết định sẽ bàn bạc với các chị tôi và chị. Chị trả lời ngay:

- Điều đó không ổn đâu! Tôi là Minh Nguyệt Hảo tôi không mang họ Lý, tôi không có phần ở gia đình cậu. Tôi muốn nói là... cậu không cần gộp cả phần của tôi vào!

Nhưng tôi nào muốn nghe thế, tôi thành tâm muốn chị có phần, đưa ra nhiều luận cứ thuyết phục.

- Tôi biết, tôi rất biết ơn cậu. Nhưng tiền ư, tôi lấy làm gì. Lương tâm tôi không muốn nhận tiền không thuộc phần mình. Dù lương tôi ít, nhưng tôi sống hài lòng với hai đứa con song sinh. Tôi mời cậu chủ nhật này ghé chơi, tôi sẽ nói để cậu nghe ra... Tôi sống còn khá giả hơn cậu đấy nhé!

Bất chợt tôi lại thấy hình ảnh vợ tôi trước mắt, nàng la lên: "Tiền! Tiền đâu? Không có tiền thì làm nổi thứ gì đây?".

Tôi ngắm thêm Nguyệt Hảo, chị mỉm cười, mắt long lanh một luồng sáng dịu hiền và thân thiết.

Tôi đi được bốn ngày, ngay bữa điểm tâm, tôi nhận ngay được một bức điện của vợ tôi: "Hãy bàn lại chuyện chia chác đi!".

Chuyện chia gia tài đã thỏa thuận ở những ngày hôm trước. Năm chị tôi và tôi, mỗi người được hai trăm nhân dân tệ. Vợ tôi thì có ý khác. Nhưng lần này, tôi không nghe lệnh của nàng, điều mà trước đây, chẳng bao giờ tôi

làm. Ngày mai chủ nhật, một ngày trôi qua nhanh và rất quý, bằng giá nào, tôi phải đến thăm bằng được nhà Nguyệt Hảo. Những ngày này, hình ảnh Nguyệt Hảo không ngừng ám ảnh tôi, ngay cả khi tâm trí tôi đang bận rộn về chuyện bán nhà. Đầu óc tôi đã bị Nguyệt Hảo xới lật lên khiến tôi phải tự xét lại mình, phân tích cặn kẽ, để nhìn rõ, hiện giờ tôi như thế nào. Nhưng tôi quyết không trù trừ. Tôi đã đi qua một mảng đời phía trước, liệu còn gì mà mơ với mộng? Tôi thử tìm cách tự an ủi. Việc chia gia tài hôm trước, khiến tôi ngủ trễ, mãi đến trưa mới dạy. Sau khi ăn sáng, tôi đi dạo tôi mua hai chiếc bút máy ở một cửa hiệu, bút Anh Hùng, để làm quà cho hai đứa con của Nguyệt Hảo.

"Chúng tôi cũng có dương cầm nhé", câu nói của Nguyệt Hảo lại vang lên trong tâm trí tôi, thế là, tôi đến thẳng Vườn trẻ ở Miêu Miêu.

Phía trong bức tường vây, là một ngôi nhà tầng màu vàng sữa, có bao lơn rộng. Chiếc sân được chia làm hai phần, phần là sân chơi còn phần kia là bồn cỏ.

Vượt qua hàng rào dùng làm cửa, tôi nhận ra Nguyệt Hảo đang dẫn dắt một bầy trẻ đang nhảy múa trên thảm cỏ. Một chiếc dương cầm đặt bên, loáng ánh nắng xuân.

Tôi đến gần để nhìn rõ hơn Nguyệt Hảo.

Thứ nhất là biết hỏi chào.

Thứ hai lễ phép, đứng ngồi nghiêm trang

Thứ ba ăn vận dàng hoàng

Thứ tư trò giỏi, con ngoan nhất nhà...

Lũ trẻ hát, Nguyệt Hảo vỗ tay dậy các em, theo nhịp nhạc, đầu lắc lư qua phải, qua trái. Rồi những động tác múa đầu tiên. Nguyệt Hảo năm nay ba mươi bảy tuổi, chị còn bao nhiêu chuyện khó khăn ở nhà, vậy mà chị vẫn tươi tắn, vui cùng đám trẻ, như thể chị cũng đang cùng tuổi thơ với chúng.

Một thiếu phụ đi qua và dừng lại nhìn qua cửa lớn. Chị ta thốt lên, sau tiếng cười vui vẻ: "Chà, cô hiệu trưởng Minh[1] trông thật hay!".

Tôi hỏi chị:

- Sao... chị ấy là hiệu trưởng ư?

- Thế nào? Anh không biết ư? Báo chí và đài phát thanh luôn nói về chị ấy đấy, họ ca ngợi phương pháp dạy trẻ của chị. Chị thật tuyệt vời, tất cả phụ huynh ở đây đều gửi con em đến đây. Anh trông kìa, con gái tôi đấy. Giờ này, nuôi một đứa con tốn kém lắm, nhưng ai chẳng muốn con mình được học hành tử tế!

Tôi gật đầu:

- Đúng thế, đúng thế.

(1) Người Trung Quốc gọi nhau bằng họ, tỏ vẻ quý trọng.

Tôi hoàn toàn đồng ý với chị ta. Tôi, đã từng là giáo viên trung học, tôi hiểu vườn trẻ cần đến chừng nào, tôi lại càng thấy phải có trách nhiệm hơn, hoàn thành chức trách tốt hơn... Vậy mà, tôi vẫn xa lạ với công việc giữ trẻ này, tôi không có thì giờ nghĩ đến, thậm chí rồi lơi lỏng hẳn. Khi tôi nghĩ về những cô dạy trẻ, tôi cho rằng đó là một công việc nhọc nhằn mà vất vả. Nguyệt Hảo, Nguyệt Hảo thân thiết, tôi nghĩ về chị - một người vợ góa ở một thị trấn nhỏ - chắc là chị mảnh mai như một cành liễu, gầy như cái que, chắc là chị sống khổ lắm, khó vươn lên nổi. Vậy mà cảnh trước mắt lại hoàn toàn khác. Tôi vội rút lui lặng lẽ.

Sau bữa trưa, tôi nhăm nhăm lo phải đến nhà Nguyệt Hảo, không chờ nổi đến mai. Tôi cần nói chuyện dài với chị, thật cởi mở.

- Chú tìm ai ạ?

Hai đứa trẻ rất giống mẹ, chúng có đôi mắt đẹp. Chúng ló đầu ra cửa.

- Chú tìm mẹ Minh Nguyệt Hảo của các cháu. Tôi đinh ninh rằng, hai chú nhóc này độ mười tuổi, chắc là còn ló ngó lắm. Chúng sao có thể khá hơn được với lứa tuổi này ở một thị trấn nhỏ.

Chúng mở cửa.

- Mời chú vào! Mẹ cháu chưa về. Mẹ cháu hay về muộn. Chú ngồi đây chờ nhé.

Cậu bé kia thì bảo:

- Nếu như chú vội, chú hãy dặn lại chúng cháu, mẹ cháu dặn có khách đến phải hỏi xem có dặn lại điều gì quan trọng không?

Trời ơi! Hai đứa trẻ lễ phép, được nuôi dậy tốt, hiền, nói năng mạnh dạn, có tất cả những phẩm chất của trẻ con hiện đại. Còn tôi, hai đứa con, một trai, một gái, hư vì mẹ, dụt dè khi tiếp xúc với người lớn, nói dối như ranh. Với tôi, quả là chuyện phải quan tâm, Nguyệt Hảo có hai đứa con ngoan hơn người. Thảo nào chị nói rất tự hào: "Tôi có hai đứa con trai". Chừng đến tuổi như tôi, hẳn ước mơ và hạnh phúc của chúng sẽ khác. Nhà chúng, một căn hộ hai buồng, đồ đạc chỉ có giường và bàn, nhà rất nghèo, nhưng bà chủ lại có hai cậu con ngoan thế. Tôi không dám so sánh với chị. Trời ơi, cuộc sống, thế nào là một cuộc sống sung sướng?

Tôi muốn trò chuyện với chúng, liền vội hỏi:

- Chú chẳng có điều gì đặc biệt dặn mẹ cháu đâu. Chú là một trong những người bạn cũ, đến thăm mẹ cháu thôi. Chú đến đây cũng là để thăm các cháu, và có chút quà đây.

Tôi lấy bút máy đưa cho chúng. Hai đứa trẻ rất ngạc nhiên, má hừng lên, nhìn tôi và cảm ơn đã cho quà. Hai đứa nhỏ đây ư? Thằng lớn tên là Kiêm Kiêm, còn thằng út là Khương Khương.

Chúng tôi thành bạn thân ngay. Chúng thật hấp dẫn, chúng nói suốt, đứa lớn nói to còn đứa bé thì nói nhỏ, ngắt quãng, như còn đang mải nghĩ chuyện gì. Chúng đem những chồng vở đến theo đề nghị của tôi. Tôi ngạc nhiên khi thấy hai cậu bé học lớp sáu đã giải được những bài toán lớp tám.

Khương Khương thốt lên:

- Chú giỏi Vật lý phải không? Chú là giáo sư phải không? Thật tuyệt! Chú hãy bảo cháu nếu vào trường Sư phạm ở Thượng Hải thì phải có trình độ như thế nào?

- Sư phạm? Tại sao lại là Đại học Sư phạm?

- Đó là ước nguyện của mẹ cháu. Cậu cháu tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm. Mẹ cháu nói mẹ cháu rất mãn nguyện nếu chúng cháu đỗ đạt như cậu cháu.

- Cậu cháu là ai?

- Ai ư? Chúng nhìn tôi mỉm cười. Cho đến hôm nay, ngày nào mẹ cháu cũng nhắc đến cậu ấy. Này chú, cậu ấy mới từ Thượng Hải trở về, ngày mai sẽ đến nhà cháu, mai chú có đến nhà cháu không?

Tôi kéo chúng lại gần, dịu giọng nói:

- Ừ, chú sẽ đến. Có phải mẹ cháu kể nhiều chuyện rất hay về cậu cháu phải không?

Trời ơi, không hiểu sao tôi lại hỏi thế?

- Còn gì nữa! Đó là những việc có ý nghĩa thời thơ ấu của mẹ cháu và cậu cháu đấy!

- Thế mẹ cháu có vui khi kể các chuyện này không?

- Đâu có... Thỉnh thoảng, mẹ cháu khóc...

Lòng tôi nặng trĩu.

Bé Khương Khương thông minh và tỏ ra nhậy cảm, bé nhíu lông mày:

- Đời mẹ cháu vất vả lắm. Mẹ cháu luôn cô đơn. Khi được nghỉ hoặc khi ốm, mẹ cháu ở nhà một mình, và lặng lẽ khóc thầm, bởi vì chúng cháu không còn bố, chúng cháu biết.

Tôi ôm Khương Khương vào lòng, an ủi:

- Mai cậu cháu sẽ đến. Chắc là vui lắm! Nhiều chuyện lạ lắm!

- Vâng, vâng ạ!

Hai đứa trẻ hồ hởi hẳn lên, chúng nói sẽ đem khoe tôi quà tặng chúng tặng ông cậu.

- Cháu có thể nói quà tặng nào vậy?

- Hai chiếc vòng tai bằng vàng. Mẹ cháu bảo chúng cháu hãy đặt tận tay cậu cháu.

Những chiếc vòng tai vàng? Vậy là chị ấy vẫn còn giữ được ư? Nếu một ngày nào đó tôi quên đi những kỷ niệm, liệu chị có nói với tôi về những chiếc vòng tai ấy?

Cách đây 19 năm, cái ngày tôi lên đường, tóc chải gọn, tôi mặc một bộ đồ lụa màu xanh sáng và đeo hai chiếc vòng tai. Khi mẹ tôi đeo vào tai cho tôi, mẹ lướt mắt nhìn Nguyệt Hảo và ghé vào tai bảo:

- Khi nào cuới, con hãy đeo những chiếc vòng này vào tai Nguyệt Hảo.

Tất cả nhà theo tôi ra bến phà. Nguyệt Hảo giúp tôi mang hành lý vào ca-bin. Rồi lấy hết can đảm, chị nắm tay tôi mà nói:

- Cậu Út, nói với tôi điều gì đi chứ!

Con tầu khởi động. "Hầy", tôi thốt lên. Tôi bảo chị giúp tôi tháo những chiếc vòng tai và nhờ chị đưa cho mẹ tôi khi trở về nhà.

- Nhưng... Mẹ chẳng nói đôi vòng tai này đeo là để xua đuổi những điều không may ư?

Chị nghẹn lời trong cơn khóc.

- Ối dào! Đó là mê tín cũ! Tôi đi Thượng Hải rồi! Thượng Hải, đất mẹ vĩ đại! Chị không hiểu điều ấy sao?

Chị không dám nói thêm, mân mê hai chiếc vòng tai thở dài rồi trở lại.

Cho đến nay, tôi vẫn tưởng là các bà chị tôi đang giữ. Hóa ra, mẹ tôi trao lại cho Nguyệt Hảo. Tôi hiểu mẹ tôi, trước khi mất, có nói với chị về chuyện cưới xin.

Tôi khó có thể ngồi yên chỗ. Tôi cảm thấy có chút lo lắng nếu như phải gặp Nguyệt Hảo.

Ngày mai? Liệu tôi có thể chờ nổi đến ngày mai? Trao những chiếc vòng tai vàng này cho vợ tôi ư? Phi lý! Nó phải thuộc về Nguyệt Hảo. Và, nếu... Tôi cho phép mình được đeo những chiếc vòng tai này vào tai Nguyệt Hảo sớm mai? Sao lại không được! Tim tôi đập mạnh. Tóc tôi đã muối tiêu, đã luống tuổi, làm sao tôi lại đảo lộn, lật tung lên, đời một người đàn bà, mà, chính tôi lần đầu tiên đã bỏ rơi.

Tôi phải đi ngay lập tức. Thế là tôi trở về luôn Thượng Hải.

Đúng sáu rưỡi tối, tôi vừa đến bến phà. Ở giữa đám người bước lên tầu, tôi không ngừng quay cổ lại xem Nguyệt Hảo có đến tiễn hay không?

Tôi là người lên tầu cuối cùng. Kéo ba tiếng còi, con tầu nổ máy, tôi nói lời từ biệt quê hương, tim thắt lại. Chợt Nguyệt Hảo xuất hiện trên cầu tầu, xoè tay cho thấy những chiếc vòng tai.

- Cậu út, cậu tưởng tôi buồn à? Cậu lầm rồi. Trái lại, tôi vui lắm!

Tôi lắc đầu. Trên cầu tầu chẳng còn ai. Chị không làm sao đến với tôi được. Ôi người đàn bà thông minh.

Tôi nhìn, tựa lên boong tầu, quê hương mờ dần phía sau tôi.

Phía trên sông Tương, một vầng trăng mới mọc, như một nụ cười dịu dàng. Ánh trăng tỏa trên sông. Tôi đã thay đổi. Tôi sẽ trở thành một kẻ phải biết sống cho mình với một ý thức mạnh mẽ. Tôi cựu sinh viên trường Sư phạm Thượng Hải, tôi hứa phải làm được một điều gì đáng ghi nhận.

Trời! Vầng trăng quê hương sao mà đẹp!

NGÔ VĂN PHÚ *dịch*

TRỊNH NẠI TAM

PHU NHÂN HỒNG

Mọi người gọi bà là phu nhân Hồng. Năm mươi năm trước, cái tên ấy lừng danh trong xã hội Thượng Hải. Một bữa ăn kỷ niệm đầy tháng cho con, một đám cưới, hoặc một lễ sinh nhật đều không trọn vẹn nếu không có mặt phu nhân Hồng. Có một thời, từ sau năm 1949, những tiếng "phu nhân Hồng" dường như gợi lại những gì đã bị quẳng vào sọt rác, như thể chúng vừa bị lôi ra từ đáy một chiếc hòm gỗ sặc mùi băng phiến. Nhưng trong một số giới nhà giàu ở Thượng Hải, cách xưng hô ấy vẫn còn có sức nặng cho tới "Cách mạng văn hoá" vào những năm sáu mươi. Ở Thượng Hải, mỗi người có một ranh giới hạnh phúc nho nhỏ của riêng mình, và mặc cho bão gió hoành hành ngoài kia, người ta vẫn ăn đủ ba bữa một ngày, giải quyết việc riêng, và nhờ có chính sách trưng mua của Nhà nước đối với tư sản, hôm nay người ta có thể bình tâm nghỉ ngơi ăn uống ở Khách sạn Công Viên, ngày mai ở Nhà Đò hoặc Đền Ngọc Bích. Chẳng có ai nhúng mũi vào. Đó là một thời kỳ rất sôi nổi của phu nhân Hồng. Chủ nhiệm các nhà ăn và khách sạn

lớn, ở cả hai khu vực nhà nước và tư nhân, đều biết bà. Bà là một người rất nhiệt tình. Nếu phu nhân Hồng tới dự một bữa tiệc nhân một dịp đặc biệt nào đó, bữa tiệc sẽ rất linh đình và có giá. Các món ăn sẽ trở nên đặc biệt, rất khác thường. Ấn tượng đầu tiên về bà đúng vào sinh nhật lần thứ mười của tôi.

Tôi là con thứ chín trong gia đình, biệt hiệu Giu Giu, hoặc bé Chín. Cha mẹ tôi ở Mỹ. Khi ra đi, cha mẹ tôi sợ rằng tôi còn bé quá, không chịu nổi một chuyến đi dài như vậy, và sẽ quấy rầy mọi người. Tình hình thay đổi, không thể lường trước và thay đổi quá nhiều, tôi bị bỏ lại ở Thượng Hải, sống với anh cả và người chị dâu. Ông anh tôi hơn tôi hai mươi mốt tuổi và đôi lúc đùa rằng anh cũng có thể có một đứa con bằng tuổi tôi. Anh làm hư tôi, cứ như tôi là con gái anh không bằng. Tình cha con ở trong người anh cả - trong lối sống của người Tàu - vẫn thường có chuyện như vậy.

Sinh nhật lần thứ mười của tôi, anh chị quan tâm hơn một chút, mặc dù chẳng có gì hơn mì sợi[1] và một ít dĩa thức ăn. Thời gian ấy, anh chị tôi khá thận trọng với mọi sự hiện diện. Bất kỳ giá nào họ cũng không thể ganh đua với phu nhân Hồng, cô là vợ của một nhà tư sản. Anh chị tôi là đối tượng của tổ lao động, và họ phải cẩn thận. Cho

(1) Mỳ đặc biệt, sợi dài, tượng trưng cho tuổi thọ.

nên họ không dám làm gì hơn là mời các anh chị vẫn còn ở Thượng Hải tới dự một bữa cơm bình thường của gia đình.

Chúng tôi mới ngồi xuống, thậm chí còn chưa kịp rót rượu cho hết lượt mọi người, thì có tiếng gõ cửa, và nghe một giọng nói ngọt ngào, hoạt bát:

- Tôi đến xin một bát mì sinh nhật đây.

- Phu nhân Hồng đấy - chị dâu tôi há hốc miệng, hoảng hốt dẩy ghế, chạy ù vào phòng trong thay xống áo.

- Cô ấy chu đáo quá. - Anh tôi vội vàng mở cửa. Các bà chị dâu và chị gái tôi bận rộn lấy thêm đũa bát, hối hả chạy qua chạy lại.

- Kính chào phu nhân Hồng - cả gia đình đứng dậy.

- A! Tôi đến đúng lúc quá, - phu nhân Hồng nói, tháo đôi găng tay da dê màu trắng ra. Đầu cô trùm một chiếc khăn len kẻ carô, đuôi khăn dài rung rinh theo mỗi cử động, làm tăng thêm vẻ quyến rũ. Khi cô cởi chiếc áo dài bằng len casmia, ở bên trong là một tấm áo qi-pao[1] màu rượu vang đỏ, một con phượng hoàng thêu bằng chỉ vàng lao về phía trước, làm mọi người sững sờ vì vẻ rực rỡ của nó. Vào những năm năm mươi, sự tao nhã như vậy là hiếm thấy đối với bất kỳ ai, nữa là một đứa trẻ như tôi, chưa

(1) Áo dân tộc may bó, cổ cao.

nhìn thấy một cái gì trên thế gian này. Sự xuất hiện bất ngờ của một vẻ đẹp ăn mặc lộng lẫy làm tôi nghẹn thở.

Cô ngồi xuống cạnh tôi, và giúi vào tay tôi một chiếc phong bì màu hồng điều. Có một con chữ màu vàng lấp lánh dán trên phong bì, - Trường thọ, - nhưng vì nó được viết theo lối cổ, khá phức tạp, nên một lúc sau tôi mới nhận ra. Hồi ấy không còn thấy bán những phong bì hồng điều, dùng để đựng tiền tặng trẻ con nhân những dịp đặc biệt. Phu nhân Hồng nói cô đã tự dán lấy bằng hồng điều. Con chữ cũng do chính tay cô làm.

- Phu nhân Hồng ơi, cháu nói thật, cô đừng nên dốc hết túi tiền nhân ngày sinh của Giu Giu. Nó còn bé quá, - chị dâu tôi đã thay xống áo, trở ra, và mặc dù trẻ hơn phu nhân Hồng rất nhiều, trông chị mờ nhạt hẳn khi đứng cạnh cô. Cả căn phòng chỉ nhận thấy một điều là sự kết hợp tài tình giữa màu vàng và màu đỏ, chói rực mà rất hài hòa.

- Chú Hồng và cô là bạn cũ của bố mẹ các cháu. Cô đã đến bệnh viện thăm Giu Giu đúng ngày cháu ra đời. Con bé mới sáng mắt và lanh lợi làm sao, rất có cá tính nhé, chẳng như những đứa trẻ khác đâu. Khi cô hộ sinh bế cháu tới, cháu hồng như cái bánh bao bột nếp ấy.

Cô kể rất sinh động, và tôi hoàn toàn bị hút vào câu chuyện.

- Ban đầu bố mẹ cháu định đi một thời gian ngắn, rồi về, thế mà xem kìa... chắc hai người nhớ cháu khủng khiếp. Cô thương cháu không có mẹ ở đây. Cho nên, dù cô chẳng để tâm tới sinh nhật của anh chị cháu, nhưng Giu Giu lại khác. Cô phải đến dự sinh nhật cháu, đứng vào chỗ của người mẹ và nâng cốc chúc mừng, chúc cháu bé trường thọ.

Sau bữa ăn, các anh chị tôi mở nhạc, *Bông hồng tặng em*, là bài dân ca Tân Cương rất phổ biến thời bấy giờ, và các ông anh bà chị tràn về phía phu nhân Hồng. Nhưng cô cau mày, búng mẹ mấy ngón tay, cầm thuốc lá một cách thanh lịch:

- Mở bài khác đi. Chúng tôi già cả, chỉ thích những bài ca cũ thôi.

Khi giọng ca đắm đuối cất lên, cô đặt điếu thuốc xuống, bắt đầu đi những bước nhẹ nhàng và múa. Lúc cô múa, những tà áo *qi-pao* bay lên rồi rơi xuống, khi quấn che đôi chân lúc để lộ ra, đôi chân mới thon thả làm sao. Tôi rất muốn lớn nhanh nhanh một chút và trở nên giống cô hoàn toàn: đầy sức sống, quyến rũ và xinh đẹp.

Khi khách khứa đã về hết, tôi mở tấm phong bì hồng điều cô cho tôi và đếm: bốn mươi đồng! Bốn mươi đồng vào những ngày ấy!

- Một cử chỉ thật lớn lao. Chỉ có chú Hồng mới cho

phép cô ấy làm thế. - Bà chị dâu nói, trề môi dưới ra. - Cô ấy nhớ mới khiếp chứ. Làm sao có thể nhớ được ngày sinh của Giu Giu, cứ như là sinh nhật lần thứ mười của cô ấy không bằng[1].

- Nghề của cô ấy mà. - Ông anh bảo, rồi nói thêm với giọng cảm thương. - Số cô ấy cũng vất vả. Nếu sinh trong một gia đình tốt và được học hành, chắc cô ấy sẽ làm nên chuyện, một con người thông minh như thế.

Chỉ lát sau tôi đã biết được rằng chú Hồng là một thương gia buôn lụa và khi cô Hồng đi theo ông, ông đã rất phát đạt. Đã có vợ và một gia đình, nhưng chú thuê một căn nhà nhỏ ở quận phía tây Thượng Hải, sống cùng phu nhân Hồng. Chú đưa cô đi khắp nơi cùng với mình, nên trong ý nghĩ của mọi người, cô là "phu nhân Hồng". Nhưng trong những cuộc nói chuyện công khai hoặc kín đáo, không phải tất cả đều là lời khen. Bởi vì không ai có thể tìm biết được những chuyện thật trong đời phu nhân Hồng. Ngay cả chị giúp việc của cô, A Du, cũng chỉ biết rằng vào một đêm, mang theo một túi da màu trắng, cô đến cùng chú Hồng và ở lại từ đó. Nghe nói phu nhân Hồng là người làm bếp giỏi, và được cô chăm sóc, chú Hồng trở nên hồng hào mập mạp. Hầu như qua một đêm,

(1) Theo tập quán Trung Quốc sinh nhật tròn mỗi thập kỷ là dịp quan trọng nhất.

cô đã trở nên nổi tiếng. Mai Lan Phương và Dậu Xuân[1] đều là khách của gia đình chú Hồng. Có một thời, hàng ngày căn nhà đầy những khách quan trọng. Dường như phu nhân Hồng đã bước vào đời sống bằng cách ấy - một chiếc túi da màu trắng trong tay. Và với việc xuất hiện của cô, việc khẳng định của chú Hồng càng thêm tấn tới.

Lần thứ hai, tôi gặp phu nhân Hồng trong lễ tang chú Hồng, lúc tôi đã là học sinh của trường cấp ba. Ông anh cả là đại diện tất nhiên của gia đình, mang tôi đi với tư cách là người đã nhận quà sinh nhật bốn mươi đồng của chú. Lễ tang được tổ chức ở phòng Tang lễ Quốc tế. Các đồng chí ở Hội đồng tư vấn và Hội Công Thương cũng có mặt. Lúc đến nơi, tôi thấy phu nhân Hồng trong bộ *qi-pao* may bằng vải xô đen, tay áo chật, đi một đôi giầy da đen mũi nhọn rất thịnh hành vào những năm sáu mươi. Mặc dù có những dấu hiệu là cô lên cân, nhưng cái eo thanh tú vẫn làm cho cô đáng yêu như trước đây. Câm trầm tĩnh đi giữa những người đến chia buồn, chào những người cần phải chào, gật đầu với những ai cần gật đầu. Cái tang đè nặng lên người thậm chí làm cho cô thêm phần đàng hoàng và quý phái. Bên trên tấm mạng đỡ lấy

(1) Mai Lan Phương (1894 - 1961) một trong bốn diễn viên kinh kịch nổi tiếng, chuyên đóng vai phụ nữ - Dậu Xuân (1920 - 1957) diễn viên điện ảnh lừng danh trong những năm ba mươi.

mái tóc là một nhành lan trắng thanh khiết, tạo cho cô một phong vị tao nhã. Khi nhìn thấy anh em tôi, cô vội tới chào hỏi:

- Giu Giu, cháu đã thành thiếu nữ rồi đấy. - Giọng nói dịu hiền của cô xua đi không khí tang tóc của nơi chia biệt vĩnh viễn. - Choàng hoa vàng vào đi cháu.

Tay cô nhẹ nhàng đeo hoa lên áo tôi. Rồi cô kể về những đức tính tốt đẹp của chú Hồng, buồn bã dùng khăn thấm nhẹ những giọt nước mắt. So với bà vợ cả rền rĩ và khóc lóc ở bên cạnh, cô hiện lên với vẻ có văn hóa hơn, tương xứng hơn với cái tên hiệu "phu nhân". Khi các nghi thức tang lễ bắt đầu, cô tỉnh táo đứng dẹp sang bên, một người chịu tang rất biết vị trí của mình. - Giờ thì phu nhân Hồng mới khổ. Đây mới thực là khó khăn đối với bà ấy. - Giữa đám người trong tang quyến có tiếng bình phẩm kín đáo.

- Vâng, ông Hồng cũng như mọi người đàn ông thôi. Nhưng ông ấy đã sẵn sàng giao lại tài sản gia đình cho phu nhân Hồng cai quản. Nói thật chú như vậy an toàn hơn là giao cho bà cả.

Kể từ khi chú Hồng mất, chúng tôi ít gặp phu nhân Hồng. Trong mắt người lớn, cô là người đàn bà của thời quá khứ xa xôi.

Thoáng chốc, tôi đã hai mươi tuổi. Lễ sinh nhật vẫn

chỉ là việc trong gia đình. Nhớ lại cuộc vui mười năm trước, tôi không thể không nghĩ đến phu nhân Hồng. Tôi trách ông anh là kẻ hợm mình, nhưng anh bảo tôi còn quá ngây thơ. Khi chúng tôi vừa đóng cửa, thì có tiếng gõ cửa rất nhẹ. Đó là chị giúp việc của phu nhân Hồng, A Du, một người đàn bà ba mươi tuổi, quê ở vùng Sao Xinh. Chị bê một cái mâm sơn đỏ, trên mâm có một con vịt tần theo cách thức đặc biệt. Có một chữ vàng lấp lánh gắn vào con vịt - *Trường thọ* - giống hệt con chữ tôi nhận được cách đây mười năm.

- Phu nhân Hồng khó ở, nên bảo tôi đến, mang theo những lời chúc tốt lành nhất cho Giu Giu. Con vịt là do bà tự nấu lấy - A Du nói một hơi như đã được dặn trước. Có thể thấy rằng chị đã học thuộc lòng trước khi đi. Mọi người hỏi thăm về phu nhân Hồng, A Du nói lắp: "Căn nhà đã cho thuê rồi. Phu nhân Hồng được một phòng có ban công ở tầng hai, và một phòng ở tầng một cho tôi, cùng cái bếp. Thế cũng đủ, cũng đủ cho hai người. Tốt, tốt lắm. Xin chào cả nhà".

Mọi người bắt đầu chiêm ngưỡng con vịt. Thơm lừng gia vị và không thiếu một thứ gì. Vừa mới qua ba năm gian khổ vì thiên tai, một con vịt như thế này bỏ rẻ cũng phải mười đồng ở chợ giời. Vừa nói với nhau rằng nhận thức ăn của phu nhân Hồng là có tội, chúng tôi vừa xúm

vào xem xét con vịt. Nó ho. gầy. Chắc hẳn một mình A Du đã phải đứng xếp hàng suốt đêm để mua.

Không lâu sau, năm 1966, dông tố nổ ra[(1)] và mọi người phải xoay xở rất khó khăn cho riêng mình, nên ít có thời gian quan tâm đến phu nhân Hồng.

Hai năm qua đi và mọi thứ lắng dần. Một hôm tôi tình cờ đi qua nhà phu nhân Hồng, và nhìn lên lan can phòng cô trong trạng thái vô thức. Đột nhiên tôi nhận ra tấm rèm cũ quen thuộc. Tôi bừng tỉnh, và lao lên cầu thang. Một người đàn ông còn trẻ, mặc quần yếm công nhân có dòng chữ in: "An toàn lao động", chặn đường và thô bạo hỏi:

- Cô là ai? Cô tìm ai?

- Tôi gặp phu nhân Hồng. - Tôi lắp bắp, ân hận ngay vì lỡ nói ra. Gọi một người là "phu nhân" vào những ngày ấy thì chỉ chuốc lấy sự chỉ trích.

Không ngờ, anh ta cao giọng:

- Phu nhân Hồng ơi, có người đến thăm bà đấy. - Rồi đưa tôi lên cầu thang.

- Giu Giu! - Phu nhân Hồng đón tôi, vẻ ngạc nhiên và vui sướng rồi lau nước mắt. Sao mà hiếm hoi thế trong những năm tháng ấy những tiếng thở dài thực sự và cái

(1) Chỉ "Cách mạng văn hoá".

ôm rất chặt. Tôi gục vào ngực bà mà khóc.

Căn phòng vẫn còn bộ đồ gỗ kiểu Pháp. Trên cái gương, phủ đầy ảnh các vị lãnh đạo, - cách tốt nhất khi đó để bảo vệ những tấm gương. A Du vừa bê trà lên, và tôi vừa nói: "Cảm ơn A Du" thì phu nhân Hồng nhẹ nhàng sửa lại:

- Gọi là chị A Du. Cô nhận nuôi chị ấy rồi.

Anh chàng ở trên cầu thang nọ hóa ra là chồng A Du.

Phu nhân Hồng mặc chiếc áo bông màu xanh. Mái tóc cắt ngắn, "mốt" cách mạng, cô trông giống bà hiệu trưởng của một trường cấp hai.

- Nhờ có vợ chồng nó đến ở, nên chẳng ai dám sách nhiễu cô. Căn nhà này bị lục soát đến mức chẳng còn một đồng, và cô đã dở sống dở chết. Nghe cô than vãn, A Du mới bảo hay là để anh chàng ấy về sống chung. Anh ta là công nhân, và vì thế không ai bắt nạt cô nữa. Cô không muốn chúng nó bị dính vào chuyện phiền phức của mình, nhưng A Du nói: "Dù có làm sao con cũng là người đi ở. Có làm cho ra đầu chày đít thớt đi nữa, thì con vẫn được là người ở cơ mà. Con chẳng sợ". Cô thật biết ơn A Du và gia đình nó.

- Phu nhân Hồng! - Chị A Du bối rối cắt lời.

- Mẹ đã nói rồi, đừng gọi là phu nhân Hồng. Hãy gọi là mẹ.

- Ôi, - A Du cười ngượng ngập - con không gọi được, con chưa quen.

- Mỗi tháng cô chỉ được 18 đồng để sống, nên phải nhờ tới sự chăm sóc của vợ chồng nó. Mà chúng nó có hai đứa con. - Phu nhân Hồng thở dài, - Trời, sao tôi lại đến nông nỗi này! Nếu ngày trước cô đi làm, thì đâu có lâm vào cảnh khốn khổ như thế, không có lấy một khoản tiền nào.

Phu nhân Hồng giữ tôi ở lại ăn bữa tối. Cô vẫn không bỏ được thói quen này. Với A Du, chồng chị, và hai đứa con đáng yêu, cộng thêm phu nhân Hồng và tôi, có tất cả sáu người ngồi bên chiếc bàn vuông. Đó là một bữa cơm gia đình với hai đĩa thức ăn, một bát canh, và thêm một đĩa trứng tráng chiêu đãi tôi. Phu nhân Hồng liên tục dùng đũa tiếp thêm thức ăn vào bát lũ trẻ, rất ra dáng bà ngoại. Tôi lấy làm lạ, nghe lũ trẻ gọi cô là "nan-na".

- Chúng nó gọi cô là mẹ của u chúng nó, - phu nhân Hồng giải thích. - Cô thích chúng gọi như thế.

Lũ trẻ chóp lấy cơ hội, đồng thanh lên giọng gọi "nan-na", đầy dụng ý, và phu nhân Hồng rạng rỡ hẳn lên. Tôi có cảm tưởng chưa khi nào cô cười mãn nguyện như vậy. Anh "con rể" lặng lẽ ăn, không nói một câu nào. Nhưng khi tôi ra về, anh lao lên trước, bật đèn tất cả các lối xuống cầu thang.

- Con rể cô chẳng được học hành, hơi thô một chút, nhưng tốt lắm đấy, - phu nhân Hồng dịu dàng nói. - Cháu đừng sợ.

Lúc về nhà, tôi kể cho ông anh và bà chị dâu nghe câu chuyện, cả hai đều rất phục phu nhân Hồng.

- Phu nhân Hồng là thế đấy. Cô ấy có thể làm cho mọi việc từ dở mà thành hay. Một người đàn bà giỏi giang không tưởng được.

Sau đó tôi lấy chồng, trói mình vào việc nội trợ và chăm sóc con cái, hiếm khi tới thăm ông anh bà chị, và cả phu nhân Hồng.

Năm 1982, bố mẹ tôi ở Mỹ lần đầu tiên về thăm lại Thượng Hải. Tất cả bạn bè cũ đều có mặt, và tất nhiên phải mời cả phu nhân Hồng. Trong "cách mạng văn hoá", rất nhiều người không dám dính dáng đến nhau... và họ rất mừng rỡ xin nối lại quan hệ. Nhưng mặc dù đã quá muộn, phu nhân Hồng vẫn chưa đến.

- Phu nhân Hồng đâu rồi? Chúng ta đang chờ sự xuất hiện trở lại của bà ấy đây.

- Ôi, tiên sinh không biết sao, bà ấy là nghệ sĩ Mai Lan Phương đấy[1].

---

(1) Trong tiếng Thượng Hải, tên của nghệ sĩ này đồng âm với từ "người lề mề".

Vào lúc chúng tôi thực sự phấp phỏng, bà đến, cùng với A Du. Bà mặc chiếc áo ni bên ngoài tấm áo sa-tanh đen may sát người, và dù mái tóc còn đen nhánh, người ta có thể tưởng rằng đấy là tóc nhuộm. Đúng, bà có già đi chút ít, nhưng vẫn duyên dáng và thanh lịch như xưa. Mọi người đứng dậy chào, nhưng bà đã đẩy A Du lên trước:

- Cô con nuôi của tôi đấy.

Đến giờ ăn, không có một chỗ nào dành cho A Du.

- A Du này, chị đi đâu đó ăn một bát mì, rồi hai giờ nữa quay lại đón phu nhân Hồng nhé.

- Ngồi chen vào một chút thôi. - Phu nhân Hồng kéo A Du tới bên bàn và bảo người phục vụ mang thêm một cái bát và đôi đũa. Những người khác khá là sửng sốt, có phần lúng túng. Mặc dù xã hội nói chung đã thay đổi, nhưng giới này vẫn níu giữ những quy ước sắt đá của mình. Trước khi các món ăn nóng được bê hết ra, phu nhân Hồng đứng dậy ra về, nói rằng có chút việc phải làm.

Đám người đổ dồn bàn tán về bà.

- Sao bà ấy có thể đưa con ở đến chơi một gia đình khác? bà ấy điên rồi.

- Ồ, có gì lạ đâu. Tình cảnh bà ấy cũng chẳng hơn gì nó.

- Đó là điều thường xảy ra khi sống chung với bọn tôi tớ. Ta sẽ trở thành kẻ hạ lưu và quên hết lễ nghi.

Thức ăn và đồ uống bê ra chặn ngang những lời bình phẩm chết người này. Ngôn từ tuột ngay khỏi mồm họ. Tôi nóng nẩy nảy kéo thằng cu ra về.

Cách đây mấy ngày, một chị bạn tình cờ chuyển nhà đến hẻm phố của phu nhân Hồng, nên tôi cũng ghé qua thăm bà.

Bà vui sướng đón tôi:

- Giu Giu đã đến! - Mái tóc bạc khiến bà trông càng thêm hiền hậu. Bà bảo bà chẳng nhuộm tóc làm gì, - Cô già rồi, nhuộm tóc cũng chẳng gỡ gạc được chút nào đâu.

Chị A Du nhã nhặn mang trà và kẹo lên mời tôi.

- Giu Giu còn nghĩ đến cô. Trong đám người quen cũ, chỉ có cháu nhớ và đến thăm cô thôi. Con trai lớn chừng nào rồi?

- Mười tuổi rồi ạ - Tôi đáp, nhớ đến lần sinh nhật thứ mười của mình, và nói rằng lúc đó cô đẹp đến nỗi làm tôi mê mẩn.

Cô mỉm cười mệt mỏi:

- Đấy là chuyện ngày xưa.

Cô kể cho tôi hay rằng đã bắt đầu có một ít bạn cũ tới thăm. Sau "Cách mạng văn hoá", giờ đây mọi thứ đã trở

lại bình thường. Thậm chí có cả những buổi tiệc tùng và nhảy múa. Nhưng cô không tham dự vì đôi chân già xơ cứng không còn làm ăn gì được nữa.

- Nói thật với cháu, những cái đó tốn tiền của và thời gian. A Du bận lắm. Cô chẳng giúp nó được nhiều, nhưng vẫn có thể đan được một ít áo len, để đáp lại lòng tốt của nó. Đối với bản thân, vợ chồng nó tằn tiện lắm, nhưng vẫn lưu ý đến khẩu vị của cô, và mỗi bữa ăn cô đều có một đĩa riêng. Hiếm có đứa con gái nào, ngay cả con dứt ruột đẻ ra, lại được như nó.

Cô chạm vào cánh tay tôi, cảm động nói, trong lúc đôi tay thoăn thoắt không nghỉ đan chiếc áo len nhỏ.

- Phu nhân Hồng ơi, bà đang làm gì đấy? - Một người hàng xóm đi qua, dừng lại hỏi.

- Cháu gái tôi sắp ở cữ. Tôi đan cho nó tấm áo.

- Ôi, thế hệ thứ tư! Bà thật là người may mắn!

- Vâng, đúng thế, - phu nhân Hồng nói, và mỉm cười

HỒ ANH THÁI *dịch*

TRỊNH THANH VĂN

CÁI BÓNG KHỔNG LỒ

Bạch Ngọc San vào phòng làm việc. Cô lấy từ trong túi xách ra hộp trang sức, soi gương điểm phấn, xem đồng hồ đã 8 giờ 45 phút rồi. Quy định của công ty là 9 giờ làm việc. Cô thường đến sớm một tý.

Đổng sự[1] trưởng thường 9 giờ rưỡi mới tới. Nếu có việc gì gấp thì ông mới tới sở trước 9 giờ.

Hứa Tế Dân đã được bạn trị sự chọn làm thường vụ Đốc sự. Nghe nói vài ngày nữa sẽ nhậm chức.

Hai năm trước đây Hứa Tế Dân cũng đã từng trúng tuyển xuất sắc vào làm ở Công ty này. Anh ta công tác rất tốt, chưa đầy nửa năm đã được thăng chức làm cổ đông trưởng. Nhưng thăng chức chưa lâu, bỗng nhiên anh ta từ chức, chuyển sang làm cho một công ty nước ngoài.

Nghe nói, trước khi anh ta vào công ty này, đã qua nhiều chức vụ.

Từ sau ngày giải ngũ quân dự bị, anh đã thi vào 7, 8 cơ quan và công ty - Mỗi lần thi, tên anh đều được trúng

(1) Đồng sự: người đại diện của các cổ đông - (N.D).

tuyển xếp hàng đầu.

Sau khi đến công ty nước ngoài, nghe nói anh chuyển đổi công tác nhiều nơi. Càng chuyển đổi, anh ta càng nổi tiếng, chức vụ cao. Thu nhập đương nhiên là lớn!

Chẳng hiểu làm sao, anh ta lại trở về công ty này. Chức vụ lớn hơn trước - Thường vụ Đổng sự. Ở trong gia đình công ty này, trừ ông chủ làm Trưởng Đổng sự và Tổng giám đốc ra thì chức vụ Thường Vụ Đổng sự là quan trọng nhất, mà còn nhìn về tương lai khi Trưởng Đổng sự nghỉ hưu, vị trí đó sẽ do anh kế thừa chứ còn ai nữa?

Lần trước khi Hứa Tế Dân đang ở trong công ty này, nhân viên trong công ty đã có lời đồn, nói rằng Trưởng Đổng Sự muốn gả con gái cho anh ở rể. Đương nhiên đó chỉ là lời đồn. Rất nhiều người hiểu cặn kẽ gia đình ông chủ thì nói khả năng đó chắc không có. Vì, Hứa Tế Dân tuy rằng nằm trong tốp sinh viên tốt nghiệp, nhưng anh ta xuất thân trong gia đình nông dân nghèo, làm sao mà môn đăng hộ đối với một phú thương giàu có, trong tay có hàng nghìn nhân viên làm việc!

Một nhóm người khác lại nói, Trưởng Đổng sự tuy rằng tiếp thu công thức kinh doanh hiện đại, nhưng trong một vài quan niệm còn bảo thủ.

Ông ta chỉ có một đứa con gái, muốn có một đứa ở rể, hy vọng sau này có đứa cháu ngoại lấy họ ông. Nếu như

cách phân tích này là đúng thì ông ta không dễ gì mà tìm được một anh chàng xuất thân gia đình giàu có tương đương gia đình ông để ở rể được.

Tạm thời Hứa Tế Dân là một đối tượng. Nhưng đối tượng không phải chỉ có một mình anh ta. So sánh về nhân phẩm, học lực và tài năng, nhiệt tình làm việc thì cái anh họ Dương và anh họ La không kém gì anh ta. Lại còn có một anh nữa, có khả năng hơn. Đó là anh họ Lâm. Nhưng anh ta từ chức mà đi ra nước ngoài học tập rồi.

Cái thời Hứa Tế Dân làm việc nửa năm ở đây, bỗng nhiên thăng chức Trưởng cổ đông, người trong công ty bàn tán rất dữ. Cũng không ngờ anh ta từ chức. Lúc đó Trưởng Đổng sự có trao đổi với anh, hứa đề bạt anh, nhưng do sức hút của đồng tiền, lương ở công ty nước ngoài rất cao nên anh ra đi hẳn.

Bạch Ngọc San biết Trưởng Đổng sự lúc đó không được vui, lại còn chửi anh ta là người vong ân bội nghĩa. Nếu như lúc đó Trưởng Đổng sự hứa gả con gái cho thì chắc anh ta không đi đâu! Có lẽ Trưởng Đổng sự đang ở giai đoạn quan sát. Chuyện người đi, người ở trong công ty là chuyện thường xuyên, cũng rất bình thường, tại sao một Hứa Tế Dân ra đi lại làm ông nổi lôi đình như vậy. Bây giờ hồi tưởng lại, mọi sự đều có ý cả chứ không vô tình đâu.

9 giờ 15 phút, Trưởng Đổng sự dẫn Hứa Tế Dân, người mới nhậm chức Thường vụ Đổng sự tới. Bạch Ngọc San giống như thường lệ, thường thấy Trưởng Đổng sự thì đứng lên, cung kính chào buổi sáng bình an. Trưởng Đổng sự cũng thường lệ gật đầu. Hứa Thường vụ đi sau ông, nhìn cô cười gượng.

Bề ngoài, cái cười đó chỉ là lễ phép, giống như lần đầu tiên gặp, cũng có thể là cử chỉ thân thiện của cấp trên đối với cấp dưới. Nhưng Bạch Ngọc San luôn cảm thấy đằng sau cái cười kia như có mũi kim châm vào tim mình. Bạch Ngọc San cũng đáp lại bằng một nụ cười bình thường. Bề ngoài là thứ lễ nghi của cấp dưới đối với cấp trên. Tuy cô muốn đáp lại bằng một nụ cười xã giao, nhưng cảm thấy mất tự nhiên, làm sao mà không thể vờ làm lạnh nhạt được! Khi cô vừa tắt nụ cười thì Hứa Tế Dân đã xoay người đi rồi. Cô hối hận, tại sao mà vô duyên cười đáp lại anh ta, giống như vạch áo cho người xem lưng. Lại thêm, chính lúc cô vừa mím miệng lại đó, Trưởng Đổng sự đột nhiên quay đầu lại liếc nhìn một cái. Trong ký ức của Bạch Ngọc San, rất ít thấy trưởng đổng sự có cử chỉ như vậy đối với mình.

Cô giương mắt tiễn hai người ra cửa.

Nhớ trước đây khi Hứa Tế Dân ở công ty, Bạch Ngọc San và Hứa Tế Dân có hẹn gặp nhau. Có một lần hai

người rủ nhau đi Điều Lai chơi. Đó là ngày chủ nhật, xe rất đông. Khi đến nửa đường, đột nhiên có bà lão nông thôn lên xe, tay xách một túi bột mỳ. Vừa lên xe, bà ta ngồi ghé sát cạnh hai người. Áo quần bà mặc bẩn thỉu, tóc sợi trắng sợi đen bù xù, rối rắm. Lúc đó Bạch Ngọc San ngồi dựa sát vào cánh cửa xe, nghĩ rằng Húa Tế Dân xích ngồi sát mình. Hóa ra bà ngồi lên tay của anh ta. Húa Tế Dân quay đầu nhìn bà, trừng mắt. Nhưng bà lão xem như không biết gì.

- Bà lão, bà tuổi đã cao, đáng lẽ tôi nhường bà ngồi, nhưng mà hôm nay tôi bị cảm, người khó chịu, xin bà đừng dựa sát vào tôi.

Nghe câu nói đó, bà lão đứng dậy ngay.

Bạch Ngọc San không tin ở lỗ tai mình. Nhưng câu nói đó từ miệng Húa Tế Dân thốt ra. Cô biết anh ta nói nửa đùa nửa thật, muốn qua câu nói vừa đùa đó để thực hiện mục đích thật của mình. Bạch Ngọc San có cảm giác, nhìn Húa Tế Dân mà giống như mình bị mũi dao thọc vào, sợ hãi.

- Đối phó với loại người ở nông thôn không có trí thức, chỉ có cách ấy - Húa Tế Dân nói nhỏ, như muốn giải thích với cô, đồng thời cũng muốn biện hộ cho mình, có vẻ đắc ý lắm.

"Bố mẹ anh chẳng phải là dân nông thôn ư?". Trong

đầu Bạch Ngọc San nghĩ thế, muốn nói ra nhưng không nói được.

- Nhường chỗ ngồi không phải là nghĩa vụ - Hứa Tế Dân nói tiếp - mà xuất phát từ thành ý. Cách nghĩ hiện nay và trước đây có khác nhau. Ngồi xe đường dài rất ít người nhường chỗ.

Bạch Ngọc San vẫn im lặng. Trong lòng buồn bực, không biết trả lời anh ta như thế nào?

- Cô không phấn khởi?

- Tôi cũng không biết.

- Nhường chỗ ngồi là một loại thuần phong mỹ tục, chỉ là...

- Không cần nhắc lại chuyện nhường chỗ nữa.

- Thế nói gì?

- ...

- Bà lão, bà qua đây. Ở đây có chỗ ngồi - Bỗng nhiên có người ở đằng sau nói to.

- Không cần, tôi sắp tới rồi.

Bà lão nông thôn xuống xe ở chân núi rùa. Từ đây, trên đường đến Điếu Lai, Hứa Tế Dân im lặng. Bạch Ngọc San cũng không nghĩ chuyện phá không khí căng thẳng ấy đi.

Bạch Ngọc San nhìn mãi ra ngoài cửa sổ. Ở sau lưng có người nói chuyện, cô nghe không rõ. Hình như họ bàn tán chuyện của hai người, mà hình như không phải. Cô không muốn quay đầu lại.

- Bác ở nhà làm gì? - Sau khi xuống Điều Lai một lúc, Hứa Tế Dân hỏi cô.

- Ba tôi dạy học.

- Dạy Đại học?

- Vâng.

- Trước đây, dạy ở Đại học là ghê lắm!

- "Bây giờ?"... Cô chỉ nghĩ mà không nói ra.

- Nghe nói cô có một người anh làm bác sĩ?

- Vâng.

- .Còn có một người anh nữa?

- Anh ấy dạy học ở Mỹ.

Hứa Tế Dân hiểu gia đình Bạch Ngọc San thật rõ ràng, lại có vẻ thích thú nữa. Không biết anh ta tìm hiểu ở đâu. Hôm nay anh ta hẹn Bạch Ngọc San cùng đi, có lẽ anh ta muốn bày tỏ cho cô hay rằng anh ta hiểu rất rõ gia đình cô.

Lúc này Bạch Ngọc San sực nhớ lời của Lệ Hoa dặn. Lệ Hoa thấy sự gần gũi giữa hai người nên bảo Bạch Ngọc

San nên cảnh giác với anh chàng này, và khi chưa tìm hiểu kỹ anh ta thì không nên quan hệ sâu.

Con người Lệ Hoa thật thanh tú, thông minh. Người trong công ty rất thích cô, thường muốn đùa cợt với cô. Hứa Tế Dân cũng cùng cô nói chuyện phiếm mấy lần. Có một lần, Lệ Hoa nói với anh ta là cô chỉ tốt nghiệp sơ trung thôi, đột nhiên anh ta cứng miệng không nói ra. Về sau, trừ khi tiếp xúc vì công việc, anh ta không hề đùa cợt với cô nữa.

Bạch Ngọc San ban đầu không muốn tin lời Lệ Hoa dặn. Lệ Hoa nói rất thật, không cố ý thọc gậy bánh xe. Bạch Ngọc San cũng không phải không tin Lệ Hoa, chỉ nghĩ rằng có lẽ Lệ Hoa hiểu lầm anh ta nên im lặng, cũng có thể vì lý do khác.

- Hôm nay hình như cô không vui?

- Có gì mà không vui - Bạch Ngọc San cười lạnh nhạt - Anh có nhiều anh em không?

- Năm anh em tất cả.

- Anh là anh cả?

- Không, anh hai.

- Đều học Đại học?

- Không. Anh cả ở quê, đang... đang cày ruộng. Chỉ có mình tôi học Đại học. Đứa thứ năm đang học cao trung,

học khá lắm...

Hứa Tế Dân nói tiếp mãi, có điều Bạch Ngọc San hình như không nghe anh ta. Cô chỉ mang mang nghe đàng sau có tiếng bước chân và tiếng nói. Hình như có nhiều người đi đằng sau bàn luận về cô và anh ta.

- Tuýt, tuýt! - Bỗng nhiên có tiếng huýt gió.

- Ha - Ha - Ha - Mấy người nữa hưởng ứng.

Hứa Tế Dân nhìn Bạch Ngọc San nháy mắt ra hiệu. Cô vẫn thản nhiên hướng về trước mà đi.

- Tuýt!

- Ha - Ha - Ha!

- Cái bọn này - Hứa Tế Dân nói nhỏ trong miệng.

- Mặc kệ chúng nó.

- Tuýt...

- Ha - Ha - Ha...

- Cái gì thế? - Hứa Tế Dân hỏi nhỏ.

- Mặc kệ chúng nó.

- Ha - Ha - Ha!

- Ồ! Lịch sự tý chú! - Hứa Tế Dân ngừng bước, xoay lại. Bạch Ngọc San cũng xoay lại. Bốn đứa học sinh Trung học, hình như cũng ngồi chiếc xe lúc nãy.

- Cái gì? Anh nói cái gì? - Đứa đi trước huơ chân bước

một bước lên phái trước, vừa xáp mặt Hứa Tế Dân.

- Nói như chó đánh rắm! Một đứa đứng bên phải trừng mắt nói, bên cạnh là khe nước.

Đứa thứ ba không nói gì, lặng lẽ đi tới sau lưng hai người, hai tay thọc vào túi quần, vẻ ngang ngược. Đứa cuối cùng nghiêng mặt nhìn thẳng vào họ.

Hứa Tế Dân đảo mắt nhìn chúng rồi kéo tay Bạch Ngọc San lùi vào chân đồi.

- Chúng... Chúng bay làm gì thế - Hứa Tế Dân tái mặt, tiếng nói run run.

- Muốn đánh bậy hả! Đánh bậy thì đi tìm tổ thiếu niên mà đánh. Bạch Ngọc San bình tĩnh nói rồi kéo tay Hứa Tế Dân - Đi, đi!

Bạch Ngọc San đi tự nhiên, không nói năng gì, nhưng cô vẫn nghe tiếng chúng nó vọng lại: "Hoa thơm cắm bãi cứt trâu".

- Tôi muốn trở về - Bạch Ngọc San dừng lại.

- Vì sao?

- ...

- Cô đang giận à?

- Không. Mẹ tôi đang bệnh ở nhà.

- Ôi!

- Tôi không đi nữa.

- Ở nhà không có ai?

- Anh hai xuất ngoại. Anh cả thì có gia đình rồi, không thể chăm sóc được. Ba tôi thường nói, một người một nhà, tôi sau này cũng cần tự lập, không dựa vào ai... Kỳ thật ba tôi không khỏe lắm, muốn về hưu.

- Ôi!

- Tôi thường nghĩ thế này, ba mẹ tôi nuôi tôi khôn lớn, tôi có thể thay ba mẹ làm một số việc, phải như thế, và cũng đáng tự hào nữa! - Bạch Ngọc San cố ý cao giọng nói câu sau, mắt nhìn thẳng ra phía trước. Cô cũng không hiểu tại sao mình lại nói những lời hoang đường như vậy. Có thể là cô nghĩ tới lời dặn của Lệ Hoa chăng? Cô nhận thấy lời nói của mình vừa rồi là một biện pháp hữu hiệu. Kỳ thực ba cô chưa bao giờ nói chuyện về hưu. Mẹ cô cũng không có bệnh tật gì. Nói ba mình về hưu thì không quan hệ gì, nhưng nói mẹ cô mắc bệnh thì bỗng nhiên cô đau lòng. Tại sao mình lại phải nói những lời không đúng như thế nhỉ? Để thăm dò ư? Cô cúi đầu xuống, nước mắt suýt tuôn ra.

Lúc Bạch Ngọc San đang cúi đầu, cô cảm thấy đôi mắt của Hứa Tế Dân nhìn thẳng vào mình, tuồng như anh ta đang đoán xem lời cô nói có thật không. Cô ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào mắt anh ta, giống như kẻ địch! Cô

nhìn thấy trong đôi mắt anh ta toát ra một sự ngờ vực và lạnh lùng, giống như anh ta bị lừa. Có thể anh ta nhận thấy cô đang nghĩ về sự sai lầm của mình trong lần hẹn gặp này.

Cô vẫn yêu cầu trở về, không đi nữa. Anh ta không phản đối, thậm chí không cần hỏi lý do.

Sau khi hai người chia tay, Bạch Ngọc San nghĩ rằng Hứa Tế Dân không hẹn hò gì với cô nữa. Đó là điều cô mong ước, hoàn toàn do mình tự lựa chọn. Nhưng sau khi anh ta chia tay cô thì cô lại có cảm giác như mình bị lừa và thất bại! Cảm giác này ngày một phình to đầy ắp trong lồng ngực, nhất là cô nghĩ Hứa Tế Dân chia tay cô là do sự lựa chọn của anh ta. Nếu có ngày nào đó, anh ta phát hiện ba mình không về hưu, mẹ mình không bệnh tật gì thì ý nghĩ của anh ta như thế nào? Không. Không thể xảy ra chuyện đó. Anh ta hoàn toàn mất hứng thú đối với cô rồi. Có thể, biểu hiện bề ngoài, anh ta vẫn giữ thái độ kính trọng, không phải vì quan hệ giữa hai người mà vì cô là thư ký của Trưởng Đổng sự kiêm Tổng giám đốc.

Có điều nếu như anh ta không có một thái độ cương quyết như thế thì trong số Mỹ Hoa, cô, hoặc rất nhiều chị em khác mà anh ta tiếp xúc để chắc chắn có thể chọn một ai đó, chắc chắn anh ta không còn là Hứa Thường vụ Đổng sự, như hôm nay nữa.

Bạch Ngọc San cũng nghĩ, nếu so sánh một chút con gái Trưởng Đổng sự có thể nhiều mặt không bằng cô. Nhưng Hứa Tế Dân chọn con gái Trưởng Đổng sự là để treo cái bảng danh nghĩa mà thôi.

Đó là cái giá! Hôm nay anh ta trở lại công ty với bộ mặt khải hoàn ca cũng là do cái giá ấy.

Lệ Hoa đã lấy chồng rồi và cũng thôi làm việc ở công ty. Nếu cô ta còn làm việc ở công ty, thấy Hứa Tế Dân trở lại, không biết cô ta có cảm giác gì?

Vừa rồi Bạch Ngọc San nhìn thấy Hứa Tế Dân, trong lòng có cảm giác khó nói. Tuy rằng anh ta là người bị cô loại ra, nhưng cô cảm thấy người thất bại chính là mình chứ không phải là đối phương.

Cô muốn khống chế mình: kỳ thực cô đã khống chế mình một cách rất tốt rồi. Nhưng từ khi Hứa Tế Dân và con gái của Trưởng Đổng sự kết hôn, anh ta lại được chọn làm Thường vụ Đổng sự nữa, cho đến hôm nay gặp anh ta một loạt sự kiện xảy ra như thế làm cho lòng cô hồi hộp như có dùi trống đánh vào ngực.

Hứa Tế Dân trở lại công ty là một đại sự, nhất là anh ta đã từng làm việc ở đây rồi. Rất nhiều người trong công ty cũng giống như cô khó mà thừa nhận một sự thật như vậy. Nhưng mỗi người, nếu còn cần làm việc trong công ty này thì đều phải thừa nhận nó.

Bạch Ngọc San cũng từng tưởng tượng ra cảnh tượng khi Hứa Tế Dân trở lại công ty. Cô cũng từng nghĩ muốn thôi việc trước khi anh ta đến. Cô không muốn gặp anh ta, đặc biệt trước thái độ đắc ý của anh ta. Cô tin tưởng mình có thể chịu đựng, nhưng hà tất phải chịu đựng một loại tình cảm nhục nhã như thế.

Trưởng Đổng sự đối đã với cô rất tốt. Nhưng cái ánh mắt vừa rồi của ông có vẻ khác, hay là cô nhìn nhầm? Cô thật khó giải thích. Lẽ nào ông ta có sự thay đổi đối với cô, chỉ vì ở giữa hai người có chen vào Hứa Tế Dân. Cô rất hối hận, làm sao mà cô không đủ nghị lực để từ chức trước đi.

- Reng reng...

Đó là tiếng chuông điện gọi cô của Trưởng Đổng sự. Bạch Ngọc San vội vàng đứng dậy, đẩy cửa phòng làm việc của ông. Cô cố ý không nhìn Hứa Tế Dân. Nhưng cái bóng của anh vẫn chập chờn trong con mắt của cô.

- Tiểu Thư Bạch. Cô đi mời các vị phụ trách các bộ môn tới đây để tôi giới thiệu Hứa Thường vụ Đổng sự mới nhậm chức - Trưởng Đổng sự vừa cười vừa nói, tuy rằng cuộc trò chuyện giữa họ vẫn còn tiếp diễn.

- Dạ.

- Không. Không cần. Đều là đồng sự cũ cả. Tôi đi gặp

họ - Hứa Tế Dân bình tĩnh, giọng nói rất tự tin.

- Gọi họ tập trung lại đây cũng thế thôi, thuận lợi hơn!

- Không, để tôi đi gặp, không chỉ gặp các vị chủ quản. Tôi cũng nên gặp các đồng sự khác.

- Ừ... ừ... như thế cũng được - Trưởng Đổng sự tươi cười nói - Tiểu Thư Bạch, thế thì mời cô dẫn Hứa Thường Vụ đi gặp các vị nhé.

- Dạ - Bạch Ngọc San đáp lại, nhìn trong đôi mắt ông không có gì khác những lần trước.

Hứa Thường vụ Đổng sự đang ngồi đợi, lập tức đứng dậy.

Trước đây Bạch Ngọc San thường nghĩ như thế này, vận mệnh của một người con gái, tuồng như quyết định ở chỗ họ tìm được đối tượng. Cô ta tìm được một vị quan chức ngoại giao thì cô ta là phu nhân của vị quan chức ngoại giao đó; tìm được một thị trưởng thì là phu nhân của thị trưởng. Tuy rằng cùng học một lớp, cô thấy mấy bạn học sau khi kết hôn với nhau, cái quan niệm trên lại càng mãnh liệt! Thế mà anh Hứa Tế Dân, là đàn ông lại giống như vậy. Cô nhìn anh ta mà nực cười, nhưng cười không ra tiếng.

- Tiểu Thư Bạch, rất lâu không gặp nhau - Vừa ra khỏi cửa phòng của Trưởng Đổng sự, Hứa Tế Dân nói, tuồng

như trong ký ức anh còn tồn tại hình ảnh cô.

- Đúng thế - Bạch Ngọc San lạnh nhạt trả lời.

- Hình như cô không muốn nói chuyện?

- Không phải thế - vẫn lạnh lùng.

- Không vui khi tôi trở lại?

- Không phải thế.

- Thế thì cô vui mừng chứ?

- Có lẽ nhiều người như cô không thích tôi trở lại. Nhưng mà tôi sẽ làm cho họ phấn khởi.

Bạch Ngọc San dẫn Húa Tế Dân gặp giám đốc tài vụ họ Trần trước tiên. Trước đây khi anh đang làm việc ở công ty thì thuộc hạ của giám đốc Trần và cả giám đốc Trần từng khuyên anh đừng bỏ công ty mà đi. Anh đi rồi; giám đốc Trần nói với Trưởng Đổng sự rằng thanh niên bây giờ ít tôn trọng đạo lý, chỉ cần xem trước mắt có món lợi nhỏ là quên cả ân nghĩa. Trưởng Đổng sự cũng chửi Húa Tế Dân là con người vong ân bội nghĩa, cùng quan điểm với giám đốc Trần. Chuyện đó Bạch Ngọc San mắt thấy, tai nghe.

Còn Húa Tế Dân đối với giám đốc Trần ra sao? Anh ta thường nói sau lưng rằng ông Trần không học hành gì, có tý thành tích đó là toàn dựa vào công lao của thuộc hạ. Công lao của thuộc hạ một mình ông hưởng.

Bạch Ngọc San cũng biết khá rõ về ông Trần. Ông ta tuy rằng không học hành gì, nhưng rất có năng lực và thông minh, lại chịu khó, chịu khổ. Ông có được địa vị như hôm nay là do tự bản thân ông phấn đấu.

Bạch Ngọc San dẫn Hứa Tế Dân trước tiên đến gặp bộ phận tài vụ, một mặt là vì giám đốc Trần có quan hệ cũ, lại được Trưởng Đổng sự quan tâm. Mặt khác cô muốn xem hai người gặp lại nhau như thế nào?

Bạch Ngọc San gõ nhẹ cửa hai cái, vặn con nắm, thò đầu vào trước. Giám đốc Trần nâng kính mắt lên nhìn, thấy Bạch Ngọc San, lập tức đứng dậy. Địa vị của cô trong công ty không bằng giám đốc Trần, nhưng giám đốc Trần xem cô là người của Trưởng Đổng sự, nên đối với cô rất lịch sự. Bạch Ngọc San mở to cửa, tránh ra một bên không nói gì. Hứa Tế Dân bước một bước dài vào phòng. Giám đốc Trần vừa nhìn, lập tức rời khỏi ghế, đón tiếp Hứa Tế Dân. Thật không ngờ một người đã lớn tuổi như vậy mà động tác thật là nhanh nhẹn.

Hứa Tế Dân cũng ngả về phía trước. Hai người bắt tay nhau, nắm rất chặt, lắc lắc không buông.

- Hoan nghênh, hoan nghênh, hoan nghênh Hứa Thường vụ - Giám đốc Trần mặt mày rạng rỡ, tay vỗ nhẹ vào vai đối phương.

- Hy vọng giám đốc vẫn như trước đây, bày vẽ tôi nhiều điều.

- Đâu thế, đâu thế. Những chỗ chưa biết rất nhiều, mong Hứa Thường vụ chỉ bảo cho.

- Không dám, không dám. Sau này công việc ở trong công ty có rất nhiều chỗ chưa rõ, mong giám đốc tiếp tục giúp đỡ.

Bạch Ngọc San có một nhận xét: Hai người bắt tay, vỗ vai, nói chuyện, tùy lúc tâng bốc nhau, nhưng vẫn ngấm ngầm thăm dò nhau, không chịu nhường nhau. Trong hòa bình vẫn có ý đối kháng. Bề ngoài hai người cười nói thật dễ thương, rất thành khẩn, chỉ hiềm một nỗi không làm được việc phanh phui gan ruột ra cho nhau xem. Nhưng trong ngữ khí của giám đốc Trần, có thể nhìn thấy khí khái của một trung thần. Còn ngữ khí của Hứa Tế Dân, rồi anh ta sẽ là chủ nhân của công ty này.

- Xin mời Hứa Thường vụ ngồi.

- Không. Đừng khách khí, sau này có thời gian nhiều lại đến thỉnh giáo giám đốc Trần.

- Đâu thế. Đâu thế. Chỉ mong Hứa Thường vụ đề bạt là tốt rồi.

- Giám đốc Trần quả thật khách sáo! - Nói xong, quay sang Bạch Ngọc San - Tôi muốn gặp đồng sự cũ ở bộ

phận tài vụ.

- Tôi dẫn đi cho - Giám đốc Trần như có dịp thể hiện lòng thành của mình, đi ngay.

Hứa Tế Dân không từ chối, cùng với giám đốc Trần sánh vai bước ra khỏi phòng làm việc. Bạch Ngọc San đi theo sau. Đồng sự cũ trong bọ phận tài vụ thấy họ, lập tức đều đứng dậy. Đối với Hứa Tế Dân, đại bộ phận nhân viên đều quen mặt. Anh ta bắt tay từng người, có lúc nói một vài câu, thật tự nhiên thoải mái, nhưng trước sau vẫn giữ một khoảng cách, tuy ở giữa khoảng cách đó không vạch một đường giới hạn.

Hứa Tế Dân cũng gặp khoa trưởng họ Dương. Trước đây hai người đều có cổ phần trưởng, vì tranh chức khoa trưởng và ngấm ngầm bài xích nhau. Kết quả họ Dương thắng. Khoa trưởng Dương tuy rằng cùng học một trường với Hứa Tế Dân nhưng học trước Hứa Tế Dân hai năm. Vì chức vụ khoa trưởng mà hai người chửi nhau một trận khá gay gắt.

Nghe nói khoa trưởng Dương là một trong những người được Trưởng Đổng sự nhắm gả con gái cho. Anh ta thông minh, tài trí hơn Hứa Tế Dân, thật là một nhân tài! Cũng nghe nói, con gái Trưởng Đổng sự muốn lấy anh ta, chỉ hiềm anh ta có người yêu rồi. Anh ta chung thủy với người mình yêu.

Cũng lại nghe nói, Hứa Tế Dân một mực muốn ra khỏi công ty dạo ấy cũng có liên quan đến việc tranh chức khoa trưởng không thành. Ai ngờ được rằng bây giờ lại cuốn bụi trở về, mà trở lại công ty với tư cách khác trước nhiều!

Khoa trưởng họ Dương cung kính chào Hứa Tế Dân. Bài ca khải hoàn trước bây giờ lại biến điệu! Nhưng Khoa Trưởng Dương hình như quyết tâm tiếp nhận hiện thực mới.

- Tôi trở lại đây - Hứa Tế Dân nói, bắt tay thân mật với khoa trưởng. Sau khi đến bộ phận tài vụ xong, Bạch Ngọc San dẫn Hứa Tế Dân đi một vòng vào các phòng kế toán, phòng nghiệp vụ, phòng tổng hợp.

- Mọi người đều khá cả.

- Đúng vậy.

- Đều giống như trước.

- Đúng vậy.

- Hình như cô không vui?

- Không phải thế.

- Cô mong muốn gì?

- Không có.

- Nhất định có. Cô có gì khó khăn nói cho tôi biết, nếu có thể giúp được, tôi nhất định giúp cô.

- Thế thì anh tìm giúp tôi một chỗ khác để làm việc.

Bạch Ngọc San rất muốn như thế.

*

* *

- Tiểu thư Bạch, cô đến đây một chút! - Trưởng Đổng sự đứng bên cạnh cửa gọi Bạch Ngọc San. Đây là lần gọi sau khi Hứa Tế Dân đến làm việc được nửa tháng.

- Tiểu thư Bạch, cô ngồi xuống đây. Trưởng Đổng sự không bấm chuông gọi cô, mời cô ngồi xuống, đều là chuyện thông thường. Nhưng Bạch Ngọc San luôn có một dự cảm. Cảm thấy hành vi của Trưởng Đổng sự hôm nay có chút không bình thường.

- Cô đến công ty này đã lâu chưa?

- Ba năm rồi.

- Ba năm... - Đúng vậy.

Bạch Ngọc San cảm thấy dự cảm mình không sai.

- Như thế này - Trưởng Đổng sự nói, dừng lại một tý - Công ty của chúng ta tạm thời có một quyết định...

- Quyết định gì? - Tim Bạch Ngọc San đập rất mạnh.

- Tôi không biết nên nói như thế nào - Trưởng Đổng sự do dự.

- Xin ông nói đi!

- Cô ở công ty này đã ba năm, tôi đối đãi với cô như thế nào?

- Rất tốt - Bạch Ngọc San nói. Đúng thật như vậy.

- Tôi thật không muốn cô đi...

- Ông muốn tôi từ chức ư?

- Không phải tôi. Đó là quyết định của công ty.

- Nhưng mà tôi không hề có sai sót gì?

Khi Hứa Tế Dân trở lại công ty, cô luôn muốn đi khỏi nơi này. Có lẽ ý này xuất hiện khi Hứa Tế Dân được chọn làm thường vụ Đổng sự. Từ ngày chạm mặt với Hứa Tế Dân, cô cảm thấy rất nhiều chuyện xảy ra ngoài ý nghĩ của cô, làm cho cô bị động. Và cô hình như cảm thấy họ đã hiểu rõ tâm can cô.

- Tôi biết. Cô không những không sai, mà cô đã xử sự rất tốt mọi chuyện, không hề có tý sơ suất nào. Cá nhân tôi rất cảm kích, cũng không muốn để cho cô đi khỏi nơi này.

- Ông cần tôi đi bây giờ không?

- Không. Không phải như thế. Chúng tôi chỉ muốn biết ý của cô.

- ...

- Đây không phải ý của một riêng tôi.

- Các ông muốn tôi quyết định ngay bây giờ?

- Ôi! - ...

- Cô không muốn...

- ...

- Nếu như cô thật không muốn, cô có thể nói cho tôi biết.

- Tôi không làm gì sai cả - Bạch Ngọc San nói nhỏ nhẹ. Cô nghĩ nếu như mình muốn đưa vấn đề ra trước, họ không dồn mình vào thế bị động được.

- Chúng tôi biết cô không làm gì sai. Tôi vừa nói đó. Ba năm lại đây tôi rất rõ cô, mà lại rất cần đến cô. Cô chắc hiểu rõ. Chẳng qua... nếu cô đáp ứng, công ty có một cách giải quyết khác. Đã lâu tôi nghe nói cô muốn ra nước ngoài. Chúng tôi có thể giúp cô một số tiền. Cô ở công ty đã ba năm, theo quy định, chúng tôi giải quyết cho cô ba tháng lương.

- Tôi không đi không được phải không? - Thật ra cô không muốn hỏi.

- Không phải là không đi không được. Cô đã biết công ty có quyết định như vậy, nhưng cũng là miễn cưỡng thôi, mọi người không tiện nó ra. Riêng tôi không muốn cô đi.

- ...

- Tôi hiểu lập trường của cô, nếu cô nhớ lại một chút

ba năm lại đây tôi đối với cô như thế nào thì cô sẽ rõ tấm lòng chân thật của tôi...

- Nhưng mà, bây giờ tôi không tìm được công việc.

- Chuyện đó, chúng tôi đã tính toán rồi. Công ty đã quyết định cô tiếp tục nhận lương cho đến cuối năm, tức là cô có thể lãnh 7 tháng lương, thêm một tháng lương thưởng và 3 tháng lương tôi vừa nói, cộng lại có thể nhận 11 tháng lương. Tôi tin rằng cô có năng lực như vậy, rất mau sẽ tìm được công việc, so với đây chắc tốt hơn, càng lý tưởng hơn.

- ...

- Nếu như cô muốn đi ra nước ngoài, đây là một cơ hội.

Bạch Ngọc San ngẩng đầu lên nhìn Trưởng Đổng sự, thấy nét mặt ông đầy xúc động, cô rất rõ ông chủ này đối với cô rất tốt. Cô đối với ông cũng có tình cảm, giống như tình cảm cha con. Nhưng ông đối ới cô lại bao hàm một thứ tình cảm khác.

Đại khái là năm ngoái, có một lần ông tỏ ý thích cô. Mấy năm trước đây vợ ông mất, nhưng ông chưa lấy vợ lại. Như ông, là một người trong giới công thương rất có danh vọng, muốn tìm một người vợ không khó lắm. Có nhiều tiểu thư trong các gia đình có danh vọng muốn làm

vợ ông. Bạch Ngọc San làm thư ký cho ông, đương nhiên cô biết rõ vài ba trường hợp.

- Tiểu thư Bạch, - Tôi yêu cô - Ông thành khẩn bày tỏ.

- Gì cơ? - Quá đột ngột, cô ngạc nhiên hỏi.

- Cô lấy tôi đi!

- Không .. - Cô lúng túng trả lời, trong lòng cô có chút sợ hãi.

- Cô không cần trả lời ngay.

- ....

- Nghe nói cô muốn đi nước ngoài?

- Tôi có ý định như vậy nhưng chưa quyết định dứt khoát.

- Tôi có thể để cho cô ra nước ngoài.

- Không.

- Cô không thích tôi?

- Tôi kính trọng ông, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến việc đó.

- Đây không phải là chuyện không vinh dự gì. Có lẽ tuổi tác chúng ta chênh lệch nhau nhiều. Nhưng... cô suy nghĩ lại xem!

- Không - cô cương quyết cự tuyệt.

Lúc này cô dứt khoát nói ý muốn từ chức cho Trưởng Đổng sự nghe.

- Hà tất phải như thế. Cô không bằng lòng, tôi không ép cô. Chỉ là tôi bày tỏ ý muốn của tôi với cô, mong có một ngày nào đó cô thay đổi ý kiến, thì cô trả lời tôi cũng được. Cô trực tiếp nói với tôi, giống như tôi trực tiếp nói với cô. Vì sự việc này chỉ cần hai chúng ta biết mà thôi.

Trưởng Đổng sự nói, bề ngoài rất bình tĩnh, kỳ thực trong nội tâm xao động dữ lắm.

Nhớ lại trước đây, Bạch Ngọc San có nghe người ta giới thiệu cho ông mấy nơi, ông đều từ chối. Việc này không thể tùy tiện mà giúp đỡ ông được, nên cô có mấy lần xin thôi việc, nghĩ rằng mình ra khỏi nơi đây thì có lợi cho cả hai người. Nhưng ông lại khước từ, giữ cô lại. Bây giờ nhìn ông như thế, cô không khỏi thương cảm.

- Ngoài ra, đây là mong muốn của tôi - Trưởng Đổng sự rút trong túi ra một tờ ngân phiếu đưa cho cô.

- Không.

- Trước đây cô có mấy lần muốn đi, tôi giữ cô lại, bây giờ lần này ngược lại tôi đề xuất, khuyên cô đi.

- Không. Tôi không thể lấy tiền của ông được. Tôi có nhiều rồi.

- Tôi không còn cơ hội nữa.

- Không được, không được!

- Thật mà, đây là tiền của riêng tôi, là tấm lòng của tôi. Nếu như cô đi ra nước ngoài thật, đối với cô sẽ thuận lợi hơn. Có lẽ đây là lần cuối cùng. Sau khi cô rời đây, tôi có muốn giúp cô cũng không có cách gì được nữa.

- Không! - Cô đột nhiên đứng dậy.

- Cô nhận đi - Ông cũng đứng dậy, đột nhiên ông nắm tay cô.

Ba năm qua, ông chưa hề nắm tay cô như thế, tuy rằng rất có nhiều cơ hội. Cô muốn rút tay ra, nhưng không rút ra được. Không ngờ ông khỏe như vậy! Hay là tự mình không còn sức nữa. Bạch Ngọc San nhìn ông, trong mắt ông như có tia lửa, trước đây cũng có nhưng không được rõ như vậy. Ánh mắt này, cái ngày Hứa Tế Dân đến làm việc, ngày đầu tiên khi anh ta nhận chức Thường vụ Đổng sự, cô có thấy qua. Nhưng lần đó so với bây giờ không giống.

- Xin bỏ tay ra. Ông nắm tay tôi đau quá.

- Cô nhận đi - Ông từ từ bỏ tay ra - Nếu như cô không muốn đi, cô cứ ở lại.

- Không phải đã quyết định rồi ư? - Bạch Ngọc San nói trong hơi thở.

- Việc này tôi chịu trách nhiệm - Trưởng Đổng sự nói,

ánh mắt lộ vẻ cầu cứu.

- Ông ... ông dã nói, nếu như tôi có nguyện vọng, có thể bất cứ lúc nào đề đạt với ông?

Từ khi Hứa Tế Dân trở lại, cô luôn nghĩ đến việc nói ra câu trên. Cũng vì câu này mà cô băn khoăn mãi.

Cô không bao giờ hướng tới cuộc sống giàu sang. Trong đầu óc cô luôn khắc họa một cảnh sống yên ổn, bình dị. Nhưng từ khi nhìn thấy Hứa Tế Dân, cô cho đó cũng là một loại cuộc sống. Cô không tán thành phương thức của Hứa Tế Dân. Nhưng giờ đây cô tự mình cũng cần đi vào cuộc sống đó để phủ định Hứa Tế Dân. Trong đầu óc cô đang đầy ắp ý niệm phủ định Hứa Tế Dân.

Hứa Tế Dân đã dùng phương thức này để phủ định toàn bộ công chức trong công ty, sao cô lại không phủ định Hứa Tế Dân được!

Lần trước, Trưởng Đổng sự tự bày tỏ với cô, cô không biết ông có còn ghi nhớ không. Lời của ông không hiểu còn nghiệm không. Quả tim cô hồi hộp nhảy loạn xạ. Mặt cô cũng đỏ bừng lên.

- Cô ... Cô muốn bày tỏ nguyện vọng của cô - Mắt của Trưởng Đổng sự sáng rực lên như có lửa đốt.

- Nếu như tôi lấy ông thì tiểu thư của ông và Hứa Tế Dân sẽ gọi tôi bằng mẹ?

- Trên danh phận thì như thế.

- Thế thì tôi có thể làm Đốc sự cho công ty, thậm chí làm thường vụ Đổng sự hoặc làm Trưởng Đốc sự?

- Có thể ... Có thể nói như thế.

Lúc Trưởng Đổng sự nói như thế thì tay ông nắm chặt tay Bạch Ngọc San.

- Xin ông bỏ tay ra.

- Cô đồng ý rồi mà?

- Không. Tôi không đồng ý.

- Cô cũng không có nguyện vọng?

- Tôi nghĩ, tôi đi khỏi đây là tốt nhất.

- Bạch tiểu thư!

- ...

- Cô không nên đi!

- Tôi ở lại có ý nghĩa gì?

- Cô không nên đi, tôi yêu cầu cô!

- Ông vừa rồi yêu cầu tôi đi kia mà?

- Đó là quyết định của công ty. Tôi...

- Ông không phải là đại biểu của công ty sao?

- ...

- Tôi rất muốn biết ai yêu cầu tôi đi?

- ...

- Ông không thể nói cho tôi biết sao?

- Là tôi!

- Ông?

- Vâng.

- Không, tôi không tin.

- Trên thực tế là ai?

- ....

- Là Hứa Tế Dân phải không?

- ...

- Tôi biết.

- Không. Không phải anh ta!

- Thế thì là ai?

- Con gái tôi!

- Ý của tiểu thư nhà ông chẳng phải là ý của Hứa Tế Dân sao?

Bạch Ngọc San vừa thốt ra câu nói ấy, ngẩng đầu nhìn, thấy mặt của Trưởng Đổng sự tái mét và đôi mắt của ông hiện lên đường gân đỏ. Từ trước tới nay cô chưa bao giờ thấy Trưởng Đổng sự có biểu hiện như vậy. Xem ra, ông biến thành già nua, mệt mỏi. Cô không tin vào đôi mắt mình nữa. Thật ra, cô biết đó là trạng thái tạm thời. Lời

cô vừa nói ra đó, là ý nghĩ của cô nung nấu hơn nửa tháng nảy, không ngờ Trưởng Đổng sự hiểu ra. Cô cảm thấy sợ, lùi lại một bước.

- Tiểu thư Bạch .. - Ông Trưởng Đổng sự kéo cô lại, nhưng bị cái ghế chắn ngang, làm người ông chồm lên phía trước. Khi con người của Trưởng Đổng sự chồm lên, Bạch Ngọc San tuồng như nhìn thấy cái bóng của Hứa Tế Dân. Tuy rằng đó là cảm giác xảy ra trong chốc lát. Nhưng cô biết rất rõ đó lại là sự thật, là cái bóng khổng lồ của Hứa Tế Dân, gạt Trưởng Đổng sự ra, chồm lên người cô.

- Không! Không - Cô nói lúng túng trong miệng, lùi nhanh hai bước.

ĐOÀN HỒNG *dịch*

TRƯƠNG HIỂU LÂM

ĐOẠN VỰC

Tháng 5 năm ấy, Bình Tử Sán được giao việc hướng đạo cho một đoàn làm phim. Họ phải quay được hai đoạn cảnh ở một nơi có vực sâu nổi tiếng. Một buổi chiều, họ đến gần nơi có vực sâu ấy và dừng lại ven một thôn nhỏ. Ngay đầu thôn là một cánh đồng đầy những đụn rạ là đám gà nhặt thóc rơi. Đám người đi qua cũng không hề khiến chúng sợ hãi.

Nghỉ ngơi một lát, đạo diễn gọi Tử Sán đến dẫn đi xem vực. Cái vực ấy quả là thần sầu quỷ khóc. Đứng trên đó mà Tử Sán thấy chóng cả mặt.

Vực cất dựng đứng hun hút, mây khói lững lờ không biết sâu dường nào.

Đạo diễn rất phấn khởi, bảo Tử Sán mai vào làng mua bằng được một con ngựa, bất luận giá cả thế nào miễn cứ dắt về là được.

Dân làng vừa ăn sáng xong đang ngồi tán gẫu đầu làng thấy Tử Sán đến, họ vui vẻ kéo lại. Một ông lão lấy thuốc ra mời.

Nghe Tử Sán nói lý do đến, mọi người hết sức ngạc nhiên: "Ngựa ư? Trong thôn có đến mấy con, cứ dắt đi một con mà dùng việc chi phải bỏ tiền ra mua?".

Ông già cho thuốc hút bảo: "Ngựa cho khách quý dùng phải là ngựa tốt nhất - Quay sang bên, ông trỏ píp thuốc vào một cậu thanh niên trông vẻ sáng sủa - Xuân Sinh à, mời quý khách đến nhà xem ngựa nhà mày đi, xem có ưng ý không?".

Quả là một con ngựa tuyệt vời. Lông trắng tinh như tuyết không tạp một sợi khác màu. Nhìn thấy Tử Sán nó bỗng sững lại đứng chồm lên bằng hai vó sau, ra sức giật dây cương vẻ như muốn bỏ chạy.

Chàng trai phải cố hết sức mới tìm được nó lại.

Ngựa được dẫn đến chỗ đoàn làm phim, đạo diễn bắt đầu huấn luyện con tuấn mã.

Mấy hôm sau, một tốp dân làng kéo ra bãi cạnh vực sâu. Đạo diễn ngăn mọi người, chỉ cho họ đứng phía dưới núi.

Sắp xếp xong xuôi, đạo diễn gọi một diễn viên chuyên đóng vai Cascađơ (diễn các cảnh nguy hiểm) cưỡi lên lưng ngựa. Một người đứng sau quất thật mạnh vào đít bắt nó phải lao vọt lên vách núi.

Như có linh tính, con ngựa lao lên mấy bước, chỉ còn

chút nữa là tới mép vực thì nó đứng sững lại, chân nó ghìm chặt tại chỗ mặc cho người đánh đập. Nó dứt khoát không chịu bước thêm về phía trước. Nó kêu rít lên thê thảm như đang hô hoán điều gì, tiếng hí nghe thật thê lương.

Không còn cách nào khác, đạo diễn đành lấy băng vải đen buộc chặt mắt nó. Khi ấy, con ngựa rớt nước mắt. Những giọt nước mắt thấm ướt vải chảy rớt từng giọt từng giọt to tròn.

Nhìn những giọt nước mắt ấy Tử Sán ngỡ như nó mang màu đỏ thẫm, tự dưng thấy đau đớn trong lòng.

Cảnh quay bắt đầu. Con ngựa bị người ta dùng sức đẩy xuống vực. Nhanh như chớp, Tử Sán hốt hoảng lao đến, con ngựa đang giãy dụa trong không trung. Cái đầu nó còn cố sức để ngóc lên phía miệng vực dường như muốn lao trở lại vách núi cao, trở về với đồng cỏ của nó. Trông nó hết sức đau khổ và tuyệt vọng...

Không biết trời đã tối xẩm tự lúc nào. Người trong làng đều kéo đến tận nơi. Họ đứng đó trầm mặc, không nói một lời. Trong mắt họ tràn đầy nỗi đau khó tả. Ông lão giới thiệu con ngựa, miệng mím chặt run rẩy, nước mắt lăn dài trên chòm râu trắng bạc.

Nhân viên tài vụ bước đến trao cho chàng trai chủ ngựa một bó tiền. Cậu ta ngẩn ra một lúc rồi từ tốn nhận lấy.

đôi mắt trở nên ngơ ngẩn, miệng lẩm nhẩm đôi câu rồi vung tay lên. Mớ tiền xòa xuống như rượu rót xuống vực. Những đồng bạc lả tả bay lượn trong không trung giống những phiến lá vàng vọt.

Khi cả bọn Tử Sán xuống núi không còn gặp một dân làng nào.

Không lâu sau, trên một tờ báo địa phương, Tử Sán đọc được một tin ngắn. Kể rằng có một lão nông đi chơi nhà con gái về, khi biết con ngựa từng cứu mạng mình bị con trai bán đi cho đoàn làm phim đã lao xuống vực chết, ông lão ngất xỉu. Sau tỉnh dậy hóa điên, rồi không biết tình hình sao nữa...

Tử Sán buông báo ngẩn người hồi lâu.

Rồi có một hôm Tử Sán lại được xem cảnh phim quay hồi ấy, một kỵ sĩ cưỡi con tuấn mã trắng tuyền phi nhanh trên con đường nhỏ ven vách núi. Đột nhiên trước mắt hiện ra một vực sâu, con tuấn mã không kịp thu vó lại, nó rít lên một tiếng rồi lao xuống vực. Tay kỵ sĩ thật phi phàm, chỉ một cú lật người đúng vào tích tắc tuấn mã lao vào không trung, anh ta vọt khỏi mình ngựa lăn ra và thoát chết. Còn con ngựa, nó từ từ, chầm chậm, rơi dần, thấp dần.

Bộ phim kết thúc không một âm thanh...

Cảnh đó diễn ra rất chậm. Cùng với hình ảnh con ngựa rơi, tim Tử Sán thắt lại, nghẹn ngào...

Nghe nói phim được coi là "có tầm cỡ" và dành được Giải thưởng lớn nọ kia. Và Đạo diễn cũng vì thế giành được giải đạo diễn xuất sắc. Chỉ có điều khi trao giải, đạo diễn không thấy đến.

Cũng từ đó Tử Sán rất sợ nhìn vực thẳm.

TRINH BẢO *dịch*

(*Tiểu thuyết Nguyệt San số 7-97*).

TRƯƠNG LẬP CẦN

TUYẾT LẠI RƠI TRÊN CỎ

Mỗi khi tôi đưa mắt nhìn anh thì anh đã đến cạnh tôi rồi. Phía xa xa sau lưng anh là ngọn đèn điện, ánh sáng như một mảnh khăn voan phất phơ theo chiều gió tạo nên một vầng sáng mơ hồ màu tím nhạt. Qua vầng sáng lung linh ấy, mái tóc và vầng trán của anh trở nên mờ ảo.

Đôi mắt anh cử động, anh nói gì nhỉ?

Anh chia tay ra.

Trong lễ đường tiếng nhạc phát ra đầy ắp cả không gian. Tôi cảm nhận một không gian sôi động và hứng thú, những dòng tình cảm cuộn trào. Chẳng hiểu vì sao tôi lại đến đây? Các bạn học kéo tôi đi, thoạt đầu là vậy, còn về sau thì sao? kỳ thực trong những ngày nằm viện, tôi luôn khao khát khi xuất viện mình sẽ vào đại học, đương nhiên là phải cố thi cho đậu, bất chấp việc tôi có thể chết vào thời gian không lâu nữa. Nhớ lại những ngày điều trị dai dẳng và đau khổ ở bệnh viện, cơ hồ như mọi cái chẳng còn ý nghĩa gì... Xuất viện rồi, tôi cần đi học, tôi cần đọc sách, chơi thể thao. Lúc này, người tôi còn gầy yếu lắm,

tóc rụng hết, chỉ còn mấy sợi lơ thơ dính vào da đầu, và đôi lông mày trắng bệch còn đeo theo tôi bao lâu nữa? Tôi chờ đợi cái ngày mái tóc mượt mà trở lại, chẳng biết có được không. Mấy đứa bạn học chết tiệt cứ kéo tôi đến đây, thôi thì xem cũng được, dù sao, ban đêm cũng chẳng có việc gì để làm. Tôi bị chìm ngập vào một thứ ánh sáng lơ mờ hư ảo, mí mắt tôi nặng trĩu và những cánh cửa sổ bằng kính của căn phòng chìm vào đêm. Bàn tay anh nắm chặt tay tôi, tôi cảm thấy tay mình như một thân cây nhỏ. Xung quanh tôi là một rừng cây ấy, hay là những mái tóc mượt mà của các cô thiếu nữ gợi lên cảm giác rừng cây? Rừng cây vây quanh tôi, tay tôi trong tay anh như là một cành cây khô chăng? Ánh đèn chiếu xuyên bóng hai người lên mặt đất, khiến mặt đất thẫm lại. Có lẽ do luồng sáng kéo quá dài, tôi thấy cự ly giữa tôi và anh rất rõ. Tôi nghe cả hơi thở hổn hển của mình, tiếng bước chân tiếp xúc trên mặt đất lên đều đều đâu đấy. Và tiếng nói của anh, thoạt đầu không nghe rõ, còn bây giờ, khi đã gần anh, lại vẫn không nghe gì cả, chỉ có âm thanh của từng nhịp nhảy lẫn hơi thở, hơi thở của anh, hơi thở của tôi, âm thanh của vũ điệu với tiết tấu 1-2-3, 1-2-3, bước lùi 2-3, chuyển thân 2-3... Tôi nhớ rất kỹ. Máu trong người tôi dường như chảy theo từng nhịp nhảy. Tiếng nhạc réo rắt, dịu êm len lỏi cả vào từng thớ thịt, giống như một thứ ảo ảnh vô hình. Anh nhảy thật đẹp, tôi nghĩ, chính anh đã dạy tôi

nhảy, và đây là lần đầu tiên tôi nhảy ở vũ trường, liệu anh có biết không? Tối nay tôi nhảy quả không tồi, chưa lần nào dẫm phải chân anh và chẳng mấy vụng về phải không nào?...

Tiếng nhạc âm vang xoắn xuýt quanh chúng tôi. Mí mắt tôi nặng trĩu, tuy nhiên, tôi vẫn thấy những chiếc cúc sáng lấp lánh trên chiếc áo màu xanh da trời anh đang mặc. Chúng tôi lại say sưa dìu nhau xoay tít theo mấy tiếng nhạc. "Em hơi chóng mặt". - Tôi nói khẽ. Anh không nghe thấy, cứ quay chậm rồi lại quay nhanh, quay chậm rồi lại quay nhanh... cứ thế... cứ thế, anh biến thành một vòng tròn màu xanh da trời mờ ảo, xoay tít. Còn tôi, gần như bị cuốn theo một cách vô thức. Chẳng biết từ lúc nào hai chúng tôi di chuyển đến một khoảng trống trện sàn nhảy, và bằng cách nào đó đã làm tắt tiếng nhạc huyên náo cùng những ánh đèn màu xanh đỏ nhấp nháy. Tôi bỗng nghĩ, mình biết nhảy rồi, mình nhảy rất đẹp và mình đang say!...

Hai trường của chúng tôi chỉ cách nhau một con đường đầy cát, đó là một con đường nhỏ nghiêng nghiêng trong quá khứ. Dưới ánh trăng, cát trên đường phát sáng, những hạt cát dính trên giày cũng phát sáng. Khi đến thềm hội trường, tôi dùng một tờ giấy loại vò lại phủi cát trên giày, nhưng rồi lại đi về phía một đám cây, tìm trên chiếc ghế

dài dặt trong bóng tối, nơi tôi vẫn thường ngồi và giờ đây, tôi cảm nhận thấy giữa tôi và cuộc đời này gần gũi biết bao! Bệnh tật chẳng là gì cả! Một khát vọng sống trỗi lên mãnh liệt! Những âm thanh quen thuộc đưa tôi trở về thời thơ ấu với tiếng gió, tiếng mưa không thể nào quên được. Ôi, những hình ảnh, những khuôn mặt xa lạ lay động, đong đưa trong tiếng nhạc! Tất cả những cái đó là diện mạo không hề đông cứng, nhạt nhẽo, bi thương của dòng suối âm thanh cuộn chảy. Cuộc đời ơi, ta trở lại với người! Tiếng nhạc tràn đầy cảm xúc khiến tôi không thể không xúc động. Từng giọt, từng giọt âm thanh bồng bềnh giữa không trung, dường như là đầu mối của mọi suy nghĩ trong tôi. Những suy nghĩ mơ hồ tràn ra từ trong tâm tưởng nhấn chìm tôi trong điệu van uyển chuyển, ấy là lúc anh đưa tay cho tôi, và như thế, tôi càng chìm sâu hơn, sâu hơn... Anh đưa tôi tiếp cận với đỉnh cao âm nhạc, và, nó thấm vào huyết quản biến thành máu của tôi.

Cho đến lúc này tôi cũng không hiểu rõ tại sao anh lại đến với tôi, ngay khi tôi chưa kịp thấy anh thì anh đã phát hiện ra tôi trong đám đông. Trong ánh mắt của anh, tôi như thế nào nhỉ, dưới chiếc mũ vải màu trắng đáng ghét của tôi, lẽ nào anh không thấy chán một cô gái đầu không có tóc? Tôi nghĩ, chiếc mũ trắng của tôi, trong ánh sáng nhập hòa, trông chắc thê thảm lắm, nó không hề phát

sóng, và, dưới ánh đèn chiếc mũ chấp như một cánh chim non nớt tội nghiệp. Có lẽ, trong sự tưởng tượng bởi tấm lòng nhân đạo của anh, chiếc mũ như một màn tuyết trắng rượt đuổi không thôi trên thảo nguyên. Mà bão tuyết của thảo nguyên thì đâu thiếu sức tàn phá hãi hùng! Đó là lần cuối cùng tôi khiêu vũ cùng anh, đột nhiên tôi muốn vứt đi chiếc mũ để cho mái tóc mềm mại mượt mà chảy xoã trên vai. Nhưng, tôi hoàn toàn thất vọng, một niềm đau xót dâng trào, và, lần đầu tiên tôi cảm thấy sợ ánh nhìn của anh...

Trời trở lạnh, cuộc khiêu vũ đã mãn.

Nơi chúng tôi đang đứng là trước một dãy phòng lợp ngói đỏ, người ta sắp biến nơi đây thành sân trượt băng. Đêm về khuya, bên ngoài cửa sổ bàng bạc một màu trắng đục như thể một dòng sông đang trôi, làm không khí ẩm ướt len vào cửa sổ làm bật lên tiếng kêu u u lạnh buốt.

Một buổi sớm nọ, tôi đẩy cổng ký túc xá, trước mắt tôi, nơi trước đây là một khoảng đất trống màu xám không còn nữa, ánh sáng phát lên từ sân băng như những chùm hoa bạc lấp loáng, phản chiếu từng áng mây trôi trên nền trời xanh thẳm. Chẳng biết ai đã khắc rất nhiều vết dao nhọn lên mặt đông cứng để vương vãi những mảnh băng vụn xung quanh? Ai đã khuấy động sự yên tĩnh của mùa đông như thế? Trong phút chốc tôi cảm nhận một làn gió

ban mai mơn man thổi tới, vừa lạ lại vừa quen, ôi làn gió mơn man!

"Bây giờ anh ở đâu hả anh?"

Tôi mường tượng ra hình ảnh của anh mà sao cứ mờ mờ ảo ảo? Gương mặt ánh mắt, cái mũi của anh và những chiếc cúc áo lấp lánh hiện ra trong một thứ ánh sáng tím nhạt. Tất cả những cái đó vừa mơ hồ vừa rõ nét biết bao cứ hiển hiện lên trước mắt tôi. Mùa hè trôi qua, tuyết lại rơi trên cỏ, mặt trời ngủ vùi ủ rũ trên sân băng. Đã bao lâu rồi tôi không khiêu vũ, từ những ngày cởi bỏ áo quần bông để mặc sơ mi và đi giày vải, trong những ngày dài dằng dặc ấy, tôi quên bẵng đi đoạn đường cát trắng nghiêng nghiêng phát sáng cứ như dài mãi ra vô tận. Anh có đến trượt băng ở trường không? Tôi tự hỏi.

Một buổi sớm mùa đông bầu trời xám xịt, mây xám lởn vởn trên sân băng. Trên trụ điện cạnh sân băng, một ngọn đèn đêm muộn mằn hắt vầng sáng màu tím nhạt vào không trung. Đã bao ngày rồi tôi thức dậy vào giờ này. Và, trong bóng tối lờ mờ, tôi đi đôi giầy trượt băng, cẩn thận buộc dây thật chặt. Tôi lặng lẽ trượt lên sân băng, thầm ao ước trong đám người từ bên kia đường đi lại, đột nhiên có anh. Tôi hình dung anh đi đôi giầy trượt, đầu đội một chiếc mũ nhỏ... Và, khi anh trượt băng thì sẽ như thế nào nhỉ, cái hình dáng của anh ấy? Anh biết không, tóc của

em đã mọc tốt lại rồi, thật đấy!

Nhưng anh không hề đến trong suốt mùa đông của tôi!

Mùa hè lại trở về. Con đường cát trắng nghiêng nghiêng, lễ đường, âm nhạc... Tôi lại nghĩ đến đêm khiêu vũ dạo nào. Và bản nhạc trữ tình đêm ấy.

Thế nhưng, tôi chẳng bao giờ gặp lại anh. Tất cả những gì tôi cảm nhận được trong buổi khiêu vũ cùng anh, dường như tôi không thể nào chịu đựng nổi. Tôi muốn quên đi tất cả, song vẫn không thể nào quên! Hôm tôi xuất viện, nghĩa và vừa bước ra khỏi căn phòng quét vôi màu tuyết trắng, chính anh là người giúp tôi vượt qua bao thất vọng, âu lo. Trên đời này, chẳng biết ta sẽ gặp người tương ngộ ở đâu, có lẽ chỉ là trong chốc lát! Và, ngay đến tên của anh ta, ta cũng chưa kịp hỏi, nhưng hai người vẫn có thể ngầm hiểu nhau... Thế nhưng, điều ấy dễ gì lặp lại trong đời?

TRÀ LY *dịch*

TRƯƠNG MỤC

MỘT LẦN CHẾT

Nếu tôi nói với bạn: "Tôi đã chết", chắc chắn bạn sẽ bảo: "chuyện hoang đường". Nhưng năm ấy, khi tôi từ miền Nam xa xôi trở về thành phố nhỏ quê hương ở Tây Bắc, gặp lại những gương mặt thân quen thì ai cũng thốt lên:

- Ô! Sao bảo đã... chết rồi kia mà?

Tiếng "chết" thốt lên rõ mồn một. Trên đoạn đường từ bến xe về nhà, hầu như mỗi bước, tôi đều nhận thấy sự ngạc nhiên. Về đến cổng, vợ con chạy ùa ra, mừng quýnh, ngỡ ngàng. Mẹ tôi khóc mọng cả mắt. Tin tôi chết, cả phố này đều biết. Trận nước lũ ở miền Nam cuốn đi một lúc biết bao sinh mạng. Một người nào đó đã nhìn tận mắt họ tên tôi trong danh sách thông báo những người bị nạn ở bến đò nào đấy. Điều làm cho mọi người càng tin hơn là hai tháng liền tôi không gửi thư về, đơn vị điện hỏi khắp nơi cũng vô tăm tích, thậm chí đơn vị đã báo cáo đề nghị Thị ủy cho người đi tìm chính xác. Thế là cả phố xôn xao, ầm ĩ. Nào ngờ họ tên tôi lại trùng với họ tên người xấu số nào đó thành ra to chuyện.

Thật ra, tôi chẳng biết gì về cơn lũ ấy khi con nước Trường Giang cuồn cuộn dâng lên, thì tôi đang cùng đám bạn bè bù khú với nhau tại một thị trấn nhỏ ở Xuyên Bắc. Song nghiễm nhiên tôi là người đã "chết". Bà con cô bác gần xa đến thăm, ai cũng coi tôi như từ cõi chết trở về, khiến tôi cũng tưởng như mình đã chết thật. Thế đó, vốn là cái rất xa xăm, chỉ chốc lát đã đẩy lên gần trong gang tấc. Trên đời này, con người chẳng qua chỉ là cái bọt nước. Bỗng một cơn gió nhẹ thoảng qua làm cho nó trở lại dạng nước trong nháy mắt. Trong cuộc hành trính của mình, nếu tôi gặp phải chuyến đò ấy thật, thì ai đó báo tin nọ là tin nhảm nhí, ai dám chắc cái thằng tôi vốn đáng chết hay đáng sống? Tôi buồn tê tái. Vợ tôi bảo:

- Vừa may được lên lương, anh về làm một bữa ăn mừng! - Cô ấy còn nói rằng: bình xét nâng lương kỳ này tôi không ở nhà suýt nữa bị mất phần. "Người đi trà nguội" mà! Nhất là anh A. Cùng đơn vị vốn chơi thân với tôi, thường hay tâng bốc tôi, xong chính anh ấy lần này đã tỏ ra "chu tất" nhất. Anh ấy bảo: "Chết rồi thì lên lương làm quái gì?" đương nhiên là có dụng ý của anh ấy. Tôi nghe mà xót tận ruột gan. Thì ra, trên đời này lại có chuyện ấy. Tôi đến đơn vị, anh A đang trong phòng làm việc. Sau giây lát ngạc nhiên, anh tươi cười ôm choàng lấy tôi, suýt nữa anh khóc. Anh ấy hữu hảo quá chừng. Nữ sĩ B. cùng

ngồi bên cạnh. Chị đứng dậy nói một câu lạnh nhạt: "Đã về đấy à?" Nữ sĩ chuyên biên tập truyện ngắn, ít nói, cứng cứng, xưa nay dường như chẳng hợp gì với tôi. Tôi nhớ có lần ngồi tán chuyện, khi tôi nói với nhà văn nữ thuộc loại "cởi mở" nọ, chị đã tỏ ra bực bội, tranh cãi với tôi một chầu. Những tưởng tôi "gặp nạn" lần này, chắc chị ấy sẽ dửng dưng. Ngờ đâu những "cái loa truyền thanh nhỏ" đã kể cho tôi nghe một lô sự việc khiến tôi giật nẩy mình: khi tin tôi chết đồn ầm lên, thì nữ sĩ B. lại tỏ ra sốt sắng nhất. Chị đánh công văn đi hỏi. Chị thức trắng đêm gọi điện đường dài..Chị lên tận nhà hỏi thăm, an ủi. Trong cuộc họp bình xét lên lương, chính chị đã đứng lên nói:

- Xét về lương tâm, thì cả đơn vị chỉ có cậu ấy mức lương thấp nhất. Xét về biểu hiện, thì có lẽ chả ai bảo cậu ấy có việc làm xấu. Chúng ta lại chưa có bằng chứng xác minh cậu ấy đã chết. Mà dù có chết thì nhà sáu người vẫn còn năm phải sống. Sống như thế nào? Người không còn. Tình người phải còn chứ! Trên đời này kỳ thật! Điều cần nhận ra thì không nhận ra. Điều không nhận ra lại khiến ta kinh ngạc. Phái hoang đường có một câu chuyện viết rằng: một người chết đặt trong quan tài bỗng dưng sống lại. Anh ta phân biệt cặn kẽ những tiếng than khóc ở bên ngoài. Khóc thành thật nhất lại là những âm thanh không thân quen. Còn anh bạn chí thân của anh thì vừa

vung búa đóng đinh, vừa mưu mô chiếm đoạt vợ và của cải của anh để lại. Muốn hiểu thấu sự đời, có lẽ người ta cũng phải "chết" một lần mới được. Về đến nhà, tôi như kẻ mất hồn. Tiện có cuốn tạp chí liền dở vài trang thì vừa khéo một mẩu tin ngắn đã cuốn hút tôi: "Rút cuộc một con người đánh giá bao nhiêu? " Mẩu tin viết: Cơ thể người ta có thể tách ra một lượng chất béo đủ làm được bảy, tám bánh xà-phòng, một lượng vôi cố lắm mới đủ quét một gian buồng nhỏ, một lượng phốt-pho đủ làm hai mươi bao diêm và một lượng sắt có thể làm được một cái đinh dài 1 tấc. Tất tần tật trị giá không quá mười mấy đồng. Nhưng bài báo lại nói nếu đưa cho anh số nguyên liệu đó bảo anh tạo nên một con người sống có suy nghĩ thì có dùng hết tiền bạc, của cải của toàn thế giới cũng không đủ. Giá trị của con người, chỉ ở chữ "người". Song cũng là những con người đang sống, họ khác hẳn nhau ở chỗ nào, thì bài báo không nói đến.

Bỗng con gái tôi chạy lên gác gọi to:

- Bố ơi! Lạ quá bộ ạ! Cái chuông của nhà ta ai vặn mất lại lắp vào xe rồi!

Đó là cái chuông xe đạp để ở hành lang dưới nhà. Tôi cũng thấy lạ, không biết đã lắp mấy cái? Cũng không biết đã bị mất cắp mấy cái? Song lần này bàn tay nào đã lắp trả lại. Có lẽ kẻ trộm đã động lòng? Chẳng là gia đình

này có người bất hạnh mà!

Tôi nhắm mắt, nhả khói thuốc, nghĩ đến anh A, nghĩ đến chị B, nghĩ đến nhiều hình tượng mới thấy lại sau khi tôi "chết", nghĩ đến cái bàn tay lắp lại chuông xe đạp, hoặc giả gọi nó là X. - những ký hiệu sống thần bí. Vâng! Sau khi "chết", tôi mới thật sự cảm nhận được tí chút cái nóng lạnh, ngoắt ngoéo của sự đời. Cũng là may, qua cái "chết" ấy, mà tôi có chút nhận biết về "đại thiện thế giới" (danh từ của nhà Phật).

Dường như, bên ngoài cửa sổ có một đàn kiến, đàn dế trũi đang bò trên mặt đất bao la, mỗi con bò một hướng tứ tung, mà nét mặt thì mờ ảo, mà thậm chí chỉ là một mảng mầu. Song trên mỗi con vật rõ ràng còn có một tia tín hiệu, lúc ẩn lúc hiện, giống như cái tia rực rỡ của chị B, giống như cái bàn tay có lúc rất cao cả của tên trộm X đáng yêu, nó chiếu rọi vào chỗ tăm tối của tâm hồn, thậm chí chiếu sáng nửa bán cầu làm cho cả một quần thể sống khổng lồ, bò dần đến một nơi có giá trị.

- Sống! Bao giờ cũng may mắn. - Tôi thốt lên: - may mắn nhất là cảm nhận được những tia sáng tín hiệu ấy.

VŨ CÔNG HOAN *dịch*

(từ Nhân dân nhật báo 17-4-1989)

TRƯƠNG SIÊU SIÊU

BÃI RẮN

Xà lão đại nổi tiếng bởi ba điều: Kỹ thuật bắt rắn siêu hạng,thuốc chữa rắn cắn linh nghiệm, tiền bạc vô kể. Vì thế kẻ đến cầu cạnh cũng như mong ước chiếm được kiều nữ xinh đẹp của ông làm vợ nhiều lắm .

Nói là người đến cầu thân đông như kiến trên cây, chen vai thích cánh nối hàng dài dằng dặc cũng không ngoa. Cha cô gái bày ra một cách kiếm rể. Ông tuyên bố:"Người nào vượt qua được bãi rắn này sẽ lập tức làm rể ông".

Bãi rắn có tới trăm loại rắn độc, rộng nửa mẫu, tường cao vây quanh, cả ngàn con rắn nhung nhúc, những cái lưỡi đỏ thụt thò như chóp người xem khiếp đảm chỉ sợ dính độc.

Người cầu hôn vây kín như rừng quanh bức tường cao đông đến mức nước chảy không lọt. Cứ nhìn bãi rắn, ai nấy đều run rẩy sợ hãi, không một kẻ nào dám liều mạng nhảy xuống.

Xà lão đại cho con gái ngồi trên bức tường đối diện, đôi mắt lạnh lùng quan sát.

Bỗng có một người nhảy xuống bãi rắn lao vọt qua nhanh như tia chớp. Cha cô gái mở cửa đón con người may mắn.

Đám đông hò reo vang dội.

Người đàn ông mình ướt đầm đìa, vẻ như không, gọi lớn: "Kẻ nào đẩy ta xuống bãi đến mà lĩnh thưởng". Nườm nượp người kéo đến.

TRINH BẢO *dịch*

TRƯƠNG THỪA CHÍ

HOÀNG HÔN TRÊN THẢO NGUYÊN[1]

Hoàng hôn buông xuống lúc nào không hay. Trên thảo nguyên bao la, một chàng trai to cao, chắc nịch đang cắm đầu bước vội. Cát dưới chân anh lạo xạo. Cơn gió lạnh đã nổi lên. Thường thì vào buổi hoàng hôn mới có cơn gió này. Anh bước đi mệt mỏi, nhưng không hề đổ mồ hôi. Thảo nguyên mùa hè xơ xác, gò đống nhấp nhô, chìm nổi. Những mạch đá trơ trụi đỏ quạch, nhìn từ xa giống như tảng than, tạo cho người đi đường cảm giác ấm áp. Nhưng giờ đây, những mạch đá đỏ quạch, những bãi cỏ xơ xác đều trở nên lạnh lẽo khi màn đêm từ từ buông xuống. Tiếng ầm ào xa xa cũng hầu như ngưng đọng lại. Có điều, khi cái âm thanh vẫn đeo đẳng bên tai không dứt ra được ấy không còn nữa, con người bất giác cảm thấy xuống sức giống như ngọn lửa bị rút bớt củi.

Chàng trai nhìn thấy một tảng đá nhô khỏi mặt đất, liền dừng lại. Anh ngồi xuống và nghe các khớp xương kêu lục cục. Toàn thân nhức mỏi không chịu được. Anh quẹt diêm, que diêm gãy đôi. Anh nhìn thấy ngón tay cầm

(1) Nguyên văn Văn Triều, chúng tôi dịch ý.

diêm run run. Hoàng hôn xám xịt tiếp tục buông xuống thảo nguyên. Cái âm thanh ầm ào mà ban ngày nghe đã quen, hình như đang bị dồn đuổi, mất hút ở phía xa xa, đầu thảo nguyên.

Hút xong điếu thuốc lại lên đường, anh mới biết ngày hôm nay quả là mệt. Hai chân như đứt hết gân, giẫm trên đất mà không vững, hai vai trống không đến khó chịu, hai tay như treo đầu sợi dây mỏng, thõng xuống. Chàng trai cảm thấy các ngón tay nhức nhối như sưng phồng lên. Anh suy nghĩ nặng nhọc, sải bước đi về nhà. Hoàng hôn lan tỏa như làn nước, mặt đất chậm chạp trốn dần vào đêm.

Từ công trường đào cát về nhà phải mười lăm cây số. Làm công việc này con người như phát điên lên. Xong việc, vứt xẻng đi, muốn nằm nghỉ cũng không được. Anh đoán, nếu nằm xuống thì có thể chết đi luôn. Cho nên mười lăm cây số mặc dù hơi xa đấy, nhưng vừa đi vừa thở có thể hô hấp bình thường trở lại, các khớp xương xơ cứng cũng có thể linh hoạt lên. Mấy hôm trước, anh vẫn thấy trên đường về nhà giữa hoàng hôn bao la, nhịp thở bình thường hơn, đầu óc cũng tỉnh táo hơn.

Có điều trong lòng anh không khỏi kinh ngạc. Đào cát đã mấy hôm, anh vẫn chưa hết kinh ngạc. Từ trước đến nay anh chưa bao giờ làm một công việc như thế này. Anh

doán cha anh khi còn sống cũng chưa hề làm một công việc như thế này. Bóc đi ba thuớc đất, trên công trường đào cát, mặt đất cứ bị bóc đi từng vạt, từng vạt. Anh lặng lẽ sải bước, cảm thấy cả một ngày ròng rã, bồng bềnh như trong mộng, đến bây giờ mới bắt đầu tỉnh lại. Một ngày mười mấy giờ, con người như bị ma ám, bùa nhập. Mà biết đâu có ma quỷ nhập vào người anh thật, vì hơn mười tiếng đồng hồ hùng hục mà không thấy mệt, không biết đói. Chỉ đến bây giờ mới cảm thấy đói, đói cồn cào, đói quẫn quại, từng chập một. Có điều anh cũng chưa thật rõ đó chính là đói, anh cảm thấy tri giác đang được khôi phục dần. Không chỉ bụng đói, toàn thân đau mỏi, mạch máu chảy rần rật dưới làn da.

Mây xám kéo kín bầu trời, rồi bỗng tan đi, một góc trời sáng lên. Hai con én nhỏ xoè đôi cánh xanh lấp loáng liệng qua trước chân anh. Anh nghe một tiếng kêu khô khốc của con én. Tiếng kêu sao mà lảnh lót. Anh cảm thấy trong lòng cũng tạnh ráo lên. Thảo nguyên lạnh và ướt... Anh nhẩm tính ngày hôm nay làm được tất cả mười chín khối. Người thành phố đúng là điên rồi, dám bỏ ra bốn đồng mua một khối cát. Nghe cai thầu nói, vài hôm nữa sẽ nâng lên bốn đồng rưỡi một khối. Người nhà quê cũng điên rồi, bởi vì chỉ một tháng mà có thể kiếm được hai nghìn đồng. Nhưng bán sức lao động mà kiếm về được

hai nghìn đồng, việc như thế không làm thì mới thật là điên. Bạn anh, hơn mười chàng trai, khi đào cát thì câm lặng. Cai thầu nói, cát ở đây không cần sàng xảy, thì cũng không cần đánh đống. Thế là họ xúc cát dưới hố rồi hất thẳng lên xe tải. Hai tay nắm chắc cái xẻng, dồn sức vào lưng, mồ hôi rơi thì lấy tay gạt, bàn tay rộp thì miết đi, nhất định không để cho suối cát đứt đoạn, từ tinh mơ đến sẩm tối, đôi mắt anh chăm chắm vào dòng cát tung toé như sao hất từ hầm lên. Đôi mắt sưng húp, mặt đỏ. Từng xẻng cát bay lên ngang qua đầu, giống như suối vàng, lấp lánh. Lâu dần, mắt anh hầu như chỉ trông thấy những chấm vàng li ti. Ngay cả tấm lưng đen bóng của các bạn anh, cả mấy cái xe tải nặng nề đang thở hồng hộc, cả mặt trời và mây, anh đều không thấy. Thậm chí có lúc anh quên cả cái cán xẻng trong tay và cái lưng cúi xuống ngẩng lên, trong cái hầm đào cát sáng choang, anh cảm thấy mình hùng hục như điên dại.

Quanh hết cái gò có độc một cây cao, trên thảo nguyên hoang vu bắt đầu nhìn thấy hoa mã liêm(1) xanh thẫm. Mấy năm trước, ở đây người ta từng trồng sắn, còn ươm cả một đám phi lao. Nhưng rồi vùng trồng trọt trở lại thành đất hoang, về sau lại chính cỏ mã liêm phủ kín mảnh đất trơ trụi. Hai năm qua anh đã nhìn quen mắt,

(1) Có thể dịch là hoa liềm ngựa, một loại cỏ dại có hoa xanh. N.D.

cứ đến mùa hạ là hoa mã liêm phủ kín một vùng, dầy đặc, nặng nề.

Từ xa có thể nhìn thấy vài ngôi nhà nhỏ lọt thỏm trong đám cỏ. Nó giống như mấy con lạc đà lạc, nằm phủ phục giữa thảo nguyên. Sau khi cái xe tải chở cát cuối cùng đi khỏi, anh đã tính toán xem, hay là ngủ lại trong lán công trường. Các bạn nói là đã để lại cho anh một sạp nằm. cai thầu thấy anh làm cật lực cả một ngày trời mà còn đi bộ mười lăm cây số về nhà ăn cơm thì nhổ nước bọt đánh toẹt, rồi lườm anh một cái. Mày khinh bỉ tao, tao cũng cóc cần, đi thêm mười lăm cây số nữa tao cũng đi, miễn là móc được nắm tiền ấy của mày. Anh ghét cai thầu, ghét cái thằng hay nhổ nước bọt, ghét nó không hề mó đến cái xẻng mà lại vớ bẫm. Chắc là đêm ngủ hắn không hề gặp ác mộng, anh đoán thế. Anh không rõ rút cục hắn ăn bao nhiêu, nhưng anh tính chí ít hắn cũng xơi mất một nửa. Con đường trước mặt lại quẹo vào bãi hoang, anh thấy đôi chân ngày một nặng. Mệt đến nỗi mí mắt muốn sụp xuống. Mấy túp lều xa xa cũng không trông thấy nữa, bốn phía hoang vu, bóng đêm đã trùm kín xa gần.

Nhưng không có cai thầu thì anh và các bạn cũng không có việc đào cát. Cai thầu đeo kính râm, cưỡi mô tô, không làm gì mà còn nói bóng nói gió, nhưng chính hắn đã tìm cho mười chàng trai con đường kiếm ra tiền. Không chỉ

riêng anh, cả mười chàng trai trong bọn họ đều một lòng một dạ quyết tâm moi từ cái hầm cát này cho kỳ được hai thứ, đó là vợ và nhà. Anh chẳng nghĩ gì hết, chẳng hỏi han gì hết, anh không thấy đói cũng không thấy mệt, anh biết mình có cái bản lĩnh ấy, có thể từ sáng tinh mơ đã gập mình hất cát rào rào lên xe, hất liên tục cho nó thành một dòng suối vàng không dứt. Cai thầu xấu hay tốt mặc mẹ nó, anh nhìn hắn cũng như nhìn một đống cát. Anh chỉ giật mình khi nghe tiếng sật của cái xẻng ấn vào cát, y đúc tiếng con dao ấn vào miếng thịt. Lưng anh đã biến thành cái lò xo cứng, bật rất nhanh và gấp. Cả một ngày ròng rã, cái lưng gập xuống bật lên không ngừng không nghỉ. Cái xẻng như dính chặt vào hai bàn tay. Anh không hiểu làm sao con người có thể có sức khỏe dường ấy, anh chưa hề thấy ai làm việc hung hãn như vậy. Có thể vì cái đó mà anh không muốn ngủ lại trong lán công trường. Con người ở đây chẳng cần gì đen trắng hết, chỉ cần không chết vì kiệt sức, chỉ cần vợ và cái nhà, hai thứ mà nửa đời người không làm sao với được. Không thể ngủ lại ở chỗ ấy, bởi vì chỗ ấy là nơi vật lộn sống chết giữa người và đất.

Cuối chân trời như được nâng cao lên, màn đêm tràn ngập, anh cảm thấy không khí lạnh dần. Mặt đất trước đây từng trồng trọt nổi lên loang lổ, trọc trụi. Trong buổi

hoàng hôn không nhìn rõ ranh giới. Cả một làng du mục đã dời lên phía Bắc theo nước và cỏ, chỉ để lại mấy gia đình. Giờ đây anh đã nhìn rõ mấy ngôi nhà bằng đất. Anh thở nặng nhọc, dấn bước đi nhanh.

Thực ra thì vùng thảo nguyên này vẫn có thể chăn thả. Nếu mùa hè có mưa thì ở đây sẽ mọc lên vô vàn cỏ, vừa dày vừa mỡ màng. Nhưng những người dân chăn thả đã quen thói phiêu bạt, họ như đám mây trôi, ra đi và không bao giờ trở lại. Ban đầu là lùa gia súc trước, lên tận phía Bắc, rồi sau đó cả thôn nhổ lều bạt đi theo. Thôn làng trở thành hoang phế. Phía Bắc ngăn cách bởi một dải cát đã thoái hóa, phía Nam bởi những đám ruộng của một thôn làng, mấy cái nhà đất nho nhỏ nổi lên giữa đám cỏ mã liêm mênh mông đã trở thành điểm mốc ranh giới.

Từ thảo nguyên trống trải anh nhìn ra xa, ngôi nhà của gia đình anh và các nhà lân cận, những ngôi nhà đất thấp lùn xiêu vẹo, nằm phủ phục im lặng nơi xa kia, trông thật cô đơn.

Chàng trai lục lưỡng đi qua một giếng giữa đám đất đá bạc phếch. Vừa lúc ấy, một làn khói bếp nhè nhẹ bốc lên. Bất giác anh nhíu đôi lông mày lại, như nghĩ ngợi điều gì. Cũng giống như thời nhỏ, chạy nhảy như điên suốt một ngày ròng rã, về đến chỗ này là bắt đầu trông thấy làn khói bếp từ từ bốc lên. Sau ngày đi làm cũng vậy, từ công

trường lấy đá hay từ bãi trồng sắn trở về, chống cán xẻng bước đến chỗ này cũng thường nhìn thấy trước mắt một làn khói nhè nhẹ dâng lên. Anh nghĩ, ở nhà vẫn hơn - anh thử nắm bắt cái hương vị ấm áp ấy, về nhà ngủ vẫn hơn. Cứ mỗi ngày về đến cạnh cái giếng này là ở nhà mẹ ta bắt đầu nhóm bếp. Anh nhìn đăm đăm cái làn khói nhẹ quen thuộc kia, thật thân thiết biết mấy. Ở nhà vẫn là hơn, ăn cơm và ngủ ở nhà vẫn hơn - phải để mẹ ta có người bầu bạn. Anh đã quen rồi, mẹ anh cũng quen rồi, không thể ngủ ở cái lều trong hầm cát công trường được.

Trên mái các ngôi nhà đất xa gần đều bay lên làn khói trắng. Khói bếp màu sữa lặng lẽ tản ra, như bắt đầu một cái gì. Anh giẫm lên đám cỏ dại thưa thớt, nhằm thẳng nhà mình khật khưỡng bước đi, nghe hai chân loạt soạt nặng nề quệt qua bụi cỏ. Mệt quá rồi, anh nghĩ một cách khó nhọc, cánh cổng nhà chẳng qua chỉ hơn trăm bước, nhưng toàn thân bỗng nhiên như mềm nhũn ra, thở đứt hơi, đầu ngón tay thõng thẹo, anh thấy kỳ lạ, làm sao mệt đến sắp đổ xuống thế này. Rõ ràng là mình sắp đổ xuống thật, giờ đây đến cả việc suy nghĩ lung mung cũng thấy khó nhọc.

Anh dốc sức, lê đôi chân như gãy rời về nhà. Anh đã nhìn thấy mái tóc bạc trắng của bà mẹ bay phất phơ trước cánh cửa tối mò.

Bà già lấy hết sức dùng muôi đảo miếng xương bò trong chảo. Nước trong chảo sôi sùng sục, khúc xương nhỏ lên rất to và thô. Bà nhìn ngọn lửa phân bò(1) phừng phực, ánh lửa lung linh chiếu sáng đôi mắt tươi vui. Bà nghĩ, đã đến giờ thằng con trai về nhà. Bà nhìn ra ngoài, quả nhiên con bà đang đi qua cái giếng chỗ đất mặn. Sau khi đốt lửa dưới lò, bà cứ ngồi như vậy, không ngừng đảo cái vó bò trong chảo.

Nhìn từ khung cửa bằng gỗ mở rộng, có thể thấy một làn sương trắng bay về đồng cỏ. Đó là khói bếp bay lên từ nóc nhà, thằng con trai lưng hổ mình gấu thường lững thững từ phía bãi hoang đi ngược đám khói ấy mà về nhà. Nhìn thằng con bước đi siêu vẹo, bà già nghĩ lung lắm. Bà lại vào bếp chăm chú đảo nồi xương đã ninh dừ.

Hoàng hôn hôm nay, phía Tây không có ráng đỏ, cả một mảng mây xám nặng nề trùm mặt đất. Mệt quá rồi, bà già lẩm bẩm, con ta mệt quá rồi. Bà cầm kẹp sắt, gắp một tảng phân bò khô bỏ vào lò, nhìn chăm chắm ngọn lửa vàng liếm vào trôn chảo. Trong nhà tối đen những vạt cỏ phía ngoài cổng gỗ thì vẫn mờ mờ sáng. Thực ra thì những người chăn cừu và lạc đà chẳng việc gì phải vội vàng dọn làng mà đi. Đất sẵn bỏ hoang, cỏ mã liêm lại

(1) Miền nội Mông Trung Quốc người ta dùng phân bò khô để đun nấu. N.D.

xanh lại. Đất trọc trụi nhưng cỏ vẫn mọc. Sự thực thì ở đây vẫn sống được. Thế mà tất cả đã dọn đi, người dọn đi, nhà dọn đi, cả đàn bò, đàn cừu cũng dọn đi. Người phải dọn đi, cho nên nhà dân chăn thả chẳng bao giờ mọc rễ. Thế mà bà và thằng con trai cùng mấy hộ nữa từ đâu đến đã cắm rễ ở đây quá nửa đời rồi. Bà lắc lắc đầu, lại gắp một miếng phân bò khô cho vào lò - nhà cửa cho dù xiêu vẹo nhưng đã quen rồi. Mảnh đất này chỉ còn sót lại mấy gia đình không gốc gác, không nghề nghiệp. Những gia đình như thế đứng được không phải dễ. Bà thở dài, rồi lặng lẽ vớt xương bò cho vào cái âu. Dù sao thì con trai bà cũng khỏe như trâu, có thể yên ổn đi trăm dặm kiếm tiền. Công việc gì thì cũng là công việc. Thời buổi nào rồi cũng qua cả. Lúc có làng chăn thả, con trai mình nhặt đá, đào giếng; bò cừu chuyển đi rồi, con mình sửa đường, đào cát, thời buổi nào rồi cũng qua cả.

Bà già dụi mắt, chăm chú đảo lại cái ống xương bò bị đè xuống dưới. May mà hôm trước, đi giúp nhà họ Lý ở thôn Đông sửa nhà, hôm nay người ta mang đến một thau xương bò. Bà nhẫn nại đảo xương. May mà có cái ăn - công việc đào cát thật ác nghiệt. Cái xương còn dính nhiều thịt, còn trong ống xương là tủy có thể làm cho người ta cứng cáp lên. Có điều việc nặng hơn nữa rồi cũng phải làm, bà nghĩ như vậy, con trai đã bốn mươi không thể cứ

ở vậy. Lần này làm cật lực, cắn răng mà làm cho đến khi đưa được cô dâu về nhà.

Bà lại ngẩng nhìn ra, rồi nheo mắt lại. Bà nhìn không rõ mặt mày thằng con trai đang bước đến gần. Chỉ thấy đôi vai rộng đang đung đưa. Gió từ phía ấy thổi lại làm vạt cỏ như dậy sóng, khói trắng tan đi trong cỏ, thằng con trai mệt quá rồi, bà già nhìn đăm đăm cái bóng chao đảo, nó bước đi chuệnh choạng, lê không nổi đôi chân. Người đàn bà thở mạnh, rồi nhanh tay vớt hết xương ra âu. Trong phòng tràn ngập hơi nóng.

Cái vùng cát ấy hẳn phải có vàng! Bà già nghe người ta nói, vàng thường lẫn trong cát. Sống đã bảy mươi bảy tuổi, lần đầu tiên bà nghe nói đất cát lại được tiền đến như thế. Để moi cát dưới lòng đất, người ta bóc đi ba thước đất, bỏ hết ruộng vườn. Những việc như thế hơn bảy mươi năm nay chưa hề nghe nói bao giờ. Thời thế đổi khác rồi, trên phố xây nhà lầu thì đến đây tìm đá, tìm cát. Họ bỏ ra rất nhiều tiền để mua cát mua đá, nghe mà phát sợ. Bà mở vung chảo, bỏ một nắm kê vào, ngọn lửa vàng lại liếm vào trôn chảo, cháo thịt bò đang cuồn cuộn sôi trong chảo. Cát đá đắt như vậy mà dùng để xây nhà lầu thì quá là hoàng cung. Bà lại gạt mớ tóc bạc xoã tung, chống cánh tay gầy guộc lên cái thùng gỗ đựng phân bò khô. Bên ngoài trời tối dần, lớp lớp mây màu chì đè nặng

lện thảo nguyên. Những đám hoa mã liêm lấp lóa sáng xanh giữa màn đen xám xịt.

Cái hòm gỗ đựng phân bò khô này đã dùng năm mươi năm. Từ năm bà hai mươi tuổi về làm dâu ngôi nhà đất ba gian thấp lè tè này, cái hòm gỗ sơn xanh đỏ đã đặt ở chỗ ấy. Trên hòm có cái quai sắt sơn đen. Hồi ấy chưa có vali như bây giờ. Những người thợ làm đồ thiếc qua lại vùng chăn thả phía nam thảo nguyên này đều dùng loại thùng gỗ có quai sắt làm vali. Năm mươi năm trôi qua rồi, cũng có thể chính tay bà đã mài cái quai ấy đến độ mỏng manh như bây giờ. Số phân bò khô để trong hòm là do bà nhặt được hôm nay ở phía Tây đồng cỏ. Thôn chăn thả đã dời đi, ở đây phân bò ngày một ít, tìm phân khô để đun nấu ngày một khó. Đi đến tận phía Tây đồng cỏ để nhặt phân thì quả là quá xa. Bà deo sọt phân chống gậy tre, đi mãi đi mãi đến nhức đầu hoa mắt. Thằng con trai đã nói là nó định chờ dịp rỗi rãi sẽ đi chặt một ít cành liễu dại(1) nhưng việc ở công trường ai nấy đang làm chí chết, chẳng biết đến bao giờ nó mới rỗi cho. Mùa đông năm nay không chặt được một ít cành liễu là không xong. Làng chăn thả dọn đi rồi, tìm được phân bò thật khó. Bà chống tay đứng dậy, từ từ vươn lên, toàn thân xương cốt kêu răng rắc. Bà lại vươn tay nắm lấy thành lò, thở một

(1) Nguyên văn: liễu lá đỏ. N.D.

lúc rồi cuối cùng đứng thẳng lên. bà già bưng cái âu đựng vó bò ra đặt giữa phòng. Trong ánh hoàng hôn mái tóc bạc lấp lánh. Người là thép, cơm là gang - bà lẩm bẩm trong bụng. Nghĩ đến lúc thằng con trai hai tay nắm chặt hai đầu cái xương bò mà gặm thịt, đôi mắt mờ đục sáng lên một nụ cười. Thằng con trai nhai thịt giống như cọp, như báo. Ăn được một bữa như vầy, con người mệt mỏi đến mấy cũng lại sức. Bà già lại bưng cháo thịt ra, bày một dãy cùng với âu xương. Cả hai thứ nóng dẫy bốc khói làm cho thảo nguyên đang chìm dần vào màn đêm lạnh lẽo cũng như được sưởi ấm.

Rồi bà xách một cái xô sắt, mò mẫm bước ra cái vại ngoài cửa. Hai bàn chân giẫm lên sỏi cát và phân bò khô. Bà nghĩ, đi sang phía Tây đồng cỏ nhặt được một sọt phân thật quá xa, nhức mỏi hết cả người. Kể từ ngày còn là thiếu nữ, vừa đuổi bướm vừa nhặt phân, thế là đến nay đã gần qua hết một đời người. Cũng chưa có người đàn bà nào đi sang tận phía Tây đồng cỏ chỉ vì một sọt phân bò khô. Bất giác, bà nhìn sang phía Tây, cả một vùng mênh mông mù mịt, trời và đất đang chìm dần vào đêm. Lúc đó, thằng con trai cũng đã về đến nhà, đang vừa đi vừa cởi áo khoác lao động. Bà đang múc nước vào xô, vừa mục vừa dự định ngày mai nếu đi nhặt phân thì phải đi từ từ thôi.

- Mẹ! - thằng con trai khẽ gọi.

- Ờ! - Bà ngẩng lên, - mà rửa ráy đi con! - Bà vừa nói vừa lấy khăn mặt đưa cho con trai. Thằng con trai nhấc cái xô lên, giội vào đầu và vai. Những hạt cát trên cánh tay và lưng trôi xuống. Bà mẹ lặng lẽ đứng một bên nhìn. Gió đêm thổi tung mái tóc bạc. Thằng con trai lại dơ thùng lên, dòng nước trong suốt và lạnh lại ào ào đổ xuống lồng ngực dày dặn. Trong bóng tối lặng lẽ, những hạt nước bắn ra như châu ngọc, tiếng nước rào rào nghe thật vui tai.

Người mẹ cảm thấy hơi lạnh từ đồng cỏ phả vào, bà cuốn chặt vạt áo lại. Chờ cho con trai tắm rửa xong bà vào phòng bưng ra bát, đũa, dao ăn. Bà trở môi nậy nắp chảo lên, hơi nóng và mùi thơm xông ra ngào ngạt. Cháo thịt dính đầy cái môi trong tay bà. Hơi béo từ ống xương đã ninh dừ phả vào đôi má khô đét của bà, thổi vào mái tóc bạc phơ của bà. Bà "hà!" một tiếng thỏa mãn, trong lòng tràn ngập cảm giác chắc chắn.

Hai mẹ con ăn xong bữa cơm. Thế là đã đến cái lúc có thể xả hơi một chút, cái thời khắc duy nhất trong suốt một ngày.

Những đám mây xám và thấp đã lan dần. Mặt trời đã lặn từ buổi chiều nay bỗng từ dưới đất hắt lên một luồng sáng. Mấy ngôi nhà đất đã chôn sâu trong bóng đen cũng

sáng lên ánh đèn màu vàng. Bò mẹ bò con nằm chen chúc. Chó cũng ngừng sủa. Một ngọn gió dài dặc nương theo cái yên tĩnh thấm dần vào giấc ngủ, rồi quét qua mấy ngôi nhà đất im ắng mà thổi ra đồng cỏ và tan biến tận nơi xa.

Đứa con đặt bát xuống, khoan khoái nằm nghiêng trên thảm bẻ các khớp ngón tay. Bà mẹ ngồi xổm bên cạnh, mở ra một bọc lông lạc đà còn lẫn cả lá cây. Suốt một ngày, chỉ có lúc này là lúc hai mẹ con có thể ngồi xuống nghỉ ngơi một lát. Sắc trời lúc này cũng nhanh chóng tối sầm lại. Những co núi, giếng thơi, mái nhà, bụi cỏ... rải rác đó đây trên mảnh đất hoang phế này, hầu như cũng đều đang xả hơi, đều như tan biến đi, đều như có, như không.

Thằng con trai dựa vào tường, nằm dài trên thảm trước cửa, hút thuốc, duỗi thẳng đôi chân nặng nề. Hầm cát đã sâu quá rồi, đúng ra phải bàn bạc với đồng bọn khoét to miệng hầm mới dễ đào. Như vậy là phải bóc đi một lớp đất đen trên mạch cát. Bóc đất đương nhiên phải chậm việc đào cát lại. Đôi chân sung huyết nhức thùn thụt, anh thả lỏng đầu óc nghĩ bâng quơ xem tầng đất đen dày bao nhiêu. Chẳng có gì ghê gớm cả - anh nghĩ. Nghe nói vùng nông thôn phía Nam, những người nghĩ ra việc bóc đất đào cát đang hăm hở như điên. Người ta còn phá cả hoa

màu, như thế mới gọi là có tầm nhìn - anh nghĩ, để xem lần này rồi vận đỏ sẽ về tay ai. Ngày mai phải bóc lớp đất đen đi, anh nặng nhọc phả một làn khói thuốc đặc ngầu. Chẳng có gì ghê gớm, huống chi ta đã được ăn uống tốt thế này. Mẹ ta ninh vó bò dừ đến thế, ăn vào mấy đầu ngón tay ngón chân đều nóng lên. Anh giương mắt nhìn mẹ, trời tối quá, không thấy rõ mặt mẹ, chỉ trông rõ mái tóc rối bạc trắng như bông. Thế là một ngày ròng rã chỉ có lúc này mới có thể cùng mẹ nghỉ ngơi chốc lát. Anh cảm thấy những sợi tóc bạc lất phất của mẹ đang ánh lên luồng sáng bạc trong đêm tối mịt mùng.

Từng đợt gió là là thổi đến, mặt đất như nhè nhẹ dâng trào lên, gió tràn qua từng lớp sóng cỏ, như thể ngọn thủy triều đang dâng lên trên mặt biển, không bờ không bến.

Bà mẹ già ngồi trên một tấm da trâu còn cả lông, trong ánh sáng mờ nhạt, tay cầm một cái kim bằng xương chân bò, lụi cụi dệt lông lạc đà. Cái kim bằng xương bò đã trơn bóng, tay cầm nó mà lòng thấy khoan khoái. Cái xương này so với cái xương thằng con trai đã gặm sạch khi nãy thì nhỏ hơn, nhưng bà cũng đã cất cái xương khi nãy đi rồi. Cái xương ấy chắc hơn, bà nghĩ, khi dệt lông lạc đà sẽ yên tâm hơn. Sau này, vợ thằng con trai mình chắc sẽ là một đứa con gái rắn chắc, khỏe mạnh, bà nghĩ như thế rồi liếc nhìn con trai. Nhưng góc sát tường đã tối mò, bà

chỉ nhìn thấy một đôi vai rộng. Bà nghĩ bụng, rồi mình sẽ cho con dâu cái kim ấy, một cái kim xuyên tốt, sờ vào rất thích, vừa tinh xảo vừa trơn tru.

Bà cứ nhẩm tính như thế, cái kim dài luồn một sợi lông lạc đà xe rất săn, đều đặn đưa lên đưa xuống. Trời sắp tối hẳn, bà nhìn ra thảo nguyên trống vắng, bãi cỏ có chen lẫn hoa mã liêm đã mờ mờ, không phân biệt được màu xanh thẫm của hoa. Chỉ nhìn thấy cây cỏ lay lay như có một dòng thủy triều lướt qua ngọn cỏ, và đâu đó bóng thằng con trai in trên bãi cỏ giống như một con trâu đang nằm. Làn khói thuốc đen trắng từng đợt tỏa vào thảo nguyên, trong nháy mắt đã tan biến đi. Chỉ còn lại bốn bề bức màn đen đóng chặt.

- Ngủ chưa con? - Bà mẹ thu dọn kim chỉ, hỏi.

- Vâng, ngủ thôi - Đôi vai đen ngòm của anh con động đậy.

Hai mẹ con đều buồn ngủ, không ai nói năng gì nữa. Yên lặng đến mức nghe được tiếng ngọn cỏ lay lay. Đây đó là những chấm đèn màu vàng khi mờ khi tỏ tỏa ra từ mấy túp lều trên thảo nguyên. Giữa mênh mang, ngọn triều dâng lên yên lặng, sâu thẳm trong lòng đất như có một thứ âm thanh nghe không rõ. Mẹ và con lại ngồi một lúc nữa - giây phút nghỉ ngơi duy nhất trong một ngày sắp kết thúc rồi. Ban ngày nóng bức đến xung huyết sắp qua

đi, đêm đen hiền hòa và yên tĩnh thì chưa đến.

Anh con đứng dậy: "Con ngủ đây, mẹ à!" - Anh ta nói, tiện tay xách tấm thảm lên. Ngày mai đối mặt với lớp đất đen còn nặng nề hơn hôm nay. Không thể nhõ nhàng được, phải nhanh chóng đi ngủ thôi.

- Ngủ đi, ngủ đi con, - bà mẹ nói, - ngày mai phải dậy sớm đó. - Ngày mai đẹp trời, buổi sáng đi mượn một con bò, đến phía Tây bãi cỏ nhặt một ngày - bà nghĩ, chắc là có thể chở về một xe bò chất đốt. Việc chặt cành liễu chưa vội - bà lại nhìn cái bóng của thằng con, cứ để cho nó chuyên một việc đào cát đã.

Hai mẹ con lặng lẽ thu dọn các thứ, chuẩn bị nghỉ ngơi. Trời lập tức tối đen, mọi vật chìm vào tăm tối. Chỉ đôi vai lúc lắc của thằng con và mái tóc bạc trắng của bà mẹ là còn mờ mờ toả sáng. Ngọn lửa vàng nhảy nhót bấy lâu trong lò cũng dần dần tàn lụi, chỉ còn lại một chấm than nửa đen nửa đỏ. Ngôi nhà bằng đất màu vàng nằm đó vững chãi chìm vào sự yên tĩnh vững chắc.

Đăng trên Thượng Hải văn học
Số 2 năm 1985
LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

TRƯƠNG VĨ

ĐẦM NƯỚC TRONG

Cát trên bờ biển màu trắng. Mặt trời ban trưa hun nóng cát, cát lại hun nóng cỏ, cây dưa và cả con người. Trong ruộng dưa hầu mọi thứ đều lười biếng. Lá dưa cụp xuống, quả dưa như ngủ gật trên luống dưa. Hai ông già canh dưa tính tình khác nhau: Lão Lục Ca thì nằm dài trên sạp hóng mát, còn Tứ Bảo Sách lại nhằm đúng giữa trưa mà đi tua một vòng. Vóc người lão thấp, lùn, to bè, da đen sạm. Lão mặc độc một cái quần nửa dài nửa cộc, may bằng lụa đen, đai vải trắng, không có thắt lưng, cái đai trắng thay thắt lưng. Lão nhìn ngắm quả dưa, như thể đang nhìn ngắm cái đầu một đứa trẻ ngủ say, rồi mỉm cười. Có lúc lão khom lưng xuống vỗ vỗ vào quả dưa, lúc lại đưa chân vun cát lên gốc dưa. Cát thì nóng lắm, lão lại đi chân không, rát như bỏng. Cái rát bỏng ấy ít ai chịu nổi. Có lẽ cả một vùng dọc hai bờ sông Lô Thanh này, chỉ có mình lão là thích cái trò chơi này mà thôi. Một cơn gió nam nhè nhẹ thổi từ rừng hoè đến. Lão Từ lim dim mắt, ngẩng đầu đón gió, khoan khoái lạ thường. Rừng hoè ở phía Nam ruộng dưa, một vạt xanh

thẳm, sâu hun hút. Cơn gió kia nổi lên từ trong rừng, là cái mát lạnh của rừng. Lão Từ ngắm nghía cánh rừng một hồi, rồi bỗng thấy chán nản, hậm hừ một tiếng. Lão chẳng muốn có cánh rừng ấy tí nào, lão không sợ nóng. Mà cái rừng ấy thỉnh thoảng còn che chở cho mấy đứa ăn trộm dưa, chúng luôn luôn quấy rầy lão. Cánh rừng đang nghiêng ngả như múa. Ai dám chắc dưới bóng râm của nó giờ này không có mấy đứa ăn trộm dưa?

Người trồng dưa không thể sợ đứa ăn trộm dưa. Lão Từ xưa nay vẫn có cách đối phó. Còn lão Lục thì không để ý bao giờ. Ban ngày, lão Từ chỉ cần chịu khó dạo quanh ruộng cát bỏng một vòng, chẳng đứa nào còn dám lân la tới gần ruộng dưa. Còn lão Lục thì lại lăn ra ngủ khì. Ban đêm nếu không có trăng bọn trộm dưa từ rừng hoè mò ra, bên đông một đứa, bên đoài một đứa, không làm sao phân biệt được chúng với các gốc cây. Rồi chúng thừa cơ ôm lấy một quả dưa ù té chạy, thế là rắc rối rồi. Một lần lão Từ nổi điên lên, xách khẩu súng săn ra, bắn đoàng một phát. Đến sáng, lão cùng lão Lục men theo ruộng dưa nhặt về mấy chục quả dưa. Đó là bọn trộm vứt lại lúc hoảng hốt. Lão Lục làu bàu: "Hà tất phải thế, nó trộm thì cho nó trộm, thì cũng là của mọi người cả, trộm sạch đi chúng mình chả nhàn sao? Anh bắn phát ấy không chết ai là may, nếu có đứa nào chết anh không phải lên đồn

công an à?". Lão Từ chỉ mỉm cười nói: "Khi bắn, tôi ghếch cao nòng đến nửa thước! Hày, cũng là ra oai thôi!".

Những người đi biển đều biết lão Lục là người rộng rãi cho nên thường đến nghỉ chân ở bãi dưa. Mỗi lần như vậy, lão Từ bất đắc dĩ cũng phải tỏ ra rộng rãi. Có một lần, lão Từ nấu một nồi nước lá dâu bưng ra, bị một lão đánh cá mặt đầy râu hất xuống cát. Lão Lục bèn cười ha hả, rồi đi vào ruộng hái mấy quả dưa. Lão kẹp nách một quả chín mọng, lại cười ha hả mà rằng: "Thì cũng là của tập thể cả, ai ăn cứ việc ăn, miễn đừng ăn trộm là được". Lão Từ cũng chen vào một câu: "Nước nấu ra thì bị người ta đổ đi, chúng mình lại đi hái dưa, oai phong đi tong mất cả". Nói rồi, cùng cười ha hả, đỡ lấy quả dưa to, da vằn từ nách lão Lục, áp vào cái bụng tròn, quay người bước đến cái bàn gỗ, ném mạnh xuống. Quả dưa vỡ thành nhiều miếng, ruột đỏ tươi. Những người đi biển cầm mỗi người một miếng ăn ngon lành.

Có một thằng bé tên là Lâm Pháp, chừng 12, 13 tuổi, thường hay đến lều dưa. Thằng bé trông rất ngộ: người đen thui gầy như que củi, uốn éo thật dẻo, như con lươn biển. Lần nào cũng vậy, nó từ biển phía Bắc đến, vừa tắm xong, chỉ mặc độc một cái quần đùi, áo vắt vai, cả người lốm đốm vệt muối trắng. Nước muối như làm da nó căng ra, da mặt cũng căng, chỉ còn đôi mắt đen láy vừa to vừa

tròn. Cặp môi hầu như cũng khó động đậy, vẫn còn những đường vằn màu trắng. Cát nóng làm nó bỏng chân, nó nhón chân, rón rén bước đến mồm khe khẽ hỏi:

- Chú ơi! Chú...

Lão Từ trông thấy nó thì không giấu được vui mừng, nằm sấp trên sạp, lão gọi:

- Lâm Pháp, nhanh lên!

Thường thì lão chạy ra mấy bước, chặn thằng bé lại ngoài lều, rồi cố ý xô nó ngã xoài trên cát, để cho cát nóng xát vào da nó. Thằng bé chị "ối, ối" mấy tiếng, lăn một vòng trên cát rồi vừa cười hì hì vừa chửi loạn xạ. Lão Từ bèn vắt một chân lên đầu gối, chỉ vào da bàn chân cứng như đá, nói "Mày luyện chưa ăn thua, xem tao đây này, có bỏng được đâu!".

Thằng bé đến lều dưa như về nhà mình. Nó nằm ườn ra trên sạp. Hai chân gác lên tấm lưng vừa trơn vừa mát của lão Từ, lim dim đôi mắt, tưởng không gì sung sướng cho bằng. Lão Từ vít cần ống điếu cho vào mồm nó, nó nhắm mắt lại hít một hơi thật dài, ống điếu kêu xòng xọc rộn lên. Lúc ấy lão Lục đứng bên cạnh, nói với thằng bé: "Chà chà, chẳng ăn thua gì! Hồi tao bằng tuổi mày tao đã hút ống điếu được ba năm". Thằng bé rút chân khỏi lưng lão Từ, đá nhẹ vào chân lão Lục: "Thế bác thì ăn thua? Vậy bác đi biển với cháu một lần nhé, cháu đi đâu

thì bác đi đấy, bác có dám không nào?". Lão Lục đành nín thinh. Tất nhiên lão không dám: "Thằng bé chả khác gì con lươn biển, cái tài của nó nằm ở dưới nước".

Thằng bé chơi một lúc lâu trong lều rồi đòi ăn dưa. Chỉ có lúc ấy là có ý kiến của lão Từ và lão Lục hoàn toàn nhất trí, cả hai không một chút trù trừ đi ra ngay ruộng dưa, mỗi người ôm về một quả thật to. Thằng bé ăn hết ngay một quả, rồi lai rai ăn sang quả thứ hai... Bụng nó căng tròn lên, nó ì ạch bước ra khỏi lều, nhằm vào giữa ruộng dưa mà đi.

Đó là cái đầm nước trong.

Cái đầm ấy đào để tưới dưa, mặt đầm phẳng lặng, gió nhẹ mơn man gợn lên những đợt sóng lăn tăn. Nước trong veo, cỏ và đất dưới đáy trông rõ mồn một. Thực là một cái đầm thơ mộng. Thằng bé thường đến đây bơi vài vòng, rửa sạch chất muối trên người. Lão Từ và lão Lục ngồi trên bờ mỉm cười nhìn nó nghịch nước.

Nó sinh ra trên nước, lớn lên trong nước, mỗi lần xuống nước, nhìn từ xa trông nó là cá. Hầu như nó không cần thở, chỉ chúi vào nước, lúc nghiêng người, lúc vươn thẳng ngực, hai tay bơi bơi như vây cá, chỉ quẫy một cái là toàn thân di động. Có lúc nó hăng lên, giống hệt một con gấu biển, xông xáo bên này bên nọ, xua nước đầm ngầu bọt, nước bắn lên cả hai ông già ngồi trên bờ.

Rồi nó từ dưới nước đi lên, cái bụng đã xẹp lép, nó lại ăn dưa, cho đến lúc chỉ còn một đống vỏ. Lão Lục nói: "Mày là con sâu dưa!". Lão Từ gật gật đầu: "Sâu dưa, đúng là con sâu dưa"[1].

Ngày lại ngày, dần dần người ta quên mất tên thật của nó chỉ gọi nó là Sâu dưa.

Sâu dưa vốn là một đứa bé mồ côi được ông chú nuôi dạy. Nó không thích học, ông chú cũng không thích thú gì việc dạy nó học, cho nên từ năm sáu tuổi nó đã lang thang trên bãi biển. Dến ruộng dưa nó cũng không hề ăn không. Nó thường giúp tưới dưa, cào luống vừa làm vừa cười nói, dưới ánh nắng ban mai, một lúc đã hết buổi. Lão Từ thương nó, gọi nó vào lều nghỉ tay. Lão Lục thì chỉ nheo mắt cười, vừa hút thuốc vừa nhìn nó: "Cứ để nó làm, cây dưa sẽ nuôi nó thành một lao động giỏi". Sâu dưa làm đã mệt, liền ra bờ biển chơi, khi trở về bao giờ nó cũng giấu sau lưng hai con cá, mà thường là cá to hiếm thấy. Hai ông già không hiểu nổi, một thằng bé hai tay không, làm sao bắt được cá to như thế? Nhưng cũng chẳng bao giờ họ hỏi nó, bởi vì họ nghĩ nó cũng chẳng khác gì một con cá lớn, cá lớn bắt cá bé, chắc là không khó khăn gì? Hai ông già bèn nhóm bếp, rồi làm cá, nấu món canh cá, cả món mì viên cá. Có lúc sâu dưa mang về mấy con cua,

(1) *Nguyên văn*: Qua ma, nghĩa là con ma dưa. Chúng tôi dịch ý.

có lúc cả cá chuồn, ốc biển. sứa v.v... muốn gì có nấy. Một lần sau bữa cơm, hai ông già hỏi thằng bé làm sao bắt được con cá kia, con cá dài như cái thắt lưng? Sâu dưa nói: "Uốn một sợi dây thép là được. Loài cá này thường thích bơi dọc bờ, nhằm cho trúng giật một cái, nó đứt làm đôi, trăm lần không trật". Hai ông già bật cười, rồi nhại nó: "trăm lần - không - trật".

Cứ vài hôm thì Sâu dưa lại đến một lần. Hai ông già ăn không hết cá, liền bẻ cành liễu xâu cá đem phơi. Căn lều bé nhỏ như thỏi nam châm thu hút thằng bé, bởi vì khi nó đến, bao giờ hai ông già cũng thích hái cho nó những quả dưa to nhất. Ban đầu họ lấy làm kinh ngạc vì một thằng bé gầy gò như vậy mà lại ăn nổi ngần ấy dưa, nhưng sau này lại thấy hay hay và vắng nó thì nhớ!

Hôm ấy, mặt trời đã ngả về tây, Sâu dưa lại đến.

Tối, khác với lệ thường, nó ngủ lại trong lều. Lão Từ chưa lấy vợ, tất nhiên không có con để nựng. Nửa đêm, lão vươn tay sờ vào cái bụng nóng hổi của thằng bé, cảm thấy ấm áp. Lão nghĩ, nếu lấy vợ sớm, bây giờ chắc đã có con bằng này. Hai ông lão thường luân phiên ngủ lại, đêm nào cũng phải có người. Cứ đến phiên lão, lão gọi Sâu dưa dậy, hai người lục cục nhóm bếp, nấu cái gì ăn. Thức nấu thường do Sâu dưa kiếm hoặc một bó dưa non, hoặc nắm lạc non... bỏ vào tí muối, ăn cũng được.

Gió biển mang lại mùi tanh. Không khí ban đêm nằng nặng. Họ ngồi bên đống lửa, áo quần ướt át. Sao đêm vừa dày lại vừa sáng. Họ cảm thấy ở đây như gần sao trời hơn. Biển vẫn ầm ầm không dứt, cho dù xa xôi nhưng nghe ra nặng nề hơn tiếng ì oạp sóng vỗ quanh bờ. Đó là tiếng biển vô biên đang cọ rửa sỏi đá trên trái đất. Trong đêm sâu thẳm, cùng với những ngôi sao đang nhấp nháy kia, với cả tiếng xào xạc của rừng, tạo nên một thế giới vô cùng huyền bí. Sông Lô Thanh suốt đêm chảy ra biển, tiếng rì rầm trầm bổng của nó đang vỗ về, cổ vũ những người canh đêm.

Sâu dưa ngồi tựa vào lão Từ, ngắm nhìn mặt trăng vừa nhô lên trên biển. Bỗng nó nói: "Chú Từ ơi! Sang năm cháu đến đây làm với các chú, cháu thích học việc này, đêm cháu không ngủ gật đâu...".

Lão Từ giơ đũa khoắng nồi, vớt ra một cọng dưa, đưa lên miệng nhấp nháp, rồi lắc đầu.

- Sao hả chú?

- Cháu nên ra biển học kéo lưới, như thế mới có tiền đồ. Chờ khi già như các chú đây hãy đến canh dưa.

Sâu dưa bỗng nín lặng. Từ biển xa vọng lại tiếng hò hụi của những người kéo lưới đêm. Nó lắng tai nghe rồi nói:

- Cháu đi kiếm mấy con cá nấu ăn đây!

Sâu dưa đi một lát xách về mấy con cá thu bỏ vào nồi. Lão Từ lại viên một điếu thuốc, hút một hơi dài rồi nói: "Có chuyện gì kể nghe đi...".

Củi dưới nồi nổ lép bép. Sâu dưa nói: "Chú kể trước đi, chú già rồi, người già cứ mười người thì chín biết rất nhiều chuyện".

Lão Từ xốc xốc cái quần đùi dài tận gối, thong thả nói:

- Năm ấy chú trồng một cây dưa gang, trồng sau nhà. Cuối cùng cháu có đoán được không? Nó ra một quả bí đỏ.

Sâu dưa cười đau cả bụng. Rồi nó nói:

- Cháu cũng có lần gieo một cây ngô, cuối cùng chú có đoán được không? Nó trổ một lô hạt vừng.

- Tầm bậy! - Lão Từ nghiêm mặt ngắt lời nó, cúi xuống gạt tàn thuốc, - Mày lại bịa chuyện rồi.

Sâu dưa nói:

- Thì chú cũng bịa chứ gì?

- Tao không bịa - Lão Từ lắc đầu, - thằng bé cạnh nhà tao nó lén vùi xuống đất một quả bí ngô... mày xem, chuyện là như thế.

Sâu dưa cười khùng khục. Rồi nó lăn một vòng ra tận

gốc dưa, ngắt lấy một quả. Nó vừa ăn vừa nói:

- Cháu nhớ ra một chuyện, không phải chuyện bịa đâu nhé, cháu tận mắt trông thấy. Năm ấy nước sông Lô Thanh dâng cao, nghe người ta kháo nhau sông đầy cá, bao nhiêu người giục cháu ra sông bắt cá. Mấy năm nay cháu chỉ thích ngủ, đầu đặt xuống đâu là như dính chặt vào đấy, không làm sao cất lên được...

- Trẻ con đều thế cả - Lão Từ vừa nói vừa bẻ một miếng dưa đưa lên miệng.

- Cũng chẳng phải đều thế cả. Cháu sợ đó là một cái tật chú cháu cũng nói đó là một cái tật. - Sâu dưa không ăn nữa, tay nó cầm miếng dưa, ngồi thẳng lên kể tiếp câu chuyện:

- Hôm ấy sương mù, sông Lô Thanh trắng xóa. Chao ôi! Sương mù dày đặc, cháu từ nhà ra sông mà áo quần ướt hết... Hôm ấy rất ít người ra sông bắt cá, họ sợ sương mù, sợ không nhìn rõ mặt rồi con ma ràng nó túm tay lôi xuống nước. Cháu thì không sợ. Cháu cứ theo dòng bơi xuôi, đến cái vịnh ở cửa sông thì dừng lại...

Lão Từ vẫn lim dim mắt, bấy giờ mới mở to mắt ra, chen vào một câu:

- Có phải cái vịnh nước lạnh phải không?

Sâu dưa gật đầu.

Lão Từ lại lim dim mắt:

- Nghe nói ở đó nhiều ba ba lắm!

Sâu dưa lắc đầu:

- Ở đó cháu bắt được một con cá thực to, nó dùng vây rạch bắp chân cháu một vệt dài, cháu nổi điên lên, nắm tay lại, đấm cho nó mấy đấm vào đầu, nó mới chịu yên. Cháu bế nó như bế một đứa bé lên bờ, nó cứ uốn ẹo muốn trở xuống nước. Cháu phải ôm chặt lấy nó... Rồi sau đó đi trên đường cái, mệt quá nghỉ một lát, cháu cứ ôm nó mà ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy không thấy nó đâu, trên da bụng còn dính vảy cá...

- Thế nó đi đâu? - Lão Từ nhổm dậy kinh ngạc hỏi. Sâu dưa dụi mắt:

- Ai mà biết được! Đến bây giờ cháu cũng không biết. Chỉ biết sáng hôm sau đi chợ trên trấn Long Khẩu, thấy một con bé bán một con cá, càng nhìn càng thấy giống con mà cháu bắt được...

Lão Từ lại nín lặng. Lão lại hút cái điếu không. Sâu dưa kể đến đó xem chừng cũng mệt rồi, nó vươn vai một cái rồi nằm xoài ra. Nó với tay lấy một miếng dưa còn lại, đút vào mồm, nhưng chưa ăn vội, mắt nhìn trân trân bầu trời đầy sao.

Con chim Cuốc lại kêu ngoài ruộng dưa. Các loại côn

trùng hoà theo đủ giọng. Vung nồi đã phì phì bọt trắng, mùi cá chín toả ra thơm lựng. Lão Từ đứng lên nhấc nồi xuống.

Một bóng người chậm chạp bước tới, gần đến nơi mới nhìn rõ là lão Lục. Lão không nói gì, ngồi xuống cạnh cái bếp đã tắt lửa. Giơ tay huơ huơ như thể lạnh lắm. Lão nhìn thấy cả đống vỏ dưa bèn giơ tay búng vào bụng Sâu dưa rồi nói:

- Mày quả thật là Sâu dưa!

Ba người ngồi lại ăn cá. Đó là một bữa ăn thịnh soạn nhưng cũng thật bình thường.

Sáng hôm sau, hai ông già hái về chất một đống dưa to để cho máy kéo của đội sản xuất đến chở đi. Khi chuyển dưa, họ tìm thấy một quả dưa to màu đen lốm đốm trắng, bèn lựa riêng ra rồi đem cất dưới sạp. Họ còn nhớ là năm ngoái cũng có một quả như thế, bổ ra liền có một mùi thơm, cắn một miếng, ngọt lịm. Lão Từ nói:

- Cất đi, khi nào Sâu dưa đến thì cùng ăn.

Lão Lục gật gật đầu: - Ừ, chờ nó cùng ăn.

Nhưng đã hai hôm rồi Sâu dưa không đến. Quả dưa lăn ra khỏi sạp, Lão Từ lấy chân hất nó vào, nói:

- Thằng Sâu dưa lại quên hai lão già rồi!

Lão Lục bác lại:

- Sâu dưa quên hai lão già nhưng quên sao được dưa!

Lão Từ gật gật đầu:

- Cũng không quên được biển, thằng nhóc ấy như là cá hoá thành. Nó phải ra biển học cách đánh cá mới phải. Thế mà nó lại định sau này đến đây làm nghề của chúng ta...

Lão Lục nghe hết câu sau cùng thì nghĩ đến một việc. Lão nói:

- Nghe người ta kháo, ruộng trong làng sau này sẽ khoán, chưa nghe ai nói ruộng dưa có khoán hay không?

Lão Từ cười khà khà:

- Khoán thì khoán lo gì, khoán thì cũng đến hai ta làm thôi, ai dám ra đây làm, phải có tay nghề chứ.

Lão Lục gật gù:

- Mà đúng thế thật, tôi muốn nói là đến lúc ấy, hai ta phải mở mắt ra, đừng để kẻ khác nhận khoán mất.

Trời nóng khác thường. Quá trưa Sâu dưa lại từ biển đến, áo vắt vai. Lão Từ ngồi trên sạp, từ xa đã nom thấy, lão vui mừng reo lên:

- Hầy! Nhóc con! Mấy hôm nay mày đi đâu?

Sâu dưa ngẩng cao đầu bước đến mắt nheo lại như mỉm cười ngật ngưỡng tựa say rượu. Nó hát một điệu gì đó,

xiêu vạo bước vào rồi nằm lăn ra sạp. Nó gào lên:

- Ăn dưa đi! Ăn dưa!...

"Đúng là Sâu dưa!" Lão Từ ra hiệu gọi lão Lục dưới ruộng về, rồi vần từ dưới sạp ra quả dưa lớn kia. Thật khoái quá! Ai đã được ăn một quả dưa hấu to như vậy? Sâu dưa thích chí, lăn mấy vòng trên sạp rồi ù té chạy ra đầm nước trong đi tắm. Lão Từ và Lão Lục lại ra ruộng làm việc, đi ngang qua đầm nước mỗi người nhặt một hòn sỏi ném xuống đầm khiến Sâu dưa văng ra một câu chửi.

Trong làng có một người đến báo với Lão Từ và Lão Lục rằng tối nay có cuộc họp để bàn việc khoán trách nhiệm yêu cầu cử một người đi.

Cái tin ấy khiến hai ông lão canh dưa phấn khởi suốt một buổi. Lão Từ muốn đi họp, Lão Lục không đồng ý, nói: "Ông thì gặp việc ít mồm ít miệng quá, ông đi tôi không yên tâm. Tôi phải đi mới được!". Co kéo một lúc rồi quyết định Lão Lục đi họp.

Lão Từ cảm thấy việc này không bình thường, cần phải vận dụng trí khôn của mình mới được. Lão nghĩ rất lâu, rồi dặn dò Lão Lục một chập, điều ấy làm Lão Lục ngán ngẩm. Lão Từ chỉ vào luống dưa nói: "Ví như luống này, không tốt như mọi năm, đó là vì mầm dưa không mập! Đúng. Phân hóa học cũng không ít, nhưng trời hạn, cứ phải tưới luôn. Kết quả ra sao? Phân trôi xuống đất hết...

Những cái đó ông phải nói cho lãnh đạo rõ, để họ hiểu rằng khoán cũng không dễ đâu!".

Lão Lục nghe thế trong bụng tức cười. Lão Từ chỉ nghĩ được những việc lão đã nghĩ cả rồi, có điều lão không nói ra mà thôi. Lão cảm thấy bàn tay nắm lại như có sức hơn. Nhưng trong lòng lại nặng trình trịch, như thể nuốt vào bụng một quả dưa không bằng. Lão vừa đi vừa ước lượng ruộng dưa, rồi dừng lại bên lề đất cạnh rừng hoè.

Lão nghĩ: nếu khoán, tức cũng giống như ruộng của riêng mình rồi, thế thì chỗ này phải dựng một hàng rào gai, chặn bọn ăn trộm dưa.

Chập tối Lão Lục vào làng họp, nửa đêm mới về. Lão ta cười cười, làm cho Lão Từ thấy vững tâm, Lão Từ hỏi:

- Ông Lục! Họ khoán cho chúng mình chứ?

Lão Lục gật đầu:

- Không khoán cho chúng mình thì ai dám nhận cái công việc rắc rối này? Tôi vừa lên tiếng là cả cuộc họp chẳng ai nói một lời thứ hai, không kịp bàn bạc với ông, tôi đã thay mặt ông ốp con dấu[1] vào hợp đồng rồi. Tôi đã tính kỹ, đến cuối năm, mỗi chúng ta cũng ít ra kiếm được 500 bạc!

(1) Người Trung Quốc không ký tên mà dùng con dấu khắc tên mình (N.D).

- Ôi giời! - Lão Từ bước đến ôm chặt lão Lục, vừa gào lên vừa đấm vào lưng - Thằng Sâu dưa sao gọi là qui được? Ông mới là qui! Ông tinh khôn như qui sứ! Ông gẩy ngón tay là cơ mưu kéo đến ngay. Hay lắm! Khoán hay lắm! Ai định ra chính sách mới này vậy? Lão Từ này phải tìm gặp, nâng cốc rượu chúc mừng người ấy mới được!

Lão Lục lôi một cái nồi ra, tìm một con cá khô, bỏ vào nồi rồi đốt lửa. Hai ông già ngồi sát vào nhau, hút tẩu, ai cũng chưa nghĩ đến chuyện đi ngủ. Lão Lục vừa hút thuốc vừa thò tay nắm lấy lai quần đen nửa ngắn nửa dài của Lão Từ, giật mạnh một cái:

- Trông này, cái quần thật đáng xấu hổ!

Lão Từ có ý không bằng lòng lườm một cái, hất tay Lão Lục ra. Lão Lục cười khà khà, nói:

- Đấy là vì không có vợ, có vợ thì bà ấy phải may cho ông một cái quần ra hồn chứ!

Lão Từ đỏ mặt giận dữ, chỉ cúi xuống hút thuốc. Lão Lục lại nói:

- Năm nay bán dưa xong, kiếm được tiền, phải tìm một mụ vợ, ông không thể chết đơn chết độc trong lều dưa được.

Lão Từ ngước mặt lên, nhìn cánh rừng hoè đen một dải xa xa, nói lí nhí:

- Ờ, mà biết đâu đấy!

- Ha, ha, ha... - Lão Lục nghe vậy cười rũ ra.

Lão Từ cũng cười theo, tiếng cười truyền đi rất xa, vang vọng trong không trung rồi mất hút trong rừng hoè.

Trời sáng, họ lập tức bắt tay vào việc dựng một hàng rào gai dọc rừng hoè Sâu dưa lại đến. Nó tíu tít giúp hai ông già chặt cây gai. Lão Từ bảo Sâu dưa:

- Ruộng dưa khoán rồi đó, bây giờ những quả dưa này cũng như thể của mình.

Sâu dưa nghe vậy thì thích chí lắm. Lão Lục đang cặm cụi buộc hàng rào, bỗng quay lại lườm Sâu dưa một cái, chẳng nói chẳng rằng. Sâu dưa bèn bước đến sau lưng lão, ấn ngón tay vào lưng lão. Lão Lục vứt cái dao cầm tay xuống, trợn mắt lên: "Mày chả ra cái quái gì, làm trò gì thế?". Bộ dạng của lão thật dữ tợn, Sâu dưa giật cả mình, hốt hoảng nhảy lùi một bước.

Lão Từ kinh ngạc nhìn lão Lục nói:

- Có gì đâu mà cáu vậy?

Lão Lục nín thinh, chỉ đỏ mặt lên, cúi đầu buộc rào.

Ba người mất một buổi sáng mới rào xong. Cơm trưa có cá kho, bánh bột ngô áp chảo. Sâu dưa chỉ ăn một tí tẹo rồi nằm lăn ra sạp, ngẩng mặt nhìn trời, chốc lại lắc lắc đầu. Mồm nó đáng hát điệu gì đó, chân vẫn gác lên

cái lưng trơn bóng của lão Từ. Lão Lục từ nãy vẫn cau mày hút thuốc bỗng quay mặt lại, nhìn thấy thế thì nói: Mày thật chẳng ra gì! Ông Lục cả ngày làm việc đến đứt hơi, nghỉ một lát mày còn gác chân lên như thế, nhưng lần này thấy bộ mặt lão Lục nặng trình trịch, nó liền nhấc chân ra.

Ăn cơm xong, theo lệ thường là ăn dưa. Lão Từ ngó bộ Lão Lục không muốn nhúc nhắc liền ra ruộng hái về hai quả. Nhưng khi ăn dưa thì lão Lục chỉ ngồi hút thuốc... Sau khi Sâu dưa đi khỏi. Lão Từ nắm lấy vai Lão Lục, hỏi:

- Ông Lục, ông thấy khó chịu trong người à?

Lão Lục cũng chỉ hút thuốc.

- Ông nín thinh tôi cũng hiểu. Ông gẩy ngón tay là ra cơ mưu, tôi biết lắm chứ! Nhưng ông còn để bụng đến gì mà chưa nói ra? - Lão Từ nhìn thẳng vào mắt Lão Lục, nói rất cứng cỏi.

Lão Lục gõ gõ cái tẩu, ngẩng mặt lên, chậm rãi nói:

- Sâu dưa không được nhờn nhã, nó không phải là đứa nghiêm túc đâu.

Lão Từ hậm hừ một tiếng, lúc lắc đầu: - Không, Sâu dưa là một thằng bé tốt!

- Ông xem, - Lão Lục chỉ tay về phía thằng bé thường

đi đến, nói:

- Đứa bé nghiêm túc mà lại như nó à? Người thì đen nhẻm như đúc bằng sắt, lao xuống nước thì như con cá, ăn dưa thì nhồm nhoàm.

Lão Từ không bằng lòng. Lão thả ống quần vừa xắn lên xuống, rồi đứng phắt lên:

- Ông có điều gì thì cứ nói thẳng ra, việc gì phải quanh co xa gần. Sâu dưa nó cản trở gì ông? Hầy, ông thật sắp biến thành qui sứ rồi đó!

Đó là một lần họ không vui. Hôm ấy, thậm chí họ không nói với nhau một lời, ai làm việc nấy.

Rồi Sâu dưa lại đến, Lão Lục chỉ ngồi xa xa. Thằng bé mang cả cá đến, nhưng lão cũng chẳng hứng thú nữa. Thằng bé ra đầm nước trong tắm cũng chỉ một mình lão Từ đi theo. Khi nó đi rồi Lão Từ bèn trách Lão Lục:

- Ông Lục này, cái bụng ông hẹp lắm! Ông không phải là người lo việc lớn!

Lão Lục đốp lại ngay:

- Tôi cũng chưa hề thấy ông làm nên việc gì lớn!

Bẵng đi một dạo, Sâu dưa không đến. Lão Từ cứ ngóng ra biển. Nhưng rồi lão chỉ nom thấy những bóng người xếp hàng kéo lưới mà không thấy gì khác. Tối đến một mình lão bắc nồi lên một mình ra ruộng dưa, lão thấy

hình như thiếu đi một cái gì.

Một buổi mai vừa thức dậy lão nói với lão Lục:

- Tối qua tôi nằm mơ thấy Sâu dưa đến, nó ngồi chồm chỗm ở bờ nam ruộng dưa, chỗ hàng rào gai ấy, nó cùng tôi nấu một nồi canh cá.

Lão Lục chỉ gật đầu:

- Thì cứ nấu!

Lão Từ nhìn đăm đăm vào hàng rào gai, lại nói:

- Nấu chín rồi, tôi lại mơ thấy nó xin tôi một mồi thuốc, tôi không cho.

- Ông nên cho nó! Lão Lục cười chế nhạo.

- Nhưng tôi không cho, - Lão Từ lắc đầu - Tôi mơ thấy hình như nó giận, bảo là sẽ không bao giờ đến nữa.

Trên khoé miệng Lão Lục thoáng một nụ cười giễu cợt.

Lại một lần khác, Lão Từ đang tưới dưa, vừa ngẩng mặt lên thì thấy trên bờ biển có một người đang nóng sang bên này. Dáng dấp giống Sâu dưa. Lão vứt thùng tưới, bước lên mấy bước gào to:

- Sâu dưa à! Mày đấy phải không? Sao không sang đây chơi? Sâu dưa? Sâu dưa!

Chính là Sâu dưa. Lão Từ càng nhìn càng nhận ra rõ

ràng. Lão gào, gào mãi, còn huơ tay ra hiệu bảo nó sang. Nhưng Sâu dưa thì đứng yên bất động, nghiêng ngó một chập rồi đủng đỉnh bỏ đi. Lão Từ ngơ ngẩn cả người, cứ đứng đó, hai tay túm chặt ống quần.

Khi về, Lão Lục nói với Lão Từ:

- Lần sau ông đừng có mà gọi cái của nợ ấy nữa, nó không đến đâu. Một lần ông đi vắng, nó vào lều ăn dưa, ăn hết một quả, lại đòi quả nữa, tôi không cho. Nó tức giận bỏ đi.

Lão Từ nghe xong, á lên một tiếng, trợn trừng mắt nhìn lão Lục.

Lão Lục hơi hoảng, vội dịch sang một bên, né tránh ánh mắt Lão Từ.

Lão Từ vẫn trân trân nhìn Lão Lục. Rồi bỗng lão bước nhanh ra ruộng dưa, tìm một quả to nhất, ôm lặc lè giữa bụng, khệnh khạng bước vào lều, nhắm trúng cái bàn gỗ, lẳng mạnh một cái vỡ ra làm mấy mảnh. Hai tay run run, lão nhặt lên, rồi cầm từng miếng một ăn nhồm nhoàm, nước dưa ướt cả chòm râu. Ăn xong lão bò ra sạp đánh một giấc.

Lão Lục nhìn thấy tất, nhưng không dám hé miệng. Khi lão Từ thức dậy, Lão Lục đến ngồi cạnh. Lão Từ lơ đãng nhìn ra bờ biển nói:

- Từ lâu tôi đã biết ông tiếc mấy quả dưa. Ông muốn phát tài. Cái đó ông không nói tôi cũng biết. Nhưng Sâu dưa nó làm cho ta bao việc ngoài ruộng? Còn mang đến bao cá? Ông chẳng nghĩ gì sất!

Chiều hôm ấy Lão Từ đi ra bờ biển tìm Sâu dưa. Sâu dưa đang bơi ở dưới biển. Nó lên bờ, ngồi cạnh Lão Từ. Nó khóc. Nước mắt vừa trào ra là nó đưa bàn tay vừa gầy vừa đen vuốt ngay, không nói một lời. Lão Từ bảo nó đến lều dưa, nó lắc đầu, xem bộ rất kiên quyết. Cuối cùng ông lão thở dài một tiếng rồi bỏ đi.

Hai ông già vẫn sống như xưa, ngày ngày tưới dưa đánh luống, tối đến ra ruộng canh đêm. Có điều họ không còn tranh luận hay cười nói ồn ào như xưa. Lão Từ rầu rĩ, cảm thấy có lúc như đuối sức... Cuối cùng, một hôm lão nói với Lão Lục:

- Ông Lục à, tôi nhịn đã bấy nay, hôm nay phải nói với ông. Tôi định thôi không làm ở ruộng dưa nữa. Ông chịu khó tìm người khác vậy... Ông và tôi đã cùng nhau trồng dưa bao năm. Tôi bỏ đi là không phải. Ông bỏ quá cho.

Lão Lục kinh ngạc ngậm chặt ống điếu trong miệng. Rồi lão trở ống điếu sang một bên, nhìn chăm chăm lão Từ, nói:

- Ông... ông điên à?

Lão Từ nói:

- Tôi muốn đi thật, hôm nay tôi về làng!

Đến lúc này Lão Lục mới biết ông ta quyết tâm rồi, lão thất vọng ngồi xổm trên đất.

Lão Từ nói:

- Thế mà Lý Ngọc Hòa nói đúng. Chúng mình là hai cỗ xe trên đường, nhưng không đi cùng đường. Giọng run run, Lão Lục đáp lại:

- Bây giờ là mấy giờ, còn bụng dạ nào mà nói những chuyện ấy nữa. - Khoé mắt ông ta bỗng rơi ra hai giọt nước mắt ngầu đục. Ông ta đứng lên, đầu hơi cúi, khoát tay một cái:

- Ừ thì ông cứ đi, ông Từ ạ, có khó khăn gì tôi lại xin đến tìm ông.

Lão Từ ra đi. Nửa tháng sau, ông ta cùng một người khác nhận khoán một vùng ven biển trồng nho, ông ta đi canh nho... Sâu dưa lại đến vườn nho tìm ông ta. Hai người lại ngủ với nhau trong lều cỏ, nửa đêm thức dậy lại nổi lửa nấu cá ăn...

Một buổi tối, cả hai nằm dài trên sạp, Sâu dưa lại gác chân lên tấm lưng nhẵn bóng của Lão Từ. Nó bỗng hát một điều gì, giọng ồm ồm, âm thanh mỗi lúc nhỏ dần rồi im bặt. Dừng một lát nó nói với Lão Từ:

- Cháu lại nhớ ruộng dưa!

Lão Từ cười cười:

- Mày lại thích ăn dưa chứ gì? Thằng Sâu dưa?

Sâu dưa ngồi dậy, nhìn vòm trời sao mông lung, lắc lắc đầu:

- Cháu lại nhớ đầm nước trong.

Lão Từ im lặng.

Đó là một đêm mát mẻ, gió thổi xào xạc trên các giàn nho... Lão Từ hạ giọng lẩm bẩm:

- Nho cũng cần một đầm nước trong. Hay là ta đào một đầm nước. ..

Sâu dưa chớp chớp mắt.

- Một cái đầm phải nhiều người mới đào nổi, chúng mình đào sao nổi?

Lão Từ gật gật đầu.

Sâu dưa cười:

- Cháu lại nhớ cái đầm nước trong...

Một buổi sáng tinh mơ, một già một trẻ tìm được một khoảng đất trống. Họ bắt tay đào. Chắc hẳn là đất rất cứng, bởi vì tay họ đều cầm xà beng, lưng còng xuống rất thấp. Họ hì hụi trong ánh sáng đỏ tía của ráng mai...

Văn học nhân dân số 7 năm 1984
LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

TRƯƠNG VĨNH THÂM

LỜI THỀ MÙA ĐÔNG

I

Họ bước vào đầu làng lúc trời xẩm tối. Khói bếp nhạt dần, ngoảnh lại nhìn, con đường nhỏ vừa đi qua chìm dần trong cảnh huy hoàng của hoàng hôn. Hai ba con chim bay tìm mồi. Trời không có gió. Ông Lan trở vào phía thôn bảo với người đàn bà: "Tới rồi, đến nơi rồi!". Người đàn bà gật đầu. Ông Lan khoác một bọc vải xanh to tướng, vẻ nặng nhọc. Người đàn bà đi tay không. Rõ là họ đã đi một chặng đường rất xa. Mép giầy đã bung hết chỉ. Trán người đàn bà lấm tấm mồ hôi. Ông Lan rút khăn tay lau cho bà. Người đàn bà đứng im. Bà ta ngẩng mặt lên hướng về phía ông, lát sau mới nói: "Thôi khỏi lau, chú!".

Vừa mưa xong, con đường đất nhem nhép, ông Lan cầm tay bà ta dắt đi rất cẩn thận.

- Thôi khỏi, chú! - Bà ta nói.

- Sắp đến nhà rồi! - Ông Lan nói.

Rất nhiều xóm giềng tụ tập dưới gốc cây hoè lớn, nhìn

hai người. Họ xem ông Lan và xem người đàn bà. Ai cũng thấy ông khác hẳn so với hồi bị bắt, thời ấy ông đâu có râu? Vậy mà bây giờ lại có, vừa đen vừa rậm. Người đàn bà chừng bằng tuổi ông, dáng vẻ đoan trang, thân hình cũng không mảnh mai lắm. Chỉ có điều... có điều... Ông Lan nắm tay bà ta quá chặt, rất chặt. Ông chào hỏi qua loa bà con xóm làng, rồi dẫn người đàn bà về ngôi nhà cũ của mình. Căn nhà ấy bụi phủ mười năm nay rồi, mạng nhện chăng đầy, cánh cửa sổ cũng bị hỏng. Trong vườn mọc đầy cây ngải đắng, hoa dây leo nở rộ tươi thắm. Ông đặt bọc vải xuống bậc thềm, đỡ người đàn bà ngồi xuống. Ông bảo:

- Tới nhà rồi, thím Thanh ạ!

Người đàn bà gật đầu. Ông lại bảo: "Căn nhà này đã cũ lắm, bao nhiêu năm không người ở, sợ không ở nổi nữa. Thím ngồi đây nghỉ một lát, tôi vào trước dọn dẹp được không?". Người đàn bà lại gật đầu. Ông vào nhà quét dọn, bụi mù bốc lên. Một đàn chim sẻ bay vù khỏi cánh cửa sổ, kêu lích chích lướt ào qua đầu người đàn bà, bay về phía hoàng hôn. Người đàn bà nhắm mắt lại. Đây đã là nhà rồi!

Căn nhà có ba gian. Ông Lan dọn dẹp gọn ghẽ gian phía đông, sắp cho bà vào đó. Ở giữa cách một gian thờ rộng.

Cả làng đều ngạc nhiên. Người đàn bà mù mà ông Lan đưa về lại không phải là vợ ông.

Khi ấy cuộc kháng Mỹ viện Triều vừa chấm dứt.

II

Ông Lan bị bắt lúc 17 tuổi. Đó là năm 1943, khi ấy người Nhật còn ở đây. Mùa xuân năm ấy, ông kết bạn với cô Tuyết, mà rất thân thiết. Ông cứ nhớ mãi đôi bím tóc to, dầy, đen nhánh của cô. Khi cười, cô thích vò vò gấu áo, khoé miệng lúm vào khiến ông thấy khỏe re cả người. Ông bảo: "Tuyết ơi Tuyết, qua mùa thu anh cưới em làm vợ nhé!". Cô Tuyết thẹn đỏ mặt, nói: "Sao lại phải qua thu?". Sướng quá ông Lan nhẩy cẫng lên. Cha mẹ ông chết sớm, để lại độc mình ông, sống cực khổ. Cô Tuyết rất thương ông.

Quanh vùng ai cũng biết cô Tuyết. Khi ấy cha cô, ông Vương Bảo Trường đang có thế lực. Tất nhiên ông Vương không chấp nhận sự cầu thân của nhà này rồi. Nhưng cô Tuyết dứt khoát một lời rằng đã là người của ông rồi thì có chết cũng làm ma nhà ông. Ông Vương giận dữ chửi ầm ĩ, vội vã tìm ngay một nhà khá giả, chọn ngày tốt, thậm chí chả cần lễ hỏi, cho cưới luôn con gái. Ngay đêm ấy bi kịch đã xảy ra. Nhân lúc chồng ngủ say, cô Tuyết lẳng lặng bỏ nhà đi và nhảy xuống vực sâu. Cái vực lởm chởm

đầy đá ấy ở phía đông đầu làng, cao tới mười mấy trượng, phía dưới tua tủa đầy đá nhọn như răng sói. Không thể tưởng tượng được cô rơi xuống hình dạng sẽ làm sao. Ông Lan được tin, phát rồ lên leo lên định sống chết với ông Vương. Nào ngờ nhà lão ta đã dự phòng trước. Bốn năm tay hương đinh dùng thừng trói chặt ông đưa ra làng. Trưởng làng là người Nhật, hắn bắt ông đi làm lao công tại một mỏ than ở Liễu Tây. Ông còn sống được thực là có phúc.

Ông Lan không thể quên được đôi bím tóc thô dầy đen nhánh của cô Tuyết. Ông đã kể chuyện cho thím Thanh, mà kể thật tỉ mỉ. Đôi mắt đẫm nước, thím bảo: "Nếu cô Tuyết còn sống thì tốt biết bao!".

Trở về rồi, ông Lan tập tức đi tìm Mộc Ngưu, anh cô Tuyết. Lúc ấy Mộc Ngưu làm bí thư chi bộ nên rất tiến bộ. Ông không lật lại chuyện cũ, chỉ hỏi xem ông Lan có cần giúp sửa lại ngôi nhà không. Ông không nói gì, chỉ có đôi mắt cứ chằm chặp nhìn Mộc Ngưu rất buồn thảm. Mộc Ngưu và cô Tuyết rất giống nhau. Đôi mắt, cái mũi, khuôn miệng giống hệt. Ông lặng nhìn một lúc rồi nói: "Cô Tuyết chôn ở đâu?".

Mộc Ngưu ngập ngừng một lát mới nói: "Ở Cốc Bắc".

- Sáng mai. Sáng mai tôi đi thăm cô ấy được không? - Ông nói khẽ.

Mộc Ngưu lại trầm ngâm một lát:

- Đi đi, có cần tôi dẫn đi tìm mộ không?

- Không cần. - Ông đáp - Tôi sẽ tìm được?

Hôm sau, ông đi thật, lại còn được cả thím Thanh theo. Thím không thấy gì nên ông phải nắm chặt tay thím đi từng bước rất chậm.

Trong Cốc Bắc mai táng tám đến chín đời người chết của làng. Số mộ nhiều không đếm xuể. Nói ra thì bảo là lạ. Ông Lan không hề nhầm lẫn, tìm ngay ra mộ của cô Tuyết. Ông cùng cô Thanh quì bên, lần nhổ từng gốc cỏ trên mộ.

- Đây là cô Tuyết. - Ông bảo thím Thanh. Thím gật đầu, hỏi lại:

- Mười mấy năm rồi?

- Ừ!...

- Không quên được ư?

- Làm sao có thể?

- Hừm... cũng là... Có những việc chết đi cũng không quên được. - Thím Thanh chợt động lòng, nói rồi rớt nước mắt.

Ông Lan vội đến nắm lấy vai thím, bảo:

- Đừng nghĩ ngợi nữa, đừng nghĩ nữa được không, thím?

- Làm sao không nghĩ, cho được! - Thím đáp.

- Thôi đừng nghĩ, đừng bao giờ nghĩ đến nữa. Tôi sẽ chăm sóc thím! - Ông Lan đáp, - Tuy sắp đông rồi, nhưng cũng còn nhiều ngày nữa.

Nói câu ấy, ông Lan tự nhiên nhớ đến cái mùa đông đã qua.

Ông còn nhớ trận mưa tuyết đầu tiên của mùa đông ấy, ông đã vượt qua tuyến Tam bát, mà sau này đã trở thành nổi tiếng.

III

Ông Lan là người đánh xe ngựa trong đội, tay ông luôn có chiếc roi dài mầu hồng nhạt. Đó là cỗ xe ba ngựa, bánh cao su, chạy nhanh như gió. Cầm càng là con ngựa ô màu hồng sung sức. Ông làm một chiếc yên thật tốt đặt lên lưng con ngựa ô. Vào những lúc chiều tà hết giờ làm việc, ông thường đỡ thím Thanh lên xe, cầm dây cương dắt ngựa đưa thím Thanh đi dạo trên con đường nhỏ quanh co bên làng. Thật là một cảnh khiến ai cũng kính nể; cho đến nhiều năm sau nữa, từ người già đến con trẻ trong làng đều thán phục.

Hai người cứ đi chầm chậm rất lâu. Lặng lẽ không ai nói gì, dường như thực sự không cần nói gì.

Một hôm, ngồi trên ngựa, thím Thanh nghe thấy một giọng nói như vọng từ chốn xa xăm nào tới. Giọng nói như oán như khóc. Thím hỏi ông Lan đó là gì. Ông Lan lắng tai nghe rồi bảo là tiếng trẻ con khóc.

- Trẻ con à?

- Phải.

Thím không nói gì nữa. Một lát sau, thím phục xuống lưng ngựa khe khẽ khóc. Ông Lan biết vì sao thím đau lòng. Nhưng ông không biết phải làm gì. Đỡ thím xuống ngựa, ông bứt rứt xoa hai bàn tay.

- Này chú.

- Hả?

- Qua thu này... qua thu chú lập gia đình đi. Đừng vì tôi mà nhỡ việc của chú!

- Lập gia đình gì? - Ông cười khổ - Cô Tuyết chết mười năm nay rồi, lấy ai đây?

- Tìm người khác... tìm người nào đấy cũng được.

- Nói gì vậy, hai chúng ta chẳng phải là đang sống rất tốt sao?

- Ừ... chú ạ! Nhưng tôi không chịu nổi, lỡ cả việc của chú.

- Lỡ việc gì? Đừng có tự dày vò nữa, chả có lỡ việc gì

hết. Hơn nữa tôi đã nhận lời... nhận với anh ấy là chăm sóc thím suốt đời. Tôi không thể nói mà không làm.

- Nhưng...

- Thôi được rồi, thím Thanh. Đừng nói gì nữa. Hai chúng ta cứ sống như thế này, sống cả đời tốt rồi.

Thím Thanh không nén được bật khóc. Thím chẳng biết ông Lan trông ra sao. Chỉ dựa vào cảm giác, thím cho rằng ông rất giống anh ấy. Thím thấy mình có phúc. Hai người đàn ông cao lớn, tính nết giống nhau, sống cũng rất thẳng thắn. Với những người đàn ông như thế, thím cảm thấy an lòng. Sau đó cả thời gian dài, thím không cưỡi ngựa cùng đi dạo với ông Lan nữa. Thím dùng chiếc gậy gỗ nhỏ dài dò đường, dò dẫm đến từng nhà trong làng. Thím nói nhiều lời tốt đẹp về ông Lan. Thím khẩn cầu mọi người giúp ông. Lúc đầu còn có người trách móc, không hiểu thím. "Hai người nhà chị ấy à, thôi đừng bận tâm nữa" - "Hai vị chẳng rất hợp nhau sao".

- Không, không, không! - Thím vội vã giải thích - Tôi có chồng, có chồng rồi! - Thím nói thật thương cảm, con mắt đỏ lên, rưng rưng.

Người kia tự nhiên không còn nói linh tinh nữa.

Đó là sự sắp đặt.

Lúc đầu, ông Lan còn nhẫn nại đi xem mặt, nhưng

chẳng ưng ý người nào. Không béo quá thì gầy quá. Người tinh ý liếc mắt là biết ông Lan cốt kiếm việc cho người đàn bà mù làm. Về sau ông dứt khoát không đi xem mặt nữa. Hỏi nguyên có tại sao, ông bảo: "Chả ai giống cô Tuyết!".

Nghe nói vậy, ai cũng lộn ruột. Rõ ràng cô Tuyết thì chỉ có một trên đời thôi, làm sao mà cứ mê mải không chịu tỉnh, làm gì có người thứ hai như thế!

Có nói ngang nói dọc thế nào đi nữa cũng không làm ông Lan hiểu, cả thím Thanh cũng vậy. Đội sản xuất mở cuộc họp, định đem chuyện này ra bàn cho vỡ lẽ. Cuộc họp tiến hành vào buổi tối, ở đội. Ba gian nhà đen đặc đầu người, có mỗi ngọn đèn dầu, bé như hạt đỗ lúc mờ lúc tỏ. Các ông hút thuốc rất nhiều, sau đó ho sù sụ. Rồi không biết ai nhắc đến ông Lan và thím Thanh. Ai cũng thấy họ sống thật không dễ dàng gì. Một người ở phòng phía đông, một người ở phòng phía tây. Ăn chung một nồi cơm nhưng ngủ riêng mỗi người một giường. Họ giống như một nhà, nhưng chẳng phải một gia đình. Cứ sống mãi cuộc đời như thế chẳng phải thực khó khăn sao?

Nhận thấy mình có chút uy tín, bình thường lời nói có trọng lượng với mọi người nên Mộc Ngưu đã đại diện bà con trong làng tỏ ý không bằng lòng với ông Lan. Có điều sau đó khi xin lỗi ông Lan, ông ta bảo khi ấy tại uống

quá nhiều. Thôi coi như xong.

Lúc ấy, ông Mộc Ngưu mượn rượu nói:

"Bác Lan tốt thế, thím Thanh ấy thì sao xứng đáng với bác. Bác thử nghĩ mà xem, thím Thanh trông cũng được đấy chứ, lại tốt bụng khéo tay, chỉ phải cái không trông thấy gì thôi. Chứ mà thím ấy sáng mắt như người ta thì đời nào lại chui vào cái nhà cũ rách ấy của bác? Thím ấy sẽ đi đó đi đây ấy chứ. Lấy thím Thanh là đẹp rồi. Hôm động phòng phải có bữa đại tiệc đấy!".

Lúc ấy ông Lan ngồi phía dưới, ông không thể chịu đựng để Mộc Ngưu nói tiếp nữa bèn giật phắt chiếc giày ra ném. Giày trúng ngọn đèn dầu. Căn phòng lập tức tối om. Ông điên giận dẫm đạp lên mọi người, lao lên phía trước. Cả đám người rối loạn. Tiếng gọi cha mẹ cứ ầm ĩ. Ông túm được Mộc Ngưu, đấm đá cho tơi bời. Đến khi đèn được thắp lên, mọi người thấy mặt mũi ông tím ngắt, tay nắm lại lăm lăm, vẻ giận dữ vô cùng.

Ông tuyên bố: "Từ nay trở đi ai to gan dám nói lếu láo về thím Thanh thì đừng trách họ Lan này sao không cho sống yên ổn!".

Thế mới biết rằng ông Lan kính trọng thím Thanh đến thế nào, tôn kính như một vị thánh.

IV

Ông rất thương thím Thanh, ai cũng thấy. Một đôi mắt của ông, hai người dùng chung. Căn nhà cũ ấy tuy tồi tàn nhưng thật ấm áp. Thím Thanh muốn cái gì, ông Lan đều tìm bằng được. Đến chiếc khăn tắm để cọ lưng, ông cũng chuẩn bị hai chiếc. Ông biết thím ưa sạch sẽ. Có lần xe ông xuống dốc Thanh Long, con ngựa xám đi lên bỗng hoảng loạn lao như bay. Xem ra dễ xảy ra tai nạn, ông vội vã dùng đôi vai ghìm chặt càng xe, bả vai bị cào toác ra hai vết thương vừa sâu vừa dài. Ông xé vạt áo quấn chặt lại, rồi khẩn cầu mọi người ở đó: "Chuyện đâu bỏ đó nhé, được không? Đừng có nói đi nói lại để thím Thanh lo lắng đấy?".

Ông khẩn cầu rất thành thực.

Nhưng vài hôm sau, thím Thanh vẫn biết. Thím bắt ông cởi áo ra rồi lấy nước ấm rửa sạch vết thương, bôi thuốc tím. Vô tình tay thím chạm phải một vết sẹo lớn khác. Đó là vết sẹo cũ đã kín miệng. Bất giác thím động lòng, lần tiếp xuống dưới, lại thêm một vết, dài cả tấc.

- Tất cả... tất cả có mấy vết thương? - Thím hỏi.

- Sau lưng sáu, trước ngực ba. Tất cả có chín vết - Ông đáp.

- Đều bị từ mùa đông ấy à?

- Ừ!

- Vậy... vậy, anh ấy?

- Chắc chắn bị nhiều hơn - Ông Lan lại nói.

Lòng thím đau như dao cắt. Phải, vết thương của anh ấy chắc chắn là nhiều hơn rồi. Ông Lan còn sống, nhưng anh ấy thì không. Thím còn nhớ cái tháng Chạp mùa đông ấy, anh ấy gửi bức thư cuối cùng về. Anh viết "Đánh xong trận này, anh sẽ trở về nhà ăn một cái tết đoàn tụ, em có mừng không? Nhớ đừng quên chuẩn bị sẵn cho anh chai "*Nhị Oa đầu*". Anh uống được, xả láng một bữa hết một chai mà không say". Thím mua luôn cả thùng nhưng anh không trở về. Về sau, thím đem từng chai ra mở, hòa cùng nước mắt đổ xuống dòng sông Áp lục giang.

Thím biết rằng không bao giờ quên được anh ấy. Cũng giống vậy, chẳng có ai có thể thay thế được vị trí cô Tuyết trong tâm hồn ông Lan. Đã yêu một lần, mà yêu như thế thì không gì thay đổi được, không thể quên được. Chính vì thế nên thím quyết định trả nợ ông Lan.

Có lẽ hôm ấy chọn lầm ngày.

Đó là một ngày mưa. Ông Lan không đi làm. Gió thu thổi mạnh. Trời rét dần. Ông tranh thủ khâu cho thím chiếc áo bông. Ông cũng không khéo tay lắm, nên mũi kim lúc to lúc nhỏ, nhưng thím Thanh không để ý.

Lúc thử áo, thím không kìm được, bật khóc.

Thím bảo:

- Thôi được rồi, được rồi chú ạ! Tôi không sắp đặt cho chú nữa. Nếu chú không ghét bỏ thì lấy tôi đi, chú ạ!

Ông Lan hoảng hốt:

- Làm... làm... làm sao thím lại nói thế được hả thím? Thôi đừng có nhắc lại chuyện kia nữa. Hai chúng ta đã là một nhà rồi. Anh... anh ấy và cô Tuyết cũng sẽ mừng.

- Hiện giờ chúng ta không phải là một giai đoạn. Lấy tôi đi, hay là... làm đám cưới đi.

- Không được đâu thím Thanh. Thím là vợ của anh ấy, của anh ấy! Tôi không thể... tôi không thể, thím Thanh. Tôi đã nhận lời với anh ấy chăm sóc thím, đã nhận lời.

- Anh ấy đã đi... đi chừng ấy năm rồi. Anh ấy không thể nghĩ tới...

- Không, anh ấy đi bao lâu vẫn là anh ấy. Tôi không thể để anh ấy đau lòng. Đừng khóc nữa thím, đừng khóc nữa có được không? Tôi biết thím không thể quên được anh ấy, phải không thím Thanh? Hai chúng ta cứ sống thế này, cũng chẳng kém gì người khác. Như thế có tốt hơn không thím.

- Nhưng như vậy thì tủi cho chú quá!

- Đừng nói thế, tủi gì đâu? Cứ đi làm về là có thím ở

nhà rồi, còn cần gì nữa! - Ông Lan đáp. Ông giúp thím Thanh khoác chiếc áo lên người, thật vừa vặn. Thím cứ vuốt ve chiếc áo là thấy như chạm phải trái tim nóng bỏng của ông. Ông đã kể cho thím nghe về lời thề mùa đông ấy. Thím tin là thật. Thím hiểu không bao giờ ông quên được lời thề ấy, cũng như ông không thể nào quên được đôi bím tóc thô dầy đen nhánh của cô Tuyết.

Bao năm sau, ông và thím Thanh sống những ngày thật yên bình. Hai người đều giữ gìn để không nhắc tới chồng thím và cô Tuyết, tránh cho nhau khỏi đau lòng. Năm tháng trôi qua, người làng cũng coi họ như người một gia đình.

Thực ra, cũng chẳng có gì khác biệt nhiều.

V

Nếu không có cuộc tập trận lớn ấy thì cả ông Lan và thím Thanh rất có thể cứ lẳng lặng thế mà sống cả đời. Đó là bổn phận của họ. Họ tự cho rằng là những người bình thường nên cần sống một cuộc đời thật bình dị. Và cũng mười mấy năm nay họ chưa hề mở miệng giải thích và đưa bất kỳ yêu cầu nào.

Nhưng mà trận diễn tập ấy đã thay đổi tất cả. Các binh chủng tham gia diễn tập rất đông, sử dụng cả hải lục không quân. Dân làng sợ nguy hiểm nên kéo nhau vào núi Thanh

Long để tránh. Mọi người đi xe ngựa do ông Lan đánh xe. Tuy ông đã nhiều tuổi rồi, nhưng đánh xe vẫn rất khéo léo, không có vấn đề gì.

Vấn đề là ở chỗ đường quá hẹp. Thật vậy, đường quá bé. Khi chiếc xe ngựa tới chân núi Thanh Long, bỗng thấy phía trước hàng chục chiếc xe Dép phóng như bay đến. Ông Lan vội vã ghìm càng ngựa đứng lên, nhường đường cho ôtô. Hai chiếc xe vọt qua, đến chiếc thứ ba thì dừng lại. Cửa xe mở, một vị tướng quân thấp nhỏ xuống trước. Đó là một Trung tướng. Sau đó ba vị Thiếu tướng và hơn chục vị cấp tá lần lượt bước xuống.

Đầu tiên ông Trung tướng kinh ngạc nhìn ông Lan. Sau đó ôm chầm lấy ông vẻ hết sức mừng rỡ xúc động: "Tiểu đội trưởng, tiểu đội trưởng, đúng là anh rồi phải không, tiểu đội trưởng?". Ông Lan cũng nhận ngay ra, giơ ống tay áo lên lau mồ hôi mặt ông đáp: "Cậu đấy à, Nhục Đinh?". "Tôi đây, tôi đây, tôi đây mà Tiểu đội trưởng! Không thể tưởng được anh hãy còn sống!".

Ông Trung tướng rất xúc động. Ông Lan cũng thế. Hai người cứ đứng đó nói chuyện mãi, nào bá vai, nắm tay, trông như hai đứa trẻ to đầu. Sau đó ông Lan thúc chiếc cán roi vào vai ông tướng hỏi xem có bận không. Viên tướng trả lời rằng vừa nhận chức quân đoàn trưởng, hiện đang chỉ huy bộ đội diễn tập ở tuyến phía đông. Lại nhấc

ống tay áo lên chùi miệng, ông Lan nói nhẹ nhõm: "Ừ, làm thế cũng được". Quay về phía mấy vị tướng và đám sĩ quan, ông Trung tướng bảo: "Đây chính là tiểu đội trưởng Lan mà tôi thường kể cho mọi người nghe đấy!".

Các vị tướng tá lập tức đứng nghiêm, "Roách" một cái chào theo đúng điều lệnh. Rõ ràng chuyện về tiểu đội trưởng Lan đã lưu truyền trong họ từ lâu rồi.

Ông Lan cũng chưa tỏ lắm nên quay sang hỏi ông tướng:

- "Anh kể tếu những gì với họ đấy?"

- Một anh hùng! Một anh hùng chân chính. Mang tới chín vết thương trên mình vẫn đâm chết năm thằng Mỹ! - Ông tướng nói.

- Ai ở vào hoàn cảnh ấy cũng thế thôi! Anh không phải cũng làm thế sao? - Ông Lan đáp - Còn nhớ thím Thanh không?

- Thím Thanh? Có phải thím Thanh vợ Trung đội trưởng Lý?

- Đúng! Thím ấy đang ở đây!

Ông Lan dẫn Trung tướng đến cạnh thím Thanh. Ông tướng nắm chặt tay thím, giọng nói run ẩy đầy nước mắt:

- Chị Thanh, tôi biết chị. Cả trung đội chúng tôi đều biết chị. Thư chị viết cho Trung đội trưởng, chúng tôi đều

được xem. Chị Thanh, cũng ở ngay trên trận địa này. Nếu không có bức thư của chị thì mùa đông ấy lạnh buốt biết bao. Chị Thanh, tôi nó hết sức thành thật...

Thím Thanh giơ đôi tay chầm chậm sờ khắp mặt mũi vị Trung tướng.

Đối với họ, mùa đông ấy là thời điểm huy hoàng và vĩnh hằng. Mùa đông ấy là cả một câu chuyện cảm động bi tráng không bao giờ kể hết. Đông năm ấy, trung đội họ có ba mươi hai người được lệnh giữ một điểm cao năm trăm tám hai mét so với mặt biển, chống lại cả một tiểu đoàn lính Mỹ và hai trung đội quân Lý Ngụy[1]. Trận chiến diễn ra vô cùng khốc liệt trong màn tuyết bay. Bọn Mỹ điều đến ba mươi hai máy bay oanh tạc. Tuyết cứ chầm chậm lặng lẽ buông. Đến lúc hết sạch đạn, trên điểm chốt chỉ còn năm người sống. Giữ vững tiếp bảy ngày bảy đêm nữa. Trung đội trưởng chết trong vòng tay ông Lan. Lúc ông sắp chết, tuyết trắng bay đầy trời như đám lông ngỗng. Ông đề nghị với ông Lan rằng nếu còn sống thì hãy nhận lời chăm sóc thím Thanh sau này. Thím người Đan Đông, nhà ở bên dòng sông Áp Lục.

Mấy hôm trước thím gửi thư đến kể rằng thím không nhìn thấy gì nữa, đôi mắt thím đã bị bom Mỹ làm hỏng rồi. Chữ viết xiên hàng vẹo vọ. Ông Lan có xem thư. Ông

(1) quân của Lý Thừa Vãn

ôm lấy trung đội trưởng thề rằng, nếu sống sẽ không bao giờ bỏ rơi thím Thanh. Chỉ một câu ấy thôi. Và mùa đông ấy nhớ mãi lời thề này. Mưa tuyết lông ngỗng vẫn đang rơi không ngừng.

Đương nhiên, mọi việc sau này mới rõ. Về sau nhân dân biết rằng trong một cái làng nhỏ tên là Lương Thủy Loan ở bán đảo Liêu Đông có một "Liệt sĩ" còn sống.

VI

Thực tình mà nói, khi viết truyện này trong lòng tôi thật bối rối, bởi vì nó hoàn toàn có thật. Sau khi trận diễn tập kết thúc. Ông Lan trở thành một nhân vật có tăm tiếng. Cả huyện cả thành phố ai cũng đến thăm. Khi ấy tôi đang về thăm nhà, chứng kiến chuyện ấy nên rất cảm động. Chủ tịch huyện đưa cho ông Lan năm ngàn đồng nói rằng để an ủi động viên. Ông Lan nhận tiền. Ông lấy bốn trăm mua cho thím Thanh hai bộ quần áo đàng hoàng. Chỗ còn lại ông cuộn chặt giấy đưa cho tôi. Ông hỏi khi nào tôi trở về Thiên Tân. Tôi bảo hai hôm nữa. Ông Lan bảo: "Tôi với thím Thanh sẽ cùng đi với cậu! Đi Thiên Tân chữa mắt cho thím!". Có lẽ ông Lan coi Thiên Tân là đất thánh chăng. Đôi mắt thím Thanh đã bị bom Mỹ phá hỏng nên mù ngay từ đầu rồi. Y học dù cao siêu thế nào cũng chẳng thể chữa nổi.

Thấy tôi còn ngập ngừng, ông nói: "Đừng ngốc nữa, cậu phải dùng lý lẽ giúp tôi thuyết phục thím Thanh đi. Tôi cũng biết rằng mắt thím ấy không còn chữa được nữa. Nhưng tôi muốn đưa thím ấy đi chơi một chuyến, đi thăm Thiên Tân, thăm Bắc Kinh. Tuy thím ấy không nhìn thấy, nhưng sờ được là tốt rồi!". Ôi, đúng là ông Lan.

Hiện giờ ông Lan và bà Thanh đang ở chỗ tôi, mấy hôm nữa họ sẽ đi Bắc Kinh. Ông vừa hỏi xem tôi đang viết gì. Tôi bảo là viết về ông. Ông không tin. Tôi đọc cho ông nghe một lượt từ đầu đến cuối. Ông nghe rất chăm chú. Nghe xong, mãi không thấy ông nói gì, chỉ ngồi hút thuốc. Sau ông mới bảo, chuyện đúng là chuyện tôi, nhưng người không phải. Tôi không tên là Lan. Ông Lan là ai thế?

- Ông Lan là ai không quan trọng - Tôi đáp - Là ai cũng đều thế.

Ông lại nghĩ một lát rồi lắc đầu nói: "Không, không thể như nhau được. Nếu không từng lăn lộn trên bãi tuyết mùa đông ấy thì không thể như nhau".

TRINH BẢO *dịch*

TUYẾT NGUYÊN

MŨI SÓI

Tôi dám nói rằng người thức ụ được nhìn thấy mũi sói không nhiều. Mũi sói mà tôi nói ở đây là cái mũi vừa cắt đầm đìa máu chứ không phải cái mũi nhòn nhọn đen đen mọc trên cái mõm của con sói ở trong công viên.

Cái ngày mà bà con dân làng hoan hỉ mừng rỡ khi được chiếc mũi sói đẫm máu ấy giống như một ngày hội lớn, hầu như nhà nào cũng làm bánh nhân thịt liên hoan. Nhưng ngày ấy cũng là ngày bất hạnh của cha tôi. Ông đã bị mất chiếc mũi của chính mình. Cả nhà tôi lớn bé đều khóc như ri. Nước mắt trên mặt mẹ tôi còn chảy mãi tới giờ, khi tôi viết những dòng chữ này.

Mũi sói có từ chuyện phân bón mà ra.

Bố tôi là chủ tịch xã, ông có một trách nhiệm nặng nề là phải mua bằng được phân bón của nhà máy cho hơn hai vạn nông dân. Khi ấy đã gần trung tuần tháng 6, trải khắp cánh đồng lúa là một màu vàng vọt còi cọc, phất phơ những đám lá ngơ ngác trông đến tội. Trong con mắt của cha tôi, chúng như những đứa trẻ lang thang kêu khóc

vì mất sữa mẹ. Kỳ bón phân cũng đã tới, hàng ngàn tấn phân bón cho hoa màu vẫn chả thấy tăm hơi đâu. Nông dân lo lắng kéo lên huyện để hỏi. Cha tôi đã cử 20 cán bộ đi lùng mua phân bón, kết quả cũng chỉ kiếm được có 8 tấn, chưa mang được về tới huyện đã bị nông dân chặn hết giữa đường. Trong lúc tranh nhau bảy người bị thương nhẹ, một người trọng thương.

Nghe nói nhà máy phân hóa học của thành phố có hàng, nhưng phải chính giám đốc nhà máy duyệt mới được mua. Cha tôi lại không quen mấy ông lãnh đạo nhà máy nên đi tìm ông Lý phó chủ tịch huyện. Ông Lý viết một bức thư cho giám đốc nhà máy đề nghị xin giúp đỡ giải quyết cho 200 tấn phân hóa học và nói sau này sẽ cám ơn.

Cám ơn sau! Cha tôi hiểu đây là một kiểu nói mà thôi. Sao lại để ông phó chủ tịch huyện đi cám ơn được? Bà con nông dân đi cám ơn mới phải chứ! Vậy mua gì đây? Hay mang ít đặc sản địa phương tới? Dù sao cũng là quà nhà quê, mời nếm thử hạt gạo mới cũng có lý hơn.

Bố tôi đi chiếc xe Giải phóng của làng, phóng thẳng đến nhà máy sản xuất phân bón thành phố nhưng không dám đánh thẳng xe vào cổng. Người đi biếu cũng giống như người ăn vụng vậy. Bố tôi đi bộ vào, tìm đến văn phòng nhà máy, và hỏi xem giám đốc có đấy không. Một

ông to béo đeo kính nhìn kỹ bố tôi vẻ xét nét rồi hỏi: "Ông từ đâu đến, có việc gì?" - Bố tôi cứ thật thà nói hết. Ông kia cười hà hà, bảo:

"Không may rồi, giám đốc Vương đi vắng!".

"Mấy giờ thì ông ấy về ạ?".

"Đi công tác, ít cũng phải dăm bữa nửa tháng mới về!".

Bố tôi chào ông béo và mừng vì qua thái độ của ông ta, ông đoán chắc giám đốc Vương có ở nhà.

Bố tôi không biết hút thuốc, nhưng ông vẫn ra quán nhỏ đầu cổng mua một bao Song Hỉ đỏ nhét vào túi áo rồi bước vào phòng văn thư, ở đó có một ông gầy gầy. Trông mặt ông ta nặng chịch. Bố tôi ngọt ngào chào hỏi, gọi là ông anh, rồi xin ngụm nước để uống.

Nghe chào hỏi ông ta xem chừng có vẻ cởi mở hơn, gật đầu. Bố tôi vốn không uống nước trắng, nhưng lần này lại mừng rỡ ngửa cổ giả vờ làm hai ngụm, sau đó cảm ơn. Ông lại còn khen ông kia là người tốt bụng. Sắc mặt ông ta tươi tỉnh lên, mời bố tôi ngồi. Bố tôi khẽ hỏi ông ta xem liệu có hút thuốc được không, ông ta bảo không chỉ không được hút mà còn không được mang thuốc vào nhà máy nữa. Bố tôi liền rút bao Song Hỉ ra ném cho ông ta, bảo chả có chỗ nào để cất, ông anh đem về nhà mà hút! Sắc mặt ông ta càng tươi tỉnh từ chối lấy lệ rồi cũng

nhận. Hai người ngồi chuyện phiếm với nhau.

Chuyện nọ rọ chuyện kia, ông cán bộ vui miệng nói địa chỉ của nhà giám đốc, nói xong ông ta chợt giật mình bảo bố tôi đừng nói với ai là chính miệng ông phát ra, bởi ông giám đốc đã dặn không được tiết lộ địa chỉ của ông cho những người đến mua phân bón, sợ họ hò nhau kéo đến, vừa mất an toàn mà người nhà cũng chịu ảnh hưởng.

Ông cán bộ gày gò kia còn bảo, nhà giám đốc chẳng thiếu thứ gì, nhưng người đến biếu quà vẫn cứ ấn vào bất chấp cần hay không, làm cho giám đốc bực mình đem nào gạo, đậu, dầu... đến cho nhà ăn của nhà máy mấy lần, lại còn được tiếng tốt là không tham của biếu xén.

Bố tôi thở phào một hơi, lập tức quyết định chưa biếu gạo vội, trước hết hãy tìm đến nhà giám đốc rồi tùy cơ ứng biến.

II

Đó là ngôi nhà đứng biệt lập với một chiếc cổng duy nhất. Bức tường bao quanh cao hơn hai mét, chiếc cổng lớn bằng sắt đen sì. Cha tôi không gõ cửa, cũng không bước vào nhà, ông ngồi xuống phiến đá bên cánh cổng sắt, những tia nắng chói gắt chiếu thẳng vào mặt ông. Mồ hôi chảy đầm thành những dòng nhỏ bò xuống cổ đọng

thành một vũng nhỏ trước úc vậy mà ông vẫn không quan tâm. Ông đang thục hiện kiểu ngoại giao đặc biệt.

Qua người kia bố tôi biết, nhà giám đốc Vương chỉ có một bà mẹ già hơn 70 tuổi. Bà cụ người nguyên tắc, rất thích tình cảm chân chất mộc mạc của nông dân, cha tôi phơi mình dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt làm vẻ chất phác, chính là muốn thể hiện sự chân chất của mình nhằm lấy được sự đồng tình của bà cụ. Bà lão ra đến lần thứ hai, quả nhiên đã chú ý tới cha tôi. Bà hỏi cha tôi làm gì, ông liền kể cảnh đói phân của làng xóm ra sao, ông còn kể tường tận việc nông dân tranh cướp phân bón đến nỗi bị thương như thế nào.

- Có người suýt bị đập vỡ sọ như đập chó ấy! - Ông kể.

Bà cụ biết tình hình căng thẳng đến thế nào qua câu chuyện nặng giọng nông dân của người khách này nên sinh lòng trắc ẩn, để cho cha tôi vào nhà chờ. Ông ngồi ngay dưới bóng râm của ngôi nhà, nói chuyện với bà cụ về những khó khăn của người nông dân.

Một lát sau, một thằng bé chừng 12, 14 tuổi mắt to, mày rậm, thân hình gầy yếu trông như có bệnh chạy về. Cha tôi biết bà nội bao giờ cũng cưng cháu đích tôn, liền vồ vập khen ngợi thằng bé, nào là cậu này lớn lên sẽ đàng hoàng khỏe mạnh, có tướng quí nhân. Nào ngờ bà cụ thở

dài, bảo rằng thằng cháu mắc chứng động kinh, mỗi lần lên cơn, người co quắp. Nhà đã đưa đi chữa ở nhiều bệnh viện nhưng đều vô hiệu, ai cũng buồn rầu lo lắng.

Thằng bé gào lên đòi ăn cơm, bà cụ lật đật đứng lên đi nấu; cha tôi cũng rút lui, lại ra ngồi trước cửa.

Bệnh động kinh là chuyện buồn của nhà họ Vương, cha tôi đã biết rồi! Ông thấy mừng hơn cả khi mẹ sinh ra tôi nên tim cứ đập thình thịch. Ông trời cao dường như cũng thông cảm với lòng người, nên thu bớt những lưỡi lửa lại và đẩy bóng râm của của một cây lớn đến chỗ cha tôi, còn nhè nhẹ thổi đến làn gió mát.

Mũi sói! Trong óc ông chợt bật ra ý nghĩ tuyệt vời ấy. Nó làm sáng ngời đôi mắt ông, sáng ngời mọi cảnh vật xung quanh.

Đúng lúc ấy một người đàn ông dáng thấp béo xăm xăm bước vào cánh cổng sắt, cha tôi ngập ngừng rồi cũng bước theo, ông nghe tiếng bà cụ nhỏ to gì đó với người ấy, ông không dám mạo muội bước vào, bèn đứng ngoài dặng hắng. Bà cụ bước ra; cha tôi không hỏi giám đốc mà nói với bà:

- Bệnh của cháu bà chữa được!

- Chữa được ư? - Bà lão mừng rỡ như bắt được của quý.

- Cháu có môn thuốc gia truyền đặc biệt!

- Thuốc gì?

- Loại này không được tiết lộ ra ngoài - Cha tôi nói vẻ bí mật.

Người đàn ông nghe tiếng bèn từ trong nhà đi ra, quan sát cha tôi.

Bà cụ hỏi về phương thuốc gia truyền. Cha tôi chậm rãi đáp:

- Người ở thành phố như cụ kiếm được cái mũi sói cũng khó như tìm vàng vậy, ở chỗ cháu thì thứ ấy chả hiếm. Năm ngoái vào núi cháu bắt được một con. Thịt sói không ngon, nhạt hoét, nhưng mũi nó ăn ngon ra phết, chả kém mũi chó là bao. Ấy, cái món này chữa được bệnh động kinh đấy!

Môn thuốc ấy là cha tôi nghe ông tôi bảo.

Thế là mũi sói trở thành mơ ước của nhà giám đốc Vương.

Cha tôi hứa bảy ngày nữa sẽ đem tới.

Ông rút lá thư của phó chủ tịch huyện ra đưa cho giám đốc nhờ giúp đỡ, và lại kể một lượt cảnh nông dân cướp phân bón: "Có người suýt bị đập vỡ sọ như đập óc chó!", giọng như khóc. Giám đốc Vương nghĩ một giây, duyệt luôn 50 tấn. Cha tôi kêu ít. Ông ta cười:

- Nói thật với anh, hôm nay ký cho anh chừng này là khoản lớn nhất mà tôi đã duyệt trong tháng này đấy! Tôi và ông Lý vốn là chỗ bạn bè thân thiết. Anh hãy cho chở 50 tấn này về trước. Tuần sau quay lại, tôi sẽ giải quyết thêm 100 tấn nữa. Nhưng phải nói cho rõ ràng là tôi nể ông Lý, hơn nữa cũng biết là mỗi lần anh đến được đây không phải dễ dàng gì, bà con nông dân đều đang đỏ mắt, chờ anh, chứ không phải vì cái mũi con sói đâu nhé!

Cha tôi đáp: "Đúng đúng, thưa giám đốc, ông không chỉ biết lo cái lo của dân, biết giúp cái mà dân cần. Tôi sẽ thay bà con đi tìm nó cho ông".

III

Thông báo khẩn của xã: "Trong ba ngày, ai đưa đến một chiếc mũi sói sẽ được ưu tiên cấp cho một tấn phân hóa học". Lời kêu gọi khẩn cấp và tha thiết của cha tôi vang vang khắp hơn 50 làng trong xã.

Bà con nông dân xôn xao. Ai có sức đều vác súng săn, súng kíp, dụng cụ săn bắt vào núi Thái Bình tìm sói. Ai không đi được thì ngồi nhà than vãn: Tại sao xã lại có quyết định vô lối thế! "Ở đâu ra cái lý đổi mũi sói lấy phân? Không thể để cho ông lãnh đạo nào làm trò đùa này được. Định lấy mõm sói làm cái gì đây?". Sói như hiểu người. Nghe tiếng hò hét ầm ĩ, để bảo vệ cái mũi và tính

mệnh của mình, chúng đã lặng lặng chuồn hết từ núi Thái Bình về hang ổ của mình. Đó là chốn bí mật mà con người không hề biết đến. Tất cả những người đi săn ở núi Thái Bình đều tay không trở về. Đến tận chiều ngày thứ ba vẫn chẳng thấy ai mang mũi sói đến. Cha tôi gào loa khản hết cả giọng.

Sớm mơ hôm sau, cha tôi chìm lim trong cơn say, nhưng tiếng reo của anh liên lạc xã đã xốc cha tôi khỏi giường.

- Mũi sói! Mũi sói! Có người mang mũi sói đến rồi!

Cha tôi nhìn thấy ông Lưu, chủ tiệm cơm trên phố cầm một vật đen đen, máu me nhoe nhoét, ông giơ tay đón lấy, nước mắt suýt trào ra, ông đưa lên môi hôn, giống y như hôn tôi lúc mới sinh ra.

Các cán bộ xã đều vô cùng mừng rỡ như vợ mình vừa sinh con trai. Trong lúc mừng vui ấy, ai nấy đều ngắm nghía nâng niu chiếc mũi sói. Cha tôi bỗng sững người: "Ồ, mũi sói phải nhọn, sao cái này lại vuông vức, tròn trịa thế? Trông giống mũi chó thế?".

Mặt ông Lưu bỗng chốc đỏ lựng. Cha tôi trừng mắt hỏi:

- Cuối cùng nó là cái mũi đếch gì vậy?

Lưu lúng túng trong miệng:

- Là... mũi chó! Tôi tưởng, cái này cũng không khác

mũi sói là bao!

- Mẹ kiếp, ông đúng là đồ vô tích sự! Lại còn dám đến đây lừa đảo nữa cơ à! - Cha tôi quá thất vọng, tức nghẹn, vung tay cho lão Lưu một quả đấm. Bộ mặt đỏ bừng của lão thoắt biến sắc.

Anh Lý liên lạc can cha tôi, bảo không kiếm được mũi sói thì lấy tạm mũi chó thay vào, bao giờ lấy được phân về hãy tính sau. Cha tôi mắng cho anh ta một trận: "Mày đã trở thành lừa lọc như thế từ bao giờ vậy? Việc này mà còn đi lừa người ta được sao? Chúng ta không thể buôn bán bằng dao búa được! Hơn nữa làm gì thì cũng phải có lương tâm nữa chứ".

IV

Cha tôi cùng anh Lý vào rừng săn sói!

Suốt cả một buổi sáng đến bóng dáng con thỏ cũng không thấy.

Do uống nước suối nên anh Lý bị đau bụng, anh ôm bụng quằn quại trên mặt đất, rên hừ hừ. Cha tôi thở dài, đành gửi anh Lý vào nghỉ ở một làng gần đó rồi một mình khoác khẩu súng bộ binh bán tự động vào rừng.

Vùng núi Thái Bình, nhiều cây trầu và song tử diệp rậm rạp. Gió nổi, rừng cây ào ạt như biển sóng. Vài con

quạ đen bay lượn trên trời, kêu lên những tiếng cô tịch thê lương. Cha tôi luồn lách trong rừng, vai và chân bị nhiều vết cứa, mồ hôi ròng ròng chảy xuống, nhức nhối như có tên găm vào thịt, lần theo huyết mạch xuyên vào trong tim.

Mồ hôi bốc phừng phừng trên đầu, bụng kêu òng ọc. Cha tôi cứ tưởng tượng như đang có bát mì hay chiếc bánh bao ở trước mặt.

Trong một bị cây, gai góc thấp tè, cha tôi tìm thấy bãi phân sói. Đối với cha tôi lúc bấy giờ phân sói còn quí hơn cả mì lẫn bánh, ông mừng rỡ, vốc lên một nắm ngửi rồi miết vụt ra và kết luận rằng bãi phân sói này mới chỉ có nội ngày hôm nay. Cha tôi mừng cuống lên quên cả đói khát, ông tìm kiếm tứ phía, cuối cùng cũng thấy vết chân sói. Lần theo dấu lúc còn lúc mất, vượt qua bao hẻm bao quèn, cha tôi cũng không nhớ nữa; nhưng ông biết rằng ông đang ở chỗ mà chưa một ai bước chân tới. Cha tôi đã tìm được hang sói.

Nó lọt phía sau tảng đá đen dưới một vách núi dốc cao. Miệng hang đen ngòm trông như miệng đá đang há hốc. Cha tôi giương súng lên nhằm thẳng vào miệng hang, rồi ông khẽ ném một hòn đá vào đó, chờ cho sói vọt ra thì bắn. Không thấy động tĩnh gì, ông bấm đèn pin chầm chậm đi vào, lia đèn khắp động. Chỉ thấy một đám xương

trắng hếu, một đám lông, giữa một búi cỏ lớn có mấy vật gì nho nhỏ lông dày, giương những đôi mắt xanh lét sợ hãi nhìn ánh đèn.

Cha tôi vội lùi ra, nấp vào một bụi cây sau tảng đá. Bọn sói con đang ở đó, sói mẹ có thể về bất thần lúc nào. Cha tôi lại có một mình, giữa đêm khuya săn sói. Vì một chơi một, nên có phần hơi lo. Ông lần lấy bình rượu, uống ừng ực sạch trơn. Cha tôi thường mượn rượu lấy can đảm.

Một trận gió đêm thổi qua, cả cánh rừng reo à à, lắng nghe giống như tiếng hò reo của hàng ngàn người, như tiếng mách bảo nỗi gian lao của người làm ruộng. Trước mắt cha hiện lên cảnh ông trẻ tôi quỳ ngã. Ông tôi 77 tuổi, hôm ấy chống gậy đi bộ hơn hai chục cây số lên huyện tìm cha tôi, vừa bước vào cửa ông quỳ luôn, ông bảo nhận trách nhiệm của hơn ba trăm hộ trong làng đến xin cha tôi mau mau mua phân bón cứu lúa.

Cha tôi đỡ ông lên và khóc, hứa rằng nếu không mang được phân về sẽ xin trả lại chức chủ tịch xã, trở về làng nhận tội với bà con cô bác. Nghĩ đến đây, đôi mắt cha tôi đẫm lệ.

Bỗng nghe có tiếng động. Một bóng đen tiếng về hang, dừng lại trước cửa, rồi ngoái đầu lại dò xét. Trong màn đêm đen thẫm hiện lên luồng sáng xanh lè trông như mắt ma.

Không chậm trễ, cha tôi nhằm thẳng vào luồng sáng bắn liền năm phát.

Luồng sáng xanh từ từ tắt lịm. Cha tôi bấm đèn, tiến lên. Đúng là một con sói lớn. Miệng nó còn cắn chặt con thỏ. Viên đạn bắn trúng óc, con sói loạng choạng vài bước, cặp mắt tuyệt vọng của nó còn nhìn cha tôi một lúc rồi mới khép lại.

Cha tôi đặt súng sang bên, bấm đèn soi vào đầu sói, ông rút con dao găm trong thắt lưng ra chuẩn bị cắt lấy mũi nó.

Vào đúng khoảnh khắc ấy, một luồng gió lạnh từ bên hông sạt đến. Con dao găm chưa kịp rút hẳn ra, thì một con sói khác đã vồ lấy ông, nhe hàm răng thối hoắc đớp vào mũi ông. Theo phản xạ, cha tôi dùng đôi tay bóp chặt cổ con sói và đứng thẳng dậy. Con sói cắn chặt hàm lại, cũng đứng thẳng lên bằng hai chân sau, trong miệng nó là cái mũi đầm đìa máu của cha tôi, nhưng nó không nuốt trôi được bởi cổ họng nó đang bị đôi tay cứng như thép của cha tôi kẹp chặt.

Đôi mắt tàn độc của con sói tròng trọc nhìn cha tôi, cặp mắt giận dữ của ông bốc lửa, chiếu thẳng vào mặt, vào chiếc mũi đen, nhọn của nó.

Trong đêm đen, đôi chân sau con sói ghìm chặt, đôi cánh tay của cha tôi cũng ghì chặt, cả hai giằng co nhau,

trong tư thế như là đang nhảy điệu vũ quốc tế.

Sau này cha tôi bảo, cả đời chỉ có mỗi một lần ông nhảy điệu vũ, chính là lần này.

Ông kể, lúc ấy chỉ còn nhớ toàn bộ trí não và khuôn mặt tê dại đi, căng rát và có một dòng nước sền sệt chảy vào miệng. Ông phun vào giữa mặt con sói. Luồng sáng xanh nhay nháy. Chỉ có một ý nghĩ duy nhất trong đầu ông: "Mình chết hoặc nó chết". Cha tôi dồn hết sức lực lên đôi tay, vừa ra sức xiết chặt, vừa la hét. Con sói cũng muốn gào, nhưng gào không ra tiếng. Thực ra tiếng la hét của ông cũng không to hơn tiếng rít của con sói là bao.

Cuối cùng cha tôi đè được nó xuống đất. Chân nó giẫy, đạp, móng vuốt nó cào cào vào chân, vào người ông, móc rách thịt làm máu chảy ròng ròng. Cha tôi bất chấp, hai cánh tay vẫn khoá chặt, bất động.

Không biết bao lâu, ông mới nhận ra rằng luồng sáng xanh kia đã tắt. Những móng vuốt cào xé thân mình cũng thôi không găm vào mình nữa. Cái thân đầy lông ấy biến thành một đống mềm nhũn. Cha tôi buông hai tay ra và cũng đổ gục luôn bên xác sói. Sáng hôm sau, chú Lý liên lạc cùng bà con tìm thấy cha tôi, khiêng ông trở về.

Bệnh của con trai giám đốc Vương khỏi hay không tôi không biết, có điều cả xã đã có phân để bón ruộng là điều

có thực. Năm ấy toàn xã thu hoạch được một vụ mùa bội thu. Trong hội nghị khen thưởng toàn xã có tên cha tôi. Nhưng ai nói thế nào mẹ tôi cũng không cho cha đi dự. Bà ôm vai cha mà khóc: "Người ngợm như thế này...".

TRINH BẢO *dịch*

ƯU PHƯỢNG VĨ

TRẦM LẶNG

Năm 26 tuổi, chị Mai sinh ra Cách. Cách là đứa trẻ không biết khóc. Ngoài lúc bú sữa ra, nó chỉ tròn xoe đôi mắt rất sáng ra mà nhìn thế giới mới với một bộ dạng rất hiểu biết và thật đáng yêu. Đến khi hơn một tuổi, những đứa trẻ khác đều bập bẹ a a... tập nói, nhưng Cách vẫn im bặt. Hai vợ chồng chị Mai lúc ấy mới cảm thấy có điều gì khác lạ. Đến khi thằng bé lớn chút nữa thì mới hoàn toàn hiểu ra: "Cách là một đứa trẻ câm".

Chỉ trừ có mùa đông, còn thì ngày nào chị Mai cũng đưa con đến nhà bố mẹ chồng. Chị cùng chồng suốt ngày làm việc ở ngoài đồng, tối đến mới đón con về. Không bao giờ chị để chồng đưa đón con. Cứ nấu cơm xong, trời đất cũng sẩm sẩm tối là chị vội vã đi. Men theo con đường thôn chị đi về hướng tây, đến một chỗ nhất định chị dừng lại ngó quanh quất mọi bề. Khi thấy không có ai theo dõi, chị vội rẽ quặt vào con hẻm vắng vẻ và cứ thế đi về phía bắc làng. Ra khỏi làng thì gặp một cánh đồng ngô rộng và tối đen. Mai mò mẫm từng bước len vào ruộng ngô. Một người đàn ông đã ở đó tự bao giờ, lập tức ôm choàng

lấy chị. Đó chính là Phúc Hạo, người tình của Mai. Hai người âm thầm hẹn hò nhau ở đây, vội vã làm những việc cần làm rồi họ chia tay nhau. Mai lại vào làng để đón con về.

Cũng có khi hai người hẹn nhau cả vào ban ngày khi mà tối hôm trước họ có việc không gặp được nhau.

Thường thì ăn cơm trưa xong, Mai xách chiếc làn đi. Ấy là lúc nắng nôi nhất trong ngày. Ngoài đồng thật vắng vẻ, Mai vừa nhặt nhạnh mấy ngọn rau tập tàng vừa men dần ra xa. Chị biết cứ ra được đến ruộng ngô thì thế nào cũng gặp Phúc Hạo. Ban ngày họ gặp nhau cũng thật đàng hoàng bởi ánh mặt trời thiêu đốt tạo cho họ một cái cớ để cùng ghé chung vào cũng mang lại cho hai người một cảm xúc chân thực, đồng thời bù đắp cho sự vội vã chiều hôm. Chị có thể ngắm kỹ càng khuôn mặt của Phúc Hạo mà đẹp đẽ sáng sủa hơn biết bao nhiêu gương mặt thô ráp của chồng mình, có thể nói với nhau biết bao điều âu yếm và ngay cả làm việc đó cũng có thể rộng dài thời gian hơn biết bao nhiêu.

Ngày tháng cứ thế mà trôi. Vội vã mà đều đặn nếu như chẳng phải ngày sinh nhật của bé Cách xảy ra chuyện thì chuỗi ngày ấy của Mai vẫn tiếp tục qua đi.

Buổi tối hôm sinh nhật Cách, như lệ thường chị đến nhà bố mẹ chồng đón con. Chồng chị đang cúi lom khom

trước cửa chuồng lợn cho lũ lợn bột ăn, anh chẳng nói năng gì. Mai đi rồi, Tôn Đức chợt nhớ là sinh nhật con, phải đến nhà bố mẹ để bàn bạc, anh liền đóng cửa và đi theo vợ. Trời chưa tối hẳn, Tôn Đức thấy cái bóng loang loáng màu tím của vợ trông rất là quái, nhưng anh cũng chẳng nói năng gì cứ lẳng lặng mà đi. Anh nông dân quen cày cấy này mùa hè thích đi chân đất, nên chị vợ đi trước không nghe tiếng bước chân. Lúc tới chỗ rẽ, chị cũng quá sơ ý, không ngoái trở lại xem mà rẽ ngay vào lối hẻm. Tôn Đức hết sức ngạc nhiên liền lẳng lặng bám theo. Mãi cho đến khi ra khỏi làng Mai vẫn không phát hiện ra chồng.

Sự việc thế là vỡ lở!

Tôn Đức không phải là người ác. Biết chuyện nhưng anh không đối xử thô bạo với vợ. Anh lôi Phúc Hạo ra mé vắng vẻ ngoài đồng dần cho một trận, đó là cách mà đàn ông làng thường giải quyết đối với loại sự việc này. Đối với con người bé nhỏ mỏng manh như Tôn Đức lại càng là một việc tượng trưng cho sự báo hận. Bởi anh không định li hôn, lại càng không muốn làm to chuyện. Ngược lại, nhân chuyện này Mai đề nghị ly hôn. Tôn Đức không chấp thuận. Anh không thể để Mai ra đi, cũng không thể bỏ thằng bé. Cách là con trai anh, không phải con Phúc Hạo, điều này anh chắc chắn. Sau khi có chuyện,

anh ngẫm nghĩ kỹ, anh nhớ hồi anh và Mai cưới nhau, Phúc Hạo theo đội xây dựng của làng vào thành phố làm việc. Người đàn ông ấy trở về đã có Cách rồi. Hơn nữa trông thằng bé rất giống anh. Cặp mắt nhỏ, môi dày, tính nết cũng hao hao. Chỉ có mỗi điều anh nói được còn thằng bé thì câm và cũng vì thế anh rất yêu nó. Mỗi khi ra chợ bao giờ anh cũng mua thứ quà ngon lành nào đó cho con, lúc đi làm ruộng cũng không quên ngắt mấy chùm quả ăn được ngoài đồng mang về. Thằng bé không nói được nhưng mỗi khi ăn thứ gì ngon miệng bao giờ nó cũng giơ đôi tay bé nhỏ lên vuốt má bố mãi.

Cuộc ly hôn không thành. Ngày tháng cứ thế qua đi. Thằng bé vẫn thế. Ban ngày ở với ông bà nội, tối được đón về nhà. Ngày lại ngày trôi qua. Có một điều khác trước là người đón nó không phải mẹ mà là bố. Cuộc sống gia đình được anh sắp xếp lại, ngoài việc không để Mai đón con, anh còn không cho vợ đi hái rau trưa nữa, Tôn Đức tự mình đi làm cái việc dành cho đàn bà ấy. Anh để mắt đến từng hành động của vợ, tìm cách xóa mọi cơ hội khiến Mai có thể gặp Phúc Hạo. Sự nỗ lực ấy đã đem lại hiệu quả trong cả một thời gian dài. Anh cảm thấy làm thế là đúng. Dù có vất vả tí chút về mặt này thì lại yên tâm mặt khác. Đằng nào cũng thế.

Cánh đồng thật lộng gió. Ngô đã thu hoạch rồi, lúa bắt

dầu gieo. Tiếp theo là cuốc đất trồng dưa và lạc. Phải cày cấy, gieo hạt. Ngoài việc nhà ra, Tôn Đức còn phải giúp cha mẹ. Anh là con độc đinh nên phải có trách nhiệm với gia đình. Điều ấy khiến anh rất vất vả. Suốt ngày bù đầu ngoài ruộng. Anh là một nông dân cần mẫn, khỏe mạnh, người thì thấp bé mà đẩy chiếc xe đầy mạ nom như một tòa nhà di động. Nhìn từ phía trước thì chẳng biết người đứng chỗ nào. Nhà không nuôi trâu bò nên Tôn Đức phải tự mình kéo cày, Mai đi sau dắt cày. Người làng trông cảnh chồng kéo vợ cày ai cũng thấy cặp vợ chồng này thật là hạnh phúc. giả sử như có ai bảo không phải thì chính đó là vợ chồng họ nói.

Mai không quên được Phúc Hạo, chị biết Phúc Hạo cũng không thể quên chị.

Bề ngoài chị có vẻ tuân phục sự giám sát của Tôn Đức, nhưng sự căm hận trong lòng đối với chồng ngày càng tăng. Chị cũng biết dư luận không chấp nhận sự tư tình của chị và Phúc Hạo. Ở làng quê chị, cái loại chuyện này bị coi như tội hình giết người đốt nhà. Nhưng vẫn không đừng được, bất luận ban ngày đi cày ruộng hay ban đêm ngủ với nhau, chị đều nghĩ tới Phúc Hạo, nhớ đến những giờ phút khoái lạc khi hai người ở bên nhau. Chị tính toán xem làm cách nào để gặp lại nhau bàn chuyện sau này. Phúc Hạo chính là người đàn ông đầu tiên của chị. Chị

không lấy được anh bởi cha chị kiên quyết phản đối. Cha chị nói Phúc Hạo là người không trông cậy được và ông cứ khăng khăng bảo thủ ý mình. Đến giờ chị vẫn không hiểu tại sao cha lại nghĩ thế. Cha chị cấm chị Phúc Hạo nhưng lại tạo điều kiện cho Tôn Đức. Ông bảo Tôn Đức chân thật và muốn chị lấy Tôn Đức. Tất cả mọi người trong nhà trừ bà chị lấy chồng làng bên đều đồng tình với cha. Ai cũng khuyên nhủ chị nên cưới Tôn Đức chất phác. Quả thực khi ấy chị cũng không hiểu. Chất phác thật thà là cái gì? Liệu có giống như xâu cá khô treo trên góc bếp không. Cha chị suốt đời chỉ khen cá khô hun khói là món trôi cơm nhất, cả nhà cũng đều công nhận như vậy.

Mồng 8 tháng 9 là ngày phiên chợ Long Tuyền. Mai đã chờ đợi ngày này từ rất lâu rồi. Hôm ấy Tôn Đức sẽ đi chợ để bán lợn giống và mua bán một số thứ đồ dùng khác. Mai định tranh thủ thời cơ ấy sẽ tìm gặp Phúc Hạo.

Sớm hôm ấy Tôn Đức gửi con về liền vỗ cho đàn lợn giống đẫy bụng. Đó là một việc mà người bán lợn nào cũng biết cần phải làm vì nó làm cho lũ lợn nặng thêm chút ít. Sau đó Tôn Đức bắt lợn cho vào hai cái sọt xe và lên đường. Ở trong vườn Mai nghển tai lắng nghe tiếng kêu của đàn lợn và đoán xem Tôn Đức đã đi đến đâu. Mãi khi tiếng kêu nhỏ dần và mất hẳn, Mai thở phào như trút được gánh nặng, chị khóa cửa lại rồi vội vã chạy ra

ngoài làng. Chị đi tìm Phúc Hạo, chị biết chỗ mấy mảnh đất nhà Phúc Hạo và cũng biết tìm được anh ở đâu. Để tránh sự nhòm ngó của mọi người, chị không đi theo con đường làng. Cánh đồng lấp xấp nước như vừa có trận mưa nhỏ. Dép và quần mau chóng ướt sũng, bám đầu cỏ may và bùn đất. Vầng mặt trời rạng rỡ đang từ dãy núi phía đông ló ra. Loáng thoáng một vài người nông dân đang lúi húi trên đồng không gian thật tĩnh lặng. Mai khéo léo luồn lách qua đám người. Lúc chị men bờ ruộng, có lúc dẫm lên cả rau màu. Có ai nhìn thấy chị thì cũng không thấy có vẻ gì khác thường. Mai đã ra đến cánh đồng ven sông. Đây là con đường duy nhất xuyên qua làng. Mùa hạ đến, người lớn trẻ con trong làng đều ra đây tắm rửa kỳ cọ cho sạch sẽ những dơ bẩn sau một năm trời. Trên bờ sông có mấy cây bạch dương lớn đứng sừng sững. Những chiếc lá cỡ bàn tay lác đác rụng xuống. Có chiếc, gió thổi rơi xuống dòng sông và chầm chậm trôi như một chiếc thuyền. Bây giờ đã qua mùa nước, chỉ còn lại một dòng nước nhỏ, trong vắt. Mai tụt xuống mép sông chậm rãi bước ra chỗ dòng nước chảy mềm mại. Chị ngần ngừ một chút rồi cứ để nguyên cả dép lội xuống. Nước sông mát quá, thật dễ chịu biết bao. Lội qua sông rồi, chị vội trèo lên bờ sông. Bất chợt chị ngó người ra: Bé Cách, lại cả bà nội nữa. Lúc ấy chị mới chợt nhận ra nhà ông bà nội cũng có một mảnh đất ở đây. Chị lại càng không nghĩ là

thằng bé cũng lội ra đây. Mai nấp vội sau một gốc cây, phân vân không hiểu vừa rồi thằng bé có nhìn thấy chị không. Thằng bé bị câm nhưng bù lại có đôi mắt rất tinh. Chị lẳng lặng dòm về phía thằng bé. Nó vẫn đứng yên đó ngóng. Trông như một con cún nhỏ. Chị vừa xót thằng bé vừa hiểu rằng không thể để con níu chân vào lúc này. Chị nhất định phải gặp được Phúc Hạo, cùng anh tính toán việc sau này. Không biết nên thế nào thì phải. Chị ngồi yên chờ, cho đến khi thằng bé thôi không ngóng ra sông nữa mới vội chui vào một bãi ngô ven đê. Mãi cho đến lúc này tim chị vẫn còn đập thình thịch. Chị cũng không tin làm sao thằng bé con mình dứt ruột đẻ ra lại làm mình hãi thế. Vượt qua bãi ngô lút đầu, chị lại men theo bờ ruộng lạc đến một bờ ruộng đầy cỏ, xanh ươm. Lại qua một ruộng ngô nữa, chị đã nhìn thấy Phúc Hạo đang đứng giữa vùng nắng. Lưỡi hái trong tay anh vung lên, sáng loáng, như ngọn đèn treo trên không. Chị chợt thấy cảm động, cổ họng như tắc nghẹn. Phúc Hạo vẫn chưa thấy Mai, chị nhìn anh một lát và biết rằng mình phải tiến lên phía trước, cho đến khi nào Phúc Hạo nhận ra. Chị đã nhìn thấy ruộng ngô ở phía trước. Đám ngô mới to chắc và um tùm làm sao...

Cả sáng nay Mai ở trong trạng thái căng thẳng. Chị và Phúc Hạo ở bên nhau không lâu. Cả hai đều biết đấy

không phải là lúc kể lể anh anh em em. Bàn xong chuyện đại sự, Mai lập tức tiến hành. Đầu tiên Mai đến nhà chị gái. Ra khỏi nhà chị, Mai rẽ vào một hiệu thuốc thị trấn mua ít đậu. "Đàn ông khỏe đến mấy cũng không chịu nổi 8 viên này". Bà chị gái khẳng định. Tôn Đức chẳng phải là người đàn ông khỏe mạnh, nhất định bị. Biết là mọc sừng mà vẫn không chịu bỏ vợ thì nhất định chẳng phải là người đàn ông tốt.

Khi Mai về đến nhà thì đã trưa rồi. Mặt trời đã treo cao trên đầu. Lũ chó, gà đều trốn vào bóng cây mát. Tôn Đức vẫn chưa đi chợ về, nhưng có lẽ cũng sắp về. Mai vội vã lấy cối ra nghiền nát mấy viên thuốc, rắc vào bột rồi đem nhào kỹ. Trong lòng chị tràn đầy khủng hoảng. Dù cho với Tôn Đức, với chị hay Phúc Hạo thì hôm nay thật là một ngày đáng sợ. Chị hiểu rõ điều đó. Mai đã quyết không sống cùng Tôn Đức nữa mà sẽ đi với Phúc Hạo. Chị không cưới Phúc Hạo mà Phúc Hạo cũng không thể lấy vợ người khác. Mà dù có trâm anh thế phiệt cũng chẳng thèm. Đó là điều mà hai người đã rõ ràng và đã đi đến quyết định. Không còn cách nào khác. Đúng thế, không còn. Đây sẽ là bữa cơm cuối cùng của Tôn Đức. Anh vốn thích ăn mì sợi. Cho anh ấy một bữa thật thoả mãn. Ngày thường nhiều việc, rất ít khi Mai cán mì sợi. Chỉ nấu nướng qua loa. Mà Tôn Đức cũng không khó, có

gì anh ăn nấy. Cũng có khi đang ăn anh nói: "Đồ ngon mà không biết cách làm thì thức ăn cũng chẳng ra gì!". Anh cho là chả có món nào ngon hơn mì sợi nấu, cũng như cá khô của bố mẹ vậy, cán xong mì, chị ra vườn trẩy ít đậu, ngắt thêm mấy ngọn rau thơm, trời đã ngả bóng. Tôn Đức vẫn chưa về.

Mãi hơn hai giờ chiều Tôn Đức mới về. Chiếc xe chất đầy rau lợn, anh nhặt nhạnh khi về nhà. Lúc ấy Mai mới chợt nhớ đã quên phất cho con lợn nái vừa mất cả đàn con ăn mà cũng chẳng nghe thấy tiếng rít của nó. Còn Tôn Đức thì bảo vừa vào đến làng đã nghe rõ tiếng rít hộc của lợn nhà, anh bảo tiếng nó kêu thật thảm. Mai cũng chẳng nghĩ xem thế nào, chị cứ chúi vào việc nấu mì. Nồi mì bốc hơi ngun ngút. Vẫn như mọi khi, Tôn Đức quì bên chuồng lợn xem con lợn mẹ kêu rít, anh bảo ở trên chợ có treo tấm biển đề là có trường học dành cho trẻ câm điếc, nghe người ta bảo là sẽ nhận trẻ từ 6 tuổi trở lên. Anh định khi bé Cách 6 tuổi sẽ cho con lên đó học. Mai cũng ừ hữ. Mì đã nấu xong Tôn Đức dọn mâm bát ra giữa nhà, sắp đũa bát ngồi chờ ăn cơm. Anh kể cho vợ nghe, người mua lợn đặt trước lứa lợn sau, mặc cả giá rồi, bây giờ phải tranh thủ lấy giống tiếp. Mai cũng đồng ý. Ngẫm nghĩ một lúc Tôn Đức bảo, lứa bột này được hơn ba trăm đồng chăn nuôi ấy có lãi lắm. Sang năm ta trồng

thêm ít dưa nữa để lấy rau nuôi hai con nái. Mai múc cho chồng bát mì, đặt xuống mâm. Nhìn thấy mì sợi mắt Tôn Đức sáng lên. Mai mời chồng ăn, Tôn Đức bảo vợ ăn cùng nhưng Mai nói đã ăn rồi. Tôn Đức cầm bát lên ăn ngấu nghiến, làm một chập ba tô. Mai giục ăn thêm Tôn Đức kêu no rồi. Anh bảo trời nắng khē, chiều ra vườn tưới cho đám rau.

Ăn no nê rồi. Tôn Đức lại ra chuồng lợn ngắm nghía, sau đó gánh đôi thùng ra vườn. Chợt anh cảm thấy bụng đau quặn, Tôn Đức có cái bụng tiêu hóa cực tốt. Từ xưa chưa bao giờ thấy có cái cảm giác đau đớn này. Anh nghĩ là có lẽ do vừa rồi ăn quá vội vàng, chắc chẳng sao cả nên lại tiếp tục quẩy gánh đi. Mọi người đều đang ở ngoài đồng cả, con đường làng rất vắng. Đến vườn nhà, anh cũng chợt thấy bé Cách cùng ông bà đang đi tới. Anh gọi thằng bé, nó không nghe thấy nhưng bố mẹ anh nghe thấy ngoảnh lại, thằng ngó theo, nhận ra bố, nó mừng rỡ lao đến, đôi chân lạch bạch trên mặt đất. Anh ngắm con, nhìn vẻ lanh lợi khi nó lao vào vườn rau. Anh bảo con là anh mua quà cho nó. Anh hỏi con có thích ăn dưa không, rồi hái cho nó một quả dưa chuột. Thằng bé vừa ăn vừa ngó xuống giếng. Anh vội vã ôm con ra chỗ khác, dặn con không được ngó xuống giếng, nếu không nghe lời là đánh đít. Thằng bé chẳng để ý đến bố nói gì, nó ăn hết quả

dưa liền chạy ra dàn giật quả khác. Tôn Đức để kệ con, anh kéo nước giếng lên để tưới cây. Khi ấy anh thấy trong bụng quả là có gì đó bất ổn. Từng trận đau dữ dội thêm, đồng thời cảm thấy lả người. Anh nhìn xung quanh, mặt trời chiếu gay gắt. Cũng có người đang làm việc ngoài đồng, không có chỗ nào thuận tiện cả. Lại một trận đau dữ dội nữ kéo đến. Anh quăng gầu nước chạy ra chỗ thằng bé, gọi con cùng về. Mai không có nhà, không biết đi đâu. Anh vừa nhấc thằng bé xuống, thì lên cơn nốc thốc tháo. Một mùi kinh kinh bốc khắp khu vườn. Tôn Đức lại bị tháo hết cả ra quần. Miệng nôn trôn tháo, tưởng chừng như lục phủ ngũ tạng đều thốc tháo ra hết, người còn có cái vỏ rỗng. Anh cảm nhận thực rõ ràng rằng cái vỏ rỗng ấy đang từ từ bay lên, ngập vào một vầng sáng chói lòa rồi sau đó chìm trong tối đen.

Khi Tôn Đức hồi lại, anh thấy như có đôi tay bé nhỏ đang vuốt ve mặt mình, thật nhẹ nhàng mà dịu dàng. Mở mắt ra anh thấy bé Cách đang ngồi bên, đôi mắt nó chứa đầy sự khiếp sợ. Anh định gọi con, nhưng không cất nổi tiếng, định cầm tay thằng bé nhưng cũng chẳng với nổi. Anh cố hết sức để thở. Trời đã về chiều, ánh nắng chiếu vào khuôn mặt đã biến sắc của Tôn Đức. Đầu anh đau buốt và hỗn loạn. Anh nhắm mắt, dường như đang nghĩ điều gì đó. Cảm nhận được đôi bàn tay thằng bé đang xoa

mặt, anh cố sức để mở mắt ra nhìn, đôi mắt thằng bé ngập nước, nó đang lặng lẽ vuốt ve khuôn mặt anh. Thương con quá. Anh bảo nó vào nhà đi vì trời bắt đầu lạnh mà nó thì không mặc quần "Con vào nhà lấy quà bố mua cho mà ăn". Thằng bé vẫn ngồi im không động đậy. Anh gắng gượng để đứng dậy thử mấy lần nhưng vẫn không được mà thở dốc từng cơn. Cả đời chưa từng thấy đau và mệt nhọc. Anh cầm tay con, thấy nó lạnh như băng...

Vừa khi ấy anh nghe tiếng kẹt cửa, thật khẽ. Nhưng anh vẫn nghe rõ, thấy cả tiếng khép cửa nữa, cả tiếng bước chân quá quen thuộc nữa. Tiếng chân thật nhẹ, như bước trên một lớp bông. Anh bảo rằng: "Mai, cô không thể để tôi chết thế này được, cô phải để tôi sống mà chịu tội".

Đột nhiên anh nghe tiếng Mai hét lên, nghe rất khiếp đảm cùng với tiếng hét là tiếng kẹt cổng, có ai đó vừa lọt vào. Trong ánh mờ mờ của hoàng hôn chiều vừa buông xuống, anh không nhìn thấy ai cả, nhưng đoán chắc rằng đó chính là Phúc Hạo. Chắc chắn là Phúc Hạo và anh cũng tỉnh táo biết rằng thế là mình đã đến số...

Tôn Đức đã chết.

Sớm hôm sau, Mai xin được cái giấy chứng nhận rằng Tôn Đức chết vì bệnh tim. Mai khóc lóc kể lể với mọi người rằng Tôn Đức bị bệnh tim rất nặng, nhưng anh

không bao giờ chịu đi bệnh viện khám. "Anh ấy có bệnh nhưng dứt khoát không chịu bỏ tiền ra chữa" - Dân làng bàn tán vậy.

Theo tập tục của làng, bé Cách phải đi trước linh cữu bố, mọi người bảo nó rải gạch lót đường. Nó vừa câm vừa chưa biết gì cả, nhưng dù sao nó cũng là giọt máu duy nhất của Tôn Đức để lại.

Ngày tháng lại trôi đi. Mọi chuyện dần dần cũng đi vào quên lãng. Tôn Đức cũng vậy. Dân làng không còn nhìn thấy "ngôi nhà nhỏ" đầy những mạ từ từ lăn trên đường làng nữa mà hình ảnh về anh cũng chẳng có gì đặc biệt để lưu lại trong lòng mọi người nữa. Chừng nửa năm sau, Mai và Phúc Hạo cưới nhau. Xem ra so với thông thường thì việc này xảy ra hơi sớm. Nhưng nghĩ đến cảnh mẹ góa con côi sống lầm lũi vất vả thế nên mọi người cũng chẳng dị nghị gì. Người đã chết thì chẳng thể sống lại được. Còn người sống thì vẫn cứ phải sống.

Cách ngày một lớn, có điều cũng không thay đổi nhiều không biết nói thì vẫn không nói được. Sau khi cưới Mai, Phúc Hạo chủ yếu vẫn ở nhà bố mẹ. Đó là bởi bố mẹ anh muốn thế, mà anh cũng vậy. Rất ít khi Mai đến nhà đón được anh về. Có khi tháng chả gặp được nhau lấy một lần. Sau rồi cũng phải quen đi. Nhưng bao giờ nấu được món gì ngon Mai cũng đều đem đến mời.

Loáng một cái mà đã tới ngày Cách sinh nhật tròn 6 tuổi. Hôm ấy Phúc Hạo không đến. Mai bảo rằng anh ra thành phố liên hệ việc gì đó. Mấy năm nay anh dẫn một đội thi công đi làm ăn khắp nơi, quả thực rất bận rộn. Trong bữa cơm Mai bàn với mẹ chồng rằng hồi còn sống, bố thằng bé định khi nào con lớn sẽ cho lên thị trấn học trường câm điếc. Bây giờ Cách đã đến tuổi đi học. Vậy có cho đi hay là không? Bà cụ bảo cứ theo ý bố nó mà làm. Thế là Cách được đi học.

Thế là thằng bé trở thành học sinh lớp một trường câm điếc. Khác với các trường tiểu học khác. Bọn trẻ ở đây chỉ được về nhà vào ngày thứ bảy, nghỉ chủ nhật rồi lại vào trường. Ông bà nội thằng bé và cả Mai cũng không muốn thế, nhưng ai mà sửa lại được quy định của nhà trường. Băn khoăn mãi, cuối cùng ông nội quyết định sẽ đưa đón cháu. Ông lót chăn đệm vào trong sọt xe rồi để Cách ngồi vào. Bên kia ông nhét hòn đá lớn, rồi ông đẩy xe. "Cách này, cháu học hành ngoan ngoãn sau này lớn lên kiếm được cơm mà ăn nhé, có nghe thấy không?". Vừa đẩy xe ông vừa dặn dò cháu. Cách vĩnh viễn im lặng như hòn đá để bên kia sọt xe.

Ở trường, thằng bé không học khá. Nó lại còn không hiếu động. Bất kể hết giờ học hay chưa, hễ trời sắp tối là nó lên giường ngủ. Sách bạch ra rồi mới chịu ngồi dậy.

Bọn trẻ khác cứ vào tiết thể dục là đều phấn khởi, lăn lộn trên bãi, nhưng Cách vẫn bất động tại chỗ. Thầy giáo phải giục nó mới chịu chạy ra bãi làm một số động tác. Nhưng nó lại có cái làm thầy giáo hài lòng, ấy là nó chẳng quậy phá bao giờ. Cách là đứa trẻ trầm mặc ít ai để ý tới.

Lần đầu tiên nó khiến mọi người chú ý là giờ đầu tiên học vẽ. Cô giáo dạy vẽ đặt 1 quả táo và 1 quả lê lên bàn để học sinh phỏng theo mà vẽ. Một tia sáng mặt trời từ trên mái nhà chiếu rơi xuống đúng chỗ mặt bàn. Mẫu vẽ hiện lên rõ cả khối hình trước mặt bọn trẻ. Tất cả lớp đều vẽ theo yêu cầu của cô giáo, trừ Cách. Cách cũng vẽ, nhưng nó không vẽ táo và lê mà vẽ người. Một người đàn ông nằm ngửa mặt trên đất, sợi dây thừng quấn quanh cổ ông, hai đầu kéo sang hai bên. Chỉ có thế. Cô giáo trầm tư một hồi, rồi nhìn nó bằng đôi mắt không bằng lòng. Cách cúi đầu. Cô thở dài rồi bảo lần sau hãy làm như cô bảo. Nghe xong thằng bé vẫn im lặng.

Rồi cô giáo cũng quên chuyện này. Bởi chuyện kỳ lạ quanh bọn trẻ câm này vẫn xảy ra luôn.

Đã vào mùa lúa chín. Cũng như các trường khác, trường câm điếc cho bọn trẻ nghỉ học về gặt. Cách được ông đưa về nhà. Suốt kỳ nghỉ, thằng bé luôn ở bên ông bà. Ông bố kế của nó còn đang bận rộn ngoài thành phố, không những không về giúp gặt, mà còn đón cả mẹ Mai nó ra

luôn. Ngày nào Cách cũng đi gặt cùng ông bà. Hai người gặt phía trước nó bó lượm ở phía sau. Cũng đôi khi nó vớ liềm thử khoa nhưng đều bị ông bà nó dành lại. Sau đó nó vác các bó lúa lên bờ, cái thân hình bé nhỏ ấy ôm bó lúa rõ lớn, khiến cho nhìn cảnh ấy ai cũng nghĩ tới hình ảnh bố nó đẩy "cái nhà" mạ.

Mùa gặt cũng qua. Thầy và trò lại tụ họp ở ngôi trường, khuôn mặt ai cũng đen nhẻm. Tất cả lại trở lại công việc cũ.

Lai một giờ vẽ khác. Cô giáo cho học sinh vẽ bộ ấm chén, khó hơn lần trước một chút. Bọn trẻ chăm chú làm bài, đem nộp cô giáo. Cô lại nhìn thấy một bức vẽ người nên rất giận. Thoáng một cái, cô biết ngay là của Cách vẽ. Về cơ bản bức này cũng giống bức trước. Người đàn ông nằm ngửa trên đất, chiếc thừng quấn cổ và hai đầu dây vắt hai bên, nhưng có chỗ khác hẳn bức trước. Ngoài người đàn ông ra còn có 2 người nữa. Nhìn vào tóc mà đoán thì là một nữ một nam. Hai người này đứng hai bên, tay cầm giây thừng. Dù bức vẽ này cũng chẳng như bức trước không ra một bức tranh, không có bối cảnh, không thành hình tượng nhưng rõ ràng hơn nhiều. Cô giáo giật mình khi xem bức tranh giết người này. Rõ là cảnh giết người. Cô thật sự kinh hãi. Đôi mắt cô chằm chằm nhìn bức tranh, một đứa trẻ nhỏ thế làm sao trong lòng nó lại

chứa đựng một ấn tượng độc ác thế này? Đó chính là điều vì sao cô kinh hãi.

Lần này cô không phê bình Cách ngay ở trên lớp, hết giờ cô đem bức vẽ đáng sợ đưa cho tất cả giáo viên xem.

Các anh chị xem, trò này lần nào cũng vẽ một cảnh giống hệt nhau! Mọi người truyền tay nhau xem, đầu tiên không ai nói gì, chỉ ngắm nghía một cách ngạc nhiên, rồi trao đổi nhau những ánh mắt nghi hoặc và trong lòng ai cũng dấy lên một nỗi khiếp sợ mơ hồ. Và chợt tiếng trống báo giờ lên lớp vang len khiến mọi người đều giật thót.

Tôi nghe nói cha thằng bé chết sớm - Một thầy giáo dạy Cách học kỳ 2 đột nhiên nói. Đôi mắt anh mở to khi nói. Và dường như khi ấy mọi cặp mắt đều đổ dồn vào hình người đàn ông bị thít cổ nằm ở dưới đất.

Chiều hôm ấy, cô giáo dạy vẽ cùng thầy giáo dạy số học cùng nhau mang bức tranh của Cách giao cho bên chuyên án của thị trấn.

Mai vốn rất ghét mùa hạ. Khi vừa ra khỏi làng, gió nóng từ cánh đồng đã hầm hập phả đến, nóng đến không thở được. Có cảm giác như trong làn gió ấy có cả mùi đậu rang bốc hơi hôi hổi. Mặt trời thiêu đốt trên cao. Chị nấp tạm vào trong cái lều chống nắng, ánh mắt hướng ra ngoài đồng. Sau khi gặt, cánh đồng chuyển từ màu vàng sang màu xanh, xanh đến chóng cả mặt. Chị lê bước trên mặt

đường nóng như nồi canh để ra bờ sông. Ở đó có một lũ trẻ trần truồng đang đùa nghịch. Ở đó không có Cách. Chị biết Cách đang ở trường học. Nếu thằng bé còn ở nhà, chị biết nó cũng không dám chạy ra sông chơi. Bố nó hồi còn sống cấm ngặt không cho nó chơi chỗ có nước, bảo rằng đứa trẻ khác có gặp nạn thì còn biết đường mà kêu cứu, chứ thằng bé thì không thể. Đến mùa hè nóng bức thì hai bố con dắt nhau ra sông tắm rửa nhưng bao giờ nó cũng được giám sát chặt chẽ như lợn mẹ chăm con vậy. "Cách à, cha con mới thương con làm sao!". Tự dưng Mai thương xót kêu lên, và chị lội ra sông. Bức vẽ liên quan đến Cách chị đã biết. Bà chị rỉ tai chị. Biết chị và Phúc Hạo vừa về làng, chị ấy liền chạy đến báo. Chị bảo ở làng chưa có ai biết chuyện Cách vẽ lại hình cha bị hại, nhưng trên ban chuyên án sẽ nhất định đến để bắt Mai và Phúc Hạo, phải ra đồng báo ngay cho Phúc Hạo biết. Phúc Hạo! Cố lao vào công việc đồng áng, hoa màu, cây cối nữa mà làm gì, chẳng còn có tác dụng gì hết. Mai thấy như nước mắt đang ứa ra. Lúc ấy chị đã ra tới mép nước. Một thằng bé nghịch ngợm té nước ướt áo chị, cả mặt và cả tóc. Mai đứng lại nhìn thằng bé đang đứng dưới sông. Chị ước mong sao được thấy Cách đứng trong bọn trẻ, bởi chị biết sẽ vĩnh viễn không bao giờ được gặp lại con nữa. Cách không còn là của chị. Ngay từ cái giây phút đáng sợ ấy nó đã không còn là của chị. Đáng lẽ vào cái

lúc Phúc Hạo đang tìm dây thừng ở lều cỏ, chị phải bế nó vào nhà. Nhưng không, lúc ấy chị quá sợ hãi đến nỗi không biết gì nữa... Chị lội xuống nước, trèo sang bên bờ kia, đứng ở trên nhìn mãi về dòng sông. Làn nước sáng loáng đã bao trùm lên lũ trẻ. Mai thở dài, quay mình bước xuống đê. Chị thấy đồng ruộng mênh mông vắng lặng, tất cả mọi người đều về cả, chỉ có hoa màu đang rì rào. Phúc Hạo, anh không biết là đã muộn rồi sao? Về nhà đi nghỉ đi - Anh không biết là mọi việc đều vô ích hết rồi sao, chẳng còn ý nghĩa gì nữa...

Lúc ấy, Mai vừa nhìn thấy Phúc Hạo đầm đìa mồ hôi trên thửa ruộng nhà mình...

TRINH BẢO *dịch*

VĂN BÌNH

THỦY MẪU

Chiếc xe tải phóng như bay theo con đường đá răm trộn đất vàng, vượt qua eo núi như bị ma đuổi. Thực ra ở phía sau chỉ là một đám con gái choai choai.

Mùa hè, buổi trưa là lúc nóng nhất. Hơn chục cô học sinh trung học, lưng khoác túi xách, cố nương theo bóng mát đám cây-lưa thưa ven đường. Cả bọn đều học ở thị trấn, đều phải vượt qua eo núi mới trở về tới nhà. Vào lúc chiếc xe tải vừa chạy tới, tất cả đều nhao nhao giơ tay vẫy: "Các anh lái xe ơi, đi an toàn nhé!".

Chợt nghe một giọng chói tai:

- Đồ đểu! Đồ đểu!

Người lái xe hãm phanh, thò đầu ra cửa xe quát:

- Chửi ai đấy?

- Chửi anh.

Trả lời là một cô gái không béo không gầy, không cao không thấp. Cô ta vung vẩy chiếc túi xách trên tay, ưỡn ngực, dẩu môi, vươn tấm thân phủ đầy bụi đất vàng chờ đợi.

Người lái xe "tịt ngòi". Làm sao có thể cãi nhau với một đứa con gái? Nhưng cô gái vẫn chưa thôi:

- Anh mà cũng là đàn ông! Chở chúng tôi đi một đoạn liệu có làm bẹp, làm hỏng, làm nát thùng xe của anh không?

- Tất nhiên không. Chỉ sợ em không đủ tiền trả công.

- Công, công đáng mấy đồng mà anh cũng sợ?

- Nhưng, còn cái đáng sợ hơn.

- Sợ cái gì?

- Sợ vợ. - Lái xe rồ máy, cười lớn.

- Này, chúng em không phải là vợ anh, anh sợ cái khỉ gì?

Thật là to gan, nói năng chẳng có giữ gìn gì cả.

- Em tên gì? - Lái xe hỏi. - Thủy Mẫu. - Cô gái cười.

Đám bạn phía sau theo kịp đế vào:

- Vợ anh đấy, chưa nghe qua bao giờ à?

"Lũ quỉ". Rủa thầm trong bụng, người lái xe nhấn ga, chiếc xe chồm lên, vẫn nghe những tiếng léo nhéo ở phía sau.

Anh ta không muốn chở mấy cô học sinh này.

Đi lính mấy năm, anh ta học được nghề lái xe. Tư tưởng tương đối phóng khoáng, dám vào quán cà phê, dám nhảy

disco, dám mặc quần bò và hát các bài hát thời thượng, và cuối cùng dám lấy một cô gái đã bỏ chồng. Cô vợ thuộc loại ghê gớm quản anh ta rất chặt. Sau lưng, mọi người gọi anh ta là "Râu Quặp". Cái đáng sợ là thói quen. Tên người cũng vậy. Người gọi nhiều lên, thời gian lâu dần, cái tên Râu Quặp thành tên anh ta.

Ở thôn Vọng Nhi Lầu, sợ vợ được xem như tiếng thơm. Một người đàn ông được nhắc đến ở nơi đây người như một kẻ mắc bệnh... sợ vợ đều cười, cười rất tự nhiên, cười một cách đắc ý. Nguyên nhân thật đơn giản, phàm những người sợ vợ bao giờ gia đình cũng sung túc, hòa thuận, không có điều kia tiếng nọ.

Có ngoại lệ không? Có. Dưới con mắt của không ít đàn ông, kẻ sợ vợ là "sâu mọt ở công sở", anh ta không quát tháo độc đoán chuyên quyền thì cũng cố làm ra vẻ oai phong.

Râu Quặp không phải loại người này. Sau một ngày chạy xe, mệt bã người, anh ta chỉ tiếc không thể rúc ngay vào chăn đánh một giấc ngon lành. Cô vợ là một cửa ải khó lọt qua. Cô ta càu nhàu: - Này, anh xem người anh có hôi bẩn như khỉ ấy không, mau đi tắm đi.

- Thôi để mai, mệt chết đi được. Râu Quặp rên rỉ.

- Anh không tắm rửa đừng có lên giường.

Không lên giường thì không lên giường. Râu Quặp

chuồn ra nhà để xe ngủ - Một mạch ba ngày. Ngày thứ tư trở về, vừa bước vào cửa, anh ta đã nói:

- Hôm nay anh tắm rồi, em không tin coi đây. - Anh ta cúi đầu lật cổ áo.

- Người ta biết thừa là anh không chịu nổi mà.

- Thực thà, ai mà chả sợ... Chữ "vợ" cuối cùng anh ta nuốt vào bụng không dám nói ra.

Cô vợ không vừa:

- Sợ cái gì? Em biết anh thích em, thích được trị bệnh lười, đúng không?

- Đúng, đúng.

Thế là cởi quần áo, leo lên giường, nồng nàn một trận. Sau việc đó, cô vợ hỏi:

- Ngày mai anh lại về chứ?

- Về.

- Đừng quên tắm rửa đấy nhé!

Anh ta không trả lời. Anh ta hiểu rằng, vào những lúc như thế thì cái việc tắm phải nhớ thuộc lòng. Và anh ta nhắm mắt ngủ liền một mạch không trở mình.

Ngày thứ hai Râu Quặp không về nhà.

Ngày thứ ba cũng không.

Xe bị hỏng trên đường, mất phanh. Hỏng ở ngay chỗ

eo núi. Anh ta sửa xe xong, nhờ các cô nữ sinh đẩy hộ. "Một, hai, ba!, Một, hai, ba", đẩy cả một đoạn dài, các cô gái nói:

- Lần này thì phải cho chúng ngồi nhờ xe rồi.

Không đợi trả lời, cả đám ào ào leo lên xe. Thủy Mẫu chui vào buồng lái, đuổi thế nào cũng không xuống.

Xe chạy được vài ba kilômet, các cô gái xuống xe vẫy tay cảm ơn. Thủy Mẫu không xuống. Cô ta đòi ngồi nữa, để hưởng cái thú đi xe, chẳng sợ say.

Xe chạy hơn năm kilômét, Thủy Mẫu vẫn không xuống. Xe chạy hơn mười kilômét, lúc đó Thủy Mẫu mới kêu lên:

- Dừng xe lại!

Râu Quặp dừng xe nói:

- Được, cô xuống đi.

- Xuống ở đây? Chở đi xa thế này, anh phải đưa em trở lại.

- Đấy là do cô muốn, xin lỗi, cô hãy tự đi về.

Râu Quặp vừa nói vừa đẩy Thủy Mẫu xuống xe, đóng cửa cái rầm rồi nổ máy đi luôn.

Mấy hôm sau xe của anh ta vừa tới, cô gái lại chặn xe lại và leo lên xe. Râu Quặp không biết làm sao, nói nửa đùa nửa thật:

- Này, đi bộ mười kilômét chưa đủ sao? Hôm đó mặt trời thế nào?

- Mặt trời tốt xấu việc gì đến anh. Em ngồi là ngồi lên xe.

- Cô còn dám ngồi, tôi còn dám chở cô đi nữa!

- Có chở mới tốt chứ. Nửa đường mà anh còn thả xuống thì anh không phải là người nhé.

- Bọn lái xe là tàn nhẫn lắm, cô chưa nghe nói sao?

- Tàn nhẫn mới tốt, em thích thì sao?

Râu Quặp lau bụi trên mặt, quay người qua nói:

- Vậy cô hãy hôn tôi một cái.

Thủy Mẫu bình tĩnh nói:

- Còn điều kiện gì nữa, nói luôn một thể.

Râu Quặp lúng túng đáp:

- Không còn, không còn. Chỉ cần hôn một cái là đủ.

- Tặng anh. Anh thật đáng thương.

Từ đó, ngày nào anh ta cũng chở cô gái.

Hàng ngày về nhà bao giờ Râu Quặp cũng tắm rửa sạch sẽ. Cô vợ thấy anh chồng thay đổi thì vui thích lắm, gặp hàng xóm chỉ muốn khoe: "Nhà em dạo này càng ngày càng hiểu việc đời, chả biết nhờ thứ linh dược nào?". Mấy cô hàng xóm cũng rất biết góp chuyện: "Chứ không phải

do nhà chị dạy dỗ tốt à? Đối với bọn đàn ông là phải quản chặt, nếu không ăn cơm chán lại muốn ăn phở, anh nào mồm cũng nhóp nhép như con mèo ấy".

Người ngoài không ai biết Râu Quặp có phải là loại mèo tham ăn không.

Cuối thu, một lần Thủy Mẫu trèo lên xe, tựa vào vai anh ta thì anh ta bắt đầu tỏ ra lo lắng. Anh ta nói trước:

- Thủy Mẫu, sao em cứ ngồi thế?

- Thế anh bảo em phải làm gì.

- Ngày nào anh cũng nghĩ đến em.

- Điều đó em biết. Em có thai rồi.

Râu Quặp rất lo lắng. Anh ta nhìn Thủy Mẫu đang rất bình tĩnh, thậm chí còn có chút vui vẻ, bỗng cảm thấy ngượng muốn lao ra khỏi xe chúi đầu vào khe đất.

- Em nói xem bây giờ làm thế nào? - Anh ta tỏ ra hoảng loạn.

- Thì có thai phải cho biết chứ. - Thủy Mẫu nói với vẻ sung sướng.

- Em còn cười được. Phải phá thai gấp.

- Không.

- Thế thì anh phải lên xã nhận tội.

- Cũng chẳng bắt anh nhận tội.

- Vậy em muốn gì? Chả lẽ anh phải cưới em?

- Con của em. Em sẽ nuôi nó.

- Thế còn anh?

- Không phiền đến anh. Em chỉ muốn hàng ngày nhìn thấy xe, nhìn thấy anh.

Cô gái đâu có ngờ từ hôm đó anh ta đi vòng không chạy qua eo núi nữa. Râu Quặp sợ cái gì? Cô gái còn quá trẻ, chưa thể hiểu rõ nguồn cơn. Vì thế cô chỉ còn có biết ngồi mà nhớ hết thu đến đông, hết xuân đến hè.

Hai năm sau, anh ta quên hẳn việc đó.

Đó là hai năm anh ta sống vui vẻ. Thôn Vọng Nhi Lầu mở xí nghiệp, thu nhập tăng ba bốn lần, riêng tiền thưởng mỗi tháng anh ta cũng thu được trên trăm đồng - Nhà lắp máy nước, tắm giặt thỏa thích, thoát khỏi cảnh kẽo kẹt kéo nước. Râu Quặp vẫn lái xe. Xếp hàng nhiều, trả hàng nhanh mỗi ngày một chuyến, thật nhẹ nhàng. Chỉ có điều mỗi lần chạy xe đến eo núi lòng lại cảm thấy trống trải buồn, muốn dừng lại nghỉ xem xem có động tĩnh gì không. Kỳ thực anh ta không thể quên.

Một mùa thu nữa. Hồng đã chín đỏ. Lá hồng cũng đỏ rồi. Khắp nơi đều rực rỡ như một tấm thép nung đỏ làm nẫu cả lòng người. Có một quán nước mới được cất dưới gốc cây sơn trà ven đường. Chủ quán là một thiếu phụ,

đầu vấn khăn màu xanh, nom xấp xỉ ba mươi tuổi.

Đó là Thủy Mẫu. Râu Quặp đưa tay đón bát nước trà nóng thì nhận ra.

- Thì ra em đi bán nước à?

- Thôi học, em đi bán nước ngay.

- Thế người nhà đâu.

- Dựa vào ai được. Tự làm mà nuôi mình. Đủ ăn tiêu, đủ sống, còn cần gì nữa?

- Không ngờ lại làm khổ em.

- Không khổ, thật đấy - Thủy Mẫu cười, cười rất tươi, chẳng khác gì hai năm trước - Anh xem, nhờ có thằng bé bên em.

Đó là một đứa bé trai được đắp chăn bông nền vải đỏ điểm hoa vàng, đang nằm ngủ trên nệm cỏ. Trái tim Râu Quặp đập rộn một hồi. Anh nhìn thấy xác một con ve sầu rơi trên mặt đứa bé, liền đi tới nhặt ném thật xa. Thằng bé vẫn ngủ không hay biết.

Anh ta ngập ngừng hỏi:

- Của ai đấy?

Thủy Mẫu vui vẻ đáp:

- Của anh, của em.

- Thôn cũng để cho em sinh? Người nhà cũng để cho

em sinh à?

- Anh không cần biết việc đó.

- Em không lấy chồng?

- Tại sao phải lấy? Em đã có rồi.

- Ai vậy?

- Anh coi, nó giống anh quá. Con trai.

- Nhưng anh đã có vợ rồi.

- Em biết. Em không làm gì ảnh hưởng đến anh, đúng không?

Thật chả ra sao cả - Anh ta uống hai bát nước chè, trước khi đi để lại hai mươi đồng. Nhưng Thủy Mẫu không nhận. Thủy Mẫu nói:

- Lần đầu không lấy tiền, sau này uống một bát trả một hào.

Hôm đó Râu Quặp trở về nhà, mắc lại bệnh cũ không tắm - Cô vợ hình như cũng trở nên nhu mì hơn nhiều, đến tối cũng không hề nhắc, để mặc leo lên giường ngủ. Chồng mệt thì để cho ngủ một giấc thật say, chẳng nên cứ ép buộc anh ta mãi.

Quả nhiên ngày hôm sau Râu Quặp dậy rất sớm. Xe chạy ra khỏi thôn, qua huyện, lên chợ rồi trở về eo núi, trời mới vừa trưa.

Thủy Mẫu vẫn ngồi bán nước dưới gốc cây Sơn Trà. Khi thấy Râu Quặp bước từ trên xe xuống, cô đã pha xong trà cho anh ta. Râu Quặp không uống trà vội, lấy ra một bọc vải trao cho Thủy Mẫu.

- Đây là quần áo, cả của con và của em.

Thủy Mẫu lắc đầu, không nhận. Râu Quặp ăn năn nói:

- Hai năm qua anh không phải với em. Em nhất định phải nhận. Anh biết ở vùng núi khó khăn lắm.

Thủy Mẫu vẫn không nhận. Thủy Mẫu không giận. Cô ta không phải loại người ấy. Cô rất vui. Cô hiểu ra rằng, cuối cùng anh cũng là một người đàn ông. Râu Quặp thấy khó xử quá, bèn phân bua mãi rằng, mình chẳng thiếu gì, chỉ có trái tim là luôn luôn trống rỗng. Cuối cùng, anh ta nói, sẽ li dị vợ, cũng không lái xe nữa. Anh ta sẽ vào núi, cưới Thủy Mẫu. Thủy Mẫu vội nói:

- Ai đòi anh ly hôn. Không cho phép anh ly hôn.

- Vì sao vậy?

- Anh coi em là người thế nào? Dù anh ly hôn, em cũng không lấy anh. - Cô nói, nước mắt giàn giụa, tựa như mình vừa mắc tội.

Trước khi đi, Râu Quặp nói:

- Cái gì em cũng không cần, vậy thì anh biết làm gì? - Em còn cần gì nữa. Cái cần cho thì anh đã cho rồi.

Râu Quặp rất cảm động:

- Thủy Mẩu, em nói đi, em đối với anh tốt thế để làm gì?

- Để sung sướng. Em yêu anh.

- Lẽ nào em không sợ?

- Sợ gì. Có hạnh phúc, người ta không sợ nữa.

Râu Quặp hình như đã hiểu ra.

- Thế sau này thì sao?

Thủy Mẩu nói:

- Sau này chỉ mong anh mỗi lần qua thì dừng xe lại, xuống uống một bát nước chè, chứ đừng đi một mạch liền hai năm.

Râu Quặp đã hiểu. Hình như lần đầu tiên anh ta biết đến một người phụ nữ.

- Còn em, chả lẽ cả đời em ngồi bán nước.

- Thì còn muốn gì nữa. Có nước là cái gì cũng có.

Đương nhiên. Từ trong đôi mắt lấp lánh sáng của cô, anh ta cảm thấy một niềm hân hoan thỏa mãn mà anh ta chưa bao giờ biết. Lúc đi, anh ta móc túi lấy hai hào lẻ để lại, cảm thấy xử sự như vậy mới đúng.

HÀ PHẠM PHÚ *dịch*

VỊ ƯƠNG

CHIM ĐẠI BÀNG

Ăn cơm chiều xong, đồng chí Hách chủ tịch Khu[1] bưng một chén trà, ra trước cửa phòng làm việc ngồi nghỉ. Tiện tay, ông với một tờ báo, liếc mắt xem qua. Trên trang hai, góc phải, một dòng chữ lớn đập vào mắt ông:

Xạ thủ săn lợn rừng

Đúng là một tiết mục nhẹ nhõm, ông chủ tịch bèn đọc tiếp. Bỗng ông trố mắt kinh ngạc: hóa ra họ viết về khu ta!

"Thôn Nham ốc thuộc xã Nham Ốc, khu Nham Ốc... có chàng trai tên là Tăng An Bản..."[2].

Đúng rồi! Họ viết về khu ta! Kể từ khai thiên lập địa, đây là lần đầu tiên khu Nham Ốc lên mặt báo. Cho dù sự việc được đăng chẳng có gì ghê gớm, nhưng chắc chắn sẽ làm mọi người phấn khởi. Ngay lập tức ông Hách đọc xong bài báo. Rồi đọc lại lần nữa, ông mỉm cười, mơ hồ cảm thấy một niềm vinh quang.

(1) Khu là đơn vị hành chính lớn hơn xã, nhỏ hơn huyện.

(2) Tác giả để thôn, xã, khu có cùng một tên.

"Đồng chí Tào này! Khu Nham Ốc lên báo rồi đây này!". Ông chủ tịch khu hất hàm nói với đồng chí bí thư Khu ủy đang bưng bát cơm, đứng ăn ở bậc thềm.

"Thật à!", đồng chí bí thư vội vàng chạy lại.

"Tăng An Bản - anh có biết anh chàng này không?" - chủ tịch khu hỏi.

"Tăng An Bản à, một thằng vừa điên vừa khùng, suốt ngày chỉ mải mê săn lợn rừng". Đồng chí bí thư vừa trả lời vừa đón lấy tờ báo.

"Anh đã trông thấy cậu ta bao giờ chưa?!"

"Tôi đã đến nhà hắn, trên tường treo đầy súng săn, xương lợn lòi, răng nanh lợn lòi".

"Báo nói cậu ta bắn trăm phát trăm trúng".

"Điều đó là thật. Tung một bắp ngô lên trời, súng nổ, bắp ngô tung toé nở hoa. Lăn một cái nắp thùng xuống núi, hắn nổ một phát là tan. Tài nghệ đó hắn học được ở cha hắn".

Chủ tịch im lặng một lát rồi hỏi: "Năm nay cậu ấy bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?".

"Chưa già, khoảng 30 thôi".

"Đồng chí bí thư à, một nhân tài như thế, sao anh không nói sớm?".

"Nhân tài cái quái gì, chẳng qua chỉ bắn lợn lòi".

"Trên báo người ta gọi cậu ấy là xạ thủ kỳ tài đó!".

"Thì đi săn nhiều rồi luyện quen tay".

"Tôi có một ý định", chủ tịch khu nói rất nghiêm trang, "phải trọng dụng!".

"Thì cứ cho hắn làm đội trưởng đội săn lợn lòi", bí thư Tào pha chút châm chọc.

"Cậu ấy có thể làm bộ trưởng bộ vũ trang Khu[1] chẳng phải khu ta còn khuyết chức ấy sao?". Công tác dân quân tự vệ trong khu xưa nay vẫn do cấp trên trực tiếp nắm, tháng trước đi thi bắn ở huyện xếp hạng bét, chủ tịch khu thật cay đắng. Chủ tịch nghĩ nếu cất nhắc, Tăng An Bản làm bộ trưởng vũ trang khu, nhất định công tác huấn luyện dân quân tự vệ sẽ khá lên.

"Hí hí...!" Bí thư Tào cười nhạo, lắc đầu.

"Tư tưởng anh chưa được giải phóng, còn xem thường nhân tài chuyên môn". Chủ tịch khu gật gật đầu. "Báo cũng đã đăng rồi, những con người nổi danh như thế, không trọng dụng là sai lầm".

---

(1) Ở Trung Quốc UBHC tỉnh gọi là Chính phủ tỉnh, khu, huyện là Chính phủ khu, Chính phủ huyện. Phụ trách các ngành đều gọi là bộ trưởng. Bộ trưởng vũ trang tức là trưởng ban quân sự. Đơn vị khu lớn bằng huyện của ta, có những khu có số dân trên một triệu.

"Nhưng mà làm bộ trưởng không phải để săn lợn, cũng phải có thời đại chứ". Bí thư Tào vẫn cười hí hí.

"Thời đại rồi ta nâng dần lên", chủ tịch Hách nói "chúng mình còn chưa đi sâu đi sát, nhân tài hiển hiện trước mắt mà không thấy, người ta đưa lên báo mới giật mình. Lần này cả nước Trung Quốc biết khu Nham Ốc nhà ta. Cái anh chàng phóng viên lợi hại nhất.

Vài hôm sau, chủ tịch khu trèo qua mấy ngọn núi, tìm đến thôn Nham Ốc hỏi thăm nhà Tăng An Bản. Anh ta đang nhồi thuốc súng vào nòng súng săn, trông thấy chủ tịch khu, vội vàng dừng tay, chạy ra đón. Đầu chít khăn, chân quấn xà cạp, anh ta chuẩn bị vào rừng. Vợ là Lưu Tuyết Cúc đang luộc ngô. Một mùi thơm nhè nhẹ tỏa ra từ cái chảo rang, đó là lương khô cho người đi săn.

- Đồng chí chủ tịch... thật chẳng mấy khi..., mời ngồi... - An Bản vừa thổi bụi trên ghế vừa nói.

- Anh được lên báo rồi, biết chưa? - Chủ tịch hỏi.

- À, đồng chí Diệp, phóng viên có gửi cho tôi một tờ, mặt An Bản đỏ bừng lên.

- Bài báo này làm cho khu ta nổi tiếng. Từ nay anh không được cặm cụi đi săn mà phải nỗ lực phục vụ toàn khu.

- Hầy... - An Bản chưa hiểu rõ ý tứ của chủ tịch khu,

chỉ biết gãi đầu.

- Anh là nhân tài, chúng tôi phải trọng dụng, tôi quyết định lấy anh làm cán bộ thoát ly, bổ nhiệm làm bộ trưởng vũ trang khu.

- Bộ trưởng vũ trang? - An Bản ngỡ mình nghe nhầm.

- Đúng! Nắm việc huấn luyện dân quân. Làm sao mỗi dân quân khu ta đều biến thành xạ thủ thần kỳ như anh!

- Tôi không làm được đâu, chủ tịch à! - An Bản lắc đầu lia lịa.

- Anh ấy chỉ biết săn lợn lòi, đồng chí chủ tịch à, không biết làm quan đâu! - Vợ An Bản ngừng đun bếp, ngẩng lên xen vào. - Thôi, đừng từ chối nữa, nhất định anh làm tốt. Ngày nay Đảng rất coi trọng nhân tài, anh chị bất tất phải lo ngại.

- Đồng chí chủ tịch, tôi không làm cán bộ đâu, đồng chí tìm cho người khác - An Bản nói giọng kiên quyết.

- Anh sợ đấu tranh à, yên tâm, bây giờ không làm chuyện "tả khuynh" như hồi trước nữa, cho dù có khuyết điểm, sai lầm cũng không "đánh đổ, đánh nát" đâu![1]

- Không phải đâu, tôi không thích ngồi làm việc trong văn phòng, cũng không biết nói năng. Chủ tịch cứ để yên cho tôi đi săn lợn, tôi sống hoang dã quen rồi.

(1) Chữ dùng trong cách mạng văn hóa. Nguyên văn: Phê đảo phê xú.

- Anh là đảng viên đấy chứ? - Chủ tịch tỏ ý không bằng lòng. Ông nghĩ, ai chả thích làm cán bộ thoát ly. Cái chức bộ trưởng vũ trang anh chàng An Bản nằm mơ cũng chẳng thấy. Nào ngờ nó lại nhủng nhẳng, chẳng có hiểu biết gì, thịnh tình của chủ tịch khu mà bị từ chối phắt đi.

- Thưa đồng chí, vâng - An Bản nhỏ nhẹ đáp.

- Là đảng viên thì phải có ý thức kỷ luật. Hôm nay tôi đến đây là để thông báo cho đồng chí: ngày mai phải có mặt ở trụ sở Ủy ban khu.

- Chủ tịch à... mời đồng chí nếm thử ngô mới, thơm lắm... - Vợ An Bản vớt ra mấy bắp ngô, bưng đến trước mặt chủ tịch khu. Cô ta muốn hòa hoãn không khí căng thẳng.

- Mới trẩy về à? - chủ tịch khu cầm một bắp ngô, mỉm một nụ cười. Ông cho rằng An Bản đã bị ông thuyết phục.

- Đồng chí chủ tịch à, tôi đã chuẩn bị đâu vào đấy để đi săn, xin đồng chí cho đi nốt chuyến này rồi sẽ lên khu. - An Bản van vỉ.

- Nhưng phải nhanh nhanh lên nhé! - Chủ tịch khu gật gật đầu.

2

Cả trong lúc ngủ mê, Tăng An Bản cũng chưa bao giờ mơ thấy mình làm cán bộ. Anh ta chỉ mê thấy đi săn lợn

lòi.

Thôn Nham Ốc nằm khuất trong rừng sâu. Dân trong thôn có cái may là sẵn củi sẵn nước, nhưng có cái khổ là lợn lòi quấy phá. Mấy sườn núi ở cách xa thôn, từ đầu vụ gieo trồng đến cuối vụ thu hoạch luôn luôn bị lợn lòi phá hoại. Mùa màng dãi nắng dầm mưa, chỉ một đêm có khi mất sạch. Cho nên người ta coi việc canh giữ lợn lòi cũng quan trọng không kém việc gieo trồng. Lợn lòi là kẻ thù số một của nhân dân. Nhiều người học được tài săn bắn, nhưng bố Tăng An Bản là xạ thủ có bản lĩnh nhất.

An Bản nhờ thịt lợn rừng mà lớn lên. Từ bé, một năm bốn mùa, trong nhà bao giờ cũng thơm mùi thịt lợn rừng. Có lúc là thịt tươi, nhưng phần lớn là thịt muối. An Bản thích cái mùi thơm ấy, thích hà hít cái hương vị hoang dã ấy. Có thể vì ăn nhiều thịt lợn rừng mà người An Bản chắc nịch. Anh ta chưa hề ốm trận nào. Lên 4, 5 tuổi, cậu bé An Bản đã thèm thuồng nhìn khẩu súng săn đen bóng treo trên vách gỗ, nhìn cái đầu lợn đã hun khói đặt trên gác trạn. Hắn mơ tưởng đến việc đi săn. Sáu, bảy tuổi hắn khóc đòi đi vào rừng với bố, la mắng thế nào cũng không chịu trở về. Chao ôi! Đi săn thật là thần bí và hấp dẫn. Bố dắt theo chó săn, quì trước bàn thờ sơn thần ghép bằng ba tảng đá, rồi gieo quẻ cầu may. Bàn thờ đặt dưới một gốc cây cổ thụ khiến người ta có cảm giác

u linh khôn lường. Trước bàn thờ đặt oản, đậu phụ và một con gà sống to, hai bên cắm mấy cây cờ đỏ bằng giấy - đó là quân lính sơn thần cho mượn để đi săn. Bố cúi đầu lầm rầm khấn vái rồi gieo quẻ. Nếu gieo một lần mà được ngay quẻ dương thì bố vui mừng ra mặt. Nếu là quẻ âm thì lại giập đầu khấn vái rồi gieo tiếp. Có lúc còn gọi cả An Bản đến vái xin, xin cho kỳ được quẻ dương mới thôi. Lên đến đỉnh núi thì bẻ một cành cây quét qua các cửa đường, rồi quét một vòng quanh đỉnh núi. Ấy là đóng núi, núi đóng rồi thì lợn không chạy thoát được nữa. Thông thường một mình bố lên núi, có lúc cũng đi với phường săn. An Bản chẳng bao giờ quên được lần đầu tiên hắn tham dự một buổi chia thịt lợn rừng. Mọi người xúm quanh một con lợn rất to tươi cười, nói nói, mừng vui khôn xiết. Lệ của phường săn là ai vào cuộc cũng được phần. Phàm những ai lên núi tham gia đều được chia. Bố bắn trúng con lợn, theo lệ được cái thủ. Bố nắm lấy tai lợn dùng hết sức kéo xuống, tai chấm đến đâu thì cắt thủ đến đó. Sức bố khỏe, cái tai kéo xuống đến tận vai, cái thủ mang về dính cả cái cổ lợn. Mọi người nhìn với vẻ thán phục, coi bố là anh hùng. Bố to gan, bắn giỏi, thường xuyên được thủ lợn.

Năm 12, 13 tuổi, An Bản trở thành đồ đệ của bố, bắt đầu đi săn với mọi người. Để rèn luyện lòng can đảm cho

cậu con trai bố thường bắt An Bản giữa đêm khuya đi tìm lợn lòi một mình. Rồi bố dạy cho An Bản cách bắn cách chống cự với lợn lòi. Bố rất nghiêm khắc, bắt phải học đến nơi đến chốn. Bắn con chim đang bay. Bắn con thỏ đang chạy. Cũng như bố, An Bản si mê công việc săn bắn. Ngày sinh nhật 18 tuổi, An Bản bắn được con lợn đầu tiên. Thấy mình sẽ có người nối nghiệp bố mừng lắm. Bày một mâm rượu, mời bạn bè đến chén một bữa - đó là thịt lợn rừng do con trai bắn. Rồi An Bản lấy vợ. Chuyện cưới vợ của hắn đã thành giai thoại truyền khắp cả vùng. Hôm lễ cưới, bỗng dưng chàng rể mất tăm. Mọi người tỏa đi tìm mà biệt vô âm tín. Rồi các cô gái trẻ chuẩn bị phòng cô dâu. Đốt đèn lên rồi mà vẫn không tìm ra chàng rể. Lưu Tuyết Cúc ngồi trong màn khóc hết nước mắt. Người ta chê mình chăng? Thật oan gia... Nhưng sáng sớm sau trời vừa rạng đã nghe bên ngoài có người gào lên: "Chàng rể vác lợn lòi về đây rồi". Có người đùa: Thôi thì đi tìm một cô dâu lợn lòi vậy! Đêm ấy, An Bản bắn được 3 con liền. Si mê săn lợn mà quên cả động phòng khiến Lưu Tuyết Cúc ân hận sao lại lấy một anh chàng như thế, dỗi dằn mất cả tháng. Nhưng về sau, sự thực thì hắn yêu lợn lòi, nhưng cũng vẫn yêu vợ. Lưu Tuyết Cúc cũng dần dần học được cách làm các món nhắm bằng thịt lợn rừng. Rồi cô không còn phản đối cái si mê của chồng nữa, ngược lại cũng say mê như chồng.

"Săn cọp phải có gan, săn lợn lòi phải có ván". Ấy là nói lợn lòi rất nguy hiểm, phải chuẩn bị sẵn quan tài. Nếu bắn một phát không chết, con lợn liền bất chấp mọi thứ, xông thẳng vào người bắn. Bố An Bản chết là vì thế. Lần ấy, phường săn vây chặt một con lợn bốn năm trăm cân[1], một anh chàng thọ săn trẻ tuổi không kìm được, nổ một phát trúng vào mông con lợn. Bố An Bản biết là không ổn rồi, ông bắn tiếp một phát. Bất ngờ con lợn như một mũi tên phóng đến, cắn gẫy đôi khẩu súng, húc nát lồng ngực ông già. Hai bạn phường săn khác lập tức nổ súng, con lợn lúc ấy mới đổ xuống. Nhưng bố An Bản ra máu nhiều quá, cáng chưa xuống khỏi núi thì tắt thở. Bố chết, có người khuyên An Bản nên bỏ nghề. Nhưng An Bản không thối chí, ngược lại càng quyết tâm. Có điều bây giờ hắn cẩn thận hơn.

An Bản cứ tưởng đâu suốt đời chỉ qua lại với lợn rừng. Anh có ngờ đâu bây giờ phải đi làm cán bộ. Suy đi nghĩ lại, không hiểu đây là vận đỏ hay vận đen.

3

Trụ ở Ủy ban Khu là một tòa nhà hai tầng, có vườn cây và hoa, ở giữa còn có một ao cá. Cái kiểu cách này là mô phỏng Ủy ban huyện, nhưng nhỏ hơn. Trước đây,

(1) Có lẽ là cân Trung Quốc. Một cân Trung Quốc bằng gần nửa kilô. N.D.

An Bản chưa từng đến ủy ban Khu, hoặc giả có dự một cuộc họp nào đó, nhưng anh quên rồi. Đến cơ quan làm việc anh chẳng hứng thú gì, không như đối với rừng núi. Những ngọn núi anh từng bươn bả đuổi săn lợn rừng, anh chẳng bao giờ quên. Bây giờ thì anh đã ở hẳn một Ủy ban Khu, phía Tây tầng 2, nửa phòng làm việc, nửa phòng ngủ. Trong phòng có bàn, tủ đựng tài liệu, hai ghế và một cái giường dôi. Còn cái giá đựng thau rửa mặt, một xô nước và một phích nước nóng. Tất cả những thứ đó, trừ cái thau anh bỏ tiền ra mua, còn thì đều là của công. Bí thư Tào đã đích thân thu xếp cho anh.

- Đồng chí Tăng An Bản à, Ủy ban Khu là cơ quan hành chính còn eo hẹp lắm, đồng chí có yêu cầu gì cứ đề đạt, chúng tôi sẽ thu xếp. - Bí thư Tào căn dặn.

- Không có gì, tốt rồi, tốt rồi! - An Bản gật đầu liền liền. Quả thực, anh cảm thấy không có gì phải đòi hỏi nữa. Nhớ lại cái phòng ngủ ở nhà, ban ngày, muốn vào cũng phải soi đèn pin, nó đen ngòm vì xông khói. Còn ở đây thì rộng rãi, sáng sủa có cửa kính, còn biết bao đồ dùng. Anh bắt đầu được nếm vị ngọt của đời sống cán bộ.

Anh ngồi trong phòng, uống chè. Anh không biết phải làm việc gì, nhàn nhã đến phát sợ. Bí thư Tào cho người mang đến một tập văn kiện, yêu cầu anh đọc xong một văn kiện thì vẽ một vòng tròn, xem mãi, xem mãi, díp mắt

lại, anh mơ thấy đang đuổi lợn lòi. Ngồi không yên, anh đứng dậy, đi bách bộ trong vườn, nghiêng ngó xem cỏ cây hoa lá. Nhưng xem đi xem lại rồi cũng chỉ có ngần ấy, không tìm đâu ra cái rậm rạp phong phú của núi rừng. Anh cảm thấy nhạt nhẽo. Ở đây, thật ra rất nhàn hạ. Một ngày từ sáng đến tối không phải lao động. Cơm đưa đến thì ăn chè đưa đến thì uống, không phơi nắng dầm mưa. Nhưng An Bản không kham nổi cái phúc phận ấy. Bắp đùi anh béo ra, lưng nhức mỏi, giấc ngủ không sâu. Anh nhìn cánh rừng xa xa, mong sao được bươn về đó chạy nhảy, săn bắn.

- Đồng chí chủ tịch à, mở lớp huấn luyện dân quân đi thôi! - An Bản mong được nhúc nhắc một tí.

- Đừng sốt ruột, đồng chí phải nghiên cứu học tập tài liệu, nâng cao nhận thức trước đã! - Chủ tịch khu vỗ nhẹ vào vai anh.

Mười ngày nặng nề trôi qua, cuối cùng chủ tịch khu đồng ý cho An Bản mở lớp huấn luyện dân quân, chủ yếu là tập bắn. An Bản dựng trường bắn trong núi, đem những điều học được khi đi săn dạy cho dân quân. Anh rất nghiêm khắc, ai không đạt yêu cầu thì không cho ăn, không cho ngủ. Dân quân phải luyện tập, cả ngày đêm, cuối cùng đã thành thạo. Sau một tháng, nhiều người trở thành xạ thủ giỏi.

Trong công tác huấn luyện căng thẳng, An Bản vẫn thù nghĩ đến săn lợn. Hầu như rừng núi đang vẫy gọi anh, các nương ngô bị lợn giẫm nát đang kêu cứu anh. Anh tự kiềm chế bắt mình phải để tâm huấn luyện. Một lần, dọc đường, anh bỗng phát hiện dấu chân lợn lòi, ngửi thấy mùi tanh tanh của lợn lòi. Anh quên phắt nhiệm vụ, xách súng truy lùng. Đuổi được dăm bước, bỗng anh nhớ ra mình đã là cán bộ, không thể tùy ý, anh đau đớn lắc đầu rồi quay trở lại.

Rồi một hôm, phóng viên Diệp đến thăm. Anh ta chưa biết An Bản được điều lên làm bộ trưởng trên khu nên về thẳng thôn Nham Ốc. Biết tin An Bản được cử giữ chức quan trọng, chàng phóng viên trẻ lấy làm kinh ngạc. Giờ đây, có người một đêm thăng ba cấp cũng có gì lạ, nhưng An Bản xem ra không có tướng làm quan cái gánh nặng ấy anh ta chịu được không?

Năm ngoái, ngẫu nhiên mà phóng viên Diệp quen biết An Bản. Diệp đi thực tế, ngang qua thôn Nham Ốc, nghe nói ở đây có một anh chàng si mê săn lợn lòi liền đến thăm. Diệp người thành phố. Ít khi về nông thôn. Tốt nghiệp đại học là ra công tác ngay. Diệp rất thích phong cảnh núi sông vùng quê. Nghe An Bản kể chuyện săn lợn, anh náo nức muốn đi xem. Ngày hôm sau, anh theo An Bản săn được một con lợn lòi. Cố nhiên, Diệp chỉ đứng

nhìn, chưa hề động chân động tay. Diệp đeo kính cận. An Bản phải luôn để ý, sợ anh ta ngã xuống hố, cho nên vẫn coi là một gánh nặng. Nhưng An Bản cũng chẳng mấy khi có được một người tri kỷ như vậy, cho nên cũng vui lòng. Sau này Diệp còn cùng anh ta đi săn hai bận nữa, hiểu biết thêm ít nhiều công việc đi săn. Cách đây ít lâu, Diệp viết một bài báo giới thiệu An Bản. Nào ngờ do bài báo ấy mà An Bản được điều lên làm bột rường vũ trang khu. Diệp cảm thấy có phần hài hước.

- Này, anh làm quan rồi đấy nhé. - Diệp hỏi.

- Thí chính là do anh bốc tôi lên, nếu không, trong khu ai biết tôi đâu?! An Bản cười thật thà.

- Tôi nghĩ anh thích làm cán bộ. Nếu không, sao không từ chối phắt đi?

- Chủ tịch khu hỏi tôi có phải là đảng viên không, tôi còn cách gì từ chối nữa?

- Thế anh cam tâm vứt súng săn đi à?

- Hồi nhỏ tôi nghe người lớn nói, những người nghiện thuốc phiện, khi không có gì chẳng khác gì người ốm, nước không buồn uống, cơm không buồn ăn, người nhược như bún. Anh Diệp à, bây giờ tôi cũng giống người nghiện, thật khổ sở...

Diệp cùng đi với An Bản xem dân quân tập luyện hai

ngày, rồi xem thi bắn, rất phục tài nghệ xạ kích của họ. Về tòa soạn, anh liền viết một bài: "Dân quân khu Nham Ốc trổ tài". Bài báo được Ủy ban huyện chú ý, liền quyết định tổ chức Hội thao thi bắn của dân quân khu Nham Ốc. Chủ tịch khu biết tin rất mừng, tự hào vì mình có con mắt tinh đời, chọn đúng nhân tài. Ông cho gọi An Bản đến, bàn bạc tường tận công việc chuẩn bị hội thao.

Chập tối, mưa nhẹ. Mọi người ngồi trong nhà, nhìn ngọn núi bao phủ sương mù, trong lòng có chút không yên. Nếu ngày mai không tạnh thì sự thể ra sao? Tăng An Bản nhìn trân trân từng sợi mưa, trong lòng không khỏi bối rối. Thời tiết này chính là lúc lợn lòi sục sạo. Nếu bây giờ mà được đi săn thì thú biết mấy. Nhưng biết làm sao được, mình không thể bỏ đi, phải túc trực ở đây, chủ tịch khu lúc nào cũng có thể đến dặn dò.

Các đại biểu đều đi xem phim. Chủ tịch khu tìm An Bản hỏi han tình hình, bàn bạc từng chi tiết cho buổi hội thao. Ông yêu cầu các xạ thủ đi ngủ sớm để sáng mai có sức khỏe mà thi thố tài năng. An Bản đang vào giấc thì bỗng nghe có tiếng gào: "Lợn lòi lại về!" tiếp đó là tiếng ồn ào khắp thị trấn. An Bản lăn xuống giường vơ lấy khẩu súng xạ kích chạy ra. Trên phố người đông nghịt, đều vừa đi xem phim về. Một cô gái vừa về đến cửa thì thấy một con lợn lòi đang húc cửa, hoảng quá cô kêu lên. Mọi người

ùa ra thì con lợn chạy mất. An Bản rút đèn pin soi mặt đất, quả thật có dấu chân lợn lòi còn mới nguyên. Anh chẳng nói chẳng rằng, lần theo dấu chân tìm đuổi.

Thị trấn nhỏ yên tĩnh trở lại, chỉ một lúc mọi người lại trở về với giấc mơ của mình. Sáng sớm hôm sau, trời vừa rạng là chủ tịch khu đến gọi An Bản cùng anh đi kiểm tra một lần cuối trường bắn. Đến trước cửa phòng An Bản thấy cửa vẫn mở, tưởng anh đi đâu đó, chờ một lúc không thấy, bèn đi tìm, tìm mãi, vẫn bặt vô âm tín. An Bản đi đâu? Đến giờ phút quyết định thì mất tăm, thật sốt ruột.

Mặc dù đêm qua có mưa nhưng sáng nay trời tạnh, mây tan, thật là một ngày đẹp. Các đại biểu trong lòng phấn chấn, dậy rất sớm, ăn sang qua loa rồi tiến về thao trường. Chủ tịch khu quanh quẩn đứng ngồi không yên. An Bản là chủ bài, nếu anh ta không xuất hiện thì hỏng bét. Chủ tịch khu cử người vào núi tìm nhưng núi to thế tìm ở đâu? Các đại biểu đã đến đông đủ, các vị lãnh đạo đã bước lên khán đài. Trong chốc lát, hội thao sẽ bắt đầu, thế mà vẫn chưa thấy An Bản.

- Khai mạc chứ, đồng chí chủ tịch khu? - Bí thư Tào sốt ruột.

- Chờ thêm ba mươi phút nữa - Chủ tịch khu trả lời. Ngó chừng An Bản không thể về kịp, chủ tịch khu cl

định một dân quân thay An Bản chỉ huy hội thao. Đội ngũ đã tập hợp, chỉ chờ chủ tịch khu gật đầu là vào cuộc. Chờ đúng ba mươi phút, An Bản vẫn mất tăm. Các đại biểu xem chừng không chịu nổi, bàn luận ồn ào: - Đồng chí Hách, chuẩn bị xong rồi chứ? - Chủ tịch huyện hỏi.

- Báo cáo chuẩn bị xong, - chủ tịch khu đáp.

- Thế thì còn chờ cái gì nữa? - chủ tịch huyện lại hỏi.

- Báo cáo, không chờ cái gì cả, - chủ tịch khu ấp úng.

- Thế thì khai mạc đi! - chủ tịch huyện ra lệnh.

- Vâng, khai mạc, - chủ tịch khu bất đắc dĩ trả lời.

Cũng may, Tăng An Bản được xếp bắn sau cùng. Có thể anh ta sẽ về kịp, chủ tịch khu nghĩ vậy. Thế nhưng một buổi sáng vừa nháy mắt đã qua đi. Các xạ thủ đã biểu diễn xong, thành tích chỉ nhàng nhàng, nhưng cũng nhận được những tràng vỗ tay sôi nổi. Chủ tịch khu càng sốt ruột, chỉ cầu mong An Bản về kịp. Đã đến người cuối cùng vẫn không thấy bóng dáng An Bản, chủ tịch khu toát cả mồ hôi, chẳng biết xử sự ra sao.

- Hoan nghênh xạ thủ lừng danh Tăng An Bản ra thi bắn! - Trong đám đại biểu, bỗng có người hô lên, tiếp đó là một tràng vỗ tay.

- Hoan nghênh xạ thủ lừng danh biểu diễn tiết mục tung bắp ngô mà bắn! - Lại có người hét lên, lại vỗ tay.

- Đồng chí Hách à, đưa chủ bài của anh ra đi thôi đến lúc rồi đấy! Chủ tịch huyện tươi cười nhìn chủ tịch khu.

- Sắp ra đây! - Chủ tịch khu đỏ rựng đôi tai, hô lớn:

- Đồng chí Tăng An Bản ra bệ bắn!

Không có tiếng trả lời.

- Tăng An Bản lên bắn đi! - Chủ tịch khu lại gào lên.

Vẫn im lặng, không có tiếng trả lời.

- Báo cáo chủ tịch, Tăng An Bản bị ốm đột xuất. - Bí thư Tào bỗng nhiên "cái khó ló cái khôn".

- Thưa các đồng chí... thật đáng tiếc, xin lỗi các đồng chí, Tăng An Bản đột nhiên ốm nặng, không thể tham gia thi bắn. - chủ tịch khu dõng dạc tuyên bố.

Cả thao trường ồn ào, có người xuýt xoa, có người cười cợt. Thi bắn kết thúc, các đại biểu chưa được xem tiết mục tung bắp ngô mà bắn, họ đều cho là chưa trọn vẹn.

Ăn cơm trưa xong, các đại biểu đứng tựa cửa xỉa răng, chuyện rôm rả. Bỗng từ xa, lừng lững xuất hiện một anh chàng to lớn, vai vác một con lợn màu vàng đi đến.

- Tăng An Bản bắn được lợn lòi - một người kêu lên.

- To quá, ít nhất cũng ba trăm cân! Lại một người nữa kêu lên. - Bắn thủng dưới tai đây này, tài thật! - Mọi người chen lấn, trầm trồ.

An Bản thở hồng hộc, chẳng nói chẳng rằng, vác con lợn đi thẳng vào nhà bếp.

Tối hôm ấy chủ tịch khu nghiêm khắc phê bình An Bản. Trước khi đi ngủ, chủ tịch và bí thư có trao đổi với nhau một lúc.

- Cái thằng An Bản, chẳng ra sao cả, hay là thần kinh bất thường!

- Không phải đâu, hắn là nông dân, quen rồi, tự do tản mạn quen rồi.

- Lần này thật nhục nhã cho khu ta.

- Anh có biết họ nói gì không?

- Họ nói gì?

- Nói anh bốc phét, lừa bịp, chỉ cốt kiếm chác vốn liếng chính trị...

- Ái dà... - chủ tịch khu đập bàn, giận nói không nên lời.

- Con người như thế... lại đề bạt quá nhanh.

- Tôi không thể tha thứ cho hắn - chủ tịch khu hạ quyết tâm trừng phạt.

Các đại biểu được ăn một bữa thịt lợn rừng, nỗi bực bội tiếc rẻ trên thao trường cũng tan biến đi. Họ nhận những gói quà thổ sản địa phương do khu tặng, cho vào

túi du lịch, mừng vui ra mặt. Cho dù thế nào thì chuyến đi này cũng không uổng phí.

5

Tăng An Bản bị giáng chức từ bộ trưởng vũ trang khu xuống bọ trưởng vũ trang xã[1].

Ủy ban xã Nham Ốc cũng là một ngôi nhà hai tầng, cung cách y hệt ủy ban khu, có điều quy mô nhỏ hơn. Tăng An Bản cũng ở phòng gác hai phía tây, tường gỗ đã rách nát, trần cũng hỏng, trời mưa phải dùng chậu thau hứng dột. Ủy ban cho rằng An Bản có khuyết điểm, bị giáng chức nên có ý coi thường, chẳng chu đáo gì cả. An Bản thì không hề bận tâm, anh ta sống dân dã quen rồi. Điều khó chịu nhất đối với anh ta là từ nay anh ta bị cấm đi săn, cho dù là ngoài giờ làm việc.

- Các anh đánh tú lơ khơ đánh cờ thì được, sao tôi lại không được đi săn? - An Bản chất vấn.

- Cố nhiên là không được đi săn, bởi vì đó là chỉ thị của chủ tịch khu. - Chủ tịch xã trả lời.

Trên danh nghĩa An Bản là bộ trưởng vũ trang xã, nhưng thực tế anh không được nhúng tay vào công việc. Công tác này do đích thân chủ tịch xã nắm. An Bản chỉ

(1) Ở Trung Quốc Ủy ban xã gọi là Hương Chính phủ, người phụ trách các ngành đều gọi là bộ trưởng. (N.D).

được làm các việc vặt, tiếp dân đến Ủy ban, mua bán đồ dùng hàng ngày cho Ủy ban, tiếp khách, khi có hội nghị lớn thì giúp nấu ăn. Anh ta khỏe như vâm, những việc nặng nhọc có thể tìm anh ta. Anh không có ý kiến ý cò gì, ăn cơm nhà nước thì phải làm việc nhà nước, việc gì cũng được. Có điều cấm đi săn lợn thì nghĩa mãi vẫn không thông.

Một hôm An Bản lên núi gánh than. Qua một đám khoai lang, anh thấy một bà già ngồi khóc, vừa khóc vừa chửi:

- Quân ăn hại, quân chết tiệt, quân trời đánh! Ông Tăng An Bản mà đến thì ông ấy xẻ thịt mày, nhai xương mày!

- Bà ơi! Lợn lòi ăn hết khoai phải không? - An Bản thấy nhức nhối trong lòng.

- Già bón cơ man nào là phân, ngày nào cũng tưới nước. Từ sáng chí tối, hai chân mỏi rời ra, lưng đau không đứng dậy được. Thế mà bây giờ chẳng còn gì sất, trời ơi là trời! - Bà già đấm ngực, giẫm chân gào khóc.

- Sao dân làng không bắn?

- Ai dám bắn! Trước đây có ông Tăng An Bản dám bắn, bây giờ ông ấy là cán bộ, là bộ trưởng gì gì rồi. Có cơm nhà nước rồi, còn biết gì đến chúng tôi?

- Không phải đâu bà ạ, Tăng An Bản vẫn ngày đêm nghĩ chuyện săn lợn lòi.

- Sao anh biết ông ấy?

- Bà già ơi, tôi là Tăng An Bản đây mà.

- Anh mà là Tăng An Bản? - Bà già ngó nghiêng một lúc rồi lắc đầu. - Bộ trưởng mà đi gánh than? Gánh than thì khỏe xác hơn săn lợn lòi rồi, lại không sợ bị cắn đứt họng.

- Nhưng tôi là Tăng An Bản mà!

- Già cũng nhận ra anh, anh mà còn như xưa thì bắn thử một con lợn lòi cho già xem. - Bà già giận dữ nhìn An Bản.

An Bản đỏ mặt, tim đập thình thình. Anh ta quẳng gánh than sang vệ đường, sải bước chạy về nhà, chạy một mạch 20 cây số. Về đến nhà, vợ trông thấy thì giật mình.

- Có việc gì vậy?

- Tôi phải đi săn lợn lòi!

- Cấp trên cho phép rồi à?

- Mặc kệ, cho hay không cho cũng mặc.

- Anh không sợ mất chức?

- Tôi không thèm cái chức ấy.

- Phải rồi, chúng mình là dân quê, chẳng cần ăn cơm

nhà nước. Anh đi săn lợn, tôi tria ngô, không chết đói đâu mà lo.

Sự đồng tình của vợ khiến An Bản nguôi dần cơn giận. Anh ta chuẩn bị thuốc súng, lại lấy diêm tiêu, hùng hoàng, bột đá, mảnh trai... làm một quả tạc đạn. Lưu Tuyết Cúc thì bận rộn luộc ngô, chưng tương ớt, làm lương khô cho chồng. Cô ta biết mỗi bận chồng đi, băng rừng vượt suối, chẳng biết mấy hôm mới về. Cô trèo lên trạm gác, lấy một cái đầu lợn ướp muối, xẻo một miếng to. An Bản nhanh nhẹn hẳn lên bao nhiêu, buồn bực vứt sạch, lại trở về với dáng vẻ người đi săn. Anh khoác súng lên vai, đeo tạc đạn và lương khô, gọi con chó săn có bộ lông vàng xám, nhằm thẳng ngọn núi cao xuất phát.

Con chó đã lâu lắm rồi không được đi săn bây giờ trở về nghề cũ thì mừng rỡ lắm, linh hoạt hẳn lên. Lúc thì nó chạy trước một đoạn thật xa, lúc thì quay lại cọ đầu vào chân chủ, hít hít chỗ này, cào cào chỗ kia, lắc lắc cái đầu, ve vẩy cái đuôi. An Bản đi thật nhẹ, nghe ngóng động tĩnh. Trời tối thì đến quãng rừng lớn lợn lòi thường ra vào. Anh căng mắt tìm kiếm, lắng tai nghe ngóng, cuối cùng phát hiện ra dấu chân lợn lòi bên cạnh đường đi. Nhanh như cắt, anh tìm một cửa đường mai phục cẩn thận, kiên nhẫn chờ đợi, giống như người câu cá vậy. Rừng đêm không yên tĩnh chút nào. Một con chim đập cánh như thế

bị thú vồ. Có tiếng cành cây cọt kẹt, lá cây lao xao, chắc là thú rừng đang hoạt động. Lại còn tiếng mèo rừng kêu gào động cỡn. Lắng tai nghe bản hợp xướng ấy, An Bản cảm thấy thích thú. Đêm trong rừng - nỗi khát khao bấy lâu nay của anh! Khuya rồi, sương xuống, hơi lạnh làm anh run lên. Anh ngồi chồm chỗm trong bụi gai, giống như người lính phục kích quân thù. Chờ mãi cho đến sáng, chẳng có một con lợn nào. Anh ăn hai bắp ngô, uống một ngụm nước suối, rồi lại đi tìm dấu lợn. Mất công vô ích như thế cũng là việc bình thường, anh không bực bội. Săn lợn lòi không những phải dũng cảm, mưu trí mà còn phải kiên tâm. Ngay cả người bắn giỏi như anh cũng không dễ gì. Anh lại theo dấu chân lợn mà sục sạo, quyết tâm không săn được một con thì không nghỉ. Con chó vẫn chạy đằng trước, An Bản vừa chạy vừa nhìn hai bên. Vượt qua một quả núi lớn, lội qua một con suối, chập tối ngày thứ ba, anh đã đến vùng giáp ranh giữa hai tỉnh. Đang định vào ngủ nhờ một bản thì con chó bỗng dỏng tai lên, nghiêng ngó hai bên, rồi sủa hai tiếng. An Bản ngước nhìn, xa xa một con lợn lòi đang ngốn khoai. Anh nhanh chóng chọn một chỗ nằm rồi nổ súng. Con lợn đổ vật xuống, con chó chồm lên cắn cổ, thế là đi đời con thú. Người trong bản nghe tiếng súng nổ liền chạy ra, ai cũng khen An Bản bắn giỏi. Họ giúp khiêng lợn về bản, nhà nào cũng mời An Bản đến ở. An Bản tặng luôn con lợn cho bản, phàm ai

có mặt, bất kỳ già trẻ trai gái đều chia một phần. Dân bản đề nghị trả tiền cho anh, anh nhất mực từ chối, nói thác là lần sau sẽ lấy tiền. Dân bản nói rằng ở đây lợi lòi nhiều, dân chúng không yên ổn, yêu cầu anh dừng chân một thời gian, trừ hại cho dân. Anh vui vẻ nhận lời.

Thế là hàng ngày từ tinh mơ đến chập choạng, An Bản dắt chó đi săn. Có lúc săn tận cánh rừng xa thì ngủ luôn trong rừng. Thật là những ngày thỏa thích. Dân bản gọi anh là anh hùng, cảm ơn anh. Anh đã giúp cho họ cất đi cái gánh lo âu, anh đã làm cho nương vườn có thu hoạch. Sau khi bắn được con lợn thứ tám, anh thấy khó mà tìm được dấu chân lợn nữa. Anh thu thập hành lý, chuẩn bị về nhà. Đến khi đó mới kịp nhận ra là anh đã xa nhà hơn 20 ngày rồi.

6

Nước dột nhỏ vào cái thau, tí tách, tí tách... nghe như tiếng gõ nhịp đồng hồ. Tăng An Bản nằm trên giường, nghe cái tiếng đều đều như ru ngủ ấy, nhưng vẫn không sao nhắm mắt được. Mấy hôm nay, ăn không ngon miệng, mọi người bảo anh ốm rồi. Ban đầu anh không tin, bây giờ nghĩ lại, có lẽ ốm thật. Vì sao mà ốm? Mọi người bảo anh ốm tư tưởng, sợ bị kỷ luật, có lẽ thế cũng nên. Nhưng tự trong lòng anh thấy không hoàn toàn như vậy, rốt cục

có bệnh gì không, anh cũng không rõ nữa.

Tháng trước anh tự ý vứt gánh than, tự ý bỏ đi săn một lèo hơn 20 hôm, việc ấy dẫn đến tai họa, Ủy ban xã phái người đi tìm, không thấy tung tích, liền báo cáo lên khu, khu lại báo cáo lên huyện. Con người vô kỷ luật như thế khiến chủ tịch huyện rất tức giận, suýt nữa thì hạ lệnh truy nã. Rồi đó anh lại tìm về Ủy ban xã, chủ tịch xã hạ lệnh quản thúc tại gia để kiểm điểm, không cho rời Ủy ban nửa bước... Anh viết một bản kiểm điểm, thừa nhận tự ý đi săn mà không xin phép những 20 ngày là sai, nhưng việc săn lợn lòi thì lại chẳng sai chút nào, bởi vì đó là do quần chúng yêu cầu. Chủ tịch xã nói như vậy là nhận thức chưa sâu sắc, nhưng trình độ giác ngộ của An Bản có vậy thôi, muốn sâu hơn cũng không được. Chủ tịch xã bèn yêu cầu anh ngồi nhà viết một bản phản tỉnh. Bao giờ nhận thức được nâng cao lên thì sẽ viết kiểm điểm.

Mưa tạnh dần, tiếng dột tí tách cũng thưa dần, càng làm cho người ta buồn ngủ. An Bản ngủ gật một cái, bỗng giật mình, tỉnh như sáo, bởi vì anh vừa nom thấy cảnh đi săn. Anh linh hoạt hẳn lên. Chuyến đi 20 ngày vừa qua, được nhiều lợn nhưng cũng có mấy bận sốt ruột, không chịu chờ con lợn đến gần hơn mà đã nổ súng, không bắn đúng chỗ hiểm. An Bản nấp vào hang đá, con lợn không trông thấy, nó rắc một đường máu chạy mất. Đó là do đã

lâu không bắn được lợn nên nóng ruột mà hỏng việc. Lại một lần khác, chưa kịp nổ súng thì vấp phải một hòn đá, con lợn giật mình bỏ chạy. Lợn rừng cảnh giác rất cao, một tiếng động nhỏ là nó phát hiện ngay. Còn một lần nữa thì vì phán đoán sai, anh nấp trước một cửa đường, trông thấy một con lợn to và đen thui, nhẽ ra có thể nổ súng ngay, nhưng anh lại chờ cho nó đến gần tí nữa. Chờ mãi, chờ mãi, ai ngờ nó đột ngột quay vào bụi chạy thẳng. Thế là mất cơ hội, thịt đến miệng còn rơi. Con lợn to đùng ấy phát hiện ra anh trước hay vì một cái gì làm kinh động, đến nay vẫn là một dấu hỏi.

Tiếng nước dột càng thưa dần, An Bản như thức như ngủ. Anh thấy mình đang nấp sau một cây to, lần theo dấu chân con lợn. Trời tối dần, con lợn dần dần tiến đến gần anh. Nhưng không, không phải lợn. Nhằm thẳng vào anh là một đôi mắt đỏ có vòng tròn màu xanh bao bọc. Đúng là con báo rồi! Hồi nhỏ, theo bố lên núi, anh từng trông thấy bố bắn một con báo, thật vất vả. Giờ đây con báo đứng trước mặt, bỏ chạy hay nổ súng? Nếu một phát mà nó không chết thì quanh mình anh không có một vũ khí nào khác, đối phó ra sao? Bỗng chốc hai con mắt báo biến mất. Anh biết, đó là nó cúi mặt xuống, đút đầu vào giữa hai chân trước mà quan sát phía sau. Loại thú này thường cho rằng ai cũng sợ nó, không dám đối mặt tấn

công nó, chỉ có thể tấn công từ phía sau. Đây chính là thời cơ nổ súng, anh ấn tay vào cò, lửa loé lên nhưng con báo không tránh đạn, nó há cái mồm đỏ như máu xông đến, sợ quá anh hét lên. Thì ra là một giấc mơ.

"Cốc, cốc, cốc...". Trời đã sáng bạch, có người đang gõ cửa.

An Bản không trả lời. Đã từ lâu có ai đến đây đâu.

- An Bản à - giọng của phóng viên Diệp.

- Anh Diệp phải không? - An Bản ngồi bật dậy chạy ra mở cửa.

- Còn ngủ à? - Diệp vừa nói vừa bước vào.

- Anh đến sớm thế? - An Bản vừa trả lời vừa mặc vội quần áo.

- Cứ nằm nghỉ đi! - Diệp nắm vai An Bản, ấn anh nằm xuống - Mình đến từ tối qua, nhưng chủ tịch xã không muốn cho chúng mình gặp nhau. Mình nói mãi ông ấy mới đồng ý sáng nay đến thăm cậu.

- Thì việc gì anh phải đến thăm, người ta không muốn thì thôi.

- Thế sao được, mình đến là để cứu cậu đây.

- Cứu tôi?

- Chả phải cậu đang ngồi tù là gì? Mình đến để cứu cậu ra, cũng dùng ngòi bút của mình thôi. Hai mươi ngày

cậu ở vùng giáp ranh hai tỉnh, bắn được tám con lợn lòi, dân viết thư lên huyện biểu dương cậu, còn gọi cậu là anh hùng. Mình phải viết một bài về chuyện này, hễ đăng lên báo là cậu được ra tù ngay.

- Tôi van anh đừng viết, anh viết rồi tôi lại mắc vạ đấy.

- Sao lại mắc vạ?

- Chả phải vì bài báo của anh dạo nọ bốc tôi lên tận mây xanh, nếu không thì tôi cũng chẳng đi làm cán bộ nhà nước, cũng chẳng phải chịu nỗi khổ hôm nay. Bây giờ thật quá dỗi, đến lợn lòi cũng không cho bắn.

- Đừng sốt ruột, mình bảo đảm cậu sẽ được đi săn lợn rừng, muốn săn bao nhiêu tùy thích.

- Đúng thế thật à? - An Bản cười thật thà, - tôi vừa nằm mê, một chuyện không lành lắm.

- Sao? Chuyện thế nào?

- Nằm mê bắn một con báo, một phát không trúng, nó xông đến cắn tôi.

- Thế thì việc gì mà không lành, nằm mê thường kết quả ngược lại, như vậy là cậu sắp bắn được báo đó.

- Không, tôi sợ bệnh tôi không qua khỏi, con ma bệnh sẽ cắn chết tôi.

- Ha ha... cậu mê tín lắm! - Phóng viên Diệp cười - bệnh của cậu mình biết tỏng ra rồi!

- Anh biết thế nào?

- Một cuốn sách cổ có nói, ngày xưa trên biển có một loài chim đại bàng, khi bay cánh che kín mặt trời như một đám mây đen, bay một thôi là 9 vạn dặm. vua nước Lỗ rất thích con chim bèn mời nó xuống, xây miếu cho nó ở, giết trâu, dê cho nó ăn, còn dâng cả rượu, tấu nhạc cho nó nghe, thế là sang quá còn gì. Nhưng con chim ngày một buồn rầu, chỉ muốn dang cánh bay liệng. Rốt cục, nó buồn bực mà chết. Cậu cũng chẳng khác con chim, trong lòng chỉ có chuyện săn lợn lòi, nuốt sao nổi cái thanh phúc chốn công đường.

- Anh thật là người có kiến thức, - An Bản gật đầu khâm phục, bây giờ tôi cũng chỉ sợ sống không nổi.

- Sao lại thở ra cái giọng thối chí vậy?

- Tôi đang chờ xét xử, không khéo, phải ra tòa.

- Cậu nghĩ đến cả chuyện ấy cơ à?

Bỗng ngoài cửa có tiếng cốc, cốc...

Diệp mở cửa. Chủ tịch xã bước vào.

- Tăng An Bản này, - chủ tịch xã gật đầu với phóng viên Diệp, rút ra một tờ giấy, - Văn bản xét xử anh đã ký rồi đây. Khuyết điểm của anh là nghiêm trọng, nhưng thái độ chân thành, có nhận thức nhất định về sai lầm của bản thân. Bởi vậy, cấp trên xử lý khoan hồng, tước mọi chức

vụ, trả về làm dân thường. Anh có ý kiến gì không?

- Trả về làm dân thường? - An Bản còn ngờ vực chưa tin hẳn.

- Phải rồi, cho anh về nhà, không có kỷ luật gì nữa, đó là khoan hồng. - Chủ tịch xã giải thích.

- Thế có cho đi săn lợn lòi không? - An Bản hỏi.

- Anh là dân, săn lợn hay không là tùy anh, chúng tôi không quản.

- Thế thì hay lắm, tôi về ngay đây. - An Bản lập tức thu dọn đồ đạc.

- Anh đừng nóng vội, đợi khỏi bệnh rồi hẵng về. - Chủ tịch xã nở một nụ cười rộng rãi.

- Tôi có bệnh gì đâu? Đồng chí xem, sức tôi còn vượng lắm. - An Bản vươn tay bê cái vại nước mưa rồi chạy ra đặt trước dân.

Phóng viên Diệp cười khoái trá.

An Bản cười hởi lòng hởi dạ. Chủ tịch xã cũng bất giác cười hi hi mấy tiếng.

LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

VU VỊNH

BÔNG BÁCH HỢP PHIÊU DU

Tôi và Tiệp lên ban ngược chiều nhau, chúng tôi đối xử với nhau rất chân thành, mặc dù vậy, cô chưa bao giờ giải thích cho tôi biết: Tại sao mỗi khi đoàn xe lửa chạy tới ga Tương Bắc, bao giờ cô cũng ném xuống đó một bó hoa Bách Hợp trắng muốt...

Cho đến một hôm, trước khi, Tiệp về thành cổ Tây An, làm lễ cưới, cô trịnh trọng mời tôi tới nhà cô, đồng thời, nhắc đi nhắc lại, tới mấy lần rằng: Chỉ một mình tôi.

Buổi tối, đúng giờ hẹn, khi tôi đẩy cửa phòng cô, tôi chợt ngạc nhiên, thấy cô ngồi xếp bằng tròn trên thảm trong nhà và giữa hai ngón tay kẹp một điếu thuốc lá đang cháy. Trong phòng sớm đã mù mịt khói. Tiệp xưa nay vốn là một con người rất dịu dàng và sống rất đàng hoàng, vậy mà... tôi thật không thể tưởng tượng rằng Tiệp lại đốt thuốc lá như vậy.

Chừng như Tiệp cũng thấy được sự kinh ngạc đó trong tôi, Tiệp khẽ mỉm cười nói:

- Có thể ngồi xuống thảm được không?

Khi tôi đã gập đầu gối, ngồi xuống trước mặt Tiệp đúng

VU VỊNH

BÔNG BÁCH HỢP PHIÊU DU

Tôi và Tiệp lên ban ngược chiều nhau, chúng tôi đối xử với nhau rất chân thành, mặc dù vậy, cô chưa bao giờ giải thích cho tôi biết: Tại sao mỗi khi đoàn xe lửa chạy tới ga Tương Bắc, bao giờ cô cũng ném xuống đó một bó hoa Bách Hợp trắng muốt...

Cho đến một hôm, trước khi, Tiệp về thành cổ Tây An, làm lễ cưới, cô trịnh trọng mời tôi tới nhà cô, đồng thời, nhắc đi nhắc lại, tới mấy lần rằng: Chỉ một mình tôi.

Buổi tối, đúng giờ hẹn, khi tôi đẩy cửa phòng cô, tôi chợt ngạc nhiên, thấy cô ngồi xếp bằng tròn trên thảm trong nhà và giữa hai ngón tay kẹp một điếu thuốc lá đang cháy. Trong phòng sớm đã mù mịt khói. Tiệp xưa nay vốn là một con người rất dịu dàng và sống rất đàng hoàng, vậy mà... tôi thật không thể tưởng tượng rằng Tiệp lại đốt thuốc lá như vậy.

Chừng như Tiệp cũng thấy được sự kinh ngạc đó trong tôi, Tiệp khẽ mỉm cười nói:

- Có thể ngồi xuống thảm được không?

Khi tôi đã gập đầu gối, ngồi xuống trước mặt Tiệp đúng

kiểu "đáo gia tùy tục" xong, Tiệp lấy từ chiếc hộp bên cạnh mình ra mấy bông hoa Bách Hợp thật đẹp:

- Tiệp yêu từ năm 14 tuổi...

Vừa nói Tiệp vừa mỉm một nụ cười rất tươi, và trong cặp mắt long lanh của Tiệp chợt loé lên một tia sáng bướng bỉnh...

- Khi ấy ở lớp mình có một cậu con trai, đó là loại con trai mà trong học tập cũng chẳng khá gì, nhưng ở trên sân bóng đúng là một kẻ "tử vì đạo"...

Nói đến đây, ánh mắt của Tiệp bỗng trở nên u uất, chừng như tư tưởng Tiệp đang quay trở lại cái thời trung học tràn đầy những niềm vui thơ ngây...

- Cậu ta đã đem mối tình đầu thơ dại viết trên một mảnh giấy gửi cho mình, khi tan học, lãng nhãng theo mình từ xa, lại còn nhét cả bánh kẹo cho mình, thử hỏi, như thế, liệu có phải là tình yêu hay không? Mấy năm liền, bọn mình đến ngay cả việc chạm tay nhau, cũng chưa bao giờ có.

Tốt nghiệp sơ trung, mình thi được vào trường trung học chuyên nghiệp, mình rời xa thành phố cổ thành đó, và coi như mất liên lạc với nhau. Trước khi tốt nghiệp, mình đã có một người bạn trai cùng lớp. Chẳng biết ma xui quỷ khiến thế nào, khi tốt nghiệp, người bạn trai của mình lại lưu lại ở Tây An, còn mình thì về cái thành phố

này.

Một hôm trực ban xong, trên đường trở về, bỗng nghe thấy có người gọi mình, ngoảnh đầu lại nhìn, thì đúng là cậu bạn thời trung học. Lúc ấy mình mới biết rằng, cậu ta cũng vẫn ở trong thành phố này, và cùng với mẹ kinh doanh một cửa hàng nhỏ.

Nói tới đây, Tiệp thuận tay cầm lên một bó hoa bách hợp, lấy ngón tay ngắt ra những cánh hoa trắng muốt, rồi rắc rắc những cánh hoa trắng lên trên mặt thảm.

- Bắt đầu từ hôm đó, thêm một lần anh ấy lao vào cuộc đời mình. Mỗi khi tan tầm, anh ấy, lại giống như ngày xưa, bao giờ cũng đi đón mình thật đúng giờ. Nhưng khi ấy chúng mình đều đã nhớn nhao hết cả rồi, chứ không còn ngây thơ, vô tình như ngày còn là một cô thiếu nữ, huống hồ trong trái tim mình đã từng có hình bóng anh từ những ngày ở nơi cổ thành xa xôi kia. Nhưng... anh thật là một người chân thành...

Nói đến đây, Tiệp như một cô thiếu nữ đang được yêu thật sự, nên tất cả giọng nói lẫn tinh thần, đều như đắm chìm vào một hạnh phúc nồng nàn....

- Đã nhiều lần, nhiều lần... mình bị dao động. Mặc dù anh ấy thuộc loại đàn ông vững vàng, đầy sức mạnh, nhưng anh ấy chưa áp đặt cho mình điều gì, mà vẫn một mực dịu dàng, dịu dàng tới mức gần như yếu đuối. Duy chỉ có

một lần, mình thấy anh ấy phẫn nộ, đó là một đêm đông, anh vướng vào chuyện hàng họ, không đến đón mình đúng giờ được, nên vừa tan ca đêm, mình vội vã nhảy lên chiếc xe đạp về nhà, chợt có hai tay thanh niên cũng nhảy lên xe đạp đuổi theo, và miệng, tán tỉnh lung tung, rảo hoảnh. Trong khi mình cuống quýt đến mức không còn biết phải tính sao nữa, thì anh ấy đến. Khi đã biết rõ ý đồ xấu của hai thằng cha kia, anh ấy không nói một câu mà xông ngay tới... Anh như một con sư tử hung bạo... nhưng thực ra hôm đó anh bị thương, song anh vẫn đưa mình về tới tận nhà. Cũng chính lúc đó, dưới ánh sáng đèn, mình mới trông thấy cánh tay dẫm máu của anh. Dù vậy, trong trái tim mình vẫn không có chỗ đứng cho anh.

Nói tới đây, Tiệp lại trầm ngâm, khói thuốc lá trong nhà đã tan đi hết, chỉ lưu lại một chút dư vị nhàn nhạt mà thôi.

- Cậu có nhớ tới lời một bài hát ngày xưa không?: "Anh mỉm cười, đến bên em, anh đã đem lại cho em nỗi buồn thương, trong trái tim em...".

Nghe Tiệp hát, mà lòng tôi đầy xúc động.

Và sau những phút trầm mặc kéo dài, tôi không nén được nữa, nên hỏi:

- Rồi sau ra sao?

- Anh ấy chết... Mình đã làm hại cả một đời anh ấy...

Khi nói câu đó, Tiệp bình thản đến gần như lạnh lùng. Tôi bị kinh ngạc trước thái độ này của Tiệp. Nhưng về sau, tôi mới hiểu được rằng, thực ra đó là sự bình thản của nỗi đau... cùng cực...

- Chẳng bao lâu sau, mình được điều sang đoạn khách vận tầu chậm, chạy xung quanh thành phố. Do mình một mực từ chối anh, rồi cuối cùng, đến một ngày nào đó, anh cũng chẳng còn tới tìm mình làm gì nữa.

Tiệp đứng dậy, đi tới trước bàn trang điểm của mình, từ đó, Tiệp nhặt lên một sợi dây chuyền loại rẻ tiền có treo một trái tim đeo lên vòng cổ trắng nõn của mình:

- Vào cái khoảng thời gian mà anh đột nhiên biến mất đó, mình thấy không sao chịu đựng nổi, đúng là không sao chịu đựng nổi mất một dạo. Rồi một dạo nữa, mình thấy mình hoàn toàn trống rỗng, trống rỗng hoàn toàn. May mà từ nơi thành cổ xa xôi, anh "bạn trai" đã đúng hẹn, gọi điện thoại đường dài về cho mình, khiến mình đã giảm bớt đi được những cảm giác buồn thương đó, còn mình, mình vẫn luôn luôn nhớ tới anh ấy, cậu thấy không, cái cách thức đối xử đó của mình đúng là một tội ác, đúng không? - Không! Mỗi con người đều mang hy vọng được người khác yêu quý mình.

Tiệp lại trầm ngâm, trầm ngâm thật lâu...

- Hôm đó, cũng giống như mọi hôm khác, mình ngồi

trong toa xe mà mình chịu trách nhiệm phục vụ, giữa lúc đó, có người gõ cửa phòng riêng trên toa xe của mình, khi ngẩng đầu lên... lại là anh ấy. Anh đứng lặng ở đó, còn tim mình thì đập gấp gáp, liên hồi, và không biết tại sao, lúc ấy, tình cảm của mình lại bị xúc động đến như thế. Nhưng nét mặt của mình vẫn một mực lạnh lùng, và cho đến tận hôm nay, mình vẫn không sao tha thứ được cho mình. Tại sao trong bao nhiêu năm mình không thể gửi tặng anh một nụ cười, và một tình cảm chân thực, phải chăng chỉ vì một chút thiếu tự nhiên và ít nhiều kiêu ngạo?

Anh vẫn cứ mỉm cười như thế, hầu như bỏ qua mọi thái độ mình đối xử với anh. Anh nói, anh đến để trả lại mình một vật. Vừa nói anh vừa rút từ trong ngực ra một sợi dây chuyền có treo một hình trái tim, khi mình cầm lấy sợi dây chuyền, mở chiếc hộp hình trái tim ra xem, mình chợt sững sờ cả người, bởi đó là một bức ảnh thời học trò trung học của mình. Nó được cắt ra từ một tấm ảnh chụp chung nhiều người.

- Anh sắp cưới vợ, - Anh nói - Ngay ngày mai thôi.

Thì ra, anh sẽ kết hôn với cô gái vốn rất yêu anh, một cô gái rất nết na, dịu dàng. Ngày mai là ngày đính hôn của họ. Hôm nay anh đến đây là để kết thúc cái phần tình cảm bấy lâu nay anh vẫn giấu kín trong tâm khảm. Dương

nhiên, bắt đầu từ ngày mai anh sẽ đem tất cả những tình cảm mà anh có được tưới tắm cho cô gái hạnh phúc kia. Lòng mình lại bất chợt thấy chua sót, đắng cay.

Khi ấy đoàn tàu đã sắp vào ga Tương Bắc.

- Em mở giúp anh cánh cửa toa xe, anh cần xuống chỗ này.

Mình trả lời rất dứt khoát:

- Không được, như vậy rất nguy hiểm.

- Em quên rồi sao? Anh đã sống và lớn lên bên cạnh con đường sắt. Hai đứa anh đã hẹn sẽ gặp nhau ở chỗ này, đợi khi tàu chạy chậm lại, chỉ một giây đồng hồ thôi... Kìa, em xem, cô ấy đang đợi anh.

Vừa nói anh vừa chỉ ra bên ngoài cửa sổ con tàu với giọng đầy hạnh phúc, bên ngoài cửa sổ, trên một gò đất nhỏ, ở phía xa, dưới bầu trời mưa lâm thâm, có một người con gái, đứng đó, trong tay cầm một cây dù đỏ, với sự yên lặng nghển cổ đợi chờ. Mặc dù mình hoàn toàn không thấy rõ được khuôn mặt cô, nhưng mình lại tin chắc chắn rằng, đấy là một cô gái xinh đẹp...

Mình biết đoạn đường này đang trong thời kỳ đại tu, tàu nào đến đây cũng phải chạy chậm lại. Là một nhân viên phục vụ trên tàu, mình biết chắc rằng, nếu làm như thế là vi phạm nguyên tắc, nhưng mình lại nghĩ rằng, trong

cuộc đời mình, mình chưa đáp ứng được cho anh một điều gì bao giờ, thêm vào đó, còn một cô gái đang đứng chờ đợi anh kia, và thế là mình mở cánh cửa toa xe.

Anh nói một cách rõ ràng, mạch lạc:

- Nếu có ai hỏi, em cứ nói rằng chính tự tay anh mở cửa toa xe.

Nói xong, anh túm lấy tay nắm, mặt quay về hướng gió, chuẩn bị nhảy xuống tàu. Đoàn tàu đang từ từ giảm tốc độ, nhưng lại chưa phải là cái tốc độ bọn mình dự tưởng, trong khi đoàn tàu đã chạy vượt qua cái đoạn đường mà người con gái kia vẫn đăm đắm đợi chờ... Mình khẽ thở dài và nói nhỏ:

- Thôi đừng nhảy nữa, lên đây, để em đóng cửa toa xe lại. Mình vừa nói, vừa nhè nhẹ kéo anh. Nhưng anh đã quát lên:

- Không!

Đồng thời nét mặt anh sắt lại với vẻ vô cùng kiên định. Sự bộc lộ tình cảm của anh lúc đó thật chẳng khác gì một con bạc khát nước, đang đánh nước bạc cuối cùng. Anh đột ngột buông tay, mình kêu lên "Anh đừng...". Mình chưa kịp nói hết, đã nghe tiếng anh:

- Tiệp, anh đi đây!

Cùng với câu nói ấy, anh đã giống như cậu học trò lăn lộn

ở bãi đá bóng thời trung học, nhẹ nhàng nhảy xuống tàu.

Nhưng... chỉ trong nháy mắt, một tiếng kêu thảm thiết đã vang lên dưới gầm đoàn tàu.

Trong giây phút ấy, truớc mắt mình, trời đất như tối sầm hẳn lại. Tất cả đều đã chấm hết, duy chỉ còn những mảnh vụn, nát tan, của con thuyền linh hồn mình, đang trôi nổi trên bầu trời tăm tối.

Nếu như trời hôm đó không mưa, nếu như đoàn tàu chạy chầm chậm thêm chút nữa, nếu như mình kiên quyết không mở cửa toa xe. .. nếu như... nếu như... Tất cả đều đã muộn hết rồi... muộn hết rồi...

Tiệp cứ lẩm bẩm, lẩm bẩm một mình như thế...

- Từ đó, cứ mỗi khi đoàn tàu chạy qua đấy, bao giờ mình cũng quăng xuống nơi ấy một bó hoa bách hợp tượng trưng cho một tình cảm trắng trong...

Chuyện của Tiệp, Tiệp đã nói hết, còn tôi, theo đúng đề nghị của Tiệp, tôi viết câu chuyện có thực này vào năm thứ hai sau lễ cưới của Tiệp.

Phân cục đường sắt Tây An năm 1996

LÊ BẦU *dịch*

(Theo tạp chí Thanh Thiếu niên Văn Hối)

VƯƠNG TRẠCH QUẦN

GIẤC MỘNG NHÀ LẦU

- Chú nói đi..., ta uống vì gì đây?

- À... uống vì tình anh em được không?

- Láo nào... Ở đây toàn bố chú, bác của chú,anh em thế nào được?

Tiếng cười rộn lên, ầm ĩ, hỗn độn.

Nhìn những bộ mặt đỏ tía xung quanh, Lương Tam Khánh lo lắm. Nhưng đây là lệ làng, có muốn chạy cũng không chạy thoát.

- Đều là họ Lương nhà ta cả. Trên có bậc cha chú, không có ai là người ngoài. Thế này vậy, cháu xin kính các bác các chú mỗi người một cốc đầy... Cháu một lòng một dạ xin kính các bác các chú. Một loạt tiếng nói cười rộ lên, cốc chén, bát dĩa choảng nhau loảng xoảng. Nhưng những bộ mặt đỏ tía đó vẫn ra vẻ chưa vừa ý. Những con mắt vằn đỏ ánh lên vẻ không thân thiện.

- Này Tam Khánh, anh là vẫn chưa coi trọng các bậc cha chú đây!

Lương Tam Khánh ngó người. Anh nghe thấy tim mình

nặng nề đập thình thịch. Anh cố gắng tạo nét cười nét cười lên tận đầu mày cuối mắt,nét cười khô không khốc, giả tạo nhưng anh buộc phải giữ nguyên nét cười đó trên mặt.

Một giọng nói ôn hòa , đôn hậu cất lên, phả theo hơi rượu thơm lừng:

- Món cá này tươi đây! Cũng là Tam Khánh có lòng lo chu đáo... Bác bảo anh Tam Khánh này, xây nhà lầu là việc lớn lắm, vùng ta ba thị trấn, bảy xã đây đã có đâu xây nhà đến ba tầng đâu! Theo tôi, ta cũng không làm căng nữa, hôm nay chọn lấy ngày lành tháng tốt, phải không Tam Khánh? Cứ thế nhé...!

Rượu, rồi lại rượu. Rượu là tốt mà rượu cũng là xấu. Rượu là thầy phù thủy thần bí, nào ai hiểu được!

Tam Khánh liếc nhìn vợ ngồi bên bàn phía ngoài. Vợ anh hai má ửng hồng, mày liễu đen nhánh, trông cô xinh đẹp hơn hẳn thường ngày, nhưng nhìn kĩ thì đôi mắt phượng có hàng mi cong cong kia đang bắn ra những tia lửa về phía anh.

Này Lương Tam Khánh, thế mà anh bảo chỉ cần chín mươi chín cái rập đầu thật kêu là xong? Thế mà anh bảo là đây là bậc cửa cuối cùng của làng Đại Lương, cái bậc cửa cao hơn cả bậc cửa xã, cửa huyện mình sẽ vượt qua? Thế mà anh còn định kéo em về làng để áp dụng khoa

học kĩ thuật, để chấn hưng nông nghiệp cho người làng? Và anh cũng còn định dẫn đầu các cụ này để làm rạng rõ quê hương?... Thôi đi anh Tam Khánh ơi! Anh hoài công theo đuổi bút nghiên mười ba năm, hoài công chứa dầy một bụng khoa học kĩ thuật.....

Lương Tam Khánh ngoảnh vào phía vợ cười đau khổ, kín đáo làm một động tác tay chỉ có vợ anh mới hiểu được. Anh nín nhịn.

Xung quanh anh đây toàn là họ hàng làng xóm mà dù có qùe chân qùe tay anh vẫn còn phải để tang. Xung quanh đây là những "già làng" nhiều khóa, nắm giữ và quyết định mọi việc trong làng. Xung quanh anh đây toàn là họ hàng chứng kiến anh trưởng thành từng bước một, từ lúc anh cắp sách đi học cho tới lúc lên huyện, lên thành phố, phất lên ở ngành khoa học kĩ thuật. Xung quanh anh là những người bà con chân lấm tay bùn, mặt rám nắng đỏ ửng lên vì rượu...

Anh phải van xin những người thân thuộc đó của mình.

Vương Tam Khánh muốn xây nhà lầu, một nhà lầu ba tầng để nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp cho quê hương vùng đồng bằng đất phẳng này

Vương Tam Khánh muốn dựa vào tòa nhà lầu này để làm giàu cho làng Đại Lương và những làng xung quanh, cho miền đồng bằng rộng lớn xanh tươi bát ngát này!

Làng Đại Lương còn khổ lắm! Ngày xưa có câu hát rằng:

Ba năm gánh bối cam lòng,

Bảo nhau chớ có lấy chồng Đại Lương!

Bây giờ Đại Lương không đến nỗi khổ như thế nữa nhưng cũng chưa giàu có gì.

Vương Tam Khánh là trí thức đã tốt nghiệp trường nông nghiệp, sau khi tốt nghiệp anh không phục tùng lệnh điều động trở về làng. Ở nhà trường, anh là học sinh mũi nhọn, nhưng anh còn muốn trở thành một cán bộ mũi nhọn ở làng mình. Anh trồng cây, cây xanh tươi; trồng lúa, lúa cho năng suất cao; trồng nấm, nấm bội thu; anh từng về đảo Hải Nam; để chọn giống cây ngon, anh từng đến Đông Tam Tỉnh...Nếu kể về tiền bạc, mấy năm nay anh kiếm bộn tiền. Nào thủ trưởng bắt tay, nào phóng viên chụp ảnh; từng được gắn hoa đỏ, từng được trao bằng khen. Nhưng Lương Tam Khánh lại "hâm" hết chỗ nói, khăng khăng không chịu ở lại phòng nghiên cứu khoa học nông nghiệp của huyện, cũng không chịu ở lại trạm kĩ thuật nông nghiệp xã mà một lòng một dạ đòi về làng mình, quê mình để xây dựng phòng nông nghiệp cho người làm nghề nông. Anh còn nói đó là "phương hướng đúng", "trào lưu đúng". Anh thảo một bản báo cáo gửi lên huyện, dự định tầng thứ nhất dành cho việc chọn giống tốt, tầng

thú hai dùng làm phòng thí nghiệm, tầng thú ba là thư viện và một số phòng ở, trên nóc tầng thú ba là đài quan trắc khí tượng. Tư liệu và máy móc là do anh tự lo liệu mua sắm, công nhân viên do anh tự chọn, tự thuê. Năm dầu sẽ có hiệu qủa, năm sau có thu nhập, năm thú ba đào tạo nhân tài.

Bản báo cáo gửi lên trên, ba ngày sau Chủ tịch huyện đích thân phê phán tám chữ: "Phương hướng đã đúng, kiên quyết ủng hộ". Ông còn gọi điện thoại xuống xã xuống thôn nhắc nhở giúp đỡ cụ thể. Vì chuyện này mà xã thôn cũng náo động một phen...

Còn phải nghĩ gì nữa! Phương án xây nhà lầu được thôn thông qua. Ai có ngờ phương án xây nhà lầu bị mắc lại ở thôn. Chi bộ đồn cho chính quyền, chính quyền đẩy cho chi bộ. Bác Ba bảo tìm chú Sáu, chú Sáu bảo gặp cụ Bẩy. Lương Tam Khánh lớn lên ở cái đất này từ ngày còn cởi truồng, cho nên anh hiểu lệ làng lắm lắm.

Một lượt gạch cũng ganh đua. Người trong làng, hễ xây mới thì nhà ai cũng phải cao bằng nhau, không ai được cao hơn nửa hòn gạch. Vì lệ này, Lương Tam Khánh phải bỏ nơi gần tìm nơi xa, chọn miếng đất bên con ngòi cạn ngoài thôn để xây nền. Nơi ấy cách căn nhà của thôn cũng khoảng ba chục mét.

Hai Vợ chồng Lương Tam Khánh suốt mấy ngày nay

gặp gỡ khắp làng hầu như không bỏ sót một nhà nào. Ai dám coi thường dù chỉ một nhà? Thuốc lá, rượu, chè, kẹo, bánh rồi kính biếu nữa, nơi nào cần biếu thì biếu, cần lo đều lo cả rồi. - Theo anh, chúng mình phải mời bữa nhậu. Có câu "Chén rượu tay nâng, Chính sách nới lỏng, Ba chén xuống bụng, Suốt đường bình yên", em chưa nghe nói à? - Tam Khánh bảo vợ.

- Có chắc thành công?

- Nếu mời bữa nhậu mà còn không xong thì nước Trung Quốc này không còn việc gì xong được nữa!

Bảo cách này hiệu nghiệm thì cũng hiệu nghiệm thật. Ai làm khó, ai van vỉ, ai được mời, ai đã ăn thì rõ một điều: rượu ngon thả sức uống, món nhắm thả sức xơi, nói tốt đủ lời,... nhưng rút cục dù thế nào mặc lòng cũng phải tỏ thái độ.

- Thưa các cụ, các bác các chú, cùng các anh các anh các em! Tam Khánh cháu đây xin có lời dù là gì thì gì, cũng xin cho cháu qua được cửa ải này.

Tất cả ý tứ của Lương Tam Khánh chất chứa trong câu nói đó. Nói xong, anh cầm cốc rượu bằng cả hai tay, ngoảnh về ba phía bàn nhậu cúi đầu lạy.

- Thôi được rồi, rượu đã đủ mà thịt cũng đến mức rồi. Tam Khánh nói phải đấy, hòa hợp là quí. Thôi vợ chồng

anh mỗi người kính hai cốc lần nữa là kết thúc bữa nhậu được rồi đấy! - Bác Hai Trung, chủ tịch thôn nói xong, cả mấy bàn tiệc lắng xuống.

Tam Khánh liếc nhìn Kim Miện, mừng thầm trong dạ. Anh giục vợ:

- Kìa Miện, bưng đi, vợ chồng mình kính rượu chú bác bà con nào!

Kim Miện không nói gì, đôi mắt phượng long lanh sóng sánh như muốn nói: "Này Tam Khánh, anh tinh ranh đấy, ba cửa ải đều bị anh trấn cả rồi!".

Bốn cốc rượu đầy ăm ắp, hai vợ chồng như đôi chim phượng hoàng cúi chào nhau rồi cả hai nâng cốc quay sang vái chào mọi người. Cả hai hởi lòng hởi dạ cười tươi. Mọi người đều cạn chén.

Lương Tam Khánh thở hắt ra, run run đặt cốc xuống, thái độ càng thêm cung kính:

- Thưa bác Hai, vậy chứ cái mong nhà..., cháu xây được rồi chứ?

- Chà chà, Tam Khánh, xây nhà lầu là việc lớn lắm, nhưng trên huyện trên xã đều ủng hộ, các chú bác ngăn cản được sao?. Việc lớn như thế này xưa nay phải do cụ trưởng tộc gật đầu đã rồi mới xong được. Làng Đại Lương chúng ta, có cụ trương Tỏa là bậc vai vế cao nhất. Cháu

để cụ nói một câu đã, được không nào?

Lý phải đi đôi với tình, còn chạy sao được?

Cụ Trưởng Tỏa là hàng ông của Lương Tam Khánh, hồi trẻ thường đi đó đi đây, đã ra tới nước ngoài, đến tận Hải Sâm Uy. Hôm nay, Tam Khánh phải mời cụ vào chỗ cao nhất trong tiệc rượu. Bác Hai nói dứt câu, Tam Khánh, Kim Miện cùng tất cả người có mặt hướng cả mắt nhìn vào cụ Trưởng Tỏa đang ngồi ghế cao nhất.

Cụ Trưởng Tỏa mặt hồng hào cười tươi rói. Cụ lên tiếng:

- Này Tam Khánh, tòa nhà ba tầng của cháu xây nhà xí ở đâu?

- Thưa cụ, tầng nào có nhà xí của tầng ấy ạ.

- Ừ, mỗi tầng một nhà xí! Vậy cháu xây theo kiểu cũ hay kiểu mới?

- Dạ, nửa cũ nửa mới ạ. Xí bệt như ngoài tỉnh dân ta không quen nên cháu làm xí xổm có giật nược. Dưới sân có xây hố phân ngầm, vừa hay có bể chứa phân bón ạ.

- Ừ, cũng phải đấy. Nhà xí của bọn tây cụ đã từng thấy rồi. Gạch men sáng loáng lại rất rộng, rộng đến mức kê được bàn tiệc ấy chứ. Có ai không tin không?

Đôi mắt cụ Trưởng Tỏa sáng quắc, cả mấy bàn tiệc đều im tiếng.

- ... Thế này nhé Tam Khánh, cháu có biết nông dân miền đồng đất quê ta tiểu tiện, đại tiện ở đâu không?

Tam Khánh ngó người ra. Đồng đất quê ta? Đồng đất quê ta là làng Đại Lương chứ gì? Nhà xí của làng Đại Lương chẳng phải ở ngay chuồng lợn là gì? Loại nhà xí này mất vệ sinh lắm, dễ lây bệnh tật, lại lãng phí phân bón. Tam Khánh biết rõ lắm chứ, nhưng anh không dám nói ra. Từ đời xửa đời xưa, bao đời tổ tiên đều đại tiểu tiện như thế cả.... Hay là xây nhà lầu nhưng không được xây nhà xí kèm theo? Tam Khánh hồi hộp qúa chừng...

- Thưa cụ, làng ta... làng ta chẳng đều ra chuồng lợn đại tiện hay sao?

- Chính thế! - Cụ Trưởng Tòa mặt hồng hào, cười tươi rói - Cháu xây nhà lầu ba tầng thì cháu phải lợp mái ngói cho tất cả các chuồng lợn của mọi nhà...

Lương Tam Khánh ngẩn người ra, đầu óc mụ mị. Anh không hiểu cụ nói thế nghĩa là sao.

- ... Có vậy mà cháu chưa hiểu à? Cháu từng đi nam về bắc mà sao chậm hiểu thế? Cháu thử nghĩ coi, trên nóc tầng thứ ba xây đài quan trắc khí tượng phải không? Ta hiểu mà, thiên tượng với khí tượng cũng là một lẽ phải thôi. Nhưng đàn bà con gái trong làng có nhịn đại tiểu tiện được không? Có không bén mảng tới nhà xí được không? Còn nếu không nhịn được phải ra chuồng lợn, thế

thì có bao nhiêu cái mông trắng lôm lốp đều để cho anh đứng trên nóc nhà "quan trắc" hết hay sao? Hử?...

Lý lẽ cụ Trưởng Tỏa chắc như đinh đóng cột.

Lương Tam Khánh cứng họng.

Người Trung Quốc dùng cách riêng của mình để chặn đứng anh lại ngay trên quê hương anh!

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*
(Tiểu thuyết tuyển chọn, 1995)

VƯƠNG HỒNG QUANG

VÂN NI

Phía núi sau nhà Vân Ni ở có các anh lính đang luyện tập. Họ mặc toàn bộ màu xanh ếch cốm, nằm soài trên vách núi nheo một mắt lại tập nhằm bắn.

Vào một chiều tối sương giăng bảng lảng, họ kéo nhau vào làng. Vân Ni nhắm mắt lại là cảnh tượng hôm đó hiện ra rõ mồn một: những cột ánh sáng xanh và tím nhạt đều chiếu thẳng lên không trung thôn làng đang tỏa khói bếp, vách núi, mái nhà, trâu bò gặm cỏ trên đồi, cả đến những làn khói vương lên ngọn cây đều được chiếu sáng đến mức trong suốt, rồi một đoàn xe thật dài bật đèn sáng xanh ngả nghiêng leo vào làng.

Như hầu hết các cô gái trong làng, Vân Ni cố gắng học xong tiểu học là phải nghỉ. Cô ở nhà làm ruộng hai năm, thấy chị em cứ nay một người mai một người đi kiếm việc làm ở ngoài, cô cũng thấy lòng xốn xang. Được người giới thiệu, cô lên phố huyện làm tiếp viên cho một cửa hàng ăn. Khó khăn, mệt nhọc chẳng nói làm gì, sợ nhất là đám khách nam giới đến ăn uống, say rồi nói năng bừa bãi, sờ

chân mó tay, nên làm chưa được một tháng, Vân Ni lại bỏ về làng.

Cô không ngờ các anh lính lại tập luyện ngay đằng sau nhà cô. Mỗi sáng tinh mơ khi cô trở dậy quét tước sân vườn thì cũng là lúc các anh lính vác súng lên núi, vừa đi vừa hát. Dẫn đầu là một anh lính cao dỏng, người thẳng thớm, anh hô khẩu lệnh dứt khoát, mạnh mẽ, tiếng vang lanh lảnh xuống tận dưới làng, nghe rất vui tai.

Giờ giải lao, thỉnh thoảng cũng có vài ba anh từ trên núi đi xuống xin nước uống. Vân Ni bao giờ cũng tươi cười rót cho các anh đầy bình nước chè. Các anh hỏi cô sao không ra khỏi làng để hiểu biết thế giới tươi đẹp bên ngoài, lúc ấy Vân Ninh chỉ lí nhí đáp là không muốn xa nhà. Các anh liền thở dài, một cô gái đẹp như Vân Ni nên đi đó đi đây, không chừng tìm ra được con đường đi mới. Vân Ni nghe mà nóng bừng cả mặt, tim đập thình thình.

Vân Ni những muốn rót cho anh lính chỉ huy cao cao một cốc nước chè. Ngày nào anh cũng hô khẩu lệnh hẳn là khát nước hơn người khác, nhưng cô không thấy anh xuống khỏi sườn núi. Mỗi lần có các anh lính khác xuống xin nước, cô đều muốn hỏi thăm về anh lính cao cao đôi câu, nhưng lời vừa ra tới cửa miệng cô lại tự nuốt xuống. Cũng đã mấy lần cô muốn xách một ấm nước lên sườn

núi, như cô có thể đàng hoàng mời anh một cốc nước chè, nhưng lần nào cũng vậy, hễ cô xách ấm và bước một chân ra khỏi ngưỡng cửa là ngay lập tức cô lại rút chân về.

Thế là Vân Ni đành ngày ngày ngóng trông, ngày ngày lắng nghe tiếng hô dứt khoát mạnh mẽ vang từ trên núi xuống, vang đến tận tim cô, vang lên cả trong giấc mộng...

Những đóa hoa nguyệt qùy đỏ thắm trước cửa sổ nở rồi lại tàn. Một thoáng trời trôi qua nhẹ như những cánh hoa rơi. Lần này Vân Ni trằn trọc cả đêm mới hạ được quyết tâm. Cô quyết định liều một phen, ngày mai thế nào cũng mang nước uống lên núi. Sáng tinh mơ cô đã dậy pha một ấm to trà thơm phưng phức. Rồi cô soi gương, buộc túm mái tóc đen nhánh ra sau cho hơi cao lên thành kiểu tóc đuôi ngựa và buông thả vừa gọn gàng bằng một dải lụa vàng. Đổi đi đổi lại đến mấy lần cô mới chọn được chiếc sơ mi màu hồng mặc cùng với chiếc quần bó sát màu đen. Bộ quần áo này Vân Ni mua khi cô lần đầu tiên lên phố huyện tìm việc làm. Mặc bộ này, thân hình thon thả dong dỏng của cô càng nổi bật, lại thêm khuôn mặt trái xoan càng khiến cô trẻ trung mơn mởn. Xong xuôi, Vân Ni cảm thấy cổ họng ngứa ngáy, chỉ muốn cất tiếng hát.

Cô quét đi quét lại sân vườn đến hai lần mà vẫn chưa thấy các anh lính ra tập. Lên sườn núi thấy quang cảnh

vắng tanh, lòng cô cũng xiết bao trống vắng. Nửa giờ sau, vẫn chẳng thấy có anh lính nào. Chim kêu rộn lên sườn núi càng khiến lòng cô bồi bồi sốt ruột.

Cô vừa đi vừa để ý trông cho tới cả nhà kho chứa thuốc lá. Nơi này quang quẻ và trống không, chỉ có mấy cụ già đứng bên đường kháo chuyện các anh lính sáng sớm hôm nay lên xe đi cả rồi, lúc đến cũng như lúc đi đều nhanh chóng, đột ngột.

Vân Ni cảm thấy mũi buốt đến mấy lần, cô ngẩn ngơ đứng ở đầu làng một lúc lâu. Cô trở về nhà với đôi mắt đỏ mọng, chỉ đáp lời cha mẹ bằng một câu:

- Sáng mai con phải ra đi...

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*

VƯƠNG MÔNG

HÒN TUYẾT LĂN

Mùa hè năm 1982 tôi được mời đi thị trấn Hải Sơn trên bờ Đông Hải để dự một cuộc thảo luận hàng năm về Hồng Lâu Mộng. Ông biết đấy, những cuộc thảo luận như vậy mấy năm nay rất nhiều, năm nào cũng tổ chức vào mùa thích hợp nhất, địa điểm thuận lợi nhất, như Hoàng Sơn, Quế Lâm, Tây Hồ, Thái Hồ, kết bạn nhà văn, gặp gỡ học thuật, thăm thú phong cảnh đều rất tuyệt.

Kỳ họp mười ngày, mỗi ngày, buổi sáng thảo luận, đọc báo cáo khoa học, buổi chiều được tự do sử dụng.

Tôi tuy tuổi đã già, nhưng lòng ham thích bơi lội vẫn không giảm sút, hầu như tất cả các buổi chiều trời tạnh đều dành cho mặt biển và bãi biển.

Mười ngày trôi qua, lòng thành làm sao thì bề ngoài làm vậy, do tôi phơi nắng đen bóng, tinh thần cũng cảm thấy thư thái hơn trước.

Buổi tối cuối cùng, sắp xếp xong giỏ hành lý gọn gàng, tôi cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái, bèn đến phòng một anh bạn học thuật trẻ tuổi mới quen nói chuyện gẫu. Tôi

nói tôi đã đọc xong bài "Bàn về chuyện Nữ Oa vá trời và màu sắc hoang đường của Hồng Lâu Mộng" của anh ta vừa mới in ra, tôi cho rằng anh ta rất sắc sảo, nhưng tôi không tán thành gắn Hồng lâu Mộng với phạm trù hoang đường.

Người trẻ tuổi nghe rất chăm chú, liền tranh cãi với tôi một cách khá xúc động mặc dầu mỗi lần mở miệng anh ta đều gọi tôi là "thầy" là "hiệu trưởng". Nhưng rõ ràng việc không tán thành của tôi đã làm anh ta phát cáu. Người già đâu đã hết cái ngông trẻ thơ, thế là tôi cũng hăng máu lên theo.

Chính vào lúc cuộc tranh luận của chúng tôi đang nổi, liền nghe bên ngoài có tiếng kêu thất thanh liên tiếp: "Lý, Lý, Lý ơi..."

Lý là lái xe phục vụ hội nghị, mặc dù âm thanh tiếng kêu có chút lạ lùng, nhưng tâm trí chúng tôi còn để cả ở Giả Bảo Ngọc và các bạn gái của cậu ta nên chẳng ai đếm xỉa đến tiếng kêu dồn dập, khủng khiếp ấy.

"Cạch, cạch, cạch", tiếng gõ cửa gấp gáp, chúng tôi mở cửa ra thì thấy Gia Cát Vân. Sau Gia Cát Vân còn có bảy tám người dự hội nghị.

Ở đây tôi xin nói mấy lời về Gia Cát Vân. Cô ta đã ngoài bốn mươi tuổi, người không cao, đeo một đôi kính cận nặng, từ một trường đại học ở biên giới đến, là người

hết sức sôi nổi, hết sức nhiệt tình, hết sức quan tâm đến người khác ở trong hội nghị. Trong suốt thời gian hội nghị tôi thường thấy cô chạy đi chạy lại, khi tìm kiếm dầu cù là cho giáo sư Trương, khi thì tìm thuốc đau bụng cho giáo sư Lý, lúc đầu tôi cứ tưởng cô là ban tổ chức của hội nghị về sau mới biết rằng cô cũng như tôi, đều chỉ là khách đến dự hội nghị mà thôi. Tôi thấy cô nhiệt tình mà lòng rất cảm động.

- Báo cho các vị biết, cậu Lý mất tích rồi - cô nói thẳng vào việc, lông mày dồn thành một cục.

- Cậu Lý làm sao mà mất tích? Tôi và bạn tác giả của "màu sắc hoang đường" đều không hiểu, hỏi lại.

- Chúng tôi đã tìm cậu ta nửa tiếng rồi, các anh biết bây giờ là mấy giờ rồi không?

Tôi cúi tay nhìn đồng hồ tay, chín giờ rưỡi, cái mặt đồng hồ cả kim phút, kim giây chỉ chín giờ rưỡi, không hề gợi cho chúng tôi một điều gì cả, nhưng tôi đã cảm thấy trong ngữ điệu của Gia Cát Vân có cái gì bất mãn với chúng tôi.

- Cô Vân phát hiện ra cậu Lý mất tích đầu tiên, - một bà nhiệt tình nói thêm.

- Chín giờ, tôi đi ngang phòng cậu Lý - Gia Cát Vân nói tiếp liền - Tôi gõ cửa, không có tiếng trả lời, tôi đẩy

cửa chỉ thấy đèn sáng, trên giường cậu Lý còn để áo sơ mi, áo lót, quần dài và xilip...

- Thế thì cậu ấy đi bơi rồi... - Tôi nhìn thấy cậu ấy mặc quần bơi đi ra - Tác giả "màu sắc hoang đường" nói.

- Anh thấy à? Hay lắm. Anh thấy lúc nào? Ở đâu?

- Sau khi ăn cơm tối, vào khoảng 6 giờ 40 phút.

- Đúng, 6 giờ 40 phút. Thế bây giờ mấy giờ? Xin hỏi thêm, cậu ta đi một mình hay là có bạn?

- Để tôi nhớ xem... đúng, đi một mình.

- Một mình, một mình đi tắm ban đêm, đến bây giờ đã ba tiếng rồi, thế là thế nào?

- Cũng có thể bơi xong cậu ta còn đi chơi.

- Cậu ta đi chơi đâu mới được chứ? Ở đây cậu ta không thân thích, chẳng bạn bè, tôi đã điều tra rồi...

- Chẳng may xảy ra chuyện gì là dầy dà to đấy! - Bà nhiệt tình hấp tấp nói.

- Thì đúng rồi, không sợ nhất vạn, chỉ sợ Vạn nhất! - Đồng chí Chu, vị lão thành chủ trì hội nghị bắt đầu bối rối.

- Chao, thật ấy chứ lại, thủy hỏa vô tình, thủy hỏa vô tình mà!

- Nghe đâu biển này có cả cá mập nữa.

- Năm nào mà chả chết chìm mất khoảng mười người, tám người. Dù sao thì từ sau 6 giờ 40 phút đã không còn ai nhìn thấy cậu Lý nữa. Mọi người nhao nhao.

Tôi bắt đầu nhận thấy vấn đề quan trọng. Tôi vẫn cho rằng rất ít có khả năng cậu Lý gặp nạn. Nhưng tôi không thể, không dám, cũng không có quyền bảo đảm là cậu Lý vô sự. Mặc dù xác suất cậu Lý gặp nạn chỉ có một phần triệu, thì tôi một người lãnh đạo trường Đại học mới được đề bạt, lại là một đảng viên dự bị chưa được chuyển chính thức, thì không thể thờ ơ với số phận của đồng chí mình được. Trong cuộc trao đổi của tác giả "Màu sắc hoang đường" và Gia Cát Vân về tình hình cậu Lý, rõ rành có một cái còn quan trọng hơn nghìn lần so với chi tiết sự thật và lôgich suy diễn, đó là cái tình cảm mãnh liệt quan tâm người khác, tinh thần trách nhiệm, ý thức sứ mệnh của Gia Cát Vân, điều đó làm cho cô tỏ ra ưu việt hơn, mạnh mẽ hơn, có thanh thế hơn, vô địch hơn chúng tôi gấp trăm lần trong cuộc trao đổi. Ngược lại, bất cứ ai lúc này phát biểu ý kiến về việc cậu Lý bình yên vô sự đều bị hiềm nghi là chỉ biết nghĩ ngợi cho mình, không quan tâm đồng chí. Mặt tôi bỗng nghiêm trang lại, các thớ thịt căng lên, mắt trợn tròn "Hay ta đi tìm khắp mọi phòng của khách sạn?"

- Tìm hết rồi, sau mới đến chỗ các anh đấy! Gia Cát

Vân nói, chú "chỗ các anh đây" như là một vương quốc độc lập, tất có vấn đề cần phải tẩy rửa. Lời nói của cô hình như có một ý ngầm như vậy.

Anh bạn đối thủ trẻ tuổi thảo luận Hồng Lâu Mộng của tôi giận dữ đưa mắt nhìn mọi người, hẳn là anh ta cũng chưa thông, anh ta cho rằng bọn Gia Cát Vân có phần sợ bóng, sợ gió nhiều qúa. Nhưng tôi không thể chiều theo tình cảm của anh ta, tôi không thể không ý thức đến tư cách và trách nhiệm của mình, tôi vội vàng đứng dậy, xúc động nói: "Đi, chúng ta ra bãi biển tìm đi".

Gia Cát Vân và những kẻ chạy theo cô liền tỏ ra vẻ mặt mãn nguyện, đồng thời tác giả "Màu sắc hoang đường" lúc này cũng như bỗng nhiên mà thông suốt. Anh ta nhảy lên, lớn tiếng bày binh bố trận: "Đúng, đúng, đúng. Chúng ta có thể chia làm mấy tốp đi tìm. Tôi đề nghị sau nửa tiếng, chúng ta trở về khách sạn không tìm thấy dấu vết của cậu Lý thì thứ nhất chúng ta phải báo cho đồn công an, thứ hai chúng ta phải báo cáo cho hạm đội trực ban của hải quân cửa khẩu Đông Sơn, nhờ họ hiệp đồng đến bãi tắm chúng ta tìm. Ngoài ra tôi đề nghị gọi điện thoại đường dài cho Thượng Hải, báo cáo với lãnh đạo cấp trên của Hội nghị chúng ta...

Thái độ của anh ta bỗng nhiên quay ngược 180 độ làm cho tư tưởng tôi vô cùng lúng túng. Gia Cát Vân hình

như cũng không ngờ tới, cô chóp chóp mắt.

Thế là chúng tôi mười người, bao gồm cả cụ giáo sư đã bảy mươi tư tuổi, lại còn có cả một vị phó giáo sư có bệnh nhồi máu cơ tim mang theo thuốc viên, xếp thành đội ngũ xuất phát.

"Lý, Lý, Lý ơi..." Bãi biển vang lên tiếng kêu như là gọi hồn, nhất là tiếng kêu của đồng chí có bệnh đau tim, tiếng khản đặc mà đuối hơi, âm vang buồn thảm lạnh lùng nghe mà rơi nước mắt.

Mười giờ 15 phút, mọi người trở về, không có một chút dấu vết nào. Tác giả "Màu sắc hoang đường" lại đề xuất ba biện pháp khẩn cấp ai nấy đều dưa mắt nhìn nhau. Tôi liền nói, hay là chờ thêm một lúc nữa. Nếu đến 12 giờ đêm mà không thấy cậu Lý về ta hãy tiến hành các biện pháp kia cũng không muộn, nếu không sợ việc động chạm lớn qúa.

Mọi người tán thành ý kiến của tôi. Tôi thấp thỏm nhìn thấy tác giả "Màu sắc hoang đường" bất giác mỉm cười.

Trong hội nghị khoa học này của chúng tôi, già yếu đau tim, bệnh tật đều có, nhiều người còn có thói quen ngủ sớm, nhưng đêm nay không ai buồn ngủ, ai cũng đi đi lại lại như kiến bò trong chảo nóng. Nhất là Gia Cát Vân vẫn đứng ở sân cao giọng kể mãi chuyện cô phát hiện ra cậu Lý mất tích và qúa trình tổ chức đi tìm. Còn tôi

thục tình không gắng gượng được nữa, bèn gài áo ngồi dựa bên giường.

11 giờ ba phút, cậu Lý mặc quần bơi hát bài "Trên đảo mặt trời" men theo hành lang trở về. Lập tức mọi người ùa ra, tôi cũng rán sức chạy ra, tôi muốn tỏ cho mọi người thấy rằng tôi chưa buồn ngủ.

- Cậu Lý, cậu đi đâu vậy, làm chúng tôi tìm mãi - mọi người đều nói.

- Việc gì thế? Sao đã bảo là buổi tối không dùng xe cơ mà?

- Không phải xe, chúng tôi sợ cậu chìm xuống biển làm mồi cho cá mập.

- Vẽ chuyện. Tôi chỉ bơi có nửa tiếng rồi lên, sau đó ngồi đánh tú lơ khơ trong phòng nhân viên phục vụ khách sạn!

- Thật rõ vớ vẩn, cụ già tổ chức hội nghị, một người xưa nay nói năng thận trọng bỗng nhiên nổi giận, gân xanh vằn lên, tiếng nói lắp bắp - Sao về về muộn muộn vậy vậy mà không không nói trước? Làm mọi mọi người lo lo lo lo...".

Cậu Lý hoàn toàn không biết đã xảy ra chuyện gì, nhưng tất cả thế trận làm cho cậu cảm thấy vấn đề nghiêm trọng, cậu ta cúi gập đầu, nước mắt ứa ra.

Sau đó rất lâu, tôi lại có dịp gặp tác giả trẻ tuổi nghiên cứu chuyện Nữ Oa vá trời và Hồng Lâu Mộng. Anh ta cho biết, sau khi trở về, anh ta lần lượt thăm viếng và điều tra. Kết quả điều tra của anh ta là tối hôm ấy không có một ai cho là cần thiết phải lập đoàn đưa người đi tìm cậu Lý, nhưng trước sự đòi hỏi của Gia cát Vân, trước động cơ cao thượng và lòng kiên quyết không thể nghi ngờ của cô, xuất phát từ những suy tính tương tự như nhau, mọi người đều theo mà hành động, mà hành động người này lại kéo theo người khác, cứ như là một hòn tuyết lăn, càng lăn, càng lớn.

- Nhưng chính anh tối hôm đó lại cao giọng hơn ai hết. Tôi khó chịu nói.

- Tôi chẳng có cách nào khác nữa.

Tôi lắc đầu, tôi lại nghĩ ra được một câu hỏi bèn nói:

- Thế cậu đã điều tra cô Gia Cát Vân chưa? Cậu có biết tư tưởng đích thực của cô tối hôm ấy như thế nào không?

Anh ta lắc đầu.

Đăng trên Giới tiểu thuyết số 5, 1984

TRẦN ĐÌNH SỬ *dịch*

VƯƠNG MẶC NHÂN

ĐƯỜNG RẼ QUANH CO

- A- lô!

- Ânh đây!

- Tai anh thính thật!

- Dù anh có ngủ, cũng nghe rõ tiếng em. Lúc chiều, anh gọi điện cho em mấy lần, nghe nói em có việc đi đâu rồi.

- Có việc ư?

- Anh sợ em quên.

- Sao lại quên. Em không thể đến...

- Vì sao?

- Chẳng có chi, chỉ người hơi khó chịu thôi.

- Thế thì anh đến thăm em.

- Không, không, ngoài ra em còn chút việc khác.

- Có thể cho anh rõ em có việc gì không?

- Chẳng có gì nói cho anh cả đâu.

- Tại sao em úp úp mở mở thế. Lúc sáng anh chẳng nói với em rồi sao. Buổi chiều khi tan sở, anh sẽ đến gặp em.

- Bất ngờ có việc, do đó em mới gọi điện cho anh.

- Vừa rồi em nói người khó chịu, bây giờ lại nói có việc. Cuối cùng thì như thế nào?

- Em nói rồi, không có gì.

- Hay có hẹn gặp ai?

- Em không thích anh hỏi em như thế.

- Anh cảm thấy hình như em có ý thay đổi?

- Anh nói như thế tức là anh thay đổi.

- Anh không hiểu.

- Vì từ trước đến nay anh đối với em không như thế.

- Thế em tự hỏi em xem.

Em nghĩ không ra.

- Anh thấy rằng em bắt đầu giấu anh cái gì?

- Anh đa nghi đó thôi.

- Đã hẹn rồi, sao lại thay đổi?

- Tạm thời có việc.

Em thử nói việc gì?

Tại sao anh hỏi em kỹ như vậy?

- Tại vì trong lòng anh thấp thỏm.

- Anh làm em thất vọng.

- Câu này đáng lẽ là anh nói.

- Chúng ta đã quen nhau nhiều năm, lại là bạn học, cho đến nay em mới thật hiểu anh.

- Hay là em đang có chuyện phiền hà gì?

- Anh đừng nói thế.

- Anh thật không rõ.

- Anh giả vờ hồ đồ.

- Anh đâu ngốc thế.

- Em thật chưa hề nghĩ rằng tình cảm giữa chúng ta nhiều năm như thế mà trong chốc lát anh thay đổi đến mức em không chịu nổi.

- Được rồi... Em không nên bực bội. Anh xin lỗi em, xin lỗi em.

- Em nói sao lạ thế. Em nổi nóng rồi à?

- Không.

- Em không thích anh nữa à?

- Anh tưởng em thế sao?

- Thế thì sao em nói như vậy. Anh đã nói xin lỗi em mà!

- Giữa anh và em lại phải xin lỗi nữa sao?

- Anh rất biết lòng em đối với anh. Mấy năm qua, ngoài em ra, anh không hề quen biết một bạn gái nào khác. Em ở trong lòng anh còn quan trọng hơn bản thân anh.

- Em biết.

- Nhưng mà, gần đây có thể lòng anh bối rối. Anh cứ luôn nghi bóng, nghi gió. Tự anh cũng thấy không nên như thế. Bất luận thế nào đều không hay đối với em. Chỉ là gần đây, giữa chúng ta có biến cố gì? Anh lúc nào cũng lo lắng mất em. Nếu đúng như thế, anh làm sao mà sống nổi...

- Anh Lâm Phong. Anh không được nói như thế. Nếu cứ nói thế! Em... Em...

- Dung Dung. Em sao thế, em khóc à?

- Không. Em... em bị cảm một tí, mũi bị ngẹt...

- Dung Dung/

- Dạ...

- Em trả lời anh đi.

- Anh nói gì thế?

- Như thế mà còn hỏi?

- Thế...

- Cái gì? Em vẫn còn đắn đo?

- Đó là việc đại sự cả đời người, cần phải đắn đo cẩn thận.

- Nhưng mà... Từ trước ở trường học, em nói đợi tốt nghiệp xong, chúng ta có công việc rồi thì chúng ta kết

hôn. Bây giờ chúng ta đã đi làm đến ba năm rồi, lại còn đợi gì nữa?

- Như hiện nay, chúng ta cứ giữ tình bạn như thế này không tốt hay sao?

- Lẽ nào chúng ta mãi mãi chỉ là bạn với nhau?

- Có thể như thế, anh không cho là qúy?

- Chúng ta yêu nhau như thế này, sớm muộn lại kết hôn.

- Kết hôn rồi, chưa chắc đã có hạnh phúc.

- Em nói như thế, tức có ý muốn cắt đứt.

- Anh đừng nổi nóng. Nêu anh nghĩ kỹ một tí thì anh có thể thấy rằng hoàn cảnh của em không thích hợp với anh.

- Anh rõ rồi, em dứt khoát nói hoàn cảnh của anh không thích hợp với anh chứ gì.

- Bất cứ nói kiểu gì đi nữa thì cũng chỉ có thế. Tình hình gia đình của hai chúng ta hoàn toàn giống nhau, trên thì có mẹ già bệnh tật lâu năm, dưới thì có em út còn nhỏ dại. Em không nhẫn tâm để gánh nặng hai gia đình đè lên đầu anh.

- Chúng ta chưa từng đói khát. Anh cũng không sợ khổ.

- Nói thì dễ thế, nhưng khi gặp cảnh khổ rồi lại đâm hối hận.

- Anh không như thế, đó là em nghĩ thôi. Em sợ khổ nên giao động, chúng ta còn gì để bàn nữa.

- Anh Lâm Phong, anh nghe em nói...

- Em nói đi, dù có chia tay thì cũng đừng giả tình giả nghĩa.

- Anh Lâm Phong. Anh không thể vô tình như thế.

- Anh không hiểu! Cuối cùng thì anh vô tình hay em vô tình?

- Anh Lâm Phong, chẳng lẽ anh không chịu nghĩ lại một tí sao? Mỗi chúng ta đều có nỗi khổ riêng.

- Như thế thì còn nghĩ gì nữa. Có phải em chuẩn bị đi lấy ông già rồi chú gì?

- Dù cho có lấy ông ta thì cũng cần suy tính chứ.

- Đã như thế anh không muốn liên lụy đến em.

- Anh Lâm Phong... A-lô...

- ...

- A-lô... A-lô...

*

* *

- Dung, Dung. Việc ấy cháu quyết định đi. Bên kia mấy

lần thúc bác.

- Bác Hồ Đại. Cháu không xem bác là người ngoài. Nếu không phải vì hoàn cảnh thì cháu không cần đắn đo suy tính mà làm gì.

- Nói mà nghe. Người ta tuổi có lớn đó, nhưng vóc dáng thì chắc chắn lắm. Hơn năm mươi tuổi rồi mà như thanh niên, trên đầu không có một sợi tóc bạc. Tấm lưng thì thẳng đứng, đi đường không phân biệt được với bọn trẻ. Cháu có biết không? Vợ của ông ta chết sớm, chưa có đứa con nào, không dính dáng tới ai. Nhà cửa rất nhiều, có mấy công xưởng. Lấy ông ta, ăn cả đời không hết, áo quần muốn sắm sửa gì thì tùy thích. rất nhiều người ước mà không được. Cháu còn gì nữa mà không bằng lòng?

- Nói thì như thế, nhưng cháu chưa có chủ định.

- Dung Dung. Nếu như bác không xem cháu là người nhà thì bác không nhiệt tình như thế. bác rất hiểu, cháu có gánh nặng gia đình, hết sức vất vả. Nếu không sớm tìm người giúp đỡ chỉ sợ cháu mệt rồi ngã gục.

- Cháu luôn nghĩ cách, có thể đi một bước tính một bước.

- Xem ra cháu không thể quên nổi người bạn cùng học.

- Quen nhau nhiều năm, đâu muốn cắt là cắt được ngay.

- Chuyện tình cảm, người khác không nên xen vào... Nếu như chau không chịu buông tay ra, dù người khác có cầm dây kéo vào thì cũng vô ích thôi.

- Cái khó là ở đó. Cháu không biết nên làm như thế nào cho tốt.

- Cháu nói thế thì bác cũng khó nói. Vì tình yêu mà chịu khổ, chịu sở, ai dám nói gì, nếu có nói chỉ là ngốc thôi... cũng đều là tâm can tình cảm cả. Nhưng nếu nói vì cuộc sống mà suy nghĩ, người bạn của cháu lo nuôi cả nhà nó, còn cháu thì lại phải nuôi cả nhà cháu. Nếu như hai đứa kết hôn, tương lai mờ mịt thế, thật khó đoán.

- Để cháu suy nghĩ đã.

- Cũng phải. Đó là chuyện lớn một đời người, đương nhiên cần phải cẩn thận.

*

* *

- Em trai này, mấy ngày em không đi học rồi.

- Đúng.

- Vì sao?

- Có việc.

- Kỳ quái. Có việc gì to tát đến thế mà không đi học, chưa hề nghe em nói.

- Nói rồi, có lẽ...

- Em có xin phép trường để nghỉ không?

- Em không muốn học nữa, xin phép hay không cũng thế thôi.

- Sao? Em không muốn học nữa. Như thế là thế nào?

- Em muốn thôi học đã lâu rồi.

- Em này! Em càng ngày càng không ra gì. Chị không ngờ em nói ra câu đó. Bài vở em học trước đây khá lắm, gần đây càng ngày học càng kém. Bây giờ thì lại qúa tệ, ngay cả đi học cũng không muốn nữa, cả ngày chạy rông ngoài đường.

- Ai nói em chạy rông ngoài đường.

- Trốn học, không chạy rông thì là gì?

- Chị không hiểu. Em không muốn nói với chị nữa.

- Tao không hiểu, mày dám vác mặt cãi lại tao nữa à?

- Chị thích như thế nào thì nói như thế. Em không muốn đấu khẩu với chị nữa.

- Mày đã lớn tướng lên rồi. Tao không giữ mày được nữa có phải không? Tao xem gan của mày càng ngày càng to. Mày nói ai đừng để mất. Mày lại không nghe lời tao, ngay mẹ, mày cũng không nghĩ tới. Nếu ba ở dưới suối vàng biết mày thế thì ba đau đớn biết chừng nào!

- Chị càng ngăn càng xa, khiến em nói thế nào được.

- Có phải mày không muốn đi học?

- Không phải.

- Thế thì làm sao?

- Em muốn ra ngoài kiếm việc làm.

- Hiện nay em đang học cao trung. Tại sao không tiếp tục học.

- Em không muốn học.

- Em không thể nói thế được. Đừng nói bậy.

- Em đã hạ quyết tâm rồi.

- Em phải biết, mẹ rất hy vọng hai em học tập tốt. Chị phải chịu khổ chịu sở là vì cái gì? Em nên nghĩ xem, làm sao để cho chúng ta phải thất vọng?

- Nhưng, ba thì chết rồi, mẹ lại bệnh. Em không nên học tiếp nữa.

- Đó là việc của chị. Các em không cần lo lắng chuyện đó.

- Chị, em không thể như thế được.

- Tâm trạng của em, chị hoàn toàn biết. bất cứ như thế nào, chị tin rằng, chị sẽ có cách ứng phó để qua khỏi, chỉ cần hai em an tâm học tập thì chị và mẹ đã được an ủi rồi.

- Nhưng mà...

- Em hãy nghe chị. Em không nên nói như thế nữa, tiếp tục đi học, đừng có suy nghĩ gì khác, hiểu không?

*

* *

- Dung Dung, mẹ xin con ngàn lần vạn lần đừng làm như thế!

- Mẹ, mẹ nghe con nói...

- Con ơi, mẹ là người đã từng trải, làm sao mà không biết!

- Mẹ, con đã suy nghĩ lâu rồi. Con hạ quyết tâm...

- Con, con không nên như thế. Con chưa biết, đến đó con sẽ nếm mùi cay đắng gì? Lấy mẹ và ba con mà nói. Mới đầu mẹ không hề nghĩ đến phần gia sản của ba con. Mẹ là người làm công cho gia đình ông ấy từ khi còn đang nhỏ. Ông ấy không xem mẹ như người đầy tớ trong nhà, dù tuổi mẹ và ông ấy cách nhau không ít. Ông ấy có thể sinh ra được mẹ. Khi lấy ông ấy, mẹ toàn tâm toàn ý vì ông ấy. Sống với nhau được vài năm thì bóng đen chùm lên đầu, khổ hết nói.

- Con hiểu, mẹ!

- Thế thì con không nên vì mẹ mà chịu khổ. Chúng ta không đói, không rét, thế là được rồi. À! Nói đi nói lại

đều là số mệnh. nếu như không chạy nạn, chúng ta không bị rơi vào cảnh cùng cực này. Con cũng không phải khổ sở.

- Nhưng, con không nhẫn tâm nhìn mẹ như thế.

- Con, mẹ chịu khổ sở quen rồi, không sao cả.

- Không! Con không thể để mẹ luôn bị dày vò...

- Thế là vì mẹ mà con làm như thế sao?

- Là do tâm can của con muốn vậy, mẹ đừng có lo lắng gì.

- Con không sợ người ta cười à?

- Việc của mình còn lo không nổi, đâu còn lo người khác cười mình.

- Thế còn thằng Lâm phong? Lẽ nào con không nghĩ tới nó?

- Dù có nghĩ tới thì cũng không đủ sức mà nghĩ tới nhiều như thế, chỉ theo ý mình mà làm thôi.

- Con, con không thể như thế. Mẹ không để cho con làm như thế.

- Mẹ, mẹ nghe con nói...

- Con, mẹ không cần con nói như thế. Dù con không nghe lời mẹ, lẽ nào con không sợ mẹ đau lòng sao?

- Nhưng mà...

- Đợi mẹ khỏi bệnh, mẹ đi kiếm việc làm, nấu cơm, giặt áo quần, làm gì cũng được cả.

- Mẹ, mẹ không nên đi làm, mẹ không nên chịu khổ qúa mức.

- Con cho mẹ chịu khổ không nổi à? Việc gì mẹ cũng làm được.

- Là vì mẹ chịu khổ nhiều rồi, cho nên con không nhẫn tâm.

- Mẹ thì luôn khổ rồi, chẳng thấm vào đâu, còn con, từ nhỏ tới lớn con chưa biết khổ là gì, nay xem con một mình gánh nặng cả gia đình, lại là con gái dầm mưa dãi nắng, chạy đông chạy tây, nghĩ lại mẹ ứa nước mắt. Chỉ cần mẹ ngồi dậy được, dù bất cứ việc gì, mẹ sẽ lao vào làm.

- Mẹ, mẹ đừng nói thế. Con không nhẫn tâm để mẹ đi làm đâu.

- Con, dù bất cứ thế nào mẹ không để một mình con chịu khổ.

- Mẹ...

- Con nghe lời mẹ, không nên như thế. Mẹ là người từng trải không thể dương mắt nhìn con nhảy xuống nước. Dù khổ sở như thế nào cũng phải cắn răng mà chịu.

*

* *

Anh Lâm phong, khuya rồi, em không nghĩ anh lại đến.

- Dung Dung, dù thế nào đi nữa, tối hôm nay anh nhất định phải gặp em. Nếu không gặp, làm sao anh chịu nổi đến ngày mai, sau khi gặp em trong điện thoại chiều nay, anh ngồi đứng không yên, nghĩ lui nghĩ tới, thế là lao đầu chạy đến nhà em để gặp được em.

- Anh đang còn nổi nóng phải không?

- Không. Anh chỉ cảm thấy đau khổ.

- Vì sao?

- Anh không nên xúc động như thế, không nên nói những lời như thế đối với em, làm em khó chịu.

- Em không hề trách anh. Anh không nên tự trách mình. Em rất hiểu tâm trạng của anh lúc đó. Ai cũng vậy, cũng đều rất khó tự kiềm chế.

- Em nói như thế, anh càng cảm thấy ân hận. Anh không vì ai khác, hy vọng em hiểu cho.

- Anh thử nghĩ xem, giữa chúng ta không nên nói những lời như thế có được không?

- Tình ý của em đối với anh, anh mãi mãi ghi vào trong lòng, dù em quyết định như thế nào , anh không trách em.

- Anh Lâm Phong, anh không cần nói như thế.

- Dung Dung, anh hoàn toàn xuất phát từ thành ý. Em

cần làm như thế, anh nên tôn trọng em. Chỉ cần tương lai em được sung sướng, anh cảm thấy được an ủi rồi.

- Anh Lâm Phong, anh không cần nói những lời ấy! Anh tưởng em sẽ như thế ư?

- Dung Dung, em nói...

- Anh Lâm Phong. Em nên nói như thế nào đây...Em...

- Không cần nói nữa. Anh hiểu. Em đi nghỉ đi, nếu không thì em chịu không nổi.

- Đúng, em nên ngủ một giấc. Sớm mai ngủ dậy, đầu óc sáng suốt lên một tý.

- Dung Dung!...

- Ờ...

- Dung Dung, em đang nghĩ gì?

- Không nghĩ gì hết. Ở bên anh thì em không muốn nghĩ gì hết. Anh Lâm Phong, còn anh?

- Anh giống như em. Có em ngồi bên cạnh, lòng anh bình tĩnh lạ, không có gì quấy rầy anh được.

- Anh Lâm Phong, anh nói rất đúng, em nên ngủ một giấc.

- Đúng thế, ngủ một giấc ngon lành, thức dậy, tinh thần sẽ sảng khoái hẳn lên!

ĐOÀN BỔNG *dịch*

VƯƠNG VI CHÍNH

TỜ 100 ĐÔ LA

Ông Tào không phải họ Tào. Đó là cái tên người ta nhạo báng ông. Ở quê tôi, "tào" là một hình dung từ, không tìm được từ nào thích hợp ứng với nó trong ngôn ngữ phổ thông. Tuy chỉ một chữ tào, song nhiều nghĩa lắm. Trong đó có hai ý, một là keo kiệt. Ông Tào keo kiệt vào loại chúa. Cây táo nhà ông năm nào cũng lúc liu những qủa, mà hàng xóm láng giềng chẳng hề được nếm nửa miếng. Con nhà nào vặt trộm táo nhà ông, ông đuổi đến tận nhà bắt xòe tay đòi lại bằng được, mặc cho đứa trẻ gào khóc và bố mẹ cháu nặng lời. Ông Tào chết thì chết cũng phải bảo vệ tài sản của mình. Vì thế trong làng ngoài xóm chẳng hề ai qua lại nhà ông. Ý thứ hai là vô lễ, mất lịch sự, nói năng sống sượng, chối tai. Ý này ở trên đã nói song chưa đủ. Ví dụ vụ lúa xuân mất mùa, không có cái ăn, vác mặt đến vay ông nửa lon gạo, ông quay mặt đi còn văng lại một câu: "Sao lại sang vay nhà tôi, tôi đang định sang vay ông đấy?" Người đi vay ngượng chín người, thề sẽ chẳng bao giờ bước đến cổng nhà ông.

Ý nghĩa của chữ Tào đại để là như vậy, chỉ là "thổ ngữ" chứ chẳng có cách viết qui phạm nào cả, cứ tạm viết như chữ Tào của Tào Mạnh Đức - Tào Tháo là đủ Tào rồi. Chỉ mất một sợi lông được lời cả thiên hạ, chẳng làm gì có chuyện ấy.

Ông Tào mê mẩn làm giàu. Thật ra, những kẻ keo kiệt và vô lễ chẳng ai không mê làm giàu. Ông Tào lầm lì suốt ngày. Không tính toán để phát tài thì ông lăn ra ngủ. Ông ngủ ba vạ, ở đâu cũng được. Thôi thì đầu sân cuối bãi, trước nhà, sau nhà, hoặc tựa vào tường, hoặc tựa gốc cây, cứ khép hai vạt áo bông, xỏ hai tay vào ống tay áo là ngủ ngay được, ngáy khò khò, mặc cho người ta tha hồ cười nói, thậm chí bắn đại bác, đánh nhau vỡ đầu chảy máu ngay bên cạnh, ông cũng phớt. Nhưng đã có người làm thử, chỉ cần đến gần ông nói nhỏ một câu: "Ơ! đồng hào của ai đánh rơi đây" là ông choàng dậy liền, hai tay sờ soạng, miệng rối rít "của tôi, của tôi". Thế là mọi người cười ầm lên. Ông Tào không ngượng, không bực, đứng dậy phủi đít quần đi thẳng, mắt nhìn trời, miệng lẩm bẩm: "Mẹ kiếp! Có thể tìm nơi nào tiền trên trời rơi xuống không nhỉ?" Sau khi chia ruộng cày cấy riêng, ông Tào đã tìm được nơi "tiền trên trời rơi xuống". Thật ra là do ruộng đất đẻ ra. Trên hai mẫu sáu sào đất ông bà được chia, ông Tào trồng toàn táo ăn quả. Ông có nghề làm vườn,

vườn cây ông trồng hàng dọc hàng ngang đều tăm tắp, lại chiết cành tỉa lá trông đẹp mắt đáo để. Chung quanh ông rào dây thép gai, cấm kỹ, không để ai vào. Hình như ông muốn lập cơ nghiệp ngàn đời. Có người đứng ngoài hàng rào kẽm gai cười nhạo: "Già cốc đế rồi, lại chẳng có con cái, đến đời nào mới được thu hoạch?" Lầm rồi đấy! Đào ba năm, hạnh bốn năm, lê năm năm, táo nhỏ một năm là đã bán được. Huống chi ông Tào năm nay mới 68 tuổi, trông khỏe lắm, còn sống hàng chục năm nữa. Mùa xuân năm ấy cây táo của ông nở đầy hoa vàng, mịn như hoa quế trông cứ như sao mọc đầy trời. Sau vụ gặt lúa mạch thì những qủa táo hồng tonhư mã não đè trĩu cành đỏ rực một góc trời. Táo giống của ông đều là đời con đời cháu của cây táo già trong sân, qủa to và giòn, rơi xuống có thể vỡ thành bảy, tám mảnh. Hai vợ chồng ông cẩn thận hái từng qủa, ngày nào ông cũng chịu khó quẩy đi chợ, bán với giá gấp đôi táo thường mà vẫn hết nhẵn, tiền thu về cứ đếm soàn soạt, hàng tập. Đến kỳ nộp thóc thuế, bà con hàng xóm nghĩ bụng: không trồng lúa mạch thì nộp táo à? Đương nhiên không thể nộp táo. Táo đắt hơn lúa mạch. Ông Tào ra chợ mua lúa mạch, có cả lúa ăn và nộp thuế không tốn bao nhiêu, thu nhập ngang với những chủ ruộng chỉ biết bỏ sức ra hùng hục kéo cày. Năm thứ ba lại thêm một số đào. Năm thứ tư lại thêm một số hạnh. Năm thứ năm lại thêm một số lê. Giá qủa tươi thì lại cứ

tăng vòn vọt. Ông Tào phất dần lên, bắt đầu ăn ngon và uống rượu, phá nhà ngói xây nhà tầng, cứ như là ông có con đàn cháu đống phải tính về lâu về dài. Ông Tào nhiều tiền lắm, song vẫn như xưa, chẳng ai mượn nổi một trinh. Ông không gửi ngân hàng, sợ nhà nước sau này khất lần không đòi được. Yên trí nhất là để trong tủ, tủ có khóa, cổng cũng có khóa. Vẫn chưa yên tâm, ông còn nuôi chó giữ, vừa giữ nhà vừa coi vườn. Con chó nhà ông giữ lắm. Gà nhà ai vào sân là nó xé xác. Người lớn trẻ con không dám bén mảng. Nhà và vườn cây ông Tào là khu cấm, người ta mến mộ, người ta chửi rủa, song chẳng ai dám vào. Ông Tào cứ đủng đỉnh tích cóp tiền của "trời cho". Song thời gian gần đây ông thấp thỏm lo thầm. Theo Bão Tử , anh chàng thạo tin trong làng thì anh ta biết vì sao. Bão Tử là con thỏ dài chân dài tai, còn "Bão Tử" ở đây là tên người. Anh chàng có ưu điểm là giao du rộng, hiểu biết nhiều, thường phổ biến tin tức cho bà con ở những nơi mù mịt thông tin, lại nói năng hòa nhã, hỏi đâu biết đấy, thâm thúy mà dễ hiểu. Song có nhược điểm là nghe gió bảo mưa, hay nói qúa đi, thành thử tin tức của anh ta khó tránh khỏi thất thiệt. Bão Tử cũng là nông dân, lúc còn bé được học hết cấp 2, lại còn 3 năm đi lính rồi phục viên về làm ruộng. Do hay đi, lại dẻo mồm khéo miệng, việc đồng áng trễ nải, thu nhập vào loại trung bình kém. Khi nhà nước thu mua lương thực yêu nước thì đánh bài

chuồn, thường xin miễn giảm hay cứu tế. Dù Bão Tử có khá nhiều nhược điểm, song dân làng vẫn thích chuyện của anh. Người nhà quê thiếu kiến thức, song cũng biết chắt lọc. Trong những cuộc "họp báo", Bão Tử thường chủ động đặt vấn đề chứ không để người ta nêu câu hỏi, chẳng khác mấy bài tự sự trong các tích tuồng.

- Này, đố biết vì sao ông Tào buồn không nào?

- Vì sao ư? Buồn vì lắm tiền qúa không tiêu được chứ gì. - Có người đáp, giọng hằn học. Bão Tử gạt phắt:

- Không phải! - Anh liếc nhìn sang một bên. Ông Tào cũng có mặt, có điều là ngồi một mình, cách đám đông năm bước, đang tựa vào cây ngủ. Biết dù ông có ngủ cũng nghe rõ người bên cạnh nói đến "tiền", nên Bão tử thường giải thích: - Ông Tào buồn là vì...

Ai nấy dỏng tai nghe. Song Bão Tử lại bỏ lửng, quay sang người ngồi cạnh mượn diêm châm thuốc hút rồi thong thả nói tiếp. Song anh chàng lại nói tận đầu tận đâu, tưởng như vừa mới nghĩ ra. Ngắm nghía bao diêm vừa mượn, Bảo tử hất hàm hỏi:

- Diêm này bao nhiêu tiền một bao hở cậu?

- Tám hào. - Anh chàng kia uể oải đáp, nghĩ bụng: thằng cha này tán hươu tán vượn gì vậy?

- Thế ba năm trước đây mấy hào một bao? - Bão Tử hỏi lại.

- Hai hào. - Anh chàng kia lại đáp, nghĩ bụng: chuyện ấy ai chả biết.

Lúc này Bão tử mới gợi mở cho mọi người:

- Gấp mấy lần nhỉ? Bốn lần chứ gì. thế nghĩa là tám hào bây giờ bằng hai hào ,tám đồng bằng hai đồng, tám ngàn bằng hai ngàn đồng, tám vạn bằng hai vạn.Vậy sáu vạn đồng đi đâu? Chó xơi à?

Ai nấy ngây người, không cho là thật vì trong tay làm gì có tám vạn để chó ăn mất sáu vạn, bận tâm làm quái gì. Song không còn nghe thấy tiếng ngáy của ông Tào ngồi cách xa năm bước. Vậy là ai cũng rõ dụng ý của Bão Tử, họ mồm năm miệng mười:

- Người ta tình nguyện cho chó ăn thì sao nào?

- Mẹ kiếp, đau chết điếng đi ấy chứ, ngủ cũng chẳng ngủ được!

- Này, người ta tưởng cất tiền trong nhà sẽ có lãi, nào ngờ càng để càng ít đi...

Ông Tào vẫn ngồi im, hé một mắt liếc sang đám đông. Chẳng ai bắt chuyện với ông. Mắt Bão Tử chẳng thèm nhìn ông, song từng câu từng chữ cứ như chọc tận gan ruột ông.

- Thế mới gọi là lạm phát, đồng tiền mất giá? Là tiền không đáng tiền "bèo" lắm!

Bão Tử dùng cả từ mới lẫn từ cũ, ai cũng hiểu, còn dễ hiểu hơn loa đài cứ lải nhải đọc đi đọc lại. Những vị cao niên hẳn còn nhớ, "đồng kim nguyên"năm xưa "bèo" đến mức đi chợ mua chút đồ phải vác bó tiền lớn. Sau giải phóng đã hủy đi, trẻ con dùng để gấp quạt, các bà dùng làm giấy bồi.

- Cứ cái đà này trượt đi, chắc rằng sang năm còn "bèo" ghê "bèo" gớm. - Bão Tử kết luận và cũng dự báo trước tình hình. Ông Tào mở to hai mắt, sốt ruột nhìn Bão Tử: "Tôi đếch tin". Ông bắt chuyện.

- Không tin cứ việc đợi. - Bão Tử thư thả nói: - "bèo" đến mức không được nữa, thì nhà nước đổi tiền mới, mười đồng ăn một.

Ông Tào thừ người, nhẩm tính tài sản của ông nếu đổi như vậy, mười chỉ còn một thì mất đi bao nhiêu. Nhẩm tính xong ông tái mặt buột mồm:

- Mẹ kiếp, hết cách.

Ai nấy cười ầm lên, càng cười, lòng ông càng "bèo". Bão Tử thủng thỉnh nói:

- Trời không triệt nổi đường đi của con người đâu, vẫn còn cách chứ.

- Cách gì? - Ông phủi đít quần lại gần. Đây là lần đầu tiên ông khiêm tốn học hỏi người khác. Bão Tử đáp:

- Gửi ngân hàng. Ngân hàng hiện giờ đang giữ giá, nghĩa là giá hàng lên bao nhiêu bù cho ông bấy nhiêu. Nước lên thuyền lên. Ông lấy sớm lấy muộn, không để thiệt. Ông Tào xịu mặt không nói gì. Ông không tin ngân hàng, không muốn dùng cách ấy. Giao tiền cho nhà nước chẳng may không lấy lại được thì sao? Bão Tử biết ông nghĩ như vậy, bèn bày cách khác:

- Không thì đổi ra tiền nước ngoài.

Ông Tào nhìn chằm chặp hỏi:

- Tiền nước ngoài không "bèo" à?

- Không "bèo"! không mất giá đâu. - Bão Tử nói như đinh đóng cột: - Không những không mất mà còn lên đấy.

Ông Tào lại hỏi:

- Ở mình tiêu được tiền nước ngoài à?

- Xì! - Bão Tử nhổ nước bọt: - Tiền Trung Quốc không thể tiêu được ở nước ngoài, tiền nước ngoài lại rất có giá ở Trung Quốc. Thế giới vô lý như vậy đấy. Đồng yên Nhật, đồng đô la Mỹ, đồng bảng Anh, đồng mác Đức đều loại "cứng cựa" - tiêu vung khắp thiên hạ. Ông chẳng nghe ra cả "vốn nhập ngoại nhiều hơn nữa" đấy thôi. Đấy toàn là tiền nước ngoài. Hừ!Nếu thắt lưng mình có tám vạn đô-la, thì mẹ kiếp, có trời sập cũng dếch sợ. Mắt ông Tào sáng lên:

- Nếu... Tiền Trung quốc đổi ra đô-la Mỹ thì cũng một đổi một à?

- Ông tưởng dễ đấy! - Bão Tử nhạo lòng tham vô đáy và đầu óc hủ lậu của lão Tào. - Tiền của người ta có giá ông ạ! Theo bảng giá của nhà nước thì 3 đồng bảy hào ba xu phẩy mười bốn tiền Trung Quốc mới đổi được một đô-la (giá hối đoái lúc đó). Song ông phải có giấy chứng minh có nhiệm vụ ra nước ngoài, hoặc là người nước ngoài.

Mặt ông Tào tối sầm. Ông chẳng làm gì có chứng nhận ra nước ngoài, cũng chẳng phải người ngoại quốc.

- Không thì đổi chợ đen, tám đồng ăn một đồng. - Không để ông Tào thất vọng, Bão Tử lai gợi ý. Qủa nhiên ông Tào lại nuôi hy vọng:

- Ở đây cũng có chợ đen à?

- Bây giờ cái gì chả có chợ đen. - Một người nào đó chêm vào.

- Nghĩa là phải chịu thiệt. - Ông Tào lúng búng. Người ấy lại nói tiếp:

- Giá tư nhân đương nhiên đắt hơn giá nhà nước. Cái gì chẳng vậy, như lương thực ấy, giá nhà nước thu mua khác với giá bán chợ, hay như phân hóa học...

- Thôi! Thôi! Bão Tử chẳng cần ví dụ dài dòng, thấy

có thể chấm dứt "họp báo" , liền quăng bao diêm trả người bên cạnh đứng dậy nói một câu nhẹ nhõm:

- Nói vậy chú mình có tám vạn mười vạn gì đâu mà phải tìm nơi đổi đô-la cho mệt. Về thôi, cơm rồi còn đi cuốc đất.

Đám đông uể oải ra về, bỏ mặc ông Tào ngồi thẫn thờ một chỗ.

Hôm sau, ông Tào đi chợ huyện, tay không, chẳng mang theo thứ gì. Có lẽ ông đi thăm dò. Hôm sau nữa ông đi ô-tô đường dài lên tỉnh, vẫn tay không. Ông đã tăng cấp điều tra nghiên cứu, đại thể là chưa tìm được người đổi tiền ở chợ huyện.

Ngày thứ tư, ông Tào trở về, không phải một mình mà còn có một người lạ mặt đeo kính râm cưỡi con lừa điện (xe máy). Ông Tào ngồi đằng sau, ôm eo người lạ mặt. Xịch! xịch! xịch! xịch! xịch! Con lừa điện nhả khói đi vào làng. Người lớn trẻ con đổ ra đường xem, nháo nhác cả lên. Con lừa điện dừng lại trước cổng nhà ông Tào. Ông Tào xuống xe, hầm hầm quát:

- Xem cái gì! Xem cái gì! Xem cái gì! Nhà nào chẳng có khách, có người đến chơi!

Ai nấy tiu nghỉu tản đi, cười thầm trong bụng: "Tám đời nhà ông chẳng bao giờ có khách đến chơi! Chắc là

móc ngoặc gì với nhau đây". Bà Tào ra mở cổng. Con chó dữ bỗng xô ra, vừa vồ chân cắn người khách lạ. Anh ta sợ hết hồn hét toáng lên. Nghe giọng không phải người địa phương. Ông Tào đá con chó: "Mẹ kiếp! Đồ vô lễ". Con chó không cắn mà vẫy đuôi đến sát người khách lạ. Anh ta lấy ra khỏi xe máy một chiếc túi du lịch lép kẹp để hở cầm nhẹ nhàng trong tay. Cả ba người cùng con chó đi vào nhà. Lần đầu tiên có người xông vào khu cấm của ông Tào. Không phải xông, mà do ông Tào mời đến. Then cửa chính loảng xoảng rồi im ắng như tờ. Chừng ăn xong một bữa cơm, cánh cửa mở, ông bà Tào, con chó và người khách lạ bước ra. Túi du lịch của anh ta căng phồng, nặng có tới chục cân, không biết đựng thứ gì, chỉ thấy nó phồng lên, có góc có cạnh. Người khách đặt túi du lịch vào sau xe, buộc thật tử tế, vắt chân lên yên chào "bai, bai" rồi "xịch, xịch, xịch" lao vút đi. Lúc này Bão Tử cùng mấy cậu vô công dồi nghề đang đứng trước cửa nhà mình nhìn sang nhà ông Tào. Bão Tử bảo "bai, bai" là tiếng Mỹ, nghĩa là tạm biệt. Một chàng đứng cạnh bảo:

- Mẹ kiếp! Kỳ này một túi nặng. Kỳ sau phải dùng máy kéo. Ông Tào tiễn khách đi ra, quay vào nhà dặn vợ và con chó coi nhà rồi chắp hai tay sau đít thư thả đi về phía trước. Dường như ông muốn nói điều gì đó với người hàng xóm, xong lại không chịu nói. Lần đầu tiên nét mặt ông

tươi cười. Không ai bắt chuyện với ông, dường như chẳng thèm quan tâm đến ông.

Ba hôm sau, Bảo Tử lại "họp báo". Vẫn như mọi lần, ông Tào ngồi cách xa năm bước, tựa vào gốc cây ngáy khò khò. Ông không tách khỏi mọi người, song lại sợ mọi người làm phiền, nêm luôn giữ khoảng cách nhất định và tiếp xúc một cách dè chừng, làm người rộng rãi gặp nhiều phiền toái lắm.

Lần này, Bão tử vẫn tự "xưng danh" trước:

- Nghe đài chưa? Phát hiện có tiền giả ở chợ đấy. Tờ một trăm đồng ấy mà! In như thật, có điều là nhìn lên không thấy có ánh đầu người. Kỹ thuật chưa đạt yêu cầu. - Thế là người thích bắt truyện liền đáp:

- Tiền cũng giả à?

- Xì! - Bão Tử nhổ nước bọt dẫn chuyện: - Cái gì mà chẳng giả. Thuốc lá giả. Rượu giả, thuốc trừ sâu giả, phân hóa học giả, anh hùng lao động giả, vô tuyến truyền hình màu giả...

- Phải đấy! Phải đấy! - Ai nấy gật đầu tán thưởng. Những ví dụ ở sát nách như vậy dễ thuyết phục người ta nhất. Thế là cứ vậy mà suy ai cũng tin rằng trên đời này chẳng có cái gì mà không "thay xà đổi cột" được, cái giả đã làm rối loạn cái thật. Rồi từ trong nước người ta liên

hệ ra nước ngoài. Lại có tiếng hỏi:

- Tiền nước ngoài có giả không?

- Sao lại không! - Bão Tử trả lời dứt khoát: - Có thể làm được tiền trong nước, thì cũng có thể làm được tiền nước ngoài.

Đang tựa lưng vào gốc cây ngáy khò khò, ông Tào bỗng tỉnh hẳn. Song ông không mở mắt, chỉ lắng nghe. Ông có ý định không tỏ ra quan tâm lắm đến chuyện này để tránh người ta bảo ông có tiền nước ngoài trong tay. Song nghe Bão tử nói tiền nước ngoài cũng có thật giả, ông đâm băn khoăn.

Bên kia, dường như chẳng ai hề chú ý đến sự tồn tại của ông, cuộc "họp báo" vẫn tiếp tục.

Hỏi: - Có phân biệt được tiền thật tiền giả không?

Trả lời: - Người thường thì không phân biệt được, song giấu sao nổi con mắt của các nhà chuyên môn.

Hỏi: - Thế anh có phân biệt được không?

Trả lời: - Năm kia có việc ra tỉnh tìm hiểu chính sách chiếu cố quân nhân phục viên, tôi gặp thủ trưởng cũ. Ông có đưa tiền Nhật và đô-la cho tôi xem, còn bày cách nhận mặt tiền giả tiền thật.

Nói rồi Bão Tử đứng dậy bảo: "Về cơm thôi". Ông Tào muốn giữ anh ta lại. May có người chưa thỏa ý tò mò,

ngăn Bão Tử lại:

- Khoan đã nào! Chuyện dở dang lại bỏ về. Làm thế nào thì biết tiền thật tiền giả?

Bão Tử vẫn bỏ về, ném lại một câu rất nghiêm chỉnh:

- Hỏi làm gì? Cậu lại chẳng có tiền nước ngoài? Không nói được. Bí mật quốc tế.

Ai nấy thất vọng. Thất vọng hơn cả là ông Tào chưa hỏi được câu nào. Nhưng ông không chạy theo để hỏi. Ông phải suy đoán đã.

Ba ngày sau. Lúc gần trưa, ai nấy đều đã thấm mệt, chưa đến giờ cơm, Bão tử đã vác cuốc cắm đầu cắm cổ ra về. Lúc này đầu thôn vắng người. Trẻ con còn ở trường, người lớn đang ở ngoài đồng, các bà thì bận bếp núc. Ông Tào xuất hiện đột ngột làm Bão Tử giật mình:

- Bão tử ơi! Tôi có chút việc nhờ cậu đây. - Ông Tào nói rất khẽ.

- Cháu giúp gì được ông? Ăn qủa hộ ông à? - Bão Tử đã dùng đến ngón võ "gậy ông đập lưng ông". Ông Tào xưa nay thường đối xử với người đến nhờ vả ông như vậy.

- Chờ hái đào tươi, cậu lấy một sọt về mà ăn. - Ông Tào nghiễm nhiên tỏ ra rộng rãi chứng tỏ đang có việc lớn việc gấp. Nhìn chung quanh, biết chắc không có người thứ ba, ông cẩn thận rút trong túi ra tờ giấy bạc, hai tay

nâng truớc mặt Bão Tử:

- Cậu xem hộ. Tờ này... chắc không phải bạc giả?

Bão tử chống cuốc, cầm đông tiền xem rồi nói:

- Đô-la à! Tờ một trăm đồng đây.

Ông Tào gật đầu:

- Ừ! Cậu xem kỹ giúp...

Thế là Bão Tử hết sờ, lại vuốt, rồi liếm một cách cẩn thận, lật đi lật lại chừng hút hết điếu thuốc, không trả lời, chỉ hỏi:

- Ông tài thật. Nhân dân tệ đổi lấy đô la à? Tỷ giá thế nào? Ông Tào chẳng hiểu mô tê ra sao, Bão tử liền giải thích:

- Ti giá, nghĩa là mấy đồng đổi lấy một đồng.

- Ông Tào lấy ngón tay bấm bấm đầu ngón tay của Bão Tử: "Thế này này".

- Được đấy, - Bão Tử nhìn ông khen: - Sáu ăn một, ông được lời.

Ông Tào hớn hở, song chưa yêu tâm, bèn hỏi:

- Không giả chứ!

Bão Tử trả lời lạc đề hẳn:

- Ông đổi tất cả bao nhiêu?

- Tôi... Đương nhiên ông Tào không chịu công bố số

tài khoản riêng liền nói qua quít cho xong: - Nhà có vài ba đồng tôi đổi hết. Sợ "bèo"! Cậu khẳng định không giả chứ?

Bão tử trịnh trọng trao lại đồng tiền cho ông và nói:

- Tôi xem rõ rồi! Ông cứ yên tâm và cũng đừng quên sọt đào tươi đấy!

- Quên là quên thế nào. Quân tử nhất ngôn, nói sao làm vậy chứ!

Ông Tào vui vẻ trả lời, cất tiền vào túi đi về. Đổi một sọt đào tươi lấy "một viên an thần" có đáng không! Đáng chứ.

Chờ ông Tào đi xa, Bão Tử vác cuốc không về mà quay ra đồng, phải "họp báo" ngay mới được. Vừa đi, Bão Tử vừa cao hứng cất giọng hát cái bài hát đã học hồi còn ở bộ đội: "Nghĩ tới một chuyện vui chết mất thôi! Nếu anh hỏi tôi việc gì thế, việc gì? Hỡi ơi! Vui chết mất, vui chết mất thôi...".

Việc gì mà Bão Tử vui thế? Vui vì đồng đô-la ở trong tay ông Tào. Không biết trong nhà ông còn bao nhiêu đồng như thế? Đồng tiền ấy... đồng tiền ấy in rất đẹp, chỉ có điều là ở giữa có con dấu in hai chữ Trung Quốc: Đô-la.

VŨ CÔNG HOAN *dịch* (Theo tạp chí Tháng 10, số 3-1990)

CÔNG CHÚA NAM KHANG

Hoàn Ôn trước đã có vợ là Nam Khang công chúa, con gái vua Minh đế nhà Hán. Sau Hoàn-Ôn sang đánh dẹp nước Thục lại lấy con gái của Lý-thế là một *nhà quyền qúi* nước Thục mang về làm thiếp.

Lúc về nhà, công chúa biết chuyện, nổi cơn ghen liền cầm gươm và đem theo mấy người nàng hầu, xăm xăm đến chực chém chết Lý-thị. Lúc đến nơi, công chúa thấy Lý-thị ngồi trước cửa sổ chải đầu, tóc rũ chấm đất, *dung nhan tư mạo doan trang* tươi đẹp. Lý-thị thong thả vấn tóc, lượm tay, đến trước công chúa thưa rằng:

- Nước tôi mất, nhà tôi tan, tôi qủa vô tâm mà hóa ra đến đây. Được bà chém cho, thật cũng thỏa lòng tôi mong mỏi.

Lý-thị khi nói, mặt trông nghiêm chỉnh ung dung, tiếng nghe êm đềm thấm thía.

Công chúa thấy vậy, ném gươm xuống đất, ôm lấy nàng mà nói rằng:

- Này em ơi! Chị đây thấy em còn phải yêu, phải thương,

huống chi là lão già nhà ta.

Rồi tự đấy, công chúa rất *trọng đãi* Lý-thị.

THẾ-THUYẾT
(Trích cổ học tinh hoa)

Giải nghĩa: · Hoàn Ôn: *Người đời nhà tấn, làm quan đến chức Đại-tư-mã uy quyền lừng lẫy, thường hay nói câu:* ."Tài trai chẳng có thể để tiếng thơm trăm đời cũng không nên để tiếng xấu muôn năm". Chữ Hán là:

Nam tử bất năng lưu phương bách thế; diệc đương di xú vạn niên. Thục/nước ở vào vùng Thành-đô, thuộc tỉnh Tứ-xuyên ngày nay.

NGỌC BÍCH HỌ HÒA

Nước Sở có người họ Hòa, được một hòn ngọc ở trong núi, đem dâng vua *Lệ vương*. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: "Đá, không phải là ngọc". Vua cho người họ Hòa là nói dối, sai chặt chân trái.

Đến khi vua *Vũ-vương* nối ngôi, người họ Hòa lại đem ngọc ấy dâng. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: "Đá, không phải ngọc". Vua cho là họ Hòa nói dối sai chặt nốt

chân phải.

Đến khi vua *Văn-vương* lên ngôi, người họ Hòa ôm hòn ngọc, khóc ở chân núi Sở-sơn suốt ba ngày ba đêm đến chảy máu mắt ra. Vua thấy thế, sai người đến hỏi. Người họ Hòa thưa: "Tôi khóc không phải là thương hai chân tôi bị chặt, chỉ thương về nỗi ngọc mà cho là đá, nói thật mà cho là nói dối". Vua bèn cho người xem lại cho rõ kỹ, thì qủa nhiên là ngọc thật, mới đặt tên gọi là "*ngọc bích họ Hòa*"

HÀN PHI TỬ
(Cổ học tinh hoa)

Giải nghĩa: Sở: ở phía nam sông Dương Tử. Lệ-vương, Vũ-vương, Văn-vương: ba vua kế tiếp ở nước Sở. Ngọc bích: Thứ ngọc rất đẹp, rất qúy và hiếm có.

Lời bàn: Người ta ở đời thường mù mịt của thật cho là của giả, sự phải ngờ là sự trái. Hoặc có ai biết cái lẽ phải, muốn đem ra bày tỏ, mà thiên hạ không biết cho, lại còn mai mỉa, thì thật là khổ tâm. Người họ Hòa không đau vì nỗi hai chân bị chặt, chỉ đau vì nỗi ngọc mà cho là đá, nói thực mà cho là nói dối, qủa là một người vì yêu cái thực, cái phải, cố làm cho sự thực, sự phải phá đổ được sự u mê của người đời.

GÀ CHỌI

Vua Tuyên-vương sai Kỷ-Sảnh nuôi một con gà chọi.

Dược mười hôm, vua hỏi: "Gà đã đem chọi được chưa?". Kỷ-Sảnh thưa:"Chưa được. Gà hăng lắm, chưa thấy gà khác đã muốn chọi rồi."

Cách mười hôm vua hỏi: "Gà đã đem chọi được chưa?" Kỷ Sảnh thưa: "Chưa được. gà còn hăng, mới thấy bóng gà khác đã muốn chọi rồi."

Cách mười hôm, vua lại hỏi: "Gà đã đem chọi được chưa?". Kỳ-Sảnh thưa: "Chưa được. Gà còn hơi hăng trông thấy gà khác đã muốn chọi rồi".

Mười hôm sau, vua lại hỏi: "Gà đã đem chọi được chưa?". Kỳ-Sảnh thưa: "Được rồi, gà bây giờ, cho nghe thấy tiếng gà khác, cũng không cho vào đâu. Trông, thì tựa như gà gỗ, mà thực, thì đủ các ngón hay, gà khác coi thấy cũng đủ sợ, phải lùi chạy."

TRANG-TỬ
(Cổ học tinh hoa)

Giải nghĩa: Nuôi: dịch ở chữ "dưỡng" ra tức là bồi bổ mà ta thường gọi là vỗ. Tuyên-vương: Đây là Tuyên-vương nước Tề. Gà gỗ: chữ là mộc kê. Các nhà làm văn hay dùng

hai chữ ấy để khen những bậc học tập, tu dưỡng được hoàn toàn, không có gì bộ lộ ra ngoài.

DÙNG CHÓ BẮT CHUỘT

Nước Tề có người xem tướng chó giỏi. Nhà láng giềng nhờ mua một con chó hay bắt chuột. Một năm trời anh ta mới mua được, bảo nhà làng giềng: "Con chó này tốt đấy".

Nhà láng giềng nuôi con chó mấy năm mà không thấy nó bắt chuột, mới nói chuyện với anh ta. Anh ta bảo: "Con chó tốt lắm đấy. Nhưng cái *chí* nó chăm bắt hươu, nai, cày cáo, chó không muốn bắt chuột. Bây giờ muốn cho nó bắt chuột thì phải cùm chân sau nó lại."

Nhà làng giềng làm theo như thế, qủa sau con chó hay bắt chuột.

LÃ-THỊ XUÂN-THU
(Cổ học tinh hoa)

Giải nghĩa: nước Tề: Một nước trong thời chiến quốc. Chí: lòng chuyên để làm việc gì.

TRANG TỬ

TÔI ĐÓNG VAI KHÁCH SAO

Vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho Hứa Do [1], bảo:

- Mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện, đuốc làm sao còn sáng được nữa mà không tắt đi? Mưa đã đổ mà còn tưới ruộng làm gì cho phí sức? Phu tử[2] mà lên ngôi thì nước sẽ trị; tôi còn giữ hư vị này (như người đại diện cho người chết trong tang lễ), tự lấy làm xấu hổ. Tôi xin giao thiên hạ cho phu tử.

Hứa Do đáp:

- Nhà vua trị nước, mà nước được bình trị. Bây giờ tôi lên thay, thế là cầu danh ư? danh là khách của cái thực[3] tôi đóng cái vai khách sao? Con chim tiêu liêu (một loài chim nhỏ), làm ổ trong rừng, chiếm bất qúa một cành cây; con "yển thử" [4] uống nước sông, bất qúa đầy bụng thì thôi. Xin nhà vua cứ giữ ngôi. Tôi có biết dùng thiên hạ

(1) Hứa Do là một ẩn sĩ thời cổ, tự là Vũ Trọng, tương truyền vua Nghiêu nhường ngôi cho ông, ông không nhận, trốn vào núi ở.

(2) Vua Nghiêu trọng Hứa Do như bậc thầy mình nên gọi như vậy.

(3) Nghĩa là danh chỉ là hư, chứ không phải là thực.

(4) Yển có nghĩa là tiềm phục, nép.

làm gì đâu. Nếu người bếp mà không biết nấu nướng thì người đại diện cho người chết [1] và người chủ tế cũng không bỏ chức vụ của mình mà thay người bếp được.

NGƯỜI LÊN NÚI CÔ DẠ

Kiên Ngô hỏi Liên Thúc [2]:

- Tôi thấy Tiếp Du [3] nói những lời khoa đại mà không xác thực, đi mà không trở về [4] tôi sợ rằng những lời đó không biết đâu là cùng như dải Ngân hà, quái đản, bất cận nhân tình.

Liên Thúc hỏi:

(1) Nguyên văn là thi, người đại diện người chết trong tang lễ để con cái khi tế thấy như cha mẹ còn ngồi đó; do đó mà sau trỏ cái thây.

(2) Kiên Ngô và Liên Thúc là những hiền nhân thời cổ. Nhưng không chắc có thực, có lẽ Trang Tử tưởng tượng ra cả. Những bài như bài này chỉ nên coi là ngụ ngôn.

(3) Tiếp Dư: (có nghĩa là người đi sau xe) tương truyền là một ẩn sĩ nước Sở, đồng thời với Khổng Tử, cày ruộng lấy mà ăn, làm bộ điên khùng, nên cũng gọi là Sở cuồng (người cuồng nước Sở). Họ Lục, tên Thông. Vua Sở nghe tiếng ông, sai sứ giả tặng ông một trăm dật vàng mời ông giúp nước, ông cười mà không nhận. Sau cả hai ông bà đều bỏ nhà đi đâu không biết.

(4) Nguyên văn: vãng nhi bất phản; các sách tôi có đều không giảng. Tôi đoán nghĩa là: cứ nói phứa đi, không nghĩ lại. Nếu hiểu là bỏ nhà đi đâu không biết thì mấy chữ đó lạc lõng, chơ vơ.

- Ông ấy nói gì?

- Trên núi Cô Dạ xa xôi, có thân nhân ở, da họ trong trắng như băng tuyết, họ đẹp đẽ, mềm mại như gái trinh. Họ không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương mà sống; họ cưỡi mây và rồng bay mà đi chơi khắp ngoài cõi bốn bể. Họ định thần mà làm cho vạn vật không bị bệnh tật, mùa màng năm nào cũng trúng. Tôi cho là nói bậy, không tin [1].

Liên Thúc bảo:

- Đúng vậy! Kẻ đui không thấy được những màu sắc, đường nét đẹp đẽ, kẻ điếc không nghe được tiếng chuông, tiếng trống. Nào phải chỉ hình hài mới đui điếc, trí tuệ cũng đui diếc nữa. Lời đó là nói về anh đấy. Những thân nhân đó có đức cao nên hòa đồng được với vạn vật. Người đời có cầu họ trị nước, họ cũng không thèm. Chịu khó nhọc về việc cõi tục này. Không có vật gì có thể làm hại họ được; nước có dâng lên tới trời, họ cũng không bị chết đuối; trời có đại hạn tới nỗi kim thạch chảy ra, cháy cả rừng núi, đồng ruộng, họ cũng không thấy nóng. Dùng những trần cấu, cặn, bã của họ có thể tạo thành những người như Nghiêu, Thuấn. Họ đâu có chịu lo những việc trần tục của chúng ta.

(1) Đoạn này có trong bộ *Liệt tử* do tôi dịch, trang 167-168.

Một người nước Tống đem mũ tế qua nước Việt bán. Nhưng người nước Việt cắt tóc, xăm mình, đâu có dùng những mũ ấy.

Vua Nghiêu trị dân, bình định hải nội rồi, bèn lên núi Cô Dạ ra mắt bốn hiền nhân (là Húa Do, Niết Khuyết, Vương Nghê, Bị Y). Khi trở về tới phía bắc sông Phần[1] ông không biết gì nữa, quên mất thiên hạ của ông[2]

TRÁI BẦU

Huệ tử[3] bảo Trang tử:

- Vua Ngụy cho tôi hột một giống bầu lớn, tôi đem trồng được những trái chưa được năm thạch [4]. Dùng cả một trái để chứa nước thì nó không đủ cứng để chịu được, khiêng đi sẽ bể; nếu xẻ nó thành nhiều phần thì lại nông qúa, không chứa được bao nhiêu. Thành thử tuy nó lớn

(1) Sông Phần nay ở tỉnh Sơn Tây.

(2) Vì bị bốn hiền nhân đó cảm hóa, không muốn trị dân theo chính sách hữu vi của mình nữa, mà chỉ muốn vô vi.

(3) Tức Huệ Thi, sinh khoảng -370 mất khoảng -300, có thể lớn hơn Trang tử độ mười tuổi, học theo phái Mặc tử, làm tướng quốc nước Lương, học rộng, chơi thân với Trang tử, được Trang tử rất trọng.

(4) Một thạch bằng một trăm thưng, khoảng mười đấu.

mà vô dụng, cho nên tôi đã đập bỏ.

Trang Tử bảo:

- Vậy là ông vụng sử dụng những vật lớn rồi. Một người nước Tống chế được một thứ thuốc bôi ngón tay cho khỏi nứt nẻ. Gia đình người đó đời đời làm công việc đập lụa. Một người lạ hay tin, lại trả một trăm đồng tiền vàng để mua phương thuốc. Người đó họp cả họ lại, bảo: "Chúng ta đời đời đập lụa, chỉ kiếm được vài đồng tiền vàng. Bây giờ chỉ trong một buổi có thể thu được một trăm đồng. Nên bán cho họ đi". Người lạ kia được phương thuốc rồi, lại thuyết phục vua Ngô. Lúc đó nước Việt đang gây chiến với Ngô, vua Ngô bèn phong người đó làm tướng. Mùa đông, hai bên thủy chiến với nhau, Việt đại bại[1] phải cắt đứt cho Ngô, vua Ngô đem đất đó phong lại cho ông ta.

Cùng dùng một thứ thuốc mà người thì được phong đất, kẻ vẫn phải đập lụa, chỉ vì cách dùng khác nhau. Nay ông có trái bầu chứa được năm thạch, sao không nghĩ cách dùng nó làm một trái nổi để qua sông, hở? Phàn nàn rằng xẻ ra thì nó nông qúa, không chứa được gì, chính là vì lòng của ông không đạt[2] đấy.

---

(1) Vì thủy quân nước Việt không có thuốc đó, tay nứt nẻ cả, không chiến đấu được.

(2) Nguyên văn: Hữu bồng chi tâm. Liou Kia hway dịch là esprit léger, nhẹ dạ, không biết suy tính.

CÀ SA TRANH ĐOẠT KÝ

Thuần Tú tự nhận ngoài mình ra không ai là người có thể làm được trưởng môn đời thứ 6 của phái Thiền Tông. Nhưng chưa lo liệu được cái địa vị đó thì y bát và quyền lực đã rơi vào tay một tăng nhân giã gạo. Do đó mà có sự tranh đoạt áo cà sa.

"Y bát tuyên truyền" là một câu thành ngữ mà nhiều người đều biết Trong thành ngữ, Y là y phụcbằng vải khoác ngoài của tăng nhân mặc trong nghi thức tôn giáo, gọi là cà sa. Bát là bát lớn lúc tăng nhân dùng để xin bố thí(tiền tài, thực phẩm, vật phẩm). Xưa kia tăng nhân chủ trì giáo phái đã tuyển định người sau thừa kế mình, bèn đem những vật phẩm đó của mình truyền thụ lại cho người đó, coi là bằng chứng truyền ngôi chính thống. Các tăng nhân vì muốn tranh làm lãnh đạo giáo phái thường liều chết tranh đọt y bát truyền đời. Dưới đây là câu chuyện xảy ra hơn 1300 năm.

Khoảng cuối thời kỳ Nam Bắc triều, có một nhà sư bên Thiên Trúc từ đường biển đến Trung Quốc truyền giáo tên là Đạt Ma. Đầu tiên ông ở miền Nam, sau lên miền

Bắc. Ông ta tự gọi mình là truyền nhân đời thứ 28 của Phật giáo Thiền Tông, ông còn đem một chiếc áo cà sa ra và bảo đó là Thiền Tông khai sơn sư tổ truyền cho. Đạt Ma ở những năm cuối đời đã chọn được một đệ tử tên là Tuệ Khả, muốn lập làm pháp tự(kế thừa, nối dõi). Ông muốn Tuệ Khả biểu thị lòng thành xả thân vì Phật, Tuệ Khả đã tự chặt một cánh tay để biểu thị quyết tâm. Lúc đó Đạt Ma mới chính thức đem cà sa Thiên Trúc truyền thụ cho ông ta. Sau này Tuệ Khả lại truyền áo cho Tăng Xán. Tăng Xán truyền cho Đạo Tín là đời thứ tư. Đời thứ năm truyền cho Hoằng Nhẫn. Lúc đó đã là những năm đầu thời nhà Đường.

Hoằng Nhẫn ở núi Song Phong huyện Hoàng Mai tỉnh Hồ Bắc truyền giáo, tăng đồ có hơn 1000 người. Một hôm Hoằng Nhẫn muốn tuyển người thừa kế, ông lệnh cho các tăng đồ kiến giải mọi sách, viết thành kệ để ông xem. Một đệ tử được Hoằng Nhẫn coi là người có nhận thức sâu sắc nhất trong các môn đồ tên là Thần Tú. Các đệ tử đều tự biết mình không phải là người được chọn, bèn nhất trí tôn sùng Thần Tú viết kệ. Mấy ngày sau, Thần Tú viết xong. Viết rằng:

Thân thị bồ đề thụ,

Tâm như minh kính dài

Thời thời cần phất thức,

Mặc sử hữu trần ai

Nghĩa là: Thân mình là cây bồ đề, tâm mình là tấm gương sáng. Lúc nào cũng phải lau phủi sạch sẽ, khiến cho không bao giờ có bụi trần.

Sau khi xem bài kệ, Hoằng Nhẫn nói với Thần Tú rằng:"Bài kệ này của con mới chỉ đến được trước cửa mà vẫn chưa thể vào được cửa. Hãy trở về suy nghĩ rồi viết ra như vào được cửa, ta sẽ truyền pháp y cho con".

Thần Tú về phòng lao tâm khổ tứ nhiều ngày, cuối cùng vẫn không viết ra được bài kệ mới.

Lúc đó có một hành giả(tăng nhân buộc tóc) tên là Tuệ Năng. Ông ta không biết chữ, nhờ người viết lên tường một bài kệ rằng:

Bồ đề bản vô thụ,

Minh kính diệp vô đài.

Phật tính thường thanh tịnh ,

Hà xứ nhiễm trần ai.

Nghĩa là: Bồ đề vốn không có cây, trong sáng cũng không chi là gương.

Bản tính của Phật thường trong sạch sao có chỗ nhiễm bụi trần.

Kế tiếp, lại thêm một bài kệ nữa rằng:

Tâm thị bồ đề thụ,

Thân vị minh kính dài.

Minh kính bản thanh tịnh,

Hà dắc nhiễm trần ai.

Nghĩa là: Tâm cây bồ đề, bản thân là tấm gương sáng.

Gương sáng vốn trong sạch, sao nhiễm đọt bụi trần.

Tuệ năng xuất phát từ lý tưởng cao siêu của nhà Phật đã làm ra bài kệ rất sâu sắc. Thần Tú tuy là Cao tăng nhưng nghiên cứu vào lĩnh hội chưa sâu, cho là trên đời còn có bụi trần cần phải luôn luôn lau chùi. Tuệ Năng thì cho rằng Phật tính(chỉ Thân tâm Phật) là không thể nhiễm bụi trần. Không thể tự nhiên lau chùi cọ sát.

Tinh thần cơ bản của Thiền tâm là" Kiến tính thành Phật", ai lĩnh ngộ được"tính" đó thì người đó có thể thành Phật. Do đó, Tuệ Năng tự nhiên trở thành người được truyền áo cà sa đời thứ 6 của phái Thiền Tông ở Trung Quốc. Hoằng Nhẫn đã bí mật giảng dậy cho Tuệ Năng kinh Kim cương và mang áo cà sa tổ truyền truyền thụ cho ông ta.

Tuệ Năng ở trong chùa địa vị rất thấp mà lại được truyền thụ áo cà sa thì tất sẽ có người đến mưu hại ông ta để đoạt áo. Vì thế Hoằng Nhẫn đã lệnh cho ông ta phải cấp tốc trở về Nguyên quán ở Tân Châu (nay là

huyện Hưng Tân tỉnh Quảng Đông). Sau khi Tuệ Năng đi được ba ngày Hoằng Nhẫn mới tuyên bố Tuệ Năng đã về Nam. Chúng tăng đồ biết Tuệ năng đã mang áo cà sa đi về phía Nam lập tức đuổi theo. Có một người đuổi theo gặp Tuệ Năng ở trên núi Đại Dữu Sầm (giữa Giang Tây và Quảng Đông) tên là Huệ Minh. Tuệ Năng bèn giao Pháp y cho Huệ Minh. Huệ Minh biết rõ mình là tăng nhân bình thường , không thể nhận pháp vật đó bàn nói với Tuệ Năng: "Tôi không phải vì pháp y mà đến đây, tôi đến để muốn biết mật tin sở truyền của hoà thượng Hoằng Nhẫn thôi". Tuệ Năng liền nói hết sự thật. Lúc đấy Huệ Minh mới vừa lòng và muốn Huệ Năng khẩn cấp rời đi. Hôm sau, mọi người đuổi theo lục tục kéo đến núi Sầm. Huệ Minh nói với họ rằng:"Tôi đến đây đợi đã lâu mà chưa thấy Tuệ Năng tới". Mọi người tìm người Sầm Nam đến hỏi , họ cũng nói chưa từng trông thấy Tuệ Năng. Có lẽ còn chưa đến được đất này, Những người đuổi theo quả nhiên tin là thật, quay về đường cũ, vừa đi vừa tra hỏi tỷ mỉ.

Tuệ Năng được sự giúp đỡ của Huệ Minh, thoát được những người đuổi theo. Bất đắc dĩ lại quay về Sầm Nam, mai danh ẩn tích ở trong rừng núi tới 16 năm.

Thời đó ở Quảng Châu có một ngôi chùa tên là Chế Chỉ. Cao tăng trụ trì trong chùa là Ấn Tông pháp sư (Tông

phái Ấn Độ) thường giảng kinh bố đạo, xung quanh có hơn một nghìn chúng tăng ngồi nghe. Tuệ Năng thấy tình hình dần dần trở lại bình thương cũng đến chùa, ở lẫn trong chúng tăng nghe kinh. Một hôm, có mấy tăng nhân biện luận lý lẽ về sự *động* của cờ phướn (cờ treo ở trước cửa miếu chùa). Tăng nhân này nói vì có gió mà cờ bay *(động)*. Tăng nhân khác lại nói gió và cờ phướn là vật vô tình, làm sao mà *động* được? cứ như thế họ cãi nhau mãi không thôi. Tuệ Năng bèn lớn tiếng nói rằng: "Các người nói đây *động*, kia *động*, đều chẳng qua là đã tự bày ra cái tâm *động* của mình!" Ấn Tông pháp sư ở nội thất nghe thấy, rất kinh ngạc. Vội vàng tìm gặp Tuệ Năng, thu nhập làm đồ đệ trong chùa. Sau nhiều ngày, qua điều tra mới biết Tuệ Năng là người được truyền Y pháp Thiền Tông, lập tức bái Tuệ Năng làm thầy. Tuệ Năng được Ấn Tông ủng hộ và tôn sùng. tự lập môn đệ riêng gọi là Nam Tông.

Thần Tú tuy không được Đạt Ma truyền áo nhưng vẫn coi như thủ lĩnh Thiền Tông ở miền Bắc, gọi là Bắc Tông. Công nguyên năm 691, nhà Đường do Võ Tắc Thiên trị vì rất tôn sùng Phật, bà cho người đón Thần Tú đến Quốc đô Trường An. Công nguyên năm 696, tôn Thần Tú làm Quốc sư, Thần Tú liền cử Tuệ Năng. Võ Tắc Thiên cho sứ giả đến nghênh đón Tuệ Năng vào kinh. Tuệ Năng sợ miền bắc có nguy hiểm. Thác rằng bị bệnh và kiên quyết

từ chối không theo. Sứ giả không khách khí, đòi lấy áo cà sa tổ truyền. Tuệ Năng không biết làm sao được, đành phải lấy ra hiến. Võ Tắc Thiên tặng cho Tuệ Năng 500 tấm lụa để trả cho chiếc áo cà sa mà mình lấy. Tuệ Năng tuy phải đổi cà sa nhưng vẫn được coi là dòng Thiền Tông chính thống của Đạt ma sở truyền. Cũng từ đó không còn tái truyền áo cà sa theo nghi thức chính thống nữa.

Võ Tắc Thiên sau khi lấy được áo cà sa của Đạt Ma, chẳng bao lâu có ý muốn tặng cho người khác. Một hôm, Võ tập hợp các đệ tử của Hoằng Nhẫn là Thần Tú, Huyền Ước, Tuệ An, Trí Tiên... đến hỏi rằng: "Các người có muốn áo cà sa không?", chỉ có Trí Tiên đáp có muốn. Võ lại hỏi: "Vì sao lại muốn?", Đáp: "Sinh tắc hữu dục, bất sinh tắc vô dục" (đã sinh ra thì muốn, không sinh ra thì không muốn). Võ Tắc Thiên cho là Trí Tiên trả lời đúng, bèn tặng áo cà sa Đạt Ma cho ông ta. Trí Tiên sau khi được áo, sợ bị giết cướp áo. Cất giấu kĩ, lo hỏng, mãi đến trước khi chết mới bí mật truyền lại cho người khác.

PHẠM MINH HẢI
(*dịch* từ Độc Giả Văn Trích)

ĐỖ TỬ XUÂN

(Truyền kỳ thời Đường)

Ngày trước có một người tên là Đỗ Tử Xuân, là trang thiếu niên anh tuấn, giỏi giang; chỉ phải chơi với nhiều bạn bè rượu thịt nên suốt ngày lang thang tán phét, nhậu nhẹt chơi bời, chẳng để tâm đến mọi việc. Dần dần tiêu sài hết gia sản của tổ tiên để lại, anh ta lần đến họ hàng bạn bè để mượn tiền nhưng ai nhìn thấy kẻ phá gia chi tử ấy cũng đều quay mặt đi, không cho vay. Mùa đông đến, Đỗ Tử Xuân cũng chỉ có manh áo mỏng sờn rách để mặc, vác cái bụng trống rỗng lượn lờ quanh thành Tràng An. Đi suốt từ cổng Đông sang cổng Tây cũng chẳng có ai để ý đến. Trông một kẻ lụn bại đến vậy không ai thiết nhắc.

Hôm ấy, Đỗ Tử Xuân vừa đi vừa thở than thì thấy một cụ già chống gậy đi tới, cụ ân cần hỏi han:

- Này chàng trai, có chuyện gì mà thở than vậy!

Đỗ Tử Xuân chợt hoe hoe con mắt, đem chuyện mình ra kể một lượt, nói đến người đời lạnh nhạt anh lại càng buồn bã rầu rĩ khôn nguôi.

Cụ già hỏi:

- Con cần bao nhiêu tiền mới đủ dùng!

Đỗ Tử Xuân đáp:

- Có ba vạn rưỡi là sống được rồi!

Cụ già lắc đầu:

- Không đủ, không đủ. Con nói lại coi!

- Vậy thì mười vạn!

- Mười vạn cũng chưa đủ.

- Một trăm vạn.

- Một trăm vạn chưa đủ.

- Ba trăm vạn.

Lúc ấy cụ già mới mỉm cười bảo: "Ồ, cũng gần đủ rồi!". Nói xong cụ rút trong tay áo ra một chuỗi tiền đồng đưa cho Đỗ Tử Xuân và bảo:

- Ta đưa trước cho con chừng này. Liệu có đủ tiêu tối nay không? Trưa mai ta chờ con ở dinh Ba tư thành Tây, con chớ có lỡ hẹn!

Đỗ tử Xuân nằm mơ cũng không thể tưởng tượng được bỗng nhiên lại gặp một con người rộng rãi đến thế, nên đã cảm tạ hết lời và sung sướng phát cuồng lên. Hôm sau, đúng giờ hẹn, anh ta đi gặp cụ già. Ông cụ không nhiều lời, đưa luôn cả ba trăm vạn đồng. Rồi khoát tay đi luôn,

đến xưng danh cũng không.

Có tiền rồi, căn bệnh cũ của Đỗ lại trỗi dậy. Đám bạn rượu thịt kia phong thanh nghe tin liền kéo đến như đám ruồi nhặng bu quanh miếng thịt thối, xua cũng chẳng đi. Cả cái đám ấy lũ lượt vào ra quán rượu, lầu xanh, nhoáng cái đã hai năm, món tiền ba trăm vạn sạch trơn.

Đỗ Tử Xuân lại bán dần bán mòn gia sản sống qua ngày. Lúc đầu bán ngựa, mua con lừa, sau rồi kẻ súc sinh bán cả lừa đi bộ. tài sản bán hết rồi, Đỗ lại lang thang trên phố.

Lang thang mãi, Đỗ lại gặp cụ già năm nào. Cụ quan tâm thăm hỏi:

- Thế nào rồi chàng trai? Sao lại phải đi bộ thế này? Được rồi, được rồi, đừng lo lắng nữa. ta sẽ giúp con. Con nói đi, cần bao nhiêu tiền nào?

Đỗ Tử Xuân đỏ bừng mặt mũi, nào đâu dám mở miệng nữa. Cụ già hỏi lại, anh ta vẫn không dám nói gì. Ông cụ không ép nữa chỉ nói rằng: "Thôi cũng được", trưa mai con đến chỗ cũ tìm ta nhé!

Đỗ Tử Xuân đành dầy mặt, đúng giờ hẹn đến tìm cụ già. Ông cụ không nói đến hai câu, đưa cho Đỗ một ngàn vạn tiền.

Trước khi nhận tiền, Đỗ Tử Xuân thề rằng lần này

nhất định sẽ trở lại làm người. Với món tiền này anh ta sẽ buôn bán làm ăn, lấy lại thể diện đàng hoàng cho họ Đỗ. Nào ai ngờ, tiền vừa cầm tay, trong dạ đã phát cuồng lên. Tửu lầu kỹ viện tật cũ quen đường trở lại, liên miên chè chén vui chơi. Cũng chẳng được bao lâu, ba bốn năm sau, anh ta đã sài nhẵn cả một ngàn vạn ấy.

Một hôm Đỗ Tử Xuân lại gặp cụ già ở chốn cũ. Ông cụ đến chào hỏi Đỗ, anh ta qúa hổ thẹn, lấy tay che mặt định bỏ đi. Cụ già giữ tay áo Đỗ lại, nói:

- Lại đây, vì sao lại bỏ đi chứ! Thật không ra sao cả!

Lần này ông cụ đưa cho Đỗ ba ngàn vạn, bảo rằng: "Nếu lần này mà cậu không được việc thì con người cậu không còn thuốc nào chữa nào".

Đỗ tử Xuân thầm nghĩ: Ông cụ này ta không hề quen biết vậy mà ba lần cho mượn tiền, ta phải làm sao đây để báo đáp? Đỗ thành khẩn nói với cụ:

- Con có món tiền này rồi, bất cứ việc gì cũng làm được. Họ Đỗ còn nhiều trẻ côi cút, con có thể giúp họ được rồi. Có như vậy Đỗ Tử Xuân con đây mới khỏi hổ thẹn với tổ tiên, với con cháu sau này. Khi nào con làm xong việc, con sẽ đến báo đáp công ơn to lớn của cụ. Khi ấy, cụ chỉ cần bảo một tiếng, dù có phải nhảy vào nước sôi lửa bỏng hay làm bất cứ việc gì, Đỗ Tử Xuân cũng không từ chối.

Cụ già bảo:

- Ý tốt của con, ta ghi nhận! Bây giờ con về sắp xếp việc nhà. Vào tết Trung nguyên năm tới hãy đến nơi có hai cây Bách ở đền Lão Quân gặp ta.

Nhà Đỗ Tử Xuân ở Hoài Nam. Anh ta mang tiền về mua ruộng, làm nhà, sắp xếp cho mọi người đâu vào đấy. Lại sửa sang mộ phần cho tổ tiên, giải quyết mọi việc cần thiết cho đến khi không còn điều gì phải lo lắng nữa. Đúng hẹn Đỗ đi tìm cụ già.

Ở đền lão quân, cụ già đã chờ sẵn dưới gốc Bách, đưa Đỗ xuyên mây vượt núi lên đỉnh Vân Đài trên Hoa Sơn.

Đi được hơn bốn mươi dặm thì họ nhìn thấy một tòa thạch ốc, xung quanh mây trắng bao phủ, có Loan, Hạc bay lượn. Thoáng nhìn biết ngay đây không phải chốn ở của người phàm trần. Bước vào chính đường thấy có lò thuốc đặt giữa nhà. Lò cao hơn chín thước, lửa cháy rừng rực, ánh sáng tím hắt ra tứ phía, chiếu sáng lung linh các cánh cửa. Có tám thiếu nữ đẹp như ngọc đứng nghiêm trang quanh lò.

Cụ già lúc đó đã thay trang phục đạo sĩ, đưa cho Đỗ Tử Xuân chén rượu và ba hòn đá trắng, bảo Đỗ nuốt ngay. Sau đó cụ treo tấm da hổ lên tường phía tây và bảo Đỗ ngồi quay về hướng Đông.

- Dù xảy ra bất cứ chuyện gì, con cũng cứ ngồi im không được hé miệng. Nếu có nhìn thấy thần tiên ma qủi, dạ xoa, mãnh thú, địa ngục, hoặc nhìn thấy người thân khổ nạn cũng không được dao động, dứt khoát không được mở miệng. Con nhớ rằng mỗi khổ nạn sẽ gặp đều không có thật, con đừng sợ hãi. Hãy nhớ lời ta, không mở miệng nói câu nào, thì con sẽ không còn phải chịu đau khổ nữa, con có làm được không?

Đỗ Tử Xuân vỗ ngực, nghiến răng bảo "Được".

Cụ già gật đầu, rồi quay người bước đi.

Đỗ Tử Xuân nhìn ra đình viện, chỉ thấy một vại lớn đựng đầy nước, ngoài ra không còn gì.

Cụ già vừa đi khỏi, bên ngoài lều vọng lên những tiếng động ầm trời. Cờ quạt phấp phới, ngàn vạn binh mã kéo đến đầy đường đầy núi. Một vị đại tướng to cao lừng lững với hàng trăm vệ sĩ cung kiếm lăm lăm lao vào, giọng hạnh họe:

Mày người ở đâu? Tại sao không bỏ chạy? Bọn vệ sĩ tên nào trông cũng hung ác.

Đỗ Tử Xuân chỉ nhìn, không nói gì. Vị đại tướng nổi giận hạ lệnh giết Đỗ. Bọn lính nhâu nhâu rút gươm xông vào. Đỗ vẫn ngồi im. Vị tướng quân kia đành lặng lẽ bỏ đi.

Tiếp đó hàng đàn rắn độc, mãnh thú, sư tử, hổ báo nhung nhúc lao đến cắn xé. Đỗ Tử Xuân vẫn kiên trì ngồi bất động. Một lát sau, bọn chúng đều biến mất.

Bên ngoài sấm chớp ầm ầm, mưa gió dữ dội, nhiều qủa cầu lửa lao từ trên trời xuống quanh Đỗ Tử Xuân, phát sáng chói lòa khiến không mở nổi mắt. Trong nháy mắt, nước ào ào dâng lên, thạch ốc ngập dần. Sóng nước cuồn cuộn dâng lên chỗ Đỗ Tử Xuân. Đỗ vẫn không nhúc nhích, ho he nửa lời. Rồi hồng thủy cũng dần dần rút lui. Khi ấy vị đại tướng lúc trước lại xuất hiện kéo theo một lũ sai dịch đầu trâu mặt ngựa trông đều hung ác. Chúng bê đến một nồi gang lớn đầy nước sôi, tay dao, tay súng lăm lăm vây kín xung quanh trông thật đáng sợ. Vị đại tướng hầm hầm:

- Hãy khai tên mày ra thì chúng tao tha. Nếu không nói sẽ ném vào nồi gang.

Đỗ tử Xuân vẫn không hé môi. Thế là bọn chúng lôi vợ Đỗ đến ném xuống đất, bảo Đỗ:

- Mày nói tên ra, vợ mày sẽ được tha!

Đỗ im lặng. Bọn chúng liền đánh đập vợ Đỗ thật tàn nhẫn: Dao chém, tên bắn, lửa đốt, nước sôi khiến cho máu me đầ mình, thật thảm thương. Vợ Đỗ không chịu nổi, khóc lóc cầu cứu:

- Chàng nể tình phu thê mười mấy năm trời hãy nói lên một tiếng đi. Em bị bọn ác qủy dày vò thành tàn dại thế này mà chàng vẫn nhẫn tâm ngồi nhìn ư?

Đỗ Tử Xuân lẳng lặng niệm thầm trong bụng: "Tất cả những cái này đều không có thật, hãy cố chịu đựng". Và Đỗ kiên quyết không nói.

Vị đại tướng đành phải bảo:

- Yêu thuật của kẻ này xem ra đã luyện thành rồi, không thể để cho hắn sống nữa! Giết nó đi!

Bọn sai dịch xông lên, rút kiếm chém chết Đỗ. Đỗ Tử Xuân chết, linh hồn được đưa đến chỗ Diêm Vương. Diêm Vương phán:

"Kẻ này phải hạ địa ngục". Lệnh ban ra, bọn tiểu qủy lôi Đỗ xuống địa ngục. Ở dưới đó, Đỗ chịu nhiều khổ ải, nhưng lòng vẫn một mực nhớ lời dặn của cụ già, nghiến chặt răng không hề rên rỉ.

Lũ tiểu qủy lại đưa Đỗ đến chỗ Diêm Vương. Diêm Vương bảo: "Kẻ này quá xấu xa, cho hạ thế làm kiếp đàn bà".

Đứa bé gái vừa sinh ra đã nhiều bệnh tật, ốm yếu, phải uống không biết bao nhiêu là thuốc đắng, trên mình phải chọc không biết bao nhiêu mũi kim nhưng nó không hề mở miệng kêu ca. Lớn lên nó trở thành một cô gái xinh

đẹp tuyệt vời, nhưng vẫn không biết nói, thành cô gái câm, từ nhỏ đến lớn bị câm nên cô phải chịu biết bao bực bội, đau khổ, nhưng không hề thấy cô mở miệng.

Trong làng có vị tiến sĩ tên Lư Khuê, nghe nói cô gái xinh đẹp bèn nhờ người đến hỏi. Bố mẹ cô bảo con gái bị câm, sợ không xứng. Lư Khuê đáp rằng, chỉ cần vợ thục hiền, không nói thì có làm sao! So với bọn đàn bà lắm mồm ưa sinh chuyện thì tốt hơn nhiều. Thế là việc dạm hỏi đã thành.

Sau khi cưới vợ, vợ chồng họ thương yêu nhau hết mực, về sau họ sinh được một cậu con trai bụ bẫm, ai trông cũng mê. Con được hai tuổi, Lư Khuê bế con nói chuyện với vợ. Nói đi nói lại vẫn nói một mình, vợ nhất định không mở miệng, cuối cùng Lư Khuê giận qúa, đạp bàn quát rằng: "làm vợ mà không chịu nói chuyện với ta thì ta cần đứa con này làm gì?". Nói rồi vị tiến sĩ xách hai chân thằng bé lên ném ra ngoài. Đứa con bị đập đầu vào tảng đá lớn máu chảy đầm đìa, chết tức khắc.

Đứa con đáng yêu tươi tốt nhường ấy bị chết, lòng ai mà không đau đớn! Khi ấy, lòng thương của Đỗ Tử Xuân như bị dao cắt, quên cả lời cụ già dặn, Đỗ kêu lên một tiếng Xót xa: "Trời ơi!".

Thế là hỏng cả! Tiếng kêu vừa dứt, Đỗ lại thấy mình ngồi ở chỗ ban đầu trong tòa bạch ốc. Mọi thứ trong nhà

đều không biến đổi. Cụ già cũng vừa đi tới. bên ngoài, trời hâng hẩng sáng, như là vừa trải qua một giấc mơ.

Bỗng nhiên, ngọn lửa trong lò thuốc bốc cao, thế lửa hừng hực, chỉ trong nháy mắt đã biến tòa nhà thành đám lửa lớn.

Cụ già tiếc nuối nói: "Con đã làm hỏng hết đại sự của ta rồi". Cụ già tay túm Đỗ tử Xuân vứt vào vại nước mới thoát lửa thiêu.

Một lát sau lửa tàn, cụ già nói: "Ra đi! Một chàng trai ý chí như con kể cũng là kiên cường lắm rồi! Hỉ nộ ai lạc, bao gian nan đau khổ con đều vượt qua được. Vậy mà chỉ không quên được tình thương, điều ấy cũng là khó tránh. Vừa rồi, nếu con không thốt ra hai tiếng "trời ơi!" ấy thì lò thuốc của ta đã luyện thành rồi. Và con cũng thành tiên. Đáng tiếc thay! Thế mới biết rằng trên thế gian này muốn làm thành một công việc cũng thật gian khó biết bao. Con hãy nhớ kỹ điều này, sẽ rất có ích đấy: từ giờ trở đi phải tự dựa vào chính bản thân con!".

Nói xong, ông chỉ vào đường xuống núi, bảo Đỗ Tử Xuân tự trở về. Đỗ Tử Xuân nhìn lại lò thuốc qủa nhiên thấy cháy đen thui. Trong lò còn một chiếc cột sắt xù xì, không rõ là thế nào! Anh ta thực sự xấu hổ, cáo biệt cụ già rồi xuống núi.

Từ đó Đỗ Tử Xuân khắc tâm ghi nhớ lời căn dặn, thay đổi rất nhiều, trở thành một người chăm chỉ thật thà. Sau đó có lần anh ta lại trèo lên đỉnh Vân Đài núi Hoa Sơn đi tìm cụ già nhưng không tìm thấy, đành phải quay về.

TRINH BẢO *dịch*

ĐẮP TƯỢNG

(Truyền kỳ thời Tống)

Năm Sùng Ninh thời Tống triều, ở huyện Vu Ninh tỉnh Giang Tây có một ngôi miếu tên là Ngũ Hầu. Dân vùng đó gom góp được một món tiền, họ rủ nhau đi mời một người đắp tượng giỏi đến để dắp một con ngựa đất trước cổng miếu.

Một thanh niên hay chuyện nói với ông ta rằng: "Ông có biết không? Nhà ông Vương Đại Lang có một con ngựa cực kỳ vậm khỏe, bộ lông một sắc trắng tuyền, không có một chiếc khác màu. Nó thực nhanh nhẹn tinh khôn, vừa đẹp vừa uy dũng. tay chăn ngựa cho nhà họ Vương ấy cũng là một thanh niên khá, chăm chỉ dốc sức chăm con ngựa, nuôi dưỡng rất điều độ nên con ngựa ấy ngày càng đẹp. Nếu ông giỏi, đắp được con ngựa đất có hồn như nó chúng tôi sẽ trả thêm nhiều tiền".

Người đắp tượng có bộ ngực gầy giơ xương cười nhạt nói: "Để tôi thử xem sao". Ông ta đi nghe ngóng tình hình, tìm được người trông ngựa nhà Vương ông rồi, ông ta mua nhiều hoa qủa, bánh kẹo mang đến cho anh trông ngựa

ăn, nói rằng muốn kết bạn. Vì một mình trông coi, huấn luyện ngựa nên anh trông ngựa cũng buồn, thấy có người đến nói chuyện vui vẻ thì rất phấn khởi. Lúc đầu còn thấy lạ, sau quen dần, hai người trở thành bạn thân với nhau.

Từ đó, ngày nào người đắp tượng kia cũng tìm đến nói chuyện với anh chăn ngựa, đồng thời chăm chú quan sát tìm hiểu tinh thần, phong cách của cả người lẫn ngựa. Một hôm ông ta dẫn anh chăn ngựa đến quán rượu chiêu đãi một bữa no say, sau đó dìu anh ta lên ngựa dắt cả hai ra một góc vắng vẻ sau núi. Người chăn ngựa say qúa lăn ra ngủ. kẻ đắp tượng gian manh kia liền lấy giấy bút ra, dùng thuớc đo kích thuớc của con ngựa: Cao thấp to nhỏ, nhất nhất ghi lại hết, đến cả mắt mũi tai mõm cũng phác họa lên giấy, rồi những nét uốn lượn của bờm cổ cũng ghi lại. Vẽ ngựa xong rồi vẽ người trông ngựa. Đến khi anh trông ngựa tỉnh dậy, cả hai cùng kéo nhau về nhà.

Kẻ đắp tượng đã thực hiện được âm mưu của mình, ông ta liền bắt tay vào đắp ngựa truớc cửa miếu. Không chỉ đắp ngựa, ông ta còn đắp cả người coi ngựa bên cạnh. Tượng bùn đã đắp xong, ai cũng bảo giống hệt ngựa bạch và anh trông ngựa, người nặn tượng chờ chọn ngày tốt mới điểm mắt cho ngựa và người. vào đúng cái giây phút điểm mắt cho ngựa và người ấy, bỗng xảy ra một chuyện lạ. Con bạch mã nhà Vương Ông bỗng như phát cuồng

lồng lên lao vọt ra bên ngoài. Anh trông ngựa sợ hết hồn, vội vã co giò đuổi theo. Vừa đuổi đến một cái ao lớn ở thành Nam, ngựa trắng lõ đà lao luôn xuống ao chết đuối, anh chăn ngựa cũng lao xuống theo và không thấy nổi lên nữa.

Từ đó trở đi, con ngựa trước cửa miếu trở nên có hồn, đêm nào ngựa đất cũng ra hồ uống nước. Đôi khi còn ra ruộng ăn lúa. Vào sớm hôm sau, người ta còn có thể nhìn thấy rất nhiều vết chân ngựa trong ruộng hay bên hồ. Nếu như xem kỹ con ngựa đất, còn có thể thấy trên mép có vài lá cỏ hay mấy cọng rong. Đi theo con đường ngựa đất đi còn xót lại vài bông lúa rơi vãi.

Mãi cho đến nhiều năm sau khi có tao loạn miếu Ngũ Hầu cũng bị đốt trụi, ngựa đất và người trông ngựa lúc ấy mới không thấy nữa. Câu chuyện này, người già ở vùng đó đều biết, và họ thường xuyên kể lại cho nhau nghe.

TRINH BẢO *dịch*

CON SÓI VÀ NHÀ MẶC HỌC

Quan đại thần nước Triệu thời Chiến Quốc là Triệu Giả Tử một hôm vào núi săn bắn, dẫn theo một đàn chó săn và một đoàn thợ săn thiện nghệ. Người nào cũng mang theo đầy đủ cung tên, thương đao. Có người còn mang theo cả chim ưng đã được dạy dỗ thuần thục. Dọc đường dong ngựa, họ hò hét ầm trời ầm đất. Đang trên đường đi, lão Triệu nhìn thấy một con sói đứng ở một con đường khác gần đó. Rất quái lạ, con sói ấy đứng bằng hai chân sau và dướn thẳng người lên, rống một hơi dài, tuồng như để làm người ta chú ý. Đứng như thế thì qủa là một mục tiêu lý tưởng. Lão Triệu liền bắn một mũi tên trúng giữa thân con sói.

Con sói vội quay mình tháo chạy. Đoàn thợ săn thúc ngựa đuổi theo. Tiếng người la thét, tiếng chó sủa vang làm chấn động cả một vùng rừng núi. Bụi tung mù mịt. Thừa lúc hỗn loạn thế, sói vắt đuôi chạy trốn.

Cùng lúc ấy, Đông Quách tiên sinh cưỡi con lừa gầy đi vào. trên lưng lừa chở một cái đãy bằng vải, trong để mấy cuốn sách và vài bộ quần áo. Đông Quách tiên sinh là

một học giả thuộc phái Mặc Tử. Ngày ấy phái Mặc tử đang được người ta hâm mộ lắm. Các môn đệ của Mặc Tử đi khắp thiên hạ để tuyên truyền cho thuyết "Kiêm ái" của mình bằng tất cả tấm lòng cuồng nhiệt với hi vọng thuyết phục được hết thảy các vương tôn công tử cho đến những kẻ buôn bán, lính tráng. Họ chấp nhận sống cuộc đời nghèo khổ, thường mạo hiểm quên mình để giúp người. Đó là tất cả niềm vui của họ.

Đông Quách tiên sinh nghe tiếng ồn, tiếp đó thấy một con sói bị trúng tên đang lao về phái mình, dằng sau có người đang rượt đuổi. Vừa trông thấy nhà mặc học, sói liền cất tiếng rên rí thật thảm thương để cầu cứu. Đông Quách tiên sinh trông thấy mũi tên còn găm trên mình sói, không cầm được lòng xót xa thương hại, ông lên tiếng:

- Đừng sợ. ta sẽ nhổ dùm tên cho mày.

Sói trả lời:

- Ôi dào! Ngài là một nhà Mặc học thực thụ. Ngài qủa là một người nhân ái. Bọn thọ săn đang đuổi theo. Tôi xin được trốn vào trong cái đãy vải của ngài được không? Chờ khi bọn họ chạy qua rồi ngài hãy thả tôi ra. Nếu được ngài cứu mạng tôi xin hết lòng biết ơn.

- Sói đáng thương ơi, can cớ chi mà mày phải mang tai họa thế này? Mày ngu ngốc qúa thôi, chỉ vì thiếu trí tuệ mà ra nông nỗi này đây. Thôi, hãy chui vào đây đi. ta

chẳng cần ân huệ gì hết. ta nguyện ra sức cứu giúp mày.

Nhà Mặc học trút hết đồ vật trong đãy ra, rồi dùng hết sức đẩy sói vào miệng đãy. Nhưng con sói thì lớn mà miệng đãy lại qúa nhỏ, nên đầu nó chui vào trước thì cái đuôi bờm xờm và đôi chân lại thò ra ngoài. Ngược lại, cho đuôi vào trước thì đầu và cổ và đôi chân trước lại thò ra ngoài. Một lần, hai lần rồi ba lần nhà Mặc học gắng sức nhét con sói vào đãy, nhưng loay hoay mãi mà vẫn không làm được. Sói kêu lên:

- Mau mau lên ngài ơi! Bọn họ đuổi tới nơi rồi kìa. nào, hãy trói bó tôi lại vậy.

Sói thu hết mình lại cho nhà Mặc học trói bó chân cẳng mình lại như kiểu bó giò. Tiếp đó phải vừa nhét vừa nhồi, Đông Quách tiên sinh mới bỏ sói được vào đãy, rồi đặt lên lưng lừa thấy máu của sói từ miệng đãy cứ nhỏ ra hoài, ông lại càng sót xa não ruột. Lại còn điều này nữa, suốt trên đường sói chạy đều có vết máu để lại. Máu cũng dây đầy cả tay của Đông Quách tiên sinh. Nhà Mặc học vội lau sạch các vết máu, cho lừa rẽ sang hướng khác, che miệng đãy thật kín để tránh sự nghi ngờ. Đến khi đoàn săn tới nơi, lão Triệu hỏi Đông Quách tiên sinh có thấy con sói chạy hướng nào không. Đông Quách tiên sinh đứng sang bên đường trả lời hết sức tự nhiên:

- Nào có thấy. Sói vốn xảo trá, giỏi đánh lừa, không

khi nào lại chạy bằng đường lớn đâu. Tôi đồ rằng nó ẩn nấp ở bờ bụi nào đó.

Lão Triệu nhìn chằm chặp, tay cầm thanh bảo kiếm chém mạnh một nhát:

- Kẻ nào giấu con sói thì sẽ tự rước lấy tai họa sói thôi.

Đông quách tiên sinh vẫn tỏ ra ung dung điềm tĩnh, trèo lên lưng lừa, vẫy tay chào biệt lão Triệu và nói:

- Nếu gặp nó ở đâu, tôi sẽ mách ngài nhé!

Khi nghe tiếng vó ngựa của đoàn thợ săn tắt biến ở phía xa rồi, sói mới thò mõm ra khỏi miệng đãy:

- Thả tôi ra, mau lên! Chết ngạt mất thôi!

Nhà Mặc học vội vã xuống lừa, lôi sói ra. Cởi trói cho nó, ông vuốt nhẹ vết thương nói:

- Có còn đau lắm không? Ban nãy ta cũng hú vía, sợ thay cho mày.

- Không sao cả. Chỉ là vết sước thường thôi mà. Ngài đã cứu mạng cho tôi. Vậy ngài có vui lòng giúp tôi thêm một chút nữa không?

- Chỉ cần ta có thể giúp được thì chẳng tiếc gì. Mày biết đấy, ta là nhà Mặc học. Chỉ với nhiệt tình là có thể cứu được cả thế giới này. Mày còn muốn ta giúp gì nữa nào? Ta lắng nghe đây và rất sẵn sàng.

Sói liếc nhìn nhà Mặc học và nói:

- Hay qúa hiện giờ tôi đang đói như bị cào ruột ấy.

- Thế nào?

- Tuy ngài cứu được mạng tôi, nhưng suốt ba ngày nay tôi có gì để bỏ vào bụng đâu. Nếu như tối nay tôi chết đói thì chả hóa ra uổng công ngài đã cứu tôi sao? Tại sao ngài không để tôi ăn thịt ngài? Chỉ cần ngài hy sinh một chút thôi. Tôi có đòi hỏi gì cao xa lắm đâu, phải không ạ?

Sói há hoác miệng ra, bốn nanh nhọn hoắt nhảy bổ vào Đông Quách tiên sinh. Hoảng qúa. Đông Quách tiên sinh vội vàng nhảy sang nấp bên hông lừa. Ông ta sợ hãi đến mức răng va vào nhau cầm cập, rồi khuyên sói rằng:

- Không được, mày không được ăn thịt ta.

- Vì sao?

- Mày không được ăn thịt ta. Ta là người cứu mạng sống cho mày mà?

Người và sói cứ đuổi nhau vòng quanh con lừa, lừa tỏ ra bực lắm. Nó chẳng hiểu được người và sói đang làm cái việc quái gỡ gì vậy.

Đứng phía bên này gần cổ con lừa, nhà Mặc học nói trõ sang:

- Sói ơi, hãy bình tâm suy nghĩ lại đi, chúng ta cùng bàn bạc với nhau về đạo lý, về lẽ phải chứ nhỉ. Giảo quyệt

và bạo lực đều vô ích. Giẩu mày có xé nát ta ra, ta cũng không bao giờ thừa nhận mày có đạo lý. Vả chăng, làm vậy thì lương tâm mày làm sao mà yên tâm được. Có phải thế không. Mày vẫn cho rằng mày ăn thịt ta là đúng ư?

- Dĩ nhiên, ta đang đói xé gan xé ruột ra đây này. Hơi sức đâu nữa mà bàn đạo lý với ông.

- Dù sao vấn đề tranh luận giữa chúng ta vẫn phải dựa vào lý mới phải chứa. Theo ta thì hãy mời một người có công tâm để phán quyết giúp. Lệ thường, chúng ta hãy mời ba vị cao tuổi để quyết định. Mày nghĩ lại đi, ta vừa cứu mạng cho mày...

Sói đáp:

- Thôi được, được! Đừng có dài dòng vòng vo nữa, cứ nói toạc hẳn ra. Tôi tin chắc rằng trời sinh ra con người là để cho sói ăn thịt. Loài sói chúng tôi mạnh hơn loài người rất nhiều. Các ông không tự vệ được cho mình. Ông thì lại càng hèn kém nhu nhược nên mới lâm vào cảnh ngộ đáng thương như bây giờ.

Đông Quách tiên sinh và sói đưa nhau đi, nhưng chẳng gặp ai cả vì ngày đã tắt rồi. Sói giận dữ bảo:

- Tôi đói mềm người ra rồi. Tôi không đủ sức chờ thêm một chút nữa đâu.

Rồi nó chỉ một cây xuân cằn cỗi ven đường, nói:

- Chúng ta hãy hỏi cây xuân này:

- Là cái cây thì nó biết gì mà hỏi.

- Ông cứ hỏi nó, nó sẽ trả lời ông rõ đạo lý.

Nhà Mặc học vái dài cây xuân một vái, kể lại cho cây xuân già nghe chuyện mình đã quen thân để cứu sống sói như thế nào.

- Xin nói cho tôi biết sói ăn thịt tôi là đền ơn đáp nghĩa không, là hợp đạo lý không?

Cây cổ thụ phát tiếng o...o...và trả lời:

- Tôi đã rõ cả rồi. Để tôi kể chuyện đời tôi cho ông nghe. Tôi là cây hạnh. Khi người làm vườn trồng tôi, tôi mới chỉ là một cái hạt. Được một năm thì tôi có hoa và ba năm sau nữa tôi có qủa. Năm năm sau thân tôi to bằng cánh tay người. Mười năm nữa thân tôi lớn bằng cái bụng đứa trẻ.

Bây giờ tôi đã hai mươi hai tuổi. Một thời tôi đã không ngừng hiến dâng trái qủa của mình cho người làm vườn và cả gia đình ông ta, để cho họ ăn và bạn bè họ ăn. Họ còn đem ra chợ bán. Sau này khi tôi đã già không còn cho qủa được nữa, ông ta liền vặt trụi lá của tôi, chặt hết cành nhánh của tôi để làm củi đun nấu. Vẫn chưa xong, ông ta còn muốn đem bán cái thân già tôi cho người ta làm cột... Ông nghĩ mà xem, người là như vậy đấy. Chả

trách gì sói muốn ăn thịt ông.

Nghe cây xuân nói thế, sói mừng rỡ qúa toan nhảy đến vồ lấy Đông Quách tiên sinh:

- Thế là rõ ràng nhé.

- Mày đừng vội vã, còn phải hỏi thêm ý kiến hai vị cao tuổi nữa kia mà.

Sói đáp:

- Vâng, đành theo lời ông vậy nhưng nói để ông biết là ngửi mùi ông, tôi cảm thấy ngon hơn ban nãy rồi đấy.

Đi chưa được bao xa thì gặp một con trâu đang đứng bên hàng dậu tre gai. Nhìn dáng vẻ nó thì có thể đồ rằng cuộc sống của nó qúa nhiều phiền muội. Sói bảo:

- Hỏi thằng cha này đi! Tôi tin rằng nó đã từng trải vô vàn cay đắng thì ắt là nó sẽ hiểu thế nào là cuộc đời.

Nhà Mặc học kể cho trâu nghe chuyện ông và sói, xin trâu hãy lấy sự công bằng mà phán xử giúp. Trâu nhìn Đông Quách tiên sinh bằng cái nhìn lặng sâu căm giận. Trâu nói:

- Cây hạnh già nói đúng đấy. Ông nhìn rõ tôi chứ. Vừa già, vừa gầy, lại sắp chết đói rồi. Chắc ông đã từng gặp tôi ngày còn trẻ. Một người làm ruộng mua tôi ở chợ về, bảo tôi cày bừa cho anh ta sinh sống. Những con trâu khác thì đã già rồi, nên chi mọi công việc đều dồn vào

một thân tôi khuya sớm. Anh ta bảo rằng anh ta rất thương tôi, yêu tôi. Lúc đi dâu anh ta buộc tôi vào chiếc xe kéo. Khi cần khai khẩn đất hoang hóa, anh ta bắt tôi kéo cày kéo bừa cho tới lúc đất tơi nhuyễn có thể gieo trồng được. Lúc cày ruộng sâu mới cơ cực chứ, tôi phải dầm mình trong bùn lầy thụt...Sau vụ gặt hái, tôi lại phải làm cái việc kéo cối xay. Tôi không hề tiếc sức cũng chẳng bao giờ tỏ ra lười nhác. Tôi phải làm việc gấp đôi gấp ba con trâu khác. Tôi phải cực nhọc như thế để cho chủ có cuộc sống giàu sang...Ngày tôi mới về nhà anh ta, còn thấy anh cơm bằng thìa sành bát sành, mà nay thì dãy dài những kho những đụn. Thế mà bây giờ vợ chồng anh ta chê tôi già yếu, mà tôi già yếu thật. Tôi phải lang thang ngủ bờ ngủ bụi, dầm mưa dầm rét. Tôi đứng đây là để sưởi nắng ấm một chút. Rồi đêm xuống tôi lại chịu rét buốt. Lẽ ra tôi cũng chẳng nên để bụng chuyện ấy, bởi lẽ rồi ai cũng phải già, nhưng tôi nghe vợ anh ta đến lò mổ: "Thịt con trâu này có thể ướp xông khói được đấy, da nó cũng thuộc được, sừng móng thì làm đồ dùng, tốt chán". Ông thấy không, con người là vậy đấy. Vì thế tôi cho rằng sói ăn thịt ông cũng chẳng phải là chuyện phi đạo lý! Sói lại rùng rùng toàn thân muốn nhẩy bổ, muốn ngoạm lấy cổ Đông Quách tiên sinh. Đông Quách tiên sinh vội ngăn:

- Khoan đã nào! Mày đã nhẫn nhục được nửa buổi thì

vội vã gì mà không đi tìm người cao tuổi thứ ba để nghe ông ta phán truyền thế nào.

Chúng ta đã giao ước như vậy rồi.

Được một lúc thì thấy một ông già tay chống gậy đang chầm chậm đi tới. Chòm râu ông dài và trắng như cước, nom có dáng dấp một bậc thánh hiền. Đông Quách tiên sinh mừng vui khôn tả, chạy lại cầu xin ông lão giả quyết giúp việc rắc rối giữa mình và sói:

- Thưa cụ, chỉ một mình lời nói của cụ là có thể cứu sống được tôi đó.

Cụ già nghe xong, quay lại quát sói:

- Đồ vong ân bội nghĩa. Kẻ nào sống như thế lúc tuổi già con cái sẽ đối xử tệ bạc. Ấy là qủa báo. Mai kia mày cũng có một đứa con mất dậy, bất hiếu đó. Cút ngay đi, nếu không tao thí mạng mày ngay lập tức.

Sói cãi lại:

- Cụ đã nghe tôi nói đâu. Nhà Mặc học đây trói tôi lại, dùng sức nhét nhốt tôi vào cái miệng đãy chật chội, tưởng chừng tôi phải chết ngạt. Cụ có thấu hiểu trong đãy khó chịu biết chừng nào không ?

Cụ già thong thả nói:

- À! Nếu qủa như vậy... Thì nhà Mặc học cũng đã sai rồi đó.

Hai bên người và sói lại cãi vã nhau.

- Ta chẳng biết nghe lời ai lúc này và cũng chẳng biết lời ai là đúng ông nói rằng ông đã cứu sống cho sói. Sói lại bảo ông làm cho nó đau đớn. Vậy chỉ còn cách duy nhất để chứng minh phải trái là diễn lại việc làm đó để ta xem ông ấy đã làm mày đau đớn tới mức nào, lúc đó ta mới có thể phán quyết.

Sói ưng thuận:

- Được thôi, cụ nhìn đây...

Rồi sói bảo Đông Quách tiên sinh trói mình lại nhét vào miệng đãy.

Cụ già nhẹ giọng hỏi Đông Quách tiên sinh:

- Ông có con giao sắc dấy không?

Đông Quách tiên sinh ngơ ngác , chỉ trả lời gọn lỏn:

- Dạ, có đấy.

- Thế nào, còn chần chừ chi mà không xuống tay đi ?

- Cụ bảo tôi chém chết con sói này sao?

- Tùy ông đấy. Ông không xử nó thì đành để nó xé xác ông thôi. Qủa là một tên hủ nho, đếch có chút thực tế nào!

Nói hết, cụ già cười phá lên rồi giúp nhà Mặc học đâm một nhát dao vào đãy, kết thúc gọn việc tranh cãi.

MAI NGỌC THANH *dịch*

(Từ Trung Quốc truyền kỳ tiểu thuyết)

ĐỖ MỤC

CUNG A PHÒNG

Sáu nước đã mất. Ngôi vua thu lại một. Núi Thục cao mà phẳng. Cung A Phòng mới được dựng lện, cao thì cao đến trời xanh, mà rộng thì rộng đến ba trăm dặm. Từ Ly Sơn đến Hàm Dương, lầu dựng, lên xuống quanh co. Hai con sông chảy giáp các chân tường. Năm bước một lầu. Mười bước một gác. các hành lang uốn cong như chân người. Đầu rèm ngửa lên như mỏ quạ. Tùy nơi, tùy chỗ để gian giữa nối nhau, các góc tiếp nhau. Quanh co, chồng chất, như tổ ong, như xoáy nước không biết đến mấy nghìn nhà. Cầu dài trên nước, tưởng như rồng vươn tuy chưa có mây. Đường đi trên không như cầu vồng, tuy chưa có mưa, cao thấp lẫn lộn, không còn phân biệt được phương hướng. Đài ca ấm áp, suốt năm là xuân. Điệu vũ, bóng tay áo phấp phới, như gió như mưa. Trong một ngày, ngay trong một cung mà khí hậu không giống nhau. Các phi tần, các con vua, cháu chúa, bỏ điện dời phủ, đi xe cho nhanh tới nước Tần, làm công nhân nhà Tần. Khi đem gương ra soi, ở ngoài tưởng như lấp lánh sao sa. Khi sớm dậy chải tóc, ở xa tưởng như mây xanh

lăng đăng. Nước sông Vị mỡ ngầu, ấy là sáp thừa khi trang sức. Mây khói là là, sương mù phất phới, ấy là hương sông trong cung. Giật mình thấy sấm sét, ai ngờ là tiếng xe đi, ầm ầm nghe mãi không biết đi đâu. Mặt mày da thịt hết sức tô điểm, đứng xa chờ được chủ để ý, có kẻ chờ như thế đến ba mươi sáu năm.

Các đồ vật Yên, Triệu thu nhặt được, Hàn Ngụy kinh doanh được, Tề, Sở mưu tính được, một sớm mai các nước không giữ nổi, đều trút cả sang Tần. Đinh ngọc, lư đá, hạt châu, thoi vàng có rơi ra ngoài được, người Tần cũng không tiếc. Hại thay. Lòng một người thế nào thì lòng một vạn người cũng thế. tần nghĩ đến xa phí, thì thiên hạ cũng nghĩ đến công của. Sao nỡ bóc lột người ta đến phân, đến lạng rồi dùng phí phạm như đất bùn.

Cột nhà nhiều như đám thợ cày ở đồng Nam mẫu. Kèo bắc trên, nhiều như đám thợ dệt trên khung cửi. Đinh lởm chởm rộn mắt như thóc trong vựa. Ngói so le nhiều hơn vải lụa áo quần. Bao lơn lan can nhiều hơn thành quách toàn quốc. Tiếng ca đàn hát xướng rầm rộ hơn người nói trong chợ. Người trong nước không dám kêu nhưng uất ức. Kẻ thất phu càng tự cho là oai. Thế là một tên lính thú nổi lên, Hàm Cốc kéo quân tới. Người dân Sở cho bó lửa. Đáng thương thế là xong hết.

Thương thay diệt Lục Quốc, chính là Lục Quốc, có

phải là Tần đâu. Diệt Tần chính là Tần có phải là dân trong nước đâu. Giả sử Lục Quốc biết thương nhau, thì cũng đủ chống lại Tần. Nếu Tần lại biết thương dân Lục Quốc, thì chả cứ làm vua được ba đời, mà có làm đến vạn đời cũng không ai diệt. Người Tần không cần thương mình để người sau thương cho. Người sau có thương nhưng không biết soi gương Tần, thành ra lại làm mối thương cho đời người sau nữa.

HOÀNG KHÔI *dịch*

LIỄU TÔN NGUYÊN

TRUYỆN NGƯỜI BẮT RẮN

Ở đồng quê Vĩnh Châu, có giống rắn lạ, da đen, vằn trắng. Rắn cắn không cách gì cứu chữa được.

Thế mà bắt được, làm thịt khô ăn, lại là thứ thuốc chữa được các bệnh trúng gió nặng, chân tay co quắp, ung nhọt, lở, hủi. Có thể tan mất được thịt thối, trừ được giun sán. Lúc đầu, Viện Thái y được mệnh vua cho đi tìm bắt, mỗi năm ai bắt nộp hai con, thì được tha thuế trong năm. Thế là người Vĩnh Châu đua nhau đi tìm bắt rắn.

Có người họ Tưởng chuyên nghề này đã ba đời. Hỏi đến thì Tưởng nói "Ông tôi chết vì việc bắt rắn này. Đến bố tôi cũng thế. Tôi nối nghiệp mười hai năm nay đã mấy lần chết hụt". Trông mặt Tưởng rất buồn. Tôi thương hại bảo "Anh sợ đến thế ư. Để tôi nói với quan đổi việc cho anh, anh lại cứ đóng thuế như thường, anh nghĩ sao?". Vừa nói xong thì thấy mặt Tưởng càng buồn hơn, rưng rưng nước mắt nói: "Ông thương tôi, ý muốn cho tôi được sống. Đã đành nghề này không may, nhưng bị đóng thuế lại càng không may hơn. Giả thử không làm nghề này thì tôi chết đã lâu rồi. Từ ba đời ở làng này, tính gộp lại được sáu mươi năm, thế mà làng xóm thưa thớt dần. Đất sản

ra được bao nhiêu, mùa màng trong nhà còn được bao nhiêu, người người đều chuyển dần đi nơi khác, rồi đói khát, chết đường, chết chợ, nóng lạnh, gió sương, xác chồng chất lên nhau. Dân làng từ thời ông tôi, nay mười nhà còn một, dân làng từ thời bố tôi, mười nhà nay còn hai ba. Dân làng từ thời tôi mười nhà nay còn bốn năm. Không chết về thuế má, thì cũng chết đường, trong khi không còn gì đóng thuế phải dời đi nơi khác. Riêng tôi lấy việc bắt rắn, còn được sống. Bọn cai lệ độc ác, mỗi khi tới làng là xông xáo lung tung, la hét om sòm, rầm rộ tứ phía, đến gà chó cũng không được yên.

Tôi thong thả đứng dậy, dòm vào chậu thấy rắn còn nằm đó, thế là tôi lại thong thả đi nằm. Người họ Tưởng cứ việc nuôi rắn đến ngày đem tiến. Tiến xong về là được ở yên, làm ăn qua ngày qua tháng. vả lại mỗi năm chỉ có hai lần chết hụt, còn thì đều yên vui, làng xóm làm gì ngày ngày được như thế. Tôi có phải chết ở đây, thì cái chết của tôi so với cái chết của làng xóm còn sung sướng hơn, cho nên đâu có dám ghét nghề.

Tôi nghe xong, càng buồn. Đức Khổng Tử nói: hà chính dữ hơn hổ dữ. Tôi vẫn nghi lời nói ấy. Nay nghe họ Tưởng nói, mới tin. Cho nên có bài này, mong rằng người có nhiệm vụ xét việc dân biết đến.

HOÀNG KHÔI *dịch*

MINH LƯU CƠ

LỜI NGƯỜI BÁN CAM

Ở đất Hàng Châu, có người bán cam, khéo giữ cam, trải qua mùa nóng mùa lạnh, sắc như vàng ngọc, thật đỏ đẹp. Đem ra chợ, dù bán đắt gấp mười, người mua vẫn tranh nhau.. Tôi mua được một qủa, bóc ra hơi xông lên mũi, ruột khô như giẻ rách. tôi thấy lạ mới hỏi: "Anh bán cho người ta cúng bái hay để cho người ta khoe cái vỏ ngoài với kẻ ngu, kẻ lòa. Anh khinh bỉ người ta qúa lắm".

Người hàng cam cười trả lời: "Tôi làm nghề này đã lâu đủ nuôi thân, chưa thấy ai kêu, mới có ông thôi. Ở đời hạng người lừa dối không ít, riêng gì tôi. Ông chưa nghĩ tới thôi. Kìa như kẻ đeo ấn ngọc, ngồi trên da cọp, oai hùng như bức tường thành, hỏi thực có biết thao lược Tôn Ngô không? Đội mũ cao, đeo đai rộng, ngang nhiên được tôn trọng chốn miếu đường, liệu đã làm lên sự nghiệp Y Doãn, Cao Dao chưa. Giặc loạn không biết dẹp, dân khốn không biết cứu, lại lệ tham lam không biết cấm, luật lệ sai không biết tại đâu, ngồi ăn thóc kho không biết nhục. Ở nhà cao, cưỡi ngựa đẹp, uống rượu ngon, ăn cá béo,

được như thế, kẻ nào chẳng có bộ hách dịch, có vẻ cao qúi, bề ngoài chẳng đẹp như vàng ngọc, mà bề trong y như giẻ rách. Ông không xét những kẻ ấy, lại chỉ xét cam của tôi".

Tôi không biết nói sao, ra về nghĩ anh bán cam này có lẽ là một hạng Đông Phương Sóc, hoặc giả giận việc đời, ghét thói gian, thác ra việc bán cam để dăn đời chăng.

HOÀNG KHÔI *dịch*

LÝ SỞ THÀNH

CON LỪA THUỘC ĐƯỜNG

Đời Đường, ở huyện Hà Dương tỉnh Hà Nam có một phú ông tên là Hạ Chấn Xuyên. Một hôm, ông ta cưỡi con lừa, mang theo hai trăm lạng vàng và một số bạc trắng, vào thành phố Khai Phong buôn bán.

Ông ta đi chưa đầy ba dặm đường, bỗng chứng kinh phong bộc phát, ngã ngay xuống đường nằm bất tỉnh nhân sự.

Con lừa kinh sợ cất bốn vó, chạy bừa vào bãi đất hoang.

Một lúc lâu, Hạ Chấn Xuyên mới dần tỉnh lại. Mở mắt nhìn, chẳng thấy con lừa, sợ đến hồn vía rụng rời. Bởi ông ta đựng vàng bạc trong cái túi, dấu dưới yên lừa. Mất mỗi con lừa, ông ta chẳng coi là mùi mẽ gì, nhưng khi mất cả nó lẫn cái túi, thì thành to chuyện.

Ông ta như điên như dại chạy khắp bãi đất hoang, miệng la hét, nhưng có ích gì! Một lúc sau, người mệt nhoài, nằm xuống đất, miệng há hốc thở, vì vừa đến cơn động kinh.

Cũng còn may cho ông ta là chưa mệnh hệ nào. Căn

bệnh kinh phong này, ông ta mắc từ nhỏ, về sau nhờ thuốc thang, khỏi được hai mươi năm nay, nay lại tái phát. Không ngờ hôm nay vừa ra khỏi nhà, lại mắc phải, đây đúng là bận đồ của.

Hạ Chấn Xuyên bỗng nghĩ lóe lên tia hy vọng, người trở nên phấn chấn. Ông ta biết loài vật hiểu được chuyện của con người thấy chủ xảy ra chuyện không may, sẽ chạy về nhà. Không khéo bây giờ nó ở nhà rồi cũng nên!

Thành ra ông bươn bả đi một mạch về tới nhà xem, cái chuồng lừa trống trải người nhà thấy dáng vẻ lo sợ của ông, đều kinh hồn.

Hạ Chấn Xuyên bảo người nhà đi các nơi tìm kiếm. Tìm kiếm bốn hôm liền, chẳng thấy tăm dạng con lừa. Hết phương kế, đành vào thành phố trình báo cửa công.

Nhà học giả lắm tài Trương Diên, lúc đó làm huyện úy huyện Hà Dương. Ông nhận tờ trình của Hạ Chấn Xuyên.

Trương Diên sau khi tìm hiểu nguyên nhân của sự việc, đặc biệt chú ý đến hình thể, màu sắc diện mạo và tính nết của con lừa. Ông nhận định con lừa đi bốn hôm mà không trở về, chắc chắn đã bị kẻ trộm bắt, dù có tiếp tục đi tìm cũng khó mà thấy, phải tìm biện pháp khác.

Ông cầm bút lên, viết một tờ thông báo., cho người chép thành nhiều bản, dán khắp các thành phố và vùng

phụ cận. Tờ thông báo nói rằng, huyện nhà đang cần một con lừa đực to khỏe (theo sự mô tả của Hạ Chấn Xuyên), nội ba ngày ai hiến con lừa như thế sẽ được trọng thưởng, người nào có con lừa loại đó mà cố tình dấu diếm ắt phải chịu tội nặng, ai tố giác người che dấu cũng được thưởng.

Sau khi tờ thông báo được dán lên, cả nội, ngoại thành đều bàn tán sôi nổi về con lừa. Phàm nhà nào nuôi giống lừa như tờ thông báo miêu tả sẽ được khen thưởng, nhiều người xin hiến lừa. Không ít người cưỡi lừa đến trước cửa nha môn, đi đi lại lại, ồn ào náo nhiệt, trông như cái chợ bán lừa.

Trương Diên bảo Hạ Chấn Xuyên lẻn vào đám đông nhìn cẩn thận, suốt một ngày, chẳng tìm thấy con lừa của mình. Không phải nản lòng. Trương Diên an ủi ông ta, một ngày gần đây, chắc chắn sẽ nhận được tang vật, bảo ông ta cứ về nhà chờ đợi.

Hạ Chấn Xuyên nửa tin nửa ngờ, buồn bã trở về nhà.

Bước vào làng, đêm đã vào canh một ông ta nghe có tiếng chân lừa từ xa vọng lại, bèn dừng chân, qủa nhiên thấy con lừa cao lớn đi đến gần, nhìn kỹ, đúng là con lừa của nhà mình.

Ông ta cảm thấy lạ lùng, huyện úy Trương nói như thánh!

Nhưng trên lưng con lừa không những không còn cái yên, đến dây cương cũng biến đâu mất, nói gì đến túi vàng bạc giấu dưới yên.

Sự việc đã rõ ràng, con lừa bị tên trộm bắt, mấy hôm nay nghe dân làng bàn tán nhiều về chuyện con lừa, tên trộm sợ có người đi trình báo, lộ chuyện, bèn giấu kín túi vàng bạc, lừa lúc tối trời, thả con lừa ra. Bây giờ con lừa đã trở về nhưng tìm đâu ra túi vàng bạc?

Ông ta nhớ đến lời dự đoán của Huyện Úy nghĩ là quan huyện sẽ có kế hay, bèn vội vàng về nhà lấy dây cương nhảy lên lưng con lừa, phóng vào nội thành ngay trong đêm ấy. Hạ Chấn Xuyên đứng chờ trước cổng nha môn đến lúc trời sáng dắt lừa vào sân, xin được gặp Trương Diên. Trương Diên vui mừng nói:

"Qủa như dự đoán, rồi đây sẽ bắt được tên trộm lừa!".

Ông bảo Hạ Chấn Xuyên phải làm như lời ông dặn, cứ ở nhà đợi sai nha đến đi bắt tên trộm

Hạ Chấn Xuyên lúc này mới thấy được cái mưu trí tuyệt vời của huyện úy, vô cùng vui sướng cưỡi con lừa trở về nhà.

Về tới nhà ông cho cột chặt con lừa trong chuồng bắt nhịn ăn nhịn uống, mặc cho nó hý to, dẫm đạp, người nhà không đành lòng trước cảnh tượng đó, nhưng ông ta chỉ cười không nói câu nào.

Đêm thứ ba, hai tay sai nha đến. Hạ Chấn Xuyên mới thả con lừa ra khỏi chuồng, lấy lại dây cương để nó tự đi.

Con lừa bị nhịn đói ba hôm, vì người chủ không cho ăn uống bèn chạy thẳng đến nhà người chủ mà trước đó nuôi nó. Hai tay sai nha bí mật theo sát.

Đi được bảy tám dặm đường, con lừa bước ngoặt vào một làng dừng lại trước ngôi nhà ở mé đường đầu làng, hý to, đầu húc húc cánh cổng. Hai tay sai nha nép bên cổng, cổng vừa mở họ chạy sộc vào quàng dây thừng vào bụng chủ nhà. Nguyên hắn là tên trộm lừa.

Sai nha lục soát trong nhà tên trộm, thấy túi vàng bạc, và thấy cái yên và dây cương trong đống cỏ trước nhà hắn.

Theo "Chiết ngục quy giám" của
TRỊNH KHẮC đời Tống

VỤ ÁN ĐÁNH TRÁO VÀNG

Câu chuyện xảy ra vào dưới Đường, lúc Lý Miễn làm tiết độ sứ phủ Phượng Tường. Một hôm, một nông dân người ở một huyện trông phủ Phượng Tường, lúc đào đất bắt được một hũ vàng móng ngựa. Bác ta không hề muốn chiếm làm của riêng, bèn nộp lên huyện. Đây là số của rất lớn, huyện lệnh sợ xảy ra chuyện gì, hoặc sợ giữ không cẩn thận sẽ bị mất trộm bèn cho người đem về nhà mình cất. Tất nhiên như thế là chắc chắn nhất. Nhưng hôm sau, thật vạn vạn lần chẳng ngờ, mở hũ ra xem, thấy lớp trên là vàng móng ngựa còn lớp dưới đó toàn là đất. Hết sức kinh ngạc, huyện lệnh trố đôi mắt như hai cái đạc đồng. Miệng há hốc, không ngậm lại nổi, kêu:" Thế này là...Thế này là..."

Ai mà chẳng vô cùng kinh ngạc, mới hôm qua, lúc vàng móng ngựa vừa được đào lên, đàn ông đàn bà trong làng ai nấy đều kinh ngạc, mọi người đều múôn nhìn một tý thứ kim loại qúi hiếm trên đời. Bây giờ hầu hết là đất, huyện lệnh biết ăn nói sao đây? Chẳng bao lâu, có người trình báo việc này lên phủ Phượng Tường. Tiết độ sứ phủ

Phượng Tường Lý Miễn cũng nhanh chóng bắt tay vào việc xét xử vụ án này.

Việc này thật kỳ lạ. Huyện lệnh khó chối, đành thừa nhận mình đánh tráo vàng móng ngựa. Nhưng hỏi mất vàng móng ngựa ở đâu. thì không trả lời nổi.

Một hôm. Lý Miễn thết tiệc mời khách trên bữa tiệc, mọi người đều nhắc đến vụ án kỳ lạ này:" Lạ thật, chỉ có một đêm, vàng móng ngựa chuyển sang đất". "Ông huyện lệnh này cũng qúa thể, đem về là đánh tráo ngay, hà tất phải ấp a ấp úng".

Các quan khách bàn bạc sôi nổi, chỉ có viên quan tư pháp trẻ tuổi ngồi ở phía sau là Viên Tư, cúi đầu im lặng, dường như đang suy nghĩ việc gì đó.

Lý Miễn biết Viên Tư sáng suốt, tài giỏi hơn người, làm việc chín chắn, sành phân tích. Do đó hỏi Viên Tư:" Sao anh không có lời bàn về vụ án này?".

Viên Tư nói:" Tôi nghĩ chưa hết nhẽ!".

"Anh cho rằng ông huyện lệnh không đánh tráo vàng?".

"Viên Tư gật đầu: vâng, nếu ông ấy đánh tráo, sẽ không cất giấu trong nhà mình".

"Có lý. ngoài anh ra, chẳng còn ai có thể làm sáng tỏ vụ án này, phân biệt được cái thực, cái giả, tôi sẽ giao cho anh xét xử vụ án này, thế nào?".

Viên Tư nhận lời.

Do đó, Lý Miễn giao vụ án đã trình lên phủ Phượng Tường cho Viên Tư xét xử.

Viên Tư trước hết chưa hỏi cung chỉ làm công việc điều tra. Ông sai đem cái hũ đến, mở nắp ra, xem tỷ mỉ một lúc, cho người nhẹ nhàng lấy từng cục đất trong hũ ra, đếm được hơn hai trăm năm mươi cục. Mọi người hỏi ông làm thế nghĩa là sao, ông không trả lời chỉ truyền họ đến các hiệu vàng trong thành phố chung dụng ngần ấy thỏi, đúc thành những thỏi vàng móng ngựa theo kích cỡ và số lượng cục đất, đúc xong, lại cho hơn hai trăm năm mươi thỏi vàng ấy vào hũ, bắc lên cân được một nửa, đã thấy nặng tới hơn ba trăm cân.

Viên Tư noi:" Khỏi phải cân nữa đem trả lại vàng cho các tiệm".

Viên Tư lại hỏi mọi người:" Trong các người ai biết hôm ấy số vàng được đem đến huyện bằng cách nào?".

Một sai nha trong huyện nói:" Hai người gánh bằng đòn tre".

Viên Tư nghe thế, gật đầu, nói:"Ừ". Ông nhẩm tính, một nửa số vàng nặng tới hơn ba trăm cân, toàn bộ phải nặng tới hơn sáu trăm cân, gần bẩy trăm cân, một khối lượng vàng nặng như thế hai người cất sao nổi bằng đòn

tre? Giá cất nổi còn phải đi từ làng tới huyện chứ. Điều đó là chắc chắn không làm nổi, và bị đánh tráo trên đường đi. Tất nhiên huyện lệnh không phải là tội phạm.

Nhưng Viên Tư vẫn thầm trách huyện lênh. "Ông không đánh tráo nhưng cũng không nên nhận liều? Thôi nói ông bị oan nhận liều hại đến mình, còn tên trộm thực thụ kia có trốn thoát không? Tuy ông không phải là một quan tham, nhưng hoàn toàn thiếu năng lực đem về nhà mình một số vàng nhiều như thế, làm sao không đếm cẩn thận. Lờ mà lờ mờ...".

Hôm sau, Viên Tư viết bản báo cáo kể lại qúa trình điều tra vụ án, việc đúc và cân vàng, và phân tích rất tỷ mỉ tuyên bố huyện lệnh không làm chuyện đánh tráo, cải chính điều đó, nhưng cũng trách ông ta; sau đó liền xuống làng điều tra, làm rõ sự thật, bắt tên trộm đã làm cái việc đánh tráo vàng móng ngựa.

Lý Miễn xem cách phân tích của Viên Tư luôn gật đầu, khen:" Viên Tư giỏi! Tiền đồ rộng lớn!".

Đúng thế, về sau Viên Tư làm quan đến chức tướng quốc.

Theo" *Ích Chi biên*" của
TÔN NĂNG TUYỀN đời Minh

THẨM KHỞI PHƯỢNG

CUỘC HÔN NHÂN LẠ LÙNG

Chàng Văn Đăng, tên chữ là Đạo Ngạn, là người ở Vũ Khang, tỉnh Triết[1] Mười bảy tuổi vào trường hương học. Hỏi vợ người họ Bách, chưa cưới, vợ đã chết. Chàng u uất chán nản, bỏ học đi chơi xa, ý muốn tìm vợ khác. Ngẫu nhiên một buổi đến Phượng dương, gặp một đạo sĩ giữa đường, hỏi chàng tại sao đến đây? Chàng bèn nói ý mình. Đạo sĩ nói: "Anh muốn được vợ tốt thì cách đây ngoài mười lăm dặm, hướng đông nam tìm thế nào cũng gặp". Chàng tin, theo hướng đạo sĩ mà đi. Đến một nơi có diễn tuồng, người xem đông như kiến, không thể len chân được. Quay lại nhìn, dưới dặng liễu rủ, thấy thấp thoáng một góc lầu son nhỏ. Có một người con gái vén nửa rèm, nghiêng mặt lén nhìn, nhan sắc nõn nà, tia mắt sáng rực. Chàng nhìn đi nhìn lại, gần như khó tự chủ. Đến lúc mặt trời xế bóng về tây, và tuồng ngừng nhạc, chàng vẫn ngửa mặt nhìn lên lầu trống, không biết là người xem đã tan hết. Bỗng có người vỗ vai nói to: "Anh chàng ngốc nào ở đâu đến mà nhòm ngó buồng khuê

(1) Tức Triết Giang.

nhà người ta đây?". Chàng nhìn lại, thấy một người vạm võ, dáng hiên ngang, kéo tuột chàng lên nhà. Chàng run cả hai chân, tái mặt toan chạy, người ấy cười to, nói: "Nhát gan như thế mà cũng học đòi ong bướm! Nói thực với anh, đứa con gái trên lầu là con gái qúi tôi đấy. Nếu anh chưa có vợ ở nhà thì tôi bằng lòng gả cho". Chàng đổi sợ làm vui, vâng dạ xin theo mệnh. Lúc ấy mới đốt nến, bảo cô con gái trang điểm, ra cùng sinh vái chào rồi dẫn vào phòng. Dương toan kéo lại nói chuyện. Bỗng bà mẹ gọi cô gái đi. Sinh ngồi dưới bóng đèn, trong lòng trống trải. Đã sang canh hai, mới thấy từ phía đông, bên cạnh bình phong, cô gái đến một mình, soi vào gương, gỡ trâm thúy phượng và hai đóa hoa kim tước, cởi khăn phù dung, quần uyên ương, đứng tựa nghiêng thành giường, rút đôi hài thêu ra, đôi giày ngủ hơn ba tấc[1] màu đỏ, mềm, nghiêng mái tóc mà cười rồi bước vào trong màn trước. Sinh không kìm được lửa dục, vội nhảy lên giường ôm lấy. Thấy im phắc không người, chỉ có gối thêu lộn xộn và một đống chăn hoa mà thôi. Chàng ngạc nhiên qúa, không hiểu tại sao. Chàng ôm chăn nằm một mình, bàng hoàng suốt đêm đến sáng. Cô gái bước đến, chàng hỏi vặn. Cô ta im lặng không trả lời.

(1) Mỗi tấc bằng 0,032mét, ba tấc dài khoảng 0m1. Vì bó chân nên giày nhỏ.

Đến đêm, chàng nấp trong màn trước. Khuya rồi, cô gái mặc áo hồng ngắn, ngoài thắt lưng kim loan tía, tóc là lơi ra chiều trễ nải, lấy khăn đen cuốn lại. Phía dưới, quần thêu không khép lộ cả quần lót đỏ chóe, cầm hài vàng, tất đã tháo, bước tới. Cô ta vén màn trèo lên giường. Chàng vội ôm lấy vai, vừa xoay lại, đã như một đá tuyết xốp rơi xuống non Vu. Sờ đã im lặng không thấy tung tích đâu nữa. Là tiên hay là quỷ? Không thể thấy dấu bóng của cô ta. Mặt trời đã lên cao, đợi mãi cô ta không đến. Cô em gái là Dĩnh Cô ngẫu nhiên qua chỗ ở của chàng, chính lúc chàng đang khổ vì cô tịch, đứng bên gương nhấm bút viết chữ. Dĩnh Cô nhìn vào rồi hỏi: "Anh cũng đã đi học biết chữ đấy ư?" Chàng đáp: "Tôi tuy kém cỏi, nhưng lúc bé đã vào trường hương học, chẳng lẽ con nhà học trò mà lại không đọc sách viết chữ?" Dĩnh Cô xuýt xoa khen, chàng lấy làm ngờ, hỏi đi hỏi lại, Dĩnh Cô mới nói: "Tôi thương anh tuổi trẻ đẹp đẽ, sắp chết đến nơi rồi mà còn không biết!" Sinh qùy xuống nhờ bảo cho. Nàng đáp: "Nhà tôi bố mẹ chuyên dùng tà đạo để cướp của cải của người khác. Trước lúc đi cướp, tất phải giết một người để lễ thần, mở đường. Thường vẫn đem chị tôi ra làm mồi, tiếng gọi là vợ chồng mà chẳng bị nhuốm với ai cả. Tôi từ khi biết đến giờ, đã thấy bị lột chiếu đưa lên bàn cúng có lẽ hàng trăm hàng ngàn con trai rồi. Đêm nay lúc sao sáng rõ, sẽ đến lượt anh!" Sinh quẫn bách qúa, dập đầu

xin cứu giúp. Dĩnh Cô nói: "Tôi làm sao giúp anh được! Muốn giải ách nạn, vẫn phải có chị ấy!" Sinh hỏi cách nào? Đáp: "Sở dĩ chị ấy vừa lên giường đã chuồn mất là vì dưới đệm trải có lá bùa lục giáp, trên chằng ba mươi sáu sợi tơ xanh đỏ. Anh moi ra vứt đi, chị ấy không thoát thân được nữa. Khi đã thành vợ chồng thực sự rồi anh lấy tình nghĩa vợ chồng mà cầu cứu, tất sẽ tránh được tai nạn".

Sinh vâng nghe cẩn thận. Dĩnh Cô lén đi. Sinh giở đệm, qủa đúng như nàng nói, vội cầm vứt đi. Đến tối vợ vào, chờ cho nàng lên giường, cởi quần áo ôm chặt lấy. Cô gái chừng biết ý, nói: "Con ranh lắm lời! Làm hỏng việc nhà rồi! Nhưng cũng là ý trời!" Liền rúc vào lòng Sinh rồi vui vầy với nhau. Đoạn Sinh qùy ở đầu giường nhờ nàng cứu. Cô gái nói: "Trăm năm duyên phận, dù chết cũng theo, đợi gì chàng phải nói!". Vội trở dậy bắt một con gà trống buộc vào đầu gậy, dặn Sinh đặt lên vai mang đi. Cô ta nói: "Đi về hướng Bắc khoảng ba mươi dặm. Đợi gà gáy lần thứ nhất thì bỏ gà đấy mà chạy, quãng độ hai chục dặm nữa thì đợi thiếp sẽ đến, ta cùng đi".

Sinh ghi nhớ, bước đi. Cô gái giả vờ nói với bố. Bố giận lắm toan cưỡi ngựa đuổi theo. Cô ta nói: "Đuổi mà không bắt được, không bằng phi kiếm chém". Bố nghe lời ném kiếm ở sân vút đi như dải lụa trắng. Chẳng bao lâu

một chớp sáng lóe, keng một tiếng rơi xuống đất, thanh kiếm vẫn còn ướt nhoe nhoét vết máu. Lúc bấy giờ Sinh đã ra khỏi luỹ ấp, ước độ ba chục dặm đầu gậy con gà bỗng gáy, vội bỏ nó xuống đất. Chợt lóe một tia chớp trắng bổ xuống, con gà đã im bặt không gáy nữa.

Sinh lại đi hai chục dặm, gân cốt mỏi rời, ngồi nghỉ dưới gốc cây. Bỗng từ trên đám mây, một con hạc bay xuống, cô gái ngồi trên mình nó bước tới. Xem lại thì ra con hạc giấy. Cười, nói rằng:"Nạn lớn đã qua, xin quay về quê chàng" Sinh nói: "Còn cha nàng thì sao?" Cô gái đáp: "Tà đạo không có phép gì hơn, ngoài năm mươi dặm không thể làm gì được".

Đợi sáng thì đi, không đầy tháng đưa vợ về đến quê cũ. Sinh đóng cửa đọc sách, lúc rỗi lại cùng vợ chơi trốn nấp lấy làm vui. Một hôm có một người con gái tự nhiên chạy ùa vào trong nhà, nhìn lại thì ra Dĩnh Cô. Cùng đứng dậy hỏi tại sao? Dĩnh Cô nói: "Từ khi chị đi rồi, bố mẹ bắt em thay, em không chịu nên bố mẹ giận ngày nào cũng đánh đập. May bố đi hội Thiên Ma, thừa lúc vắng em trốn đi. Lại nghĩ mình lênh đênh yếu đuối, không có họ hàng thân thích nhờ vả được nên mới vừa đi hỏi thăm về đến đây dựa nhờ". Cô chị mừng qúa. Sinh nói: "Dì đến đây cũng rất tốt, nhưng qụa không ra qụa, phượng không ra phượng[1], đặt dì vào đâu cho phải!?" Vợ cười rồi nói:

1 ý nói không rõ danh phận.

"Tôi vốn không ngại, chàng phải báo ân đức, Nga Hoàng Nữ Anh[1] xưa kia đã thành lệ, có thể viện lẽ ấy được" Liền rút trâm hoa cài lên đầu Dĩnh Cô. Dĩnh Cô đỏ mặt từ chối nói rằng: "Em đến đây chẳng qua mong được chốn yên thân, có phải mong phận hèn được vào dôi uyên ương đâu?" Cô chị lấy lời phải trái khuyên bảo dỗ dành, mới không bàn ra nữa.

Đương lúc dắt vào làm lễ, bỗng đạo sĩ từ ngoài bước vào, cười mà rằng: "Lời ta bảo được vợ nay đã nghiệm chưa?" Sinh cung kính tạ hơn. Hai cô gái nhìn nhau kinh ngạc nói: "Giống thầy dạy cha chúng ta!" Đạo sĩ nói: "Phải rồi! Bố các ngươi học tiên không thành quay đi làm tà đạo. Lại nhờ phép phi phù độn giáp ta đã dạy, ngày ngày làm điều ác. Ta đã khuyên răn cho hối cải mà vẫn không chừa đến nỗi một sớm bị diệt. Ta tiếc lũ con gái không nơi nương tựa lại bị giết thảm nên mới đưa chàng vào cuộc, xoay xỏa giúp đỡ để bọn ngươi thoát khỏi cảnh nước lửa đó!" Hai cô gái khóc òa lên. Đạo sĩ bảo: "Đấy là ác báo của cha các ngươi, khóc nữa làm gì!" Liền phất tay áo bước ra. Về sau, Sinh ngầm thăm dò tin tức, qủa ngày hôm đó bị quan quân lùng bắt, chém đầu ở ngoài thành phía tây. Càng tin đạo sĩ qủa là thần thông.

MỘ THANH *dịch*

1. Hai chị em con vua Nghiêu cùng lấy một chồng là vua Thuấn.

DẶM ĐƯỜNG GAI GÓC

Chu Mộng Thuyên người ở Cối Kê, khi còn trong lót, bố đi sang đất Việt. trải hai mươi năm, bặt tuyệt tin tức. Chu vâng lời mẹ đi thăm dò âm hao. Đi được hơn hai tháng, còn xa mới đến Việt Đông, bỗng đường đi gập ghềnh lẫn và khe, hang, gai góc hàng vạn bụi, bịt tắc không biết đi đường nào. Có mấy người mũ áo, vướng mắc trong đó gai đâm vào chân, chọc vào áo, hình như không biết là khổ. Chu vén áo toan vào, bỗng thấy một ông già chống gậy tới, hỏi khách đi đâu. Chu nói là đi tìm cha. Ông già nói "Anh là con hiếu, phải đi vào đường khang trang, không nên đi vào đường gai góc". Chu hỏi: "Bọn các ông kia làm gì vậy?" Ông già đáp: "Họ ngày thường lòng nặng danh lợi, tự đi bừa vào đường tắt cho nên rơi vào chỗ gai góc, làm cho họ khốn đốn". Hỏi: "Sao không thấy họ khổ?" Ông già đáp: "Đường đời đều là gai góc vô hình, chỉ có người đứng ngoài là thấy, kẻ đã vào trong đó rồi đều không biết". Chu hỏi: "Sao cụ không mở lòng từ bi, trừ bỏ đi cho họ?" Ông già cười: "Đường gai góc trước kia có hai ngả, tôi đã trừ bỏ một ngả để lấy đường đi cho tôi trung, con hiếu đi lại. Không như họ bỏ đường chính mà không tự thấy" Chu hỏi nơi ấy, ông già đáp: "Gai góc ở phía trước, quay lại là đường đi".

Chu quay lại, qủa nhiên thấy đường đi rộng rãi rất bằng phẳng, liền theo đường ấy mà đi. Hai bên cây cối sum sê, đẹp đẽ lắm. Ông già nói: "Đây là loại trúc hiếu thuận Vương Tử Hãn, cây giao nhượng[1] Trương Mậu Tiên". Đến một bến đò, ông già gọi là bến Nghĩa, trên sông có con thuyền, gọi là Buồm từ, quanh thuyền là nước trong đầu nguồn mà không có sóng gợn. Ông già dắt Chu lên thuyền sang bờ bên kia, trên bờ có một khối đá khắc chữ vàng chóe, tựa như lối viết chữ "nòng nọc" cổ, Chu không đọc được.

Ông già nói: "Tục truyền, chốn cao nhất của Thiện theo đạo Phật cũng tức là chốn như nhà Nho nói cao nhất của Đạo". Đi thêm mấy dặm nữa, đến một cổng lớn viết ba chữ "Bất nhị môn" nhìn từ xa, phẳng như đá mài, thẳng như tên bắn, hai bên không có đường nào khác. Ông già nói: "Anh cứ từ đây đi, không phải lui, phải vấp gì nữa, cố gắng mà đi, có thể suốt đời không gai góc". Ông già liền đi. Chu từ cổng bước vào, chân bước đều là đường đá, sáng soi gương được mà không trơn chút nào, cứ ung dung sải bước; lúc đầu không thấy mệt mỏi lắm. Bỗng thấy bức vách chắn ngang, cây cối rậm rì, vươn lên cao vút. Chu trèo lên cây, tuột tay rơi xuống như chim nhạn rớt.

(1) Một loại cây lá dài, dày, xanh trên trắng dưới, lá non ra thì lá già rụng nên gọi là nhượng, nhường.

Ngồi dậy trông: cỏ non lối phẳng, hoa dại chen đường, lại giống như một thế giới khác lạ. có người tiều phu vừa đi vừa ngâm đi qua Sinh hỏi thăm mới biết là phía sau núi Tây Sơn đất Việt. Vội vào thành thăm dò tin tức tìm cha, tìm thấy được ở căn nhà phía đông viện. Thì ra bố phiêu bạt nơi đất khách, không mặt mũi nào quay về quê. Gặp nhau, cha con kể lể việc hai chục năm, ôm nhau mà khóc. Người đất Việt cảm lòng hiếu của Chu, truyền tụng nhau trong thôn, giúp chàng tiền quay về.

MỘ THANH *dịch*

ĐỊA NGỤC PHẤN SON

Dương Thế Luân, ở Hà Nam, là con nhà gia thế. Từ bé đã đính hôn với họ Cữu. Gặp lúc họ Cữu được bổ đi làm quan quận thú Nam Giang, Dương vâng lời mẹ, cũng đến Giang Nam để xin cưới. Giữa đường bị ốm ở nơi quán khách. Đương lúc ốm, hoảng hốt thấy bọn qủy dịch cầm trát đến bắt. Tới minh phủ, Diêm Vương tra đến tên tuổi quê quán không hợp liền mắng bọn qủy dịch: "Ta sai chúng bay đi bắt Vương Sĩ Luân[1] ở Hồ

1. Vương và Dương phát âm như nhau. Sĩ và Thế cũng phát âm như nhau nên chúng lầm. Hồ với Hà cũng tương tự.

Nam. Sao lại sai chệch đến vậy" liền đánh chúng rất đau, ra lệnh cho Dương lại về dương thế. Vừa ra khỏi điện bỗng gặp người bạn đã chết là Ân Trọng Kỳ, anh ta ngạc nhiên sao Dương lại đến chốn này. Dương thuật lại. Ân nói: "Tôi gần đây làm lục sự dưới điện Sở giang vương, nay may được rỗi. Anh về, sợ chưa biết đường, tôi sẽ đưa anh đi. Dương mừng lắm liền dắt nhau đi. Đi khoảng ba dặm, thấy một nơi lầu gác đẹp đẽ san sát ken nhau. Ngoài cổng có bọn con gái má phấn môi son, lấy áo che mặt đứng quần tam tụ ngũ, thấy khách lạ không sợ, không tránh gì lắm. Dương lấy làm lạ. Ân nói: "Đây là địa ngục son phấn". Dương hỏi: "Họ là những người như thế nào?" Ân đáp: "Bọn quan tể trên dương thế phạm vào hai chữ tham bạo, kẻ bị bại lộ thì chịu phép nước thẳng hoặc có kẻ lọt dưới âm ty bắt bọn vợ, con gái chúng bỏ vào thanh lâu để trả nợ nghiệt ấy. Nay, những cô tựa cửa bán cười kia đều là những kẻ nghìn vàng khuê các cả đấy!".

Đương lúc bùi ngùi than thở, một mụ ở cổng bên trái bước ra, hình như có quen thuộc với Ân, cười rồi nói rằng: "Qúy khách lâu không hạ cố đến chốn hèn mọn này, nay may có gió lành đưa lại, chẳng lẽ qua cửa không vào ư? Cố níu áo Ân kéo vào. Bất đắc dĩ Dương cũng phải vào theo. Lập tức có hai cô môi son má phấn cười cợt bước ra, tranh nhau thăm hỏi. Dương hỏi họ tên hai cô. Ân

nói: "Cô này là Thúy Quyên, cô này là Trại Nô, đều là những cô đẹp ở xóm Bắc".

Không bao lâu, mụ dầu dọn rượu mang tới. Các cô gái áo xanh áo đỏ kéo đàn đến ngồi. Rượu được vài tuần, Ân bảo Thúy Quyên hát để chuốc rượu. Thúy Quyên lại đẩy cho Trại nô. Trại nô mặt có vẻ giận, Thúy Quyên giục mấy lần, Trại nô nói: "Chị dựa vào ông bố làm huyện úy khinh bỉ áp chế đứa con gái nhà nha lại này chăng? Trên dương thế tuy có họ hàng, nhưng ở âm ti này thì cũng chỉ là chị em bằng vai, lấy lễ không thể chỉ huy tùy tiện, khiến người ta không chịu được". Thúy Quyên đỏ mặt, gượng lấy tay gõ phách, ca một khúc "Mộng Dương Đài". Trại nô nói: "Âm tiết loạn xị, nghe không thể được!". Thúy Quyên giận tái mặt, nói: "Ta sinh trưởng trong một gia đình có tiếng tăm, vốn không tập quen, có đâu như bố cô là kẻ bán táo ở Đông Sơ, dạy cô ê a được". Trại nô không thể nói lại, phất tay áo toan đứng lên. Ân và Dương hòa giải mãi mới người nào ngồi yên chỗ ấy. Bỗng ngoài cổng ồn ào, bọn quỷ dịch vâng lệnh Diêm Vương, áp giải một cô gái mới vào thanh lâu, xõa tóc kêu khóc, nét ngọc kinh hoàng. Dương vội đứng dậy nhìn, thì ra con gái họ Cữu, vợ chưa cưới của mình. Ngạc nhiên qúa, hỏi đầu đuôi, cô gái đáp: "Cha nhận tám trăm lạng vàng, hãm tội danh tiết cho người ta nên phạt thiếp xuống đây để đền khoản ăn

hối lộ. Nay chàng là khách ngồi trên, chẳng nhẽ không giúp một tay".

Dương bàn với Ân, Ân nói: "Cõi âm khác cõi dương, không phải đút lót mà thoát, tôi làm sao được!" Dương nghĩ nát ra mà không có cách gì, rất lo. Ở ngoài lại có tin báo ba xá nhân[1] của điện Cửu U[2]tới. bà dầu kính cẩn đón vào. Ân và dương đều lánh mặt. xá nhân cười nói rằng: "Nghe nói nhà mụ mới có "cây tiền" nên dặc cách mang đến mấy tấm gấm, chiếc trâm vàng để ra mắt người đẹp đây!" Mụ dầu cám ơn mấy lần, bảo cô gái vào buồng trang điểm. Cô gái quẫn bí qúa không nói được, chỉ lăn ra đất khóc. Dương thấy tình cảnh như vậy, lửa giận bừng lên, tiến thoái cập rập, nhờ Ân điều đình tạm. Ân gọi mụ dầu vào trong nhà, nói ý đó, mụ làm vẻ rất khó khăn. Liền đưa nhiều tiền, mụ dầu mới chịu nghe, ra nói thầm với xá nhân, cũng không biết là nói cái gì, xá nhân giận dỗi bỏ đi. Ân cũng dục Dương lên đường. dương nói: "Vợ tôi gặp điều chẳng may, bị cái nhục này, tôi còn mặt mũi nào sống trên dương thế nữa!" Cô gái cũng khóc. Ân nói: "Không xuống suối vàng, sao gặp được nhau? Trong việc này cũng có duyên trời đây. Xin hãy lấy chốn lầu xanh làm nơi động phòng hoa chúc cũng được". Liền bảo quét

1. Chức quan nội thị, coi việc trong cung.

2. Hiệu Diêm la.

dọn hiên động, bảo cô gái và Dương cùng vào nghỉ. Rồi cùng với Thúy Quyên, Trại nô kê giường ở tây hiên, liên miên suốt ngày đêm, hầu quên cả cõi âm ti.

Một hôm có một nha lại áo đen, mang trát đến, nói quan quận thú quyên tám trăm nén vàng để dựng trường nghĩa học, Diêm Vương cho thành hoàng thôn đến báo, cho cô gái trở về dương thế, đưa lên xe hấp tấp đi. Ân vòng tay chúc mừng Dương "Phu nhân về rồi, anh cũng đi thôi" Liền từ biệt nhà mụ dầu, đưa đi ba bốn chục dặm, đến quán trọ quay về.

Dương hoảng hốt như tỉnh mộng, thuốc thang mấy ngày rồi khăn gói đến nhà họ Cừu. Hỏi về việc mở trường nghĩa học, họ Cừu nói: "Tôi có ý định thế, nhưng chưa làm, sao anh biết được?" Dương kể lại đầu đuôi. Cừu ngạc nhiên. Hôm sau chọn giờ lành làm lễ. Đêm tân hôn, Dương kể chuyện trước để làm vui. Cô gái nhất định không nhận, nói rằng Sinh nằm mộng yêu quái, mình làm sao có chuyện ấy. Dương ngẫm ra lúc lâu, mà cửa động tìm xuân không thấy lục hồng chi nữa.

MỘ THANH *dịch*

BỒ TÙNG LINH

CON TẮC TẦU[1]

Khoảng đời Tuyên Đức, trong cung chuộng trò chơi tắc tẩu, hàng năm bắt dân nộp. Con vật ấy vốn không sinh sản ở miền tây. Có viên huyện lệnh Hoa Âm[2] muốn được lòng quan trên nên mới đem tiến một con, thử cho chọi thấy hay, nhân đó bắt cung nộp thường xuyên. Huyện lệnh lại bắt lý trưởng nộp. Bọn ăn chơi trong chợ được con nào tốt thì bỏ vào lồng nuôi, nâng giá lên, coi như món hàng lạ. Bọn hương lý gian manh lại dựa vào đó mà hà lạm của dân, mỗi lần phải nộp một con là khuynh gia bại sản mấy nhà.

Trong huyện có một người tên là Thành Danh, theo nghề nghiên bút, thi mãi không đậu, lại là người ăn nói

1. Con dế chọi. cách đây hơn năm mươi năm, ở một số thành phố, thị xã của ta cũng có trò chơi này, vẫn gọi là "tắc tầu" để phân biệt nó với các loại dế dũi, dế mèn, dế din. Tắc tầu cũng có nhiều loại, hung dữ nhất là loại nằm sát đường tàu hỏa hoặc trong hang rắn. Nuôi nó trong hộp, trồng cỏ, có hang cho nó chui vào, đêm để ngoài trời sương. Nuôi bằng cơm, thịt cua, và thục. Khoảng 1933-1934, giá đắt nhất lên tới 0,10 đồng, bằng nửa gánh gạo.

2. Hoa âm: một huyện thuộc Thiểm tây.

chậm chạp, nên bị bọn hương lý báo lên, xung làm sai dịch cho lý trưởng. Xoay xỏa đủ cách vẫn không thể thoát, chưa đầy năm gia tư còm cũng mất sạch. Gặp lúc trưng nộp tắc tầu. Thành không dám hạch sách các nhà dân, mà lại cũng không có gì bồi thường nên lo buồn muốn chết. Người vợ nói: "Chết thì có ích gì, chẳng bằng tự đi tìm lấy, họa may ra có được chăng". Thành lấy làm phải. Sáng đi chiều tối về, mang ống trúc, lồng tơ đến những nơi tường đổ, cỏ bụi, lật đá đào hang, không có cách gì không làm mà vẫn không bắt được. Dù cũng bắt được vài ba con thì lại yếu kém, không hợp quy cách. Quan huyện lệnh ra lệnh rất ngặt bắt tìm nộp, hơn một tuần bị đánh mấy trăm roi, hai bắp đùi sưng vù, máu chảy dầm dề đến nỗi không thể đi bắt dế được nữa. Nằm vật vã trên giường, chỉ nghĩ đến tự tử.

Lúc bấy giờ, có một người thày bói gù vào thôn biết bói thần giỏi lắm. Vợ Thành sắm sửa đồ lễ đến hỏi, thấy con gái bà già đứng bịt chặt cả cửa. Vào trong nhà, thấy buồng kín buông rèm, ngoài rèm bầy bàn ghế, những người đến bói thắp hương vào đỉnh, lạy vái, thầy bói ngồi bên, trông lên khấn khứa, miệng mấp máy không biết nói những gì, mọi người đều đứng lặng để nghe. Một lát, từ trong rèm ném ra một tờ giấy, tức là nói việc người ta cầu trong bụng, không sai một ly. Vợ Thành đặt tiền lên án, đốt

hương vái như người trước. Một lát, bức rèm lay động, một mảnh giấy ném rơi xuống, nhìn thì không phải chữ mà là tranh, trong vẽ ngôi điện, giống như ngôi chùa, phía sau dưới núi có những hòn đá hình dáng quái lạ, bụi gai tua tủa, có một con "thạch ma"[1] nằm phục ở dưới. Bên cạnh có một con nhái, dáng như sắp nhảy. Giở xem không thể hiểu, nhưng nhìn thấy con tắc tẩu, ngầm đúng như bụng nghĩ, liền cất giữ mang về cho Thành xem.Thành nghĩ đi nghĩ lại: "Có phải bảo cho mình biết chỗ bắt tắc tẩu chăng?" nhìn kỹ cảnh trong tranh rất giống "Đại Phật các" ở phía đông thôn, bèn cố dậy chống gậy, cầm bức tranh đến sau đền. Có một cái gò đất nhô lên, đi vòng quanh nó, những hòn đá lởm chởm, rõ ràng như tranh, bèn lắng nghe trong đám cỏ lác, từ từ bước đi như đi tìm kim, mà bụng, mắt, tai đều căng ra hết sức nhưng vẫn không thấy tăm hơi gì; còn đang lùng kiếm, một con nhái đột nhiên nhảy vọt ra, Thành càng ngạc nhiên, vội đuổi nó, nó nhảy vào bụi cỏ; lại theo hút mà vạch tìm. Thấy có một con dế nằm phục dưới một góc cỏ, vội vồ lấy, nó chui tụt vào hang đá. Lấy ngọn cỏ nhỏ khều, không chịu ra; lấy ống nước đổ vào mới ra, dáng rất nhanh, khỏe đuổi bắt được. Xem kỹ thấy mình to, đuôi dài, đầu xanh, cánh vàng, mừng lắm nhốt vào lồng mang về, cả nhà mừng rỡ

1. Tên một loại tắc tẩu.

tưởng như ngọc bích liên thành không bằng. Cho vào trong chậu nuôi bằng thịt cua trắng, qủa lật vàng, chăm sóc qúi hóa hết mực, để đợi kỳ hạn làm hết bổn phận.

Thành có đứa con trai lên chín, thấy bố vắng nhà, lén mở chậu, xem, con dế nhẩy vọt ra biến mất, nhanh không kịp bắt lại được, đến khi vồ được vào tay thì càng rụng, bụng vỡ, chết liền. Đứa bé sợ, khóc nói với mẹ. Mẹ nghe thấy thế, tái cả mặt, sợ hãi nói: "Thằng oan gia kia chết đến nơi rồi, bố mày về sẽ sửa cho mày!". Đứa bé khóc, chạy đi. Không bao lâu, Thành về, nghe vợ nói, đội băng tuyết giận dữ đi tìm con. Con mất hút không biết là đi đâu, mãi rồi mới thấy xác nó trong giếng, vì thế mà hết giận hóa buồn, kêu gào đứt hơi. Vợ chồng quay mặt vào tường, nhà không đun nấu, chỉ nhìn nhau yên lặng. Không còn mong mỏi gì nữa. Trời sắp chiều tối, đem cỏ quấn cho con để chôn, đến gần sờ vào thấy vẫn còn hơi thoi thóp, mừng rỡ đặt lên giường, nửa đêm tỉnh lại, vợ chồng trong bụng cũng được an ủi, nhưng thần sắc đứa bé như ngây dại, đờ đẫn chỉ muốn ngủ. Thành nhìn vào lồng tắc tẩu trống hoác thì nghẹn thở, đứt tiếng, cũng không nghĩ đến được con nữa, suốt từ chập tối đến sáng không sao nhắm mắt được, mặt trời đã lên cao vẫn còn nằm lì đau đớn.

Bỗng nghe ngoài cửa có tiếng dế kêu, giật mình ngồi

dậy nhìn thì thấy con dế rõ ràng vẫn còn, mừng qúa bắt lấy nó, nó kêu một tiếng rồi nhẩy vọt đi; chạy vội theo, lấy tay chụp trong tay lại tưởng như không có gì, vừa nâng tay lên thì nó lại nhảy vọt ra, rồi đuổi theo, vượt qua tường đã không biết nó đi vào đâu. Bồi hồi nhìn bốn xung quanh thấy con dế nằm phục trên tường, nhìn kĩ thấy nó bé nhỏ, mầu nâu đen, không phải là con trước. Thành thấy nó bé, cho là loài kém chỉ bàng hoàng nhìn ngó, tìm con mình đuổi; con dế nhỏ trên tường bỗng nhẩy lên tay áo. Nhìn nó giống như con dế dũi, cánh hoa mai, đầu vuông, cổ dài, có vẻ là loài tốt, mới mừng mà bắt lấy. Sắp nộp lên công đường lại thấp thỏm lo không được vừa ý quan trên mới nghĩ thử cho chọi xem sao. Trong thôn có chàng trẻ tuổi hiếu sự, nuôi được một con dế, đặt tên là con "xanh vỏ cua", ngày thường vẫn cho đấu với bọn đàn em, không con nào không bị thua; hắn coi nó như món lợi, nâng giá lên, cũng chẳng ai mua, bèn đến nhà Thành thăm. Thấy con của Thành nuôi, che miệng cười khùng khục rồi bỏ con của mình ra cho vào lồng bên cạnh. Thành thấy con dế ấy to khỏe, tự thấy hối tiếc thêm, không dám cho so tài. Chàng trẻ tuổi cố ép, Thành nghĩ lại: nuôi con vật kém cũng chẳng được việc gì, chẳng thà liều một trận cười. Bèn cũng thả con của mình vào chậu đấu. Con dế nhỏ nằm phục xuống, không động cựa, ngây ngô như con gà gỗ. Chàng trẻ tuổi lại cười vang, thử lấy túm lông lợn

gại gại vào râu con dế, nó vẫn không động đậy, chàng trẻ tuổi lại cười. Mấy lần gại gại, con dế nổi cơn giận, xông thẳng lên, rồi cắn đá nhau, hăng hái kêu lên một lát con dế nhỏ vọt lên cao, xòe cánh vươn râu sắp sửa cắn cổ con địch. Chàng trẻ tuổi ngạc nhiên qúa vội tách ra cho nghỉ, con dế nhỏ cất mình lên gáy[1] như báo cho chủ biết.

Thành mừng rỡ, còn đương đứng xem nó, bỗng một chú gà thoáng qua, bước lên toan mổ, Thành kinh hãi kêu lên, may nó mổ không trúng, con dế nhảy cao hơn thước, chú gà xấn bước đuổi sát, con dế đã ở dưới móng chú gà. Thành hối hả không biết cứu ra sao, chỉ dậm chân tái mặt, bỗng thấy chú gà vươn cổ ra lắc, giẫy; đến gần thấy con dế đứng ở trên mào nó, ra sức cắn không tha. Thành càng vừa mừng vừa sợ, vội bắt nhốt vào lồng. Ngày hôm sau mang tiến lên quan tể. Quan tể thấy nó nhỏ, giận mắng Thành. Thành kể lại cái lạ của nó, quan tể không tin, mới thử cho chọi với các con khác, các con khác đều thua cả. Lại thử với gà, qủa nhiên như Thành nói. Quan thưởng cho Thành rồi dâng lên quan đốc phủ. Quan đốc phủ mừng lắm, lấy lồng vàng dâng lên đức vua, lại viết sớ tâu rõ tài năng của con dế. Khi đã vào cung, tất cả các con khác do thiên hạ mang cống, loại bươm bướm, bọ ngựa,

1. "gáy" khi đánh nhau, tắc tầu thường cọ hai cánh vào nhau phát ra những tiếng crích-crích, như tự để cổ vũ. Tuy không phải âm thanh từ miệng phát ra nhưng vẫn gọi là gáy.

chán vẫn xanh, đầu mõ, tất cả các con lạ đều thử khắp lượt, không con nào hơn được nó. Cứ mỗi khi nghe tiếng cầm, tiếng sắp gẩy lên, nó lại theo nhịp là múa, càng lấy làm lạ. Nhà vua vui lòng lắm, hạ chiếu ban thưởng cho quan đốc phủ, ngựa tốt, áo đoạn, quan đốc phủ không quên nó từ đâu lại. Chẳng bao lâu quan tể cũng được tiến cử, quan tể mừng, miễn việc sai dịch cho Thành, lại dặn quan học xưa cho Thành đỗ đạt. Sau hơn một năm, con của Thành tinh thần lại trở lại như cũ , tự nói rằng: "Thân hóa làm tắc tẩu, nhanh nhẹn, chọi giỏi, bây giờ mới tỉnh". Quan đốc phủ cũng xử hậu với Thành. Chưa mấy năm mà ruộng hàng trăm khoảnh, lầu các liền sát, trâu, dê kể hàng ngàn, mỗi khi ra cổng thì ngựa xe, qúa nhà thế gia.

Dị sử thị bàn. Anh Thành kia, vì con một nhà nghèo, vì con tắc tẩu mà giầu, xe ngựa vênh vang, khi còn làm chức dịch trong xã chịu roi vọt, có nghĩ rằng được đến thế chăng? Trời báo đền cho kẻ đầy đặn nên khiến cho quan đốc phủ, quan huyện lệnh cũng được ơn ngầm của con tắc tẩu. Nghe câu "một người được phi thăng thì gà chó cũng thành tiên". Tin vậy thay!

(Trích trong Liễu trai chí dị)
Mộ Thanh dịch theo bản của Thương vụ ấn quán, có tham khảo bản của Cẩm Chương Đồ thư cục.

BỒ TÙNG LINH

NỐI LẠI MỘNG KÊ VÀNG

Hiếu liêm (học vị tương đương tú tài) họ Tăng, người tỉnh Phúc Kiến, đến kinh đô chờ vào bộ Lễ dự khoa thi. Nhân cùng mấy bạn thí sinh rủ nhau ra vùng ven đô ngoạn cảnh. Nghe nói chùa tỳ Lư có người thầy bói rất giỏi, bèn rủ nhau đi đến đó để bói. Tăng bước vào với nét mặt dương dương tự đắc. Thầy bói khúm núm chào hỏi. Tăng cầm quạt phẩy nhẹ hỏi rằng: "Số ta có phận mũ hoa, đai ngọc không?" - Thầy bói nghiêm chỉnh thưa lại: "Ôi! qúy số, ngài có hai mươi năm làm tể tướng". Tăng rất phấn khởi, niềm tự đắc càng cao. Gặp khi trời mưa nhỏ, cùng nhau lên chùa tránh mưa, trong chùa có một vị sư già, mắt sâu, mũi gồ, ngồi trên chiếu mà không đứng dậy đón khách. Bọn Tăng vái chào và trèo lên giường ngồi nói chuyện, lại đem câu chuyện tể tướng ra chúc mừng. Tăng vô cùng khoái trá chỉ vào bè bạn mà nói rằng: "Đợi khi ta làm tể tướng phải suy tôn Trương lão trượng (người thi cùng khoa ngang hàng tuổi cha) làm tuần phủ Nam Kinh, anh em trong nhà đều phong tướng, thân thích xa gần ít nhất cũng được cất nhắc

làm thiên bà (chức quan võ), như vậy mới thỏa chí bình sinh". Mọi người cả cười.

Ngoài trời mưa càng nặng hạt. Tăng thấy mỏi, nằm phục xuống giường. Bỗng thấy hai vị thiên sứ, đem chiếu chỉ viết tay của nhà vua triệu Tăng tham chính, trị nước. Tăng mừng rỡ, vội vàng vào chầu. Thiên tử ngồi trên ngai vàng, ân tứ cho Tăng được ngồi để đàm đạo. Nói chuyện ít lâu, vua rất vừa ý, bèn hạ lệnh phong Tăng làm tể tướng với thẩm quyền được bổ nhiệm, thuyên chuyển, bãi miễn các quan chức từ tam phẩm trở xuống và ban cho ngựa xe áo mũ. Tăng mặc triều phục lạy tạ lui ra. về đến nhà thấy không phải nhà cũ vẫn ở, mà là lầu son, gác tía, phủ đệ, kho tàng, nguy nga tráng lệ, không ngờ có sự thay đổi mau như thế. Bèn gọi nhẹ một tiếng, nơi nơi đều dạ ran như sấm.

Chốc lát đã thấy các vị công khanh mang lễ vật đến chào mừng, ai nấy đều cung kính khúm núm, cúi đầu, chắp tay. Vừa ra đến cửa thì các quan đứng đầu sáu bộ đã tới. Tăng đón mời vào nhà. Chỉ từ thị lang trở lên Tăng mới tiếp chuyện. Còn các quan hàng dưới chỉ nhận được cái gật đầu mà thôi. Quan tuần phủ Sơn Tây tặng mười người nhạc nữ, đều là mặt hoa, da phấn, đàn ngọt, hát hay. Trội hơn cả về tài và sắc là Hoa Hoa và Tiên Tiên; ngoài việc ca hát thì hai nàng này còn được Tăng cho hầu hạ tắm

gội chiếu giường.

Nhân một buổi nhàn rỗi, Tăng nhớ lại hồi còn hàn vi, được người thân hào trong làng là Vương Tử Lương thường chu cấp, giúp dỡ, nay Vương cũng đã nhẹ bước đường mây, nhưng hoạn đồ còn lận đận, phải ra tay tiến dẫn. Bèn viết sớ tâu vua xin cho Vương làm gián nghị đại phu. Lập tức được chuẩn y tuyển dụng. Lại nghĩ đến quan thái phó họ Quách thường nhìn Tăng với con mắt hận thù, Tăng bèn ri tai các quan cấp giáng họ Lã và quan thị ngự họ Trần, bọn này lĩnh ý, chỉ vài ngày sau, đàn chương (tờ chương kể tội) giao tới, phụng chỉ cách chức Quách thái phó đuổi về địa phương. Ân oán trả xong thỏa lòng, thỏa dạ. Ngày nọ có việc trẩy qua đường phố, nghi trượng uy nghiêm, có người say rượu vô ý xúc phạm, liền sai trói giải đến quan phủ doãn kinh thành. Lập tức kẻ đó bị đánh đòn chết tươi. Đất đai của dân mà gần phần đất tể tướng thì đành chịu ngậm đắng, nuốt cay mà mất trắng bờ xôi, ruộng mật. Dần dần nhà Tăng trở thành phú gia địch quốc. không bao lâu, cả Hoa Hoa và Tiên Tiên đều theo nhau ốm chết, Tăng sớm chiều thương nhớ. Bỗng nghĩ tới người con gái xóm Đông, mày ngài, mắt phượng, đẹp như trăng rằm, xưa kia vẫn thường ao ước. Bèn sai lũ lâu la tay dao, nách thước đem lễ vật đến cưỡng bức cầu hôn, chốc lát xe hoa đã đưa cô gái về nhà, Tăng thấy dung nhan nàng

càng đẹp hơn trước. tự nguyện bình sinh, thật là đầy đủ.

Lại qua một năm, các quan trong triều đã có hiện tượng thầm thì to nhỏ, bình nghị chê bai Tăng. Thấy vậy, một mặt Tăng gia tăng pháp luật, hình phạt ngày càng nghiêm, nhằm dập tắt dị nghị, mặt khác Tăng tỏ ra cởi mở, mời mọc, tiệc tùng, phóng tay mua chuộc. Có quan long đồ Học sĩ là Bao Công dâng sớ, lược ghi như sau:

"Trộm nghĩ: Tăng mỗ... vốn là kẻ:

Tài hèn, đức kém, rượu quán, bạc đường. Một lời xiểm nịnh, chín bệ yêu thương.

Những tưởng:

Vốn người ti tiện, buông thói ngang tàng, cuối mắt, đầu mày gây họa phúc, chân tơ, kẽ tóc rắc tai ương. Phẩm tước thấp cao nơi Triều chính, bán buôn dắt rẻ như thể thị trường.

Vì vậy:

Tướng, sĩ, công, khanh đều là dưới trướng, gian tham, độc ác, cũng thế một phường. Chứa chấp toàn điều phi nghĩa, dẫy rẫy những việc bất lương.

Nếu có kẻ:

Hiền thần, nghĩa sĩ, chính trực, kiên cường, dám không khuất phục, tỏ mặt can trường, nhẹ cũng bị giáng quan và thuyên chuyển, nặng ra thì cách chức về địa phương. Một

tay không giơ, ắt gặp mưu hươu, ngựa [1]*, nửa lời trái ý là đầy chốn sài lang. Triều đình trở nên cô lập, quần thần ai nấy chán chường.*

Và lại:

Dân đen đổ mồ hôi, nuôi tằm ăn rỗi, gái tơ có nhan sắc, bị hổ vồ mồi. Khi xấu mờ sông núi, nỗi oan tối đất trời. Bầy ưng khuyển đến đâu là quan nha im phép, một phong thư gửi tới là ty, viện vâng lời. Sớm hôm dâm đãng, chó ngựa đua đòi. Dân sinh, quốc kế, nước chảy, mưa trôi. Ôi! Trên đời có vị tể tướng như vậy a? Thần:

Lo âu sớm tối, sợ hãi hôm mai. mạo muội ngu thần triều tấu. Đèn trời thánh thượng sáng soi. Chặt đầu kẻ gian thần để răn đồng bọn. Tịch thu của phi nghĩa để thỏa mọi nơi. ý trời cũng thấu, lòng người cũng vui.

Dám quét chông gai, một lòng chung nghĩa. Cam chịu rìu búa lửa chữ đơn sai...vân vân..."

---

1. "Giơ tay" có nghĩa là biểu đồng tình. Vua Hán là Lưu Bang chết, Lữ Hậu cướp ngôi. Khi Lữ Hậu chết, quan thái úy là Chu Bột có ý khôi phục lại họ Lưu, đến đạo quân phía Bắc tuyên bố rằng: "Ai ủng hộ họ Lữ thì giơ tay phải, ai ủng hộ họ Lưu thì giơ tay trái". Quân sĩ đều giơ tay trái, họ Lưu lại phục hưng. từ đó thường dùng từ "giơ tay", biểu thị đồng tình.

"Mưu gian hươu, ngựa": đời Tần thủy hoàng, Triệu Cao định gây biến, nhưng sợ quần thần không theo, bèn dắt con hươu ra trước các quan nói rằng: "Đây là một con ngựa". Các quan sợ hãi đều nói là ngựa. Nhưng cũng có người thẳng thắn nói là con hươu,vì vậy mọi người sợ mà theo Triệu.

Số dâng lên. Tăng nghe thấy phách lạc, hồn xiêu, run rẩy như uống nước lạnh, may được hoàng thượng khoan dung, xếp việc không xét. Nhưng được Bao Công phát động, chương tấu đệ lên thẳng tay tố cáo. Vì vậy vua phải giáng chỉ, tịch thu gia sản xung công, đầy cả nhà Tăng xuống Vân Nam sung làm quân lính lao công. Con trai Tăng bổ nhiệm làm thứ sử huyện Bình Dương, cũng sai quân đến bắt để xét hỏi. Tăng nghe chỉ dụ thất kinh sợ hãi.

Thoáng cái, đã có mười người võ sĩ, đeo gươm, vác giáo đến thẳng nội thất, lột hết áo mũ, trói Tăng và vợ liền một dây. Của nả, tư trang đã được thu giữ, xếp đầy một sân; riêng vàng, bạc, tiền nong kể vài trăm vạn, mã não trân châu, vòng ngọc, kim cương cũng vài trăm đấu. Thậm chí tã lót trẻ con, đồ dùng phụ nữ vương vãi khắp nơi. Tăng nhất nhất đều trông thấy, đau đớn như dao cắt ruột. Một lúc nữa có người lôi vợ bé của Tăng ra, đầu tóc rối bù, mặt mày tiều tụy, lòng Tăng như lửa đốt, nhưng không dám nói năng gì. Đến khi lâu đài đã khóa cửa, kho phủ đã niêm phong, người giám giải quát bắt Tăng và vợ con đi ra, một lũ tù dây, mọi người im hơi lặng tiếng, dắt díu nhau ra ngoài đường. Vốn lên xe, xuống ngựa, đi bộ không quen, kêu xin một cỗ xe bò để đỡ chân cũng không được. Đi được hơn mười dặm, vợ Tăng đau chân ngã quỵ. Tăng

phải dắt tay cùng đi. Đi được hơn mười dặm nữa, bỗng thấy núi cao chót vót, vách đứng chắn ngang, coi như không thể vượt qua được. vả lại mặt trời hầu lặn, không chỗ trọ đêm, vì vậy giám quan thúc vợ chồng Tăng vượt lên, đến hang núi thì vợ Tăng kiệt sức không thể đi được nữa, khóc lăn ra bên đường, Tăng cũng hết hơi không thở được. Giám quan la mắng. Bỗng nghe thấy trăm tiếng ào ào, la hét, lũ giặc nhảy đến múa những lưỡi dao sắc như nước. Giám quan sợ hãi trốn chạy. Tăng bèn qùy rạp kêu rằng:

- Tôi là kẻ biếm quan, bị đày tới nơi chịu tội, trong túi không có một vật gì, trăm ngàn lạy xin được tha mạng.

Lũ giặc hét to rằng:

- Lũ ta đâu phải là trôm cuớp, đều là dân lành, chịu nhiều oan khổ vì mày, chỉ xin cái đầu của tên nịnh tặc, ngoài ra không yêu sách gì.

Tăng cũng giận mà mắng lại:

- Ta tuy có tội, nhưng là triều đình mệnh quan, lũ bay không được nói láo!

Bọn người tức giận, lấy đao lớn chém đầu Tăng, đầu vừa rời cổ, rơi xuống đất nghe tiếng "bịch" thì hồn đã lìa xác. Đang ngơ ngác bơ vơ thì thay hai qủy sứ đến, trói quặt tay lại và dẫn đi. Đi độ vài ba giờ thì đến một nơi đô hội, cung điện nguy nga, trên điện có một đấng vương

giả ngồi trên ghế phán quyết tội phúc. Vương giả mở hồ sơ liếc qua mấy hàng, nhìn Tăng đang phủ phục trước thềm, nổi cơn lôi đình quát rằng:

- Phạm tội dối vua, hại nước, cho vào vạc dầu.

Qủy sứ dạ ran nghe như sấm dậy. Một qủy lớn bê đến cuối thềm trước vạc cao gần bảy thước, bốn bề than hồng khiến cho chân vạc cũng đỏ. Tăng rất sợ hãi, kêu khóc, không còn đường nào lẩn thoát. Qủy sứ lấy tay trái tóm tóc, tay phải nắm mạng sườn ném tăng vào trong vạc. Tấm thân cô độc cứ theo sóng dầu sôi sục mà lên xuống, thịt da cháy bỏng, đau thấu tim gan. Dầu lọt vào mồm, nấu nung phủ tạng, muôn phần muốn chết, mà không sao chết được. Ước tàn một bữa cơm, qủy sứ mới lấy dùi nhọn xiên Tăng vớt ra, lại đem đặt dưới thềm. Vương giả lại truy cứu hồ sơ giận dữ nói rằng:

- Ỷ thế nạt người, chịu luôn hình phạt đao sơn.

Qủy lại lôi đi, đến một qủa núi không cao lắm, nhưng vách đá thẳng đứng, những chông nhọn tua tủa như măng mọc kín xung quanh. Trước đó đã có mấy người bị chông xuyên qua bụng, lủng lẳng bên trên, tiếng gào khóc thảm thương khôn cầm nước mắt. Qủy đẩy Tăng lên. Tăng khóc lớn và rụt lại, qủy lấy dùi nhọn đâm vào đầu. Tăng chịu đau và xin tha, qủy giận kéo Tăng dậy, giơ cao ném Tăng lên núi. Tăng tưởng mình bay vút lên mây rồi từ từ rơi

xuống, chông nhọn cắm vào bụng, lủng lẳng bên trên, đau đớn không thể kêu xiết. Thân người nặng đeo lơ lửng dần dần vết thương càng rộng miệng, một lúc lâu rơi tuột xuống đất, chân tay co dúm. Qủy lại đẩy đến trước mặt Vương giả. Vương giả sai tổng kê lại những khoản tham ô, hối lộ, bán tước, buôn quan Tăng đã trắng trợn cướp đoạt được là bao nhiêu, quy ra vàng. Lập tức các phán quan cầm bút tính toán và tâu rằng: "Ba trăm hai mươi mốt vạn lạng". Vương giả truyền: "Y đã tích lại, nay bắt uống hết". Một lát, tiền vàng được đem đổ đống lên thềm, cao như núi, cho vào một nồi gang lớn, đốt lửa nấu chảy. Từng lũ qủy sứ lấy gáo múc rót vào miệng Tăng, chảy ra ngoài thì phồng da, cháy thịt, lọt vào bụng thì chín ruột, sôi gan. Lúc bình sinh chỉ lo cướp bóc được ít, đến bây giờ thì lại sợ qúa nhiều, uống gần nửa ngày mới hết.

Vương giả truyền lệnh: "Cho đi Cam Châu, đầu thai làm kiếp con gái. Bèn lấy một giầm sắt chu vi đến vài ba thước, móc vào một bánh xe lửa, một vòng quay không biết bao nhiêu ngày đường, tia sáng tỏa năm màu chói lọi đêm tối. Qủy đuổi Tăng trèo lên bánh xe, chỉ trong chốc mắt bánh xe chuyển động, bỗng nhiên rơi xuống, toàn thân lạnh toát, ghé mắt trông ra thì đã là một đứa trẻ con, mà lại là con gái. Thấy cha mẹ gầy gò, ốm yếu, quần áo tả tơi, trong lều còn có bị gậy, thì bụng biết là con

người ăn xin. Bữa ăn hằng ngày no hay đói tùy theo bố mẹ xin được nhiều hay ít, thường thường ăn không được no, áo quần rách vá, mùa đông gió lùa rách thịt. Năm mười bốn tuổi, bán mình cho tên Tú tài họ Nguyễn là nàng hầu. Tạm được no ấm, nhưng vợ cả rất ư nanh ác, hằng ngày roi vọt như cơm bữa, có khi mụ dùng dùi sắt nung đỏ đốt cháy cả bụng và vú,. May được chồng có lòng yêu dấu tìm cách làm cho bớt phần đau khổ. Có một kẻ thiếu niên ở xóm Đông, dương đêm trèo tường vào bức dâm. Nhớ lại tiền thân làm nhiều việc bậy bạ, đã bị qủy thần trách tội, nay lại đi vào đường đó sao? Do đó cả tiếng kêu lên, chồng và vợ cả đều dậy, kẻ gian trốn chạy. Sau đó ít lâu, một đêm viên tú tài đến. Trong khi đang chung chăn gối, kể khổ kể đau, thì một tiếng động lớn, cửa phòng mở toang, hai kẻ trộm cầm dao nhẩy vào chặt đứt đầu tú tài: của cải, quần áo bị cướp hết. Nằm phục bên thây chồng, hãi qúa không dám kêu một tiếng. Khi kẻ cướp đã đi rồi, mới dám đến báo vợ cả. Vợ cả nghe tin cả sợ,khóc than vật vã, nghi cho vợ bé thông mưu với kẻ gian giết chồng, làm đơn trình quan. Quan thứ sử bắt và dùng cực hình tra tấn, định tội lăng trì xử tử. Giải đến pháp trường, khí oan tưởng như vỡ bụng bèn hét to: "Chín tầng âm phủ, mười tám cửa ngục, không đến nỗi đen tối như thế này!"...

Giữa lúc gào thét nghe tiếng bạn cùng đi chơi gọi rằng: "Anh nằm mơ hay sao?" Bừng mắt tỉnh dậy thấy vị sư già vẫn còn tĩnh toạ trên chiếu. Bạn cùng đi giục: "Ngày sắp tàn, bụng lại đói, ngủ say mãi a?" Tăng buồn bã đứng dậy. Nhà sư mỉm cười hỏi rằng:" Giấc mơ tể tướng đã nghiệm chưa?" Tăng kinh hãi sụp lạy và xin chỉ giáo. Nhà sư trả lời: "Làm việc nhân nghĩa, giữ gìn đạo đức, trong lò lửa có hoa sen xanh[2] kẻ sơn tam sao biết được".

ĐÀO VĂN TỰ *dịch*

---

1. "Trong lò lửa có hoa sen xanh": theo thuyết nhà Phật thì con người sinh ra như bị thiêu đốt trong lò lửa, nếu chịu khó tu nhân tích đức thì được thấy hoa sen xanh trong bể khổ. Ý nói là ăn hiền ở lành thì sẽ có qủa báo tốt đẹp.

Lúc ra đi, Tăng bừng bừng sinh khí, khi trở về thì âu sầu ủ dột, bao nhiêu tưởng vọng ngông cuồng đều tan biến hết. Sau đó Tăng vào núi mất tích không thấy trở về.

BỒ TÙNG LINH

THỤY VÂN

Thụy Vân là danh kỹ của đất Hàng(*). Nhan sắc tài nghệ có một. Năm tuổi vừa mười bốn, mẹ là mụ dầu họ Sái định cho nàng ra tiếp khách. Thụy Vân thưa rằng:

- Đây là lúc bánh xe đời con bắt đầu vần chuyển, không nên qua loa cẩu thả. Giá do mẹ định, nhưng khách thì xin cho con được tự lựa chọn.

Mẹ bảo được, rồi định giá mười lăm đồng vàng và hàng ngày ra tiếp khách.

Khách muốn gặp thì phải có lễ, lễ hậu được tiếp một ván cờ, và biếu trả lại một bức vẽ, lễ bạc thì giữ lại uống chén trà mà thôi.

Thụy Vân lừng tiếng đã lâu, từ đó các bậc đại thương, giới quyền quí, ngày ngày nối gót nhau vào cửa.

Trấn Dư hàng có người thư sinh họ hạ, tài danh nức tiếng đã lâu, mà gia tư chỉ vào bậc trung. Chàng vốn ngưỡng mộ Thụy Vân, nhưng chưa dám nghĩ đến giấc mộng uyên ương, cũng gắng hết sức sắm được chút ít lễ

(*) Tức hàng Châu, tỉnh lị Triết Giang.

mọn, chỉ mong một phen nhìn ngắm mặt hoa, mà vẫn thầm lo nàng trải đời đã nhiều, sẽ không đoái hoài đến một kẻ sĩ bần bách như mình. Đến lúc gặp mặt, trò chuyện dăm câu, nàng đã tiếp đãi rất mực ân cần. Ngồi nói chuyện giờ lâu, đầu mắt cuối mắt đã chứa chan tình ý. Lại tặng chàng bài thơ rằng:

Việc gì kẻ xin nước
Cầu Lam phải nện sương?
Có lòng tìm chày ngọc,
Ngay giữa chốn người thường(*)

Được thơ, chàng mừng rỡ như cuồng, còn muốn nói nữa, bỗng con hầu vào báo khách đến, bèn vội vàng từ biệt. Về nhà, đem bài thơ ra ngắm nghía ngâm nga, tơ lòng vương vít. Được một hai ngày cầm lòng không đậu, lại phải sắp sửa lễ vật rồi trở lại.

Thụy Vân đón tiếp niềm nở, dần dần ngồi dịch lại gần chàng, nét mặt rầu rầu mà rằng:

(*) Bốn câu này đại ý nói: muốn tìm nhân duyên hạnh phúc không cần gì phải lên tiên, chỉ tìm ở trần gian cũng có. Theo thần tiên truyện, Bùi Hàng đi qua Lam kiều lúc còn tinh sương, khát lắm, vào cái quán bên đường để xin nước uống. Bà lão chủ quán sai con gái là Vân Anh mang nước cho Hằng uống, bà nói muốn lấy Vân Anh thì phải tìm cho bà ta chày ngọc và cối ngọc, để bà giã thuốc trường sinh bất tử. Sau đó, Bùi Hàng tìm được chày cối ngọc, bà lão giã thuốc, uống thành tiên trước, Bùi Hàng Vân Anh uống sau, cũng thành tiên.

- Có thể lo toan được một đêm sum họp với nhau không?

Chàng đáp:

- Học trò túng kiết chỉ có tấm tình si là có thể đem tặng tri kỷ, sắm được cái lễ nhỏ mọn thì bao nhiêu tơ tằm đã rút hết; được gần mặt hoa là mãn nguyện lắm rồi, còn như tựa gió kề hoa dám đâu mộng tưởng.

Thụy Vân nghe nói chau mày không vui, hai người chỉ nhìn nhau mà không nói gì.

Chàng ngồi lâu không ra mụ chủ mấy lần gọi Thụy Vân, có ý thúc giục chàng về đi. Chàng bèn ra về, trong lòng rười rượi. Muốn khánh kiệt gia sản để chuốc lấy một lần vui, nhưng lại suy nghĩ, sum họp một đêm rồi phải ly biệt suốt đời, tình trạng ấy chịu làm sao nổi. Trù tính đến đây thì nỗi lòng hăm hở đều tiêu tan hết.

Từ đó bặt không có tin tức vãng lai gì.

Thụy Vân kén rể mấy tháng mà chưa chọn được nơi nào xứng đáng. Mụ dầu khá bực tức, rắp toan ép uổng duyên nàng nhưng cũng chưa ra tay. Một hôm có chàng tú tài(*) đem lễ biếu đến xin ra mắt, ngồi nói chuyện chốc

*. Chữ tú tài ở Trung Quốc không có nghĩa là một học vị dưới cử nhân, mà lúc đầu tên gọi khoa thi, về sau gọi chung người đỗ đạt. Dưới các đời Minh Thanh thì học trò được tuyển vào các trường phủ, huyện, đều bắt đầu được gọi là tú tài. Vì vậy, ở đây, tú tài chỉ có nghĩa như thư sinh, sinh viên, chư sinh.

lát liền nhỏm dậy, lấy ngón tay ấn lên chán nàng và nói: "Đáng tiếc, đáng tiếc" rồi bỏ đi.

Thụy Vân tiễn khách ra, trở lại, thì mọi người đều thấy trên trán nàng có dấu tay in đen như mực, càng rửa càng thêm rõ.

Sau đó vài ngày vết mực dần dần ;lan rộng, hơn một năm sau thì lan khắp trán, đến cả mũi nữa. Ai thấy cũng cười, mà từ đó, dấu vết xe ngựa ở ngoài cũng dần dần mất hẳn, mụ lột hết trang sức xếp nàng vào hàng ngũ con hầu. Thụy Vân vốn ẻo lả không đương nổi công việc tôi đòi, ngày càng thêm tiều tụy.

Hạ nghe nói, đi qua ghé vào thấy bù đầu ở dưới bếp, xấu xí như ma, ngẩng đầu thấy chàng thì ngoảnh mặt vào tường mà chánh.

Hạ đem lòng thương xót, bèn nói với mụ, muốn chuộc nàng về làm vợ. Mụ bằng lòng. Hạ bán ruộng và dốc hết hành trang vốn liếng mua nàng đem về. Đến nhà,nàng kéo áo lau nước mắt, không dám tự xem là người sánh vai với chàng chỉ xin giữ phận làm lẽ, để ngôi chính thất chờ người sau này. Hạ nói:

- Ở đời cái đáng quí là tri kỷ. Lúc khanh đang thịnh, khanh còn biết đến tôi, lẽ nào vì khanh xuy mà tôi lại quên khanh?

Rồi không chịu cuới ai nữa. Ai nghe nói việc này cũng cười cợt, nhưng với chàng mối tình càng thêm nồng thắm.

Được hơn một năm, Hạ ngẫu nhiên đến đất Tô, gặp chàng thư sinh họ Hòa, cùng trọ một chỗ. Bỗng dưng Hòa hỏi rằng:

- Danh kỹ đất Hàng là Thụy Vân gần đây ra sao?

Hạ đáp:

- Đã lấy chồng rồi.

Hòa lại hỏi:

- Lấy ai đấy?

Đáp:

- Người đó cũng đại loại như tôi.

Hòa nói:

- Được như anh thì có thể nói đúng người rồi đấy, không biết giá bao nhiêu?

Hạ nói:

- Mắc phải bệnh lạ nên cũng rẻ thôi, chẳng thế, như loại chúng tôi sao lại có thể mua được người đẹp.

Hòa lại hỏi:

- Người đó qủa thật có được như anh không?

Hạ thấy anh ta hơi lạ, nhân đó cũng căn vặn hỏi lại. Hòa cười mà nói rằng:

- Thực không giấu nhau nũa. Năm trước tôi từng được chiêm ngưỡng danh hoa một lần, rất lấy làm tiếc rằng tài mạo tuyệt vời mà lênh đênh không vừa đôi phải lứa, cho nên đã dùng một thuật mọn làm giảm bớt ánh hào quang và giữ gìn lấy vẻ ngọc, để dành lại đó chờ tấm gương soi thật mặt(*) của kẻ yêu tài.

Hạ vội hỏi:

- Anh đã chấm được thì cũng có thể rửa được chứ?

Hòa cười mà nói rằng:

- Người chồng của Thụy Vân tức là tôi đây!

Hòa mừng qúa, nói :

- Trong thiên hạ chỉ có người chân tài mới thật đa tình, không vì chuyện xấu đẹp mà thay đổi ý nghĩ. Anh cho tôi theo anh về nhà, tôi sẽ tặng anh một người đẹp.

Bèn cùng nhau về. Đến nơi, hạ bảo don rượu, Hòa vội gạt đi mà rằng:

- Để tôi làm phép trước đã, thì người dọn cỗ mới vui lòng chứ!

Tức thì bảo bưng lên một thau nước, lấy ngón tay thư(**)

---

*. Có những cái gương soi không thật mặt, người đẹp thành xấu, người xấu thành đẹp. Ở đây ví người yêu tài như cái gương soi thật mặt, phản ánh đúng người đẹp người xấu.

**. Người làm phép đưa tay viết lên không gọi là thư.

lên trên mà nói rằng:

- Rửa đi thì khỏi ngay! Nhưng phải thân ra tạ ơn người làm giúp đấy!

Hạ cười, bưng thau đi vào, đứng đợi Thụy Vân tự rửa mặt trong thau, tay đưa đến đâu thì sạch đến đấy, diễm lệ chẳng khác gì năm xưa.

Vợ chồng cảm cái hậu đức của Hòa cùng nhau ra ngoài tạ ơn, thì khách đã mất hút đâu rồi, tìm khắp nơi cũng không được.

Có lẽ là tiên chăng?

CAO XUÂN HUY *dịch*
(Truyện Thụy Vân, quyển X)

BỒ TÙNG LINH

QUAN PHÁN HỌ LỤC

Chu Nhĩ Đán, ở Lăng- dương [*], tự là Tiểu Minh. Tính hào phóng, nhưng vốn là người trì độn, nên học dẫu chăm, vẫn chẳng nên danh. Một hôm, nhân làng văn cùng nhau uống rượu đông đảo, có người bảo đùa rằng:

- Bác vẫn có tiếng là hào, nếu đêm khuya dám đến miếu Thập-vương cõng được ông quan phán ở bên hành lang phía tả về đây thì mọi người xin góp tiền làm bữa rượu thết đãi. Nguyên ở lăng-dương có điện Thập-vương, tượng các vị thần đều chạm bằng gỗ, tô điểm như sống, ở giải gỗ bên Đông có tượng quan phán đang đứng, mắt xanh biếc, râu đỏ, trông mặt lại càng nanh ác. Có khi, đêm nghe hai bên hành lang có tiếng tra khảo, ai đi vào đấy đều phải rợn tóc gáy. Vì thế cả bọn lấy việc khó khăn đó mà thách Chu. Chu cười và đứng dậy đi luôn.

Một lúc sau, ở ngoài cửa có tiếng gọi to lên rằng:

Tôi đã mời được vị Tôn sư rậm râu tới đây rồi!

---

*. Nay thuộc tỉnh An-huy

Mọi người cùng đứng cả dậy. Giây lát, chàng cõng ông phán quan vào, đặt lên trên bàn, bưng chén rượu mời ba lần. Chúng nhìn mà run cầm cập, đứng không yên chỗ. Lại xin chàng cõng đi. Chu bèn cầm chén rượu rót xuống đất, khấn rằng:

- Kẻ môn sinh này ngông cuồng, thô suất, đại tôn sư chắc lượng cho mà không lấy làm lạ. Chốn nhà tranh không xa nơi đây bao nhiêu, lúc nào gặp hứng xin ngài cứ lấy bảo lấy rượu uống, mong chớ khách tình.

Thế rồi lại cõng tượng đi. Hôm sau, cả bọn qủa thết rượu Chu.

Đến tối, Chu giỏ say trở về, chưa hết hứng, lại khêu đèn lên uống một mình. Bỗng có người vén rèm bước vào. Nhìn xem thì là quan phán. Chu đứng dậy nói rằng:

- Ôi! Ta có lẽ sắp chết rồi. Tối hôm trước chót liều nên bây giờ đến để giáng búa rìu đó chăng?

Ông phán vuốt ngược chòm râu rậm khẽ cười nói:

- Không đâu. Hôm nọ ngài có lòng tốt hẹn mời; đêm nay may được thong thả, xin y theo lời hẹn của bậc đại nhân mà đến.

Chu mừng qúa, kéo áo mời ngồi, rồi tự mình đi rửa cốc chén và đốt lửa. Ông phán nói:

- Tiết trời cũng ấm, có thể uống lạnh cũng được.

Chu xin vâng, đem bình rượu đặt lên bàn, rồi chạy xuống bảo người nhà sửa soạn đồ nhắm. Người vợ nghe nói, sợ qúa ngăn Chu đừng có ra. Chu không nghe, đứng đợi thức ăn dọn xong, rồi bưng ra. Cất chén cùng mời nhau xong mới hỏi thăm về tên họ. Ông phán nói:

- Tôi họ Lục, không có tên tự gì cả.

Cùng bàn về những điển tích xưa, ứng đáp rất lưu loát. Hỏi ông:

- Có biết văn chương kinh nghĩa hay không?

Đáp:

- Hay, dở ít nhiều cũng có phân biệt được. Việc học hành chữ nghĩa ở âm phủ, cũng với trên trần thế cũng có phần tương tự.

Lục uống rất hào, mỗi lần nâng chén, uống luôn đến mười hớp. Chu nhân hôm ấy đã uống suốt ngày, thành ra say qúa, ngồi tựa ghế gục xuống ngủ đi mất. Lúc tỉnh dậy thì ngọn đèn tàn còn mờ mờ tỏ tỏ mà ông khách ma đã đi.

Từ đấy, cách vài ba ngày lại đến chơi, tình ý càng thân, có khi gác chân lên nhau cùng nằm. Chu đem văn bài cho Lục xem, Lục lấy son chấm một lượt, đều cho là chưa được hay.

Một đêm, Chu say, nằm ngủ trước. Lục vẫn ngồi uống

một mình. Bỗng nhiên trong giấc mộng say sưa, Chu thấy ở tạng phủ có hơi đau. Tỉnh dậy thì thấy Lục ngồi ngay ngắn ở đầu giường, mổ bụng mình ra, lôi ra những ruột và dạ dày, gỡ xếp thành từng lớp. Chu kinh hãi hỏi:

- Xưa nay không thù oán, sao lại đến giết nhau?

Lục cười đáp:

- Đừng sợ! Tôi thay dùm ông cái trái tim thông thái đó thôi.

Rồi cứ thong thả nhét ruột vào, lại ấp mép bụng lại. Sau cùng, lấy dải vải bọc chân bó vào ngang lưng cho Chu. Xong việc, nhìn trên giường cũng không giây tí máu nào. Ở chỗ bụng chỉ cảm thấy hơi tê đi mà thôi. Thấy Lục đặt một khối thịt ở trên bàn, chàng hỏi thì đáp:

- Đấy nguyên là trái tim của ông. Xem văn bài thấy không được hay, biết rằng trong lỗ tim ông bị tắc. Mới đây, ở dưới âm, trong ngàn vạn trái tim, tôi có chọn được một trái tốt, đã đem đổi vào cho ông rồi. Còn trái tim thay ra này, lại để bù vào số thiếu.

Nói rồi đứng dậy, khép cửa mà đi. Trời đã sáng, cởi bụng ra xem thì vết khâu đã liền mép, nốt chỉ đỏ vẫn còn rõ. Từ đấy, văn làm rất tấn tới, chữ nghĩa qua mắt đều không quên. Ít hôm sau, lại đưa văn cho Lục xem, Lục nói:

- Khá lắm rồi. Nhưng ông phúc mỏng, không hiển đạt lớn được. Chỉ đỗ thi hương mà thôi.

Hỏi:

- Bao giờ thì đỗ?

Đáp rằng:

- Năm nay tất đỗ đầu.

Chưa được bao lâu, thi khảo khóa đứng đầu. Đến mùa thu, vào thi hương, lại đỗ đầu nữa. các bạn học cùng xã vốn coi rẻ Chu, đến lúc thấy văn bài, nhìn nhau kinh ngạc. Hỏi kỹ ra mới biết có điều kỳ dị như thế. Chúng cùng nhờ Chu nói trước giúp hộ, để mong được làm quen với Lục. Lục nhận lời.

Cả bọn sửa một tiệc rượu thịnh soạn để đợi. Vừa hết canh một, Lục đến, râu đỏ phe phẩy lay động, mắt sáng quắc như chớp. Chúng hết hồn mất vía, răng đánh vào nhau lập cập, dần dần tháo lui hết. Chu bèn dẫn Lục về nhà, lại cùng uống với nhau.

Rượu đã ngà ngà say, Chu nói:

- Rửa ruột thay tim, được nhờ ơn đã nhiều. Còn có một việc muốn phiền đến nhau nữa, không biết có được chăng?

Lục bèn xin cho biết.

Chu nói:

- Tim ruột đổi được, thì đầu mặt thiết nghĩ cũng thay được. Nguyên người vợ kết tóc của tôi, phần mình mẩy không đến nỗi xấu, chỉ riêng đầu mặt thì không được mĩ miều cho lắm. Nếu muốn phiền đến lưỡi dao của ngài thì thế nào?

Lục cười đáp rằng:

- Được lắm, nhưng xin cứ thư thả để còn liệu.

Qua mấy hôm, vào lúc nửa đêm, Lục đến gọi cửa. Chu vội trở dậy mời vào. Đốt đèn lên, thấy ở vạt áo có bọc một vật. Hỏi kỹ, đáp:

- Lời dặn của ông hôm trước, thật khó mà tìm kiếm. Vừa đây, may được thủ cấp của một mĩ nhân, xin đem đến để đáp lại lời ông.

Chu mở ra xem, thấy máu cổ hãy còn ướt. Lục vội giục vào ngay đừng khiến cho gà chó kinh động. Chu lo đang đêm cửa đóng, nhưng Lục đến, một tay đẩy cửa, cánh cửa tự mở ra liền. Dẫn vào chỗ buồng nằm, thấy phu nhân đang nằm nghiêng mà ngủ. Lục đưa cái đầu cho Chu hãy ôm lấy, rồi rút từ trong giày ra một lưỡi dao nhỏ, trắng phau như thanh trủy thủ(*), giữ lấy cổ phu nhân, rồi dùng sức đưa lưỡi dao, như cắt một vật nát(**), dao đưa đến

*. Một loại đoản kiếm

**. Có bản là: "như cắt qủa dưa"

đâu đứt đến đấy, đầu rơi xuống bên cạnh gối. Kíp đưa tay đỡ cái bọc ở trong lòng Chu, lấy cái đầu mỹ nhân ra khớp vào trên cổ, xem xét thật ngay ngắn, rồi xoa miết cho liền dấu, đặt gối đỡ vào dưới vai, sai Chu đem cái đầu cắt ra, chôn ở một nơi nào thật yên ổn. Xong rồi bèn ra đi.

Vợ Chu tỉnh dậy thấy ở chỗ cổ hơi tê, hai bên vành cổ ngứa ráp, sờ xem, thấy máu đã đóng vẩy, sợ qúa, sai con hầu múc nước để rửa mặt. Con hầu nhìn thấy những vết máu ở trên mặt, cũng kinh hoàng rụng rời. Rửa xong, cả chậu nước đỏ lòm, ngẩng đầu lên thì mặt mày khác hẳn, lại càng khiếp đảm. Phu nhân cầm gương tự soi, cũng ngơ ngác, không hiểu ra sao cả.

Chu vào nói chuyện cho biết, rồi nhân ngắm nhìn thật kỹ, thì lông mày dài tới gần chân tóc, nụ cười xinh xắn đáng yêu, thật như người trong tranh vậy. Xem xét ở quanh cổ, có một đường ngấn đỏ vòng quanh, phần trên và phần dưới, nước da khác hẳn nhau.

Nguyên trước đây, nhà quan thị ngự họ Ngô, có người con gái nhan sắc tuyệt mỹ, chưa kịp cưới đã chết hai đời chồng, cho nên tuổi mười chín mà vẫn chưa gả chồng. Nhân tiết thượng nguyên(*) đi chơi điện Thập-vương; lúc bấy giờ người đi chơi khá hỗn tạp; trong đám đông có một tên côn đồ vô lại, nhòm thấy, thèm sắc đẹp của nàng, bèn

*. Tết rằm tháng Giêng

ngấm ngầm dò hỏi nhà cửa, rồi thừa hôm đêm bắc thang leo vào nhà, đào ngạch ở cửa buồng ngủ, giết một đứa hầu gái nằm ngay dưới giường cô chủ, cưỡng bức nàng cùng mình gian dâm. Cô gái ra sức chống cự, và kêu la thật to. Tên côn đồ tức mình lại giết nốt. Ngô phu nhân thoảng nghe tiếng huyên náo, gọi con hầu tớ xem. Nhìn thấy thây người, sợ đến rụng rời. Cả nhà đều trở dậy, khiêng thây đặt ở giữa nhà, để cái đầu bên cạnh cổ; một nhà kêu khóc suốt đêm không ngớt. Đến sáng mở chăn ra thì thấy thân vẫn còn đó mà đầu đã đâu mất. Bọn thị nữ bị đánh đòn khắp lượt vì cho rằng chúng canh giữ lơ đễnh, để đầu chôn vào bụng chó mất rồi. Thị ngự đành phải thưa trình lên quận. Quận nghiêm hạn tìm bắt hung thủ. Ba tháng rồi mà tội phạm vẫn không tìm ra. Dần dần có người đem việc lạ đổi đầu ở nhà họ Chu kể cho Ngô công nghe. Ngô lấy làm ngờ, sai nhà vú già tới thăm dò ở nhà ấy. Vừa vào, nhìn thấy phu nhân đã hốt hoảng bỏ chạy, về báo với Ngô công. Ngô công thấy con gái vẫn còn đấy, lạ lùng nghi hoặc không đoán được ra sao cả, cho là Chu dùng tà thuật giết con gái mình, bèn đến vặn hỏi Chu. Chu nói:

- Nhà tôi nằm mộng thấy đổi đầu, thật không hiểu vì sao lại thế. Bảo tôi giết chết con gái ông thì thật là oan.

Ngô không tin, kiện lên quan. Quan bắt người nhà của

Chu ra tra vấn, nhất nhất đều như lời Chu khai. Viên quận thú không làm sao giải quyết được. Chu quay về, cầu xin Lục nghĩ cách giúp hộ. Lục bảo:

- Không khó gì, để bảo người con gái tự nói ra.

Ngô công đêm nằm mộng thấy con gái về bảo rằng: "Con bị tên Dương Đại Niên ở Tô-khê giết hại, chứ không can gì đến ông hiếu liêm họ Chu. Ông ta chỉ vì không cho vợ là đẹp, nên quan phán họ Lục nên quan phán họ Lục mới đem đầu con đem đổi vào. Thế là thân con dẫu chết mà đầu vẫn được sống. Xin đừng có thù oán người ta làm gì."

Tỉnh dậy, thuật chuyện cùng phu nhân, phu nhân cũng cùng một giấc mộng như hệt. Bèn lên thưa chuyện với quan. Hỏi ra qủa có tên Dương Đại Niên. Bắt để tra, y liền cúi đầu nhận tội. Ngô bèn đến nhà Chu, xin được tiếp kiến phu nhân. Từ đấy, chàng thành con rể. Rồi Ngô lại đem đầu vợ Chu về hợp với thây con gái mà chôn.

Chu ba lần vào kinh đi thi, nhưng đều vi phạm trường quy mà bị hỏng. Từ đấy, tấm lòng ham muốn tiến đạt bằng sĩ hoạn nguội lạnh như tro.

Trải suốt ba mươi năm, một đêm kia, Lục bảo rằng:

- Ông thọ không lâu nữa.

Hỏi đến bao giờ thì đáp chỉ trông vòng năm ngày nữa thôi.

- Có thể cứu nhau được không?

Đáp:

- Đó là mệnh trời. Không người nào tư vị được. Vả lại, tự lấy con mắt đạt nhân mà xem xét thì sống với chết cũng vậy; cứ gì sống là vui mà chết là buồn?

Chu cho là phải, liền cho sắm sửa áo, đồ khâm liệm, quan quách, rồi ăn mặc chỉnh tề mà chết.

Ngày hôm sau, phu nhân đang khóc ở bên quan tài, bỗng Chu phấp phới từ bên ngoài đi vào. Phu nhân sợ. Chu bảo:

- Ta nay thực là ma, nhưng cũng không khác gì lúc sống. Nghĩ đến cảnh nhà, mẹ góa con côi, cho nên còn quyến luyến đấy thôi.

Phu nhân qúa đau thương, nước mắt ròng ròng chảy xuống trước ngực. Chu đứng bên khuyên giải thiết tha. Phu nhân nói:

- Đời xưa vẫn nói "chết đi sống lại" được, ông có thiêng sao không sống lại một lần nữa?

Chu đáp:

- Số trời đã định, có trái sao được?

Lại hỏi:

- Ở dưới âm phủ, làm việc gì?

Đáp:

Quan phán họ Lục tiến cử ta giữ chức dôn đốc việc án, có quan tước tử tế, cũng chẳng lấy gì làm khổ.

Phu nhân còn muốn nói chuyện nữa, Chu đã nói:

- Lục công cùng với ta về đây, hãy dọn cho bữa rượu.

Nói rồi đi ra ngay. Phu nhân theo lời sửa mâm rượu bưng ra. Chỉ nghe ở nhà ngoài tiếng nói cười, uống rượu, vẫn ăn to nói lớn y như lúc còn sống. Nửa đêm dòm xem thì đã đi biệt từ lúc nào.

Từ đấy, cứ vài ba ngày lại về một hôm, có khi ân cần ngủ lại. Các việc trong nhà có gì đều bảo ban hết. Đứa con trai tên là Vĩ, vẫn đến cho bố ẵm; đến bảy, tám tuổi, đêm đêm dạy con học dưới đèn. Con cũng thông minh, chín tuổi đã biết làm văn, mười lăm tuổi đã vào trường ốc, song vẫn không biết mình mồ côi cha. Nhưng cũng từ đó, bố về thưa dần. Có khi cả tháng chỉ về qua một lần mà thôi.

Một tối về, bảo phu nhân rằng:

- Từ nay sẽ cùng mình xa nhau mãi mãi.

Hỏi đi đâu thì đáp:

- Vâng mệnh thượng đế cho ta làm chức quan khanh ở núi Thái-hoa. Nay sắp đi xa, việc bận rộn mà đường đi thì cách trở, nên không thể về được nữa.

Hai mẹ con cùng ôm lấy mà khóc. Ông nói:

- Đừng nên thế! Con đã khôn lớn, nghiệp nhà còn có thể sống được. Xưa nay có đôi loan phượng nào sau trăm tuổi mà không chia lìa nhau?

Rồi quay sang nói với con:

- Hãy gắng làm người ngay, đừng để đổ nát nghiệp của cha. Sau mười năm nữa lại sẽ có lần gặp gỡ.

Nói rồi ra cửa đi thẳng, từ đấy thôi không thấy gì nữa.

Về sau, năm Vĩ hai mươi tuổi, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức hành nhân, phụng mệnh đến tế ở núi Tây-nhạc. Đường đi qua huyện Hoa-âm. Bỗng thấy có ngựa xe, theo sau là những người cầm lọng chim trĩ, ruổi rong xông vào giữa đoàn nghi trượng. Lấy làm lạ, nhìn kỹ người trong xe, thì ra là bố. Liền xuống ngựa, khóc, quỳ xuống bên đường. Bố dừng xe, bảo rằng:

- Con làm quan có tiếng tốt, ta có thể nhắm mắt được!

Vĩ nép mãi không dậy. Chu dục xe đi mau vun vút, không nhìn lại. Đi cách mấy bước, mới quay đầu ngó, rồi cởi thanh bội đao sai người đem lại tặng con. Từ xa nói:

- Đeo vào thì được sang đấy.

Vĩ muốn chạy theo, thấy người, ngựa lướt đi như gió, chớp mắt đã không thấy nữa. Buồn bã một lúc lâu, rút thanh đao xem, thấy chế tác rất tinh xảo, có khắc một dòng chữ nhỏ rằng: "Gan muốn to, tâm muốn nhỏ, trí

muốn tròn, hành muốn vuông"(*)...

Vĩ sau làm quan đến chức tư mã, sinh năm con trai là Trầm,Tiềm, Vấn, Hồn, Thâm. Một đêm, mộng thấy bố về bảo rằng "Thanh bội đao nên cho thằng Hồn". Vĩ theo lời. Hồn sau làm quan đầu tỉnh, có tiếng về chính tích tốt.

TẢN ĐÀ *dịch*
(Truyện Lục phán, Quyển II)

*. Lời Tôn Tư Mạo đời Đường.

MỤC LỤC

100 TRUYỆN NGẮN HAY TRUNG QUỐC

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGÔ VĂN PHÚ

Biên tập

VŨ ĐÌNH BÌNH

Bìa

VĂN SÁNG

Sửa bản in

In 1.000 cuốn, khổ 13x19 tại Công ty In và Văn hóa phẩm
Giấy phép xuất bản số: 109/328/CXB
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1998.

100
TRUYỆN NGẮN
HAY

TRUNG QUỐC

Tranh bìa: Luo Ping - TQ

Giá : 47.000